

# QUY HOẠCH TỔNG THỂ

Phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến  
2020, tầm nhìn đến năm 2050



**BÁO CÁO TỔNG HỢP**

MONITOR

# Mục lục

|   |                              |
|---|------------------------------|
| <b>GIỚI THIỆU</b>   | <b>6</b>                     |
| <b>1 Sự cần thiết phải xây dựng quy hoạch</b>   | <b>7</b>                     |
| <b>2 Mục tiêu của xây dựng quy hoạch</b>  | Error! Bookmark not defined. |
| <b>3 Sứ mệnh của xây dựng quy hoạch</b>   | <b>7</b>                     |
| <b>4 Cơ sở để xây dựng quy hoạch</b>  | <b>7</b>                     |
| <b>PHẦN THỨ NHẤT: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG THỨC TIẾP CẬN MỚI TRONG NGHIÊN CỨU LẬP QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI TỈNH HÀ TĨNH</b> | <b>9</b>                     |
| <b>1 Lời nói đầu: Tổng quan phương pháp luận và cách tiếp cận</b>   | <b>10</b>                    |
| <b>1.1 Khả năng Cạnh tranh và Thịnh vượng về Kinh tế</b> .....  | <b>10</b>                    |
| <b>1.2 Sáng tạo và các Giai đoạn của Phát triển Kinh tế</b> .....   | <b>11</b>                    |
| <b>1.3 Yếu tố Quyết định Môi trường Kinh doanh Cạnh tranh và Phát triển Cụm ngành</b> .....   | <b>11</b>                    |
| <b>1.4 Vai trò của Chính phủ và các Tổ chức</b> .....   | <b>13</b>                    |
| <b>1.5 Vai trò của Cụm Ngành</b> .....  | <b>14</b>                    |
| <b>1.6 Phương pháp Nghiên cứu</b> .....   | <b>16</b>                    |
| <b>PHẦN THỨ HAI: CÁC YẾU TỐ, ĐIỀU KIỆN VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI TỈNH HÀ TĨNH ĐẾN NĂM 2010</b>  | <b>18</b>                    |
| <b>1 Đánh giá các Điều kiện Phát triển Hiện nay của tỉnh Hà Tĩnh</b>  | <b>19</b>                    |
| <b>1.1 Tài nguyên Thiên nhiên</b> .....   | <b>19</b>                    |
| <b>1.2 Cơ sở Hạ tầng Vật chất</b> .....   | <b>27</b>                    |
| <b>1.3 Lao động và nguồn nhân lực</b> .....   | <b>37</b>                    |
| <b>1.4 Phát triển xã hội</b> .....  | <b>41</b>                    |
| <b>1.5 Văn hóa, Thể thao, Du lịch và Truyền thông</b> .....   | <b>51</b>                    |
| <b>1.6 Lao động và Dịch vụ Xã hội</b> .....   | <b>52</b>                    |
| <b>1.7 Tổng quan về Ngân sách của Hà Tĩnh</b> .....   | <b>54</b>                    |
| <b>2 Đánh giá Quy hoạch Tổng thể Phát triển Kinh tế - Xã hội tỉnh Hà Tĩnh Giai đoạn 2001-2010</b>   | <b>56</b>                    |
| <b>2.1 Tổng quan Tình hình Kinh tế Hà Tĩnh 2001–2010</b> .....  | <b>56</b>                    |
| <b>2.2 Tổng quan Tình hình Xã hội và Văn hóa Hà Tĩnh 2001–2010</b> .....  | <b>61</b>                    |

|   |            |
|---|------------|
| <b>3 Đánh giá Tổng thể Hà Tĩnh</b>  | <b>64</b>  |
| 3.1 Đánh giá Thành tựu.....   | 64         |
| 3.2 Đánh giá Hạn chế.....   | 65         |
| 3.3 Nguyên nhân và Lý do.....   | 68         |
| 3.4 Phân tích Tình hình so với Cả nước và Khu vực Duyên hải Bắc Trung bộ.....   | 69         |
| <b>4 Đánh giá Điểm mạnh và Hạn chế trong Phát triển Kinh tế Xã hội của Hà Tĩnh theo Phương pháp Năng lực Cạnh tranh</b> | <b>70</b>  |
| 4.1 Giai đoạn Phát triển của Hà Tĩnh.....   | 71         |
| 4.2 Nền tảng kinh tế vi mô.....   | 72         |
| <b>5 Dự báo Tác động của Bối cảnh Trong nước và Quốc tế tới Phát triển Kinh tế Xã hội Hà Tĩnh trong Tương lai</b>       | <b>80</b>  |
| 5.1 Các xu hướng Phát triển và Kinh tế Quốc tế chủ đạo.....   | 80         |
| 5.2 Bối cảnh Trong nước: Sự Phát triển Kinh tế của Việt Nam.....  | 85         |
| 5.3 Bối cảnh Phát triển của Khu vực Duyên hải Bắc Trung Bộ.....   | 89         |
| 5.4 Bối cảnh Phát triển của tỉnh Hà Tĩnh trong Giai đoạn Tiếp theo.....   | 91         |
| <b>PHẦN THỨ BA: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI HÀ TĨNH TỚI NĂM 2020, TẦM NHÌN 2050</b>                            | <b>93</b>  |
| <b>1 Định hướng Phát triển Kinh tế Xã hội của Hà Tĩnh</b>   | <b>94</b>  |
| 1.1 Quan điểm Phát triển.....   | 94         |
| 1.2 Nền tảng Thực tế cho Tăng trưởng.....   | 98         |
| <b>2 Định hướng Phát triển Cụm ngành Trọng điểm</b>   | <b>109</b> |
| 2.1 Phát triển Cụm ngành Sắt Thép.....  | 109        |
| 2.2 Phát triển Cụm ngành Nông nghiệp.....   | 126        |
| 2.3 Cụm ngành Thương mại, Vận tải và Hậu cần.....   | 188        |
| 2.4 Cụm Sản xuất Sản phẩm từ thép.....  | 228        |
| 2.5 Cụm ngành Dệt may và May mặc.....   | 235        |
| 2.6 Cụm ngành Xây dựng.....   | 244        |
| 2.7 Cụm ngành Giáo dục và Đào tạo.....  | 262        |
| 2.8 Cụm ngành Truyền thông.....   | 284        |
| 2.9 Cụm ngành Y tế.....   | 301        |
| 2.10 Cụm ngành Văn hóa - Thể thao - Du lịch.....  | 309        |

|  |            |
|--|------------|
| 2.11 Các cụm Khai khoáng khác .....  | 319        |
| 2.12 Hóa dầu .....   | 320        |
| 2.13 Phát triển Dịch vụ Tài chính, Ngân hàng và Bảo hiểm .....   | 322        |
| 2.14 Phát triển Xuất Nhập khẩu .....   | 324        |
| <b>3 Định hướng Bảo vệ Môi trường</b> .....  | <b>327</b> |
| 3.1 Tác động Môi trường của những Hoạt động Phát triển Kinh tế - Xã hội Chính.....   | 327        |
| 3.2 Định hướng Chung và Mục tiêu .....   | 329        |
| 3.3 Kế hoạch và Chiến lược Tổng hợp về Bảo vệ Môi trường và Giảm nhẹ Biến đổi Khí hậu .....                                  | 329        |
| <b>4 Định hướng Phát triển Cơ sở Hạ tầng Kỹ thuật</b> .....  | <b>336</b> |
| 4.1 Giao thông Vận tải .....   | 336        |
| 4.2 Thủy lợi .....   | 337        |
| 4.3 Cấp Nước .....   | 337        |
| 4.4 Xử lý chất thải rắn và nước thải sinh hoạt .....   | 341        |
| 4.5 Hạ tầng Liên quan đến Sản xuất và Truyền tải Điện năng.....  | 346        |
| 4.6 Thông tin và Truyền thông .....  | 349        |
| <b>5 Định Hướng Phát Triển Theo Lãnh Thổ</b> .....   | <b>350</b> |
| 5.1 Định hướng Sử dụng Đất .....   | 350        |
| 5.2 Phát triển Đô thị và các Điểm Dân cư Nông thôn .....   | 353        |
| <b>6 Định hướng Phát triển Không gian và Lãnh thổ theo Khu vực</b> .....   | <b>363</b> |
| <b>7 Các Chương trình và Dự án Kêu gọi Đầu tư</b> .....  | <b>368</b> |
| 7.1 Kế hoạch Đầu tư Giai đoạn 2011-2015 .....  | 368        |
| 7.2 Kế hoạch Đầu tư Giai đoạn 2016-20 .....  | 370        |
| 7.3 Danh mục Đầy đủ Dự án Đầu tư .....   | 372        |
| <b>PHẦN THỨ BỐN: CÁC NHÓM GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VÀ THỰC HIỆN QUY HOẠCH</b>   |            |
| <b>1 Nhóm Giải pháp Chính</b> .....  | <b>378</b> |
| 1.1 Nhóm giải pháp về Huy động Vốn đầu tư .....  | 378        |
| 1.2 Nhóm giải pháp Huy động các Cụm ngành Trọng điểm, Cơ sở Hạ tầng Liên quan, Cơ chế Chính sách và Phát triển Nhân lực..... | 386        |
| 1.3 Giải pháp thực hiện một môi trường kinh doanh đẳng cấp quốc tế .....   | 387        |

|   |            |
|---|------------|
| <b>1.4 Giải pháp về Khoa học, Công nghệ và Môi trường .....</b>   | <b>394</b> |
| <b>1.5 Giải pháp tăng cường hợp tác để hội nhập kinh tế cấp vùng, quốc gia và quốc tế.....</b>  | <b>398</b> |
| <b>1.6 Giải pháp Giảm nghèo.....</b>  | <b>399</b> |
| <b>1.7 Giải pháp Quản lý và Giám sát Chương trình Hiệu quả Đảm bảo Quá trình Thực hiện Minh bạch, Kịp thời và Phù hợp với Ngân sách .....</b> | <b>400</b> |
| <b>2 Khuyến nghị và Chương trình Hành động để Thực thi Kế hoạch</b>   | <b>403</b> |
| <b>2.1 Chương trình Hành động.....</b>  | <b>403</b> |
| <b>2.2 Tổ chức thực hiện quy hoạch.....</b>   | <b>409</b> |
| <b>PHẦN THỨ NĂM: DANH MỤC VIẾT TẮT</b>  | <b>414</b> |
| <b>PHẦN THỨ SÁU: TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>   | <b>414</b> |

# GIỚI THIỆU

---

## 1 Sự cần thiết phải và mục tiêu xây dựng quy hoạch

Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm đảm bảo sự thống nhất giữa quy hoạch phát triển của Tỉnh với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực cả nước và quy hoạch vùng lãnh thổ; khai thác, phát huy tối đa tiềm năng lợi thế cạnh tranh của tỉnh. Quy hoạch do UBND tỉnh Hà Tĩnh hợp tác với Tập đoàn Monitor (Mỹ) và Công ty Urbis (Hong Kong) xây dựng.

Quy hoạch không chỉ để gắn kết việc phát triển trong tương lai của Hà Tĩnh với các mục tiêu chung của quốc gia và vùng lãnh thổ, mà còn để áp dụng những kỹ thuật tiên tiến nhất trong xây dựng quy hoạch phát triển bền vững nhằm giúp tỉnh tăng trưởng với tốc độ nhanh. Quy hoạch sẽ đưa ra định hướng phát triển nhằm khai thác các tiềm năng, lợi thế cạnh tranh, cải thiện cơ sở hạ tầng và phát triển công nghiệp; thúc đẩy sự hội nhập của Hà Tĩnh với cả nước và khu vực.

## 2 Sứ mệnh của xây dựng quy hoạch

Quy hoạch tập trung cao vào phát triển cả kinh tế và xã hội của tỉnh, đồng thời vạch ra chiến lược rõ ràng để phát triển 2 lĩnh vực trên. Toàn bộ quy hoạch xoay quanh 4 mục tiêu chính sẽ dẫn dắt tăng trưởng trong tương lai của tỉnh:

**Thịnh vượng:** một nền tảng phát triển kinh tế xã hội nhanh và bền vững;

**Cơ hội:** một xã hội có tỷ lệ nghèo đói ở mức tối thiểu, chất lượng sống của người dân không ngừng được nâng cao, là một trong những tỉnh có chất lượng cuộc sống của người dân tốt nhất cả nước;

**Bền vững:** một tỉnh có nhận thức tốt về môi trường, có trách nhiệm với tài nguyên thiên nhiên và văn hóa, vượt qua được những thách thức của môi trường khí hậu;

**Tinh hữu nghị:** một trung tâm đầu mối trong quan hệ của Việt Nam với Lào, liên kết với Thái Lan và các nước khác trong khu vực.

## 3 Căn cứ để xây dựng quy hoạch

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cả nước đến năm 2020;
- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 16/8/2004 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng vùng Bắc bộ và Duyên hải Trung bộ đến năm 2010;
- Quyết định số 1107/2006/QĐ-TTg ngày 21/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam đến năm 2015 định hướng đến năm 2020;
- Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09/02/2007 của Bộ Chính trị về Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020;
- Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 18/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tuyến đường bộ ven biển Việt Nam đến năm 2020;
- Quyết định số 10/2008/QĐ-TTg ngày 16/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2020;

- Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 20/11/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển giao thông đường sắt Việt Nam đến 2020, tầm nhìn 2050;
- Quyết định số 35/2009/QĐ-TTg ngày 03/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chiến lược phát triển giao thông vận tải Việt Nam đến 2020, tầm nhìn 2030;
- Quyết định số 176/2004/QĐ-TTg ngày 05/10/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển ngành điện Việt Nam giai đoạn 2004-2010, định hướng đến 2020;
- Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 16/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2020;
- Quyết định số 30/2008/QĐ-TTg ngày 22/2/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới khám chữa bệnh đến 2010, tầm nhìn đến 2020;
- Báo cáo về kế hoạch phát triển và bảo vệ rừng Hà Tĩnh giai đoạn 2008-2020;
- Quyết định số 19/2010/QĐ-TTg ngày 03/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động của Khu Kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh;
- Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 15/2/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể đường Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 52/2008/QĐ-TTg ngày 25/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Quy hoạch phát triển Khu kinh tế cửa khẩu năm 2020;
- Quyết định số 1353/QĐ-TTg ngày 23/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Quy hoạch phát triển các khu kinh tế ven biển của Việt Nam đến năm 2020”;
- Quyết định số 73/2006/QĐ-TTg ngày 04/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển các ngành công nghiệp Việt Nam theo lãnh thổ đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020;
- Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;
- Công văn số 774/TTg-ĐP ngày 14/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về thuê tuyển tư vấn nước ngoài cho xây dựng kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Hà Tĩnh ;
- Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội;
- Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 01/1/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định Số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006 của Chính phủ;
- Nguồn dữ liệu thống kê của Tổng cục thống kê, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê Hà Tĩnh, các Sở ngành và các huyện, thành phố.



# PHẦN THỨ NHẤT

**Giới thiệu tổng quan về phương pháp luận mới và phương thức tiếp cận mới trong lập Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh**

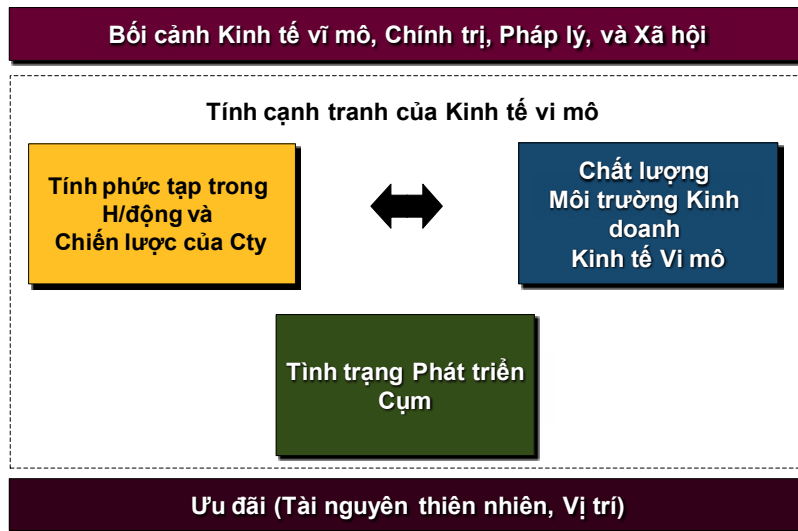
# 1 Lời nói đầu: Tổng quan phương pháp luận và cách tiếp cận

Để lập quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, báo cáo này sử dụng những lý thuyết kinh tế học đã được công nhận trên toàn thế giới làm cơ sở. Các phương pháp luận sử dụng trong báo cáo sẽ được giải thích trong các nội dung dưới đây.

## 1.1 Khả năng Cạnh tranh và Thịnh vượng về Kinh tế

Sự thịnh vượng kinh tế của 1 vùng lãnh thổ phụ thuộc vào khả năng cạnh tranh của vùng đó, khả năng này phụ thuộc vào năng lực sáng tạo để nâng cao năng suất. Mặc dù thể chế nhà nước ổn định và chính sách kinh tế vĩ mô tốt vẫn là những yếu tố cần thiết để tăng trưởng kinh tế, nhưng chưa đủ để đảm bảo sự thịnh vượng về kinh tế. Các yếu tố như thay đổi chính trị, biến động giá, và đầu tư nước ngoài ngắn hạn có thể thúc đẩy GDP trong thời gian ngắn, nhưng chỉ có khả năng cạnh tranh và năng suất mới có thể đảm bảo sự thịnh vượng kinh tế lâu dài. Do đó, các nền kinh tế cần xây dựng và nuôi dưỡng môi trường kinh doanh kinh tế vi mô có tính cạnh tranh, cho phép các doanh nghiệp cạnh tranh và thúc đẩy tăng trưởng thông qua việc giải phóng sức cạnh tranh trong nội bộ.

**Hình1: Các nhân tố Quyết định Khả năng Cạnh tranh**



Nguồn: “Nền tảng Kinh tế Vi mô cho sự Thịnh vượng: Kết quả từ Chỉ số Cạnh tranh Kinh doanh,” Trường Kinh doanh Đại học Harvard (2008)

Như đã thấy trên đây, nền tảng kinh tế vi mô cho năng lực cạnh tranh được chia thành 3 lĩnh vực chính như sau:

- Tính phức tạp và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong và ngoài nước
- Chất lượng môi trường kinh doanh vi mô chi phối hoạt động của các doanh nghiệp này, và
- Tình trạng phát triển các cụm ngành để có thể mang lại nhiều lợi ích hơn thông qua mạng lưới các ngành có liên quan đến nhau, các ngành công nghiệp phụ trợ và các thể chế liên quan.

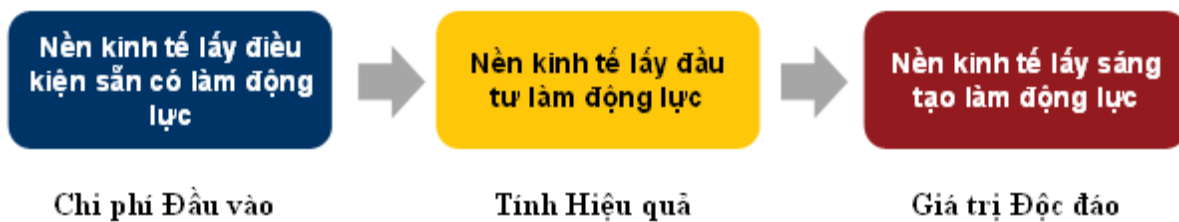
Cùng với bối cảnh kinh tế vĩ mô và sự ưu đãi của thiên nhiên, 3 lĩnh vực trên quyết định tiến độ đạt được thịnh vượng của 1 nền kinh tế. Các nhà lãnh đạo thành công trong khu vực nhà nước và tư nhân ở các vùng kinh tế

thịnh vượng đều đã biết cách biến những động năng này thành lợi thế của mình. Các nhà lãnh đạo cũng nhận ra rằng những yếu tố quan trọng nhất cho sự thịnh vượng không phải do kế thừa mà phải được tạo ra.

## 1.2 Sáng tạo và các Giai đoạn của Phát triển Kinh tế

Đây là một nội dung quan trọng khi xem xét một vùng lãnh thổ đang ở trong giai đoạn phát triển kinh tế nào. Khi phát triển, các vùng lãnh thổ và các nền kinh tế phải trải qua 1 số giai đoạn xét từ góc độ lợi thế cạnh tranh đặc thù và cách thức cạnh tranh. Hầu hết các nền kinh tế có xuất phát điểm từ nền kinh tế lấy điều kiện sẵn có làm động lực (ví dụ: Ấn Độ và Indonesia). Các nền kinh tế kiểu này tạo ra giá trị nhờ khai thác tài nguyên và lợi thế so sánh sẵn có — các yếu tố này bị hạn chế về số lượng trong phạm vi từng vùng cụ thể. Do đó, nguồn gốc chính tạo nên sự thịnh vượng ở các quốc gia này là khai thác các yếu tố đầu vào và tài nguyên, cách làm này không mang lại tăng trưởng kinh tế bền vững. Theo Hình 2, giai đoạn phát triển tiếp theo là trở thành nền kinh tế lấy đầu tư làm động lực (ví dụ: Cộng hòa Séc và Nam Phi). Các nền kinh tế này củng cố năng lực để trở nên hiệu quả trong việc chế biến tài nguyên và nguyên vật liệu đầu vào để tạo ra hàng hóa và dịch vụ giá trị cao hơn. Giai đoạn cuối cùng của phát triển là nền kinh tế lấy sáng tạo làm động lực (ví dụ: Mỹ và Nhật Bản). Đây là giai đoạn mà nền kinh tế cần khả năng sáng tạo để mang đến 1 giá trị độc đáo cho nhiều khách hàng. Những nền kinh tế loại này tạo ra lợi thế cạnh tranh thực không chỉ nhờ các ưu đãi tài nguyên, mà bằng năng lực sáng tạo của rất nhiều doanh nghiệp, trong và ngoài nước, giúp cho năng suất cao hơn. Thông qua cải thiện môi trường kinh doanh vi mô và thúc đẩy cạnh tranh nội bộ, các nền Kinh tế lấy sáng tạo làm động lực có thể đạt được lợi ích của sự thịnh vượng kinh tế bền vững.

**Hình2: Sáng tạo và Các Giai đoạn của Phát triển Kinh tế**



Nguồn: “Cải thiện Nền tảng Kinh tế Vi mô cho Thịnh vượng: Chi số Cạnh tranh Hiện tại” *Báo cáo Cạnh tranh Toàn cầu* (2001).

## 1.3 Yếu tố Quyết định Môi trường Kinh doanh Cạnh tranh và Phát triển Cụm ngành

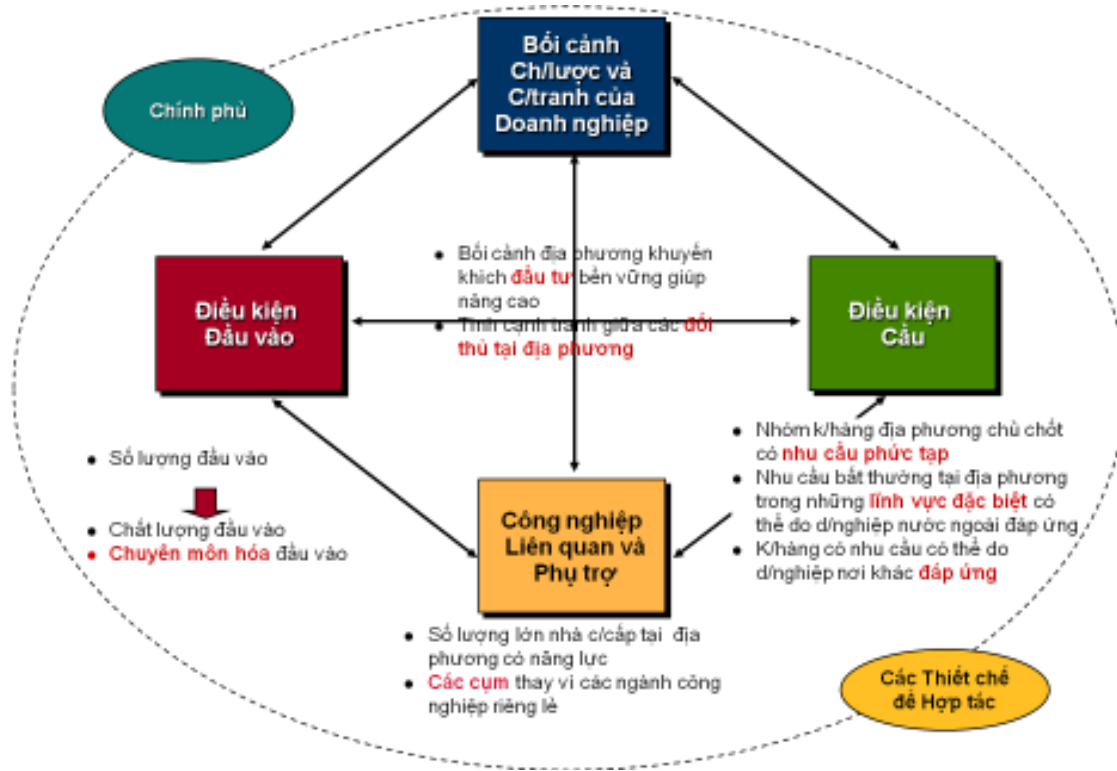
“Mô hình Kim cương” của Giáo sư Michael Porter là 1 khuôn khổ lý thuyết kinh tế vi mô đa diện giúp nắm được điểm mạnh và yếu của môi trường kinh doanh trong 1 vùng lãnh thổ. Mô hình này phân tích các yếu tố quyết định lợi thế cạnh tranh và đánh giá xem 1 quốc gia hay vùng lãnh thổ có môi trường kinh doanh vi mô lành mạnh hay không. Mô hình này cũng cho thấy rằng hầu hết các yếu tố đều có tác động đến khả năng cạnh tranh — ví dụ như trường đại học, đường xá, chính sách của chính phủ, và mức độ phức tạp của nhu cầu khách hàng. Hình 3 dưới đây trình bày 4 yếu tố chính có vai trò quan trọng giúp cho 1 vùng lãnh thổ nâng cao được năng suất và năng lực sáng tạo, gồm có:

- **Điều kiện sẵn có.** Điều kiện sẵn có của 1 môi trường kinh doanh bao gồm tính hiệu quả, chất lượng, và sự chuyên môn hóa của các Điều kiện sẵn có cho doanh nghiệp. Việc có đạt được năng lực sáng tạo và năng suất lao động cao hơn hay không phụ thuộc vào sự sẵn có của các nguồn lực chất lượng cao về vốn, con

người, và tài nguyên thiên nhiên; cơ sở hạ tầng vật chất và hành chính; và công nghệ thông tin. Cần lưu ý rằng tăng trưởng GDP bền vững sẽ chỉ đạt được khi tất cả các yếu tố đó được giải quyết đầy đủ, bởi vì sự kết hợp toàn bộ các yếu tố đầu vào này là cơ sở để hình thành lợi thế cạnh tranh khu vực.

- **Bối cảnh cạnh tranh và chiến lược của doanh nghiệp.** Các quy định, quy tắc, cơ chế khuyến khích, và áp lực chi phối loại hình và mức độ cạnh tranh ở địa phương sẽ có ảnh hưởng rất lớn tới chính sách thúc đẩy năng suất, từ đó khuyến khích đầu tư, bảo vệ sở hữu trí tuệ, và thúc đẩy tăng trưởng năng suất.
- **Điều kiện cầu.** Yếu tố cầu không chỉ liên quan tới quy mô và tăng trưởng thị trường mà còn liên quan đến cả tính chất khách hàng. Do đó, các yếu tố của một môi trường kinh doanh lành mạnh thường bao gồm kỳ vọng cao của khách hàng, nhu cầu địa phương có thể được đáp ứng từ các nơi khác, và nhu cầu địa phương đặc thù trong những lĩnh vực chuyên biệt có thể được đáp ứng trên toàn quốc hoặc thế giới. Nhìn chung, môi trường kinh doanh lành mạnh sẽ có mức cầu cao từ các nhóm khách hàng địa phương phức tạp. Khách hàng địa phương với nhu cầu phức tạp sẽ buộc các doanh nghiệp phải cung cấp hàng hóa và dịch vụ chất lượng cao hơn thì mới cạnh tranh thành công.
- **Các ngành công nghiệp liên quan và phụ trợ.** Việc tiếp cận được các nhà cung ứng và doanh nghiệp có năng lực ở địa phương trong những ngành nghề liên quan rất quan trọng để đảm bảo sự thành công của môi trường kinh doanh vi mô. Nguồn lực sẵn có ở địa phương giúp tăng năng suất thông qua việc tạo điều kiện cho thông tin liên lạc hiệu quả hơn và tạo nhiều cơ hội thuê ngoài. Sự hiện diện của các cụm ngành, thay vì từng ngành công nghiệp riêng lẻ, sẽ là yếu tố quan trọng nhất đảm bảo sự thành công của nền kinh tế.

**Hình3: “Mô hìnhKim cương”**



Nguồn: Giáo sư Michael Porter, Trường Kinh doanh Harvard

Từ “Mô hình Kim cương”, có thể thấy rõ ràng rằng 4 lĩnh vực nêu trên có mối quan hệ bổ sung và phụ thuộc lẫn nhau. Ví dụ như chất lượng điều kiện sẵn có của nền kinh tế sẽ ảnh hưởng lớn tới việc phát triển các ngành công nghiệp liên quan và phụ trợ. Tiếp đó, các ngành công nghiệp phụ trợ sẽ hỗ trợ sự tăng trưởng nhu cầu phức tạp của khách hàng ở những lĩnh vực chuyên biệt.

Những vùng muốn đạt được sự thịnh vượng phải vượt qua được các thách thức chỉ ra trong “mô hình kim cương” theo trình tự ưu tiên. Mặc dù cuối cùng tất cả các yếu tố của “mô hình kim cương” đều phải được xây dựng và nâng cấp, việc giải quyết tất cả các vấn đề cùng 1 lúc sẽ dẫn tới việc quá dàn trải nguồn lực con người và nguồn vốn. Do đó, các nền kinh tế vùng phải xác định đâu là rào cản chính để nâng cao năng suất và giải quyết các rào cản đó theo hoàn cảnh cụ thể.

## 1.4 Vai trò của Chính phủ và các tổ chức

Hiệu được môi trường kinh doanh của một vùng lãnh thổ là điều kiện cần thiết để cải thiện năng lực sáng tạo của vùng đó. Tuy nhiên, những nỗ lực đó cũng không mang lại nhiều kết quả nếu thiếu sự hỗ trợ và tham gia từ các tổ chức — chính phủ, tư nhân, hay phi lợi nhuận — các tác nhân có thể chuyển những nguyên tắc lý thuyết thành hành động. Chính phủ và các tổ chức hợp tác khác sẽ có vai trò rất quan trọng trong thúc đẩy cạnh tranh của vùng. Sự cộng tác của các tổ chức sẽ hỗ trợ đào tạo và phát triển các cá nhân có đủ năng lực cần thiết để dẫn dắt địa phương mình tiến tới thịnh vượng hơn.

Vai trò của chính phủ rất quan trọng tới sự thành công của 1 nền kinh tế. Chính quyền có trách nhiệm tạo áp lực, động lực, và năng lực cho doanh nghiệp ở địa phương mình. Ngoài ra, thông qua thực thi luật pháp, quy định, và chính sách, phân bổ vốn và tạo dựng tài sản, chính quyền có thể là 1 chủ thể lớn trong quá trình phát triển kinh tế và xây dựng các cụm ngành trong vùng. Chính quyền còn giúp giải quyết các tồn tại để cải thiện môi trường kinh doanh, ví dụ như cải thiện điều kiện nhân tố sản xuất bằng cách tổ chức các chương trình giáo dục và đào tạo chuyên ngành, cải thiện môi trường cạnh tranh và chiến lược doanh nghiệp bằng cách dỡ bỏ các hàng rào bảo hộ địa phương và thu hút đầu tư nước ngoài xung quanh các cụm ngành. Chính quyền thậm chí còn có thể tác động tới cầu bằng cách tự mua vào các sản phẩm và dịch vụ. Cuối cùng, chính quyền có thể thành lập các khu công nghiệp và khu thương mại tự do theo các cụm ngành để giúp kích thích phát triển các ngành công nghiệp liên quan và phụ trợ trong nền kinh tế.

Ngoài các tổ chức chính phủ, các tổ chức thuộc khu vực tư nhân và hợp tác công tư sẽ có vai trò quan trọng trong việc định hình chương trình thúc đẩy khả năng cạnh tranh của vùng. Đây có thể là các tổ chức chính thức hay phi chính thức như phòng công nghiệp, hiệp hội ngành nghề, các tổ chức tôn giáo, trường đại học, các hội đồng cố vấn. Tất cả sẽ hỗ trợ việc tạo ra và trao đổi thông tin, công nghệ và kỹ năng giúp đạt được tính sáng tạo cao hơn. Sự hợp tác của các tổ chức tạo nên mối quan hệ có thể nâng cao độ tin cậy và thúc đẩy hoạt động tập thể. Các tổ chức này còn giúp xác định tiêu chuẩn chung và đưa ra cơ chế chung phát triển cụm ngành hoặc phát triển kinh tế.

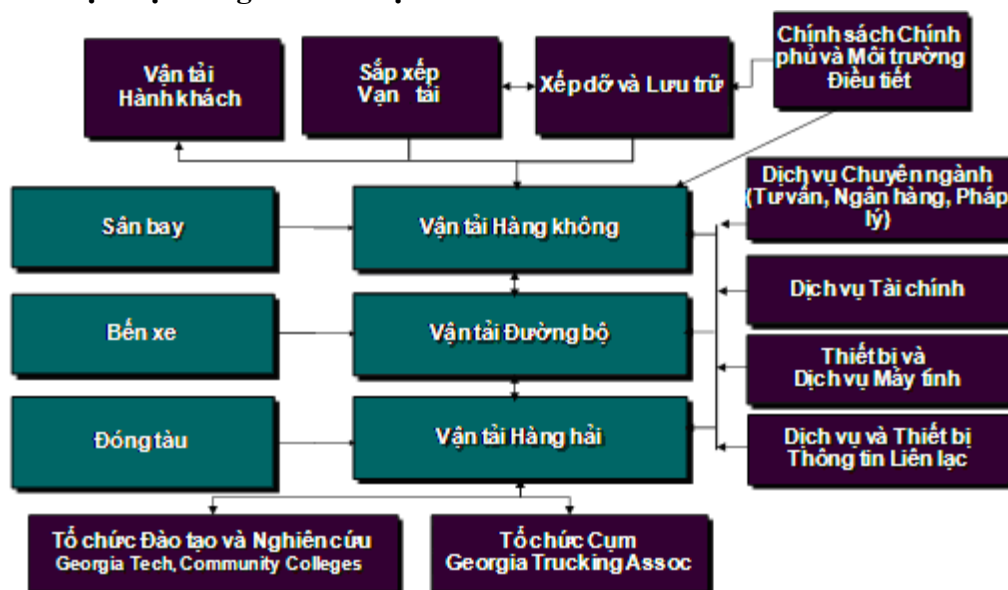
Vì nhu cầu và ưu tiên của kinh tế vùng thay đổi, chính quyền và các thể chế hợp tác cần điều chỉnh kịp thời. Các tổ chức phải điều chỉnh hoạt động để giải quyết các thách thức cụ thể trong môi trường kinh doanh. Cuối cùng, các tổ chức này muốn có tiến triển trong hoạt động thì cần có những lãnh đạo tận tâm và mạnh. Sức mạnh nguồn nhân lực sẽ là nền tảng không chỉ cho lực lượng lao động mà còn phục vụ năng lực lãnh đạo chính phủ

và năng lực thể chế. Các nền kinh tế đạt được khả năng cạnh tranh lớn hơn nhờ sự lãnh đạo tốt ở cả khu vực nhà nước và tư nhân, cùng hợp tác để hướng tới tầm nhìn chung cho cả nền kinh tế. Do đó, mặc dù cơ chế hợp tác là diễn đàn trao đổi của các lãnh đạo, song sẽ không thể đạt được sự thịnh vượng nếu không có một đội ngũ lãnh đạo chung có thể cùng nhau dẫn dắt trên con đường tiến tới 1 nền kinh tế cạnh tranh hơn.

## 1.5 Vai trò của Cụm ngành

Để có môi trường kinh doanh cạnh tranh lành mạnh, các cụm ngành trong nền kinh tế cần được thúc đẩy phát triển. Như đã thấy trong “mô hình kim cương”, chính các cụm ngành này sẽ đóng vai trò then chốt việc tạo sự tăng trưởng bền vững của môi trường kinh doanh. Cụm ngành là nhóm các công ty có mối quan hệ mật thiết với nhau và các tổ chức có liên quan trong 1 lĩnh vực cụ thể trên một khu vực gắn gũi về địa lý, gắn kết với nhau nhờ những đặc điểm chung và đặc điểm tương hỗ. Ví dụ sơ đồ cụm hậu cần và vận tải của thành phố Atlanta (Mỹ) trình bày trong Hình 4.

**Hình 4. Sơ đồ minh họa Cụm Logistics và Vận tải Atlanta**



Nguồn: Cụm Sáng kiến Sáng tạo, Dữ liệu Khảo sát Khu vực, Dự án Sơ đồ hóa Cụm, Viện Chiến lược và Cạnh tranh, Trường Kinh doanh Harvard và Phòng vấn Cá nhân

Sơ đồ cho thấy cơ cấu các ngành công nghiệp và tổ chức cần thiết để tiến hành hoạt động vận tải và hậu cần trong khu vực. Những ô màu xanh, như sân bay và vận tải hàng không, thể hiện định nghĩa hẹp hơn về cụm ngành, trong khi những ô tím, như các dịch vụ chuyên biệt và vận tải hành khách, thể hiện định nghĩa rộng hơn. Các cụm bao gồm các công ty dịch vụ hoặc thành phẩm (ví dụ như vận tải hàng không, đường bộ, hàng hải) cũng như các nhà cung cấp các yếu tố đầu vào chuyên biệt, cấu kiện, máy móc, tài chính và dịch vụ. Ngoài ra, trong cụm còn có các ngành công nghiệp liên quan (như sân bay, bến xe, xưởng đóng tàu), gồm nhà sản xuất các sản phẩm bổ sung, nhà cung cấp cơ sở hạ tầng chuyên biệt, và các tổ chức đào tạo, giáo dục và hỗ trợ kỹ thuật. Cuối cùng, trong cụm có thể có các cơ quan của chính phủ có ảnh hưởng và có chức năng thiết lập tiêu chuẩn cũng như những tổ chức tập thể của khu vực tư nhân như các hiệp hội.

Các cụm ngành có thể tăng năng suất và hiệu quả sản xuất, kích thích và thúc đẩy sáng tạo, và hỗ trợ thương mại hóa. Các cụm này có thể giúp tăng tính cạnh tranh bằng cách tạo sự kết nối giữa các doanh nghiệp, các ngành công nghiệp và tổ chức có liên quan.

Cụm ngành cũng là cách tư duy mới về nền kinh tế và cách tổ chức hoạt động phát triển kinh tế. Với khả năng thu hút những yếu tố kết nối giữa các ngành công nghiệp và doanh nghiệp khác nhau như kỹ năng, công nghệ và thông tin, marketing và nhu cầu khách hàng, cụm ngành là mô hình phù hợp hơn với bản chất của sự cạnh tranh và cũng là nhân tố tạo nên lợi thế cạnh tranh. Khi nghĩ đến một nền kinh tế, hầu hết các khu vực và quốc gia đều nghĩ tới các khu vực kinh tế (ví dụ như khu vực công nghiệp) — một khái niệm quá rộng, hoặc nghĩ đến ngành công nghiệp (ví dụ như công nghiệp đóng tàu) — một khái niệm quá hẹp. Cách tiếp cận dựa trên cụm giúp các nền kinh tế hiểu rõ hơn cách thức hoạt động của mình. Nhờ đó, các thành viên trong các cụm không chỉ xác định được các vấn đề chung mà còn cả những cơ hội chung. Điều này giúp các cơ quan quản lý có định hướng về việc cần thực thi những chính sách kinh tế xã hội nào. Hình 5 dưới đây cho thấy chính sách cụm ngành đóng góp như thế nào cho việc nâng cao tính cạnh tranh, trong khi chính sách ngành lại có thể làm hại đến tính cạnh tranh.

**Hình 5: Chính sách ngành và chính sách cụm ngành**

| Chính sách Ngành  | Chính sách Cụm  |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhắm tới <b>ngành/khu vực mong muốn</b>, tập trung vào 1 hoặc 1 số ít thành phẩm</li> <li>• <b>Hạn chế sự hợp tác</b> để đạt lợi ích chung</li> <li>• Tập trung vào <b>công ty trong nước</b></li> <li>• <b>Can thiệp vào sự cạnh tranh</b> (vd: bảo hộ, thúc đẩy ngành, trợ cấp) gây rủi ro làm giảm cạnh tranh địa phương</li> <li>• Quyết định tập trung ở <b>cấp trung ương</b></li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>▶ <b>Bao gồm tổng thể</b> các ngành liên quan, khách hàng, nhà cung cấp vật tư, nhà cung cấp dịch vụ, các tổ chức đóng góp cho thịnh vượng kinh tế</li> <li>• Tập trung vào cả <b>công ty trong nước và nước ngoài</b></li> <li>• <b>Giảm bớt các trở ngại/hạn chế</b> với nâng cao năng suất</li> <li>• Tập trung vào <b>các giải pháp hỗ trợ lẫn nhau và quan hệ giữa các ngành</b></li> <li>• Khuyến khích sáng kiến ở <b>cấp trung ương và địa phương</b></li> </ul> |

Nguồn: Phân tích của Monitor

Mặc dù 1 cụm gắn với 1 lĩnh vực cụ thể, rõ ràng là các cụm thường không chỉ có 1 ngành công nghiệp đơn lẻ. Sau khi cụm đi vào hoạt động, các ngành công nghiệp trong cụm sẽ tạo ra mối quan hệ cùng có lợi. Các ngành này có thể chia sẻ thông tin và cách làm tốt để thúc đẩy quá trình sáng tạo. Nhờ đó, các cụm ngành có năng suất và tính sáng tạo tăng nhanh hơn, giúp duy trì thịnh vượng về kinh tế.

## 1.6 Phương pháp nghiên cứu

Để áp dụng những lý thuyết nói trên trong thực tế, báo cáo này sử dụng 1 cách tiếp cận riêng để tìm hiểu hoạt động kinh tế và cơ sở hạ tầng xã hội của tỉnh. Báo cáo cũng nghiên cứu tình hình của tỉnh một cách sâu sắc thông qua phân tích các trở ngại mang tính lịch sử, các yếu tố thuận lợi quan trọng, và những sự kiện hiện tại có tác động lớn. Ngoài ra, nhờ so sánh hoạt động kinh tế của tỉnh với các tỉnh lân cận và với các quốc gia khác, báo cáo đưa ra bối cảnh của tỉnh và quan điểm về lộ trình phát triển mà tỉnh nên đi theo.

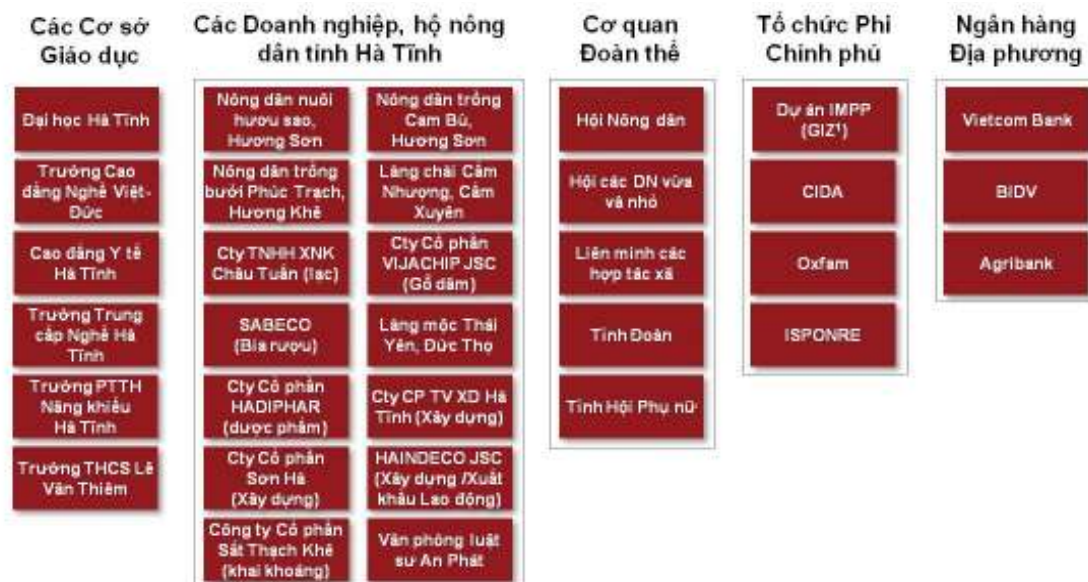
Để giảm số lượng phương án chiến lược kinh tế — xã hội mà tỉnh có thể lựa chọn, nghiên cứu đã sử dụng rất nhiều nguồn thông tin để tìm hiểu và xác định phương án tối ưu cho tỉnh Hà Tĩnh. Các nguồn này gồm có:

- **Phỏng vấn và lấy Phản hồi.** Như trình bày trong Hình 6 và 7, cán bộ quan chức từ 60 cơ quan nhà nước, tổ chức thương mại, công ty tư nhân và tổ chức phi chính phủ đã được phỏng vấn để giúp tìm hiểu quan điểm và lấy ý kiến phản hồi về chiến lược và tầm nhìn của tỉnh.
- **Nghiên cứu Thứ cấp.** Monitor đã tiến hành nghiên cứu đối chiếu rộng rãi, phân tích kịch bản tương lai, xu hướng hiện tại, và những ví dụ thành công. Các nguồn cho phần này gồm tạp chí ngành, thông tin báo chí, công trình nghiên cứu, ấn phẩm của các tổ chức quốc tế, và báo cáo của các tổ chức phi chính phủ.
- **Tham vấn Chuyên gia.** Nghiên cứu đã tham vấn rất nhiều chuyên gia để thu thập đầu vào cho chiến lược phát triển cụm, giúp đảm bảo hiểu rõ những nhân tố thành công cho từng cụm. Các chuyên gia được tham vấn hoạt động trong những lĩnh vực có liên quan như khai khoáng, kim loại, phát triển công nghiệp, giáo dục, BPO (thuê ngoài quy trình nghiệp vụ), phát triển xã hội, và chuyên gia về khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Nghiên cứu đã tham vấn cả chuyên gia trong và ngoài Tập đoàn Monitor cũng như chuyên gia Việt Nam và quốc tế.

**Hình 6: Phỏng vấn các Cơ quan nhà nước liên quan**





**Hình7: Phỏng vấn Doanh nghiệp và tổ chức bên ngoài**

Cách tiếp cận theo hướng nghiên cứu này cho phép tương tác với các đối tượng ở tất cả các cấp trong khu vực chính phủ, kinh tế, xã hội, từ nông dân và giáo viên đến cán bộ Ủy ban Nhân dân Tỉnh. Chính điều đó giúp nghiên cứu hiểu rõ hơn về hiện trạng, những hy vọng và trông đợi của tất cả các bên liên quan. Do vậy, với hiểu biết rõ ràng về năng lực cạnh tranh của tỉnh, nghiên cứu đưa ra chiến lược và tầm nhìn chi tiết, cùng với các yêu cầu cần thiết giúp tỉnh xây dựng được một nền kinh tế thịnh vượng và cạnh tranh hơn.

# **PHẦN THỨ HAI**

---

**Các yếu tố, điều kiện và hiện trạng phát triển  
kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2010**

# 1 Đánh giá các điều kiện phát triển hiện nay của tỉnh Hà Tĩnh

Chương tiếp theo sẽ trình bày phân tích chi tiết các hoạt động và thành phần kinh tế hiện tại của Hà Tĩnh cũng như đánh giá trình độ và chất lượng phát triển xã hội. Chương này cũng tiếp tục đánh giá các điều kiện kinh tế vi mô của tỉnh dựa trên phương pháp do Giáo sư Michael E. Porter của Trường Kinh doanh Harvard xây dựng.

## 1.1 Tài nguyên thiên nhiên

### 1.1.1 Vị trí Địa lý

Hà Tĩnh là một trong sáu tỉnh nằm ở duyên hải Bắc Trung Bộ với tổng diện tích 5.997,18 km<sup>2</sup>, chiếm khoảng 1,8% tổng diện tích cả nước, trong tọa độ 17°53'50"-18°45'40" vĩ độ Bắc, 105°05'50" - 106°30'20" kinh độ Đông. Hà Tĩnh giáp Nghệ An ở phía Bắc, Quảng Bình ở phía Nam, Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào ở phía Tây và biển Đông ở phía Đông, với hơn 137km đường bờ biển. Tỉnh có 12 đơn vị hành chính trực thuộc bao gồm thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh và các huyện: Hương Sơn, Đức Thọ, Vũ Quang, Nghi Xuân, Can Lộc, Hương Khê, Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh, Lộc Hà (thành lập 2007). Đến cuối năm 2010 tỉnh có 262 xã, phường, thị trấn, trong đó có 235 xã, 12 thị trấn, 15 phường.

Hà Tĩnh có vị trí rất thuận tiện cho việc hợp tác, trao đổi và thương mại với các tỉnh và các nước khác trong khu vực như Lào, Campuchia, Thái Lan. Tỉnh có hệ thống giao thông rất thuận lợi như: Quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh, đường sắt Bắc Nam, quốc lộ 8A, quốc lộ 12A. Ngoài ra, Hà Tĩnh cũng có cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, cảng nước sâu Vũng Áng – Sơn Dương là trung tâm thương mại tạo thuận lợi trong việc trao đổi và hợp tác với các nước trong khu vực. Việc tăng cường phát triển tiểu khu vực Hành lang kinh tế Đông-Tây của lưu vực sông Mekong là một cơ hội cho Hà Tĩnh phát triển và hội nhập kinh tế.

### 1.1.2 Địa hình

Căn cứ điều kiện địa hình, địa mạo, tính chất đất đai, khí hậu, sông, suối... có thể chia ra Hà Tĩnh 04 vùng theo địa hình như sau:

#### Vùng ven biển

Tổng diện tích của vùng ven biển vào khoảng 41,4 ngàn ha chiếm 6,9% diện tích đất tự nhiên của tỉnh, chạy dọc từ huyện Nghi Xuân đến đèo Ngang của huyện Kỳ Anh; địa hình vùng này dốc thoải từ Tây sang Đông, có cao độ tự nhiên từ +2,00 đến +4,00 m, khu vực sát biển có cao độ tự nhiên từ +1,00 trở xuống, phần lớn đất đai chua và bị nhiễm mặn. Sản xuất, canh tác vùng này chủ yếu là trồng lúa và màu. Các vùng ven cửa sông, cửa biển chủ yếu là sinh vật mặn, lợi sinh sống, vùng này rất thích hợp với nuôi trồng thủy sản.

#### Vùng đồng bằng

Vùng đồng bằng Hà Tĩnh có diện tích khoảng 55,8 ngàn ha, chiếm 9,3% diện tích đất tự nhiên của tỉnh, bao gồm các huyện, thị xã dọc trục đường quốc lộ 1A từ thị xã Hồng Lĩnh đến Kỳ Anh và một phần của huyện Đức Thọ dọc đường quốc lộ 8A từ thị trấn Đức Thọ đến thị xã Hồng Lĩnh. Vùng này có cao độ tự nhiên từ +2,00 đến +4,00 m, cục bộ một số điểm có cao độ +5,00 đến +6,00 m. Vùng đồng bằng mang đậm nét đặc trưng của dải đồng bằng Bắc Trung Bộ, có độ nghiêng dần từ Tây sang Đông, bề ngang hẹp, đất đai màu mỡ hơn các vùng khác, rất phù hợp với cây lúa nước.

## Vùng trung du

Diện tích khoảng 30 ngàn ha chiếm 5% diện tích đất tự nhiên của tỉnh, là vùng có địa hình đồi dạng úp bát, có độ cao trung bình +10,00 đến +50,00 m so với mực nước biển. Phía dưới chân đồi tạo thành tầng dải đất bao quanh theo kiểu thảm tương đối bằng phẳng, phù hợp với sản xuất cây lúa nước; phía lưng đồi phù hợp với các loại cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày và phát triển trang trại chăn nuôi gia súc tập trung.

## Vùng miền núi

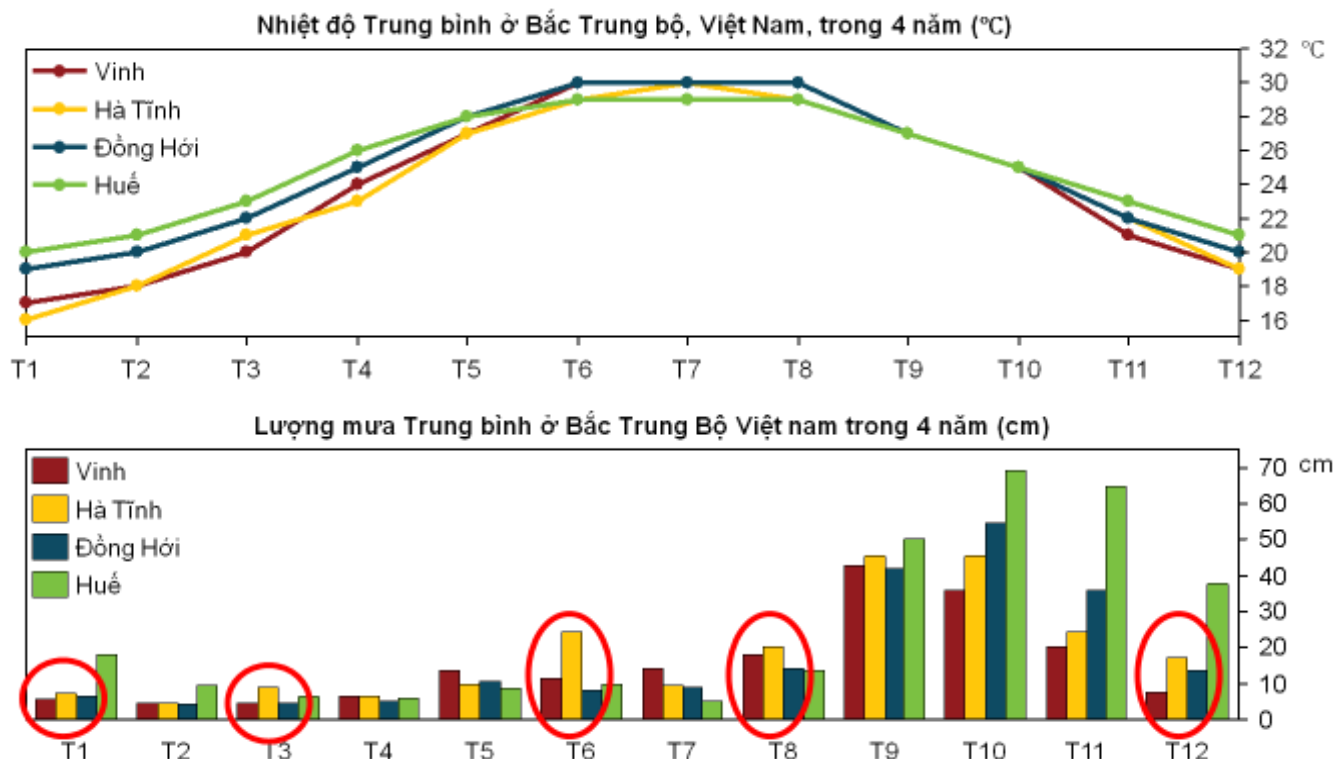
Đây là tiểu vùng có diện tích lớn nhất, khoảng 474,7 ngàn ha, chiếm 78,8% diện tích đất tự nhiên của tỉnh, chủ yếu tập trung ở các huyện Hương Sơn, Hương Khê, Vũ Quang và phía Tây huyện Kỳ Anh. Diện tích sử dụng cho nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 10% diện tích của tiểu vùng.

Vùng này có địa hình núi cao, rừng rậm, suối dốc. Tiêu biểu là các đỉnh núi như: Giang Màn, Đông Cốc, Rèo Pheo, vv. Thảm thực vật chủ yếu là rừng già nguyên sinh và rừng tái sinh. Đặc biệt có khu bảo tồn rừng Quốc gia Vũ Quang, Kẻ Gỗ, có độ che phủ tự nhiên cao và có nhiều loại sinh vật quý hiếm đang được bảo vệ.

### 1.1.3 Khí hậu

Khí hậu nhiệt đới gió mùa của Hà Tĩnh có đặc trưng là thời tiết khắc nghiệt và cực đoan trong suốt cả năm. Những hiện tượng thời tiết bất lợi bao gồm mưa kéo dài, bão, lũ lụt, những đợt lạnh và gió Lào khô nóng thổi từ phía Tây Nam. Hà Tĩnh dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai tái diễn và mối đe dọa lâu dài của biến đổi khí hậu.

Từ tháng 11 đến tháng 3 là mùa lạnh ở Hà Tĩnh với nhiệt độ thấp, có khi xuống dưới 12°C. Các đợt lạnh ở Hà Tĩnh có xu hướng rõ nét hơn so với các tỉnh khác ở Vùng duyên hải Bắc Trung bộ, mặc dù nhiệt độ nóng cao điểm vào mùa hè cũng tương đương các tỉnh đó. Kể từ tháng 4, thời tiết bắt đầu ấm dần lên, mùa nóng và khô lên cao điểm vào tháng 6 và tháng 7, với nhiệt độ cao nhất lên đến trên 40°C. Nhiệt độ trung bình hàng năm tương đối khác nhau, 23,5–24,5°C ở vùng đồng bằng và khoảng 14–15°C ở vùng núi. Mùa nắng chỉ từ tháng 4 đến tháng 9 với trung bình 1.350–1.700 giờ nắng trong năm. Lượng bốc hơi hàng năm tương đối thấp, chừng 800–1.100 mm và lượng bốc hơi hàng tháng hiếm khi vượt quá 100 mm trong bất kỳ tháng nào. Tốc độ gió trên địa bàn tỉnh không đáng kể, trung bình khoảng 1,5–2,5 m/s. Mùa mưa chủ yếu kéo dài từ tháng 9 đến tháng 12, với lượng mưa trung bình khoảng 2.300–3.000 mm. Cả mùa Đông và mùa Hè lượng mưa ở Hà Tĩnh cao hơn so với các tỉnh lân cận (Hình 8).

**Hình 8: Nhiệt độ và lượng mưa trung bình ở Bắc Trung Bộ, Việt Nam, 2006–2010**

Nguồn: <http://www.weatherreports.com> (09 tháng 3 2011); Phân tích của Monitor

Điều kiện khí hậu của Hà Tĩnh gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp và cũng không thuận lợi cho hoạt động du lịch. Thời gian Hè thường rất ngắn khiến cho du lịch Hà Tĩnh, nếu nhìn theo góc độ mùa du lịch, tương đối kém hấp dẫn.

Tuy nhiên, yếu tố thời tiết chính gây hại tới hoạt động kinh tế của Hà Tĩnh là thiên tai như gió Lào, hạn hán, mưa bão và lũ lụt.

Gió mùa khô nóng Tây Nam thổi từ tháng Hai hoặc tháng Ba đến cuối tháng Tám hoặc tháng Chín. Gió này thường đi kèm với lượng mưa giảm. Các đợt gió này có thể gây ra hạn hán và thiếu nước, làm ảnh hưởng đến việc trồng lúa và các cây trồng quan trọng khác. Bên cạnh việc thiếu hụt lượng mưa, hạn hán cũng làm tăng hiện tượng nước mặn xâm thực dọc theo các con sông chính và do đó làm thay đổi nguồn nước ngọt của Hà Tĩnh.

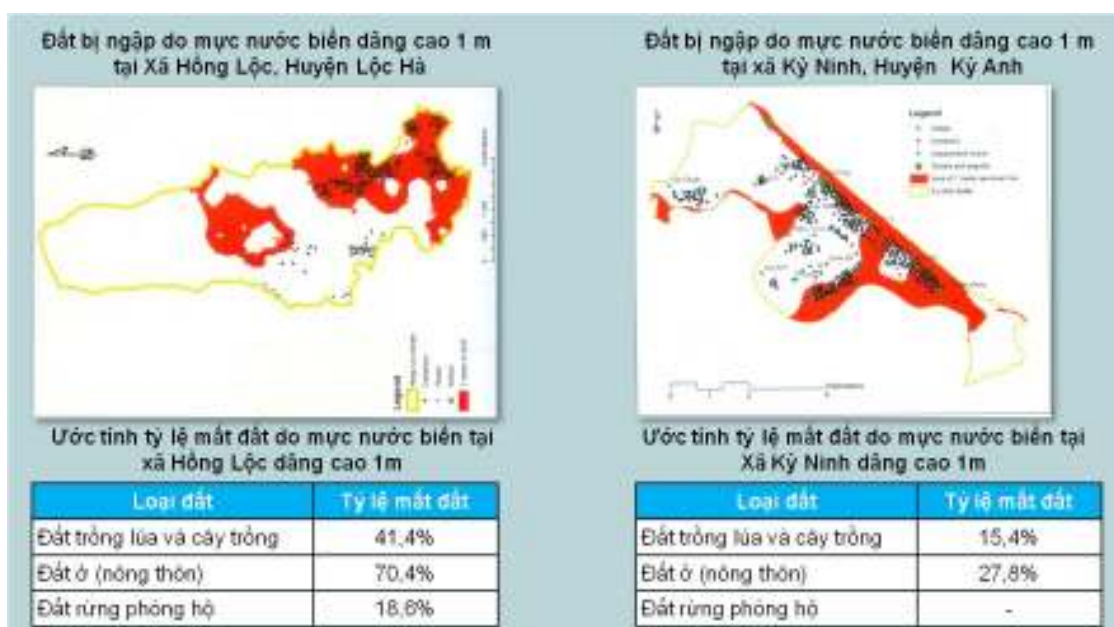
Hà Tĩnh cũng thường chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão nhiệt đới và áp thấp nhiệt đới, từ Tây Bắc Thái Bình Dương và biển Đông. Tính trung bình, cứ 10 năm Hà Tĩnh lại chịu ảnh hưởng của 9 cơn bão như vậy, kèm theo mưa lớn và gió mạnh. Bão thường xảy vào tháng Tám, tháng Chín (54%), tháng Bảy và tháng Mười (30%). Trong 5 thập kỷ qua, 47 cơn bão đã trực tiếp hoặc gián tiếp tấn công Nghệ An, Quảng Bình và Hà Tĩnh; trong số này có 18 cơn bão trực tiếp đổ bộ vào Hà Tĩnh. Hậu quả là, từ năm 2000 đến năm 2008, thiệt hại kinh tế ở Hà Tĩnh lên đến 2.697 tỷ đồng, chủ yếu là hư hại các cơ sở hạ tầng.

Do các yếu tố nói trên, lũ lụt là một mối quan tâm lớn nữa của Hà Tĩnh. Trong 5 thập kỷ qua, Hà Tĩnh đã có 15 lần lượng mưa hàng ngày vượt quá 300mm. Lũ thường bắt đầu vào tháng Tám nhưng xảy ra nhiều nhất từ tháng

Chín đến tháng Mười Một. Lũ lụt thường ảnh hưởng nhiều nhất đến các huyện Hương Sơn, Hương Khê và Vũ Quang, với 30 xã và trên 30.000 hộ gia đình. Đợt lũ vào tháng Mười năm 2010 đã làm 30 người chết và gây thiệt hại kinh tế khoảng 6.374 tỷ đồng, gấp hai lần tổng thiệt hại kinh tế của các đợt lũ giai đoạn 2000–2009. 175.000 ngôi nhà bị chìm trong nước và hư hỏng, nhiều tuyến giao thông bị hư hỏng nặng, và hơn 10.000 ha cây trồng bị ngập khiến cho hầu hết các cây lương thực chính vụ đông của tỉnh bị mất trắng. Lũ lụt cũng ảnh hưởng đến nguồn nước và để lại lớp bùn dày. Ví dụ, dân cư ở xã Phương Mỹ mỗi khi sau lũ lụt buộc phải sử dụng nước sông và nước giếng đã nhiễm bẩn trong sinh hoạt hàng ngày.

Dự báo trong tương lai, cả đất nông nghiệp và đất ở thuộc các vùng ven biển của Hà Tĩnh sẽ bị tác động bởi biến đổi khí hậu, cả ở trong đất liền lẫn dọc theo ven biển. Việt Nam được coi là một trong những nước bị tác động lớn nhất bởi biến đổi khí hậu toàn cầu. Mặc dù có các mô hình và dự đoán khác nhau, 1 số mô hình cho thấy mực nước biển sẽ tăng 1m vào năm 2100. Nếu trường hợp này xảy ra và tỉnh không có những hoạt động giảm nhẹ và thích ứng với những thay đổi đó, các huyện ven biển của Hà Tĩnh sẽ bị thiệt hại lớn. Theo một nghiên cứu do Bộ Tài nguyên và Môi trường và UNDP, cả các xã sâu trong đất liền và ven biển đều bị ảnh hưởng.

**Hình 9: Tác động tiềm ẩn của biến đổi khí hậu đối với các huyện vùng ven biển tỉnh Hà Tĩnh**



Lưu ý: Các xã được lãnh đạo Tỉnh lựa chọn cho Bộ TNMT và UNDP phân tích. Đến năm 2100, mực nước biển Việt Nam dự đoán sẽ dâng 1m.

Nguồn: “Xây dựng Khả năng Phục hồi: Các Chiến lược Thích ứng cho Sinh kế Ven biển Chịu nhiều Rủi ro nhất do Tác động của Biến đổi Khí hậu ở miền Trung Việt Nam”, Bộ TNMT và UNDP (2010)

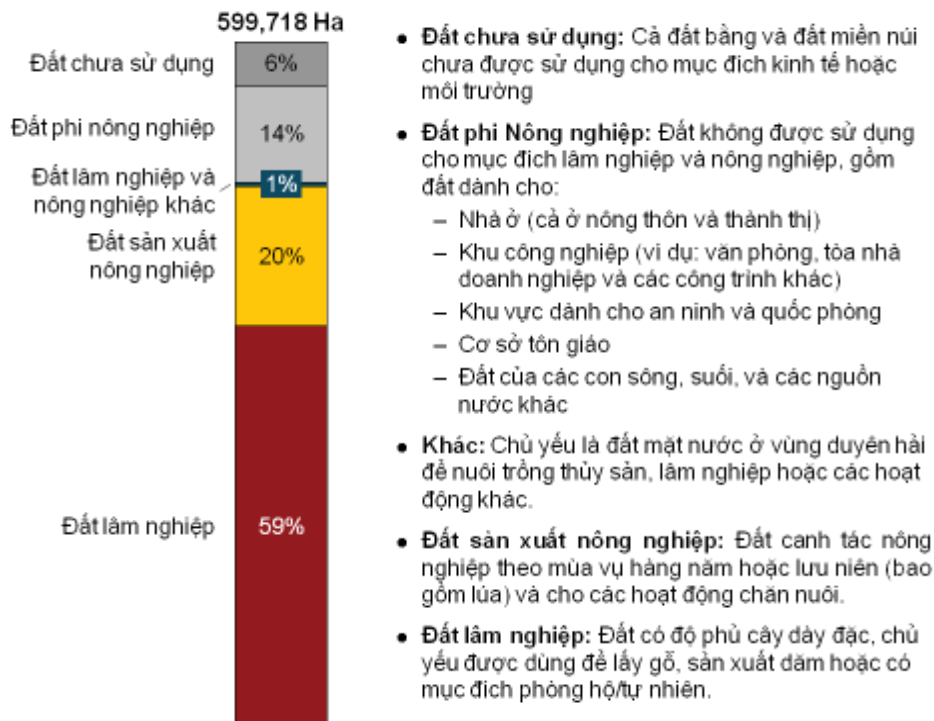
### 1.1.4 Đất đai, tài nguyên đất đai và sử dụng

Hà Tĩnh có tổng diện tích là 5.997,18 km<sup>2</sup>, với 3 loại địa hình đặc trưng — khu vực miền núi, vùng đồng bằng và đồng bằng ven biển. Phần lớn đất đai của tỉnh là địa hình đồi núi và đất đai phần lớn là đất cằn, bạc màu. Những đặc điểm thổ nhưỡng đặc trưng này là thách thức lớn đối với việc phát triển đất đai và nông nghiệp.

Đất đai ở Hà Tĩnh chủ yếu được sử dụng cho mục đích lâm nghiệp và nông nghiệp (Hình 10). Các huyện có diện tích lớn hơn ở Hà Tĩnh như Hương Khê, Hương Sơn, Kỳ Anh, Vũ Quang và Cẩm Xuyên chủ yếu sử dụng đất cho mục đích lâm nghiệp (khoảng 54% đến 77% trong giai đoạn 2007–2010) trong khi các huyện nhỏ hơn sử dụng đất chủ yếu cho nông nghiệp (khoảng 34% đến 51% trong giai đoạn 2007–2010) và công nghiệp.

Trong số 121.167 ha đất sử dụng cho mục đích nông nghiệp, 53,6% được sử dụng để trồng lúa, phần còn lại được sử dụng cho cây lương thực, công nghiệp và cây ăn quả.

**Hình 10: Hiện trạng sử dụng đất ở Hà Tĩnh phân theo hoạt động<sup>1</sup>, 2010**

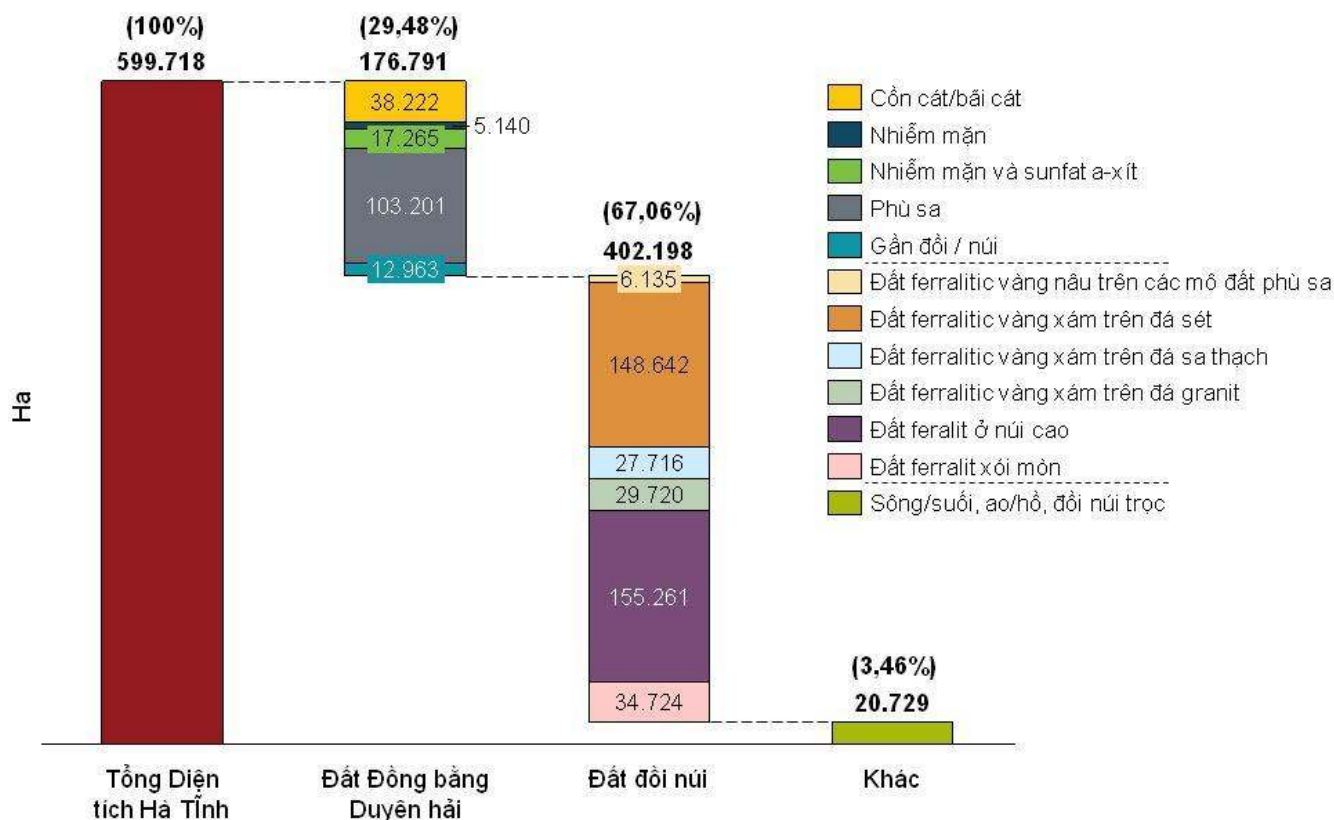


Nguồn: Phòng vấn Sở NNPTNT (2011); Sở TNMT (2007 – 2010)

66,8% diện tích đất Hà Tĩnh là miền núi và yêu cầu phải có công trình thủy lợi để có thể phát triển. Hơn nữa, thổ nhưỡng vùng núi Hà Tĩnh có lớp đất mỏng, nghèo dinh dưỡng với tỷ lệ đất ferralit vàng có nồng độ axit cao (Hình 11). Điều này tác động tiêu cực tới khả năng canh tác trong tỉnh và hạn chế việc sử dụng đất cho các mục đích nông nghiệp khác nhau. Đất vùng ven biển là đất mặn và nhiều cát. Kết quả là, khoảng 2/3 đất Hà Tĩnh thuộc loại nghèo dinh dưỡng hoặc trung bình và 1/5 tổng diện tích đất không phù hợp để canh tác.

<sup>1</sup> Che phủ rừng năm 2010 là 58,6% theo số liệu sử dụng đất của sở TNMT, theo cách đo của sở NNPTNT là 52,8%.

Hình 11: Phân loại đất ở Hà Tĩnh



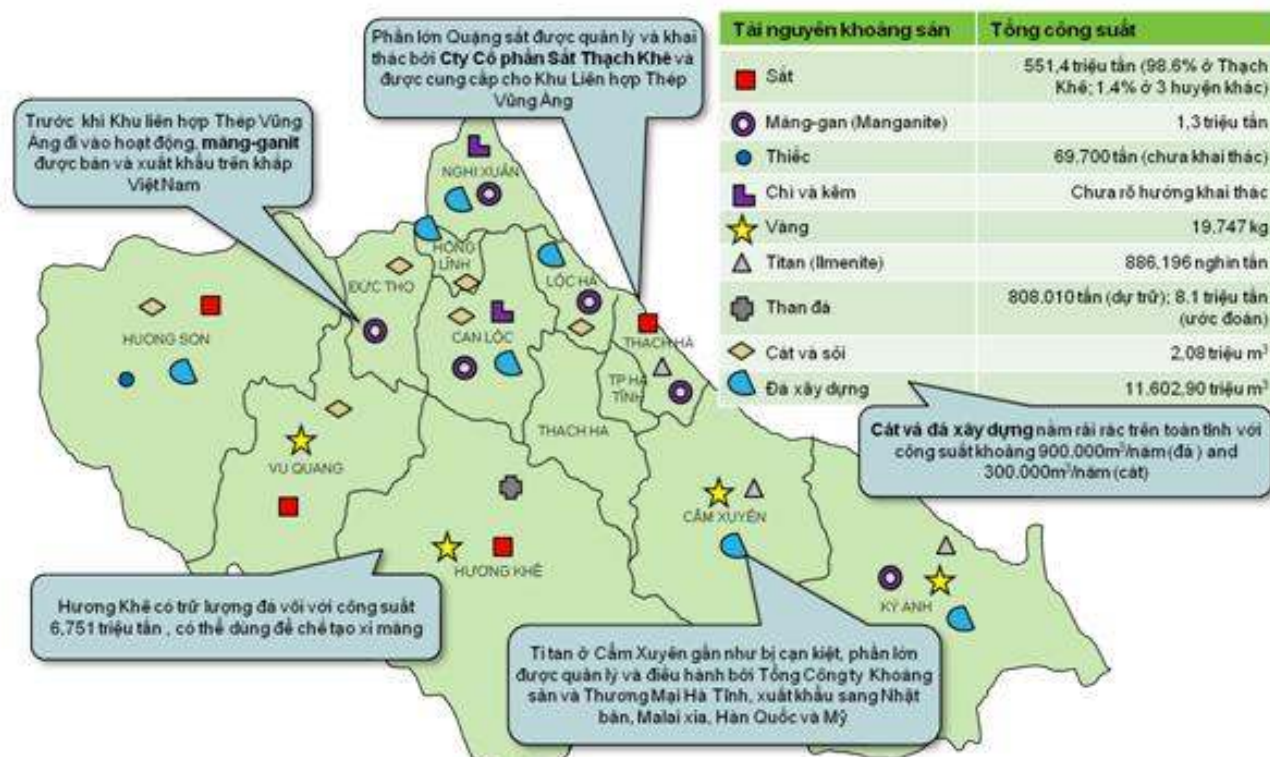
Nguồn: “Báo cáo Đánh giá về Biến đổi Khí hậu ở Hà Tĩnh,” Viện Chiến lược Chính sách Tài nguyên Môi trường (2009)

### 1.1.5 Trữ lượng khoáng sản

Hà Tĩnh giàu trữ lượng khoáng sản, bao gồm mỏ quặng sắt lớn nhất Việt Nam, chiếm 45% trữ lượng quặng sắt quốc gia (Hình 12). Mỏ quặng sắt Thạch Khê có trữ lượng 544 triệu tấn, trong đó có 369,9 triệu tấn được xem là có thể khai thác được khi sử dụng công nghệ hiện nay. Hàm lượng kẽm trong quặng sắt ở Hà Tĩnh là 0,07%. Ngoài ra, tỉnh còn có một số quặng sắt nhỏ hơn nằm ở khu vực phía Tây. Tài nguyên khác trong tỉnh, trong đó có quặng khoáng sản như titan, mangan và các khoáng sản khác như đá và cát làm vật liệu xây dựng. Hà Tĩnh đã và đang khai thác 1 phần nguồn tài nguyên khoáng sản quan trọng của mình, nhưng chưa có các ngành công nghiệp chế biến để tận dụng hiệu quả nguồn tài nguyên này. Trong tương lai, Hà Tĩnh có tiềm năng lớn trong việc tiếp tục khai thác các nguồn khoáng sản và thiết lập các ngành công nghiệp liên quan đến kim loại.



Hình 12: Vị trí và trữ lượng của khoáng sản Hà Tĩnh



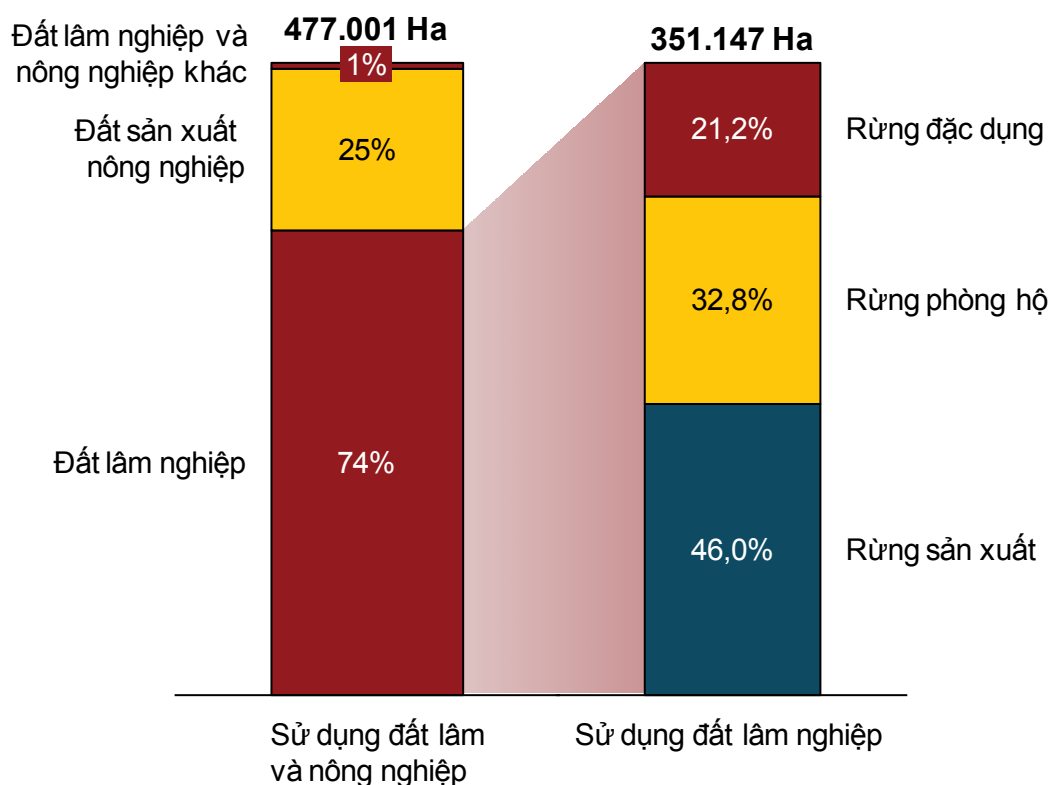
Lưu ý: Trên bản đồ không đánh dấu vị trí chính xác của tài nguyên khoáng sản tại từng huyện.

Nguồn: Phòng văn sở TNMT, trang web bộ TNMT (7/3/2011), “Niên giám Khoáng sản 2008: Việt Nam”, Bộ Nội vụ Hoa Kỳ - Khảo sát Địa chất Hoa Kỳ (2010); Phòng văn các huyện

### 1.1.6 Tài nguyên Rừng

Tỷ lệ che phủ rừng của Hà Tĩnh hiện nay là 52,8%, bao gồm cả rừng tự nhiên và rừng trồng. 74% số xã trong tỉnh đều có đất rừng. 351.147 ha đất lâm nghiệp ở Hà Tĩnh được chia thành 3 loại theo mục đích sử dụng (Hình13):

- *Rừng sản xuất* chiếm phần đất lâm nghiệp lớn nhất, 46%. Rừng sản xuất được khai thác để cung cấp gỗ, đặc biệt là gỗ nguyên liệu.
- *Rừng phòng hộ* chiếm 33% tổng diện tích đất lâm nghiệp và tập trung ở các khu vực như Khu bảo tồn thiên nhiên Vũ Quang. Ở đây trú ngụ đa dạng các loại động thực vật được bảo vệ và là nơi đóng vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường và kiểm soát lũ lụt.
- *Rừng đặc dụng* chiếm 21% tổng diện tích rừng.

**Hình 13: Sử dụng đất nông nghiệp và lâm nghiệp ở Hà Tĩnh, 2007–2010**

Nguồn: Sở TNMT (2007-2010)

### 1.1.7 Nguồn nước và biển

Hà Tĩnh có nguồn tài nguyên nước mặt dồi dào, bao gồm nhiều lưu vực sông, hàng năm cung cấp cho tỉnh khoảng 11–13 tỷ m<sup>3</sup> nước. Hà Tĩnh có 5.178 ha nuôi trồng thủy sản nước ngọt và 2.572 ha nuôi trồng thủy sản nước mặn.

Hà Tĩnh có 13 con sông bắt nguồn từ dãy Trường Sơn, với tổng chiều dài hơn 400km. Các con sông này là một phần của 4 lưu vực sông lớn bao gồm:

- Lưu vực sông La bao gồm các sông Ngân Sâu, Ngân Phố với diện tích lưu vực 3.221 km<sup>2</sup>;
- Lưu vực sông Cửa Sốt, bao gồm sông Nghèn, sông Rào Cái, với diện tích lưu vực 1.349 km<sup>2</sup>;
- Lưu vực sông Cửa Khẩu bao gồm sông Trí, sông Kèn và sông Quèn với diện tích lưu vực 510 km<sup>2</sup>;
- Lưu vực sông Cửa Nhượng gồm sông Gia Hội và sông Rác với diện tích lưu vực 356 km<sup>2</sup>.

Bốn lưu vực tạo ra các vùng nước lợ và bao phủ 6.000 ha bãi biển và đất đai. Độ mặn các khu này thích hợp cho phát triển nuôi trồng thủy sản như tôm, cua, cá, nhuyễn thể và nuôi trồng rong biển.

Hà Tĩnh còn có 345 ao hồ lớn nhỏ, chủ yếu phục vụ sản xuất lúa vụ Đông Xuân và vụ Hè Thu. Hồ lớn trên địa bàn tỉnh là Kê Gõ, Sông Rác và các hồ Cửa Thờ Trại Tiểu. Ngoài 345 hồ chứa hiện có với tổng công suất 762,6 triệu m<sup>3</sup>; tỉnh tiếp tục xây dựng các hồ chứa mới và các dự án thủy lợi đa mục tiêu.

Hà Tĩnh có bờ biển dài 137km, là một trong những tỉnh có bờ biển dài nhất Việt Nam, với diện tích mặt nước là 18.400 km<sup>2</sup>, phù hợp để sản xuất muối, đánh bắt thủy hải sản. Vùng biển xa bờ của Hà Tĩnh có nhiều sinh vật biển và có nhiều tàu cá đến đây từ các tỉnh khác nhau. Trữ lượng đánh bắt của Hà Tĩnh là 85.000 tấn. Trong số này, số lượng hàng năm được phép khai thác là 40.000 tấn. Con số này vẫn cao hơn lượng đánh bắt trung bình hàng năm tại Hà Tĩnh 23.000 tấn.

Do đó, Hà Tĩnh có điều kiện thích hợp cho việc phát triển các trang trại thủy sản biển lớn, nhất là đối với tôm và mực và có tiềm năng để phát triển nghề cá xa bờ.

Ngoài ra, Hà Tĩnh cũng có 02 bãi biển (Thiên Cầm, Xuân Thành) thích hợp cho du lịch, dù chỉ trong một khoảng thời ngắn trong năm (mùa hè).

## 1.2 Cơ sở hạ tầng vật chất

### 1.2.1 Giao thông

#### 1.2.1.1 Đường bộ

Đến cuối 2010, Hà Tĩnh có 8.746,15 km đường giao thông, bao gồm:

- 440,3 km đường quốc lộ do trung ương quản lý, bao gồm quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh, quốc lộ 8A, 8B, quốc lộ 12 và quốc lộ 15;
- 12 tuyến tỉnh lộ dài tổng cộng 379,2 km do tỉnh quản lý;
- 1.421,29 km đường cấp huyện do huyện quản lý;
- 3.614,72 km đường liên xã và 2.890,64 km đường thôn xóm do từng xã quản lý. Chất lượng của các đường này rất khác nhau giữa các huyện. Ví dụ, ở huyện Đức Thọ tất cả các tuyến đường liên xã được đổ bê tông, trong khi ở các huyện phía Tây của tỉnh, phần lớn của các tuyến đường này có chất lượng rất kém.

Đường bộ Hà Tĩnh đóng góp 1,76% vận chuyển hàng hóa quốc gia, lớn hơn nhiều so với vận chuyển hành khách với chỉ 0,36%. Hà Tĩnh nối với Miền Bắc và Miền Nam và có thể đóng vai trò là cầu nối thương mại quan trọng thông qua các tuyến quốc lộ chính. Cả hai tuyến quốc lộ chính của Việt Nam đều đi qua Hà Tĩnh: quốc lộ 1A đi qua thành phố Hà Tĩnh và đường Hồ Chí Minh đi qua khu vực phía Tây của tỉnh. Các phương tiện giao thông từ Đông Bắc Thái Lan và Lào có thể sử dụng đường bộ của Hà Tĩnh để tiếp cận thị trường Việt Nam hoặc kết nối với cảng Vũng Áng qua đường Quốc lộ 8 và 12.

Nhìn chung, hệ thống đường bộ hiện nay không đáp ứng được mong đợi của tỉnh dù tỉnh có mật độ đường là 1,45km/km<sup>2</sup>, cao hơn bình quân cả nước là 0,55. Tuy nhiên, Hà Tĩnh đã có nhiều dự án trong kế hoạch để nâng cấp mạng lưới đường bộ (Hình 14). Nhiều dự án đang được triển khai để nâng cấp các tuyến đường lớn và lát bê tông các tuyến đường huyện và đường xã. Theo Quy hoạch Giao thông vận tải tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, Hà Tĩnh dự kiến có 5 tuyến đường chính theo hướng Bắc-Nam và 5 tuyến đường chính theo hướng Đông-Tây, nhằm kết nối tốt hơn tới các trung tâm kinh tế. Các tuyến đường mới được quy hoạch là:

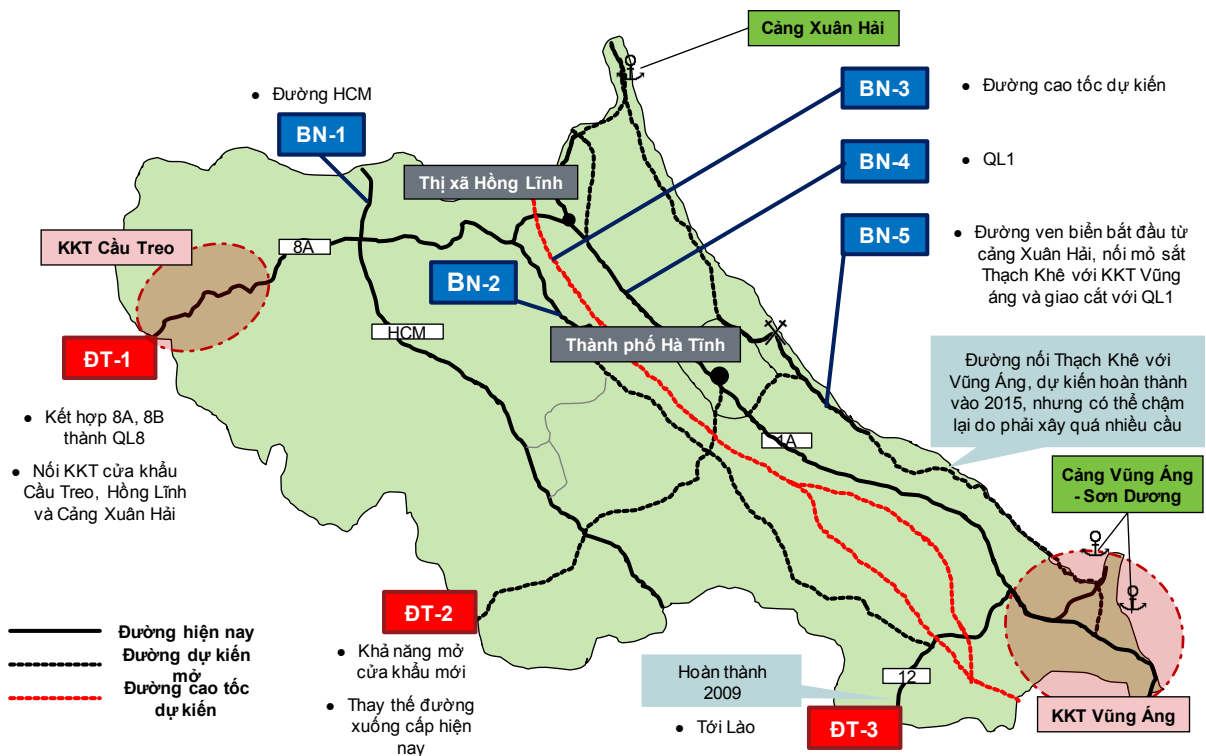
- Quốc lộ 8B đang được xây dựng và khi hoàn thành sẽ kết nối với quốc lộ 8A và trở thành quốc lộ 8 nối cửa khẩu quốc tế Cầu Treo với thị xã Hồng Lĩnh, cảng Xuân Hải ở huyện Nghi Xuân.

- Đường ven biển bắt đầu từ cảng Xuân Hải và kết nối với mở sắt Thạch Khê qua Khu kinh tế Vũng Áng và nối vào quốc lộ 1A. Đoạn từ Thạch Khê đi Vũng Áng hiện đang được đầu tư xây dựng.
- Tuyến đường mới theo hướng Đông-Tây để thay thế một tỉnh lộ hiện có chất lượng thấp, nối từ thành phố Hà Tĩnh đến đường biên giới phía Tây với Lào.

(Toàn tỉnh hiện có 9 bến xe đang hoạt động gồm: Bến xe thành phố Hà Tĩnh, bến xe thị xã Hồng Lĩnh, bến xe Đức Thọ, bến xe Hương Sơn, bến xe Can Lộc, bến xe Cẩm Xuyên, bến xe Kỳ Anh, bến xe Kỳ Lâm và bến xe Hương Khê. Quy hoạch đến năm 2020, toàn tỉnh sẽ có 18 bến xe đạt tiêu chuẩn từ loại IV đến loại I.)

Hà Tĩnh hiện cũng là một trong 13 tỉnh có tỉ lệ tai nạn giao thông cao nhất tại Việt Nam (năm 2010 có 230 vụ, 249 người chết, 144 người bị thương) và số lượng ngày càng tăng các vụ chấn thương và tử vong. Hầu hết các tai nạn giao thông xảy ra trên các đường quốc lộ đông đúc, nhưng tai nạn xảy ra ở các trục đường nhỏ hơn cũng ngày càng tăng lên. Đây là một xu hướng đáng quan ngại và cần được giải quyết trong tương lai.

**Hình 14: Bản đồ hệ thống đường bộ hiện có và theo quy hoạch của Hà Tĩnh**



Nguồn: Quy hoạch Tổng thể đến 2020 của Hà Tĩnh; Phòng văn Sở GTVT

### 1.2.1.2 Đường sắt

Đường sắt Thống nhất Bắc — Nam đi qua phía Tây tỉnh Hà Tĩnh, không đi qua các trung tâm kinh tế trọng điểm của tỉnh. Đoạn đi qua tỉnh Hà Tĩnh dài 71km với 12 ga, trong đó có 2 ga vận chuyển hàng hóa với 3 chuyến tàu dừng mỗi ngày. Tuy nhiên, các chuyến tàu quốc gia không thường xuyên dừng lại ở Hà Tĩnh do số lượng hành khách ít. Chỉ có một số tàu chạy nối các tỉnh trong khu vực dừng tại ga Yên Trung của huyện Đức Thọ, đặc biệt là trong các kỳ nghỉ lễ.

Trong tương lai, dự kiến 3 tuyến đường sắt đã quy hoạch sẽ tạo thuận lợi cho việc di chuyển của người và hàng hóa trong tỉnh (Hình 15):

- Đường sắt của tỉnh từ Thạch Khê đi Khu kinh tế Vũng Áng thuộc quy hoạch giao thông vận tải quốc gia để vận chuyển quặng sắt; ngoài ra còn có thêm phương án xây dựng một băng tải chuyên dụng cho vận chuyển quặng sắt.
- Đường sắt cao tốc Bắc-Nam cũng đã được quy hoạch. Theo quy hoạch, đường sắt này sẽ đi qua phía Tây của thành phố Hà Tĩnh, kéo dài tới Khu kinh tế Vũng Áng và chạy qua dãy Hoành Sơn nối tới tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên, nghiên cứu khả thi đang được tiến hành, do đó tuyến đi chính xác của đường sắt vẫn chưa chắc chắn.
- Đường sắt quốc tế từ Thakek thuộc đất nước Lào nối với Vũng Áng thuộc huyện Kỳ Anh đang được Chính phủ Lào và Việt Nam lập quy hoạch để đẩy mạnh thông thương giữa hai nước. Chính phủ Việt Nam hướng tới thực hiện khoảng 15–20% khối lượng vận tải trong khu vực thông qua đường sắt này. Việc xây dựng đường sắt này đặc biệt quan trọng để vận chuyển hàng hóa từ Lào và sang Việt Nam.

**Hình 15: Hiện trạng và quy hoạch đường sắt tại Hà Tĩnh**



Nguồn: Quy hoạch giao thông 2020 của Hà Tĩnh; Phòng vận sở GTVT

### 1.2.1.3 Cảng và vận tải đường thủy

Hà Tĩnh có 03 cảng, trong đó cảng Sơn Dương là một trong những cảng biển nước sâu lớn nhất ở Việt Nam hiện đang được Formosa Đại Loan xây dựng tại Khu Kinh tế Vũng Áng. Vị trí cảng gần với Lào và Thái Lan và gần các tuyến đường biển quốc tế có thể là lợi thế để tỉnh phát triển thành một trung tâm thương mại và vận chuyển hàng hải.

Cảng Xuân Hải là cảng bé nhất trong số 3 cảng hàng hóa trong tỉnh. Nằm gần Khu công nghiệp Gia Lách, với công suất 1,2–1,5 ngàn tấn/năm, cảng này chủ yếu được dùng để vận chuyển gỗ và thiết bị. Cảng Vũng Áng và

cảng biển nước sâu Sơn Dương là hai cảng nằm trong Khu kinh tế Vũng Áng và được phân tách ở mũi Ròn – có tác dụng như đê chắn sóng tự nhiên. Hai bến đã được hoàn thành vào năm 2001 và 2010 tại cảng Vũng Áng, có tổng công suất là 1,5 triệu tấn/năm, có khả năng tiếp nhận tàu lên đến 50.000 DWT. Bốn bến đang được quy hoạch xây dựng. Hiện nay, cảng chủ yếu được các công ty sản xuất gỗ băm dăm nằm trong Khu kinh tế sử dụng. Cảng Sơn Dương đang được xây dựng ở phía Nam Mũi Ròn và dự kiến hoàn thành giai đoạn 1 vào năm 2012. Quy hoạch Cảng có tổng công suất giai đoạn 1 đạt 30 triệu tấn/năm và mở rộng công suất lên 100 triệu tấn/năm trong giai đoạn 2. Đây sẽ là cảng chuyên dụng cho các nhà máy thép tại Khu kinh tế và có thể tiếp nhận tàu lên đến 300.000 DTW. Khu liên hợp Cảng cũng có vị trí tương đối tốt với các tuyến đường biển quốc tế, nối Hà Tĩnh với các nước Đông Á, Âu Á và châu Phi. Ngoài ra, cảng này có tiềm năng cung cấp tuyến vận chuyển ra biển ngắn hơn nhiều và do đó rẻ hơn cho các doanh nghiệp ở Đông Bắc Thái Lan và Trung Lào so với tuyến hiện tại là hành lang kinh tế Đông-Tây nối với cảng Đà Nẵng. Vũng Áng cách Trung Lào 300 km so với khoảng cách 500km đến Cảng Đà Nẵng; và cách 660km từ Khon Kean ở Thái Lan so với 820km đến Đà Nẵng. Hiện tại chưa có cảng hành khách trong tỉnh.

Cảng cá của Hà Tĩnh dọc bờ biển đóng vai trò là trung tâm thủy sản trong tỉnh và là nơi trú ẩn cho tàu thuyền khi gặp điều kiện thời tiết xấu. Các cảng chính được đặt tại Xuân Hội, Xuân Phổ, huyện Nghi Xuân, và ở Thạch Kim, huyện Lộc Hà. Tuy nhiên, năng lực các cảng còn thiếu, gây khó khăn cho sự phát triển của hoạt động đánh bắt cá trong tỉnh.

Hà Tĩnh có tổng cộng 9 tuyến đường sông, với tổng cộng chiều dài tuyến là 437km. Năm 2010, các tuyến đường thủy của tỉnh vận chuyển 120.000 hành khách cùng 257.000 tấn hàng hóa, giảm tương ứng 23% và 49% so với 2009. Tuy nhiên, con số này chỉ chiếm 1% và 2% tổng số hành khách và khối lượng hàng hóa vận chuyển trên địa bàn tỉnh. Các rào cản chính để phát triển giao thông đường thủy bao gồm sông hẹp, độ dốc lớn và nhiều cầu.

#### 1.2.1.4 Sân bay

Tỉnh Hà Tĩnh không có sân bay nhưng sân bay Vinh, thuộc tỉnh Nghệ An chỉ cách thành phố Hà Tĩnh 55 km về phía Bắc. Sân bay Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình nằm cách xa thành phố Hà Tĩnh 150 km nhưng chỉ cách Khu Kinh tế Vũng Áng 90km. Tỉnh đã có quy hoạch phát triển một sân bay tại huyện Cẩm Xuyên nhưng đây chỉ là phương án dự phòng cho sự phát triển của tỉnh cũng như nhu cầu bay tại địa phương. Tỉnh cũng cần đồng thời xem xét lại quy hoạch này. Địa điểm dự kiến xây dựng sân bay cho Hà Tĩnh nằm trong khu vực có diện tích 400–450 ha ở xã Cẩm Hoà, huyện Cẩm Xuyên. Sân bay này được quy hoạch nhằm kết nối với các trung tâm trọng điểm thông qua tuyến đường mới ven biển và chủ yếu phục vụ nhu cầu bay từ mỏ sắt Thạch Khê, Vũng Áng và Thiên Cầm.

#### 1.2.1.5 Vận chuyển hàng hóa và hành khách

Hiện nay Hà Tĩnh chủ yếu dựa vào đường bộ để vận chuyển hàng hóa và hành khách. Trong năm 2010, vận tải đường bộ chiếm 98% vận tải hàng hóa với khối lượng vận tải hàng hóa 13,9 triệu tấn, so với 257.000 tấn qua đường thủy nội địa và 13.000 tấn thông qua vận tải đường biển. Tương tự, vận tải đường bộ chiếm 97% tổng lưu lượng vận tải hàng hóa. Năm 2010, đa số vận chuyển hành khách là nhờ đường bộ. Cũng trong năm 2010, 9,4 triệu hành khách đi qua các tuyến đường bộ của Hà Tĩnh, chiếm 99% tất cả lưu lượng hành khách, so với 120.000 hành khách qua đường thủy nội địa.

## 1.2.2 Thủy lợi và cấp nước

### 1.2.2.1 Thủy lợi

Hệ thống thủy lợi của Hà Tĩnh bao gồm một loạt các hồ chứa, đập, trạm bơm, kênh rạch rất quan trọng cho việc cung cấp nguồn nước ổn định và dễ tiếp cận với các cộng đồng nông nghiệp. Hệ thống thủy lợi hiện nay chủ yếu được sử dụng để cung cấp nước cho mục đích nông nghiệp và chống lũ lụt. Về sức chứa nước, tỉnh đã xây dựng 345 hồ chứa thủy lợi với sức chứa trên 762,6 triệu m<sup>3</sup> nước. Tỉnh đang xây dựng và nâng cấp thêm 49 hồ chứa, đưa công suất nước của Hà Tĩnh tiếp tục tăng. 57 đập của Hà Tĩnh điều tiết lưu lượng nước với tốc độ 17 m<sup>3</sup>/giây. Hệ thống 32 đê với tổng chiều dài 318,7 km giúp ngăn chặn lũ lụt trong tỉnh. Thêm vào đó, 381 trạm bơm điện với tổng lưu lượng 117 m<sup>3</sup>/giây được thiết kế để hỗ trợ tưới tiêu 50.000 ha lúa đông xuân và 39.500 ha lúa hè thu. Hà Tĩnh dự kiến xây dựng 19 trạm bơm bổ sung để hỗ trợ thêm 17.800 ha đất tưới tiêu. Mạng lưới kênh rạch của tỉnh có chiều dài 8.284 km và đưa nước cho các khu vực nông nghiệp, công nghiệp, khu dân cư và hỗ trợ các hoạt động khác của thành phố. Tuy nhiên, chỉ có 32,5% kênh rạch được kiên cố hóa dẫn đến làm giảm hiệu quả thủy lợi trong tỉnh. Ngoài ra tỉnh có 12 kênh dẫn nước lớn giúp ngăn ngừa nước mặn ở các vùng ven biển.

Hệ thống thủy lợi từ trước đến nay vẫn đáp ứng nhu cầu tiếp cận nước cơ bản cho thành phố Hà Tĩnh, Thị xã Hồng Lĩnh, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh, Hương Sơn và một số khu vực khác. Mặc dù hệ thống đã cung cấp đủ nước cho các khu vực này trong giai đoạn trước đây, hiện nay các cơ sở hạ tầng thủy lợi đang bị xuống cấp do thiên tai và xói mòn, do đó ngày càng không thể đáp ứng nhu cầu nước tăng cao trong tỉnh. Chẳng hạn, một số hồ chứa nhỏ, đã được xây dựng 20-40 năm trước và do bị xuống cấp, công suất thực tế của những hồ này giảm xuống 40% so với công suất thiết kế. Những hồ này chỉ được đắp bằng đất, do đó rất dễ bị ảnh hưởng bởi điều kiện tự nhiên bất lợi gây hư hỏng. Mặc dù Hà Tĩnh có một hệ thống đê điều và kênh mương rộng lớn, song thường xuyên bị lũ lụt và xói lở. Nguồn vốn để duy trì, sửa chữa và nâng cấp cơ sở hạ tầng vẫn còn hạn chế.

### 1.2.2.2 Cấp nước công nghiệp và sinh hoạt

#### 1.2.2.2.1 Cấp nước đô thị

Cấp nước đô thị của Hà Tĩnh hiện có công suất thiết kế đủ cung cấp 74.600 m<sup>3</sup> nước sạch mỗi ngày, với công suất sử dụng thực tế của 12 nhà máy hiện có là 43.730 m<sup>3</sup>/ngày. Trong số này, 10 nhà máy nằm dưới sự quản lý của ngành cấp nước Hà Tĩnh và 2 nhà máy còn lại do Khu kinh tế Vũng Áng quản lý. Hà Tĩnh có kế hoạch nâng cấp nhà máy nước Đức Thọ và xây dựng thêm bốn nhà máy mới; sẽ bổ sung 40.200 m<sup>3</sup> nước mỗi ngày.

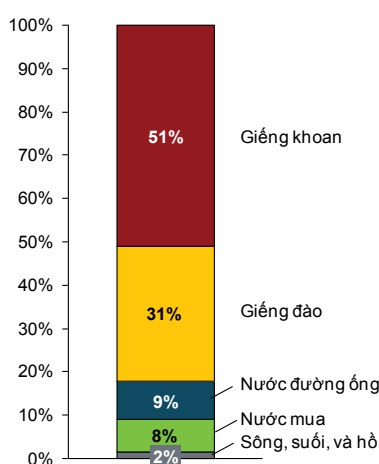
85% dân số thành thị của Hà Tĩnh có đủ nước sạch sinh hoạt. Khoảng 70% dân số tại các đô thị lớn có thể nhận được 80-100 lít nước /người/ngày. Ngoài ra, khoảng 50% người dân đô thị còn lại có thể nhận được 50-70 lít nước /người/ngày. Hà Tĩnh cần đảm bảo 100% cư dân đô thị có thể nhận được ít nhất 100 lít/ngày. Hà Tĩnh vẫn còn một số thách thức trong việc cung cấp nước cho khu vực đô thị bao gồm cả những điểm yếu trong hệ thống đường ống. Khoảng 30-35% lượng nước bị thất thoát từ các đường ống. Tỉnh sẽ phải khắc phục vấn đề này để tăng hiệu quả cung cấp nước trong tương lai cũng như đầu tư nâng cấp các đường ống khi thành phố phát triển. Mặc dù chất lượng nước ở các khu vực đô thị tương đối tốt, song chất lượng nước trên toàn tỉnh không đồng đều. Điều này phần lớn là do mạng lưới đường ống lộn xộn và không đồng bộ trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, tỷ lệ

hộ gia đình đô thị được sử dụng nước máy giữa các huyện cũng khác nhau. Ví dụ, ở một số huyện như Vũ Quang và Can Lộc, chưa đến một nửa dân số đô thị có nước máy.

#### 1.2.2.2.2 Cấp nước nông thôn

Các xã vùng nông thôn trong tỉnh tiếp nhận nước từ các trạm cấp nước. Đây là một phần của Chương trình quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường. Tuy nhiên, các trạm cấp nước này có quy mô nhỏ và không đủ đáp ứng nhu cầu của người dân nông thôn Hà Tĩnh. Nguồn nước chủ yếu của người dân nông thôn là từ giếng khoan và giếng đào, như được mô tả trong Hình 16.

**Hình 16: Cấu trúc các loại hệ thống cấp nước khu vực nông thôn Hà Tĩnh, 2010 (% Thành phần)**



Nguồn: Dự thảo báo cáo tóm tắt: Chương trình nước sạch & Vệ sinh môi trường ở khu vực nông thôn Hà Tĩnh từ năm 2011-2015 và định hướng đến năm 2020

Tính đến năm 2010, 738.765 người dân ở khu vực nông thôn có nước sạch, đạt tỷ lệ 69,79%, tăng 19,79% so với năm 2005. Các nguồn nước này gồm giếng khoan, giếng đào với hệ thống lọc đơn giản và nước máy. Việc sử dụng nước sông, ao, hồ chưa qua xử lý đã được giảm thiểu. Tuy nhiên, chưa đến một nửa các nguồn nước này đáp ứng các tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế. Theo các tiêu chuẩn này, Hà Tĩnh chỉ cung cấp nước sạch được cho 43,89% dân số nông thôn. Trong số này, 85% dùng nước máy, với nguồn nước được xử lý hóa học bằng thuốc khử trùng. 15% còn lại lấy nước từ một bể chứa có sử dụng bộ lọc bằng lực hấp dẫn.

Nhu cầu nước cấp thiết nhất của tỉnh là ở các vùng đồng bằng dọc theo bờ biển, đặc biệt là ở các huyện Đức Thọ, Can Lộc và Lộc Hà. Điều này là do nước ngầm ở khu vực ven biển thường bị ảnh hưởng bởi nước mặn, trong khi nước ngầm gần bề mặt hơn thường bị nhiễm khoáng kim loại. Cả hai vấn đề làm cho việc xử lý nước phức tạp hơn. Trong khi hầu hết các khu vực miền núi tiếp cận nước sạch thông qua các dòng suối, một số xã tiếp tục phải đối phó với vấn đề tiếp cận nước. Ví dụ, tại một số xã ở huyện Hương Sơn, mực nước ngầm sâu, đòi hỏi phải khoan sâu, do đó gây ra thiếu nguồn cung cấp nước ở nhiều nơi trong huyện.

#### 1.2.3 Xử lý chất thải và vệ sinh môi trường

Thực hành vệ sinh hiệu quả là điều cần thiết cho một cộng đồng dân cư khỏe mạnh, đặc biệt là ở các vùng nông thôn. Trong năm 2010, 54,09% trong số 283.104 hộ nông thôn trong tỉnh có nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn. Tỷ lệ



này là thấp so với tỷ lệ 63% của toàn quốc. Hơn nữa, chỉ có 58,31% các trường và công trình công cộng có nước sạch và nhà vệ sinh, mặc dù tỷ lệ này đã được cải thiện đáng kể so với mức 23,6% năm 2005. Tuy có triển vọng tiếp tục cải thiện việc tiếp cận nhà vệ sinh hợp tiêu chuẩn cho người dân, các chỉ số này vẫn còn thấp hơn cả mục tiêu quy hoạch của tỉnh trong năm 2010 và trung bình quốc gia. Hà Tĩnh sẽ phải ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng vệ sinh, tuyên truyền giáo dục vệ sinh trong các cộng đồng nông thôn. Hiện tại các khu vực dân cư đô thị chưa có nhà máy xử lý nước thải. Hệ thống thoát nước hiện nay có thể đáp ứng yêu cầu các trung tâm đô thị như thành phố Hà Tĩnh và Thị xã Hồng Lĩnh trong tương lai dự kiến sẽ không thể đối phó được khi lượng nước thải tăng lên.

Thu gom chất thải cũng rất quan trọng đối với Hà Tĩnh trong việc duy trì một môi trường sạch sẽ. Hiện đang có 30 đơn vị quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn. Trong đó có 15 hợp tác xã, 10 đội thu gom rác cấp xã, 3 công ty tư nhân, 2 công ty TNHH 1 thành viên, với tổng cộng 399 công nhân. Chất thải rắn từ trồng trọt thường được tái sử dụng làm nhiên liệu và do đó gần 100% chất thải liên quan đến nông nghiệp là tái chế. Tương tự như vậy, chất thải từ hoạt động chăn nuôi thường được sử dụng làm phân bón. Tuy nhiên, toàn tỉnh hiện đang thiếu bãi chôn lấp đầy đủ và hợp vệ sinh, đồng thời không có nhà máy xử lý chất thải để xử lý chất thải khu dân cư, trong đó có 260.000 tấn/năm vào năm 2010. Các khu công nghiệp và các ngành công nghiệp riêng lẻ đang trong quá trình xây dựng khu xử lý chất thải rắn. Hiện tại, một phần chất thải được chôn lấp trong tỉnh và phần còn lại vận chuyển sang các tỉnh lân cận để tái chế. Hàng trăm tấn chất thải y tế, đặc biệt là rác thải y tế phần lớn chưa được xử lý đúng quy định; đến cuối năm 2010 có 10/18 bệnh viện có hệ thống xử lý nước thải bảo đảm tiêu chuẩn môi trường.

Hà Tĩnh bị ô nhiễm từ nhiều nguồn khác nhau. Việc thiếu kỹ thuật và kiến thức phù hợp trong sử dụng hóa chất nông nghiệp có thể làm ô nhiễm đất và ảnh hưởng đến sức khỏe người dân. Trong năm 2004, tỉnh có 13 ca ngộ độc hóa chất cấp tính. Phân bón hóa học sử dụng ngày càng nhiều và năm 2008 đã tăng 2 lần năm trước đó. Hội Nông dân đã xác định mục tiêu ưu tiên là giảm sử dụng hóa chất trong nông nghiệp và cải thiện an toàn thực phẩm. Những nỗ lực của hội trong tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ đã có thành công nhất định. Bên cạnh đó, ô nhiễm từ công nghiệp và xây dựng cũng là một mối quan tâm ngày càng lớn. Trước đây Hà Tĩnh đã từng có những vụ xả nước thải chưa xử lý từ các nhà máy. Hiện nồng độ bụi trong khí quyển cao gấp hai lần tiêu chuẩn cho phép.

## 1.2.4 Điện và năng lượng

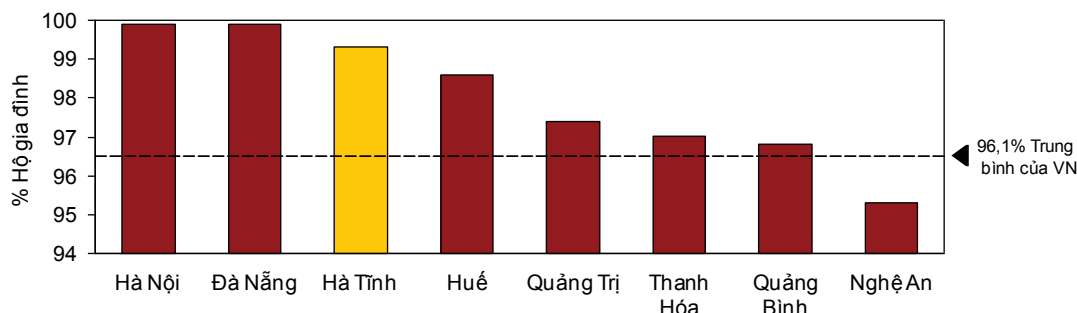
### 1.2.4.1 Tình hình cung cấp điện

Năm 2010, 99,53% hộ gia đình của Hà Tĩnh được sử dụng điện lưới quốc gia, so với 99,3% năm 2009. Chỉ số này cũng cao hơn các tỉnh láng giềng (Hình 17). Chỉ số này của cả nước là 97,6% năm 2010. Tất cả các xã, khu, thị trấn của Hà Tĩnh đều được hòa lưới điện quốc gia. 250 tổ chức quản lý điện nông thôn trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm đảm bảo cung cấp điện liên tục và ổn định cho khu vực nông thôn. Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 5 trạm biến áp với 8 máy biến áp 110KV, tổng công suất là 236 MVA.

Lưới điện phân phối: Tỉnh có các lưới 6, 10, 22, 35 KV với tổng chiều dài 2.327 km; 09 trạm trung gian/16 máy có tổng dung lượng 43.150KVA; 1892 trạm phân phối khu vực /1892 máy có tổng dung lượng 362.964,5KVA. Lưới hạ áp: Lưới hạ thế có tổng chiều dài 5.513km, với 306.753 công tơ và được đầu tư từ các chương trình dự án OPEC, RE-2, CT-135; có sự góp vốn tích lũy, huy động của cá nhân.

Kết nối lưới điện của Hà Tĩnh hiện tại cơ bản là tốt. Nguồn cung cấp điện về cơ bản đáp ứng nhu cầu công nghiệp và sinh hoạt của tỉnh.

**Hình 17: Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng điện lưới quốc gia, năm 2009 (%)**



Nguồn: Điều tra Mức số Hộ Gia đình Việt Nam (2008); Phòng văn Sở CT; Phân tích của Monitor

#### 1.2.4.2 Kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng điện trong tương lai

Hiện nay Hà Tĩnh đóng góp vào lưới điện quốc gia thông qua các nhà máy thủy điện, nhưng về tương lai, tỉnh có kế hoạch phát triển nhiệt điện. Hà Tĩnh đang thực hiện nhiều dự án nhằm phát triển nguồn điện, bao gồm các nhà máy nhiệt điện tại Vũng Áng (4800 MW) và nhiều dự án thủy điện. Năng lượng gió có tiềm năng ở các vùng ven biển và hiện đang được thăm dò.

##### 1.2.4.2.1 Nhiệt điện

Hai nhà máy nhiệt điện đốt than công suất 2.400 MW đang và sẽ được xây dựng tại Khu kinh tế Vũng Áng và dự kiến sẽ đóng góp 5% công suất điện của Việt Nam vào năm 2015.

- Nhiệt điện Vũng Áng 1 – Khởi công xây dựng từ 2006, dự tính hoàn thành vào cuối 2012. Đã đầu tư 1,56 tỷ USD vốn trong nước vào nhà máy, ước tính sản xuất 8 tỷ kWh điện/năm và dùng nguồn than từ miền Bắc
- Nhiệt điện Vũng Áng 2 – Hiện đang làm thủ tục để cấp phép đầu tư.

Ngoài ra, Formosa đang xây dựng nhà máy điện 900MW (giai đoạn I) trong Khu kinh tế Vũng Áng, nhằm cấp điện cho các nhà máy thép.

Với 4 tổ máy Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 3 (công suất 600 MW mỗi tổ máy) theo quy hoạch, Vũng Áng sẽ là 1 trong những tổ hợp nhà máy nhiệt điện lớn nhất ở Việt Nam. Dự án dự kiến sẽ giảm chi phí cấp điện ở các tỉnh miền Trung Việt Nam.

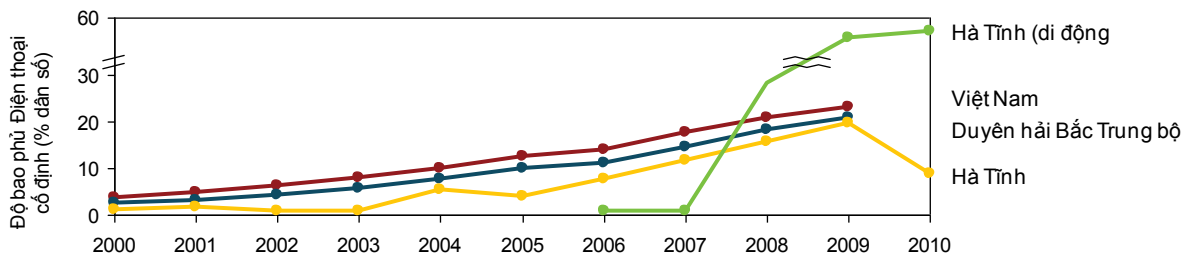
##### 1.2.4.2.2 Thủy điện

Mặc dầu khoảng 38% điện của Việt Nam do các nhà máy thủy điện cung cấp, với công suất khoảng 10.000 MW năm 2010, Hà Tĩnh chỉ đóng góp dưới 1% của các nhà máy này. Các hồ thủy điện hiện nay đang hoạt động riêng lẻ và chỉ có công suất nhỏ nhằm quản lý hiệu quả nước lũ trong mùa mưa gió hàng năm. Theo Quy hoạch Phát triển Điện lực tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2006-2010 có xét đến 2015, tỉnh sẽ có tổng công suất 144MW từ các nhà máy thủy điện vào năm 2015.

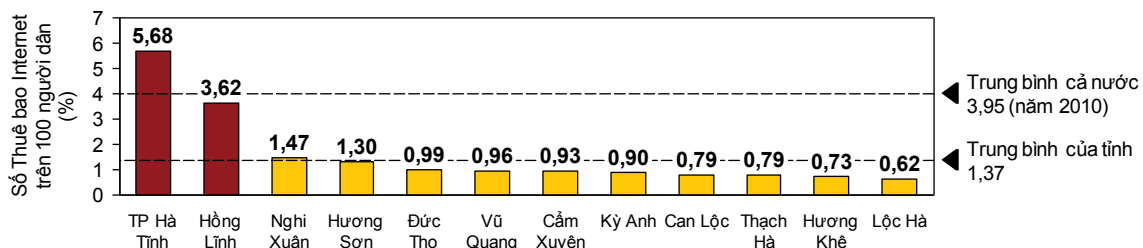
### 1.2.5 Bưu chính - viễn thông

Cơ sở hạ tầng điện thoại cố định của Hà Tĩnh thấp hơn so với mức bình quân Việt Nam, đặc biệt là ở các khu vực nông thôn. Tuy nhiên, Hà Tĩnh có mạng lưới điện thoại di động rất tốt để bù đắp (Hình 18). Việt Nam được xem là một quốc gia có tăng trưởng bùng nổ trong cả thuê bao cố định và di động, Hà Tĩnh cũng có xu hướng tương tự. Mạng di động ở Hà Tĩnh hiện nay phủ sóng hầu hết các khu vực dân cư và có tất cả các nhà cung cấp dịch vụ di động lớn của quốc gia như Viettel, Vinafone, Mobifone. Mạng di động của Hà Tĩnh được xem là một trong những điểm mạnh nhất về cơ sở hạ tầng kỹ thuật của tỉnh — mạng vẫn có sóng ngay trong thời gian lũ lụt, trong khi tất cả các tiện ích khác đều có xu hướng không phục vụ được. Hà Tĩnh cũng hỗ trợ việc sử dụng các mạng di động 3G, phủ sóng ở các khu vực ven biển của tỉnh. Tỷ lệ sử dụng điện thoại di động ở Hà Tĩnh trong năm 2010 là gần 60%, tương đương với tỷ lệ chung của cả nước. Hà Tĩnh cũng có cơ sở hạ tầng mạng internet vững chắc, mặc dù kết nối mạng của dân còn thấp, dưới mức trung bình cả nước, chủ yếu là do không có máy tính cá nhân và nhu cầu thấp hơn.

**Hình 18: Phủ sóng điện thoại (% dân số)**

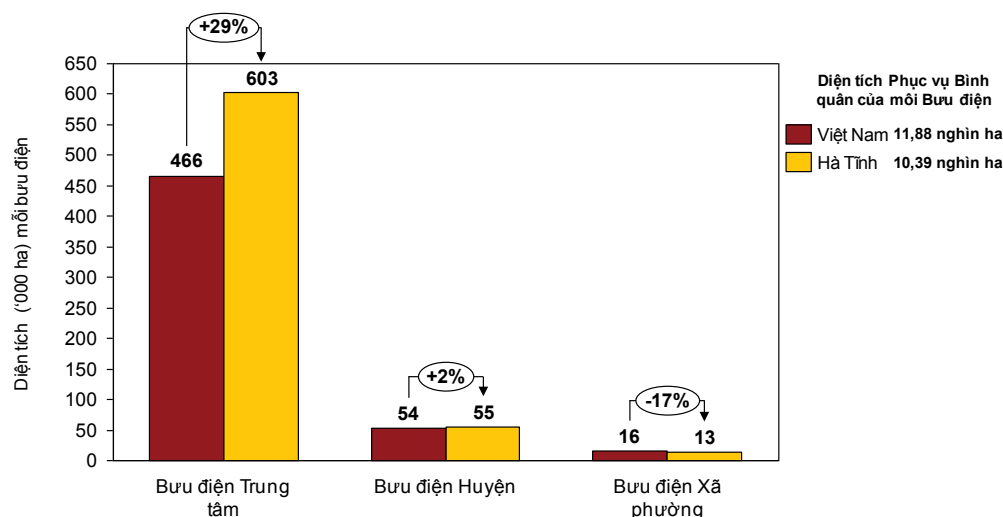


**Hình 19: Số thuê bao Internet ở các huyện của Hà Tĩnh, 2009 (%)**



Ghi chú: Độ bao phủ tính bằng cách chia tổng số thuê bao cố định cho tổng dân số; CAGR (tỷ lệ tăng trưởng hàng năm) được tính cho mức tăng số thuê bao cố định  
 Nguồn: Tổng cục Thống kê; Sở Thông tin và Truyền thông Hà Tĩnh, Bộ Thông tin và Truyền thông <http://www.apecdoc.org/trackbacks/14/8970> (09 tháng 3 2011); Cellular-News.com; Phân tích của Monitor

So với mức trung bình toàn quốc và các nước khác trong khu vực, Hà Tĩnh cũng có một cơ sở hạ tầng bưu chính phát triển rất tốt (Hình 20). Năm 2010, diện tích phục vụ bình quân của 1 bưu điện tại Hà Tĩnh là 10,39 nghìn ha, thấp hơn bình quân cả nước (11,88 ha). Diện tích phục vụ bình quân của một bưu điện tại Hà Tĩnh cũng thấp hơn mức của các nước láng giềng là Trung Quốc, Thái Lan và Lào.

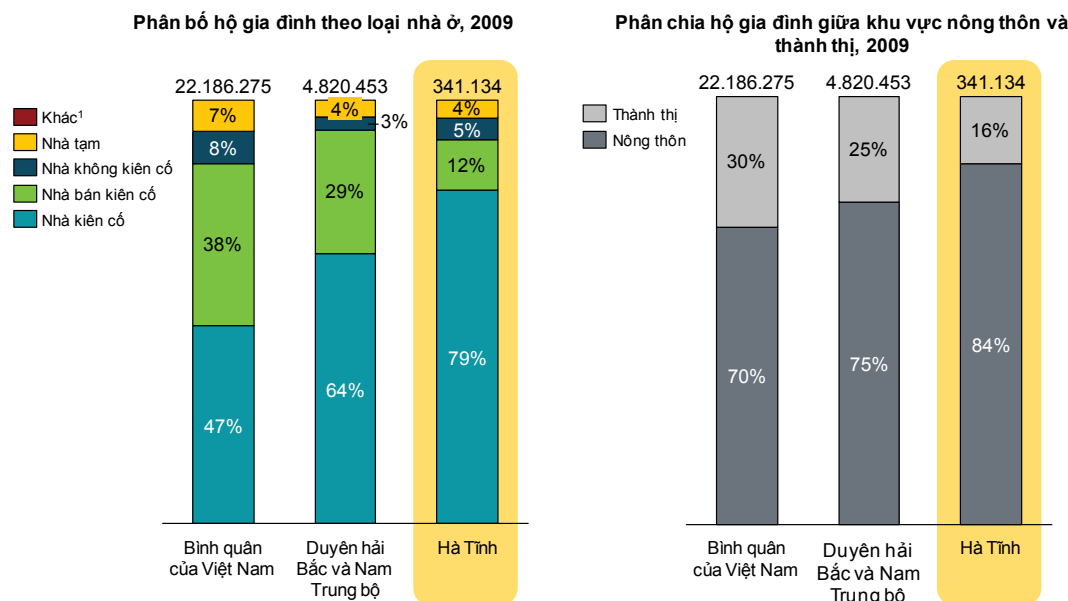
**Hình 20: Diện tích phục vụ bình quân 1 bưu điện theo loại, 2010 (Nghìn ha/Bưu điện)**

Lưu ý: Diện tích bình quân phục vụ của mỗi bưu điện tính bằng cách chia diện tích từng khu vực cho tổng số bưu điện trung tâm, bưu điện huyện thị, bưu điện xã phường

Nguồn: <http://www.weatherreports.com> (09 tháng 3 2011); Phân tích của Monitor

### 1.2.6 Nhà ở

Mặc dù nông thôn ở Hà Tĩnh chiếm tỷ lệ cao hơn so với bình quân chung cả nước, nhưng tỷ lệ nhà ở kiên cố và bán kiên cố cộng lại tương đương với mức bình quân của cả nước (Hình 21). Với tỉ lệ nhà ở kiên cố chiếm 79%, Hà Tĩnh tốt hơn khu vực Bắc và Nam Trung bộ trong lĩnh vực cung cấp nhà ở chất lượng cho nhân dân.

**Hình 21: Phân bố hộ gia đình theo loại nhà ở, và vị trí nhà ở, 2009**

Lưu ý: <sup>1</sup>Khác là nhà ở không được phân loại trong điều tra dân số

Nguồn: “Điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009”, Ban chỉ đạo Điều tra Dân số và Nhà ở Trung ương (2010), Phân tích của Monitor

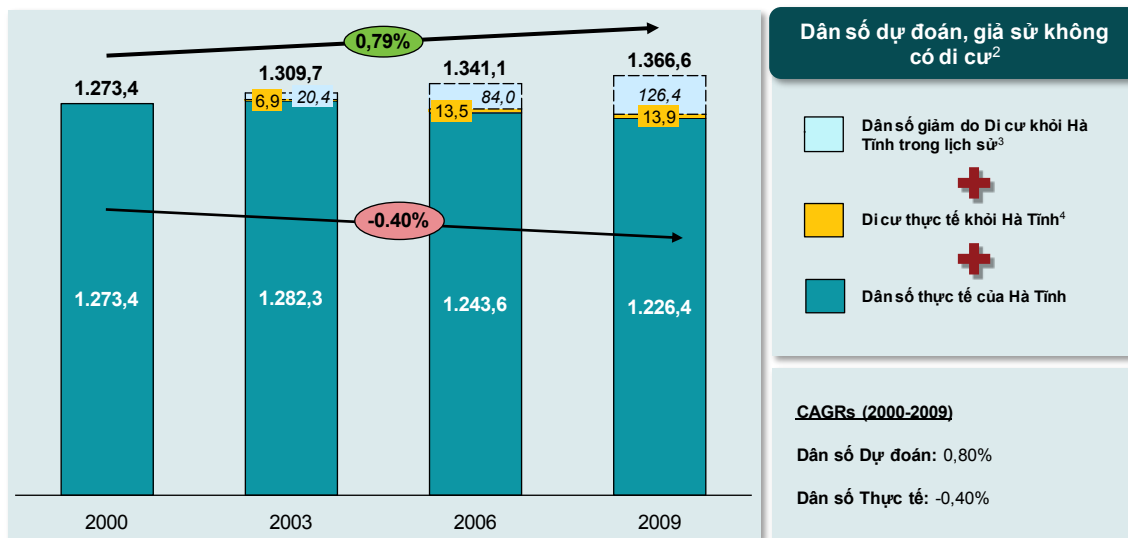
## 1.3 Lao động và nguồn nhân lực

### 1.3.1 Dân số

Không như tình hình chung ở Việt Nam, từ năm 2000 đến năm 2010, dân số của tỉnh Hà Tĩnh đã giảm từ 1.273.000 xuống còn 1.223.000, với tỷ lệ tăng dân số bình quân hàng năm là -0,36%. Do xu hướng dân số này, năm 2010 Hà Tĩnh chỉ chiếm 1,41% dân số của Việt Nam.

Việc giảm tổng dân số bắt nguồn từ tình trạng di cư sang các tỉnh khác ở Việt Nam hoặc ra nước ngoài (Hình 22). Giả sử không có sự di cư ra khỏi địa bàn tỉnh từ năm 2000 đến năm 2009, dự kiến tăng trưởng thực dân số có thể là 0,8%.

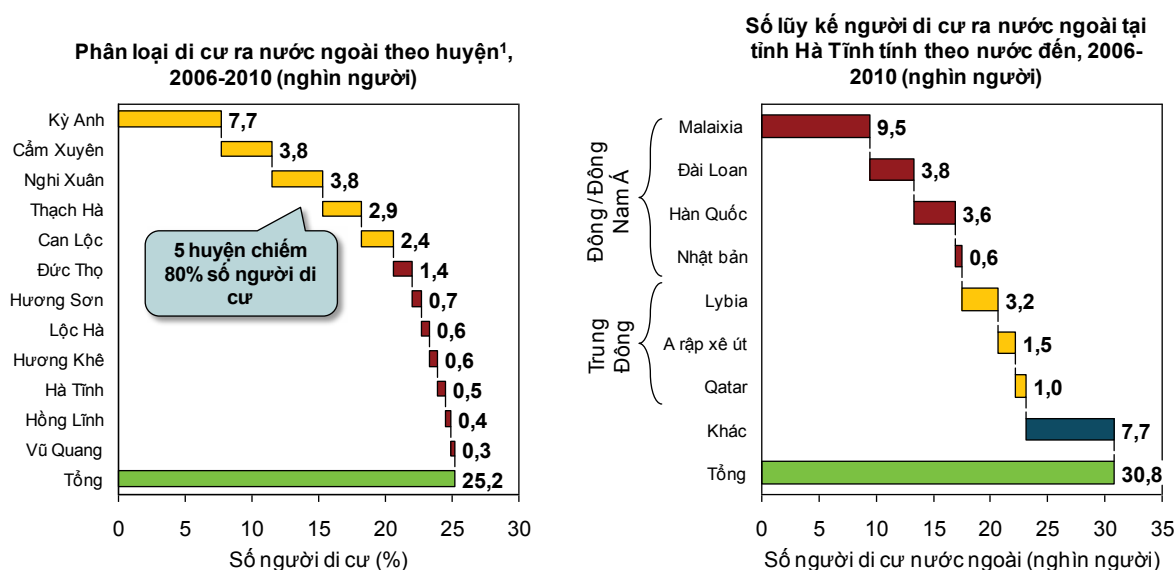
**Hình 22: Xu hướng dân số dự báo (Giả sử không có di cư) và thực tế tại Hà Tĩnh, 2000–2009 (Nghìn người)**



Lưu ý: <sup>1</sup> Số liệu lịch sử dựa trên báo cáo năm 2000; <sup>2</sup> Dân số dự đoán, Giả sử không có Di cư, dựa trên Dân số Thực tế năm 2000, tính từ Dự đoán Dân số của Năm trước và Tỷ lệ Gia tăng Tự nhiên của Năm hiện tại; <sup>3</sup> Dân số giảm do Di cư trong Lịch sử là Dân số Dự đoán trừ Dân số Di cư Thực tế trừ Dân số thực của Năm hiện tại; <sup>4</sup> Di cư Thực tế được tính dựa trên Dân số thực của Năm trước, khi Di cư nhiều hơn Nhập cư  
 Nguồn: Niên giám Thống kê Hà Tĩnh; Tình hình Kinh tế Xã hội Hà Tĩnh, 1991 - 2004; Phân tích của Monitor

Hơn 12.000 lao động rời Hà Tĩnh mỗi năm (tỷ lệ di cư thực năm 2010 là -9.8%), với khoảng một nửa trong số đó đến các tỉnh khác ở Việt Nam. Trong 5 năm qua, hơn 80% số người trong tỉnh di cư ra nước ngoài, chủ yếu là từ 5 huyện của tỉnh và thường di cư sang các nước ở Đông Nam Á, đặc biệt là Malaysia (Hình 23). Chính sách của Chính phủ cũng góp một phần nguyên nhân dẫn đến việc một lượng lớn người dân di cư đi nước ngoài. Chính phủ Việt Nam đã khuyến khích xuất khẩu lao động để giải quyết việc làm, tăng thu nhập và nâng cao kỹ năng cho lực lượng lao động.

**Hình 23: Thống kê phân tích những người di cư ra nước ngoài theo huyện và nước đến, 2006–2010 (Nghìn người)**



Lưu ý: 1 Lao động được phân loại khác không được tính chiếm 5.609

Nguồn: “Tình hình Dân số, Việc làm và Thất nghiệp ở Hà Tĩnh”, Sở LĐT BXH (2010); Phòng văn Sở LĐT BXH; Phân tích của Monitor

Một trong những lý do chính để người dân di cư là tìm kiếm cơ hội việc làm tốt hơn. Tỉnh Hà Tĩnh thấp hơn mức bình quân toàn quốc về tạo cơ hội việc làm mới — trong khi việc làm tại Việt Nam đã tăng ở tốc độ 2,8% (tỷ lệ tăng trưởng hàng năm) từ năm 2000 đến năm 2009, ở Hà Tĩnh chỉ tăng 0,9%. Phần lớn người di cư đang làm việc ở khu vực nông nghiệp ở Hà Tĩnh và thường thiếu việc làm do tính chất mùa vụ của ngành. Các giải pháp thay thế là di cư theo mùa vụ hoặc cuối mùa vụ. Một số người di cư để tìm kiếm công việc có trình độ và thu nhập cao hơn trong các ngành công nghiệp, dịch vụ. Đây là những công việc mà ở Hà Tĩnh khó tìm hơn so với ở các trung tâm công nghiệp của Việt Nam. Hơn nữa, lực lượng lao động tại các khu vực đô thị lớn như TP Hồ Chí Minh, Hà Nội và hay cả Đà Nẵng kiếm được một mức lương cao hơn nhiều so với lực lượng lao động tại Hà Tĩnh. Theo điều tra mức sống hộ gia đình, bình quân hàng tháng thu nhập bình quân đầu người năm 2010 ở thành phố Hồ Chí Minh là 2.737.000 Đồng so với 2.013.000 tại Hà Nội, 1.897.000 tại Đà Nẵng và chỉ 839.700 Đồng tại Hà Tĩnh.

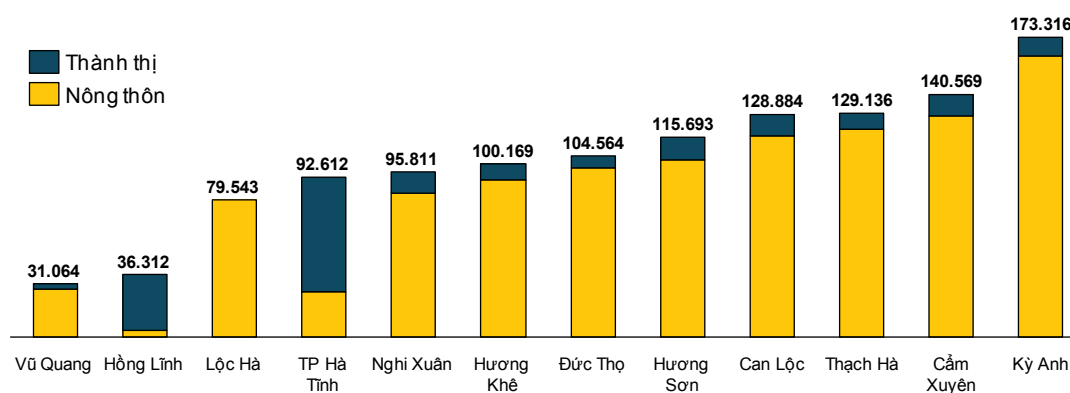
Các lý do khác dẫn đến việc di cư liên quan đến các cơ hội về văn hóa - xã hội. Một số người rời khỏi Hà Tĩnh để tìm kiếm cơ hội giáo dục và đào tạo chuyên sâu hơn, phần này sẽ được thảo luận chi tiết hơn trong phần giáo dục. Khi có trình độ cao hơn, những người này họ có cơ hội tìm được việc làm trình độ cao và thu nhập cao hơn và do đó hiếm khi trở về tỉnh làm việc. Các thành phố lớn như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh cũng có thể cung cấp cơ sở hạ tầng văn hoá và xã hội tốt hơn như các cơ sở y tế, thể thao, giải trí. Hiện tại, Hà Tĩnh chưa cung cấp các điều kiện sống để có thể cạnh tranh được với môi trường sống của các thành phố lớn này.

Hà Tĩnh có thể được hưởng lợi từ luồng lao động di cư lớn của tỉnh theo hai cách — thu hút lực lượng lao động lành nghề quay trở lại và từ khoản tiền được chuyển về. Ví dụ, lượng tiền do những người di cư gửi về lên tới 1.200 tỷ Đồng trong năm 2010, tương đương với một phần ba thu nhập xuất khẩu của tỉnh.

Trong khi tổng dân số của Hà Tĩnh và dân cư nông thôn trong thập kỷ qua đã giảm đi, dân số đô thị lại gia tăng. Từ năm 2000 đến 2010, tỷ lệ tăng dân số đô thị hóa trung bình hàng năm của tỉnh là 4,71%. Mặc dù đô thị

hóa mạnh, Hà Tĩnh còn là 1 tỉnh chủ yếu nông thôn với gần 85% dân số sống ở nông thôn. Trong số 12 đơn vị cấp huyện, chỉ có 2 đơn vị đến nay được coi là trung tâm đô thị, đó là thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh. Cả hai đã tăng trưởng nhanh chóng với tỷ lệ tương ứng là 9,1% giai đoạn 2001-2005 và 8,3% giai đoạn 2006 – 2010 với thành phố Hà Tĩnh; 3,8% giai đoạn 2001-2005, 13,3% giai đoạn 2006-2010 với thị xã Hồng Lĩnh(Hình24). Cả 2 đô thị của Hà Tĩnh có mật độ dân số cao hơn nhiều so với các huyện nông thôn, đặc biệt là các huyện vùng sâu vùng xa, miền núi như Vũ Quang. Hà Tĩnh có thành phần dân tộc khá đồng nhất với 99% là người Kinh.

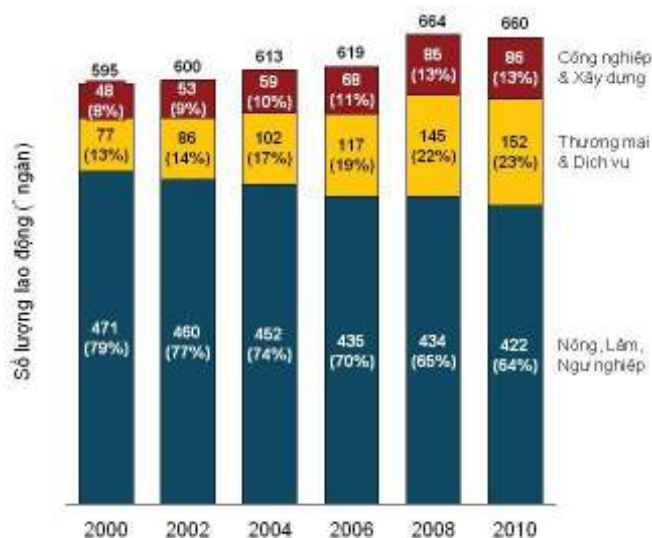
**Hình 24: Dân số thành thị và nông thôn của Hà Tĩnh phân theo huyện, 2010**



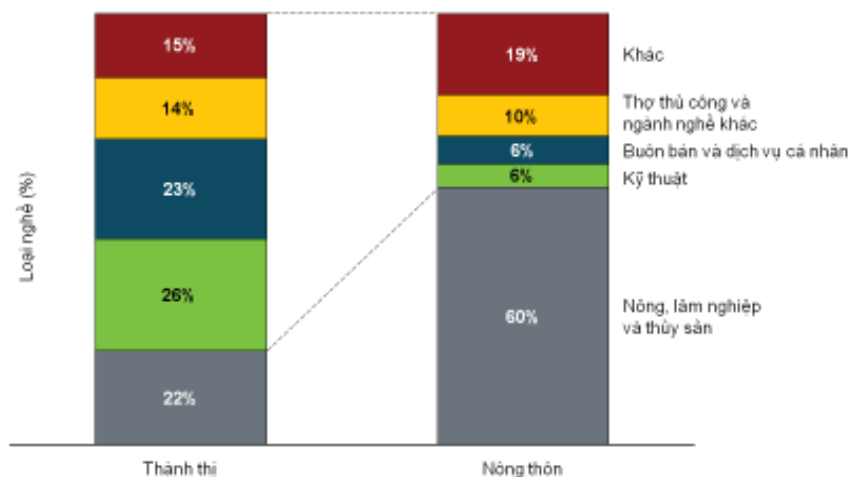
Nguồn: Tổng cục Thống kê; Niên giám Thống kê; Phân tích của Monitor

### 1.3.2 Lao động

Lực lượng lao động Hà Tĩnh năm 2010 có 659.762 người (trong tổng số 709.874 người trong độ tuổi lao động), chiếm khoảng 54% tổng dân số. Mặc dù lực lượng lao động chỉ tăng trưởng bình quân hàng năm là 1,1% từ năm 2001 đến năm 2010 (có giảm nhẹ từ năm 2008), số người tham gia lực lượng lao động vẫn tăng mạnh hơn tốc độ gia tăng dân số của tỉnh trong cùng thời kỳ. Cơ cấu kinh tế hiện nay tập trung vào nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (Hình 25). Đây là ngành có năng suất thấp và sử dụng đến 64% lực lượng lao động, so với mức 52% của cả nước. Tuy nhiên, kinh tế Hà Tĩnh đang dần đa dạng hóa và lao động đang dần chuyển dịch từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp hoặc dịch vụ. Từ năm 2000, lực lượng lao động tham gia trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản giảm, với mức thay đổi bình quân năm là -1,1%, trong khi đó, số lao động tham gia vào lĩnh vực công nghiệp- xây dựng và dịch vụ - thương mại tăng với tỷ lệ lần lượt là 6,1% và 7,1%.

**Hình25: Phân loại Lao động theo lĩnh vực, 2000–2010 (Nghìn người)**

Theo tính toán, cơ cấu nghề nghiệp thay đổi đáng kể giữa khu vực nông thôn và thành thị. Trong khi khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản vẫn là khu vực sử dụng lao động chính, lao động ở hai đô thị được phân chia tương đối đồng đều trên các ngành nghề khác nhau (Hình26).

**Hình26: Cơ cấu nghề nghiệp theo khu vực đô thị và nông thôn, 2010 (%).**

Nguồn: “Tình hình Dân số, Việc làm và Thất nghiệp ở Hà Tĩnh”, Sở LĐTĐHX (2010); Phân tích của Monitor

Các lực lượng lao động ở Hà Tĩnh nói chung ít được đào tạo và thiếu kỹ năng trong những lĩnh vực quan trọng cần thiết cho sự phát triển của tỉnh, như kỹ thuật. Như sẽ trình bày chi tiết trong phần tiếp theo, năm 2010, trên 68% lực lượng lao động của Hà Tĩnh không được qua đào tạo, việc tiếp cận đào tạo cũng như chất lượng đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh thời gian qua còn nhiều tồn tại, thách thức.



## 1.4 Phát triển xã hội

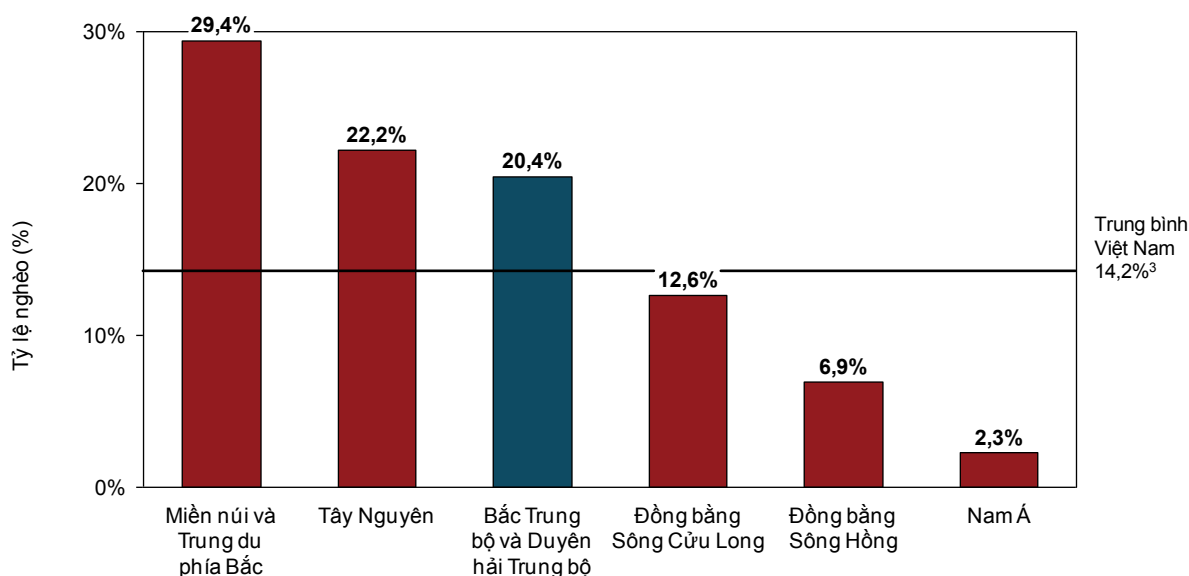
Các nhân tố xã hội quan trọng nhất là xóa đói giảm nghèo, giáo dục và y tế.

### 1.4.1 Xóa đói giảm nghèo

Hà Tĩnh thuộc khu vực duyên hải Bắc Trung bộ, là khu vực có tỷ lệ nghèo đói cao và GDP bình quân đầu người thấp hơn mức cả nước. Với 23,1% dân số là người nghèo năm 2010 so với mức 14,2% trung bình cả nước năm 2008, khu vực Duyên hải Bắc Trung bộ vẫn là một trong những khu vực nghèo nhất Việt Nam (Hình27). Có hai nguyên nhân cơ bản dẫn tới mức nghèo này là:

- Vị trí nằm xa các trung tâm kinh tế lớn của cả nước.
- Điều kiện khí hậu khắc nghiệt phổ biến ở các tỉnh Duyên hải Bắc Trung bộ. Khu vực này phải đối mặt với bão, lũ lụt thường xuyên cũng như những đợt lạnh vào mùa đông và nóng nực vào mùa hè.

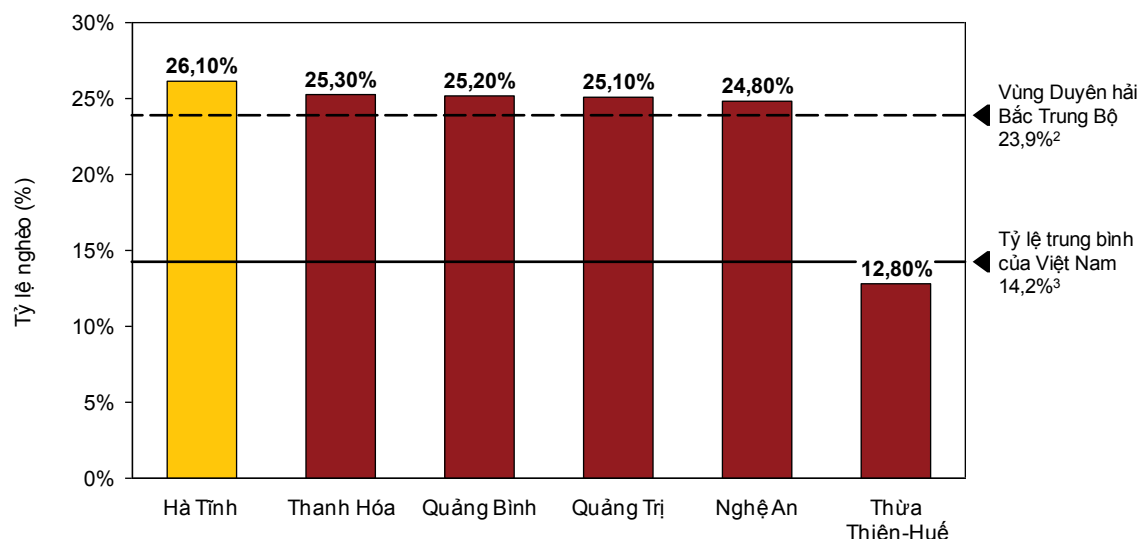
**Hình27: Tỷ lệ nghèo ở Việt Nam, 2010 (%)**



Lưu ý: <sup>1</sup> Phần trăm dân số dưới chuẩn nghèo, nếu chuẩn nghèo được xác định là 400.000 đ/tháng/người ở nông thôn và 500.000 đ/tháng/người ở đô thị (chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 của Chính phủ)

Nguồn: Tổng cục Thống kê

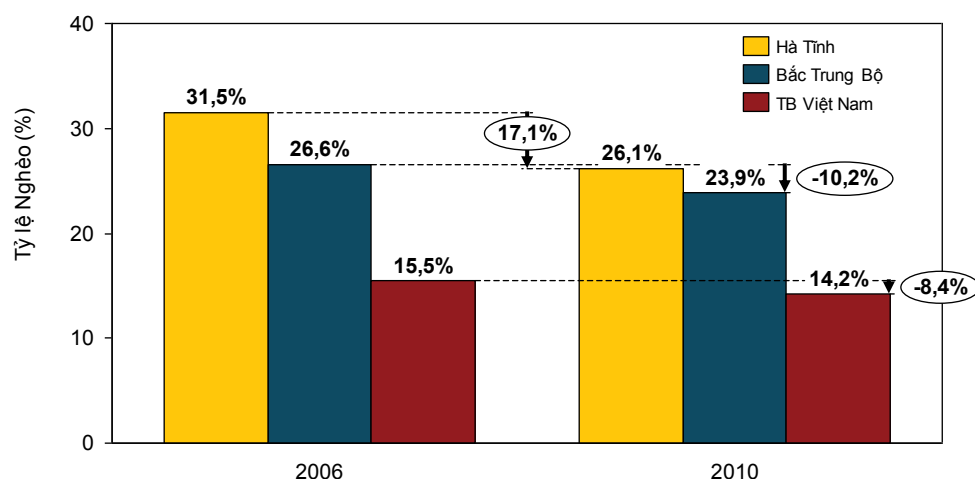
Trong khu vực, Hà Tĩnh là tỉnh có tỷ lệ dân số sống trong nghèo đói vào loại cao nhất. Trong năm 2010, 26,1% dân số của Hà Tĩnh sống trong nghèo đói so với 20,4% của khu vực Bắc Trung Bộ và 14,2% của cả nước (Hình28). (Tất cả đều theo chuẩn nghèo mới)

**Hình 28: Tỷ lệ nghèo ở khu vực Duyên hải Bắc Trung bộ, 2010 (%)**

Lưu ý: <sup>1</sup> Phần trăm dân số dưới chuẩn nghèo, nếu chuẩn nghèo được xác định là 400.000 đ/tháng/người ở nông thôn và 500.000 đ/tháng/người ở đô thị (chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 của Chính phủ); <sup>2</sup> Tỷ lệ nghèo của Bắc Trung bộ được tính theo số liệu tỷ lệ nghèo của tỉnh và ngoại suy; <sup>3</sup> Tỷ lệ hộ nghèo của Việt Nam lấy từ CIA World Factbook

Nguồn: Điều tra Mức sống Hộ gia đình, Tổng cục Thống kê (2009); Số liệu từ Sở KHĐT

Tuy nhiên, mức nghèo đói ở Hà Tĩnh đang có xu hướng giảm dần. Từ 2006 đến 2010, Hà Tĩnh đã thành công hơn so với các tỉnh trong khu vực và các tỉnh trung bình của cả nước về thành tích xóa đói giảm nghèo. Mặc dù Hà Tĩnh đã giảm được trên diện rộng, nghèo đói vẫn ở mức cao trong năm 2006 (Hình 29). Mức tuyệt đối về đói nghèo vẫn cao, nhất là ở các huyện miền núi phía Tây như: Hương Sơn, Hương Khê và Vũ Quang. Trong năm 2010, cả ba huyện này có tỷ lệ đói nghèo trên 30% và tỷ lệ các hộ cận nghèo vẫn còn lớn.

**Hình 29: Tỷ lệ nghèo<sup>1</sup> ở Hà Tĩnh, Khu vực Duyên hải Bắc Trung bộ và Việt nam**

Lưu ý: <sup>1</sup> Phần trăm dân số dưới chuẩn nghèo, nếu chuẩn nghèo được xác định là 290.000 đ/tháng/người ở nông thôn và 370.000 đ/tháng/người ở đô thị (chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 của Chính phủ)

Nguồn: “Khảo sát Hộ gia đình và Mức sống”, Tổng cục Thống kê (2009)

Về giảm nghèo, Hà Tĩnh đã có những bước cần thiết để thực hiện các chương trình của Chính phủ, trong đó như xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ người nghèo tiếp cận tín dụng và bảo hiểm y tế, xây dựng khu tạm trú cho những

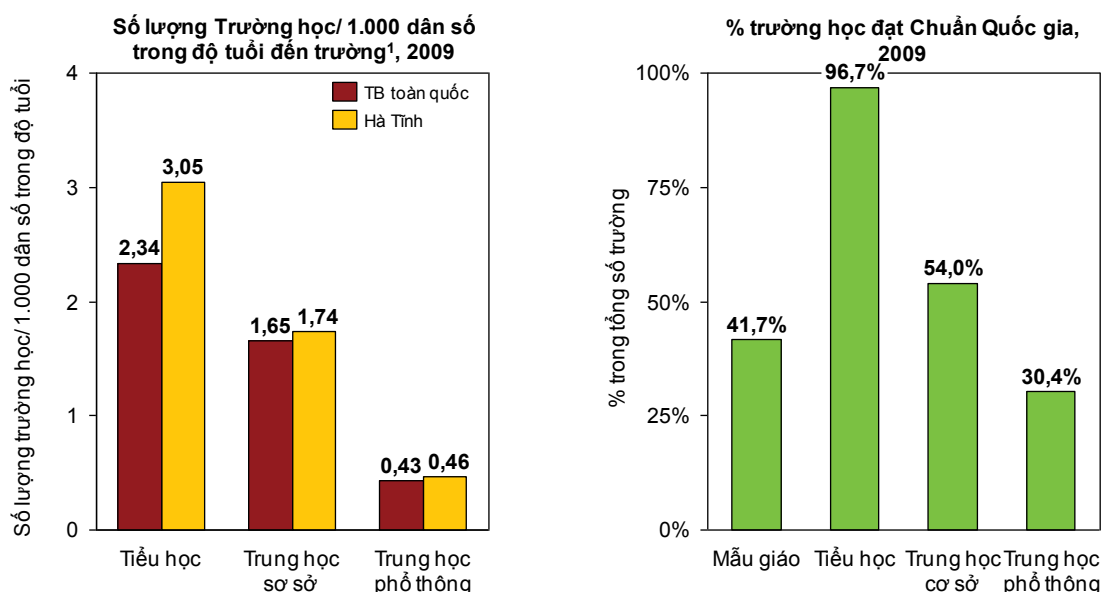
người mất nhà cửa, xây dựng chính sách và dịch vụ ưu đãi cho lao động nông nghiệp. Trong chương trình Nông thôn mới của tỉnh, Hà Tĩnh tập trung vào cải thiện giao thông, thủy lợi, điện, viễn thông và nhà ở tại các cộng đồng nông thôn. Khi chương trình được thực hiện, tỉnh có thể cung cấp nước sinh hoạt bình quân 100 lít nước/ngày/người. Ngoài ra, Hà Tĩnh cũng có kế hoạch nâng cấp, mở rộng đường giao thông nông thôn đạt bề rộng tối thiểu là 4m. Những chỉ số mới này sẽ hỗ trợ việc phát triển và chuyển dịch của cộng đồng nông thôn. Chương trình cũng góp phần cải thiện trường học, cơ sở hạ tầng văn hóa, nâng cao hệ thống chăm sóc sức khỏe khu vực nông thôn.

### 1.4.2 Giáo dục

Hà Tĩnh đã có những tiến bộ đáng kể về tỷ lệ dân số được tiếp cận giáo dục, đặc biệt là ở cấp giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Trường Năng khiếu tỉnh Hà Tĩnh là một những trường trung học phổ thông tốt nhất cả nước, thậm chí nằm trong top 5 trường hàng đầu về điểm tuyển sinh đại học năm 2008. Tỉnh có tỷ lệ tiếp cận các cơ sở giáo dục phổ thông cao hơn mức trung bình của cả nước, nhất là ở cấp học tiểu học, nhưng số lượng và chất lượng của các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông đạt chuẩn vẫn còn thấp (Hình30). Hà Tĩnh có 835 cơ sở giáo dục phổ thông trên toàn tỉnh trong năm 2010, bao gồm:

- 278 trường mầm non với 2.466 lớp, có 116 trường đạt chuẩn quốc gia.
- 306 trường tiểu học với 3.941 lớp, 296 trường đạt chuẩn quốc gia.
- 189 trường THCS với 2.762 lớp, 102 trường đạt chuẩn quốc gia.
- 46 trường THPT với 1.392 lớp, có 14 trường đạt chuẩn quốc gia.
- 16 trung tâm GDTX-KTTH với 123 lớp.

**Hình30: Số lượng và tiêu chuẩn trường học ở Hà Tĩnh, 2010**



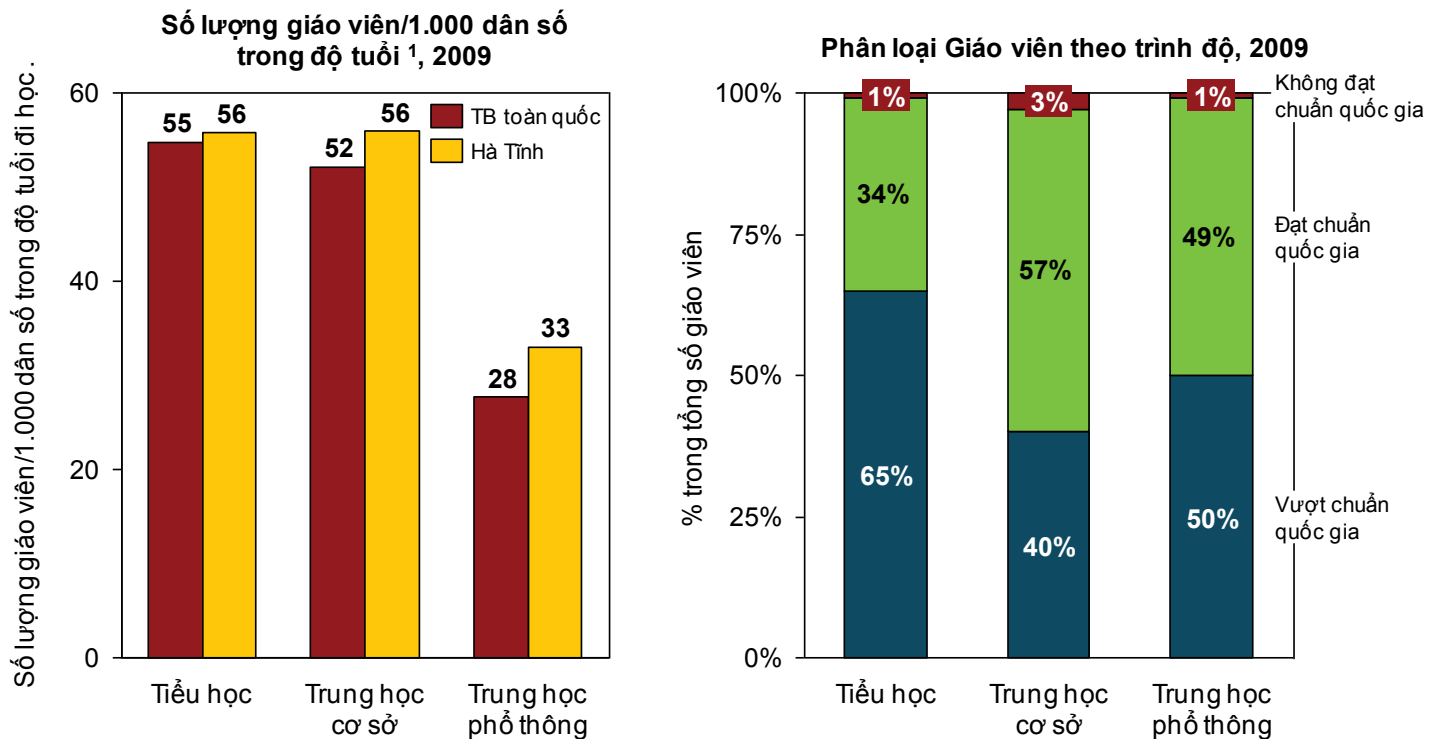
Lưu ý: <sup>1</sup> Định nghĩa 1.000 dân số trong độ tuổi đến trường; đối với khối tiểu học, học sinh trong độ tuổi 6-11, đối với khối trung học cơ sở, học sinh trong độ tuổi 11-15 và đối với khối trung học phổ thông, học sinh trong độ tuổi 15-18 (dựa trên trang web Wikipedia Vietnam)

Nguồn: Trang web Tổng cục Thống kê (9/2/2011); “Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam”, Tổng cục Thống kê (2010); Phòng văn Sở Giáo dục và Đào tạo; Phân tích của Monitor

Tuy nhiên, nhìn chung cơ sở vật chất trường học trên toàn tỉnh (phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, phòng giảng dạy chuyên ngành, phòng cán bộ và không gian vui chơi) vẫn còn kém.

Hà Tĩnh vượt mức bình quân cả nước về số lượng giáo viên ở giáo dục phổ thông, với đa số giáo viên đạt hoặc vượt chuẩn quốc gia về trình độ giáo viên (Hình31). Tỷ lệ học sinh - giáo viên ngang với cả nước, nhưng nhỉnh hơn trong giáo dục tiểu học, với số học sinh/giáo viên là 17,4 so với mức bình quân cả nước là 19,3 (2010).

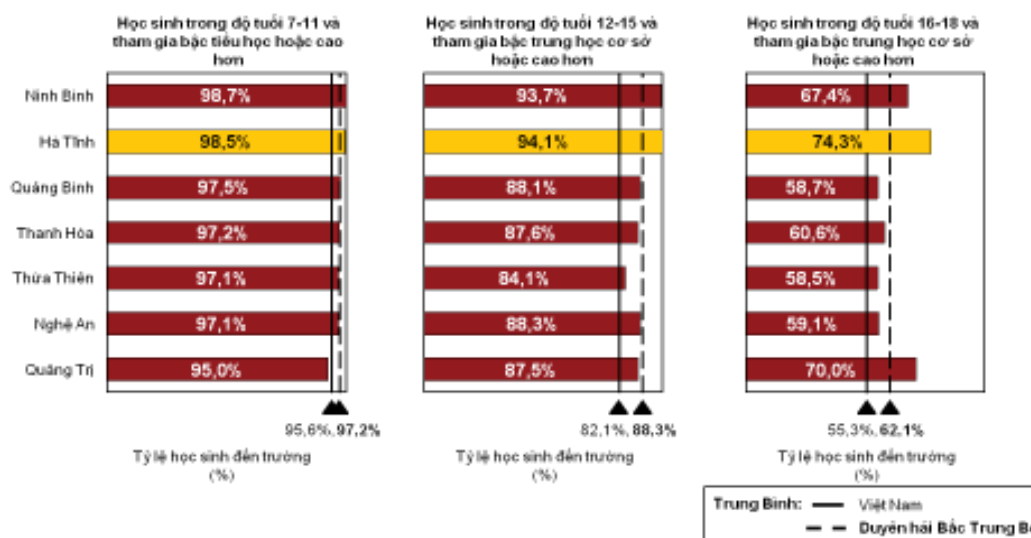
**Hình31: Số lượng và chất lượng giáo viên ở Hà Tĩnh, 2009**



Lưu ý: <sup>1</sup> Định nghĩa 1.000 dân số trong độ tuổi đến trường; đối với khối tiểu học, học sinh trong độ tuổi 6-11, đối với khối trung học cơ sở, học sinh trong độ tuổi 11-15 và đối với khối trung học phổ thông, học sinh trong độ tuổi 15-18 (dựa trên trang web Wikipedia Vietnam)

Nguồn: Trang web Tổng cục Thống kê (9/2/2011); “Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam”, Tổng cục Thống kê (2010); Phòng vấn Sở Giáo dục và Đào tạo; Phân tích của Monitor

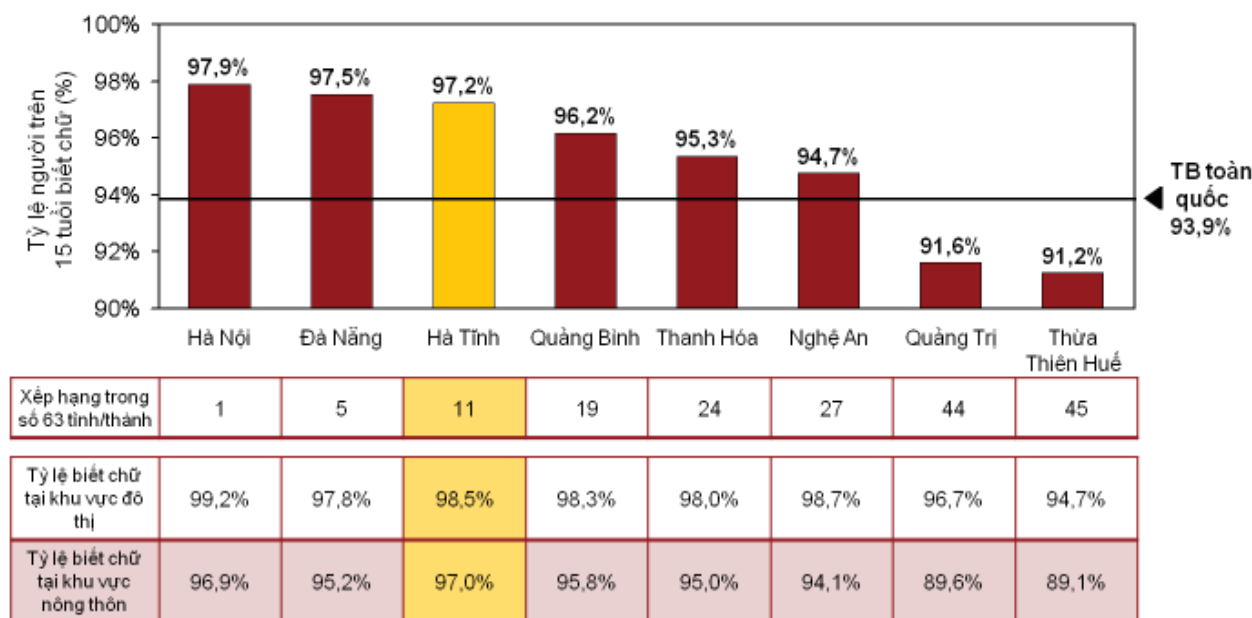
Do có điều kiện tiếp cận và chất lượng giáo dục ở bậc phổ thông cao, Hà Tĩnh có tỷ lệ học sinh đến trường cao hơn các tỉnh lân cận và cả nước (Hình32). Hiện nay, tỉnh đã cơ bản đạt được mục tiêu quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở và có tỷ lệ học sinh đến trường ở giáo dục trung học phổ thông là 74,3% năm 2009, cao hơn đáng kể mức bình quân chung toàn quốc.

**Hình32: Tỷ lệ dân số theo học ở các cấp học khác nhau, 2009 (%)**

Lưu ý: <sup>1</sup> Không tính học sinh tham gia đào tạo ngắn hạn hoặc dạy nghề

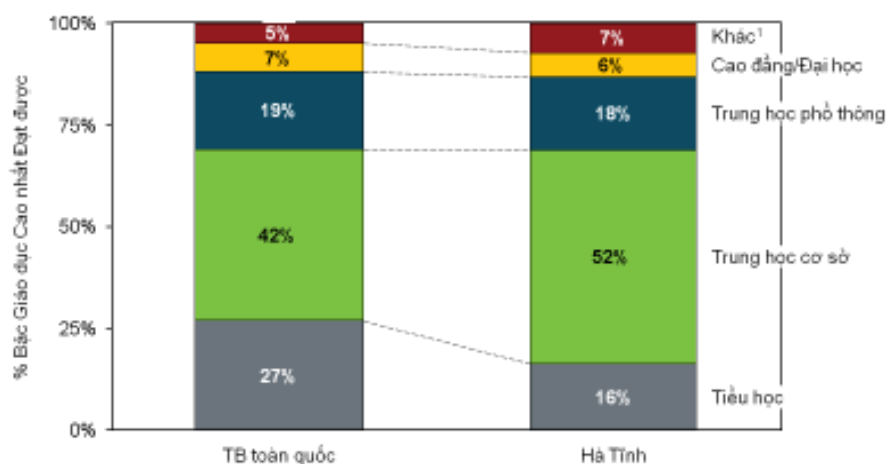
Nguồn: “Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam”, Tổng cục Thống kê (2010); Phân tích của Monitor

Thành tựu của hệ thống trường học của tỉnh dành cho dân số trẻ tuổi thể hiện ở tỷ lệ biết chữ cao — ở cả thành thị và nông thôn. Với tỷ lệ 97,3% (2009), dân số Hà Tĩnh đứng thứ 11 trong cả nước về những thành tựu biết chữ cơ bản (Hình33).

**Hình33: Tỷ lệ người lớn biết chữ ở Hà Tĩnh và một số tỉnh, 2009 (%)**

Nguồn: “Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam”, Tổng cục Thống kê (2010); Phân tích của Monitor

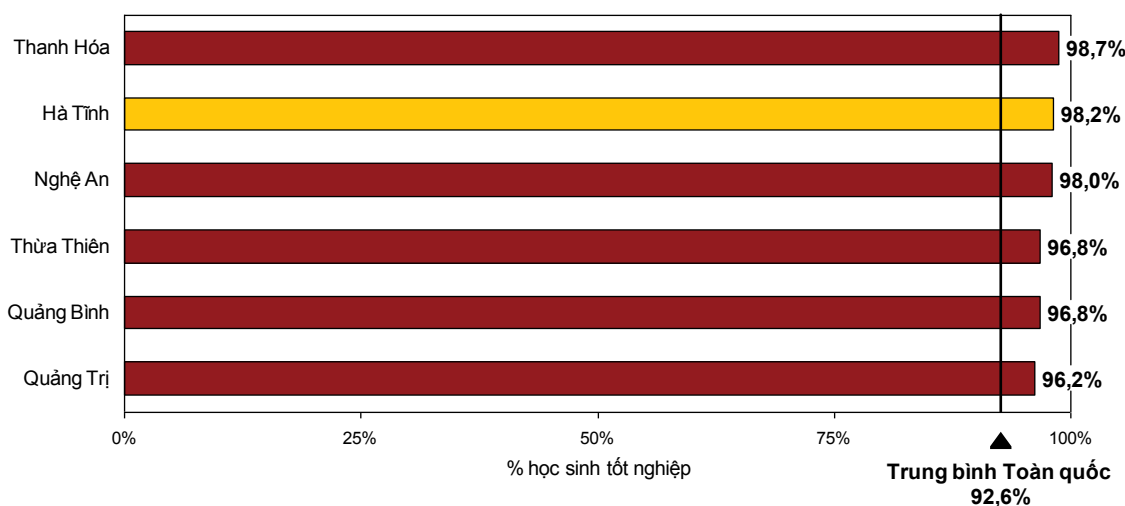
Tuy nhiên, tiềm năng này chưa được thể hiện trong kết quả giáo dục trên cấp học phổ thông cơ sở của toàn tỉnh. Hà Tĩnh có tỷ lệ người dân được đào tạo ở cấp học phổ thông trung học, cao đẳng và đại học thấp hơn không đáng kể so với cả nước (Hình34).

**Hình 34: Phân loại dân số từ 18 tuổi trở lên theo cấp học cao nhất đạt được**

Lưu ý: <sup>1</sup> Các bậc giáo dục khác gồm đào tạo ngắn hạn, dạy nghề và mẫu giáo (dưới 0,001%)

Nguồn: “Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam”, Tổng cục Thống kê (2010); Phân tích của Monitor

Tỷ lệ tốt nghiệp cấp 3 của tỉnh trước đây luôn ở mức cao. Tuy nhiên, việc gần đây áp dụng quy chế thi tốt nghiệp nghiêm ngặt khiến tỷ lệ tốt nghiệp năm 2008 chỉ là 77% và 2009 là 73%. Năm 2010 tỷ lệ này đã cao trở lại và ngang bằng năm 2007 – năm Hà Tĩnh có tỷ lệ tốt nghiệp THPT cao nhất khu vực Duyên hải Bắc Trung bộ. Những người đã tốt nghiệp tiếp tục học tốt — đạt được nhiều giải thưởng và có tỷ lệ thành công cao hơn tại các kỳ thi vào đại học. 46% học sinh Hà Tĩnh tham gia các kỳ thi tuyển sinh đại học đã đỗ đại học, đưa Hà Tĩnh trở thành một trong 10 tỉnh đứng đầu cả nước về chất lượng giáo dục. Ngoài ra, học sinh Hà Tĩnh đã giành được 268 giải thưởng về thành tích học tập trong mười năm qua.

**Hình 35: Tỷ lệ tốt nghiệp Trung học phổ thông so với tổng số thí sinh dự thi, 2010 (%)**

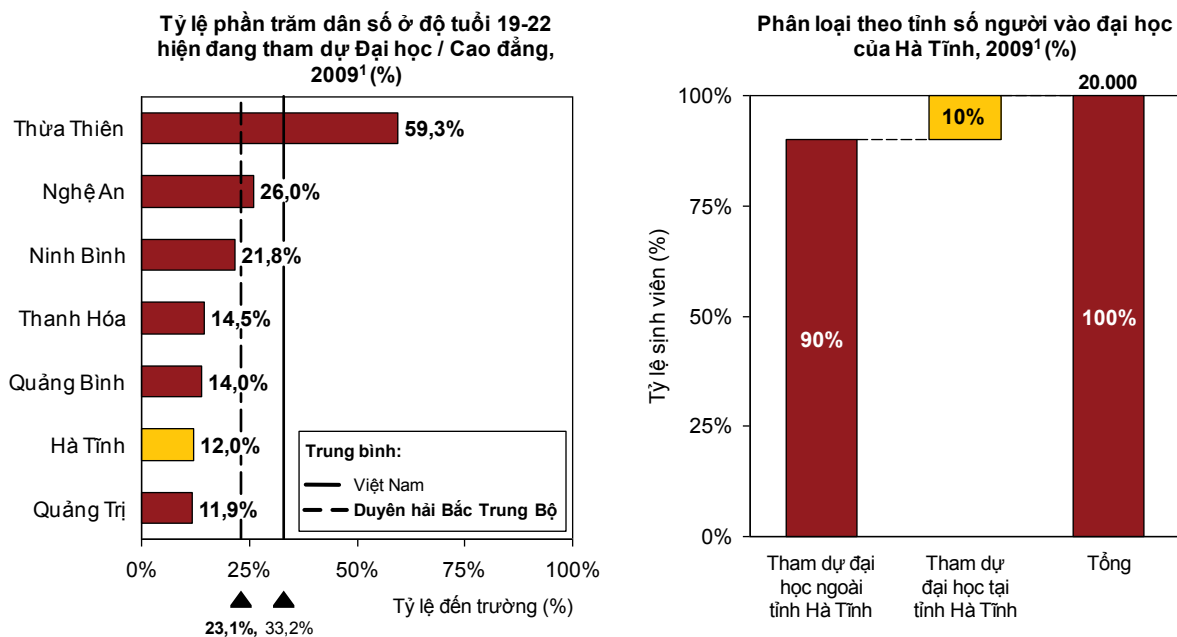
Nguồn: Trang web Tổng cục Thống kê (9/2/2011); Phòng văn Sở GD-ĐT

Giáo dục sau trung học phổ thông của tỉnh kém hơn các tỉnh top đầu của Việt Nam. Số lượng người học giảm mạnh ở bậc đại học và dạy nghề, khiến Hà Tĩnh không có được đội ngũ lao động có trình độ và tay nghề cao. Do đó, chỉ có 10% sinh viên học đại học lựa chọn học trong tỉnh (Hình 36). Những lý do chính khiến sinh viên rời Hà Tĩnh đi học đại học ở nơi khác là:

- *Năng lực hạn chế của giáo dục đại học:* Đại học Hà Tĩnh còn hạn chế về nguồn đầu tư, dẫn đến cơ sở vật chất kém phát triển. Diện tích khuôn viên trường hiện nay chưa đến 7 ha, với chỉ khoảng 100 lớp học và không đủ thư viện, cơ sở vật chất kỹ thuật - xã hội.
- *Hạn chế chuyên ngành đào tạo:* Đại học Hà Tĩnh thu hút thí sinh chất lượng cao nhưng do hạn chế về lĩnh vực đào tạo nên ít thí sinh lựa chọn. Hiện tại, trường chỉ có 7 khoa, chủ yếu tập trung vào giáo dục sư phạm. Học sinh muốn có chuyên môn về các lĩnh vực kỹ thuật không có hoặc có ít cơ hội được đào tạo ở Hà Tĩnh.
- *Chất lượng đào tạo thấp:* Mặc dù chất lượng giảng dạy tại Đại học Hà Tĩnh đạt yêu cầu, số lượng và trình độ giáo viên vẫn còn kém hơn so với chuẩn quốc gia. Số lượng giáo viên đủ điều kiện bậc sau trung học phổ thông trên 1000 dân chỉ bằng 1/3 mức bình quân cả nước. Vì hầu hết các giáo viên của trường xuất phát từ các trường cao đẳng, chuyên nghiệp (tiền thân của trường đại học) nên trình độ của họ không đáp ứng yêu cầu. Mặc dù đã có cải thiện đáng kể số lượng và chất lượng đội ngũ từ 3 năm trước, do chỉ có 9 tiến sĩ, Đại Học Hà Tĩnh kém hơn các trường đại học lân cận như Đại học Huế, Đại học Vinh.
- *Ít triển vọng việc làm:* Cơ hội việc làm cho sinh viên tốt nghiệp đại học Hà Tĩnh mặc dù ngày càng tăng nhưng vẫn còn hạn chế, do hầu hết các doanh nghiệp trong tỉnh mới chỉ ở quy mô nhỏ và vừa. Các dự án công nghiệp lớn vẫn chưa đi vào hoạt động.

Các sinh viên khi đã rời Hà Tĩnh thường ít trở lại tỉnh làm việc do thiếu cơ hội việc làm và thu nhập không tương xứng với trình độ cũng như môi trường làm việc, sinh hoạt nghèo nàn. Do đó, hiện nay Hà Tĩnh là tỉnh có lượng sinh viên giỏi cao nhất đi làm việc ở thành phố Hồ Chí Minh và các thị trường lớn hơn khác.

**Hình36: Dân số Hà Tĩnh học Đại học, 2009 (%)**



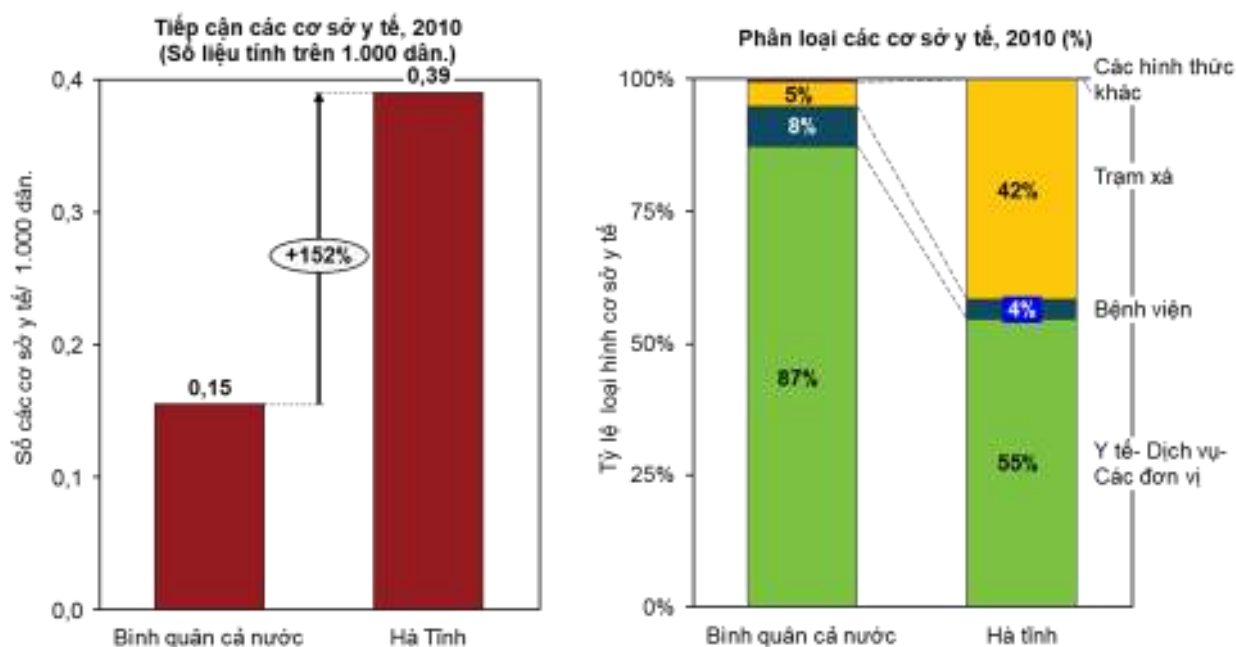
Lưu ý: <sup>1</sup> Không tính học sinh tham gia đào tạo ngắn hạn hoặc dạy nghề

Nguồn: “Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam”, Tổng cục Thống kê (2010); Phòng vấn Đại học Hà Tĩnh; Phân tích của Monitor

### 1.4.3 Y tế

Về mạng lưới cơ sở y tế, Hà Tĩnh vượt mức trung bình toàn quốc, với tỷ lệ 0,39 cơ sở y tế/1000 dân trong năm 2010 (Hình37). Thách thức nằm ở chất lượng các cơ sở y tế, số lượng và chất lượng của đội ngũ nhân viên y tế, Hà Tĩnh cần tập trung cao độ vào những vấn đề này trong tương lai. Do kinh phí dành cho nâng cấp các cơ sở y tế hạn hẹp nên nhiều Trung tâm y tế thiếu hụt các thiết bị chuyên dụng và giường bệnh. Các huyện đặc biệt bị ảnh hưởng bởi vấn đề này và trên 80% các cơ sở y tế chỉ cung cấp được các dịch vụ y tế đơn giản.

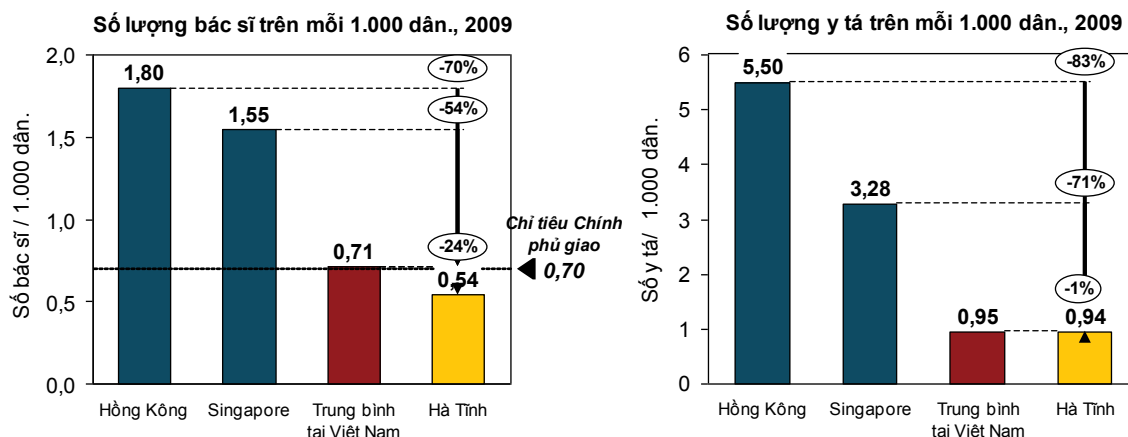
**Hình37: Tiếp cận Y tế ở Hà Tĩnh so với mức bình quân của Việt Nam, 2010**



Nguồn: “Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam”, Tổng cục Thống kê (2010); Phân tích của Monitor

Hà Tĩnh đang thiếu đội ngũ nhân viên y tế — bác sĩ cũng như kỹ thuật viên trình độ cao, do đó, chất lượng chăm sóc y tế không cao so với khả năng có thể đạt được (Hình38). Nhiều bác sĩ rời đi đến các khu đô thị lớn ở trong nước, nơi tuyển dụng hơn 1 nửa số nhân viên y tế của toàn quốc. Số bác sĩ/1 vạn dân ở Hà Tĩnh tăng từ 5,35 năm 2009 lên 5,4 năm 2010. Số y tá/10000 dân tăng từ 7,6 lên 9,4 năm 2010; tuy nhiên những y tá có trình độ lại rất thiếu. Nhìn chung, số lượng nhân viên y tế ở Hà Tĩnh chỉ hơi thấp hơn so với mức trung bình của toàn quốc, nhưng thua xa các tiêu chuẩn quốc tế. Hầu hết các cơ sở y tế trong tỉnh còn thiếu bác sĩ chuyên khoa và các chuyên gia giỏi, đặc biệt là trong các lĩnh vực như phẫu thuật và sản phụ khoa. Do đó, tỉnh phải tận dụng các bác sĩ trái khoa phục vụ trong các chuyên khoa còn thiếu, khiến cho dịch vụ y tế càng nhiều áp lực hơn. Đối với người dân Hà Tĩnh, điều này đồng nghĩa với chất lượng chăm sóc y tế thấp hơn và nhiều chi phí hơn do phải đi đến các trung tâm chuyên sâu hơn ở ngoại tỉnh.

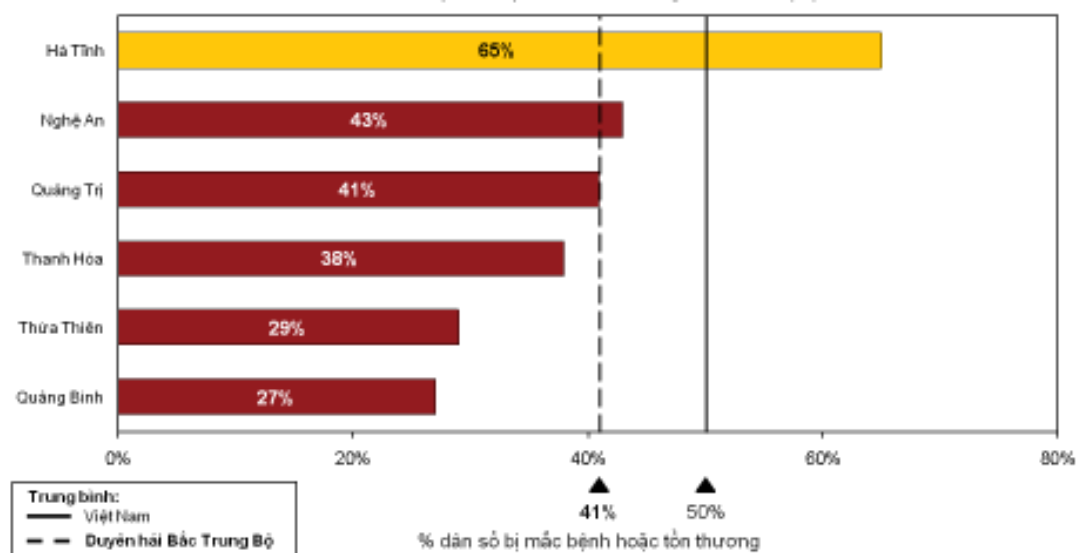


**Hình38: Số lượng bác sỹ và y tá trên 1.000 dân ở Hà Tĩnh, Ước tính 2010**

Lưu ý: Số lượng y tá năm 2009 ở Hà Tĩnh dựa trên số y tá thuộc quản lý của các sở trong tỉnh (Tổng cục Thống kê, 2011)  
 Nguồn: Trang web của Tổng cục Thống kê (3/3/2011); Niên giám Thống kê Hà Tĩnh; “Các bệnh viện công ở vùng nông thôn đang bị cháy máu chất xám”, Phòng văn Sở Y tế; Cục Điều tra và Thống kê Hồng Kông; Cục Thống kê Singapore; Phân tích của Monitor

Thời gian gần đây, Hà Tĩnh mới có trường cao đẳng y tế nên tỉnh không thể tự đào tạo đội ngũ y tế có tay nghề cho mình. Để có y tá ở trình độ đại học, tỉnh phải cử họ đi đào tạo ở nơi khác và việc thu hút họ trở lại địa bàn tỉnh làm việc vẫn còn nhiều khó khăn. Để đối phó với tình trạng thiếu y tá giỏi, Hà Tĩnh đã thực hiện các chính sách tăng cường đào tạo tại chức và tạo cơ hội học thêm. Việc đào tạo tại chức được áp dụng đối với các y tá có tay nghề, còn trẻ và trong một số trường hợp, tỉnh cử các y tá tới các trường đại học để được đào tạo thêm kỹ năng hoặc học lên thành cử nhân, đại học điều dưỡng. Ngoài ra, trường cao đẳng y tế của Hà Tĩnh đang mở rộng quy mô đào tạo.

Việc thiếu bác sỹ chuyên sâu, chuyên gia giỏi ở các bệnh viện tuyến tỉnh làm hạn chế áp dụng, phát triển các kỹ thuật cao tại các cơ sở khám, chữa bệnh của tỉnh, theo đó chất lượng dịch vụ y tế chưa đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao và đa dạng của nhân dân. So với các tỉnh lân cận, với tỷ lệ 65% (bình quân giai đoạn 2006–2008), Hà Tĩnh có tỷ lệ dân số bị bệnh tật hoặc chấn thương cao hơn nhiều (Hình39). Con số này cao hơn nhiều mức 41% của khu vực Bắc Trung Bộ hoặc mức 50% bình quân cả nước. Ngoài chất lượng y tế, một trong những nguyên nhân quan trọng khác gây nên tình hình trên là sự gia tăng giao thông trên địa bàn tỉnh. Số lượng các tai nạn giao thông và tai nạn liên quan đến điện đang tăng lên. Phần lớn các tai nạn này xảy ra trong lĩnh vực nông nghiệp do nhận thức kém hoặc khi tham gia giao thông đường bộ. Môi trường vệ sinh kém, đặc biệt là ở khu vực nông thôn, cũng là 1 nguyên nhân dẫn tới tỷ lệ bệnh tật cao. Tỷ lệ người dân dùng nước sạch và hố xí hợp vệ sinh thấp cùng với dân trí hạn chế nhất là vùng núi, nông thôn... dẫn đến tỷ lệ mắc bệnh giun, bệnh tiêu chảy và các bệnh về đường hô hấp, tiêu hoá còn cao.

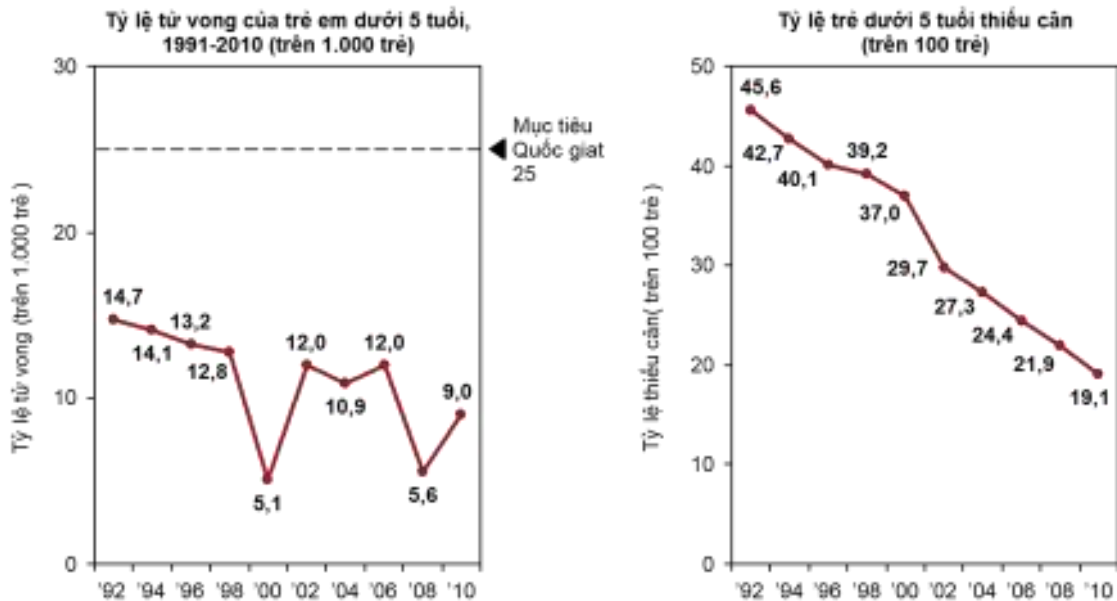
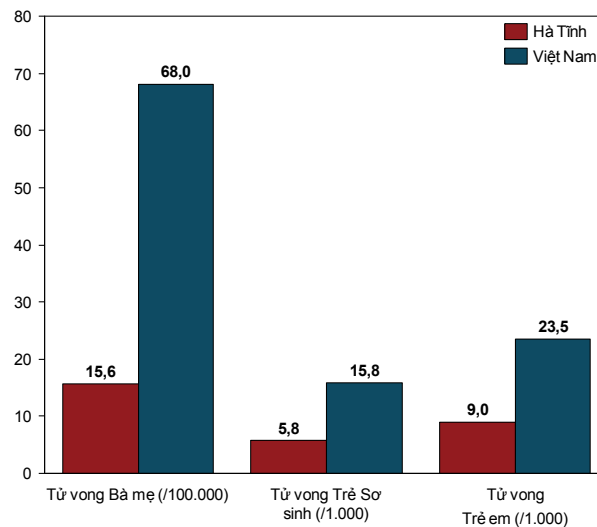
**Hình39: Tỷ lệ người mắc bệnh và chấn thương, 2006–2008 (%)**

Lưu ý: Trung bình 2006 và 2008;

Nguồn: “Điều tra Mức sống Hộ gia đình”, Tổng cục Thống kê (2009); Niên giám Thống kê Hà Tĩnh, Phòng văn Sở Y tế và Sở GTVT

Tuy nhiên, công tác y tế dự phòng của tỉnh Hà Tĩnh đã đạt được hiệu quả cao nhờ mạng lưới y tế cơ sở, đặc biệt là hệ thống y tế dự phòng được củng cố, phát triển có độ bao phủ rộng và hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu có chất lượng. Hà Tĩnh thực hiện tiêm phòng hiệu quả và có tỷ lệ mắc các bệnh truyền nhiễm được phòng ngừa bằng vắc xin thấp. Trong vòng 10 đến 15 năm trở lại đây Hà Tĩnh thực hiện thành công các chương trình y tế dự phòng ở các lĩnh vực khác nhau: từ an toàn và vệ sinh thực phẩm đến chương trình phòng chống lao và dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và tiền sinh sản. Hà Tĩnh là một trong số ít tỉnh trong cả nước có dịch vụ y tế dự phòng thành công.

Nhiều bệnh truyền nhiễm như dịch tả và lỵ không còn xuất hiện trong suốt 7 năm qua và các bệnh khác như thương hàn và viêm gan đã được kiểm soát. Tỷ lệ mắc bệnh lao là 107,8 trường hợp trên 100.000 dân (2009) thấp hơn so với mức bình quân của Việt Nam. Với tỷ lệ mắc bệnh sốt rét là 1,68 ca/1000 dân (2010), Hà Tĩnh vẫn nằm trong vùng có nguy cơ cao về căn bệnh này. Tuy nhiên, nhờ các chương trình phòng chống sốt rét, tỷ lệ nhiễm sốt rét đã giảm đáng kể từ 22,31/1.000 dân năm 1991 xuống còn gần 0–1 ca/1000 dân, cho thấy tỷ lệ lây lan cũng ở mức thấp. Công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản được chú trọng, vì vậy 100% sản phụ được hỗ trợ trong sinh sản tại các cơ sở y tế – tỷ lệ tử vong bà mẹ và trẻ sơ sinh đã giảm mạnh từ năm 1990 (Hình40). Năm 2010, tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh giảm còn 5,8/100.000 trẻ đẻ sống với trẻ dưới 1 năm tuổi (so với mức trung bình cả nước 15,8/1000). Tỷ lệ tử vong trẻ dưới 5 tuổi là 9/1000 (trung bình cả nước là 23,5) và tỷ lệ tử vong bà mẹ hiện là 15,6/100.000 ca sinh (trung bình cả nước là 68 – Hình41).

**Hình40: Sơ đồ diễn biến của tỷ lệ tử vong và thiếu cân của trẻ dưới 5 tuổi, 1991–2010 (%)****Hình41: Tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh và trẻ em ở Hà Tĩnh và Việt Nam, 2010**

Nguồn: Sở Y tế, Tổng cục Thống kê; Phân tích của Monitor

## 1.6 Văn hóa, Thể thao, Du lịch và Truyền thông

Hà Tĩnh có một số tài sản thiên nhiên và văn hóa quan trọng để phát triển du lịch. Tỉnh có những điểm thăm quan như các bãi biển, hồ Kẻ Gỗ và suối nước Sơn Kim. Các điểm thăm quan bao gồm các di tích lịch sử, văn hóa và điểm du lịch tín ngưỡng. Tỉnh còn có các tài sản văn hóa khác cũng như các lễ hội, dân ca/nghệ thuật truyền thống.

Tuy nhiên, du lịch Hà Tĩnh phải đối mặt với ba thách thức chính: điều kiện thời tiết khó khăn, chưa có điều kiện sẵn có về du lịch mang tầm cỡ quốc tế, và cơ sở hạ tầng yếu. Điều này đã dẫn đến du lịch trên địa bàn tỉnh phần lớn chỉ thu hút khách trong nội tỉnh hoặc trong khu vực Bắc Trung Bộ, du khách các khu vực khác trong cả nước và trên thế giới còn hạn chế. Từ năm 2001 đến năm 2010 số lượng khách du lịch đến Hà Tĩnh tăng trung bình hàng năm 30%. Tuy nhiên, trong năm 2010, 98% trong số hơn 570.000 khách du lịch đến Hà Tĩnh là khách trong nước, phần lớn từ các tỉnh phía Bắc. Chỉ có 10.000 du khách nước ngoài đến Hà Tĩnh năm 2010, chủ yếu từ Lào và Thái Lan thông qua cửa khẩu Cầu Treo ở phía Tây của tỉnh. Số lượng khách Trung Quốc, Nhật Bản, Úc và phương Tây cũng có nhưng rất ít. Do đó, hiện du lịch Hà Tĩnh không phải là ngành có đóng góp lớn cho nền kinh tế, chỉ chiếm 2% GDP, với mức năng suất lao động thấp so với trung bình quốc gia.

Các hoạt động văn hóa đóng vai trò quan trọng giúp duy trì nội kết giữa các cộng đồng trong tỉnh. Mặc dù nhu cầu đối với các hoạt động trên là rất cao song tỉnh Hà Tĩnh còn bị hạn chế bởi năng lực và cơ sở hạ tầng kém phát triển.

Hà Tĩnh có 1 số cơ sở hạ tầng để hỗ trợ hoạt động văn hóa trong tỉnh nhà. Toàn tỉnh hiện có 11/12 đơn vị cấp huyện có nhà văn hóa, có 1 thư viện cấp tỉnh và 10 thư viện huyện thị (mỗi huyện thị lớn có 1 thư viện). Về hoạt động nghệ thuật, tỉnh có 1 đội ngũ nghệ sỹ với 100 đến 110 tiết mục/năm ở 1 khu biểu diễn tại thành phố Hà Tĩnh. Tỉnh có 1 rạp chiếu phim chính là rạp 26/3 nằm ở thành phố Hà Tĩnh. Tỉnh còn có 1 bảo tàng lịch sử địa phương, cũng nằm ở thành phố Hà Tĩnh, với 47.000 lượt khách tham quan năm 2009. Ngoài ra, nhiều địa phương trong tỉnh còn có các khu di tích lịch sử. Các khu du lịch nổi tiếng nhất của Hà Tĩnh là chùa Hương Tích ở huyện Can Lộc, ngã ba Đồng Lộc ở huyện Can Lộc, bãi biển Thiên Cầm ở Cẩm Xuyên, khu di tích Nguyễn Du ở Nghi Xuân. Bên cạnh đó, còn có hơn 250 khu di tích lịch sử nằm rải rác khắp toàn tỉnh.

Hà Tĩnh có 1 đội ngũ vận động viên và cán bộ thể dục thể thao và 1 khu thể thao, nằm tại thành phố Hà Tĩnh. Tuy nhiên tỉnh cho biết khu thể thao này không đủ năng lực phục vụ nhu cầu hiện tại của cộng đồng. Toàn tỉnh có 160 vận động viên và 812 cán bộ ngành thể thao vào năm 2010. Tuy nhiên, hiện tại do thiếu cơ sở vật chất, nhiều vận động viên ở Hà Tĩnh đang phải tập luyện tại các cơ sở vốn không phải dành cho hoạt động thể thao.

Cuối cùng, về hoạt động phát thanh truyền hình, năm 2010 khoảng 244 xã phường có sóng phát thanh và truyền hình. Tỉnh có 13 đài phát thanh địa phương, trong đó có 1 đài phát thanh truyền hình.

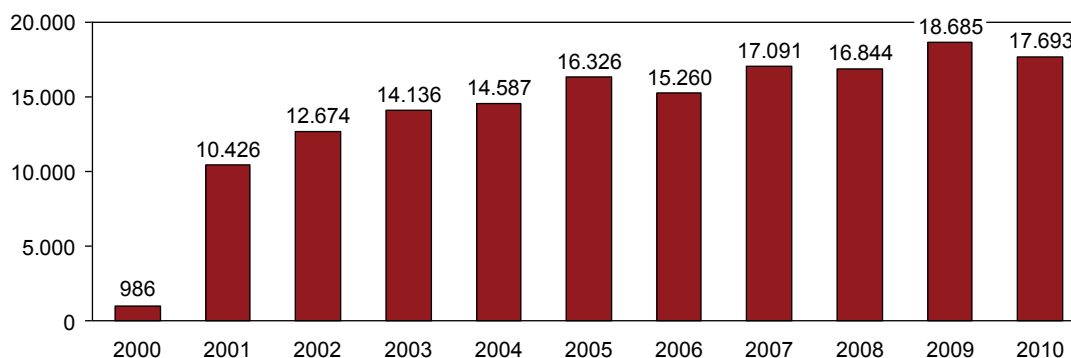
Hà Tĩnh đang có kế hoạch xây dựng thêm các cơ sở hạ tầng tại khu vực nông thôn phù hợp với quy hoạch quốc gia, trong đó có các cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển văn hóa và thể thao. Cấp tỉnh cũng có kế hoạch xây dựng thư viện và khu liên hợp thể thao mới tại thành phố Hà Tĩnh.

## 1.7 Lao động và dịch vụ xã hội

Mặc dù Hà Tĩnh có đội ngũ lao động có trình độ, tỉnh nói chung vẫn đang chịu tình trạng nghèo và thiếu việc làm. Để giúp nâng cao trình độ cho đội ngũ lao động, Hà Tĩnh có 35 cơ sở đào tạo dạy nghề trong toàn tỉnh. Trong số này có 3 trường cao đẳng, 5 trường trung cấp nghề, 13 trung tâm dạy nghề, 03 trường cao đẳng nghề, trung học chuyên nghiệp có tham gia đào nghề và 11 trung tâm đào tạo nghề của trung ương. Như trong Hình 42, hàng năm tỉnh có hơn 17.000 học viên tốt nghiệp các trường dạy nghề gia nhập đội ngũ lao động, tăng 70% so với năm 2001. Các cơ sở đào tạo xây dựng chương trình giảng dạy dựa trên kế hoạch tổng thể về đào

tạo dạy nghề, trong đó có xem xét tới nhu cầu thị trường và xu thế tương lai. Ngoài ra, chính phủ cũng nhấn mạnh Hà Tĩnh có 3 mảng cần phát triển đào tạo dạy nghề là máy móc xây dựng, máy móc tự động và nghề hàn.

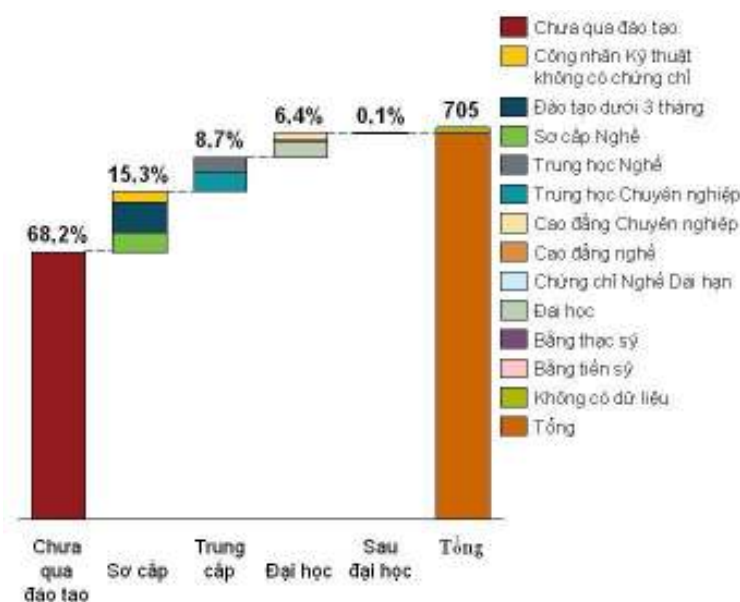
**Hình42: Số học viên tốt nghiệp Trường dạy nghề, Hà Tĩnh (không Lũy kế), 2000-2010 (người)**



Nguồn: Sở Lao động Thương binh Xã hội

Nhưng những cải thiện này vẫn không đủ để đáp ứng nhu cầu của Hà Tĩnh đối với lao động có tay nghề cao và việc thu hẹp khoảng cách giữa cung và cầu đối với người lao động có tay nghề cao vẫn còn là một thách thức do hầu hết lao động chưa qua đào tạo (Hình43). Do không tìm được sinh viên tốt nghiệp có kỹ năng trong một số lĩnh vực chuyên ngành kỹ thuật như công nghệ, kỹ thuật và kiến trúc, các doanh nghiệp tại địa phương phải tìm kiếm chuyên gia ngoại tỉnh. Như đã lưu ý, trường Đại học Hà Tĩnh đang đối mặt với tình trạng thiếu cán bộ giảng dạy có trình độ sau đại học; các trường cao đẳng chuyên ngành đang gặp khó khăn trong tuyển dụng giáo viên có trình độ cao trong các lĩnh vực chuyên ngành như dược lý và xây dựng dân dụng, và cuối cùng là các trường phổ thông đang thiếu giáo viên tốt nghiệp đại học có trình độ. Tương tự như vậy, do thiếu các cơ sở đào tạo y tế tiên tiến trong tỉnh, các cơ sở y tế của Hà Tĩnh đang thiếu bác sĩ và y tá có trình độ đại học.

**Hình43: Phân loại Lao động theo trình độ đào tạo, 2010 (%)**



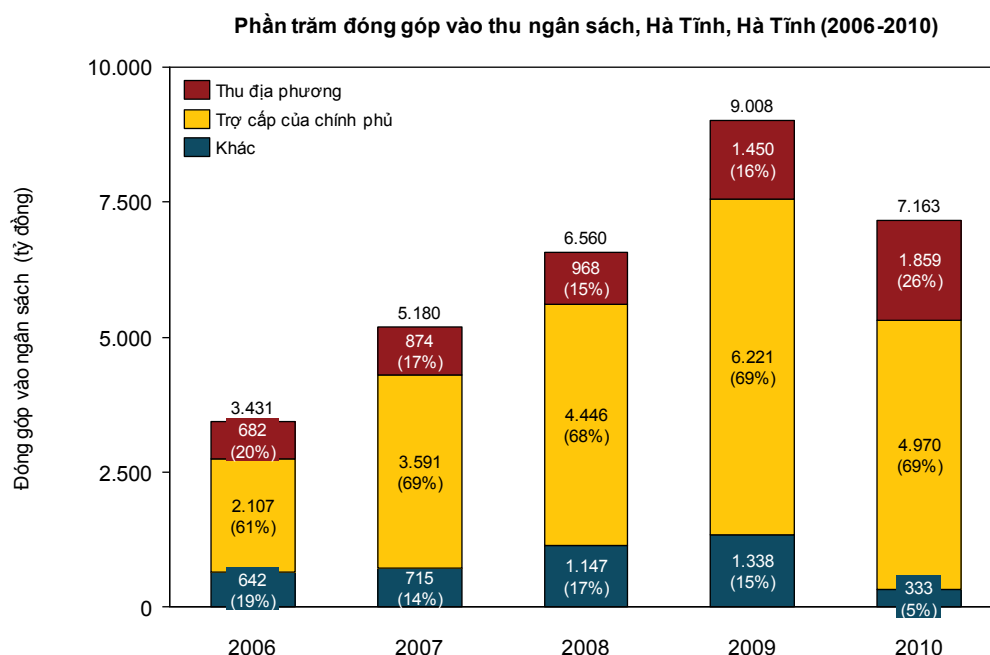
Nguồn: Số liệu từ Sở LĐTBXH; Phân tích của Monitor

Tỉnh cũng thể hiện cam kết với các chương trình xã hội thông qua việc thực hiện đầy đủ các chính sách trợ cấp ưu đãi. Tính đến năm 2010, Hà Tĩnh có 290.000 đối tượng có công với cách mạng và 46.000 đối tượng bảo trợ xã hội. Trong đó số đối tượng người có công hưởng trợ cấp hàng tháng là 50.000 người; đối tượng hưởng chính sách bảo trợ xã hội, bao gồm: nhóm cao tuổi cô đơn và trên 85 tuổi là 23.500 người; nhóm trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và gia đình đơn thân nuôi con nhỏ là hơn 5.000; nhóm tàn tật (17.500). Các chính sách trợ cấp ưu đãi hàng tháng và trợ cấp một lần được tỉnh giải quyết kịp thời, đầy đủ theo quy định. Tính đến năm 2011, Hà Tĩnh có 352.000 đối tượng có công với cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội. Trong đó số đối tượng người có công hưởng trợ cấp hàng tháng là 50.000 người; số đối tượng bảo trợ xã hội là 62.000 người (trong đó nhóm cao tuổi, nhóm cô đơn và trên 80 tuổi là 36.000 người; nhóm trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và gia đình đơn thân nuôi con nhỏ là 6.500; nhóm tàn tật 20.500). Tỉnh cũng có 1 số chương trình y tế dự phòng và xã hội về các lĩnh vực như phòng chống HIV/AIDS, sức khỏe tâm thần, dịch vụ dân sự và quân đội.

## 1.8 Tổng quan về Ngân sách của Hà Tĩnh

Hà Tĩnh vẫn là một tỉnh nghèo, phụ thuộc nhiều vào hỗ trợ tài chính của Chính phủ. Trong năm 2010, chỉ 26% thu ngân sách của tỉnh được thu từ các hoạt động nội tỉnh, trong khi đó, trợ cấp từ Chính phủ chiếm 69% (Hình 44). Trợ cấp ngân sách Trung ương góp phần chi trả cho các khoản phúc lợi xã hội, phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu cũng như giúp khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra. Theo con số tuyệt đối, Hà Tĩnh đã tăng gần gấp 3 nguồn thu địa phương kể từ năm 2006, với tỷ lệ tăng trưởng hàng năm đạt 28,5% (2006–2010). Nhưng về tỷ lệ, điều này không có nghĩa là tăng khả năng tự trang trải tài chính của tỉnh. Các thách thức chính đối với ngân sách tỉnh là nhu cầu về tài chính và đầu tư ngày càng tăng nhanh nhưng thu ngân sách địa phương lại hạn chế và tăng chậm. Do đó, tỉnh phải lập ưu tiên đầu tư; và ngân sách của tất cả các ban ngành đều bị hạn chế.

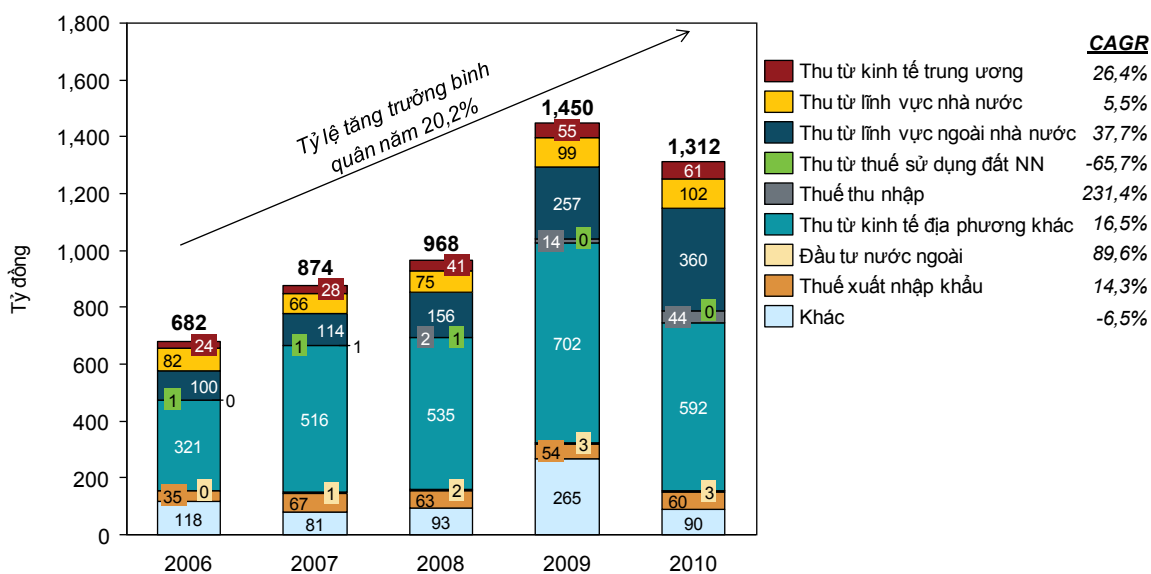
**Hình 44: Phần trăm đóng góp thu ngân sách, 2006–2010 (tỷ Đồng)**



Nguồn: Tổng cục Thống kê; Niên giám Thống kê Hà Tĩnh; Phân tích của Monitor

Các nguồn thu ngân sách địa phương lớn nhất trong những năm gần đây là thuế thu nhập, đầu tư nước ngoài và “nguồn thu khác” (trong đó có đóng góp lớn từ tiền cho thuê đất), với mức tăng cao của tất cả nguồn từ năm 2005 (Hình45).

**Hình45: Đóng góp vào nguồn thu ngân sách địa phương, 2006–2010 (tỷ Đồng)**



Nguồn: Tổng cục Thống kê; Niên giám Thống kê Hà Tĩnh; Phân tích của Monitor

Ghi chú: CAGR là tỷ lệ tăng trưởng hàng năm cộng gộp, thể hiện tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm của 1 công trình đầu tư trong 1 số năm

## 2 Đánh giá Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2001-2010

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Hà Tĩnh đến năm 2010 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt tháng 11/2001. Quy hoạch đã đánh giá chung các yếu tố của phát triển kinh tế xã hội Hà Tĩnh, đánh giá tình hình phát triển kinh tế xã hội từ 1991–2000 và đưa ra quan điểm, mục tiêu phát triển của tỉnh đến năm 2010. Báo cáo Quy hoạch cũng giới thiệu những cơ hội đầu tư và đề xuất cho việc thực thi. Việc rà soát và đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch này có vai trò rất quan trọng để tỉnh xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Hà Tĩnh cho giai đoạn 2011–2020.

Nhìn chung, Hà Tĩnh đã đạt được nhiều thành tựu về kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2001-2010. Tăng trưởng GDP bình quân đạt trên mức bình quân cả nước, đồng thời tỉnh cũng phát triển thành công khu vực công nghiệp, giúp người lao động chuyển từ ngành nông nghiệp sang công nghiệp. Đồng thời, Hà Tĩnh cũng có những thành công trong giáo dục, y tế và các dịch vụ xã hội khác. Tuy nhiên, tỉnh còn nằm dưới mức trung bình cả nước về 1 số mặt, như GDP bình quân đầu người và tỷ lệ nghèo.

### 2.1 Tổng quan tình hình kinh tế Hà Tĩnh 2001–2010

Hà Tĩnh đã đạt được hầu hết các mục tiêu phát triển kinh tế giai đoạn 2001-2010. Tốc độ tăng trưởng đạt cao hơn bình quân cả nước, đồng thời tỉnh cũng thành công trong việc bắt đầu đa dạng hóa nền kinh tế, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp. Tỉnh đã đạt nhiều chỉ tiêu đề ra. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn tụt hậu so với cả nước nói chung. Cụ thể là:

- Tỉnh có tốc độ tăng trưởng GDP 9,4%<sup>2</sup>, cao hơn nhiều trung bình cả nước là 7,07% và mục tiêu đặt ra trong Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010 là 8%.
- Năm 2010, GDP bình quân đầu người của tỉnh đạt 12,9 triệu đồng, đứng thứ 53 trong 63 tỉnh thành cả nước, tăng 1,63 so với giai đoạn 2001-2005, vượt xa chỉ tiêu tăng 1,4 lần đề ra trong kế hoạch phát triển 2001-2010, tăng 2,61 lần từ năm 2001 đến 2010 (cao hơn nhiều chỉ tiêu 1,8 lần).
- Giảm thành công tỷ trọng nông nghiệp, lâm và ngư nghiệp từ 51,31% năm 2000 xuống còn 33,7% (mục tiêu là 33%). Tăng trưởng bình quân đạt 2,3%/năm, thấp hơn mục tiêu 5,93%.
- Tỷ trọng Công nghiệp- xây dựng trong GDP tăng từ 13,45% năm 2000 lên mức 33,6% năm 2010, vượt xa chỉ tiêu 25%. Tăng trưởng bình quân 23%/năm, cao hơn nhiều mục tiêu đề ra 14-16%.
- Tỷ trọng ngành dịch vụ tương đối ổn định, dao động từ 35,24% năm 2000 đến 32,7% năm 2010 (mục tiêu là 42%), trong khi vẫn tăng trưởng về giá trị với tốc độ trung bình 10% trong giai đoạn này, thấp hơn mục tiêu 15-20%.

<sup>2</sup>Tất cả các con số về tăng trưởng GDP trong phần 2.1 được tính theo giá năm 1994, các giá trị tuyệt đối được tính theo giá danh nghĩa



- Giá trị xuất khẩu trong năm 2005 đạt 40,8 triệu USD (đạt mục tiêu 40-45 triệu USD). Tuy nhiên, năm 2010 giá trị này chỉ đạt 62,4 triệu USD thấp hơn so với mục tiêu 80 triệu USD. Tốc độ tăng trưởng trung bình cả giai đoạn là 14,8%.
- Thu ngân sách địa phương năm 2001 đạt 260 tỷ đồng, chỉ chiếm 7,1% GDP tỉnh, năm 2005 đạt 554 tỷ đồng, chỉ chiếm 9,1% GDP tỉnh (mục tiêu là 16%). Năm 2010 đạt 1.859 tỷ đồng, chiếm 11,7% GDP tỉnh (mục tiêu là 22%).
- Tổng vốn đầu tư trong giai đoạn này đạt 38.317 tỷ đồng, riêng năm 2010 đạt 11.475 tỷ Đồng (so với dự báo cả giai đoạn là 15.920 tỷ đồng theo Cách tính 1<sup>3</sup> và 20.060 tỷ đồng theo Cách tính 2), với tỷ lệ đầu tư / GDP là 72% trong năm 2010 (so với mục tiêu 24% theo Cách tính 1 và 27% theo Cách tính 2).
- Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Hà Tĩnh giai đoạn 2005-2010 và 6 tháng đầu năm 2011 là 37 dự án với tổng số vốn đăng ký gần 10 tỷ USD, trong đó tổng số vốn đã thực hiện đạt gần 498 triệu USD, chiếm trên 34% trong tổng số vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh; Số vốn đầu tư lớn này cho thấy tốc độ thực hiện FDI được đẩy mạnh trong thời gian đầu năm 2011.

Nhìn chung, tỉnh đã có nhiều bước tiến trong 10 năm qua và do đó có tiền đề để đạt được kết quả kinh tế cao hơn nữa trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội 2011–2020.

### **2.1.1 Trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, ngư nghiệp, nuôi trồng thủy sản và kinh tế nông thôn**

Hà Tĩnh đã có những tiến bước đáng kể trong khu vực nông, lâm, ngư nghiệp. Theo giá cố định, GDP khu vực này tăng 4,2% trong giai đoạn 2001–2005, từ 1.746 tỷ đồng năm 2000 lên 4.035 tỷ đồng năm 2005 và 0,2% giai đoạn 2006–2010, đạt giá trị 5.356 tỷ đồng. Điều này cho thấy năng suất của khu vực đã tăng trong thập niên qua

Giá trị sản lượng trồng trọt tăng lên 4.690 tỷ đồng vào năm 2010, tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm đạt 1,8% trong giai đoạn này. Diện tích trồng trọt của Hà Tĩnh có nhiều thay đổi trong giai đoạn này, tăng từ 185.924 ha năm 2000 lên 190.234 ha năm 2005 và lại giảm xuống 184.318 ha năm 2010. Tuy nhiên, giá trị năng suất trung bình đã tăng lên, từ 5,85 triệu đồng/ha năm 2000 lên 7,03 triệu đồng/ha năm 2010. Kết quả này chủ yếu là nhờ 2 lý do:

- Tăng năng suất lúa và các cây trồng khác: Trong khi diện tích trồng giảm từ 107.342 ha năm 2000 còn 99.003 ha năm 2010, năng suất lúa đã tăng từ 36,86 tạ/ha lên 41,86 tạ/ha năm 2010, nhờ đó tăng 4,4% tổng sản lượng lúa giai đoạn 2000 - 2010. Trong khi đó, cây trồng khác cũng có năng suất tăng. Ví dụ, năng suất ngô tăng 23,40 tạ / ha năm 2000 lên 34,46 tạ năm 2010, trong khi năng suất khoai lang tăng từ 54,69 tạ /ha năm 2000 lên 62,44 tạ / ha in 2010.
- Đa dạng hóa sang cây công nghiệp và cây ăn quả giá trị cao hơn: Cây lương thực, trong đó có lúa, vẫn là cây được canh tác nhiều nhất trong năm 2010 về tổng sản lượng, chiếm 49% tổng sản lượng trồng trọt năm 2010 - giảm từ mức 59% năm 2000 và 58% năm 2005. Tuy nhiên, tình gia tăng trồng cây công nghiệp giá

<sup>3</sup> Giá trị danh nghĩa tính bằng cách áp tỷ lệ giá hiện hành/giá cố định của GDP ngành xây dựng, tính hàng năm, cho giá trị đầu tư hàng năm của: Cách tính 1: 4250 Tỷ Đồng giai đoạn 2001-2005, 6100 Tỷ đồng giai đoạn 2006-2010; Cách tính 2: 6000 Tỷ đồng giai đoạn 2001-2005, 7200 Tỷ đồng giai đoạn 2006-2010. Tỷ lệ Đầu tư/GDP tính từ giá cố định 1994 có trong Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội Hà Tĩnh 2001-2010.

trị cao hơn, ví dụ như lạc, vừng và cây ăn quả, như cam và bưởi. Đây là các nhóm cây trồng lớn thứ 2, chiếm 13% và 15% tổng sản lượng, tăng so với mức 10% và 8% trong năm 2000. Cây công nghiệp lâu năm như chè chiếm 2%, còn lại là rau, đậu, và các cây trồng khác.

Trong thời gian này, chính quyền tỉnh đã có và sẽ tiếp tục thực hiện các hoạt động khuyến nông giúp nông dân nắm được các phương pháp mới. Đồng thời, tỉnh cũng thực hiện nhiều dự án trọng điểm, đặc biệt là tăng diện tích tưới tiêu lên 50.000 ha vào năm 2010, chiếm 27% diện tích nông nghiệp. Tỉnh cũng từng bước đi theo hướng thương mại hóa các sản phẩm cây trồng thông qua mở rộng sang chế biến sâu. Ví dụ, diện tích và năng suất sắn ở huyện Kỳ Anh tăng mạnh từ 868 ha và 4,5 tấn/ha năm 2000 lên 1477 ha và 11,1 tấn/ha năm 2008. Năm 2008 Công ty Vedan International đã xây xong nhà máy sản xuất tinh bột ở Kỳ Anh với nguồn sắn nguyên liệu từ tỉnh và khu vực lân cận. Năm 2010 huyện có 1650 ha diện tích trồng sắn, năng suất đạt 15,4 tấn/ha. Tỉnh đã đạt được các mục tiêu này trong bối cảnh còn nhiều thách thức, như thời tiết bất thường, điều kiện khí hậu khắc nghiệt bất lợi cho sản xuất nông nghiệp (cơn bão số 5 và 7 trong năm 2007, thời tiết lạnh giá, hạn hán, đặc biệt, 2 trận lũ lịch sử năm 2010); sâu hại cây trồng liên tục xuất hiện (rầy nâu); tác động của lạm phát và suy thoái kinh tế và việc thiếu nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Giá trị sản lượng chăn nuôi tăng từ 696 tỷ đồng năm 2000 lên 2.765 tỷ đồng trong năm 2010, đạt tăng trưởng trung bình hàng năm 4,3%. Bốn sản phẩm chủ lực chiếm phần lớn của giá trị sản lượng là trâu bò, gia súc, lợn, gia cầm và hươu. Số bò trên địa bàn tỉnh vẫn ổn định, 173.000 con năm 2000 và còn 166.300 trong năm 2010 (178.000 trong năm 2009). Số lượng gia cầm tăng đáng kể, khoảng 5 triệu con trong năm 2010, so với hơn 3 triệu vào năm 2000. Số lượng lợn giảm nhẹ từ 366.900 năm 2000 xuống 356.000 con năm 2010, trong khi số lượng hươu tăng 3 lần, từ 7.400 năm 2000 lên 24.200 năm 2010. Tỉnh đã đạt được những mục tiêu này dù còn nhiều thách thức, đặc biệt là dịch cúm gia cầm, bệnh lở mồm long móng và bệnh tai xanh ở lợn.

Hà Tĩnh có nguồn tài nguyên rừng to lớn. Tổng sản lượng lâm nghiệp theo giá cố định đã tăng từ 183 tỷ đồng năm 2000 lên 241 tỷ đồng năm 2005 và 364 tỷ đồng năm 2010, tức 2,5%/năm trong thập kỷ qua. Trong những năm qua tỉnh vẫn tiếp tục khai thác tài nguyên rừng, đồng thời đã có nhiều biện pháp để bảo tồn nguồn tài nguyên này. Tuy nhiên, phần lớn sản lượng lâm nghiệp chỉ được chế biến thành sản phẩm giá trị thấp, ví dụ như việc sản xuất và xuất khẩu gỗ dăm.

Nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản là những hoạt động nổi bật ở các huyện ven biển. Tổng sản lượng đánh bắt của tỉnh năm 2000 là 259 tỷ đồng. Con số này tăng 9% giai đoạn 2000 - 2005, đạt 470 tỷ đồng, và trong giai đoạn 2006-2010 tăng gần 13% — đạt 1.016 tỷ đồng. Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản tiếp tục đóng góp phần lớn vào ngành thủy sản, đóng góp lần lượt là 56% và 39% tổng sản lượng năm 2010. Tỉnh cũng đã có các hoạt động nuôi trồng hải sản lớn hơn thông qua phát triển vùng nước lợ. 2 nhà máy chế biến hải sản lớn của tỉnh xuất khẩu 6-7 triệu USD hải sản sang Trung Quốc và Châu Âu. Ngoài ra, tỉnh cũng có những bước đi trong việc xây dựng ngành chế biến thủy sản. Ví dụ như huyện Lộc Hà đã có các kho lạnh có thể lưu trữ 4.500 tấn cá và tôm đã chế biến/năm. Dự kiến các hoạt động đánh bắt trên biển và nuôi trồng thủy sản đều có tiềm năng mở rộng trong tương lai.

### 2.1.2 Công nghiệp và Xây dựng

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2005-2010 và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Chương trình hành động của UBND tỉnh, 5 năm qua nhiều chính sách phát triển ngành được

ban hành, các quy hoạch phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ được triển khai thực hiện một cách quyết tâm, vì vậy hoạt động công nghiệp và xây dựng đã có những bước phát triển đáng kể.

Công nghiệp và xây dựng tăng nhanh trong giai đoạn 2001–2010. Tốc độ tăng trưởng GDP công nghiệp bình quân hàng năm đạt trên 14%, giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm 18,7%. Theo giá cố định, tỉ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP của Hà Tĩnh đã tăng từ 457,720 tỷ đồng năm 2000 lên 1.569,188 tỷ đồng năm 2005 tức 28%/năm, và tiếp tục tăng lên 5.333 tỷ đồng năm 2010, tương đương 18%/năm trong cả giai đoạn. Như đã đề cập, Hà Tĩnh vượt chỉ tiêu đề ra về tỷ trọng đóng góp cho GDP từ ngành công nghiệp và xây dựng so với nông nghiệp. Theo kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 2001–2010, tỉnh đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trong các lĩnh vực như khai khoáng và khai thác đá, vật liệu xây dựng và chế tạo máy. Ngoài ra, Hà Tĩnh đã tạo được nền tảng vững chắc cho việc phát triển mỏ sắt Thạch Khê và khu kinh tế Vũng Áng. Cả 2 dự án trên dự kiến sẽ có đóng góp lớn vào phát triển kinh tế xã hội của Hà Tĩnh. Những thành tựu tỉnh đạt được đều có sự hỗ trợ từ việc xây dựng các khu kinh tế và khu công nghiệp trong tỉnh.

Trong giai đoạn 2001–2010, ngành công nghiệp của tỉnh đã tăng rất mạnh mẽ. Tổng sản lượng khai khoáng tăng 20%/năm trong giai đoạn 2001 - 2005 từ 176.203 triệu đồng lên 386.208 triệu đồng. Đến năm 2010, con số này đã là 752.171 triệu đồng, tương đương tăng 9%/năm. Việc quy hoạch mỏ sắt Thạch Khê đã được thực hiện trong giai đoạn 2001–2010. Công ty cổ phần sắt Thạch Khê đã triển khai các hoạt động chuẩn bị để khai thác trữ lượng quặng sắt.

Ngành công nghiệp chế biến cũng đã có bước phát triển thời gian qua. Năm 2000, giá trị sản xuất ngành công nghiệp chế biến của tỉnh là 445.055 triệu đồng, đến năm 2005 đạt 1.166.876 triệu đồng, tức tăng 21%/năm. Đến 2010 con số này lên tới 3.853.456 triệu đồng, tương đương mức tăng 14%/năm. Mặc dù công nghiệp chế biến đã có bước phát triển nhưng vẫn còn rất hạn chế, sản xuất đang ở trình độ thấp. Năm 2010, công nghiệp sản xuất gồm thực phẩm — nước giải khát (38%), gỗ (25%), và khoáng sản (10%). Các hoạt động sản xuất trình độ cao hơn như máy móc, dệt may chưa phát triển.

Hà Tĩnh đã phát triển được ngành công nghiệp vật liệu xây dựng. Các sản phẩm chính gồm đá ballat, sỏi (600.000 m<sup>3</sup> năm 2010), đá vôi (780.000 m<sup>3</sup>), gỗ xẻ các loại (505.000 m<sup>3</sup>) và gạch 408 triệu viên. Giá trị sản lượng từ khu vực này tăng từ 156 tỷ đồng năm 2000 lên 724 tỷ đồng vào năm 2005 (35%/năm) và 2961 tỷ đồng năm 2010 (trung bình hàng năm tăng 22%).

### **2.1.3 Thương mại và Dịch vụ**

Ngoài nông nghiệp và công nghiệp, Hà Tĩnh còn phát triển về thương mại và dịch vụ. Hoạt động xuất và nhập khẩu đã có bước tăng trưởng. Nhập khẩu tăng từ 15,7 triệu USD năm 2000 lên 68,7 triệu USD năm 2010. Tương tự, xuất khẩu tăng 4 lần từ 15,8 triệu USD năm 2000 lên 62,5 triệu USD năm 2010. Tăng trưởng xuất khẩu chủ yếu từ các mặt hàng như: tôm đông lạnh, mực đông lạnh, gỗ; Ngoài ra, xuất khẩu các sản phẩm lạc và chè khô cũng có xu hướng tăng.

Hoạt động thương mại nội địa cũng tăng lên trong giai đoạn này. Doanh thu bán lẻ tăng mạnh từ 1.538.164 triệu đồng năm 2001 lên 3.376.844 triệu đồng năm 2005 và 14.645.548 triệu đồng năm 2010. Nhìn chung, Hà Tĩnh đã đạt được hầu hết các mục tiêu mở rộng và phát triển thị trường và thương mại bán lẻ, ví dụ như mục tiêu tăng doanh thu bán lẻ 15-20% từ năm 2001 đến 2010. Tuy nhiên, hoạt động thương mại trong giai đoạn này vẫn còn nhỏ bé về quy mô. Đóng góp của thương mại cho nền kinh tế còn thấp hơn trung bình cả nước. Năm 2010,

thương mại đóng góp 1.857 tỷ đồng, tức 11,69% cho GDP tỉnh. Mức đóng góp này trung bình cả nước là 283.947 tỷ đồng, tương đương 14,3% tổng GDP năm 2010.

Dịch vụ tài chính và ngân hàng của Hà Tĩnh cũng đã tăng trong giai đoạn 2001 – 2010, đặc biệt ở thành phố Hà Tĩnh. Hoạt động môi giới tài chính đóng góp 25.902 triệu đồng vào tổng GDP năm 2001, đến năm 2005 đã tăng 70% và đạt 43.970 triệu đồng. Năm 2010, khu vực tài chính của tỉnh đóng góp 60.006 triệu đồng vào GDP theo giá cố định. Các điều kiện để doanh nghiệp có thể vay tiền và tiếp cận tín dụng ở tỉnh đã được cải thiện. Ngoài ra, tỉnh còn có số lượng dự án đầu tư lớn nhất từ trước tới nay. Trong năm 2010, Hà Tĩnh có tổng lượng vốn đầu tư trong nước đạt 35.102,4 tỷ đồng và tổng lượng vốn nước ngoài cam kết đạt 169,1 nghìn tỷ đồng cho phát triển khu kinh tế Vũng Áng.

Về du lịch, Hà Tĩnh đã tận dụng được các điểm thắng cảnh văn hóa và tự nhiên. Số khách du lịch hàng năm tăng từ con số rất khiêm tốn là 52.647 năm 2001 lên 248.932 năm 2005, gấp gần 5 lần. Năm 2010, Hà Tĩnh đón 571.296 khách du lịch. Số khách nước ngoài tăng 482% từ 862 người năm 2001 lên 5.016 người năm 2005, và gấp đôi lên 9.750 năm 2010.

#### **2.1.4 Cơ sở hạ tầng kỹ thuật**

Hà Tĩnh đã đạt được bước tiến lớn về phát triển giao thông giai đoạn 2001-2010. Việc nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A hoàn thành và giúp Hà Tĩnh kết nối tốt hơn với cả 2 miền Bắc - Nam. Ngoài ra, Đường 8 đã được khởi công, sau khi hoàn thành sẽ giúp hoạt động giao thông vận tải giữa tỉnh và Hành lang Đông Tây thuận tiện hơn. Hà Tĩnh cũng đã và đang xây dựng 1 số tuyến đường cấp tỉnh và cấp huyện - thị.

Nhờ thành tựu trong phát triển hệ thống giao thông, Hà Tĩnh đạt được mục tiêu mở rộng ít nhất 75% hệ thống đường bộ cho vận tải hàng hóa. Năm 2001, tính theo tổng giá trị, 75,8% hàng hóa được vận chuyển bằng đường bộ, 25,2% bằng đường biển. Năm 2005, 92,19% giá trị hàng hóa được vận chuyển bằng đường bộ và 7,25% bằng đường biển. Vận tải biển đang chuyển dần sang vận tải đường bộ khối lượng lớn. Năm 2010, 97,4% hàng hóa được vận tải bằng đường bộ và chỉ còn 2,6% bằng đường biển.

Mặc dù chuyển dịch sang vận tải đường bộ khối lượng lớn trong giai đoạn này, Hà Tĩnh đã phát triển mạnh hệ thống cảng. Bến số 1 cảng Vũng Áng đã hoàn thành xây dựng năm 2001 và bến số 2 hoàn thành năm 2010 đã nâng công suất lên 1,5 triệu tấn/năm và đủ khả năng đón tàu lên tới 50.000 DWT.

Về dịch vụ bưu chính viễn thông, trong giai đoạn 2001–2010, tỉnh đã dần đạt được mức trung bình cả nước. Tỷ lệ bao phủ điện thoại cố định ở Hà Tĩnh tăng từ 1,21% năm 2000 lên 12,7% năm 2009, thấp hơn trung bình cả nước (23,18%). Tỷ lệ này giảm còn 8,9% năm 2010 do điện thoại di động trở nên phổ biến hơn. Năm 2010 Hà Tĩnh cũng có tỷ lệ bao phủ dịch vụ bưu chính ngang bằng trung bình cả nước: trung bình 1 điểm bưu điện phục vụ khu vực 10.39 nghìn ha, so với mức chung của Việt Nam là 11,88 nghìn ha.

Cung cấp nước và thủy lợi tiếp tục là một thách thức của tỉnh trong giai đoạn 2001-2010. Tỉnh chưa đạt được mục tiêu đặt ra là tưới tiêu cho 80% diện tích đất nông nghiệp, đảm bảo 100% dân số thành thị và 80–90% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch vào năm 2010. Tuy nhiên, tỉnh cũng đã nâng cấp được hệ thống kênh mương và lắp đặt các hệ thống tưới tiêu cho 27% diện tích nông nghiệp. Năm 2010, 70% diện tích khu vực thành thị ở thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh được cấp 80–100 lít nước/người/ngày, và 50% diện tích

thành thị còn lại được cấp 50–70 lít/người/ngày. Cũng trong năm 2010, 70% dân cư khu vực nông thôn có nước sạch, tăng 20% so với năm 2005.

### 2.1.5 Khoa học và công nghệ

Từ năm 2006 đến 2010 đã chỉ đạo triển khai thực hiện 113 đề tài, dự án. Trong đó, có 16 dự án cấp nhà nước và cấp Bộ, 97 đề tài, dự án cấp tỉnh về các lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, quốc phòng, an ninh, điều tra cơ bản, chuyển giao công nghệ, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, vv. Nhiều đề tài, dự án sau khi nghiệm thu kết quả nghiên cứu được ứng dụng vào thực tiễn đạt kết quả tốt, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của tỉnh, cung cấp những luận cứ khoa học phục vụ hoạch định chủ trương, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển chung và các ngành, lĩnh vực của tỉnh; góp phần quan trọng trong việc tiếp thu, làm chủ, thích nghi và khai thác có hiệu quả các công nghệ nhập từ nước ngoài và chuyển giao trong nước. Nhờ vậy chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ trong một số ngành được nâng lên đáng kể như viễn thông, truyền thông, khai thác và chế biến khoáng sản, công nghệ thông tin.

Thời gian qua tỉnh đã quan tâm đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ, từ năm 2006 - 2010 là 56.630 triệu đồng. Trong đó, đầu tư cho nghiên cứu triển khai: 29.280 triệu đồng (chiếm gần 51,7%); đầu tư tăng cường cho các hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ: 10.241 triệu đồng; đầu tư cơ sở vật chất 5.827 triệu đồng; đầu tư cho hoạt động của các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở: 6.582 triệu đồng. Kinh phí đầu tư phát triển khoa học và công nghệ: 4.700 triệu. Đến nay toàn tỉnh có 28 cơ sở nghiên cứu triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.

## 2.2 Tổng quan tình hình Văn hóa – xã hội tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2001–2010

Cùng những thành tựu kinh tế trong giai đoạn 2001–2010, Hà Tĩnh đã đạt được hầu hết các mục tiêu xã hội đề ra. Nhìn chung, tỉnh đã có bước tiến đáng kể trong giảm nghèo, giáo dục, chăm sóc sức khỏe. Những thành tích trên có được là nhờ đã bảo vệ và duy trì được 1 môi trường trong lành và hạn chế ô nhiễm từ phát triển công nghiệp. Từ năm 2000 đến 2010, dân số Hà Tĩnh giảm từ 1,27 triệu xuống còn 1,23 triệu người. Cũng trong thời gian này, tỉnh có tốc độ đô thị hóa hàng năm là 4,3%. Năm 2001, 10% diện tích tỉnh là thành thị, 90% là nông thôn. Đến năm 2010, diện tích thành thị chiếm 15% và nông thôn chiếm 85%. Hà Tĩnh đạt và vượt rất nhiều chỉ tiêu xã hội đề ra trong giai đoạn này, cụ thể là:

- Tạo 61.275 việc làm mới (so với mục tiêu 20.000-25.000).
- Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề đạt 32% (so với mục tiêu 25%).
- Giảm đáng kể tỷ lệ hộ nghèo: từ 38,6 năm 2006 xuống 12,7% năm 2010 (26,1% theo chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2011-2015). Đây là tỷ lệ cao nhất cả khu vực Bắc Trung Bộ, 1 phần do thiệt hại từ lũ lụt cuối năm 2010. Mục tiêu đặt ra ban đầu là xóa được nghèo.
- Tỷ lệ nhập học bậc tiểu học (100% so với mục tiêu), trung học cơ sở (100%), trung học phổ thông (73,1% so với mục tiêu 90%) đều tăng trong giai đoạn này, với 100% phường xã có trường tiểu học

- Tỷ lệ xã, phường có bác sỹ đạt 65,3% (so với mục tiêu 100%), trong khi tỷ lệ bác sỹ đạt 5,4 / nghìn người năm 2010 so với mức 3,4 người năm 2000
- Tỷ lệ trẻ sơ sinh tử vong giảm còn 5,8/100.000 trẻ đẻ sống, tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi tử vong giảm từ 42/1000 xuống còn 9/1000 (mục tiêu là 15/1000); tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi giảm xuống còn 19,1%; 96,1% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm phòng đầy đủ (mục tiêu là 100%)
- Năm 2010, 70% diện tích khu vực thành thị ở thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh được cấp 80–100 lít nước/người/ngày, và 50% diện tích thành thị còn lại được cấp 50–70 lít/người/ngày. Cũng trong năm 2010, 70% dân cư khu vực nông thôn có nước sạch, tăng 20% so với năm 2005.
- Năm 2010, tất cả 262 xã phường đã được phủ sóng truyền hình và radio, đạt 100% mục tiêu đề ra.

### 2.2.1 Các vấn đề xã hội và giảm nghèo

Năm 2010, 26,1% dân số Hà Tĩnh sống trong đói nghèo, cao hơn trung bình toàn quốc là 14,2%. Dù chưa đạt được mục tiêu là xóa nghèo hoàn toàn vào năm 2010, tỉnh cũng đã có những bước tiến to lớn lĩnh vực này. Ngoài ra, Hà Tĩnh cũng đã thực hiện 1 số hoạt động trong tỉnh nhằm hỗ trợ những đối tượng hưởng phúc lợi xã hội. Tính đến năm 2010, Hà Tĩnh có 290.000 đối tượng có công với cách mạng và 46.000 đối tượng bảo trợ xã hội. Trong đó số đối tượng người có công hưởng trợ cấp hàng tháng là 50.000 người; đối tượng hưởng chính sách bảo trợ xã hội, bao gồm: nhóm cao tuổi cô đơn và trên 85 tuổi là 23.500 người; nhóm trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và gia đình đơn thân nuôi con nhỏ là hơn 5.000; nhóm tàn tật 17.500). Các chính sách trợ cấp ưu đãi hàng tháng và trợ cấp một lần được tỉnh giải quyết kịp thời, đầy đủ theo quy định. Hà Tĩnh cũng thực hiện các chương trình sức khỏe dự phòng và xã hội có hiệu quả về dự phòng HIV/AIDS, sức khỏe tâm thần, dịch vụ dân sự và quân sự.

### 2.2.2 Giáo dục và Đào tạo

Hà Tĩnh đã nâng cấp các cơ sở giáo dục và thu được kết quả đáng chú ý về giáo dục trong giai đoạn 2001-2010, giúp tỉnh đạt được 1 số mục tiêu đặt ra trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trước đó. Năm 2010, Hà Tĩnh có 835 cơ sở giáo dục, với 306 trường cấp 1 (giảm từ 315 trường năm 2001) và hầu hết đều đạt chuẩn quốc gia; 189 là trường trung học cơ sở (giảm từ 204 trường năm 2001)— hơn 1 nửa đạt chuẩn quốc gia; và 46 là trường trung học phổ thông (tăng từ 33 trường năm 2001)— 30% đạt chuẩn quốc gia.

Trường Đại học Hà Tĩnh được thành lập năm 2007 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Hiện đã có đội ngũ cán bộ, giảng viên 237 người, trong đó, 72% giảng viên có trình độ trên đại học, đang đào tạo trên 8.000 sinh viên với hơn 47 mã ngành đào tạo và có quan hệ hợp tác với nhiều trường đại học trong, ngoài nước. Trường đã được quy hoạch tại địa điểm mới có diện tích 80,6 ha và đã khởi công xây dựng Khu ký túc xá cho sinh viên với tổng mức đầu tư trên 433 tỷ đồng. Trường Trung cấp Y tế, Trường Dạy nghề kỹ thuật Việt- Đức, Trường Dạy nghề số 5 được nâng cấp thành trường cao đẳng; hoàn thành Đề án nâng cấp trường Văn hoá- Nghề thuật thành trường Cao đẳng Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Bên cạnh đó, Hà Tĩnh cũng có nhiều thành tựu lớn trong đào tạo dạy nghề. Các cơ sở dạy nghề được thành lập ở tỉnh giai đoạn 2001–2010 có vai trò hết sức quan trọng với sự thành công của tỉnh. Năm 2010, tỉnh có 35 cơ sở dạy nghề hoạt động. Trong thời gian 2000 đến 2010, số lượng học viên tốt nghiệp các trường dạy nghề ở Hà

Tỉnh tăng lên nhanh chóng. Năm 2000 mới chỉ có 986 thì đến năm sau đã tăng lên 10.426 người. Sau đó, con số này còn tiếp tục tăng đều đặn; năm 2010, Hà Tĩnh có 17.693 người qua đào tạo gia nhập đội ngũ lao động. Đây là những yếu tố đóng góp vào phát triển nguồn nhân lực trong giai đoạn này và giúp Hà Tĩnh có cơ sở thực hiện phát triển kinh tế mạnh mẽ hơn nữa.

### **2.2.3 Chăm sóc sức khỏe**

Trong giai đoạn 2001–2010, lĩnh vực chăm sóc sức khỏe ở Hà Tĩnh đã có những tiến bộ vượt bậc. Mặc dù còn hạn chế về cơ sở vật chất và trang thiết bị trong thời gian này, tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe đã được cải thiện đáng kể và nhìn chung đã cao hơn chuẩn chung cả nước. Nếu như năm 2001 Hà Tĩnh mới chỉ có 11 bệnh viện thì đến năm 2005 đã có 15 và năm 2010 có 18. Số lượng bác sỹ cũng tăng lên trong giai đoạn này.. Số lượng bác sỹ ở tỉnh tăng từ 475 năm 2001 lên 648 năm 2005 và 714 năm 2010. Mặc dù số lượng bác sỹ đã tăng song đến năm 2010, Hà Tĩnh mới chỉ có 5,4 bác sỹ/1000 dân, so với mức trung bình cả nước là 7,1.

Hà Tĩnh cũng đã có tiến bộ đáng kể trong cải thiện dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản và dự phòng. Hà Tĩnh đã giảm tỉ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh trong giai đoạn 2000–2010, từ 6,1/1000 ca sinh xuống còn 5,8/100.000 trẻ đẻ sống. Tỉ lệ tử vong bà mẹ cũng giảm xuống còn 15,6/100.000 ca sinh năm 2010.

### **2.2.4 Nước sạch và vệ sinh môi trường**

Trong giai đoạn 2005–2010, Hà Tĩnh đã cải thiện điều kiện về nước và vệ sinh — những yếu tố hết sức quan trọng với đời sống người dân vùng nông thôn. Năm 2010, 70% dân số nông thôn có nước sạch sinh hoạt, so với mức 50% năm 2005. 44% dân số nông thôn được tiếp cận nước sạch đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế năm 2010. Số trường học và địa điểm công cộng có nước sạch và nhà vệ sinh hợp tiêu chuẩn năm 2005 là 23,6%, sau đó tăng lên 58,31% năm 2010. Trong năm 2010, 54,09% hộ gia đình nông thôn có nhà vệ sinh hợp tiêu chuẩn, trong khi mức chung cả nước là 63%.

### **2.2.5 Văn hóa, Thông tin, Thể thao, Phát thanh truyền hình**

Bản sắc văn hóa của tỉnh tiếp tục được bảo tồn và phát huy. Tuy số lượng trung tâm văn hóa và bưu điện vẫn còn hạn chế, tỉnh vẫn duy trì được các hoạt động văn hóa. Năm 2002 thêm 1 bưu điện được đưa vào hoạt động đã tăng số lượng bưu điện toàn tỉnh lên 11. Năm 2009, đã hoàn thành và đưa vào hoạt động nhà thi đấu thể thao lớn của tỉnh. Về hoạt động phát thanh truyền hình, năm 2010 khoảng 262 xã phường trong tỉnh có dịch vụ phát thanh truyền hình, trong đó 244 xã, phường có đài phát thanh.

### 3 Đánh giá tổng thể Hà Tĩnh

Việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2001 – 2010 đã mang lại nhiều kết quả quan trọng làm tiền đề cho sự phát triển của Hà Tĩnh trong những năm tới. Sau đây là đánh giá các thành tựu và hạn chế của tỉnh, lý do và nguyên nhân của các kết quả, kèm theo là phân tích tình hình Hà Tĩnh trong tương quan với Việt Nam và khu vực Duyên hải Bắc Trung bộ.

#### 3.1 Đánh giá thành tựu

##### 3.1.1 Thành tựu Kinh tế

Hà Tĩnh đã đạt được nhiều tiến bộ to lớn trong giai đoạn 2001 – 2010. Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm của tỉnh đạt 9,5%, cao hơn mục tiêu đề ra (8%) và trung bình cả nước (7,07%). Ngoài ra tỉnh còn đạt được mục tiêu đa dạng hóa hoạt động phi nông nghiệp và hướng tới công nghiệp – xây dựng, giúp đẩy mạnh tăng trưởng trong giai đoạn này. Ngành nông nghiệp, vốn chiếm 51% GDP và 82% lao động năm 2000, đến năm 2010 chỉ còn chiếm 34% GDP và 64% lao động. Với sự chuyển đổi này, khu vực nông nghiệp và các ngành liên quan của tỉnh tiếp tục ổn định và tăng trưởng. Công nghiệp và xây dựng tăng trưởng mạnh trong giai đoạn này. Các hoạt động trong khu vực này tập trung vào chế biến gỗ, sản xuất thực phẩm và nước giải khát, và khoáng sản. Dịch vụ và thương mại cũng tăng trong giai đoạn này, thu hút 23% lượng lao động và đóng góp tới 1/3 tổng GDP. Một thành tựu nữa của tỉnh là việc cải thiện năng lực về cơ sở hạ tầng. Hà Tĩnh đã hoàn thành việc xây dựng các dự án quan trọng, như hoàn thành việc nâng cao quốc lộ 1A đoạn đi qua tỉnh và 2 bến tàu ở Cảng Vũng Áng. Các cơ sở hạ tầng này tiếp tục thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội ở Hà Tĩnh trong tương lai. Trong giai đoạn 2000 - 2010, GDP bình quân tăng từ 2,682 triệu đồng lên 12,943 triệu đồng năm 2010. Con số này tương ứng với tốc độ thực tế tăng hàng năm là 10%.

##### 3.1.2 Thành tựu Xã hội

Thành tựu kinh tế của Hà Tĩnh không tách rời khỏi thành tựu xã hội. Tỉnh đã đạt được những thành công đáng kể trong giáo dục. Năm 2010, hầu hết các trường tiểu học và trung học cơ sở trong tỉnh đã đạt chuẩn quốc gia, và hầu hết giáo viên phổ thông đạt hoặc vượt chuẩn quốc gia. Hà Tĩnh có tỉ lệ 100% học sinh trong độ tuổi nhập học bậc tiểu học và trung học cơ sở. Ngoài ra, đến năm 2010, toàn tỉnh có 35 cơ sở dạy nghề đang hoạt động. Hà Tĩnh cũng đã cải thiện dịch vụ chăm sóc sức khỏe – trong giai đoạn nói trên, tỉnh đạt thành công lớn trong các chương trình dự phòng và chăm sóc sức khỏe cơ bản. Chương trình tiêm phòng hiệu quả của tỉnh đã giúp Hà Tĩnh không còn ca mắc tả và lỵ nào trong giai đoạn 2003-2010. Bên cạnh đó, từ năm 2001 đến năm 2010, tỉnh đã giảm đáng kể tỉ lệ tử vong trẻ sơ sinh, chỉ còn 5,8/100.000 vào năm 2010. Hà Tĩnh đã mở rộng các chương trình phúc lợi xã hội. Hà Tĩnh cũng đạt tiến bộ đáng kể trong giảm nghèo, từ 38,6% năm 2006 xuống chỉ còn 12,7% năm 2010 (theo chuẩn nghèo của Chính phủ giai đoạn 2011-2015 là 26,1%).



## 3.2 Đánh giá hạn chế

### 3.2.1 Hạn chế về Kinh tế

Mặc dù đã đạt được nhiều thành tích về kinh tế, Hà Tĩnh vẫn còn nhiều hạn chế trong giai đoạn 2001-2010. Nhìn chung, cơ cấu kinh tế vẫn thiên về nông nghiệp, khu vực có năng suất thấp nhất trong 3 khu vực chính, vẫn chiếm tới 34% GDP và 64% lao động toàn tỉnh. Do đó, Hà Tĩnh vẫn là 1 tỉnh tương đối nghèo (thứ 53 trong 63 tỉnh) mặc dù đã có mức tăng trưởng đáng khen ngợi về GDP bình quân đầu người, nhưng vẫn còn những tồn tại, hạn chế, đó là:

#### 3.2.1.1 Nông lâm ngư nghiệp

Khu vực nông nghiệp vẫn đang gặp phải vấn đề năng suất thấp vì nhiều lý do trong đó có điều kiện địa lý (thời tiết khắc nghiệt, thiên tai, đất đai tương đối kém màu mỡ) và các lý do phức tạp khác (mức độ áp dụng công nghệ thấp, cơ chế chuỗi cung ứng bất hợp lý, và có ít phương án đào tạo). Năm 2010, khu vực này thu hút 64% lao động trong tỉnh, tuy nhiên, đúng như dự kiến, năng suất trung bình thấp gấp 3,9 lần lao động ngành công nghiệp và xây dựng. Điều này cho thấy tỉnh rất cần chuyển đổi lao động sang các công việc có năng suất cao hơn. Mặc dù hầu hết hoạt động nông nghiệp của Hà Tĩnh là trồng trọt, sản lượng nông nghiệp của Hà Tĩnh lại tương đối thấp. Năm 2010, Hà Tĩnh xếp thứ 52 trong số 63 tỉnh thành về sản lượng lúa. Ngoài ra, năm 2009, chăn nuôi mới chỉ ở cấp độ hộ gia đình. Sản lượng nuôi trồng thủy sản của tỉnh cũng còn thấp hơn mức trung bình cả nước, xếp thứ 46 trong 63 tỉnh thành (2010). Hoạt động lâm nghiệp của tỉnh đã có sự chuyển dịch sang các hoạt động có giá trị cao hơn. Phần lớn gỗ của Hà Tĩnh không được dùng cho công nghiệp chế biến tại địa phương như sản xuất nội thất mà lại được xuất khẩu dưới dạng hàng hóa giá trị thấp là gỗ dăm. Nhìn chung, ngành nông nghiệp Hà Tĩnh còn chưa tập trung. Tỉnh cũng phải đối mặt với các ảnh hưởng tiêu cực thường xuyên của khí hậu và thiên tai. Trong khi nông nghiệp cần được củng cố và có năng suất cao hơn, những vấn đề về cơ cấu kinh tế của tỉnh cho thấy động lực tăng trưởng kinh tế trong tương lai của Hà Tĩnh sẽ đến từ các khu vực khác.

#### 3.2.1.2 Công nghiệp và Xây dựng

Mặc dù công nghiệp và xây dựng ở Hà Tĩnh đã tăng trưởng mạnh trong giai đoạn 2001-2010, khu vực công nghiệp của tỉnh chỉ chiếm 0,18% tổng sản lượng công nghiệp toàn quốc năm 2010. Hà Tĩnh còn thiếu lao động lành nghề (chỉ 31,7% lực lượng lao động là lành nghề). Hệ thống cơ sở hạ tầng và giao thông vận tải lạc hậu đã hạn chế cả đầu tư và năng suất làm việc trong khu vực. Hầu hết lực lượng lao động không được đào tạo để thực hiện các hoạt động công nghiệp giá trị cao, ví dụ như chế tạo các sản phẩm phức tạp hơn như máy móc công nghiệp nặng và dệt may – cả 2 sản phẩm này còn ít có ở tỉnh. Chất lượng đường xá yếu kém và tuyến đường sắt quốc gia không đi qua các khu kinh tế của Hà Tĩnh. Các ngành công nghiệp thường hoạt động đơn lẻ thay vì nằm trong 1 cụm kinh tế và có rất ít các ngành phụ trợ - đặc biệt là các ngành chế biến (ví dụ như gỗ).

#### 3.2.1.3 Thương mại – Dịch vụ

Năm 2010, hoạt động thương mại và dịch vụ của Hà Tĩnh đóng góp chưa đến 0,7% tổng giá trị khu vực này của toàn quốc – so với mức đóng góp của GDP tỉnh cho GDP toàn quốc là 0,8%. Mặc dù 1/3 giá trị khu vực thương mại và dịch vụ của Hà Tĩnh đến từ bán lẻ và bán buôn, hoạt động thương mại ở Hà Tĩnh còn nhỏ lẻ và chủ yếu ở quy mô hộ gia đình. Hệ thống bán buôn, bán lẻ hiện đại như: siêu thị, trung tâm thương mại, vv trên địa bàn

tỉnh còn quá ít về số lượng, nhỏ lẻ về quy mô, chưa tương xứng với vai trò, tính nổi trội của nó cũng như chưa đáp ứng yêu cầu phát triển thương mại nội địa văn minh, hiện đại, phục vụ yêu cầu sản xuất và tiêu dùng ngày càng phong phú, đa dạng của nhân dân. Các mô hình bán buôn, bán lẻ chủ yếu vẫn là các mô hình truyền thống của nền sản xuất hàng hoá nhỏ; các mô hình bán buôn, bán lẻ hiện đại chưa nhiều, chưa được tổ chức chặt chẽ theo các hình thức và cấp độ phù hợp đã gây tác động xấu đến lưu thông hàng hoá. Hệ thống doanh nghiệp, hệ thống thương nhân, tổ chức kênh lưu thông từ nơi phát luồng hàng đến nơi tiêu thụ cuối cùng còn qua nhiều trung gian làm cho lưu thông hàng hoá chậm chạp, giảm sức cạnh tranh, gây hư hỏng sản phẩm khi vận chuyển. Thương mại ở Hà Tĩnh do đó chỉ đóng góp 1 phần nhỏ vào nền kinh tế chung của cả nước. Khoảng cách xa từ tỉnh tới các trung tâm thương mại lớn và thiên tai thường xuyên xảy ra cũng làm giảm khả năng tận dụng các cơ hội thương mại lớn. Về dịch vụ, ngành du lịch Hà Tĩnh cũng phải đối mặt với nhiều thách thức so với các trung tâm du lịch khác của quốc gia như thách thức về khí hậu, có tương đối ít điểm khác biệt tích cực so với địa phương khác. Giao thông không thuận lợi, các vấn đề với hạ tầng điện cấp nước, đội ngũ lao động không được đào tạo càng làm cản trở sự phát triển của khu vực. Do đó, các điểm du lịch hầu như chưa được phát triển hết tiềm năng.

#### 3.2.1.4 Môi trường kinh doanh và đầu tư

Mặc dù Hà Tĩnh có xếp hạng cao về chỉ số PCI, hoạt động kinh doanh ở tỉnh còn thấp. Các doanh nghiệp vẫn gặp phải tình trạng khó tiếp cận tín dụng, người lao động thiếu kỹ năng kinh doanh và chưa được đào tạo để hoạt động hiệu quả nhất. Thị trường tài chính địa phương có quy mô nhỏ làm hạn chế nguồn vốn cung cấp cho các doanh nghiệp nhỏ và yêu cầu thế chấp để vay nợ cao. Nhìn chung, tổng quan tình hình kinh tế ở tỉnh đã cản trở cơ hội kinh doanh. Tuy nhiên, tỉnh đã chủ động tổ chức các cuộc làm việc giữa VCCI và cộng đồng doanh nghiệp của tỉnh với mục tiêu cải thiện môi trường kinh doanh. Đây là một bước đi đúng hướng.

#### 3.2.1.5 Khoa học và Công nghệ

Nhìn chung hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh vẫn còn những hạn chế, yếu kém, chưa đáp ứng với yêu cầu là nền tảng và động lực phát triển KT-XH, chưa giải đáp kịp thời nhiều vấn đề của thực tiễn cũng như yêu cầu của sản xuất và đời sống. Môi trường hoạt động nghiên cứu khoa học, thị trường khoa học và công nghệ chưa phát triển, cơ sở hạ tầng, kinh phí và các điều kiện đảm bảo cho công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ còn nhiều khó khăn. Kết quả một số đề tài, dự án, mô hình nghiên cứu không có khả năng ứng vào thực tiễn đời sống hoặc một số kết quả nghiên cứu chưa được nhân rộng, sức lan tỏa yếu, hoạt động tư vấn chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng còn có những hạn chế về cơ sở vật chất, năng lực cung cấp các dịch vụ chưa đáp ứng yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế. Đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao chưa nhiều, cơ cấu theo ngành chưa phù hợp, thiếu các chuyên gia đầu ngành, nhất là thiếu cán bộ trẻ kế cận có trình độ cao. Đầu tư của xã hội cho khoa học và công nghệ còn rất thấp, đặc biệt là từ khu vực doanh nghiệp. Số lượng nhà khoa học trong tỉnh còn hạn chế, chỉ có 1.223 người làm việc trong các hoạt động khoa học và công nghệ. Hà Tĩnh mới chỉ có 3 trường cao đẳng và 1 đại học đào tạo về các ngành hóa học, công nghệ sinh học và điện. Ngoài ra, những người làm trong ngành nông nghiệp cũng nhận thấy việc thiếu áp dụng công nghệ ở tỉnh.

### 3.2.2 Hạn chế Xã hội

Mặc dù đã đạt được nhiều tiến bộ lớn về mặt xã hội, Hà Tĩnh vẫn còn nhiều thách thức liên quan đến giáo dục, khoa học – xã hội, nghèo đói, chăm sóc sức khỏe và văn hóa. Mặc dù những hạn chế này là kết quả của mức độ phát triển kinh tế còn tương đối thấp ở tỉnh, các yếu tố khác cũng có ảnh hưởng đến những hạn chế này.

#### 3.2.2.1 Giáo dục và Đào tạo

Dù đã nâng cao đáng kể tỷ lệ nhập học và chất lượng dạy học trong nhà trường, cơ sở hạ tầng giáo dục và đào tạo toàn tỉnh vẫn còn yếu kém. Một số trường thiếu phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, phòng cán bộ, sân chơi. Các cơ sở giáo dục, ví dụ như Đại học Hà Tĩnh vẫn thiếu đầu tư, làm hạn chế khả năng nâng cấp trang thiết bị và cơ sở hạ tầng. Mặc dù tỉnh đạt được nhiều thành tựu ở bậc tiểu học song thành tích của học sinh từ sau cấp 3 không cao. Ở cấp trung học phổ thông, tỷ lệ tốt nghiệp hàng năm khá cao. Tuy nhiên, tỉ lệ học sinh nhập học ở cấp THPT chỉ là 73,1%, thấp hơn nhiều mức trung bình của Việt Nam là 83,8% (2009). Một số học sinh sinh viên của tỉnh chọn đi học ở địa phương khác, dẫn tới hiện tượng “chảy máu chất xám”. Quy mô hiện tại của khuôn viên Đại học Hà Tĩnh chỉ chưa đầy 7 ha với khoảng 100 phòng học và còn thiếu trang thiết bị hạ tầng thư viện, hạ tầng kỹ thuật và xã hội. Khoảng 90% sinh viên đại học học ở ngoài tỉnh, hầu hết họ sau khi tốt nghiệp làm việc ở địa phương khác do ở Hà Tĩnh không có nhiều cơ hội việc làm phù hợp với chuyên môn của họ. Đây là nguyên nhân dẫn đến tỉ lệ di cư thực hàng năm là trong khoảng 0,13% năm 2005 và -1,29% (gần 16.000 người) năm 2009.

#### 3.2.2.2 Việc làm và nghèo đói

Dù đã giảm được nghèo trong giai đoạn 2001-2010 (tỉ lệ nghèo giảm từ 38,6% năm 2006 xuống còn 12,7% năm 2010), Hà Tĩnh vẫn tiếp tục đối mặt với tỉ lệ nghèo và thất nghiệp cao (4,1%). Thêm vào đó, thiên tai đã làm tỷ lệ hộ nghèo tăng mạnh. Ngoài ra, tỉnh có khoảng 15.000 người thất nghiệp mỗi năm. Điều này, cùng với tính chất mùa vụ của hoạt động nông nghiệp, đã làm tỉ lệ di cư khỏi tỉnh ở mức cao.

#### 3.2.2.3 Y tế

Hà Tĩnh đang thiếu cán bộ y tế, bác sỹ và y tá có trình độ. Năm 2010, số lượng bác sỹ trên 10.000 dân ở tỉnh là 5,4 so với trung bình cả nước là 7,1. Ngoài ra, các bệnh viện cấp tỉnh cũng thiếu chuyên gia phụ khoa và phẫu thuật. Số lượng y tá/10.000 dân năm 2009 ở Hà Tĩnh là 7,6 (năm 2010 tăng lên 9,4) so với trung bình cả nước là 9,5. Mặc dù tỉnh đã có 1 số chương trình ưu đãi thu hút các đối tượng trên, số liệu chính thức vẫn cho thấy rất khó kéo cán bộ y tế có năng lực đến với Hà Tĩnh do tỉnh còn hạn chế về môi trường phát triển nghề nghiệp, thiếu cơ hội tăng thêm thu nhập qua làm tư, và khoảng cách xa từ các trường đại học, cao đẳng và trung học ngành chăm sóc sức khỏe. Đội ngũ lao động của Hà Tĩnh cũng chưa đủ năng lực giải quyết những vấn đề phức tạp như phẫu thuật, sản khoa – phụ khoa và bệnh truyền nhiễm. Công nghệ sử dụng ở các cơ sở chăm sóc sức khỏe trong tỉnh cũng còn hạn chế. Nhiều người bị vấn đề sức khỏe nghiêm trọng thường đi khám chữa ở ngoài tỉnh.

#### 3.2.2.4 Văn hóa – Thể thao

Do cơ sở hạ tầng văn hoá – thể thao còn hạn chế, Hà Tĩnh chưa có điều kiện phát huy nền văn hoá của tỉnh. Hiện tại hạ tầng du lịch của tỉnh còn rất nghèo nàn. Giao thông khó khăn, ít khách sạn và các loại hình lưu trú

khác đã gây khó khăn cho việc phát triển du lịch đến các điểm du lịch văn hóa nói trên. Tỉnh đã có một Trung tâm văn hóa cấp tỉnh mới được đầu tư, nhiều huyện không có hạ tầng thể thao và công trình đủ sức đăng cai các hoạt động lớn, đặc biệt nếu tổ chức ở ngoài thành phố Hà Tĩnh.

### 3.3 Nguyên nhân

#### 3.3.1 Nguyên nhân có được lợi thế và thành công

##### 3.3.1.1 Nguyên nhân bên ngoài

Thành công của Hà Tĩnh giai đoạn vừa qua phần nào có thể là kết quả của tốc độ tăng trưởng cao chung của cả nước. Ví dụ, việc Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới năm 2007 đã góp phần làm tăng lượng đầu tư trong nước, kích thích tăng trưởng. Từ năm 2006 đến năm 2010, lượng FDI đăng ký theo báo cáo đã tăng 7 lần so với giai đoạn 5 năm trước đó. Ngoài ra, Việt Nam có vai trò lớn hơn trong kinh tế quốc tế, đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch ASEAN năm 2010. Những yếu tố này đã đóng góp vào mức tăng trưởng chung của cả 63 tỉnh thành, trong đó có Hà Tĩnh.

##### 3.3.1.2 Nguyên nhân bên trong

UBND tỉnh Hà Tĩnh đóng vai trò then chốt trong thành công của tỉnh giai đoạn vừa qua. UBND đã giải quyết được các vấn đề cả xã hội và kinh tế của tỉnh đồng thời tích cực thực hiện những công việc đề ra trong quy hoạch phát triển kinh tế xã hội 2001-2010. Điều này giúp tỉnh nhanh chóng cải thiện được các điều kiện và tạo cơ sở để tiếp tục thành công. Công tác trên của UBND tỉnh được tiến hành trong cùng với quá trình thực hiện kế hoạch phát triển khu vực và cả nước trong cùng giai đoạn. Sự kiên trì và nỗ lực của UBND tỉnh đã góp phần tạo nên thành tựu kinh tế - xã hội chung của cả tỉnh. Những kế hoạch gần đây giúp Hà Tĩnh tận dụng tốt hơn nguồn tài nguyên thiên nhiên và các điều kiện lợi thế, ví dụ như kế hoạch khai thác mỏ sắt Thạch Khê, xây dựng khu liên hợp luyện cán thép và cảng Sơn Dương của Tập đoàn Formosa, cũng như kế hoạch phát triển khu kinh tế Vũng Áng thành trung tâm lớn về hoạt động công điện, công nghiệp chế biến ở khu vực Bắc Trung bộ.

#### 3.3.2 Nguyên nhân dẫn đến bất lợi và hạn chế

##### 3.3.2.1 Nguyên nhân bên ngoài

Hà Tĩnh tiếp tục phải đối mặt với các đợt thiên tai lớn với tần suất lớn hơn trung bình ở Việt Nam. Các trận bão lũ thường xuyên xảy ra trong các năm 2001-2010 làm thiệt hại lớn về kinh tế và gây khó khăn cho việc cải thiện điều kiện kinh tế xã hội. Trận lũ năm 2010 là trận lũ nghiêm trọng nhất trong thời kỳ này, làm tỉnh thiệt hại 6.374 tỷ đồng. Ngoài ra, Hà Tĩnh còn có điều kiện tự nhiên nghèo nàn, đất gieo trồng có nồng độ acid cao ở nhiều vùng và nước bị nhiễm mặn trên toàn tỉnh. Đây là nguyên nhân ảnh hưởng tiêu cực đến nông nghiệp và sức khỏe người dân ở nhiều khu dân cư. Ngoài các nguyên nhân tự nhiên, Hà Tĩnh còn phải đương đầu với những vấn đề kinh tế vĩ mô chung của cả nước, trong đó có tỷ lệ lạm phát cao. Cuộc khủng hoảng tài chính trong giai đoạn này đã làm hạn chế cơ hội tăng trưởng kinh tế xã hội trong tỉnh và trên toàn quốc, đặc biệt là về đầu tư nước ngoài. Nguyên nhân cuối cùng là do sức mạnh kinh tế của các tỉnh tại Việt Nam thường có liên quan đến khoảng cách từ các trung tâm kinh tế lớn, Hà Tĩnh ở khá xa so với Hà Nội và Đà Nẵng và có GDP bình quân thấp nhất trong các tỉnh nằm giữa 2 thành phố lớn trên.

### 3.3.2.2 Nguyên nhân bên trong

Việc thiếu nguồn lực tài chính đã hạn chế khả năng phát triển của tỉnh trong giai đoạn này. Nguyên nhân chủ yếu của thực trạng này là do nền kinh tế còn kém phát triển. Ngoài ra, môi trường kinh doanh trong tỉnh còn yếu kém so với các tỉnh khác. Năm 2010 Hà Tĩnh xếp thứ 37 trong 63 tỉnh thành. Tỉnh đã có nhiều nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh trong những năm qua, vươn lên đứng thứ 7 về chỉ số PCI. Tuy nhiên, cả doanh nghiệp trong và ngoài nước đều nhận thấy Hà Tĩnh còn cần cố gắng hơn nữa về chất lượng đào tạo lao động, số lượng đơn vị cung cấp dịch vụ công, việc vẫn tồn tại các chi phí không chính thức. Ngoài ra, các doanh nghiệp còn chưa tận dụng được tối đa các cơ quan pháp luật để giải quyết tranh chấp kinh doanh và chống quan liêu tham nhũng. Bên cạnh đó, điều kiện hạ tầng của Hà Tĩnh trong đó có giao thông vận tải yếu kém đã làm chùn bước các nhà đầu tư và doanh nghiệp tiềm năng muốn vào tỉnh và làm chi phí hoạt động của họ cao hơn so với những đối tượng có sẵn trụ sở tại Hà Tĩnh. Các kế hoạch của quốc gia và của tỉnh có liên quan cần được tuyên truyền rộng rãi và thực hiện thành công để giảm thiểu những vấn đề trên.

## 3.4 Phân tích tình hình so với cả nước và khu vực Duyên hải Bắc Trung bộ

### 3.4.1 So sánh với cả nước

Hà Tĩnh chiếm gần 1,5% dân số và diện tích cả nước song chỉ đóng góp chưa đến 1% vào tổng GDP quốc gia. Tỉnh hiện là 1 trong những địa phương có thu nhập thấp nhất, đứng thứ 53 trên 63 tỉnh thành.

### 3.4.2 So sánh với khu vực

Hà Tĩnh nằm ở khu vực Duyên hải Bắc Trung bộ. Trong số các tỉnh của khu vực này, Hà Tĩnh có dân số lớn thứ 3 (1,2 triệu người), đứng sau Thanh Hóa (3,4 triệu người) và Nghệ An (2,9 triệu người). Hà Tĩnh có diện tích 5.997,18 km<sup>2</sup>, so với Nghệ An là 16.490 km<sup>2</sup> và Thanh Hóa là 11.133 km<sup>2</sup>. Khu vực này có tỉ lệ nghèo cao thứ 2 cả nước. Năm 2010, tỉ lệ nghèo khu vực là 23,9%, chỉ thấp hơn khu vực Tây Bắc (29,4%) và cao hơn nhiều mức trung bình cả nước là 14,2%. Trong số 6 tỉnh thành khu vực Duyên hải Bắc Trung bộ, Hà Tĩnh nằm trong số các tỉnh nghèo nhất. Năm 2010 tỉnh có tỉ lệ nghèo cao nhất, lên tới 26,1% (theo các tiêu chí đánh giá của chính phủ). Về GDP bình quân, Hà Tĩnh nằm trong nhóm 6 tỉnh nghèo nhất khu vực năm 2009.

## 4 Đánh giá điểm mạnh và hạn chế trong phát triển kinh tế- xã hội của Hà Tĩnh theo phương pháp năng lực cạnh tranh

Trong phần này, đánh giá năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Hà Tĩnh, sử dụng Khung phân tích Kim cương của giáo sư Michael Porter như đã nói trong phần 1 của báo cáo này. Cụ thể, sẽ đánh giá thế mạnh và điểm hạn chế của Hà Tĩnh theo 2 tiêu chí lớn sau:

### Tổng thể Giai đoạn phát triển

Tiêu chí này liên quan tới tổng thể mức độ phát triển kinh tế hiện tại. Đặc biệt là, phần này đánh giá xem liệu kinh tế Hà Tĩnh “lấy yếu tố sẵn có/tài nguyên thiên nhiên làm động lực”, tức là tỉnh phụ thuộc vào khai thác tài nguyên thiên nhiên hoặc lao động giá rẻ để tăng trưởng; ‘lấy đầu tư làm động lực,’ tức là tỉnh đã chuyển sang giai đoạn tiếp theo với tăng trưởng kinh tế được thúc đẩy nhờ đầu tư vốn và công nghệ quy mô lớn, ví dụ như trong công nghiệp chế biến và sản xuất; hay “lấy sáng tạo làm động lực”, tức là tỉnh đã chuyển sang giai đoạn cuối cùng với tăng trưởng kinh tế được thúc đẩy nhờ công nghệ mới, các sản phẩm dịch vụ mới được đổi mới, phát minh và phát triển tại Hà Tĩnh, sau đó được xuất đi toàn quốc hoặc ra nước ngoài. Thực hiện đánh giá này giúp xác định hiện tại Hà Tĩnh đang ở giai đoạn nào, nhờ đó đưa ra ưu tiên phù hợp cho giai đoạn phát triển tiếp theo của tỉnh.

### Năng lực cạnh tranh của Môi trường kinh doanh kinh tế vi mô trong Tỉnh

Phân tích hiện trạng năng lực cạnh tranh cơ bản của tỉnh theo Khung phân tích Kim cương của Giáo sư Michael Porter (như mô tả trong phần 1.3). Điều này giúp xác định (a) tiềm năng thế mạnh chính có thể tận dụng để phát triển bền vững trong tương lai cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh (b) những lĩnh vực quan trọng tỉnh cần cải thiện để đảm bảo có được môi trường kinh doanh bền vững, cạnh tranh và chất lượng cao giúp các công ty đầu tư và hoạt động hiệu quả, năng suất. Theo Khung phân tích Kim cương, sẽ phân tích bối cảnh kinh tế của tỉnh theo 4 yếu tố chính: yếu tố quan trọng sẵn có (tài nguyên thiên nhiên, cơ sở hạ tầng vật lý, và cơ sở hạ tầng mềm) môi trường chính sách, bối cảnh liên quan cho chiến lược doanh nghiệp và đối thủ cạnh tranh, điều kiện cầu và tình trạng công nghiệp liên quan và phụ trợ trong tỉnh. Cụ thể là, trong tiểu phần này, trả lời 4 nhóm câu hỏi phù hợp nhất để tìm hiểu đâu là yếu tố cạnh tranh cơ bản của 1 nền kinh tế khu vực hay kinh tế tỉnh như Hà Tĩnh, dựa trên kinh nghiệm và các nghiên cứu của giáo sư Michael Porter:

- Đâu là các yếu tố lợi thế hiện có mà Hà Tĩnh có thể tận dụng? Lợi thế tự nhiên nào (vị trí, trữ lượng khoáng sản, vv) tạo ra lợi thế so sánh cho Hà Tĩnh? Liệu các cơ sở hạ tầng vật lý và cơ sở hạ tầng mềm của Hà Tĩnh có tạo lợi thế cho tỉnh không, hay đây lại chính là những lĩnh vực mà tỉnh cần cải thiện?
- Liệu Hà Tĩnh có sở hữu môi trường chính sách thuận lợi và khung pháp lý đẳng cấp quốc tế để tận dụng được lợi thế về điều kiện sẵn có, và khuyến khích các công ty đầu tư và hoạt động trên địa bàn tỉnh 1 cách hiệu quả và năng suất không? Hà Tĩnh so với các tỉnh thành khác như thế nào về khía cạnh này? Đâu là lĩnh vực thế mạnh và đâu là lĩnh vực cần cải thiện trong tỉnh?
- Đâu là lĩnh vực nhu cầu hiện tại mà Hà Tĩnh đang phục vụ qua sản phẩm và dịch vụ sản xuất ra trong tỉnh (vd: nhu cầu trong nước, trong khu vực hay quốc tế)? Nhu cầu này có lớn không? khách hàng tiêu

dùng sản phẩm, dịch vụ của Hà Tĩnh có yêu cầu sản phẩm chất lượng cao không? Ý nghĩa của việc này với sự phát triển hiện tại và tương lai của Hà Tĩnh là như thế nào?

- Hà Tĩnh có các cụm ngành công nghiệp và công ty phát triển tốt, giúp thúc đẩy tính hiệu quả, năng suất và đổi mới không? Cụ thể là, trong những lĩnh vực hiện chiếm phần lớn tỷ trọng kinh tế tỉnh, liệu có số lượng đủ lớn các ngành công nghiệp liên quan và phụ trợ trong tỉnh để giúp các công ty lớn, nếu họ đầu tư vào tỉnh, dễ dàng tìm nguồn đầu vào (nguyên liệu thô, hàng hóa - dịch vụ trung gian, lao động, dịch vụ hậu cần, vv) hay không?

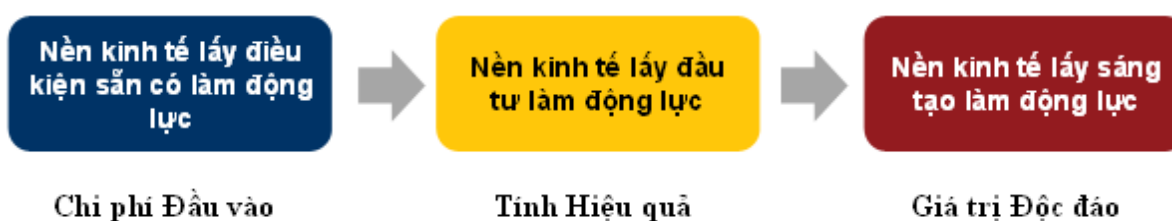
## 4.1 Giai đoạn phát triển của Hà Tĩnh

Cũng giống tình hình chung của Việt Nam, Hà Tĩnh có nền kinh tế lấy điều kiện sẵn có làm động lực (Hình 46). Trong giai đoạn này, các lợi thế cạnh tranh là các điều kiện sẵn có cơ bản như vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên và lao động chi phí thấp. Các nền kinh tế trong giai đoạn dựa vào điều kiện sẵn có chủ yếu dựa trên chi phí đầu vào và không tiếp cận được trực tiếp người tiêu dùng cuối cùng. Do đó, những nền kinh tế này thường rất nhạy cảm với chu kỳ kinh tế toàn cầu, phụ thuộc giá cả hàng hóa và biến động tỷ giá.

Các công ty trong một nền kinh tế lấy điều kiện sẵn có làm động lực có thường có vai trò hạn chế trong các chuỗi giá trị và chỉ tập trung vào các ngành khai thác tài nguyên và chế biến rất đơn giản, sử dụng nhiều lao động. Hiện nay, Hà Tĩnh chủ yếu khai thác tài nguyên như cây trồng hàng hoá, thủy hải sản, gỗ, và khoáng sản. Hà Tĩnh đã bắt đầu một số hoạt động chế biến sử dụng nhiều lao động, ví dụ chế biến hải sản, trực tiếp cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Tuy nhiên, với hiện trạng cơ sở vật chất hạn chế và chi phí vận chuyển cao, tỉnh không thể luôn cạnh tranh hiệu quả được với các tỉnh nằm gần các trung tâm kinh tế trọng điểm của Việt Nam. Các hoạt động và mặt hàng phi ngoại thương của Hà Tĩnh chỉ phục vụ duy nhất thị trường địa phương (thị trường có giá trị thấp) thường có giá cả cạnh tranh nhưng chất lượng lại kém hơn.

Trong thập kỷ tới, Hà Tĩnh cần phải chuyển sang giai đoạn phát triển tiếp theo: nền kinh tế lấy đầu tư làm động lực. Trong giai đoạn phát triển này hiệu quả sản xuất trở thành yếu tố chi phối lợi thế cạnh tranh. Nền kinh tế bao gồm nhiều hoạt động trong chuỗi giá trị và các công ty địa phương tiếp nhận và phát triển dựa trên công nghệ nước ngoài để đa dạng hóa hướng vào hàng hóa sản xuất và dịch vụ thương mại. Các khoản đầu tư đáng kể đang tập trung vào xây dựng một hệ thống cơ sở hạ tầng hiệu quả, nâng cao tiếp cận nguồn vốn và thiết lập môi trường kinh doanh thân thiện. Sau 1 thời gian, mong muốn của Hà Tĩnh là các sản phẩm và dịch vụ trở nên tinh vi hơn để tạo ra những công nghệ mới và giá trị độc đáo, giúp chuyển nền kinh tế sang giai đoạn lấy sáng tạo làm động lực phát triển.

**Hình 46: Các giai đoạn Phát triển Cạnh tranh**



## 4.2 Nền tảng kinh tế vi mô

Báo cáo này có thể tiến hành phân tích về các điều kiện kinh tế vi mô tại Hà Tĩnh thông qua áp dụng Mô hình Kim cương của Giáo sư Michael E. Porter. Phần tiếp theo sẽ đưa ra một cái nhìn tổng quan cấp độ cao của các điều kiện về yếu tố sẵn có, môi trường kinh doanh, điều kiện cầu và hiện trạng của các ngành công nghiệp phụ trợ và liên quan trong tỉnh.

### 4.2.1 Điều kiện về yếu tố sẵn có

Ở đây, đánh giá 1 số yếu tố quan trọng liên quan tới lợi thế tự nhiên và cơ sở hạ tầng của tỉnh, đồng thời xác định những tiềm năng thế mạnh chủ chốt cùng các lĩnh vực cần cải thiện liên quan tới các yếu tố này. Các yếu tố này gồm (a) lợi thế tự nhiên (vị trí địa lý, trữ lượng khoáng sản, quỹ đất, tài nguyên liên quan tới nước và biển, địa hình, khí hậu, điều kiện thổ nhưỡng, độ che phủ rừng), (b) cơ sở hạ tầng vật lý (giao thông, điện, viễn thông) và (c) cơ sở hạ tầng mềm (vốn, giáo dục, y tế, nguồn cung và chất lượng lao động). Trong các đoạn dưới đây, liệt kê trước hết là các tiềm năng thế mạnh và lợi thế, sau đó là điểm yếu và thách thức của tỉnh liên quan tới những yếu tố.

Monitor đã xác định 10 tài sản quan trọng mà tỉnh có và sẽ là động lực cho tăng trưởng trong tương lai. Cụ thể là:

- *Vị trí Chiến lược:* Hà Tĩnh có một vị trí chiến lược, nằm giữa Hà Nội và Đà Nẵng. Tỉnh có vị trí địa lý thuận lợi để phục vụ Lào và Đông Bắc Thái Lan, với cửa khẩu Cầu Treo giúp Hà Tĩnh tiếp cận trực tiếp Trung Lào. Hà Tĩnh nằm ở vị trí có khoảng cách tốt giữa các trung tâm kinh tế lớn của Việt Nam – Hà Nội và Đà Nẵng, chỉ cách chưa đầy 400km và có thể tiếp cận bằng các chuyến bay từ sân bay tại khu vực, bằng đường bộ hoặc bằng đường sắt.

### Hình47: Các tuyến đường từ Hà Tĩnh đi Lào và các vùng xa hơn phía Tây



Nguồn: “Nghiên cứu Quy hoạch Phát triển Thakek – Vùng Áng giữa Lào và Việt Nam”, Viện Phát triển Nhật Bản (2010)



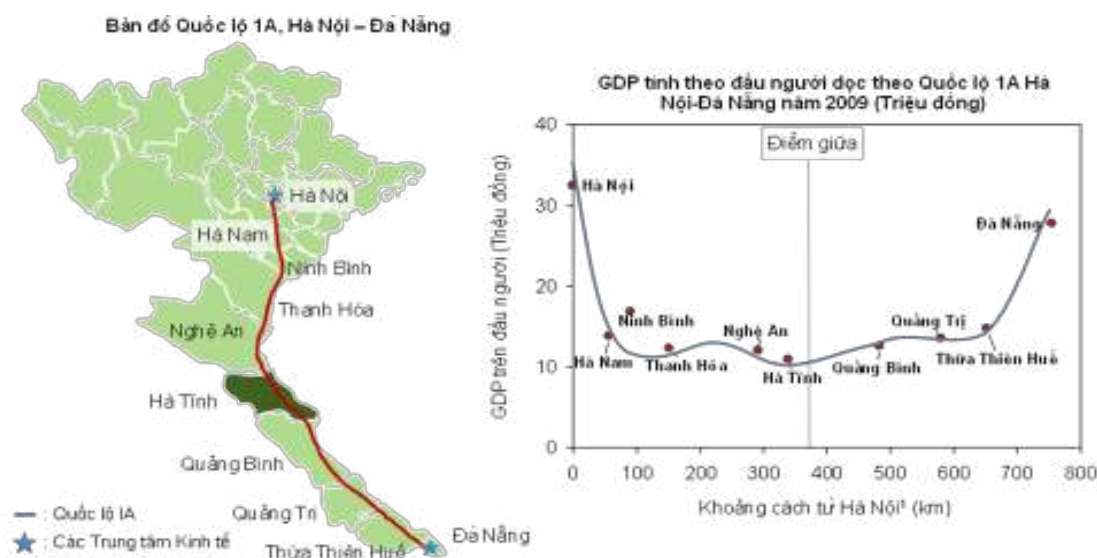
- *Nguồn tài nguyên khoáng sản giàu có là một tiềm năng thế mạnh quan trọng của tỉnh:* Mỏ sắt Thạch Khê với trữ lượng 544 triệu tấn, ngoài ra tỉnh còn có nhiều khoáng sản khác như vàng, thiếc và than đá. Hà Tĩnh có cơ hội khai thác lợi thế này và phát triển hoạt động chế biến dựa trên nguồn tài nguyên.
- *Diện tích đất sẵn có cho phát triển:* Giá đất ở Hà Tĩnh tương đương giá đất ở khu vực và cạnh tranh so với các trung tâm công nghiệp và đô thị trọng điểm tại Việt Nam. Tỉnh còn đủ đất phi nông nghiệp và đất có liên quan cho phát triển.
- *Độ che phủ rừng lớn:* Diện tích che phủ rừng của Hà Tĩnh tăng từ 34% năm 1998 lên 52,8% vào năm 2010 và trữ lượng rừng tự nhiên lớn, có nhiều loại cây có thể khai thác gỗ hoặc góp phần vào sự đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường của tỉnh.
- *Nhiều loài sinh vật biển phong phú:* Đường bờ biển dài 137km cùng các diện tích nước ngọt trong nội địa và nước lợ ven biển của Hà Tĩnh đang được khai thác để nuôi trồng và đánh bắt cá. Hà Tĩnh cũng là một tỉnh có cảng biển nước sâu gần với các tuyến đường vận tải tàu thủy lớn có thể cập cảng dễ dàng hơn so với cảng Hải Phòng. Điều kiện địa lý của tỉnh cho phép Hà Tĩnh có khả năng trung chuyển các tàu lớn lên tới 300.000 DWT.
- *Khả năng huy động vốn tư nhân:* Hà Tĩnh đã có một khối lượng đáng kể nguồn vốn tư nhân và doanh nghiệp để đáp ứng nhu cầu phát triển. Ví dụ, đầu tư của Formosa là 1 ví dụ tích cực nên được nhân rộng để thu hút vốn tư nhân trong tương lai.
- *Nguồn điện sẵn có:* Việc xây dựng các nhà máy nhiệt điện có thể giúp tỉnh thừa điện và tận dụng nguồn điện dư thừa này để thu hút các ngành công nghiệp đến với Hà Tĩnh.
- *Cơ sở hạ tầng viễn thông tốt:* cơ sở hạ tầng viễn thông Hà Tĩnh, đặc biệt là kết nối điện thoại di động có chất lượng tốt. Nếu phát huy được thế mạnh này, Hà Tĩnh có thể cung cấp các dịch vụ chất lượng cao để hỗ trợ các cụm ngành khác, đồng thời giúp tỉnh khai thác các cơ hội trong lĩnh vực liên quan như BPO / ITO
- *Giáo dục tiểu học và trung học tốt:* Hà Tĩnh vốn có thành tích cao về chất lượng giáo dục tiểu học và trung học. Chính điều này đã giúp tỉnh có được lực lượng lao động với trình độ giáo dục phổ thông vững vàng. Lực lượng lao động này sau này cần được tiếp tục đào tạo và tập huấn sao cho phù hợp với nhu cầu từ các cụm ngành của tỉnh. Ngoài ra, giá lao động của tỉnh rất rẻ, chỉ bằng khoảng hơn 60% mức chung cả nước (2010) và được giáo dục tương đối tốt đến cấp trung học phổ thông.
- *Tiếp cận chăm sóc sức khỏe ban đầu:* Hà Tĩnh đã làm tốt trong việc cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Đây cũng là thế mạnh mà tỉnh có thể phát huy để cung cấp dịch vụ hỗ trợ tốt cho người dân trong tỉnh cũng như nhu cầu của các cụm ngành trên địa bàn.

Mặt khác, Hà Tĩnh cũng đang có những thách thức lớn ở 1 số lĩnh vực:

- *Địa hình và khí hậu:* Hà Tĩnh nằm ở 1 trong những vùng khí hậu khắc nghiệt nhất của Việt Nam - mùa đông lạnh, mùa hè khô nóng, và thời gian có ánh nắng hạn chế. Điều kiện khí hậu khắc nghiệt kết hợp với các thảm họa tự nhiên thường xuyên, đặc biệt là lũ lụt, gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp cũng như sinh kế. Địa hình của Hà Tĩnh với nhiều vùng miền núi cũng gây khó khăn thêm cho phát triển sản xuất.

- *Điều kiện thổ nhưỡng của Hà Tĩnh khó khăn và không thuận lợi cho nông nghiệp năng suất cao:* 1/5 diện tích không phù hợp trồng trọt và khoảng 2/3 chỉ có chất lượng trung bình hoặc dưới trung bình.
- *Khó khăn với quặng sắt Thạch Khê:* Quặng sắt Thạch Khê chứa 7% kẽm không thể chế biến thành công với công nghệ lò đốt tiêu chuẩn. Quặng sắt này cần có công nghệ đặc biệt để chế biến thành thép. Ngoài ra, 1 khối lượng lớn quặng nằm sâu dưới đất và 1 phần trong đó không thể tiếp cận với công nghệ hiện tại. Ngay cả với lượng quặng tiếp cận được thì tình cũng gặp những thách thức về kỹ thuật trong khai thác.
- *Cơ sở hạ tầng vật chất và giao thông nghèo nàn:* Cơ sở hạ tầng vật chất chưa đầy đủ, chất lượng kém. Kết quả là, vị trí nằm giữa 2 trung tâm kinh tế Hà Nội và Đà Nẵng góp phần làm cho Hà Tĩnh có năng suất kinh tế thấp. Mặc dù vẫn nằm ở khoảng cách hợp lý giữa 2 đầu tàu kinh tế của cả nước, Hà Tĩnh chưa xây dựng được các kết nối giao thông thuận tiện để thúc đẩy tăng trưởng và tỉnh là địa phương nghèo nhất trên quốc lộ 1A giữa Hà Nội và Đà Nẵng.

**Hình 48: Bản đồ và GDP bình quân các tỉnh dọc tuyến Quốc lộ 1A từ Hà Nội đến Đà Nẵng, 2009**



Lưu ý: <sup>1</sup> Khoảng cách từ Hà Nội tính theo khoảng cách giữa Hà Nội và trung tâm mỗi vùng  
 Nguồn: Tổng cục Thống kê; Niên giám thống kê Hà Tĩnh; Bản đồ Google; Phân tích của Monitor

- *Thiếu nguồn lực ngân sách:* Với tình trạng phát triển hiện tại, kinh tế Hà Tĩnh hiện không thể có nguồn thu ngân sách đủ để đáp ứng nhu cầu đầu tư của tỉnh. Tỉnh phụ thuộc nhiều vào Chính phủ Trung ương và các nguồn kinh phí khác (doanh nghiệp, ODA). Đây là nguy cơ và thách thức phải được quản lý trong tương lai.
- *Thiếu lao động có tay nghề cao và người có tài di cư khỏi tỉnh:* Mặc dù giáo dục phổ thông có chất lượng tốt, tỉnh lại thiếu nhân viên kỹ thuật lành nghề, cũng như sinh viên tốt nghiệp đại học. Nếu không có đầu tư vào đào tạo, đây sẽ là một hạn chế trong tương lai của tỉnh. Thực trạng này càng khó giải quyết hơn do sự di cư thường xuyên diễn ra của người có tài ra khỏi Hà Tĩnh.
- *Hệ thống y tế chuyên khoa chất lượng kém:* Mặc dù Hà Tĩnh có thành tựu tốt trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe ban đầu, nhưng tỉnh vẫn chưa có cơ sở vật chất và năng lực tối ưu để cung cấp dịch vụ y tế chuyên khoa.

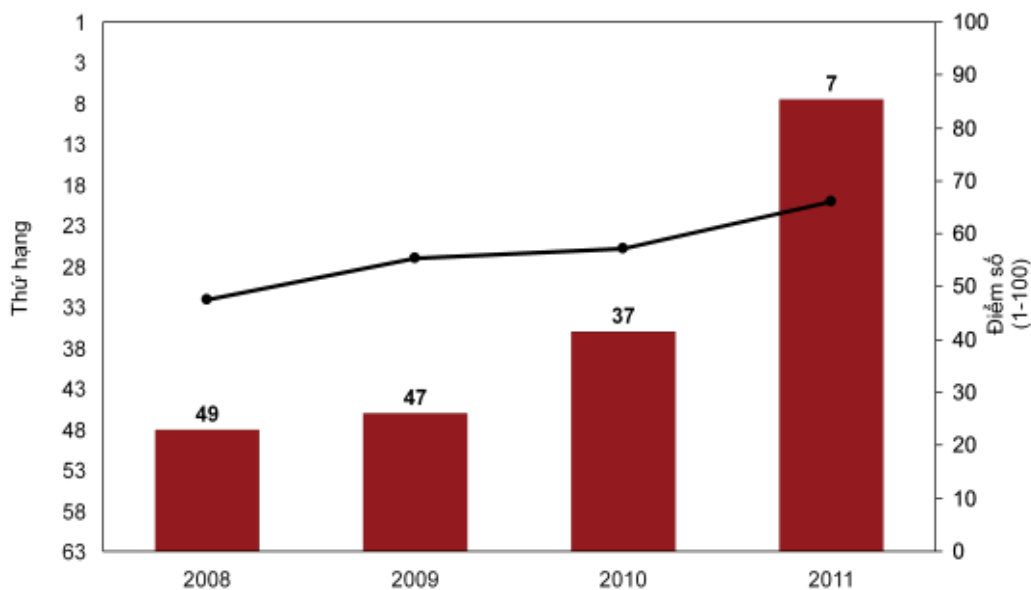
#### 4.2.2 Bối cảnh Chiến lược và cạnh tranh doanh nghiệp

Ở đây, đánh giá chất lượng môi trường chính sách và khung điều tiết cho các công ty đầu tư và hoạt động tại Hà Tĩnh, vd: công ty đầu tư vào tỉnh có dễ dàng không?, và thực hiện hoạt động một cách bền vững, hiệu quả, năng suất?. Nếu không có môi trường chính sách và khung điều tiết chất lượng cao, việc tận dụng các lợi thế tự nhiên mà tỉnh có sẽ khó thực hiện được một cách bền vững. Việc giúp doanh nghiệp đầu tư và hoạt động dễ dàng hơn trong tỉnh sẽ đảm bảo lượng đầu tư lớn hơn, đồng thời thúc đẩy mức độ cạnh tranh cao hơn giữa các doanh nghiệp trong tỉnh. Điều này tạo ra sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao hơn cho khách hàng, và đẩy mạnh đổi mới, áp dụng các phương pháp tốt. Do đó, việc đánh giá tỉnh theo các yếu tố trên là rất quan trọng.

Theo so sánh về Chỉ số Năng lực Cạnh tranh cấp tỉnh năm 2010, Hà Tĩnh đã cải thiện được cả vị trí trong bảng xếp hạng và điểm số của mình với các tiêu chí trong vài năm qua. Tuy nhiên, môi trường kinh doanh ở tỉnh vẫn còn thua xa môi trường kinh doanh tốt nhất của Việt Nam. Đây có thể là một rào cản làm chùn bước các nhà đầu tư và doanh nhân gia nhập thị trường. Hà Tĩnh hiện nay xếp thứ 37 trong 63 tỉnh thành trong cả nước (Hình 48). Trước đây, môi trường hành chính và kinh doanh gây tổn kém hơn của Hà Tĩnh làm giảm những lợi thế yếu tố đã nói ở phần trên của tỉnh, thể hiện ở mức độ đầu tư thấp. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh năm 2010 chỉ chiếm 14% tổng đầu tư, tăng so với 8% của năm trước. Trong khi đó, các doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương không có nhiều nguồn lực để tái đầu tư vào nền kinh tế. Kết quả là Hà Tĩnh chưa tận dụng được đầy đủ tiềm năng của các điều kiện sẵn có của tỉnh.

Tuy nhiên, trong bảng xếp hạng PCI 2011, Hà Tĩnh đã có tiến bộ vượt bậc trong thời gian qua, đặc biệt là trong giai đoạn 2010 - 2011. Từ năm 2008 đến 2011, tỉnh đã tăng 42 bậc và hiện đang có môi trường kinh doanh vào loại tốt nhất cả nước, đứng thứ 7/ 63 tỉnh thành (Hình 49).

**Hình 49: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Hà Tĩnh, 2008 - 2011**

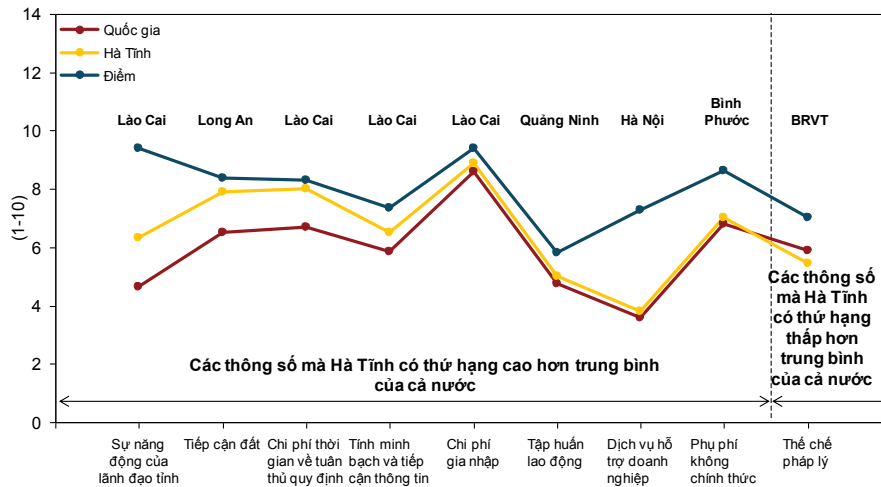


Ghi chú: Điểm được cho từ 1-100, Lào Cai đạt số điểm cao nhất năm 2011: 73,53.

Nguồn: VCCI, Phân tích của Monitor

Tình hiện đang đạt trên mức trung bình cả nước về 8/9 tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh (Hình 50). Đáng chú ý là Hà Tĩnh đã cải thiện đáng kể môi trường kinh doanh với 01 bộ phận một cửa liên thông, xử lý đơn đăng ký kinh doanh trong vòng 5 ngày làm việc.

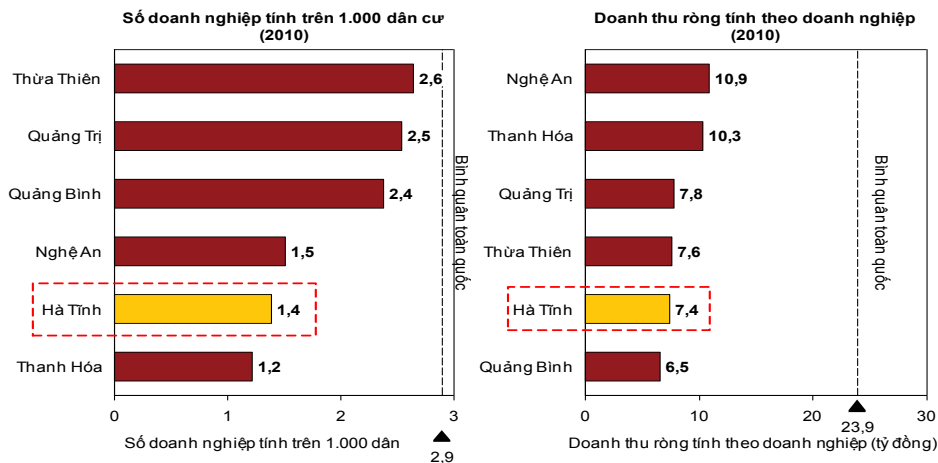
**Hình 50: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, 2011**



Nguồn: VCCI, Phân tích của Monitor

Mặc dù đã có nhiều tiến bộ về chỉ số PCI, năm 2011, Hà Tĩnh tiếp tục nằm dưới mức trung bình về thể chế pháp luật và cần cải thiện nhiều về đào tạo lao động, chi phí không chính thức, dịch vụ hỗ trợ kinh doanh; xếp hạng lần lượt thứ 40, 21, 27 và 26 trong tổng số 63 tỉnh thành. Nếu cải thiện được các lĩnh vực nói trên và duy trì thành tích ở những lĩnh vực khác, Hà Tĩnh sẽ cải thiện được môi trường kinh doanh và qua đó tăng cường hoạt động kinh doanh trong tỉnh. Năm 2010, số lượng doanh nghiệp/ 1.000 dân và doanh thu sau thuế của mỗi doanh nghiệp đều thấp hơn nhiều trung bình cả nước và đi sau các tỉnh khác trong khu vực bắc miền trung (Hình 51). Số lượng doanh nghiệp ít ỏi của tỉnh cũng không có động lực để nâng cao năng suất và đổi mới.

**Hình 51: So sánh giữa các Tỉnh về Số lượng và Doanh thu Sau thuế của Doanh nghiệp, 2010**



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam: “ Các doanh nghiệp ở Việt Nam 9 năm đầu thế kỷ”; Niên giám thống kê Hà Tĩnh

### 4.2.3 Các điều kiện về cầu.

Ở đây, đánh giá mức độ và chất lượng các nhu cầu được thỏa mãn bởi sản phẩm và dịch vụ của Hà Tĩnh. Thông thường, nhu cầu do tỉnh phục vụ càng lớn, quy mô và tính hiệu quả trong hoạt động của doanh nghiệp ở tỉnh càng cao. Ngoài ra, nhu cầu này càng phức tạp và chất lượng càng cao thì hàng hóa dịch vụ do tỉnh sản xuất cũng càng có giá trị. Điều này còn góp phần thúc đẩy đổi mới. Việc hiểu được mức độ và đặc điểm nhu cầu đang được phục vụ hiện này giúp tỉnh xác định (a) mức độ và đặc điểm những nhu cầu sẽ được phục vụ trong tương lai, (b) các lĩnh vực tỉnh cần cải thiện để đáp ứng những nhu cầu trong tương lai nói trên.

Hà Tĩnh hiện đang là một thị trường rất nhỏ với thu nhập bình quân đầu người thấp, 12,9 triệu đồng (2010). Do đó sức mua của người dân địa phương còn thấp. Nhu cầu về các sản phẩm địa phương lại bị hạn chế thêm do mức đầu tư tương đối thấp trên địa bàn tỉnh và do các nhà sản xuất trong nước ít gắn kết với nhau trong chuỗi giá trị. Việc thu mua hàng của cả doanh nghiệp và người dân ở địa phương chủ yếu dựa vào chi phí nhiều hơn là chất lượng sản phẩm. Tiếp cận các thị trường quốc gia và quốc tế nói chung còn kém và xuất khẩu hiện tại chủ yếu là hàng hóa chưa qua chế biến, do đó nhu cầu ở ngoài tỉnh cũng có xu hướng phụ thuộc nhiều vào giá cả.

Việc các thị trường địa phương và xuất khẩu rất quan tâm tới yếu tố giá cả khiến doanh nghiệp tại Hà Tĩnh vẫn chưa thể cạnh tranh bằng các sản phẩm phức tạp hơn. Tuy nhiên, việc cải thiện cơ sở hạ tầng, ví dụ như quy hoạch cảng biển nước sâu và nâng cấp đường sắt, đường bộ sẽ giúp tiếp cận thị trường tiêu dùng lớn và trình độ cao hơn. Các cụm ngành mới dự kiến sẽ tăng mức độ phức tạp của chuỗi giá trị tại địa phương và tăng tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa đã chế biến.

### 4.2.4 Các cụm ngành, phụ trợ và liên quan.

Trong phần này, đánh giá sự phát triển các cụm ngành ở Hà Tĩnh, đặc biệt là sự có mặt của các cụm ngành và phụ trợ liên quan. Việc phát triển các cụm ngành không chỉ bao gồm một vài doanh nghiệp lớn mà là cả một mạng lưới rộng lớn tổng hợp các công ty khác nhau sản xuất không chỉ các sản phẩm chính mà còn cung cấp nhiều yếu tố đầu vào có liên quan và hỗ trợ (vd nguyên vật liệu, hàng hóa trung gian, lao động, dịch vụ hậu cần, dịch vụ marketing). Đây là một yêu cầu cần thiết để các công ty trong cụm ngành đó hoạt động hiệu quả, năng suất, chất lượng, cũng như thúc đẩy đổi mới giữa những công ty trong cụm. Ở đây, yếu tố này cần được đánh giá để tìm ra đâu là lỗ hổng hiện tại và cần cố gắng như thế nào để phát triển các cụm ngành ưu tiên trong tương lai.

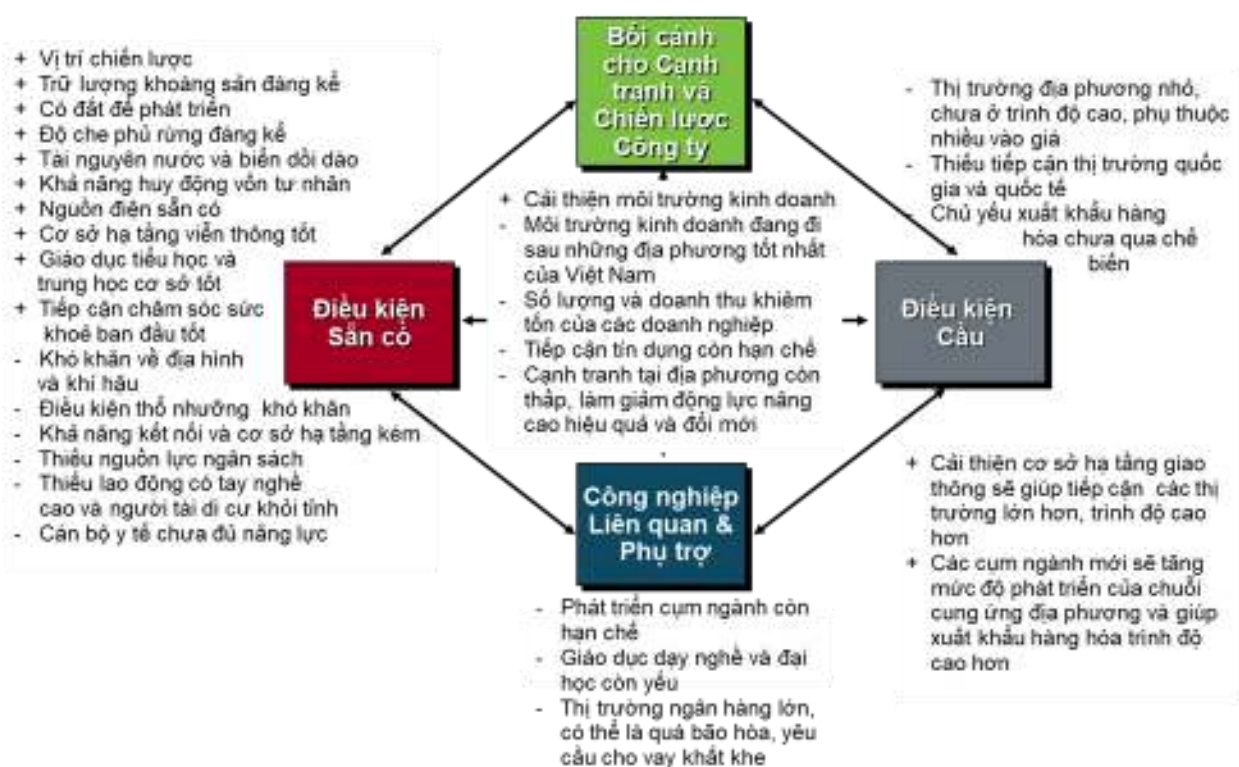
Tại Hà Tĩnh, phát triển cụm ngành còn rất hạn chế và cụm ngành duy nhất hiện có là nông lâm ngư nghiệp cũng chỉ có rất ít ngành công nghiệp phụ trợ và liên quan. Cụm này có đặc điểm là quy mô nhỏ, chăn nuôi hộ gia đình với rất ít nhà máy chế biến hiện nay trên địa bàn tỉnh. Tính liên kết của cụm với các chuỗi giá trị khu vực hoặc quốc gia cũng rất yếu, chủ yếu chỉ cung cấp hàng hóa thô sơ. Sự tăng trưởng của cụm bị giới hạn do tỉnh chưa có các ngành phụ trợ và liên quan như giao thông, giáo dục, dịch vụ tài chính.

Giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh, sẽ được trình bày kỹ hơn trong phần sau, đạt tiêu chuẩn quốc gia nhưng giáo dục dạy nghề và giáo dục đại học còn kém phát triển. Trường Đại học Hà Tĩnh mới chỉ được thành lập chưa lâu. Giáo dục dạy nghề nói chung ít gắn với nhu cầu của công nghiệp và người lao động địa phương.

Trong năm 2010, Hà Tĩnh có 9 chi nhánh cấp 1 của các ngân hàng thương mại (5 ngân hàng thương mại nhà nước và 4 ngân hàng cổ phần tư nhân) với 41 phòng giao dịch, một chi nhánh của một ngân hàng chính sách xã

hội tỉnh và 15 quỹ tín dụng. Tổng cộng các tổ chức tài chính này cung cấp 13.487 tỷ đồng tín dụng trong năm 2010, đáp ứng 79% nhu cầu tín dụng của tỉnh<sup>4</sup>. Mặc dù quy mô của các thị trường tài chính địa phương và nguồn vốn đang tăng, các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại địa phương vẫn đang gặp khó khăn trong tiếp cận tín dụng, chủ yếu do yêu cầu tài sản thế chấp cao. Ngoài ra, việc thiếu các phương án bảo hiểm cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh làm cho phần lớn các doanh nghiệp lo lắng về điều kiện thời tiết và dịch bệnh cây trồng. Chẳng hạn, một lượng lớn hộ nông dân trồng bưởi của huyện Hương Khê đã mất một phần tư số cây bưởi của mình do dịch bệnh. Tăng cường cho vay với các loại doanh nghiệp khác nhau trong tỉnh và hoàn thiện hệ thống kế toán tài chính doanh nghiệp địa phương là vấn đề cấp bách đối với Hà Tĩnh để đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.

### Hình 52: Tổng kết thế mạnh và thách thức chính của Hà Tĩnh



<sup>4</sup> Phòng vấn Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Hà Tĩnh

**Điểm mạnh**

- Trữ lượng khoáng sản lớn, đặc biệt là quặng sắt
- Quỹ đất còn tương đối lớn cho phát triển
- Vị trí Chiến lược
- Tỷ lệ che phủ rừng lớn, thuận lợi cho phát triển đa dạng sinh thái và chế biến gỗ
- Tài nguyên biển và nước dồi dào
- Hạ tầng viễn thông tốt
- Giáo dục tiểu học và THCS tốt

**Điểm yếu**

- Điều kiện thổ nhưỡng không thuận lợi
- Địa hình hiểm trở
- Hạ tầng kỹ thuật và giao thông chất lượng thấp
- Nguồn lực ngân sách còn hạn chế
- Thiếu lao động có tay nghề cao, tình trạng người có năng lực đi làm việc ở nơi khác
- Đội ngũ cán bộ y tế chưa đạt yêu cầu

**Cơ hội**

- Việc mở rộng các hành lang tiểu khu vực sông Mekong giúp đẩy mạnh thương mại với Thái Lan và Lào
- Cải thiện hạ tầng giao thông vận tải giúp tiếp cận tốt hơn các thị trường trong và ngoài nước
- Tốc độ đô thị hóa của cả nước tăng lên tạo môi trường thuận lợi hơn cho cả các doanh nghiệp và cá nhân

**Đe dọa**

- Biến đổi khí hậu gây thiệt hại ngày càng nhiều về kinh tế
- Thách thức lớn về kỹ thuật làm ảnh hưởng việc khai thác mỏ sắt Thạch Khê
- Cạnh tranh thu hút vốn ngày càng gay gắt với các tỉnh xung quanh
- Rào cản pháp lý và các vấn đề khác còn tồn tại làm giảm đầu tư nước ngoài

Nguồn: Phân tích của Monitor

## 5 Dự báo tác động của bối cảnh trong nước và quốc tế tới phát triển kinh tế - xã hội Hà Tĩnh trong tương lai

### 5.1 Các xu hướng phát triển và kinh tế quốc tế chủ đạo

Hà Tĩnh đang định hình lại xu hướng phát triển của mình trong những năm tới. Công tác này sẽ có ý nghĩa quan trọng đối với tỉnh trong bối cảnh các xu thế quốc tế, quốc gia và khu vực có nhiều thay đổi và tạo những tác động từ bên ngoài đến sự phát triển kinh tế và xã hội của tỉnh. Một số xu hướng chủ đạo sẽ ảnh hưởng đến định hướng của tỉnh bao gồm:

- Việc gia nhập WTO và tiếp tục mở cửa của nền kinh tế Việt Nam.
- Việc đầu tư và mở cửa Tiểu vùng sông Mekong mở rộng, có tác động thúc đẩy thương mại Việt Nam-Lào.
- Cạnh tranh ngày càng gay gắt để dành vốn đầu tư. Điều này liên quan đến việc phát triển môi trường kinh doanh chất lượng cao.
- Tiếp tục thúc đẩy Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ và xoá đói giảm nghèo.
- Việc gia tăng đô thị hóa của các nước đang phát triển.
- Tăng nguy cơ biến đổi khí hậu và mô hình thời tiết thay đổi, tập trung vào bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.
- Xu hướng đẩy mạnh việc thông qua và áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng, công nghệ, thúc đẩy sáng tạo và kinh doanh.

#### 5.1.1 Việc Gia nhập WTO

Là một phần trong chính sách mở cửa của mình, Việt Nam đã trở thành thành viên đầy đủ của WTO vào năm 2007. Điều này sẽ ngày càng mang lại nhiều lợi thế cho Việt Nam về tiếp cận thị trường, tăng dòng vốn đầu tư vào trong nước, chuyển giao công nghệ và cơ hội để cải thiện nguồn nhân lực.

Cụ thể, đối với Việt Nam, điều này sẽ mang lại lợi ích cho các ngành có định hướng xuất khẩu như một số mặt hàng nông nghiệp, hàng may mặc và dệt may, giày dép, điện tử, vv. Đồng thời, môi trường cạnh tranh trong nước giữa các doanh nghiệp được tăng cường. Nguồn đầu tư ở Việt Nam, đặc biệt là thông qua FDI, vào cơ sở hạ tầng và các ngành công nghiệp cơ bản (ví dụ như sản xuất kim loại), sản xuất và lắp ráp sẽ tăng mạnh. Đồng thời, việc gia nhập WTO cũng sẽ tạo áp lực thúc đẩy Chính phủ và chính quyền các tỉnh phải cải cách hành chính, làm cho các chính sách và thủ tục minh bạch hơn.

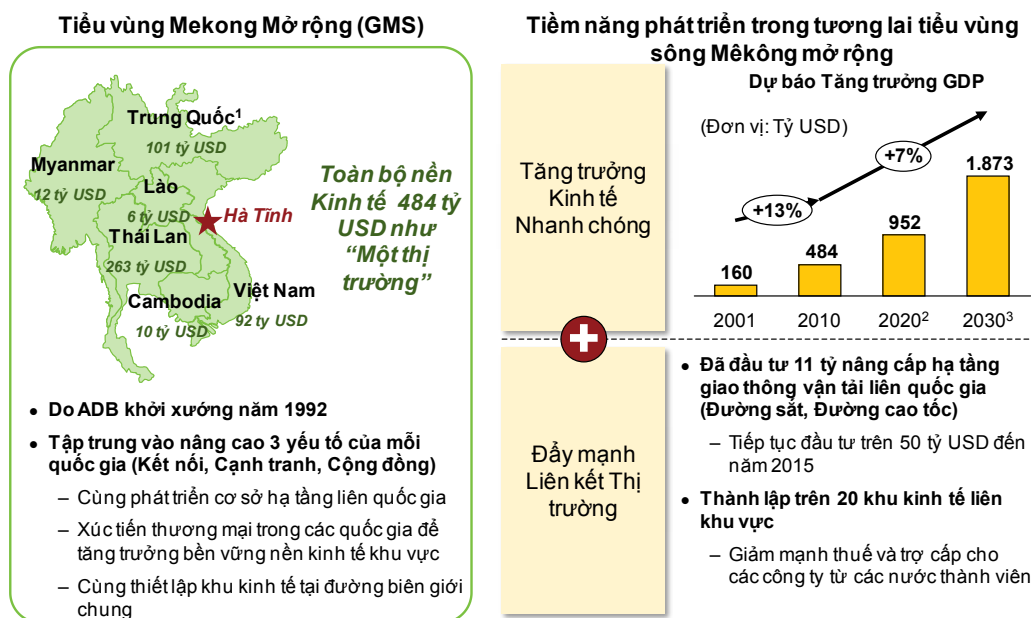
Tất cả những diễn biến trên đều có liên quan trực tiếp đến nền kinh tế Hà Tĩnh. Hà Tĩnh có thể hưởng lợi nếu tận dụng được tối đa nguồn tài nguyên thiên nhiên, lực lượng lao động được giáo dục tốt và cơ sở hạ tầng đã quy hoạch để thu hút đầu tư vào địa bàn tỉnh, đặc biệt là trong các cụm ngành có liên quan có khả năng hưởng lợi nhiều hơn từ việc gia nhập của Việt Nam vào WTO. Đồng thời, Hà Tĩnh cũng còn những thách thức về môi trường hành chính hiệu quả và thân thiện với nhà đầu tư để có thể cạnh tranh với các tỉnh khác và các điểm đến mới nổi khác trong khu vực và trên toàn cầu về đầu tư.



### 5.1.2 Việc đầu tư và mở cửa hành lang tiểu vùng sông Mekong mở rộng

Hà Tĩnh, với vị trí chiến lược nằm giáp biên giới Lào và gần phía Đông Thái Lan, có cơ hội trở thành một trung tâm thương mại quan trọng nối liền hành lang phía Đông theo quy hoạch (Côn Minh - Thành phố Hồ Chí Minh, đi dọc theo bờ biển Bắc - Nam trong tỉnh Hà Tĩnh) với các hành lang miền Trung (Côn Minh - Nha Trang / Sattahip, kết nối Lào với Cam-pu-chia và Thái Lan, và đi qua Vientiane, Pakkading, Ban Lao và Thakhek của Lào, Nong Khai của Thái Lan).

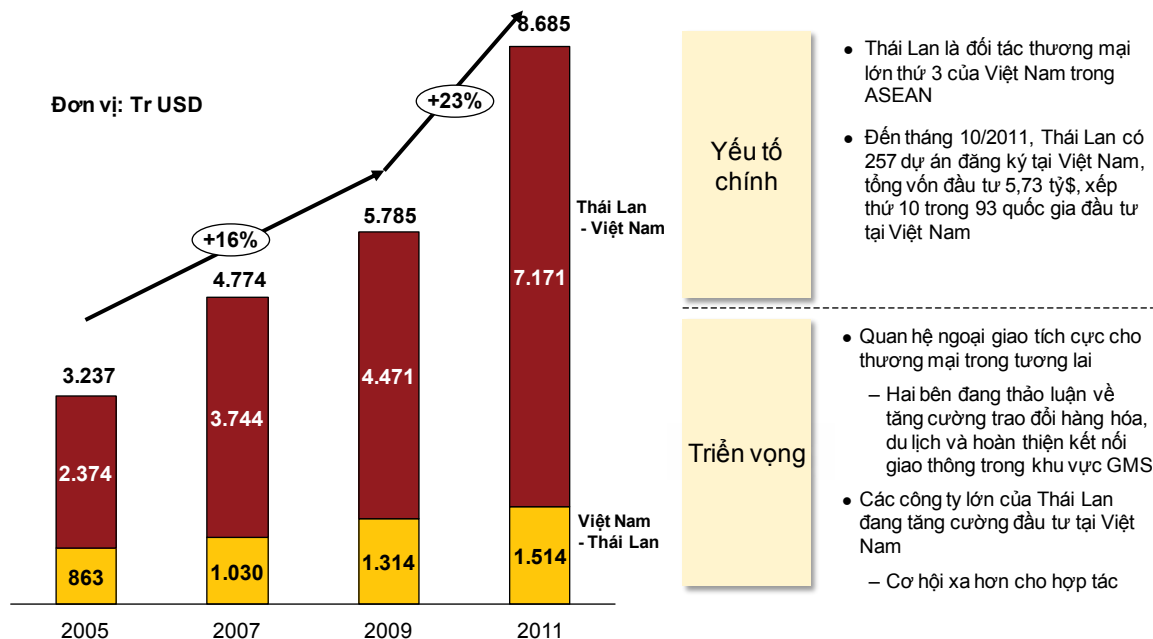
**Hình 53: Tổng quan sáng kiến phát triển tiểu vùng sông Mekong mở rộng**



Lưu ý: <sup>1</sup> Chỉ gồm Vân Nam và Quảng Tây; <sup>2</sup> Mục tiêu dựa trên ý kiến của ADB, cho biết tốc độ tăng trưởng kinh tế GMS sẽ là 7% đến năm 2020; <sup>3</sup> Giả định tốc độ tăng trưởng giống giai đoạn 2010-2020

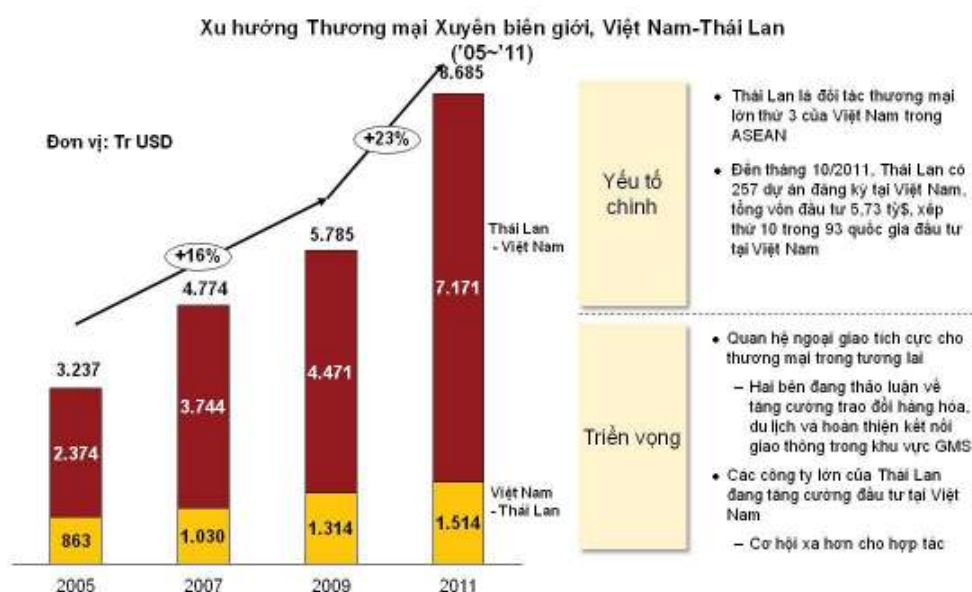
Nguồn: ADB, POSRI, Hợp tác Kinh tế GMS, Phân tích của Monitor

Thương mại giữa Việt Nam và Thái Lan đã phát triển nhanh chóng trong những năm gần đây, dự kiến đạt trên 8 tỷ USD trong năm 2011 và trên 10 tỷ USD trong tương lai gần. Với việc Thái Lan là 1 trong 10 quốc gia hàng đầu đầu tư vào Việt Nam, và hai nước đã ký gần 30 công ước và thỏa thuận trong nhiều lĩnh vực như đầu tư, thương mại, du lịch, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, 2 bên có cơ sở vững chắc cho sự tăng trưởng này. Vị trí chiến lược của Hà Tĩnh giúp tỉnh có cơ hội hưởng lợi từ quan hệ thương mại này, đồng thời ngành công nghiệp trong tương lai của tỉnh sẽ tìm được thị trường tiềm năng trên ở khắp lãnh thổ Thái Lan.

**Hình 54: Thương mại xuyên biên giới Việt Nam – Thái Lan**

Ghi chú: Con số thương mại 2 chiều 2011 dựa trên dự báo tăng trưởng 28% và giả định đóng góp của xuất - nhập khẩu ở mức ổn định  
 Nguồn: Tổng cục Thống kê, báo chí, Phân tích của Monitor

Đồng thời, quan hệ thương mại Việt Nam - Lào cũng đang được đẩy mạnh, ước tính đạt 2 tỷ USD vào năm 2015 và 4,6 tỷ USD vào năm 2020. Điều này càng được thúc đẩy nhờ quan hệ song phương ngày càng bền chặt giữa 2 nước, với việc doanh nghiệp Việt Nam hiện đã đầu tư trên 3,5 tỷ USD – đứng thứ 2 trong số các quốc gia và vùng lãnh thổ hiện đang đầu tư vào Lào. Hà Tĩnh cũng có cơ hội tận dụng vị trí chiến lược để giành thêm thị phần trong quan hệ thương mại này (Hình 55).

**Hình 55: Dự báo thương mại Việt Nam - Lào**

Lưu ý: <sup>1</sup> Mục tiêu thương mại 2 chiều từ hợp cấp cao của 2 nước. Giả định cân cân xuất nhập khẩu tới năm 2015 sẽ tăng với tốc độ trung bình năm giống tốc độ 5 năm qua; <sup>2</sup> Dựa trên giả định tốc độ tăng trung bình năm từ 2011-2020 sẽ giống với 5 năm qua; <sup>3</sup> Hội nghị Xúc tiến Đầu tư, 4/2011

Nguồn: Vietnam Today, ASEAN Statbook, Tổng cục Thống kê, EUROSTAT, Phân tích của Monitor

### 5.1.3 *Cạnh tranh ngày càng gay gắt để dành vốn đầu tư*

Trong những năm tới, Hà Tĩnh cũng phải cạnh tranh đầu tư với các tỉnh khác và các điểm đến khác trong khu vực. Do đó, tỉnh cần có môi trường kinh doanh và cơ sở hạ tầng chất lượng cao cũng như cần chủ động, thân thiện với nhà đầu tư và minh bạch trong các giao dịch với các doanh nghiệp.

### 5.1.4 *Tiếp tục thúc đẩy mục tiêu Phát triển thiên niên kỷ(MDG) và Xóa đói giảm nghèo*

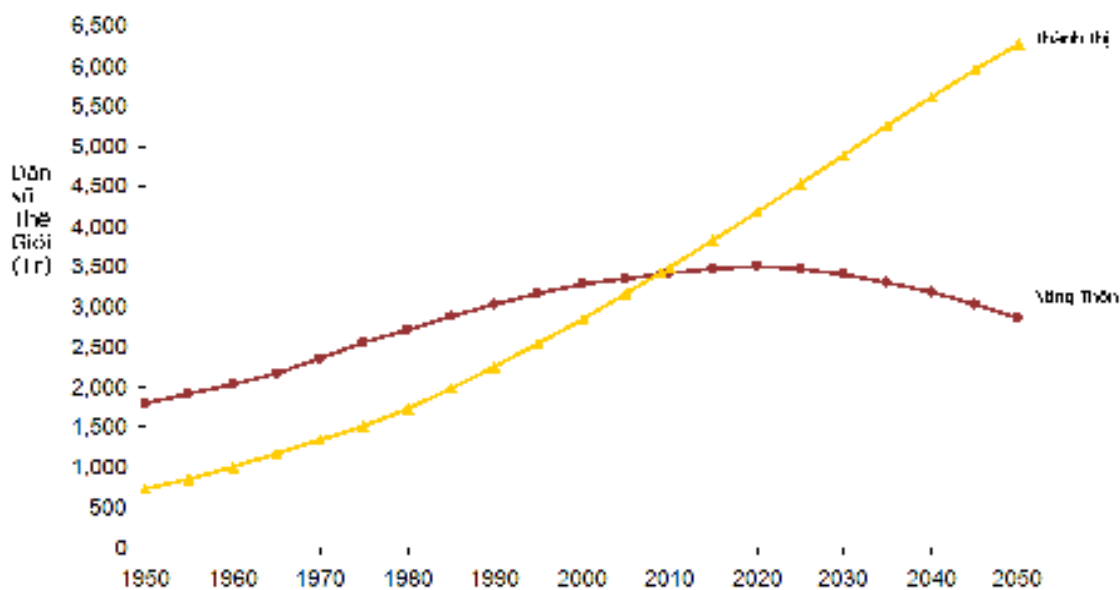
Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu với hầu hết các mục tiêu MDG, và hoàn thành mục tiêu về xóa đói giảm nghèo và tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh. Với hầu hết các mục tiêu khác, đất nước đặt mục tiêu hoàn thành vào năm 2015.

Hà Tĩnh cũng đạt được nhiều tiến bộ trong nhiều mục tiêu nêu trên. Trước mắt, tỉnh cần tiếp tục theo dõi, cải thiện tiến độ hoàn thành các mục tiêu nêu trên và giải quyết các vấn đề liên quan.

### 5.1.5 *Việc Gia tăng đô thị hóa của các nước đang phát triển*

Dân số thế giới tiếp tục gia tăng hàng năm, và cùng với nó, các khu vực ngày càng được đô thị hóa nhiều hơn. Như thấy trong Hình 56, hơn 50% dân số thế giới sống ở các thành phố và mỗi năm có thêm 70 triệu người chuyển từ nông thôn ra các khu vực thành thị. Châu Á tiếp tục là nơi có tốc độ gia tăng dân số đô thị nhanh nhất. Nhìn chung, các thành phố có thể đóng góp vào sự phát triển kinh tế cao hơn đối với các doanh nghiệp và tạo ra môi trường tích cực hơn đối với các cá nhân.

**Hình 56: Dân số đô thị so với dân số nông thôn trên thế giới , 1950-2050 (Triệu người)**



Nguồn: Bộ phận Dân số của Phòng Kinh tế - Xã hội, Ban thư ký Liên hợp quốc, Triển vọng dân số thế giới: Sửa đổi năm 2008 và Triển vọng Đô thị hoá Thế giới: Sửa đổi 2009

Sự chuyển đổi nhân khẩu của Việt Nam theo hướng ngày càng đô thị hóa bắt đầu rõ nét từ năm 2005, khi Thành phố Hồ Chí Minh đạt dân số trên 5 triệu người. Việt Nam vẫn duy trì tốc độ đô thị hóa nhanh hơn 250% so với gia tăng dân số. Mặc dù tốc độ tăng trưởng ở các thành phố đã đóng góp không nhỏ vào sự vận hành kinh tế

mạnh mẽ hơn của cả nước, quá trình đô thị hóa cũng gây ra nhiều vấn đề xã hội như sự quá tải và các điều kiện y tế thấp kém. Một báo cáo năm 2007 từ Trường Đại học Công nghiệp Nanyang của Singapore cho thấy không một cơ quan nào ở cả khu vực nhà nước và tư nhân có khả năng cung cấp nhà ở cho 50.000 người nhập cư mỗi năm vào thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, tốc độ đô thị hóa quá nhanh đã dẫn đến việc gia tăng các khu ổ chuột nơi người dân phải đối mặt với tình trạng vệ sinh và chất lượng không khí thấp kém. Tuy nhiên, theo Chương trình Định cư Dân số của Liên Hợp Quốc, các khu ổ chuột của Việt Nam đã giảm từ 48% năm 2000 xuống còn 33,7% năm 2010. Nhìn chung, cả nước đã có những bước tiến đáng kể trong việc xóa đói giảm nghèo và đạt được một số Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ. Với sự gia tăng mạnh mẽ ở cả các chỉ số kinh tế và các chỉ số xã hội, Việt Nam đang hướng tới gia tăng số lượng các trung tâm đô thị đóng vai trò là đầu tàu chèo lái sự tăng trưởng của cả nước. Cùng với Thành phố Hồ Chí Minh, các thành phố lớn khác bao gồm Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ, Hải Phòng sẽ tiếp tục mang lại những kết quả kinh tế cao hơn.

Mặc dù phần lớn dân số tỉnh sống ở khu vực nông thôn, Hà Tĩnh vẫn sẽ tiếp tục phát triển các khu vực đô thị lớn, song song với việc nâng cấp các thôn xóm và làng xã. Hơn nữa, Hà Tĩnh sẽ thu được các kết quả cao hơn về đầu tư cơ sở hạ tầng do xuất phát điểm của tỉnh thấp. Hà Tĩnh phải đảm bảo sẽ thực hiện một cách nghiêm túc các chiến lược để vừa đạt được lợi ích của quá trình đô thị hóa vừa giảm thiểu được những tác động tiêu cực tiềm ẩn về mặt xã hội trong quá trình chuyển đổi này.

#### **5.1.6 Tăng nguy cơ biến đổi khí hậu và mô hình thời tiết thay đổi, tập trung vào bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, an ninh lương thực và nước**

Việt Nam là nước đặc biệt dễ bị tác động từ biến đổi khí hậu. Tới nay đã có hơn 1 triệu người ở Việt Nam bị ảnh hưởng mỗi năm do thiên tai<sup>5</sup>, đồng thời các thảm họa khí hậu đang ngày càng nghiêm trọng hơn. Việt Nam cũng đang tăng nhanh phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính, làm nặng nề thêm các thách thức toàn cầu. Lũ lụt, hạn hán, mưa bão xảy ra thường xuyên hơn, ảnh hưởng đến đời sống của người nghèo, trong khi mực nước biển dâng sẽ ảnh hưởng đến vùng đồng bằng châu thổ sản xuất gạo Việt Nam, tác động đến an ninh lương thực và tiếp cận sử dụng nước sạch. Theo dự báo của Tổ chức Nông Lương Liên Hợp Quốc, tính đến năm 2050, nhu cầu lương thực và thức ăn gia súc của Châu Á sẽ tăng gấp đôi. Các nền kinh tế nông nghiệp ở Châu Á sẽ phải đối mặt với những thách thức về năng lực sẽ sớm cản trở khả năng của họ trong việc đáp ứng nhu cầu lương thực ngày càng tăng. Khi đất và nước ngày càng khan hiếm ở Châu Á thì các nước sẽ phải tận dụng triệt để nguồn lực của mình một cách hiệu quả và tiết kiệm hơn. Hơn nữa, biến đổi khí hậu và các thảm họa thời tiết sẽ tiếp tục tác động lên các nguồn cung cấp lương thực và nước.

Là nhà cung cấp chủ yếu các sản phẩm ngũ cốc cho nền kinh tế toàn cầu, Việt Nam sẽ phải tiến hành các bước để trang bị cho mình khả năng chống chọi và đối phó với biến đổi khí hậu. Điều này đặc biệt quan trọng đối với Hà Tĩnh và các tỉnh lân cận ở khu vực duyên hải Bắc trung bộ vì các tỉnh này phải thường xuyên đối mặt với thiên tai liên tục hoành hành suốt cả năm.

<sup>5</sup> Ước tính dân số bị ảnh hưởng bởi thiên tai có sự khác nhau. Con số này lấy từ báo cáo Liên Hợp Quốc về tiến trình đạt được các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ MDG của Việt Nam

### 5.1.7 Xu hướng đẩy mạnh việc thông qua và áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng, công nghệ, thúc đẩy sáng tạo và kinh doanh

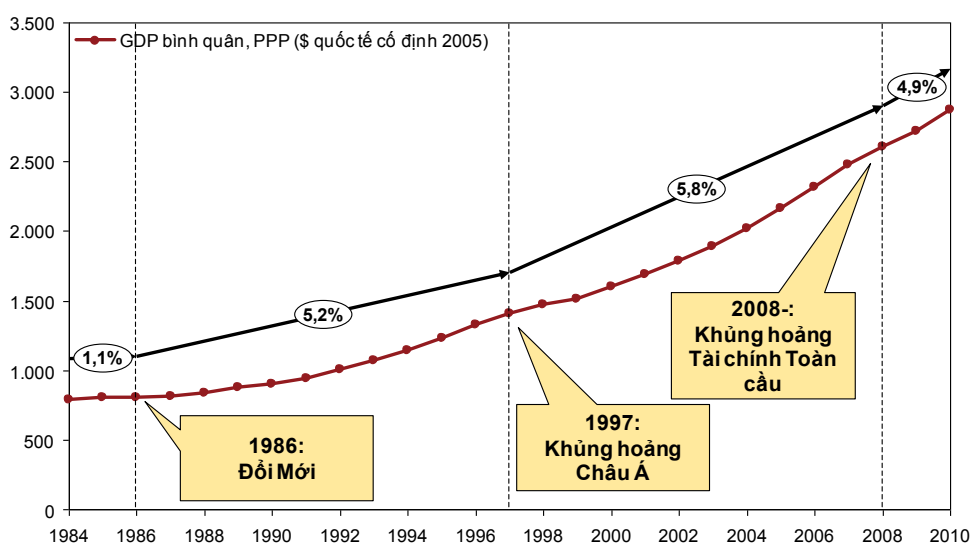
Ngày càng nhiều nền kinh tế mới nổi bắt đầu cạnh tranh ở các thị trường lớn hơn thuộc các nước phát triển. Do đó, doanh nghiệp ở các nền kinh tế mới nổi phải đảm bảo chất lượng hàng hóa dịch vụ đáp ứng yêu cầu cần thiết để tiêu thụ được tại thị trường các nước phát triển. Ngoài ra, thế giới ngày càng được toàn cầu hóa, dẫn đến hợp tác quốc tế rộng rãi hơn trong lĩnh vực NC&PT. Những nỗ lực hợp tác này đã thúc đẩy quá trình thiết lập và ứng dụng các công nghệ mới và sáng tạo. Theo số liệu của Ngân hàng Thế giới, trong vòng 15 năm qua, Châu Á đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất về các hoạt động sáng tạo so với các khu vực phát triển hơn như Châu Âu. Điều này sẽ thúc đẩy hơn nữa các sáng kiến để giải quyết các thách thức gây nhiều áp lực mà các quốc gia này đang phải đối mặt. Chẳng hạn, sự khan hiếm lương thực ngày càng tăng, điều này đã được nói đến trong phần trước, liên tục được đẩy lùi nhờ triển khai các cây hoa màu có khả năng chống chịu tốt và công tác bảo vệ lương thực thực phẩm tốt hơn. Tương tự như vậy, việc gia tăng nguy cơ mắc bệnh ở các nước thiếu nguồn lực cũng được giảm bớt nhờ sự xuất hiện của các phương pháp chẩn đoán y học hiệu quả hơn và vắc xin tốt hơn.

Hà Tĩnh cần đảm bảo lồng ghép những công nghệ mới nhất và bền vững, thân thiện với môi trường, đồng thời tuân thủ những quy chuẩn quốc tế trong những lĩnh vực chính mà tỉnh phát triển, cũng như trong việc sử dụng các nguồn lực của mình.

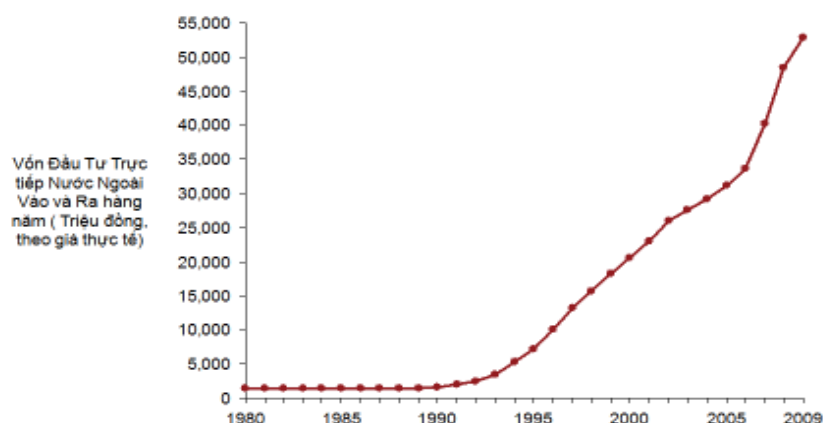
## 5.2 Bối cảnh trong nước: Sự phát triển kinh tế của Việt Nam

Trong 3 thập kỷ vừa qua, Việt Nam đã có những tiến bộ đáng kể về kinh tế. Công cuộc đổi mới đã nâng tốc độ tăng trưởng GDP bình quân lên trên 5%/năm trong giai đoạn 1986 đến 1997 tốc độ tăng trưởng ổn định ở mức 6% từ năm 1997 đến năm 2006, và sau đó tiếp tục tăng gần 5%/năm. GDP bình quân đầu người đạt 1.168\$ năm 2010, với nhiều thành tựu đạt được trong giảm nghèo. Việt Nam đã trở thành một điểm đến quan trọng về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Trong một vài năm qua, FDI đã gia tăng ở Việt Nam, như trình bày trong hình 58

**Hình 57: Tăng trưởng kinh tế Việt Nam thời gian qua**



Nguồn: Ngân hàng Thế giới

**Hình 58: Tổng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam, 1980–2009 (Triệu USD)**

Nguồn: Hội nghị của Liên Hợp Quốc về Thống kê Thương mại và Phát triển (18/5/2011)

Tuy nhiên, phát triển kinh tế của Việt Nam chưa theo hướng hoàn toàn bền vững, môi trường kinh tế vĩ mô không ổn định và chất lượng tăng trưởng, hiệu quả, năng suất và sức cạnh tranh của nền kinh tế đều ở mức thấp. Phát triển kinh tế dựa nhiều vào các điều kiện sẵn có chứ không phải nhờ phát triển chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế cụ thể. Ngoài ra, chất lượng nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng đã gây cản trở cho quá trình phát triển.

Những thực tế trên cũng tương tự với Hà Tĩnh. Vì vậy, các chính sách và chiến lược do Hà Tĩnh lựa chọn phải gắn kết chặt chẽ với chiến lược quốc gia để vượt qua những rào cản này.

Tháng 2 năm 2011, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cả nước giai đoạn 2011–2020 đã được công bố. Chiến lược sơ thảo đã vạch ra các mục tiêu chung là “quyết tâm đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp hiện đại vào năm 2020; với một nền chính trị xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương và đồng thuận, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên đáng kể, nền độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được duy trì, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao, thiết lập cơ sở vững chắc cho phát triển mạnh hơn nữa”. Trong chiến lược có đề ra 3 điểm quan trọng được xác định là các bước đột phá, giúp Hà Tĩnh định hướng chiến lược riêng của mình, bao gồm:

- Tập trung tạo ra môi trường cạnh tranh công bằng và thực hiện cải cách hành chính để cải thiện các cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Nhanh chóng phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào chương trình giáo dục phổ thông quốc dân mang tính sáng tạo và toàn diện, gắn kết chặt chẽ sự phát triển của phát triển nguồn nhân lực và khoa học và công nghệ.
- Đồng thời xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và cơ sở hạ tầng đô thị lớn.

### 5.2.1 Tập trung tạo ra môi trường cạnh tranh công bằng và thực hiện cải cách hành chính

Để đạt được sự thịnh vượng lớn hơn về mặt kinh tế, Việt Nam có kế hoạch tái cơ cấu lại nền kinh tế của mình bằng cách tăng cường các khu vực nông nghiệp, công nghiệp, thương mại và dịch vụ. Mục tiêu đề ra cho ngành công nghiệp và dịch vụ là chiếm 85% GDP cả nước, và các sản phẩm sản xuất chiếm 40% tổng giá trị công

nghiệp. Để đạt được điều này, Việt Nam cần huy động cả nguồn vốn trong và ngoài nước, và cần thành công trong xuất khẩu sản phẩm giá trị cao hơn.

Kể từ khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào tháng 5 năm 2007, Việt Nam đã gặt hái được nhiều thành tựu đáng kể trong việc hỗ trợ môi trường kinh doanh ngày càng cởi mở hơn. Việt Nam hy vọng sẽ tiếp tục thực hiện các hoạt động kinh tế tự do trong tương lai gần, tiếp tục mở cửa cho đầu tư nước ngoài nhiều hơn và tiếp cận thị trường rộng rãi hơn.

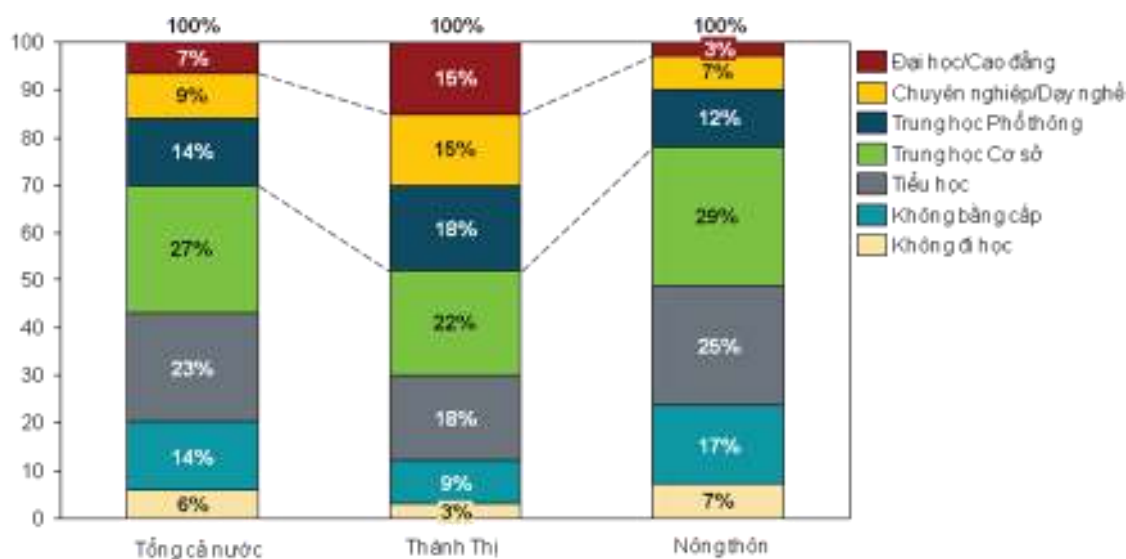
Tuy nhiên, Việt Nam còn có những vấn đề khác về thu hút đầu tư. Nhà đầu tư tư nhân ở nước ngoài vẫn gặp phải nhiều thách thức với môi trường kinh doanh của Việt Nam. Các vấn đề về minh bạch và việc thu hồi đất qua trung gian không công bằng là nguồn gốc tạo nên những băn khoăn của nhiều nhà đầu tư tiềm năng. Nhiều vấn đề đang tồn tại ở cấp quốc gia và Việt Nam cần điều chỉnh hệ thống luật pháp và sử dụng đất của mình, giảm các rào cản về quy định và hỗ trợ thêm cho việc tăng trưởng doanh nghiệp vừa và nhỏ. Một số vấn đề nằm ở cấp tỉnh, ví dụ giải phóng mặt bằng. Hà Tĩnh cần đảm bảo không tạo thêm rào cản nào cho nhà đầu tư mà thay vào đó là chào đón 1 cách công bằng và phù hợp với tất cả các nhà đầu tư uy tín mang vào tỉnh các kế hoạch khả thi và bền vững.

Về sản xuất hàng hóa phức tạp, Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi quan trọng, từ 1 nước tận dụng lợi thế so sánh để tăng trưởng thành 1 quốc gia nâng cao khả năng cạnh tranh bằng cách cải thiện lợi thế cạnh tranh. Đây cũng là đặc điểm của tỉnh Hà Tĩnh nói riêng.

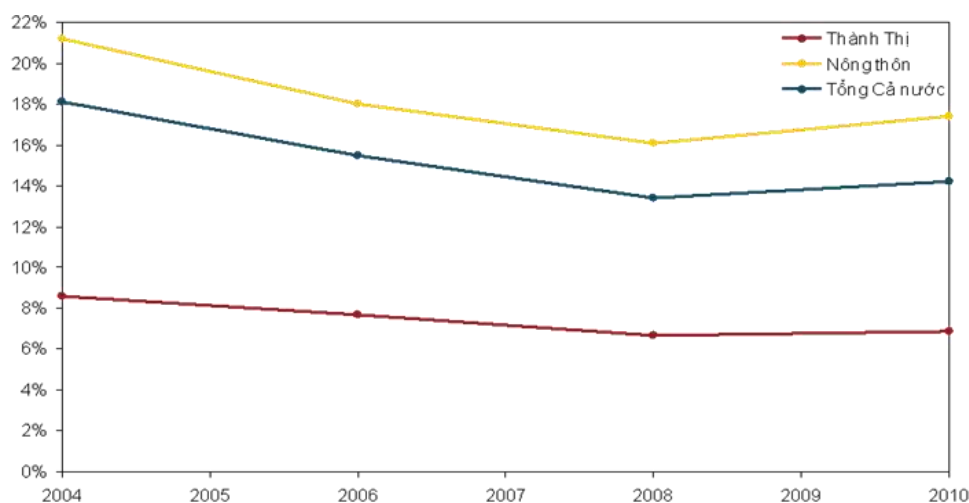
### **5.2.2 Phát triển nhanh nguồn nhân lực**

Việt Nam đã xác định việc giúp người dân thoát nghèo và có công việc năng suất cao hơn giúp đóng góp phát triển đất nước là một nhiệm vụ quan trọng. Do đó, phát triển giáo dục là ưu tiên hàng đầu của quốc gia. Việt Nam cần có lao động lành nghề để hỗ trợ quá trình chuyển đổi này, tuy nhiên hiện 70% lượng lao động tiềm năng (trên 15 tuổi) chỉ có trình độ THCS hoặc thấp hơn (Hình 59) – đồng thời không phải là lao động lành nghề. Tình hình ở khu vực nông thôn, với 69,8% dân số sinh sống, còn tồi tệ hơn.

Trình độ học vấn thấp của người dân ở nông thôn cũng góp phần gây ra tỷ lệ nghèo đói cao ở khu vực này (Hình 60) – đồng thời tỷ lệ nghèo đói cao gây thêm khó khăn cho giáo dục ở nông thôn (vd: gây khó khăn trong thu hút giáo viên đến đây công tác).

**Hình 59: Trình độ học vấn dân số đô thị và nông thôn, 2010**

Nguồn: Tổng cục Thống kê

**Hình 60: Tỷ lệ nghèo đói nông thôn và thành thị**

Lưu ý: Tỷ lệ hộ nghèo tính theo thu nhập bình quân 1 người 1 tháng của hộ gia đình. Tỷ lệ hộ nghèo 2004, 2006, 2008 tính theo chuẩn nghèo 2006-2010 của chính phủ, có điều chỉnh theo trượt giá; Tỷ lệ nghèo 2010 tính theo chuẩn nghèo 2011-2015

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Vì những lý do trên, chính phủ Việt Nam đã chỉ đạo và hỗ trợ các chương trình đẩy mạnh cả giáo dục phổ thông và đào tạo nghề đồng thời đảm bảo mọi người đều được hưởng lợi từ các chương trình này, đặc biệt dân cư khu vực nông thôn. Những chương trình này gồm phổ cập giáo dục tiền học đường tới trước 5 tuổi, mở rộng giảng dạy ngoại ngữ và đổi mới cơ chế tài chính. Với công tác giáo dục bậc tiểu học và THCS đang thành công, Hà Tĩnh cần ưu tiên cao nhất cho công tác nâng cao tay nghề lực lượng lao động thông qua đào tạo dạy nghề. Công tác này có thể nhắm cụ thể tới người dân khu vực nông thôn. Nguồn lao động qua đào tạo sẵn có sẽ là một thế mạnh quan trọng để khuyến khích doanh nghiệp ngoài tỉnh vào đầu tư.

Chính phủ Việt Nam cũng đã xác định khoa học công nghệ là những động lực quan trọng để phát triển nhanh và bền vững. Hà Tĩnh cần đảm bảo có những kế hoạch phát triển dài hạn cho cụm ngành mới của mình, trong đó



đưa ra những hoạt động NC&PT và khoa học/công nghệ khi cụm ngành được thành lập để nâng cao trình độ chuyên môn của các cụm này.

### 5.2.3 Xây dựng cơ sở hạ tầng

Khả năng tiếp cận thị trường và vận chuyển con người cùng hàng hóa có vai trò quan trọng để tạo sức cạnh tranh cho nền kinh tế. Việt Nam đã xác định việc phát triển nhanh chóng cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông vận tải, là một điểm đột phá trong chiến lược của quốc gia. Việt Nam phải tìm cách cải thiện kết nối giao thông và hạ tầng phân phối, hạ tầng cấp và xử lý nước, hạ tầng thông tin, viễn thông và CNTT.

Hà Tĩnh cần đảm bảo có đầu tư thích đáng vào hạ tầng nếu muốn khai thác thành công tiềm năng thế mạnh là vị trí đầu mối thương mại. Tỉnh cũng cần phát triển hạ tầng cảng và các tuyến đường chính nhằm hỗ trợ nhập khẩu khối lượng lớn nguyên liệu thô và xuất khẩu hàng hóa phức tạp hơn. Ngoài ra, việc phát triển hạ tầng phát điện cũng có vai trò quan trọng để hỗ trợ các ngành công nghiệp có nhu cầu cao trong tỉnh.

### 5.2.4 Các khu vực kinh tế khác

Trong giai đoạn này, Việt Nam cần nỗ lực xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, hiệu quả và bền vững, có sản lượng cao hơn và xuất khẩu nhiều nông sản hơn để tăng thu nhập cho nông dân và đảm bảo an ninh lương thực. Tương tự như vậy, Hà Tĩnh cần chỉ đạo và đặt mục tiêu hiện đại hóa ngành nông nghiệp, tìm ra các mô hình kinh doanh và lựa chọn cây trồng để tối đa hóa thành công của mình.

Chính phủ Việt Nam cũng đã đặt mục tiêu tăng trưởng ngành dịch vụ nhanh hơn ngành sản xuất, giúp tái cân bằng nền kinh tế. Các lĩnh vực trọng tâm gồm du lịch, hàng hải, hàng không, viễn thông, CNTT và y tế. Thương mại cũng có vai trò quan trọng, đặc biệt để khuyến khích xuất khẩu và giảm nhập siêu. Các dịch vụ giá trị cao hơn như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, an ninh, hậu cần và dịch vụ hỗ trợ khác sẽ là mục tiêu mở rộng, trong khi khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, dịch vụ việc làm và an sinh xã hội sẽ được phát triển mạnh. Hà Tĩnh cần hướng trọng tâm phát triển vào các ngành dịch vụ phù hợp nhất với điều kiện và năng lực của mình – các ngành liên quan tới thương mại, giáo dục và hậu cần, đồng thời tìm cơ hội mở rộng khu vực dịch vụ trong kế hoạch tăng trưởng của mình.

## 5.3 Bối cảnh phát triển của khu vực Duyên hải Bắc Trung bộ

Vùng Duyên hải Bắc Trung Bộ của Việt Nam vẫn là một trong những khu vực thiếu hụt nguồn lực về mặt kinh tế so với các vùng khác trong cả nước. Xét về GDP trên đầu người, vùng Duyên hải Bắc Trung Bộ đứng thứ 2 từ dưới lên, chỉ cao hơn các tỉnh Tây Bắc. Năm 2010, tỷ lệ nghèo đói của khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung là 20,4%, chỉ thấp hơn khu vực Tây Bắc và khu vực Tây Nguyên. Tỷ lệ nghèo đói cao như vậy có thể lý giải là do nằm cách xa các trung tâm kinh tế lớn và điều kiện khí hậu khắc nghiệt mà khu vực này phải hứng chịu hàng năm. Cơ sở hạ tầng vật chất trong vùng còn nghèo nàn so với các vùng khác của Việt Nam, dẫn đến sự kết nối kém hiệu quả với các vùng khác. Hơn nữa, các hoạt động kinh tế trên toàn tỉnh chỉ xoay quanh nông nghiệp, nhìn chung quy mô còn nhỏ và rải rác. Chính phủ đã nhận ra những thách thức này và đã và đang có những hành động để nhằm thay đổi điều này.

Khi xây dựng định hướng phát triển của mình đến năm 2020, quy hoạch của tỉnh sẽ phải phù hợp với các chiến lược quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm cả nước, trong đó có quy hoạch vùng duyên hải miền trung đến năm

2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 61/2008/QĐ-TTg ngày 9/5/2008. Các lĩnh vực chủ yếu trong quy hoạch này bao gồm:

- *Tăng cường cơ sở vật chất:* Vùng Duyên hải Miền Trung cần phát triển hạ tầng phù hợp với khu vực ven biển, gồm cả hạ tầng trên bộ và dưới biển. Hà Tĩnh sẽ sát sao thực hiện các kế hoạch xây dựng các tuyến quốc lộ và tỉnh lộ quan trọng, cũng như nâng cấp các tuyến đường hiện tại cần mở rộng công suất. Hơn nữa, Hà Tĩnh sẽ hỗ trợ việc xây dựng tuyến đường sắt cao tốc, phân đầu đến năm 2020, đoạn đi qua tỉnh Hà Tĩnh sẽ hoàn thành. Hà Tĩnh cũng sẽ mở rộng và nâng cấp cảng Vũng Áng và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng để hỗ trợ cung cấp nước, điện và quản lý chất thải hiệu quả hơn.
- *Phát triển các trung tâm kinh tế biển:* Với cụm cảng lớn có nhiều tiềm năng, Hà Tĩnh sẽ phải xây dựng và phát triển các trung tâm đô thị của tỉnh để hỗ trợ các hoạt động hàng hải. Hà Tĩnh cũng phải thúc đẩy phát triển khu kinh tế Vũng Áng bằng cách thu hút nhiều vốn đầu tư hơn vào khu vực này.
- *Xóa đói giảm nghèo và phát triển các khu vực khó khăn dọc đường bờ biển của Việt Nam:* Hà Tĩnh phải cải thiện cả hệ thống y tế và hệ thống giáo dục để đảm bảo các cơ sở vật chất trường học và y tế đáp ứng các chuẩn quốc gia mới. Cụ thể, tỉnh cần đảm bảo 100% các trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia vào năm 2015, 70% trường trung học cơ sở và 50% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia vào năm 2020. Hà Tĩnh cũng cần tập trung vào việc xây dựng và phát triển các hệ thống an sinh xã hội và thực hiện các chính sách xã hội để hỗ trợ đời sống của bộ phận dân số nghèo khổ, khó khăn.
- *Phát triển công nghiệp, dịch vụ và các hoạt động nông nghiệp:* Thông qua tăng cường đầu tư vào sáng tạo công nghệ và thiết kế sản phẩm, các tỉnh duyên hải miền trung sẽ có được một danh mục các sản phẩm công nghiệp chọn lọc, trong đó có dầu, các sản phẩm lọc hóa dầu, năng lượng, luyện kim, điện tử và đóng tàu. Nhờ nguồn tài nguyên thiên nhiên, Hà Tĩnh sẽ đóng vai trò quan trọng trong các hoạt động công nghiệp này. Hà Tĩnh cần đảm bảo các hoạt động nông lâm nghiệp của tỉnh thống nhất và phù hợp với các hoạt động nông lâm nghiệp của toàn khu vực duyên hải miền trung. Để làm được điều đó, tỉnh sẽ phải tập trung vào việc ứng dụng công nghệ cao để đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm và đạt được năng suất cao hơn. Hà Tĩnh cũng cần tiếp tục quan tâm tới bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng của tỉnh.
- *Bảo vệ môi trường biển và ven biển:* Trong các kế hoạch phát triển của mình, Hà Tĩnh sẽ tiếp tục thực hiện các sáng kiến để bảo vệ môi trường, bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đồng thời giảm thiểu tác động từ việc phát triển khu kinh tế Vũng Áng.
- *Đảm bảo an ninh biển và quốc phòng:* Hà Tĩnh sẽ đào tạo và phát triển các cá nhân để tham gia lực lượng an ninh và quốc phòng. Hơn nữa, Hà Tĩnh cũng sẽ hỗ trợ các biện pháp an ninh và quốc phòng cho khu vực duyên hải miền trung thông qua xây dựng các ngành công nghiệp như đóng tàu, vật liệu xây dựng, dệt may và truyền thông. Các hoạt động kinh tế này sẽ củng cố năng lực của khu vực duyên hải trong việc thực hiện các nghĩa vụ dân sự.

Mỗi sáng kiến nói trên đều đã được cân nhắc kỹ càng trong suốt quá trình lập quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của Hà Tĩnh đến năm 2020. Hơn nữa, các kế hoạch của Hà Tĩnh sẽ củng cố thêm và hỗ trợ các quy hoạch khác của khu vực duyên hải nhờ việc tỉnh có thể đóng góp vào những tiến bộ to lớn hơn trong quá trình phát triển của các tỉnh khác trong khu vực duyên hải miền trung.

## 5.4 Bối cảnh phát triển của tỉnh Hà Tĩnh trong giai đoạn tiếp theo

Nhìn chung, Hà Tĩnh đã đạt được nhiều tiến bộ trong 10 năm qua so với vị thế của tỉnh năm 2000. Tuy nhiên, vị thế của tỉnh hiện tại vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, và mới chỉ xếp thứ 53/63 tỉnh thành cả nước về thu nhập bình quân. Do đó, tỉnh vẫn đang ở giai đoạn đầu phát triển (tăng trưởng dựa vào tài nguyên), mức đầu tư và sáng tạo còn thấp. Trong tương lai, Hà Tĩnh cần đưa ra tầm nhìn, chiến lược và kế hoạch tăng trưởng và phát triển kinh tế xã hội giúp tỉnh chuyển đổi sang các giai đoạn tăng trưởng dựa trên đầu tư và đổi mới trong vài thập kỷ tới, đồng thời tạo sự thịnh vượng và chất lượng sống cao hơn cho toàn bộ người dân. Để làm được điều này, Hà Tĩnh cần tận dụng các lợi thế và cơ hội liên quan của mình, cùng với đó giải quyết những hạn chế và thách thức còn tồn tại. Dưới đây là tổng kết các cơ hội và thách thức tiềm tàng, cũng sẽ là cơ sở cho tầm nhìn và chiến lược – kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh:

### 5.4.1 Tổng kết lợi thế và cơ hội có liên quan để phát triển Hà Tĩnh

- *Tối đa hóa việc sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên sẵn có:* Hà Tĩnh có cơ hội tạo nhiều giá trị nhờ sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên – một lợi thế quan trọng của tỉnh. Tài nguyên này chủ yếu gồm trữ lượng quặng sắt, tài nguyên biển, tài nguyên rừng và các khoáng sản khác. Tỉnh có thể xây dựng các cụm ngành bền vững, lâu dài hoặc các ngành công nghiệp phụ trợ và liên quan xung quanh các tài nguyên thiên nhiên này.
- *Tận dụng nguồn nhân lực được giáo dục phổ thông tốt:* Hà Tĩnh có lợi thế về giáo dục phổ thông. Đây là lợi thế giúp tỉnh có nguồn lao động giỏi có thể dễ dàng đào tạo và nâng cấp thành các lao động lành nghề rất hấp dẫn giúp phục vụ các ngành công nghiệp và dịch vụ. Đây cũng là một lợi thế về chi phí và chất lượng độc đáo về mặt lao động so với tỉnh thành khác trong và ngoài khu vực. Lợi thế này giúp Hà Tĩnh xây dựng các cụm ngành trong tỉnh – nơi lợi thế về lao động có ý nghĩa quan trọng.
- *Biến vị trí chiến lược thành lợi thế:* Hà Tĩnh có thể biến vị trí địa lý chiến lược thành lợi thế bằng cách tăng thêm thị phần của mình trong quan hệ xuyên biên giới với Lào và đông Thái Lan nhờ xúc tiến thương mại, đẩy mạnh giao thông vận tải, hậu cần và các dịch vụ khác có liên quan.
- *Tận dụng các xu hướng thuận lợi trong khu vực, trong nước và quốc tế:* Liên quan tới các yếu tố trên, Hà Tĩnh cũng có vị thế thuận lợi, nhờ nguồn tài nguyên thiên nhiên và vị trí địa lý, để tận dụng 1 số xu thế chính trong nước và khu vực. Ví dụ, với sáng kiến Tiểu vùng Sông Mekong, Hà Tĩnh có thể trở thành đầu mối thương mại giữa đông Thái Lan, Lào và Việt Nam. Việc tiếp tục tăng trưởng kinh tế của Việt Nam và khu vực sẽ làm gia tăng nhu cầu thép và các sản phẩm chế tạo khác, giúp đẩy mạnh các cụm ngành này của Hà Tĩnh.

### 5.4.2 Tổng kết hạn chế và thách thức liên quan mà Hà Tĩnh phải giải quyết

- *Yêu cầu nâng cấp cơ sở hạ tầng – giao thông, điện, khu kinh tế/công nghiệp:* Ngoài ra, Hà Tĩnh cần cải thiện đáng kể cơ sở hạ tầng – đặc biệt là các kết nối giao thông đa dạng tới những trung tâm trong tỉnh, trong nước và khu vực, hạ tầng điện và công nghiệp chất lượng cao ở các khu kinh tế và công nghiệp.

- *Giá trị gia tăng còn hạn chế từ nông nghiệp:* Mặc dù phần lớn dân số làm việc trong nông nghiệp, giá trị gia tăng từ nông nghiệp vẫn thấp hơn tiềm năng. Tỉnh còn hạn chế về các cơ sở chế biến, khiến cho giá trị gia tăng từ nông nghiệp của tỉnh càng thấp hơn.
- *Yêu cầu cải thiện về tiếp cận, cung cấp và chất lượng y tế cùng các dịch vụ xã hội khác:* Hà Tĩnh cần giải quyết thách thức về việc nâng cao tiếp cận, năng lực và chất lượng dịch vụ y tế cùng các dịch vụ xã hội khác trong tỉnh (vd nước sạch, vệ sinh, cơ sở văn hóa thể thao, vv).
- *Khả năng chống chịu còn hạn chế với thời tiết, khí hậu và bảo vệ môi trường:* Cuối cùng nhưng cũng rất quan trọng, Hà Tĩnh thường bị tác động nghiêm trọng do các điều kiện khí hậu cực đoan, trong đó có bão lũ, và trong trung hạn đến dài hạn dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu.

Các phần tiếp theo của báo cáo nêu chi tiết về đề xuất định hướng phát triển, tầm nhìn đến 2050 và các yếu tố chính trong chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội đến năm 2020.

# PHẦN THỨ BA

---

**Định hướng phát triển kinh tế - xã hội  
đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050**

# 1 Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Hà Tĩnh

## 1.1 Quan điểm phát triển

Hà Tĩnh có thể phát triển từ vị thế hiện tại thành một nền kinh tế hiện đại có vai trò, vị trí đặc biệt và là động lực cho phát triển kinh tế khu vực và cả nước. Để làm được điều này, Hà Tĩnh tập trung vào các quan điểm phát triển chính sau đây:

(1) Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cả nước; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Trung bộ; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực.

(2) Phát huy tối đa tiềm năng lợi thế; tăng cường hội nhập quốc tế; huy động, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, hiệu quả, bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái; thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển so với các tỉnh trong vùng và cả nước.

(3) Tập trung nguồn lực để phát triển các ngành kinh tế trọng điểm, vùng kinh tế động lực, phát triển mạnh kinh tế biển và ven biển, tạo chuyên môn căn bản, đột phá về chất lượng tăng trưởng gắn với thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp; từng bước xây dựng Hà Tĩnh trở thành một trong những trung tâm công nghiệp lớn của đất nước.

(4) Phát triển kinh tế gắn với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, đào tạo, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân, giảm dân tỷ lệ hộ nghèo; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ; tập trung đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu thị trường.

(5) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, duy trì quan hệ hữu nghị với các tỉnh láng giềng khu vực biên giới Việt Nam - Lào. Chủ động phòng, chống giảm nhẹ thiên tai và phòng ngừa ảnh hưởng, tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

### 1.1.1 Tầm nhìn cho Hà Tĩnh đến năm 2050

Việc nhìn nhận và hình dung ra tương lai 40 năm tới của một đất nước có nền kinh tế phát triển nhanh và năng động như Việt Nam đã là một việc làm không hề dễ dàng – thì việc đưa ra được một quan điểm thống nhất về hướng phát triển của đất nước này thậm chí còn khó khăn hơn. Với mức tăng trưởng như hiện nay, GDP của Việt Nam sẽ tăng gấp đôi trong khoảng 11 năm tới – và Việt Nam có tiềm năng để tiếp tục tăng trưởng với tốc độ mạnh mẽ trong những năm tới. Tuy nhiên, vẫn có một số xu thế phát triển nổi bật mà chúng ta tin chắc sẽ diễn ra – và trong những xu thế đó Hà Tĩnh sẽ đóng một vai trò chủ đạo.

Dân số có thu nhập trung bình, chủ yếu sinh sống ở các thành phố lớn và phát triển mạnh đang tăng lên nhanh chóng ở Việt Nam, sẽ dẫn dắt nền kinh tế đất nước phát triển năng suất hơn, các công ty hàng đầu sẽ bắt đầu cạnh tranh dựa trên sáng tạo chứ không dựa trên giá cả. Cạnh tranh giữa các công ty trong khu vực sẽ thúc đẩy nỗ lực nghiên cứu của dân số Việt Nam có trình độ cao, khi Việt Nam đạt được một vị trí xứng đáng trong nền kinh tế thế giới. Cạnh tranh sẽ đạt tầm quốc tế về cả bản chất và quy mô.

Với vị thế kinh tế ngày một cao, Việt Nam cũng sẽ nổi lên như một thành viên tham gia nhiệt tình và tích cực trong các hội nghị toàn cầu về một loạt các vấn đề – đặc biệt là về môi trường, trong đó biến đổi khí hậu sẽ là

vấn đề trọng tâm. Tính bền vững và khả năng chống chịu sẽ là khẩu hiệu cho Việt Nam tiếp tục con đường tìm cách bảo vệ môi trường mà bản thân đã và đang làm rất tốt để đảm bảo quá trình tăng trưởng ngoạn mục của mình.

#### 1.1.1.1 *Thịnh vượng: Nền tảng của sự phát triển kinh tế xã hội nhanh chóng mà bền vững*

Hà Tĩnh sẽ có đóng góp quan trọng vào thành công của Việt Nam. Tỉnh sẽ trở thành động lực kinh tế quan trọng của cả nước và đến năm 2050 sẽ là một trong những địa phương thịnh vượng nhất Việt Nam, với nền kinh tế hiện đại, phát triển mạnh. Hà Tĩnh vào năm 2050 sẽ có 4 đặc điểm nổi bật: Thịnh vượng, Cơ hội, Bền vững, Hữu nghị.

Đến năm 2050, Hà Tĩnh sẽ có một nền kinh tế đa dạng, năng suất, ngày càng lấy đổi mới, sáng tạo làm động lực, có sự cân bằng giữa sản xuất chất lượng cao và dịch vụ trình độ quốc tế và được biết đến với 5 lĩnh vực trọng tâm:

- **Sản xuất kim loại:** Hà Tĩnh sẽ có một cụm ngành sản xuất kim loại lớn và phát triển mạnh, không còn phụ thuộc vào nguyên liệu thô của tỉnh, tiếp tục tận dụng lợi thế về vị trí địa lý và kinh nghiệm trong việc sản xuất sắt, thép một cách hiệu quả và chất lượng.
- **Chế tạo:** Tỉnh sẽ có cụm ngành chế tạo tiên tiến và giá thành thấp hơn nhiều nơi trên thế giới.
- **Thương mại, vận tải và hậu cần:** Tỉnh sẽ trở thành đầu mối trong khu vực về thương mại, vận tải và hậu cần; tận dụng vị trí địa lý và cơ sở hạ tầng giao thông phát triển để phân phối sản phẩm đến các vùng trong cả nước, phục vụ Lào, Thái Lan và các nước trong khu vực và trên thế giới.
- **Dịch vụ:** Tạo được thương hiệu trong khu vực về dịch vụ thuê ngoài, trở thành trung tâm lớn về dịch vụ thuê ngoài tại Việt Nam với các hoạt động dịch vụ ở trình độ cao.
- **Các công ty có năng lực cạnh tranh:** Các công ty đặt trụ sở tại tỉnh có năng lực cạnh tranh hàng đầu trong nước, trong khu vực và trên toàn cầu.

Ngoài 5 lĩnh vực trên, tỉnh còn có môi trường kinh doanh thuận lợi, giúp nhà đầu tư dễ dàng mở doanh nghiệp mới tại tỉnh và được hỗ trợ trong quá trình phát triển; ngành năng lượng với nguồn cung điện đáng tin cậy, sử dụng công nghệ hiện đại để tiết kiệm điện, giảm thiểu tác động môi trường; phát triển đô thị và nông thôn được quy hoạch tốt, tạo nên môi trường sống đô thị vào loại tốt nhất cả nước, đưa Hà Tĩnh thành ví dụ điển hình về quy hoạch phát triển tổng thể có tính tới ảnh hưởng của thiên tai và tác động tiềm tàng từ biến đổi khí hậu, lồng ghép những vấn đề này vào quy hoạch đất đai, tăng mật độ dân số,...

#### 1.1.1.2 *Cơ hội: Một xã hội với nghèo đói ở mức tối thiểu, chất lượng cuộc sống sánh ngang với tiêu chuẩn tốt nhất ở Việt Nam cho mọi công dân.*

Năm lĩnh vực trọng tâm nói trên và một số yếu tố hỗ trợ sẽ giúp tăng GDP bình quân trong tỉnh, giúp Hà Tĩnh có nền kinh tế đa dạng, bền vững và tăng trưởng cao.

Đến năm 2050, Hà Tĩnh sẽ là nơi của cơ hội phát triển, có mức độ thịnh vượng cao hơn nhiều. Người dân chuyển từ tầng lớp thuần nông thành tầng lớp trung lưu đô thị, được sống trong sự ổn định, hòa hợp và tự hào về tỉnh nhà. Cũng theo đó, Hà Tĩnh sẽ dần xóa được đói nghèo trong tỉnh mình.

Môi trường đầy cơ hội phát triển ở tỉnh có những hỗ trợ và động lực sau:

- **Cơ hội việc làm chất lượng:** Hà Tĩnh sẽ nổi tiếng trong khu vực và cả nước về cơ hội việc làm tốt nhất trong các cụm ngành trọng điểm của tỉnh.
- **Môi trường thân thiện với doanh nghiệp:** Hà Tĩnh sẽ nổi tiếng trong khu vực và cả nước về một môi trường thuận lợi, thúc đẩy và tạo cơ hội đầu tư cho các doanh nghiệp.
- **Đảm bảo chất lượng giáo dục tiểu học và trung học:** Chất lượng giáo dục phổ thông cao cho tất cả người dân.
- **Trung tâm giáo dục đại học và dạy nghề chất lượng cao:** Tỉnh sẽ trở thành trung tâm giáo dục đại học và dạy nghề chất lượng cao về các cụm ngành trọng điểm mà tỉnh sẽ tập trung – với sự tham gia và hợp tác của một số công ty hàng đầu, cũng như các đại học và viện nghiên cứu trên toàn thế giới tập trung vào các cụm ngành tương tự.
- **Y tế chất lượng cao:** Cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, chăm sóc cấp 2 và cấp 3, tập trung vào sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh, các bệnh như HIV và sốt rét.
- **Cơ sở hạ tầng tốt và giao thông thuận tiện:** Phát triển cơ sở hạ tầng chất lượng cao đáp ứng tất cả nhu cầu phát triển và tạo kết nối giao thông thuận tiện đến các trung tâm lớn trong khu vực, trong cả nước và Lào, Thái Lan.
- **Nguồn cung điện đầy đủ:** Cung cấp đủ nguồn điện để đáp ứng nhu cầu của tỉnh; lượng điện dư thừa phục vụ các tỉnh lân cận.
- **Nguồn cung cấp nước đầy đủ và hạ tầng vệ sinh thích hợp:** Toàn bộ người dân tỉnh được sử dụng nước sạch sinh hoạt và các cơ sở vệ sinh cơ bản.
- **Tính minh bạch trong dịch vụ của chính quyền:** Cung cấp các dịch vụ của chính quyền có tính minh bạch, hiệu quả, dễ sử dụng, lấy khách hàng làm trung tâm.
- **Hỗ trợ người nghèo:** Xóa được đói nghèo trên địa bàn tỉnh nhờ đảm bảo toàn bộ người dân, cả ở thành thị lẫn nông thôn được sử dụng các dịch vụ cơ bản và được tạo cơ hội tham gia phát triển kinh tế của tỉnh, người dân có thể với tư cách là nhà cung ứng, doanh nhân hay người hưởng lợi.

**1.1.1.3 Bền Vững:** Một tỉnh có ý thức về môi trường, vừa tôn trọng, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và tài sản văn hóa, vừa vượt qua những thách thức về khí hậu.

Mặc dù có nhiều thách thức về khí hậu, Hà Tĩnh sẽ chú trọng tới tính bền vững, trân trọng nguồn tài nguyên thiên nhiên và tài sản văn hóa của mình. Tầm nhìn này có sự hỗ trợ từ:

- **Môi trường được bảo vệ tốt:** Một yếu tố rất quan trọng để phát triển bền vững là tỉnh phải lồng ghép các kế hoạch chủ động về môi trường vào các cụm ngành quan trọng đang được xây dựng (Vd bố trí hợp lý cảnh quan khu mỏ sắt Thạch Khê khi quặng sắt được khai thác hết, thu trữ carbon, tái chế rác thải, khai thác chứng chỉ carbon).



- **Người dân được bảo vệ tốt:** Ngoài ra, tỉnh sẽ có các chương trình giảm thiểu hoặc ngăn chặn hoàn toàn thiệt hại về con người và sinh kế khi xảy ra bão tố hay các thiên tai khác, đồng thời nâng cao khả năng chống chịu trước các tác động của biến đổi khí hậu dài hạn.
- **Các di sản được bảo vệ tốt:** Sự phát triển của tỉnh cũng sẽ đảm bảo gìn giữ di sản văn hóa lịch sử độc đáo của tỉnh cho tương lai.
- **Phát triển xã hội với sự tham gia của tất cả người dân:** Vấn đề then chốt để phát triển bền vững là đảm bảo toàn bộ người dân Hà Tĩnh đều tham gia tạo ra tăng trưởng. Để làm được điều đó, tỉnh cần tạo **cơ hội việc làm thay thế cho người nghèo** (như dệt may, xây dựng, chế biến thực phẩm), liên tục nâng cao kỹ năng và xóa đói giảm nghèo.

**1.1.1.4 Hữu nghị:** Là một trung tâm mới trong mối quan hệ của Việt Nam với Lào, vươn sang Thái Lan và xa hơn.

Vị thế mới của Hà Tĩnh với Lào, Thái Lan, và các nước khác sẽ có 4 đặc điểm sau:

- **Quan hệ bền chặt:** Tỉnh sẽ xây dựng quan hệ chặt chẽ trong nhiều lĩnh vực (kinh tế, văn hóa, khoa học và công nghệ) với Lào, được xây dựng trên tình hữu nghị truyền thống hiện có, cũng như các sáng kiến cấp quốc gia như Chiến lược hợp tác Việt Nam-Lào 2011-2020 và xa hơn, liên kết thiết lập với Đông Thái Lan, tận dụng cơ sở hạ tầng giao thông đã cải thiện.
- **Liên kết chặt chẽ:** Hà Tĩnh sẽ thiết lập mối liên kết chặt chẽ về công nghiệp và kinh tế với Lào và Đông Thái Lan. Vũng Áng sẽ trở thành “cảng cho Lào”, Hà Tĩnh chiếm được phần lớn thương mại qua biên giới giữa Việt Nam và Lào, cũng như Việt Nam và Đông Thái Lan.
- **Mô hình hợp tác điển hình:** Hợp tác giữa Hà Tĩnh, Lào và Đông Thái Lan sẽ là ví dụ điển hình để các nước khác trong sáng kiến Tiểu vùng Sông Mekong Mở rộng học tập, giúp đạt được tiến bộ về cả 3 mục tiêu của sáng kiến tiểu vùng này – nâng cao kết nối, nâng cao cạnh tranh và xây dựng một cộng đồng.
- **Hợp tác toàn diện:** Mở rộng hợp tác ra các lĩnh vực khác ngoài công nghiệp và thương mại như y tế, nông nghiệp, phát triển nông thôn, truyền thông, phát triển các hạ tầng khác, du lịch và văn hóa, nâng cao năng lực, an ninh và quản lý tội phạm xuyên biên giới. Hà Tĩnh sẽ phát triển quan hệ với các địa phương lân cận ở tất cả các lĩnh vực.

Kết quả của tất cả những yếu tố nói trên là Hà Tĩnh cũng sẽ được coi là hình mẫu về phát triển công nghiệp hiện đại theo hướng bền vững và tăng cường khả năng chống chịu. Những nỗ lực và lao động chăm chỉ của người dân và lãnh đạo tỉnh Hà Tĩnh sẽ giúp tỉnh đạt được thành tựu là nền kinh tế hiện đại, thịnh vượng và tiên tiến.

## Hình 61: Bốn điểm nổi bật của Hà Tĩnh đến năm 2050



Nguồn: Phân tích của Monitor

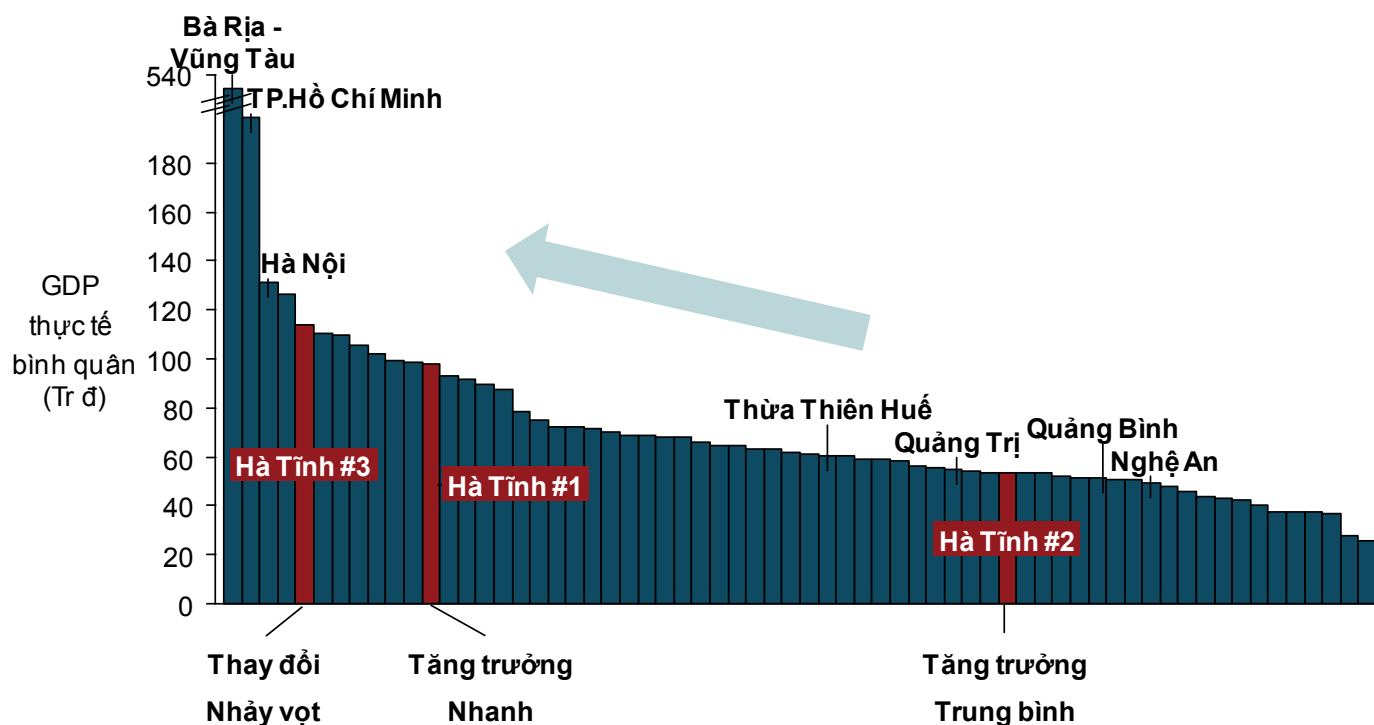
### 1.1.2 Mục tiêu chung cho giai đoạn 2011–2020

Mục tiêu chung là xây dựng Hà Tĩnh trở thành tỉnh có nền kinh tế phát triển, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại; bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao, phấn đấu đến năm 2020, thu nhập bình quân đầu người nằm trong nhóm các tỉnh đứng đầu cả nước; giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

## 1.2 Nền tảng thực tế cho tăng trưởng

### 1.2.1 Các phương án tăng trưởng giai đoạn 2011 –2020

Hà Tĩnh đã xem xét 3 kịch bản tăng trưởng tiềm năng, qua đó xác định mục tiêu kinh tế và quỹ đạo tăng trưởng cho tỉnh đến năm 2020: tăng trưởng cao bền vững, tăng trưởng vừa phải, tăng trưởng nhảy vọt. Các kịch bản này được tóm tắt trong Hình 62 theo dự báo GDP trên đầu người của Hà Tĩnh trong nền kinh tế cả nước.

**Hình 62: Dự báo GDP thực tế, Hà Tĩnh và địa phương khác (2020)**

Nguồn: Mô hình Kinh tế Hà Tĩnh

#### 1.2.1.1 Kịch bản 1, Tăng trưởng cao bền vững

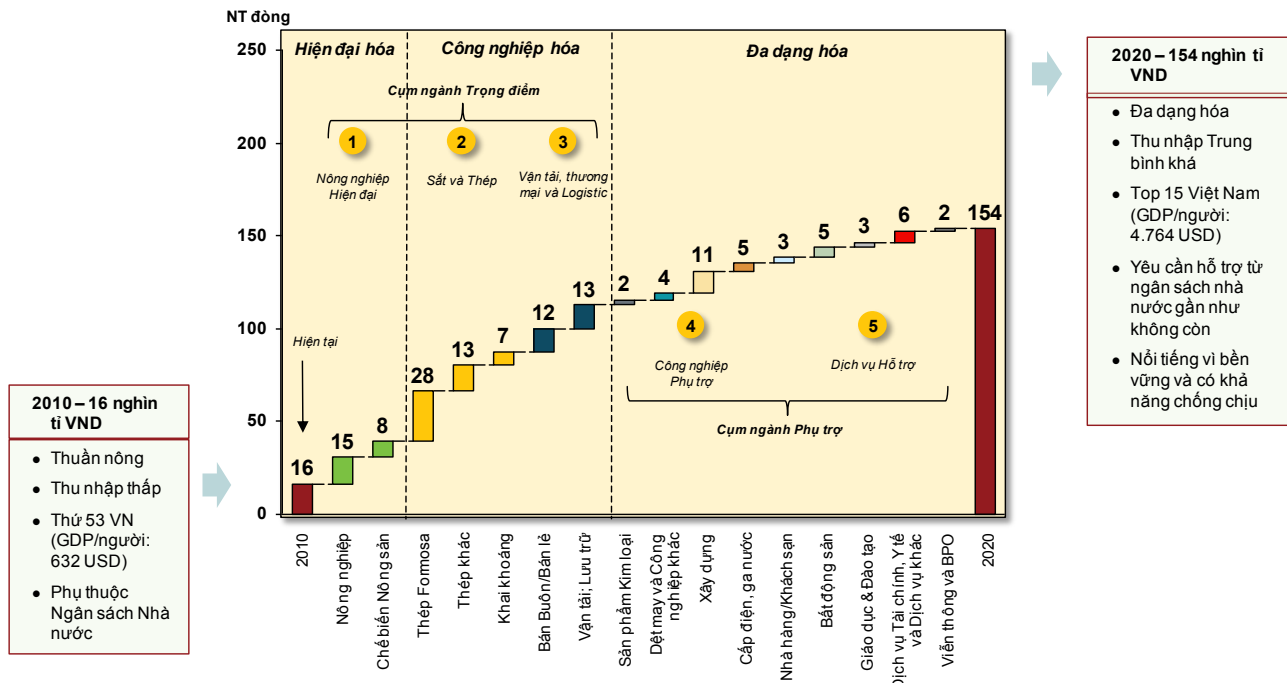
Trong kịch bản tăng trưởng cao bền vững, Hà Tĩnh tận dụng thành công các nguồn tài nguyên, đa dạng hóa nền kinh tế và mở rộng sang sản xuất và dịch vụ chế biến. Hà Tĩnh sẽ trở thành một nền kinh tế công nghiệp, song vẫn có ngành nông nghiệp phát triển mạnh, năng suất cao cùng lĩnh vực dịch vụ ngày càng phát triển. Trong kịch bản này, Hà Tĩnh tăng trưởng cao nhờ bởi 3 thành tựu cụm ngành trọng điểm chính: (a) hiện đại hóa thành công nền nông nghiệp; (b) phát triển ngành sắt - thép, gồm cả nhà máy thép Formosa, mỏ Thạch Khê và nhà máy thép sử dụng nguồn quặng này, và (c) xây dựng Hà Tĩnh là một trung tâm thương mại và hậu cần phục vụ khu vực, bao gồm cả Lào và Đông Thái Lan.

Ngoài ra, vào năm 2020, bên cạnh các cụm ngành trọng điểm này, Hà Tĩnh cũng sẽ có được hiệu quả từ việc phát triển các cụm công nghiệp phụ trợ và chế biến như sản xuất các sản phẩm thép, dệt may, xây dựng, cũng như các cụm dịch vụ hỗ trợ như: giáo dục và đào tạo, thông tin liên lạc và BPO-ITO. Kịch bản này giả định tổng sản lượng thép hàng năm là 10 triệu tấn, sản lượng thực tế hàng năm đến 2015 là 1,7 triệu tấn (1,3 triệu tấn của Formosa, trong năm đầu tiên sản xuất, và 0,4 triệu tấn của Nhà máy thép thuộc Công ty Cổ phần Gang thép Hà Tĩnh). Đến 2020, sản lượng thực tế đạt 8,5 triệu tấn (6,4 triệu tấn của Formosa, trong năm đầu tiên sản xuất, và 0,4 triệu tấn của Nhà máy thép thuộc Công ty Cổ phần Gang thép Hà Tĩnh, và 1,7 triệu tấn của (các) nhà máy thép khác sử dụng quặng Thạch Khê). Hạ tầng phụ trợ sẽ bao gồm hệ thống giao thông được nâng cấp mở rộng, các khu kinh tế đã hoàn thiện và nguồn cung cấp điện, nước dồi dào. Tỉnh cũng sẽ đầu tư vào các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Trong kịch bản này, GDP sẽ tăng trưởng 18,4%/năm, đạt được mức GDP bình quân đầu người là 97,7 triệu đồng vào năm 2020. Nông nghiệp sẽ chiếm 13,1% GDP;

công nghiệp dẫn đầu với 54,7% GDP; và dịch vụ 32,2%. Lượng vốn đầu tư được huy động theo kịch bản này là 539 nghìn tỉ, 80% là từ vốn ngoài ngân sách nhà nước (FDI, doanh nghiệp trong nước qua hợp tác công tư PPP, ODA).

### Hình 63: Tỷ trọng GDP Hà Tĩnh theo Kịch bản 1(2020)

Dự báo Cơ cấu GDP Hà Tĩnh 2020 (Giá Hiện hành) và Động lực Tăng trưởng Chính (2030)



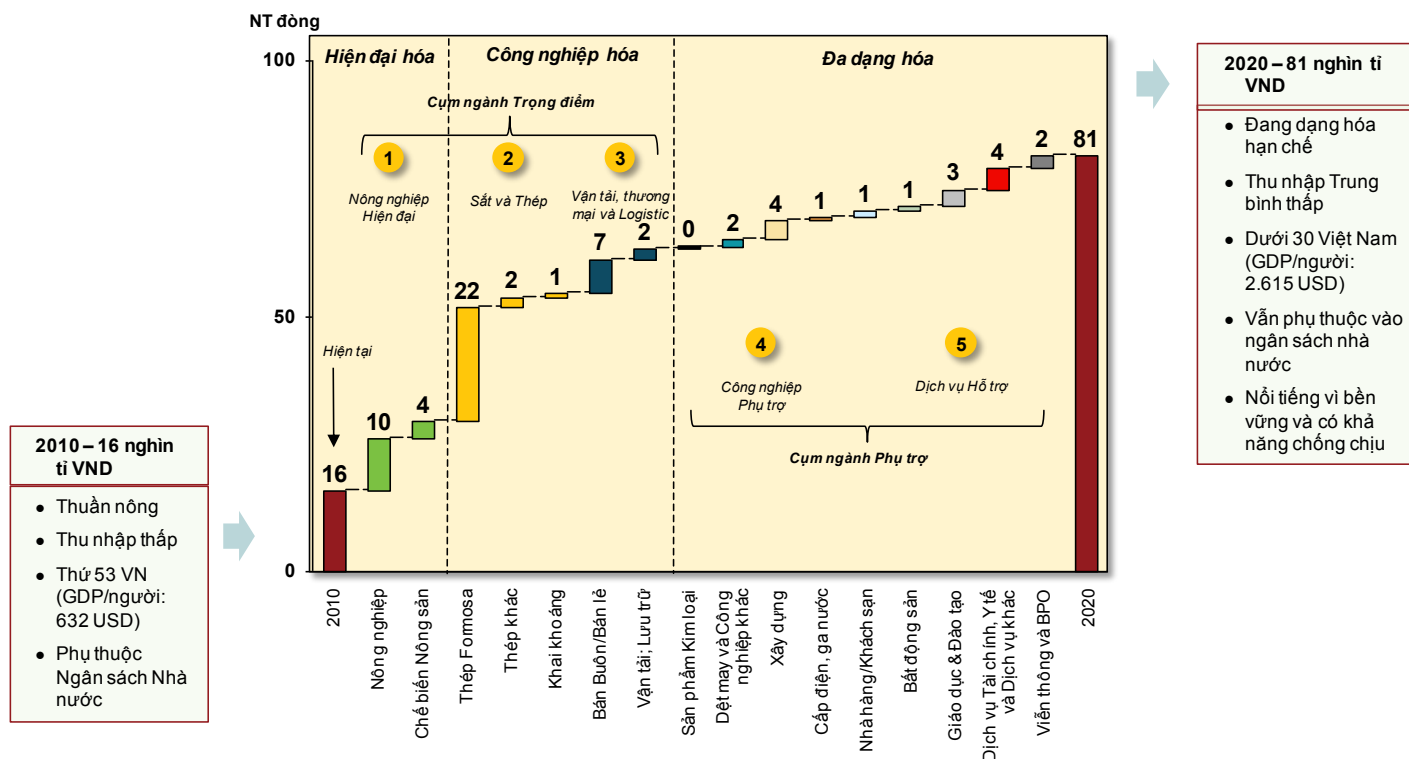
Nguồn: Phân tích của Monitor

#### 1.2.1.2 Kịch bản 2, Tăng trưởng vừa phải

Trong kịch bản tăng trưởng vừa phải, Hà Tĩnh sẽ tăng trưởng ở mức vừa phải trong 10 năm tới. Hà Tĩnh sẽ tăng trưởng nhanh hơn tốc độ trung bình của cả nước và nhờ đó liên tục cải thiện thứ hạng của mình (về GDP trên đầu người). Tuy nhiên tốc độ vẫn được coi là thấp hơn nhiều so với kịch bản 1. Tỉnh sẽ tiếp tục đầu tư hiện đại hóa nông nghiệp, song cũng hạn chế hơn ước tính trong kịch bản 1. Ngoài ra, giai đoạn 1 nhà máy thép Formosa sẽ bắt đầu và hoàn thành với công suất hàng năm 6 triệu tấn, hoàn toàn sử dụng quặng nhập khẩu. Tỉnh cũng sẽ xây dựng và đưa vào vận hành Nhà máy thép thuộc Công ty Cổ phần Gang thép Hà Tĩnh với công suất 0,5 triệu tấn. Tuy nhiên, Kịch bản này giả định mỏ sắt Thạch Khê phải mất rất nhiều thời gian để chuẩn bị khai thác và đến năm 2020 vẫn chưa đưa vào vận hành được. Các nhà máy thép dùng quặng Thạch Khê cũng không thể vận hành trước năm 2020. Kịch bản này có thể xảy ra nếu tỉnh không có khả năng phát triển mỏ sắt Thạch Khê theo kế hoạch, chủ yếu do thiếu đầu tư, công nghệ, hoặc các yếu tố vĩ mô. Thương mại, vận tải, hậu cần và các cụm ngành phụ trợ cùng dịch vụ hỗ trợ cũng tăng, song đều chậm hơn trong kịch bản 1, do thiếu đầu tư (ví dụ tăng trưởng kinh tế cả nước và khu vực thấp hơn hoặc các yếu tố khác), hoặc do sản xuất tuyến trên trong tỉnh giảm xuống. Trong kịch bản này, GDP sẽ tăng trưởng trung bình 11,1%/ năm, đạt mức 53,6 triệu

đồng/người vào năm 2020. Nông nghiệp sẽ đóng góp 18,9% tổng GDP, ngành công nghiệp 49,2% và dịch vụ 31,9%.

**Hình 64: Tỷ trọng GDP Hà Tĩnh theo kịch bản 2 (2020)**

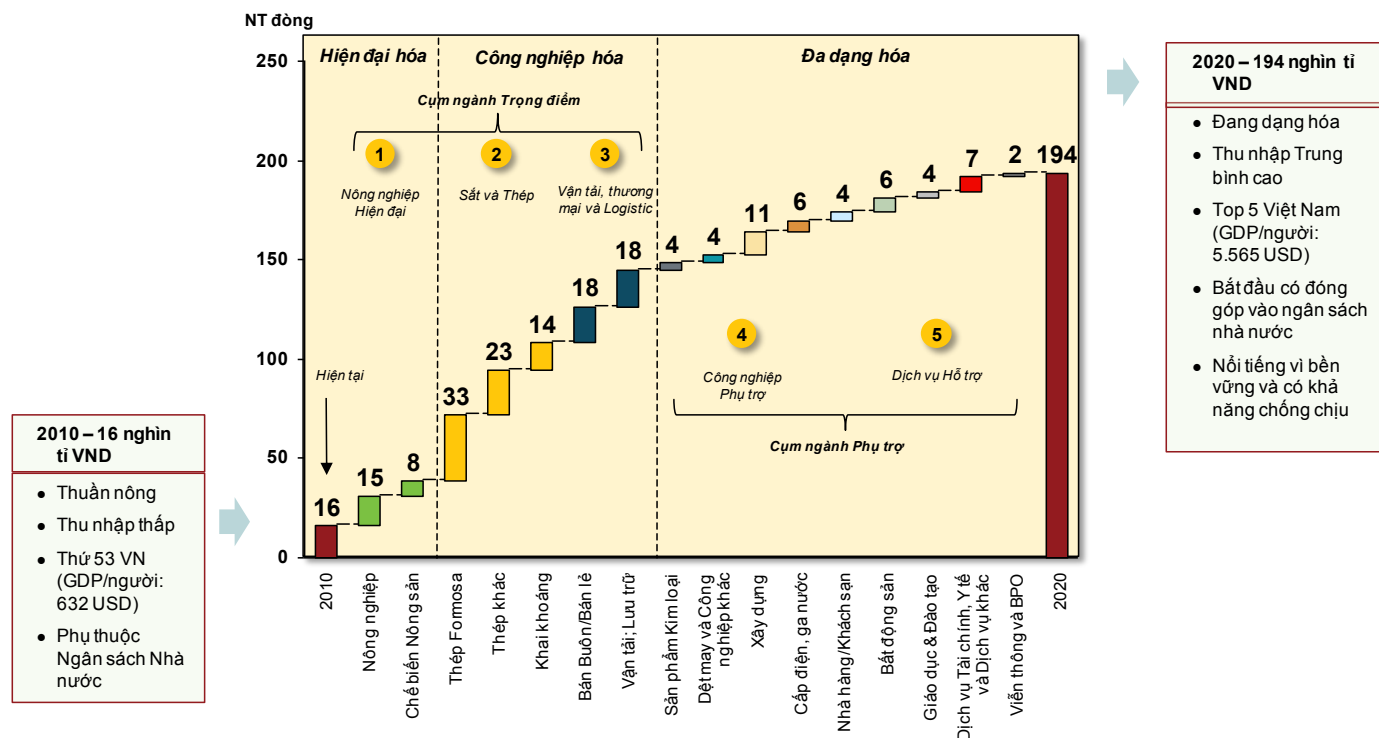


Nguồn: Phân tích của Monitor

### 1.2.1.3 Kịch bản 3, Tăng trưởng nhảy vọt

Theo kịch bản này, Hà Tĩnh thậm chí còn phát triển nhanh hơn và có tăng trưởng GDP còn cao hơn kịch bản 1. Kịch bản này giả định tăng trưởng của Việt Nam và khu vực ở mức cao hơn, là động lực giúp các cụm ngành của Hà Tĩnh tăng trưởng nhanh hơn. Sản xuất thép sẽ đạt phát triển mạnh hơn với việc mở cửa nhà máy thép Formosa vào năm 2014, đạt công suất 2,5 triệu tấn/năm vào năm 2015, công suất thực tế là 2,1 triệu tấn (1,7 triệu tấn của Formosa, và 0,4 triệu tấn của Nhà máy thép thuộc Công ty Cổ phần Gang thép Hà Tĩnh). Sau đó, công suất thép sẽ đạt 13,5 triệu tấn vào năm 2020, công suất thực tế là 11,5 triệu tấn (7,7 triệu tấn của Formosa, 0,4 triệu tấn của Nhà máy thép thuộc Công ty Cổ phần Gang thép Hà Tĩnh, 3,4 tấn của (các) nhà máy thép khác dùng quặng Thạch Khê). Điều này thúc đẩy phát triển sớm hơn và nhanh hơn các cụm sản xuất chế biến như sản phẩm từ thép và dệt may. Nông nghiệp có năng suất bằng kịch bản 1, trọng tâm phát triển được dành cho công nghiệp và dịch vụ. Theo kịch bản này, GDP sẽ tăng trưởng 21,1% hàng năm, đạt mức 114,1 triệu đồng/người vào năm 2020. Nông nghiệp chiếm 10,4% GDP, ngành công nghiệp dẫn đầu với 55,8% và dịch vụ chiếm 33,8%.

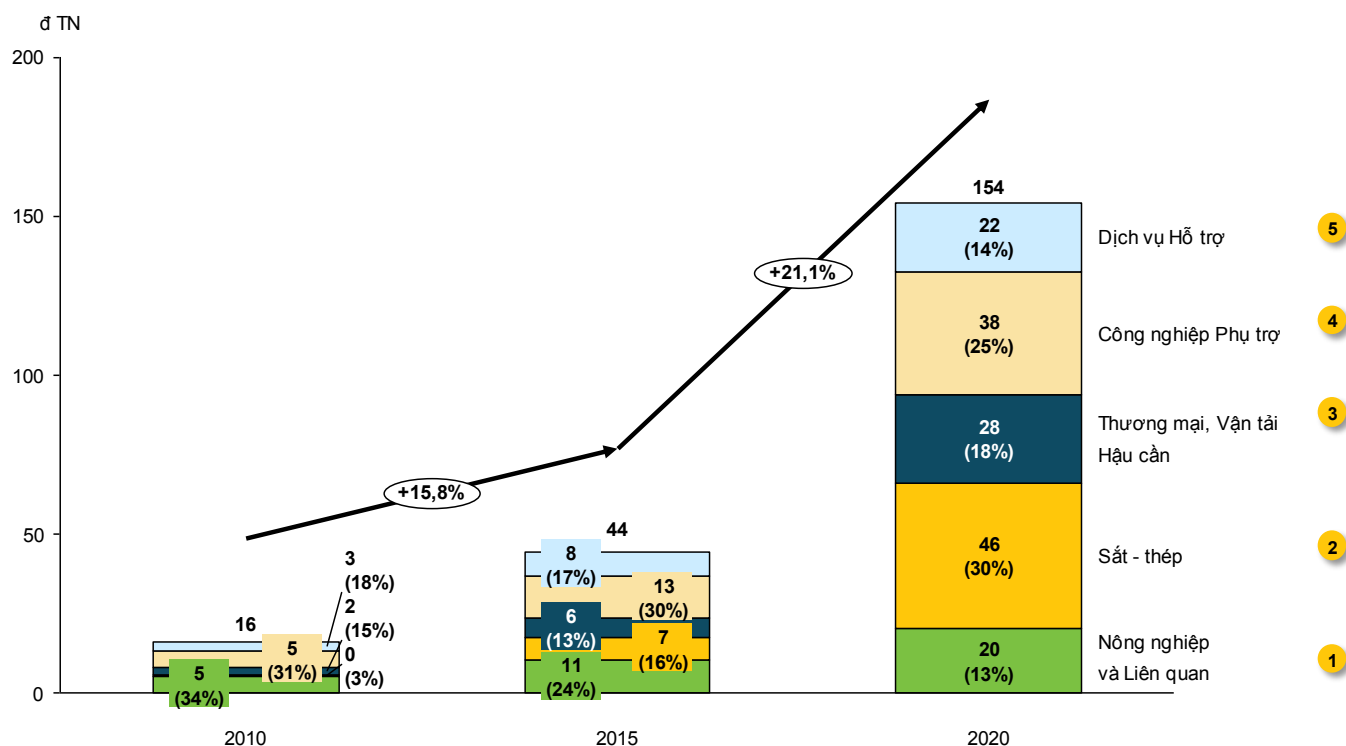
**Hình 65: Tỷ trọng GDP Hà Tĩnh theo Kịch bản 3 (2020)**



Nguồn: Phân tích của Monitor

### 1.2.2 Cơ sở thực tế để lựa chọn phương án tăng trưởng

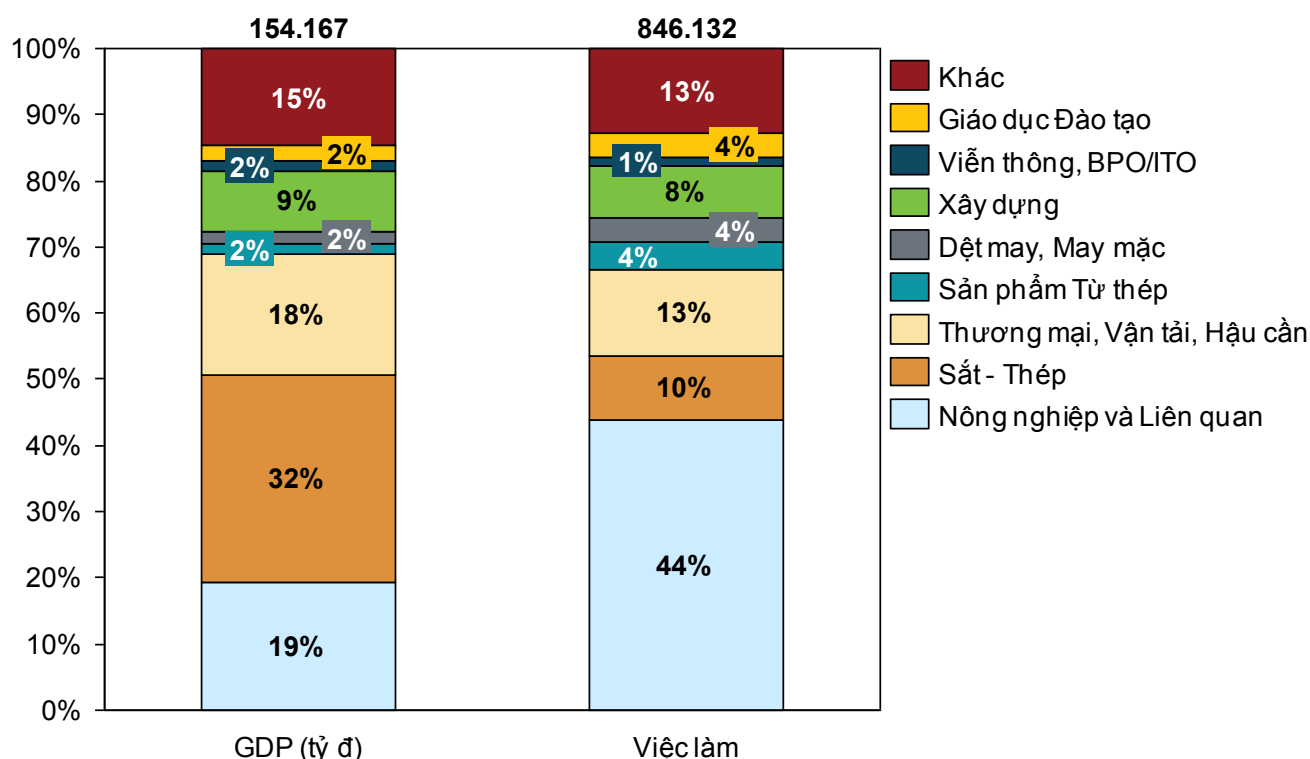
Trên cơ sở phân tích tính khả thi của mỗi kịch bản nói trên, Kịch bản số 1 là kịch bản có vẻ hợp lý nhất bởi ba lý do chủ yếu sau. Thứ nhất, kịch bản này phù hợp với những lợi thế cạnh tranh vốn có và nguồn tài nguyên sẵn có của Hà Tĩnh. Thứ hai, kịch bản 1 giúp tận dụng cơ hội cải thiện năng suất và sản lượng cũng như đa dạng hóa sản phẩm tốt hơn kịch bản 2 – kịch bản giả định mức độ phát triển thấp hơn. Thứ ba, kịch bản 1 có tính khả thi hơn kịch bản 3, dựa trên điều kiện hiện tại về xuất phát điểm, mốc thời gian phát triển các tiềm năng thế mạnh quan trọng, năng lực của tỉnh trong thực hiện các kế hoạch nhằm đảm bảo đầu tư và nguồn nhân lực cần thiết cho chiến lược và kế hoạch có trong kịch bản này. Do đó, trong thời gian từ 2011-15, tỉnh chủ yếu là(a) khởi đầu từ phát triển cụm ngành sắt - thép, (b) tập trung hiện đại hóa nông nghiệp và (c) xây dựng nền tảng (ví dụ như phát triển cơ sở hạ tầng, môi trường kinh doanh, xây dựng năng lực con người) để phát triển thương mại, giao thông vận tải và hậu cần và hỗ trợ các cụm công nghiệp và dịch vụ phụ trợ. Trong giai đoạn 2016-20, tỉnh đầu tư nhiều hơn và tăng trưởng cao hơn về công nghiệp và dịch vụ, do đó phát triển kinh tế tổng thể của tỉnh cũng cao hơn, do tỉnh đã bắt đầu nhận được thành quả từ nền tảng mình đã xây dựng trong 5 năm trước đó. Hình 66 dưới đây cung cấp một cái nhìn tổng quan về quỹ đạo tăng trưởng và cơ cấu kinh tế của tỉnh từ nay đến năm 2020.

**Hình 66: Quỹ đạo tăng trưởng kinh tế của Hà Tĩnh (2010-20)**

Lưu ý: Nông nghiệp và ngành liên quan gồm trồng trọt, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, chăn nuôi. Công nghiệp phụ trợ gồm chế tạo, khai khoáng ngoài sắt, xây dựng, điện, nước. Dịch vụ hỗ trợ gồm BPO, viễn thông, nhà hàng khách sạn, tài chính, bất động sản, giáo dục, y tế, vv  
 Nguồn: Phân tích của Monitor

### 1.2.3 Những đột phá và điểm tựa chính của phát triển kinh tế - xã hội

Để đạt được mục tiêu đã đề ra trong Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, Hà Tĩnh cần phát triển được 3 cụm ngành trọng điểm, 5 cụm ngành và dịch vụ hỗ trợ và thực hiện được 8 đột phá. 03 cụm ngành trọng điểm– (i) nông nghiệp, (ii) sắt – thép, (iii) thương mại, giao thông vận tải và hậu cần. 05 cụm dịch vụ và công nghiệp phụ trợ gồm (iv) sản xuất sản phẩm từ thép, (v) dệt may, (vi) xây dựng, (vii) viễn thông, BPO/ ITO và (viii) giáo dục – đào tạo. Tổng cộng các cụm ngành trọng điểm và phụ trợ sẽ đóng góp 85% GDP vào năm 2020, và 87% việc làm (Hình 67).

**Hình 67 – Tỷ trọng GDP và việc làm năm 2020**

Nguồn: Phân tích của Monitor

### 1.2.3.1 Cụm ngành Trọng điểm

#### Cụm ngành Nông nghiệp (bao gồm chế biến nông sản)

Nông nghiệp ở Hà Tĩnh, gồm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và lâm nghiệp, có tỷ trọng lớn trong GDP tỉnh và thu hút nhiều lao động. Đây sẽ tiếp tục là một trụ cột cho sự thịnh vượng của Hà Tĩnh trong 10 năm tới. Hà Tĩnh sẽ đưa ra các sáng kiến như đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao năng suất, chế biến thực phẩm và tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân giúp nâng cao giá trị thu được từ cụm ngành này. Ngoài việc tăng giá trị kinh tế cho nông dân, các sáng kiến nói trên còn giúp cải thiện khả năng phục hồi của toàn cụm ngành nông nghiệp

#### Cụm ngành Sắt – Thép

Trữ lượng quặng sắt trong tỉnh sẽ là cơ sở ban đầu giúp thiết lập một cụm ngành khai khoáng mạnh. Hoạt động trong cụm ngành (đã bắt đầu ở mỏ sắt Thạch Khê) sẽ không chỉ có đóng góp lớn cho GDP tỉnh mà còn tạo ra trên 7.000 việc làm vào năm 2020. Sản xuất thép cũng có vai trò hết sức quan trọng trong cụm ngành này. Ở đây không chỉ có các tổ hợp nhà máy thép lớn mà còn là các ngành công nghiệp cung cấp nguyên liệu thô khác (than cốc) và dịch vụ ngành thép giúp chuyển thép thành các hình dạng và kích cỡ sẵn sàng sử dụng cho các công ty chế biến, sản xuất sản phẩm giá trị gia tăng từ thép.



## **Cụm ngành Thương mại, Vận tải và Hậu cần**

Bên cạnh vai trò là cụm phụ trợ cho các trụ cột chủ đạo nêu trên, giúp các cụm ngành này phân loại và vận chuyển hiệu quả nguyên liệu thô và thành phẩm, bản thân cụm ngành thương mại và hậu cần cũng sẽ góp phần hình thành một cụm chủ chốt cho sự phát triển của tỉnh Hà Tĩnh. Bằng cách xây dựng các tuyến đường kết nối Lào và các khu vực Đông, Bắc Thái Lan lưu thông ra biển và phát triển cơ sở hạ tầng vận tải ngày càng phát triển mạnh mẽ giúp cho lưu thông hàng hóa, Hà Tĩnh sẽ có cơ hội xây dựng các hoạt động thương mại quanh các cảng của tỉnh và qua khu vực cửa khẩu Cầu Treo.

### *1.2.3.2 Cụm ngành Công nghiệp và Dịch vụ Phụ trợ*

#### **Sản xuất Sản phẩm từ Thép**

Cụm ngành này tận dụng việc sản xuất thép tại Hà Tĩnh để sản xuất sản phẩm giá trị gia tăng phục vụ thị trường trong nước và khu vực. Ngoài lượng thép sẵn có, tỉnh còn có lợi thế từ trình độ giáo dục của lực lượng lao động và hạ tầng phát triển.

#### **Dệt may và May mặc**

Hà Tĩnh có cơ hội tận dụng nguồn lao động có trình độ và đầu tư vào cơ sở hạ tầng, trong đó có cảng và nguồn điện – nước, để xây dựng cụm ngành sản xuất hàng dệt may và may mặc. Điều này đồng thời tận dụng được vị thế mạnh chung của Việt Nam trên thị trường quốc tế về ngành hàng này.

#### **Xây dựng**

Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa của tỉnh sẽ dẫn đến nhu cầu về cụm ngành xây dựng phát triển mạnh mẽ với giá trị gia tăng và ngành sản xuất vật liệu xây dựng.

#### **Viễn thông và Hợp Đồng dịch vụ kinh doanh (BPO-ITO)**

Hà Tĩnh có dân cư trẻ tuổi có trình độ và cơ sở hạ tầng viễn thông mạnh – đây là 1 cơ sở vững chắc để tỉnh phát triển ngành công nghiệp hợp đồng dịch vụ kinh doanh (BPO-ITO). Không chỉ tạo nhiều việc làm, ngành này còn đóng góp nhiều cho GDP và tạo điều kiện phát triển ngành công nghệ thông tin công nghệ cao trong tỉnh về trung hạn và dài hạn.

#### **Giáo dục – Đào tạo**

Đây sẽ là một cụm ngành hỗ trợ hết sức quan trọng với tỉnh, giúp tìm và chuẩn bị cho những tài năng của tỉnh để phục vụ trong các cụm ngành ưu tiên của tỉnh. Cụm ngành này sẽ tập trung vào việc phổ cập giáo dục trung học, nâng cấp mạnh mẽ đào tạo nghề và đẩy mạnh vào giáo dục đại học.

Ngoài ra, quá trình phát triển của Hà Tĩnh sẽ có sự hỗ trợ từ các cụm ngành phụ trợ khác (y tế, 1 số hoạt động du lịch, các ngành sản xuất khác – như hóa dầu). Mỗi cụm ngành này, trong đó có cả các cụm ngành trọng điểm, được nói rõ hơn trong các phần dưới đây của báo cáo.

### 1.2.3.3 *Đột phá trong thực hiện*

Đồng thời, để đạt các mục tiêu quan trọng đề ra giai đoạn 2011-2020 và đưa các cụm ngành trên vào hoạt động thành công, Hà Tĩnh cần có 8 bước đột phá trong khâu thực hiện:

1. Huy động các nguồn lực qua các dự án đầu tư của Chính phủ, ODA và đặc biệt là của tư nhân để có thể giải quyết hiệu quả yêu cầu phát triển và cơ sở hạ tầng của tỉnh.
2. Huy động các cụm ngành chính, hạ tầng quan trọng có liên quan, cơ chế chính sách và phát triển nguồn lực con người.
3. Xây dựng cơ chế và chính sách thúc đẩy môi trường kinh doanh cạnh tranh nhờ cắt giảm thủ tục và chi phí hành chính cho việc kinh doanh tại Hà Tĩnh.
4. Tập trung phát triển khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường, đặc biệt là có cách tiếp cận chủ động để giảm thiểu rủi ro từ thiên tai cũng như biến đổi khí hậu trong tương lai.
5. Mở rộng hợp tác để hội nhập kinh tế khu vực, quốc gia và quốc tế.
6. Thực hiện các biện pháp giảm nghèo cho những đối tượng nghèo nhất trong tỉnh.
7. Quản lý và giám sát chương trình hiệu quả để đảm bảo thực hiện minh bạch, kịp thời và nằm trong khả năng của ngân sách.
8. Nâng cấp kỹ năng và năng lực cho cán bộ của cơ quan nhà nước thông qua việc đào tạo liên tục.

Các chiến lược và kế hoạch của cụm ngành được nêu rõ hơn trong phần sau của báo cáo. Nội dung về các bước đột phá trong thực hiện được đề cập chi tiết hơn trong phần “Giải pháp chính” của báo cáo.

### 1.2.4 *Các mục tiêu chủ yếu cho Hà Tĩnh trong vòng 5 và 10 năm tới*

Trong 5 năm tới, Hà Tĩnh có các mục tiêu kinh tế, xã hội, môi trường như sau:

#### 1.2.4.1 *Mục tiêu Kinh tế*

1. Đạt tăng trưởng GDP ở mức 15,8% một năm trong giai đoạn 2010–2015 và 21,1% trong giai đoạn 2015–2020, tăng trưởng GDP trung bình trong suốt giai đoạn 2010–2020 là 18,4%. Tổng GDP đạt 44 nghìn tỷ đồng năm 2015 và 154 nghìn tỷ đồng năm 2020 (GDP năm 2010 là 16 nghìn tỷ đồng).
2. Tiếp tục đa dạng hóa nền kinh tế bằng cách tăng cường tập trung vào công nghiệp, đặc biệt là khai khoáng, sản xuất kim loại và chế biến kim loại tạo giá trị gia tăng. Đồng thời, tập trung vào nâng cao năng suất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Cơ cấu GDP của nền kinh tế sẽ đạt: nông nghiệp 23,9%, công nghiệp 45,8% và dịch vụ 30,3% tính đến năm 2015; và nông nghiệp 13,1%, công nghiệp 54,7%, dịch vụ 32,2% tính đến năm 2020.
3. GDP bình quân đầu người Hà Tĩnh đạt khoảng 35 triệu đồng/năm 2015 và 97,7 triệu đồng năm 2020
4. Đảm bảo tổng số vốn đầu tư đạt khoảng 227 nghìn tỷ đồng trong giai đoạn 2011–2015, trong đó 38 nghìn tỷ đồng là đầu tư công và 118 nghìn tỷ đồng là của nhà máy thép Formosa, các nhà máy thép khác và của mỏ

sắt Thạch Khê. Trong giai đoạn 2016–2020, Tỉnh sẽ đảm bảo vốn đầu tư đạt 312 nghìn tỷ đồng, trong đó 69 nghìn tỷ đồng là đầu tư công, 123 nghìn tỷ là từ Formosa, các nhà máy thép khác, và mỏ sắt Thạch Khê.

#### 1.2.4.2 Mục tiêu xã hội

1. Chuyển dịch lao động từ các khu vực năng suất thấp như nông nghiệp sang các khu vực có năng suất cao hơn như công nghiệp. Cơ cấu việc làm đến năm 2015: nông nghiệp 49,6%, công nghiệp 25,3% và dịch vụ 25,1% ; cơ cấu tương ứng các ngành đến năm 2020 là: 33,2%, công nghiệp 37,2%, dịch vụ 29,3%; mỗi năm có 4.800 lao động chuyển từ nông nghiệp sang các ngành khác.
2. Đảm bảo đến năm 2015 có ít nhất 50% lao động được qua đào tạo nghề và tỷ lệ này năm 2020 là 70%.
3. Nâng cao năng suất lao động ở mức 9,2% một năm trong nông nghiệp, từ 14 triệu đồng năm 2009 lên 29 triệu đồng năm 2015 và 61 triệu đồng năm 2020 thông qua những nỗ lực không ngừng về đào tạo nông dân, đa dạng hóa sản phẩm và tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân
4. Đảm bảo sự phát triển các cụm ngành trọng điểm theo quy hoạch tổng thể để tạo thêm 24.000 – 28.000 việc làm trong giai đoạn 2010–2020 (gồm 11.500 cho sinh viên cao đẳng đại học tốt nghiệp, 4.500 cho học sinh, sinh viên tốt nghiệp cao đẳng nghề và trung học phổ thông, 2.500 cho học sinh tốt nghiệp THCS, 2.000 cho lao động từ miền Nam trở về, 4.500-5.000 cho lao động xuất khẩu trở về) và trên 21.000 việc làm/năm trong giai đoạn 2016–2020. Đảm bảo luôn sẵn có lao động đã qua đào tạo bằng cách hạn chế tình trạng di cư và có thể thu hút lao động từ các tỉnh khác và các nước láng giềng
5. Đạt tốc độ gia tăng dân số 2,5% trong giai đoạn 2010 đến 2020 thông qua việc cải thiện hệ thống y tế và gia tăng nhập cư thực, nhằm đáp ứng nhu cầu lao động trong tỉnh. Tính đến năm 2015, mục tiêu quy mô dân số là 1,37 triệu người và tính đến năm 2020 là 1,57–1,60 triệu người
6. Giảm tỷ lệ phạm trăm hộ nghèo từ 3–4% một năm đến năm 2020
7. Đạt mục tiêu phổ cập giáo dục phổ thông đến năm 2020 và củng cố hoạt động vững chắc của giáo dục phổ thông trong tỉnh
8. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu về trình độ ngày càng tăng của phát triển kinh tế thông qua việc tổ chức đào tạo ngay trong tỉnh và tài trợ cho hoạt động đào tạo ngoài tỉnh nếu phù hợp
9. Đạt mật độ bác sĩ là 7,4/10.000 dân đến năm 2015 và trên 8,5/10.000 dân đến năm 2020 (năm 2010 là 5,4/10.000), với ít nhất 90% xã phường có bác sĩ.
10. Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em đạt dưới 15% năm 2015 và dưới 13 % năm 2020 (năm 2009 là 19,1%). Mục tiêu này thấp hơn mục tiêu chung cả nước (10% vào năm 2015 – theo chiến dịch gần đây nhất của Việt Nam), tuy nhiên, để đạt được mục tiêu này vẫn cần có cả tăng trưởng kinh tế mạnh trong tỉnh và 1 chương trình mục tiêu được cả tỉnh và chính phủ hỗ trợ.
11. Tính đến năm 2015, tất cả các hộ gia đình thành thị và 95% hộ gia đình nông thôn đều có nguồn nước sạch để sử dụng, trong đó 60% đạt tiêu chuẩn quốc gia là 60l/ngày; và tính đến năm 2020, 100% các hộ gia đình nông thôn có nước sạch để sinh hoạt (năm 2010 là 70%).

12. Tăng tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn lên 75% năm 2015 và 100% năm 2020. Đây lại là 1 thách thức lớn nữa bởi mức hiện tại chỉ là 54% và cần có sự hỗ trợ của ngân sách tỉnh và các tổ chức Phi chính phủ để cung cấp lượng vốn cần thiết gần 1 nghìn tỷ đồng.

#### 1.2.4.3 Mục tiêu môi trường

1. Đến năm 2015 thu gom và xử lý 60% rác thải công nghiệp; đến năm 2020, thu gom và xử lý 100% rác thải công nghiệp, y tế và sinh hoạt thành thị.
2. Tính đến năm 2015, tất cả các khu công nghiệp đều đạt tiêu chuẩn môi trường xử lý rác thải.
3. Tăng cường bảo tồn, cải tạo các khu vực bị ô nhiễm và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên, bảo vệ đa dạng sinh học.
4. Tăng cường giáo dục, đào tạo và nhận thức về bảo vệ môi trường.
5. Củng cố các hệ thống quản lý môi trường trong tỉnh.
6. Tăng độ bao phủ rừng lên 54% vào năm 2015 và 56% vào năm 2020.
7. Giảm đáng kể thiệt hại do bão, lũ và các thiên tai khác nhờ có lập kế hoạch tốt hơn, cơ sở hạ tầng và giám sát tốt hơn.

## 2 Định hướng phát triển cụm ngành trọng điểm

### 2.1 Phát triển cụm ngành Sắt Thép

#### 2.1.1 Tổng quan, lợi thế, thách thức

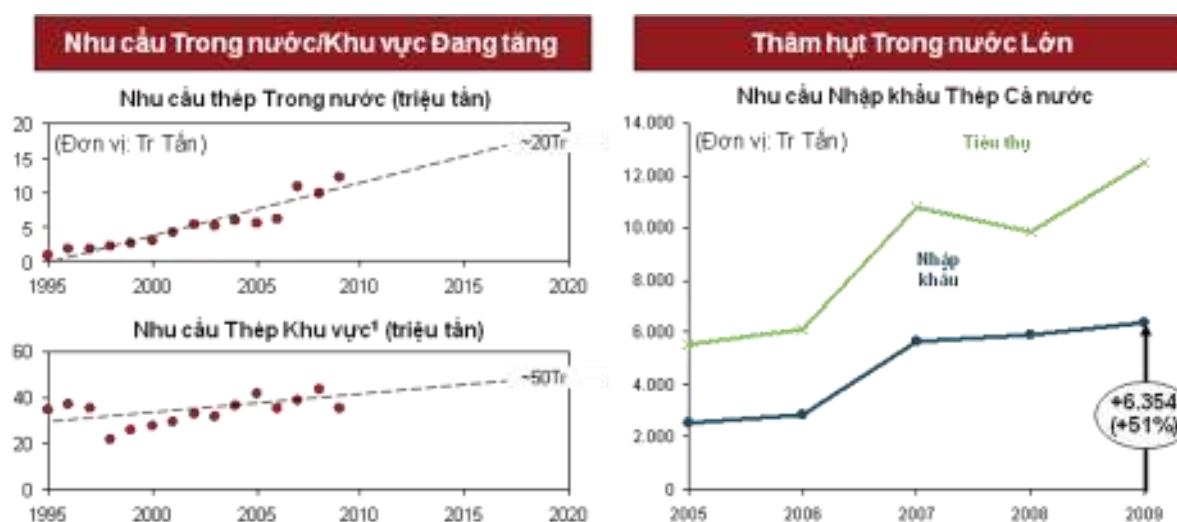
Hà Tĩnh có điều kiện thuận lợi để xây dựng một cụm ngành sắt thép vững mạnh và đáp ứng 1 phần đáng kể nhu cầu sắt thép tại Việt Nam và khu vực. Tuy nhiên, để tận dụng điều kiện thuận lợi đó, tỉnh cần khắc phục được 1 số khó khăn.

Hà Tĩnh có 1 số lợi thế quan trọng để phát triển cụm ngành sắt thép: nhu cầu về thép tại Việt Nam và khu vực ngày càng tăng, nguồn tài nguyên hiện có chưa được khai thác gồm 544 triệu tấn quặng sắt và khoản đầu tư đã cam kết từ Formosa.

#### Nhu cầu thép đang gia tăng

Nhu cầu về thép dự báo sẽ tăng đáng kể trong hai thập kỷ tới tại Việt Nam và khu vực (hình 68). Nhu cầu thép trong nước dự báo sẽ tăng gấp đôi lên 20 triệu tấn vào năm 2020 và khoảng 30-43 triệu tấn vào năm 2030, tùy theo cách ước tính khác nhau. Nhu cầu thép trong khu vực dự kiến sẽ vào khoảng 50 triệu tấn vào năm 2020, trong đó chỉ có 1 triệu hiện có kế hoạch xuất khẩu từ Việt Nam. Đồng thời, nguồn cung thép trong nước cũng đang thâm hụt lớn. Do tình trạng thiếu cung hiện tại về sản phẩm thép, Việt Nam phải nhập khẩu để đáp ứng hơn 50% nhu cầu từ các nước như Hàn Quốc hay Nhật Bản. Sự thiếu hụt nguồn cung xảy ra chủ yếu với các sản phẩm qua chế biến, có giá trị cao (như thép tấm dày, thép tấm cán nóng).

**Hình 68: Biến động Cung – Cầu Thép của Việt Nam**



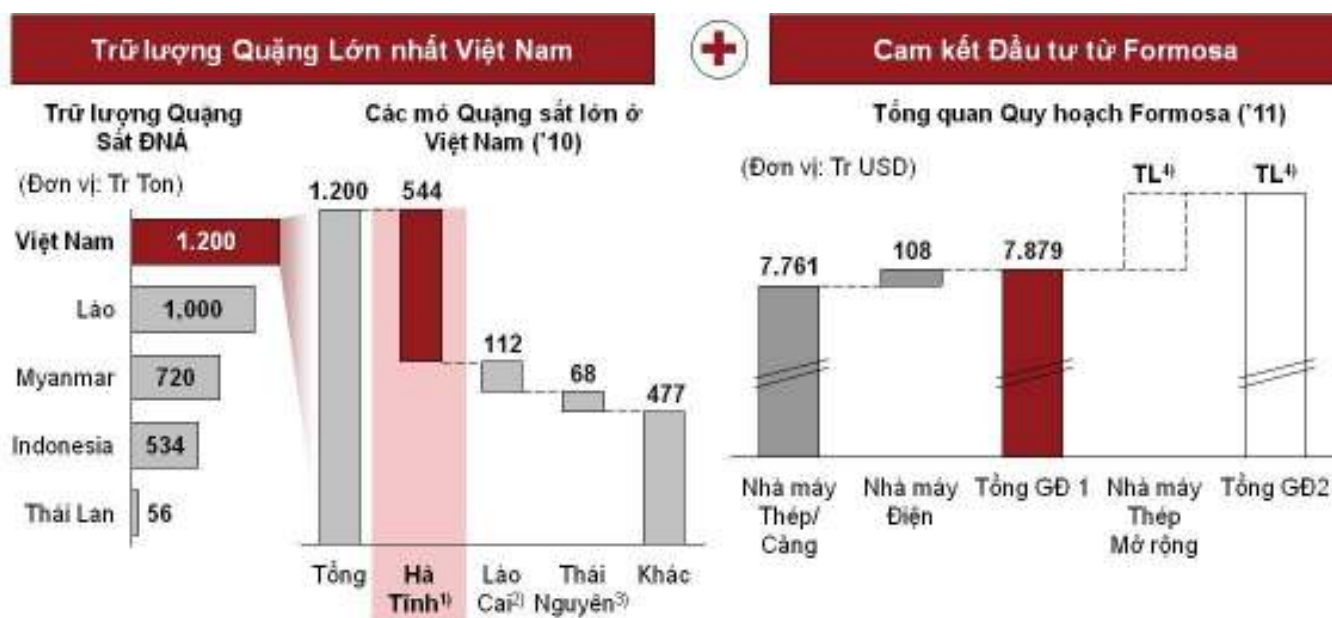
Lưu ý: <sup>1</sup> Các nước trong khu vực gồm Indonesia, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore, Thái Lan

Nguồn: Hiệp hội Thép Thế giới

## Trữ lượng quặng sắt lớn nhất Đông Nam Á và đầu tư cam kết từ Formosa

Hà Tĩnh có trữ lượng quặng sắt lớn nhất Đông Nam Á (hình 69) mà chưa được khai thác. Tỉnh chiếm gần 50% trữ lượng quặng sắt quốc gia, có thể cung cấp 10 triệu tấn quặng sắt/năm cho ngành công nghiệp thép địa phương trong ít nhất là 30-40 năm. Ngoài ra, tỉnh còn có cam kết đầu tư từ Tập đoàn Thép Formosa Hà Tĩnh. Việc xây dựng giai đoạn I dự án đầu tư này (gồm một nhà máy thép 7,5 triệu tấn, cảng tại Sơn Dương phục vụ nhà máy và nhà máy nhiệt điện 900 MW) đã bắt đầu triển khai. Đồng thời, 1 nhà máy thép nhỏ hơn thuộc Công ty Cổ phần Gang thép Hà Tĩnh cũng được khởi công. Do ý nghĩa kinh tế cả ở cấp tỉnh và cấp quốc gia, Hà Tĩnh cần đề xuất đưa mỏ sắt Thạch Khê vào danh mục dự án trọng điểm quốc gia.

**Hình 69: Tiềm năng sắt của Hà Tĩnh và cam kết đầu tư**



Lưu ý: 1) Căn cứ vào trữ lượng ở Thạch Khê 2) Căn cứ vào trữ lượng ở Quý Xa 3) Trên cơ sở dự trữ trong Trại Cau và Tiên Bộ 4) TL = Tương lai - Kế hoạch mở rộng cho giai đoạn 2 vẫn chưa quyết định

Nguồn: Việt Nam news, Bộ Tài nguyên và Môi trường

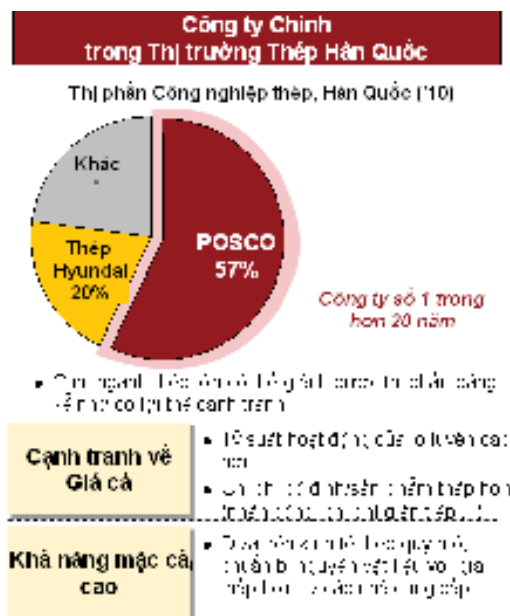
Nhờ đó, Hà Tĩnh có thể xây dựng một cụm ngành sắt thép quy mô, giúp tỉnh có lợi thế là địa phương đi tiên phong, có năng suất và khả năng cạnh tranh chi phí cao hơn, cùng khả năng chiếm 45-50% thị trường Việt Nam (Hình 70).

Viễn cảnh trên cũng tương tự các cụm ngành thép hàng đầu khác trong khu vực. Ví dụ, tại Hàn Quốc, Posco nắm thị phần chi phối 57%, chủ yếu nhờ lợi thế từ việc xây dựng một cụm ngành thép lớn và có khả năng chi phối thị trường tại tỉnh Gwangyong, sản xuất khoảng 18 triệu tấn thép hàng năm.

Từ đây, Posco tiếp tục được hưởng lợi từ khả năng cạnh tranh về chi phí cũng như khả năng thương lượng giá cao hơn trên thị trường. Đây chính là những lợi thế giúp Posco duy trì vị thế hàng đầu ngành thép trong suốt 20 năm qua

Tuy nhiên, tỉnh phải đối mặt với ít nhất là 7 thách thức. Nếu không được giải quyết, những thách thức này có thể trở thành rào cản đáng kể với sự phát triển thành công của cụm ngành. Các thách thức gồm:

## Công nghệ khai thác và sử dụng quặng sắt Thạch Khê



Quặng sắt Thạch Khê có hàm lượng kẽm 0,07%, gây phát thải khí độc hại và gây ăn mòn thiết bị trong quá trình sản xuất thép, và do đó đòi hỏi công nghệ đặc biệt xử lý nấu chảy. Chỉ một số ít công ty thép trên toàn cầu có công nghệ này. Formosa sẽ không sử dụng quặng sắt Thạch Khê mà nhập khẩu quặng qua cảng để đáp ứng nhu cầu sản xuất. Điều này có nghĩa là nếu Hà Tĩnh không thể thu hút được 1 công ty đủ năng lực xử lý làm chủ đầu tư hoặc đối tác trong các nhà máy thép và cam kết sử dụng quặng sắt từ mỏ, việc khai thác quặng Thạch Khê sẽ rất rủi ro. Ngoài ra, do nằm gần biển, khu vực mỏ có mức nhiễm mặn cao, làm cho việc khai thác thêm khó khăn. Ngoài ra, nền đất tại đây mềm và nhiều cát, do đó khó ổn định. Điều này làm tăng thêm rủi ro và chi phí khai thác do mỏ phải liên tục kiểm tra để đảm bảo vách hầm lò và giếng lò không sụp và có thể khai thác. Một lượng quặng khá lớn (32%, ~ 170 triệu tấn) nằm ở độ sâu dưới 550m trong lòng đất. Với công nghệ hiện tại, khai thác quặng ở quá sâu sẽ làm giảm đáng kể lợi nhuận. Việc có được hay

không công nghệ khai thác quặng dưới sâu trong tương lai sẽ tác động lớn tới thời gian và chi phí khai mỏ.

### Các vấn đề đang diễn ra với Công ty điều hành mỏ sắt hiện tại

Đơn vị điều hành mỏ hiện tại là Công ty Cổ phần Thạch Khê đang gặp những vấn đề lớn, cả về các cam kết vốn và năng lực kỹ thuật. Nếu không được giải quyết nhanh chóng, những vấn đề này sẽ đe dọa thành công của việc khai thác quặng.

### Biến động cung cầu thép

Nhu cầu thép có thể giảm trong trường hợp xảy ra suy thoái kinh tế khu vực, dẫn đến sụt giảm nhu cầu từ các ngành công nghiệp tiêu thụ thép. Hơn nữa, các địa phương khác của Việt Nam và các nước trong khu vực cũng đang gia tăng năng lực sản xuất thép. Nếu kế hoạch quốc gia không phù hợp với dự báo nhu cầu, tình trạng trên có thể dẫn đến thừa cung và ảnh hưởng tới giá cả cũng như lợi nhuận từ hoạt động khai thác mỏ và sản xuất thép ở Hà Tĩnh.

### Mức độ sẵn có của lực lượng lao động có tay nghề

Lực lượng lao động của Hà Tĩnh được đào tạo tốt ở bậc trung học cơ sở, song số lượng lao động được đào tạo kỹ thuật (ví dụ kỹ thuật viên, kỹ sư) lại hạn chế. Năng lực của trường đại học Hà Tĩnh hiện tại và các cơ sở dạy nghề tương đối khiêm tốn về giáo dục, đào tạo chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực này. Đây sẽ là một thách thức cần giải quyết khi nhu cầu về lao động có tay nghề cao tăng lên.

### Thiếu các ngành liên quan và phụ trợ

Để các cụm ngành hoạt động thành công, tỉnh không những phải bảo đảm đầu tư cho mỏ và nhà máy thép mà còn cần có các ngành công nghiệp phụ trợ và dịch vụ hỗ trợ (Ví dụ: khảo sát, khoan, dịch vụ giao thông vận tải, cung cấp hóa chất, sản xuất than cốc, cung cấp oxy, tái chế phế liệu kim loại). Hiện các ngành công nghiệp liên

quan và phụ trợ của Hà Tĩnh còn hạn chế. Hà Tĩnh cũng không có ngành công nghiệp chế biến để sử dụng các thành phẩm từ thép.

### **Thách thức từ khí hậu và môi trường**

Hà Tĩnh thường xuyên bị bão và lũ lụt. Ngoài ra, do nằm gần biển, việc khai thác mỏ Thạch Khê lộ thiên có thể dẫn đến khả năng mỏ bị lụt nếu không có biện pháp phòng ngừa thích hợp. Hơn nữa, khu mỏ, nhà máy thép và nhà máy nhiệt điện khi cùng nhau vận hành sẽ gây ra tác động tiêu cực đến môi trường, như phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính, nước thải, xỉ, bùn và bụi và đất đá thải và thiệt hại tiềm tàng về địa hình do bóc xóc mỏ. Tất cả các yếu tố nói trên cần được chủ động quản lý.

### **Rủi ro do sự chậm trễ và thủ tục hành chính**

Cả dự án khai thác mỏ, và dự án nhà máy thép thứ hai sử dụng quặng từ mỏ, đều có thể gặp rủi ro do sự chậm trễ về hành chính và thủ tục. Với mỏ Thạch Khê, tỉnh cần tái cấu trúc và tái cấp vốn cho Công ty cổ phần một cách sớm nhất, đồng thời đưa vào một đối tác có công nghệ phù hợp. Ngoài ra, quá trình đàm phán cấp phép và về các vấn đề liên quan, như giải phóng mặt bằng, đã được tiến hành khá lâu với một nhà đầu tư nước ngoài về nhà máy thép sử dụng quặng từ mỏ Thạch Khê. Bản thân 2 dự án trên có sẽ gặp rủi ro nếu không tìm được giải pháp 2 bên cùng có lợi. Điều này gây ấn tượng xấu với các nhà đầu tư tiềm năng khác trên địa bàn tỉnh, qua đó dẫn tới nguy cơ cho sự phát triển chung của Hà Tĩnh.

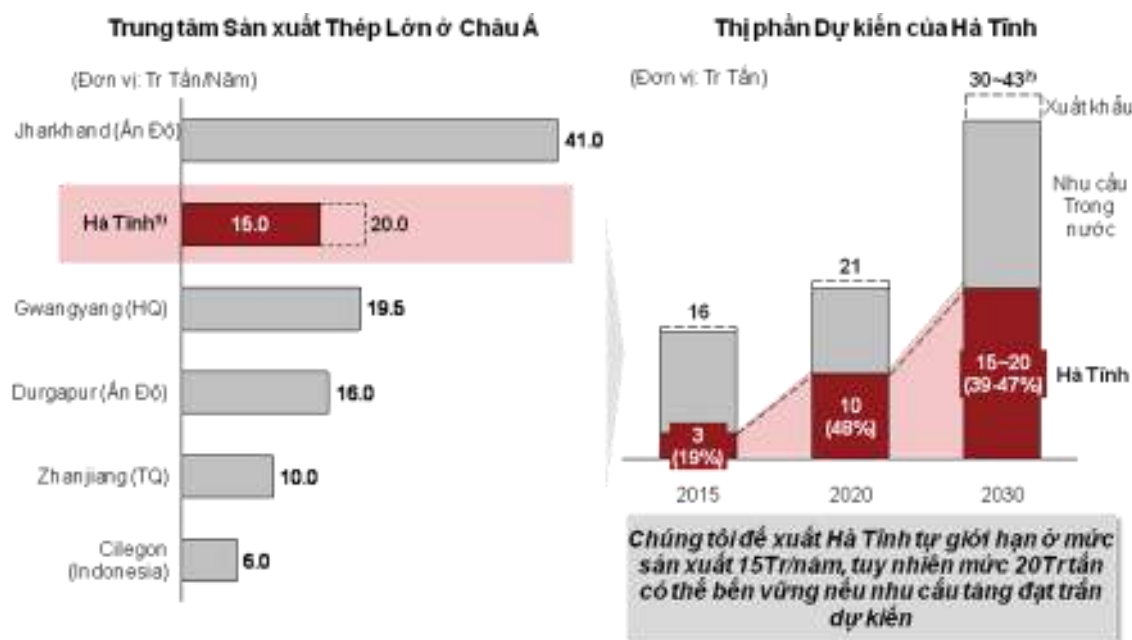
Định hướng và quy hoạch chi tiết cho sự phát triển của cụm ngành này cần xem xét không chỉ các lợi thế quan trọng mà còn cả những thách thức đề cập ở trên.

#### **2.1.2 Định hướng phát triển:**

##### **2.1.2.1 Định hướng chung và tầm nhìn**

Hà Tĩnh có tiềm năng phát triển cụm ngành sắt – thép lớn của thế giới, có thể là lớn nhất Đông Nam Á. Với công suất vận hành vào năm 2030 là 15-20 triệu tấn, Hà Tĩnh sẽ trở thành 1 trong những khu sản xuất thép lớn nhất trong khu vực, thậm chí là trên thế giới (Hình 71). Ngoài ra, Hà Tĩnh cũng là địa phương sản xuất sắt – thép dẫn đầu cả nước, chiếm 40-45% tổng sản lượng.



**Hình 71: Hà Tĩnh là địa điểm sản xuất thép lớn**

Lưu ý: 1) Công suất theo quy hoạch năm 2020, 2) Giả định tiêu thụ thép bình quân của Việt Nam (120kg/người, 2009) sẽ đạt mức chung ASEAN (200kg/người) vào năm 2030

Nguồn: KOTRA, Hiệp hội Thép Việt Nam, Hiệp hội Thép Hàn Quốc, Hiệp hội Thép Quốc tế, Phân tích của Monitor

Cụm ngành này sẽ là một trong các động lực tăng trưởng chính của Hà Tĩnh trong hai thập kỷ tới, giúp giải quyết tình trạng thâm hụt quốc gia về thép; mở đường phát triển các công nghiệp chế biến quan trọng sản xuất các sản phẩm từ thép trong tương lai; giúp tỉnh được nhìn nhận là trung tâm của cả nước về khai thác mỏ và luyện kim, nắm bắt được các giá trị và kiến thức. Ở cấp độ quốc gia, cụm ngành này cũng có tầm quan trọng chiến lược vì đây sẽ là một lĩnh vực mà Việt Nam có thể đi đầu trong khu vực. Ngoài ra, đây còn là ví dụ minh họa sống động cho sự hợp tác thành công giữa các nhà đầu tư Việt Nam và nước ngoài trong một dự án đầu tư quy mô lớn.

Quá trình phát triển cụm này gồm 3 giai đoạn (Hình 72):

### **Đặt cơ sở cho tăng trưởng (2011-15)**

Trong giai đoạn này, Hà Tĩnh sẽ đặt nền tảng cho phát triển cụm ngành sắt và thép và bắt đầu sản xuất sắt thép. Tỉnh sẽ xây dựng sẵn sàng các cơ sở hạ tầng cụ thể như cảng, hạ tầng giao thông vận tải, nhà máy điện. Tỉnh cũng sẽ có các chương trình giáo dục và đào tạo cụ thể để đào tạo đội ngũ lao động phục vụ cụm ngành. Đến cuối giai đoạn này, nhà máy thép Formosa (giai đoạn I) sẽ đi vào hoạt động, đồng thời nhà máy thép thứ 2 (Công ty Cổ phần Gang thép Hà Tĩnh vận hành - sử dụng quặng từ huyện Vũ Quang và (các) nhà máy thép khác (sử dụng quặng Thạch Khê) sẽ được khởi công xây dựng. Mặc dù về lý thuyết có thể bắt đầu khai thác vào năm 2014, mỏ Thạch Khê nhiều khả năng không thể hoạt động trước khi các nhà máy thép sử dụng quặng Thạch Khê được vận hành. Để đưa mỏ vào khai thác sớm hơn, Chính phủ cần cho phép bán quặng ra ngoài tỉnh, đồng thời khách hàng ngoài tỉnh Hà Tĩnh cũng cần có nhu cầu mua. Hàm lượng tạp chất trong quặng yêu cầu có thiết bị chuyên dụng để xử lý, do đó các công ty bên ngoài có thể không muốn đầu tư nếu chỉ để xử lý lượng quặng

nhỏ. Các kế hoạch của Hà Tĩnh đã xác định rõ ràng hầu hết quặng sẽ được xử lý trong tỉnh, do đó việc bán quặng ra ngoài sẽ rất khó khăn.

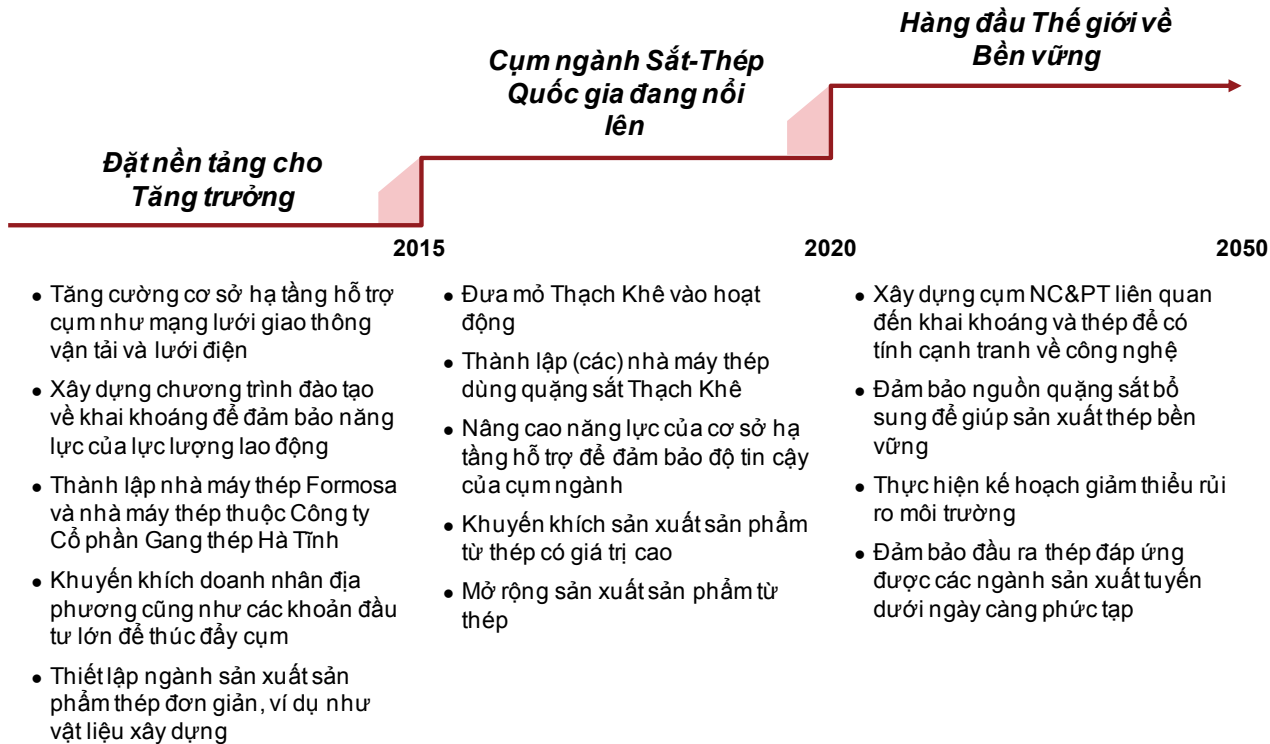
Tỉnh cũng sẽ khuyến khích các doanh nhân và doanh nghiệp địa phương xây dựng công nghiệp phụ trợ phục vụ nhu cầu mỏ và nhà máy thép. Khi các nhà máy thép đi vào hoạt động, tỉnh sẽ khuyến khích các nhà đầu tư trong sản xuất sản phẩm chế biến từ thép, bắt đầu từ sản phẩm đơn giản như vật liệu xây dựng.

### **Cụm ngành Sắt – Thép quốc gia mới nổi (2016-20)**

Trong giai đoạn này, mỏ Thạch Khê đi vào hoạt động. Sản xuất quặng và thép sẽ tăng lên khi nhà máy thép thứ 3 (có thể là cả nhà máy thứ 4) bắt đầu cho sản phẩm. Hà Tĩnh sẽ thiết lập được một cụm ngành sắt – thép quy mô quốc gia và có điều kiện để đi đầu cả nước. Cũng trong giai đoạn này, năng lực các ngành công nghiệp phụ trợ cũng được nâng lên. Về cụm ngành chế biến (được trình bày chi tiết trong 1 phần riêng về cụm ngành sản phẩm chế biến từ thép), Hà Tĩnh thu hút được đầu tư vào sản xuất các sản phẩm từ thép có giá trị gia tăng cao hơn. Điều này giúp tăng lượng thép sử dụng trong tỉnh, qua đó tăng lượng giá trị tỉnh thu được. Khi phát triển cụm ngành này, Hà Tĩnh cần chủ động giảm thiểu các rủi ro môi trường thông qua những biện pháp phù hợp (Vd, xử lý nước, kiểm soát ô nhiễm).

### **Cụm ngành bền vững đẳng cấp thế giới (2021-50)**

Trong giai đoạn tăng trưởng trình độ cao này, Hà Tĩnh sẽ trở thành địa phương đi đầu khu vực về sản xuất thép. Tỉnh thiết lập được các cơ sở NC&PT liên quan đến khai thác mỏ và thép. Tỉnh cũng tập trung vào tăng trưởng bền vững – chủ động quản lý những tác động môi trường trung và dài hạn (Vd cảnh quan khu vực khai thác của mỏ, xử lý nước thải), và đảm bảo nguồn cung quặng sắt khi mỏ Thạch Khê đã khai thác hết. Cụm ngành chế biến sẽ phát triển phức tạp hơn, tập trung vào sản phẩm giá trị cao hơn, như máy móc, cấu kiện ô tô, đóng tàu, đồ gia dụng.

**Hình 72: Mục tiêu của Hà Tĩnh cho 2015, 2020 và tầm nhìn 2050**

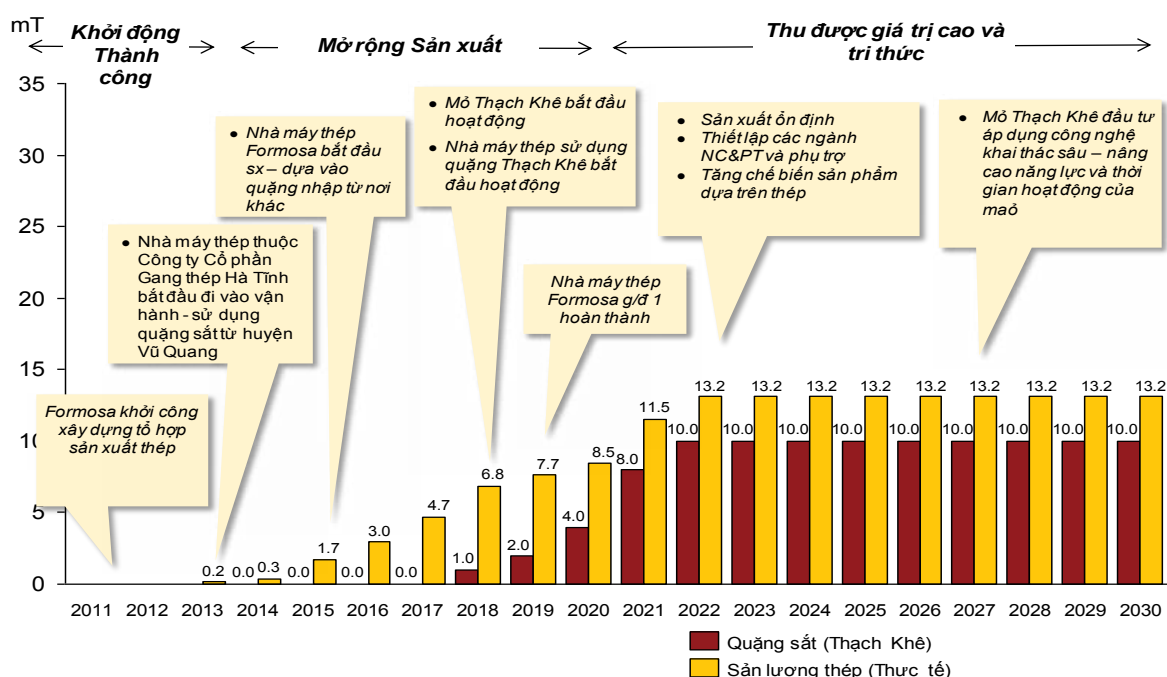
Phân tích của Monitor

### 2.1.2.2 Chiến lược và kế hoạch cụ thể phát triển cụm ngành

Sản xuất sắt – thép của Hà Tĩnh sẽ tăng trưởng 1 cách có hệ thống, đạt 4triệu tấn quặng sắt và 8,5triệu tấn thép vào năm 2020. Đến 2022, mức sản xuất sẽ ổn định ở 10 triệu tấn quặng và 13,2 triệu tấn thép (Hình 73). Theo Monitor, mặc dù công suất có thể cấp phép là gần 20 triệu tấn, Hà Tĩnh nên tự giới hạn tối đa là 15 triệu tấn/năm cho đến năm 2030 nhằm sẵn sàng ứng phó với các biến động cung cầu trong nước và khu vực. Tỉnh có thể xem xét lại những thay đổi trong 10 năm tới ngay từ bây giờ và điều chỉnh con số này lên gần với 20 triệu tấn nếu cần thiết – nhu cầu tăng trưởng mạnh và cao hơn dự kiến hiện tại trong khi nguồn cung không tăng tương ứng.

Để đạt được mục tiêu đặt ra năm 2020, Hà Tĩnh cần đạt được một số mốc quan trọng trong 10 năm tới liên quan đến mỏ Thạch Khê và nhà máy thép đã quy hoạch:

- Nhà máy thép Formosa giai đoạn I sẽ bắt đầu sản xuất vào năm 2015.
- Mỏ Thạch Khê và (các) nhà máy thép thứ hai sử dụng quặng của mỏ cũng bắt đầu hoạt động ở mức độ nhất định vào năm 2018.
- Công suất mỏ và nhà máy thép sẽ tiếp tục tăng. Đến năm 2020, Formosa giai đoạn I sẽ hoàn thành với công suất 7,5 triệu tấn thép/năm. Nhà máy thép còn lại sẽ có công suất khoảng 2,5triệu tấn/năm. Cả 2 nhà máy này sẽ sản xuất 8,5 triệu tấn thép. Tới giai đoạn này, mỏ Thạch Khê sẽ sản xuất 4triệu tấn/năm.

**Hình 73: Sản xuất Quặng sắt và Thép ở Hà Tĩnh (2010 – 2030)**

Lưu ý: Dự báo sản lượng tối đa nên cấp phép ở Hà Tĩnh trong 20 năm tới là 15 triệu tấn/năm

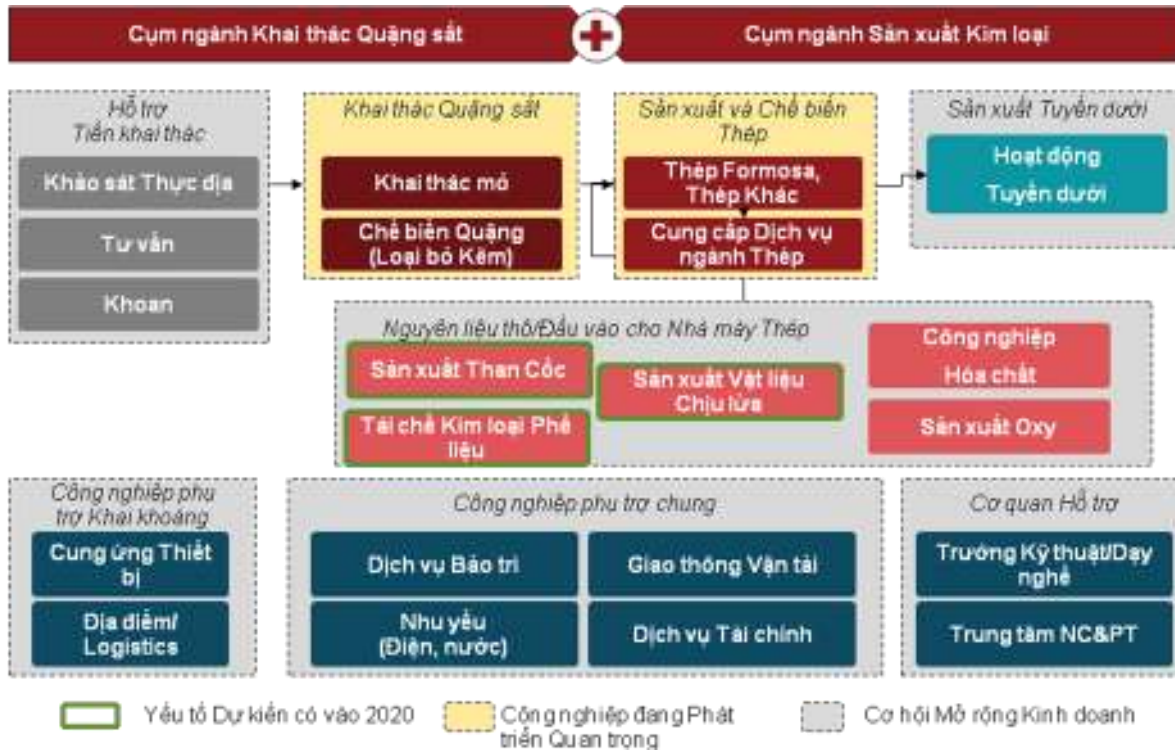
Nguồn: Phòng vấn Sơ KHĐT, Formosa, Ban quản lý KKT Vũng Áng; Phân tích của Monitor

Ngoài ra, Hà Tĩnh còn thúc đẩy việc xây dựng các ngành công nghiệp và cơ sở hạ tầng liên quan và phụ trợ để phát triển toàn diện một cụm ngành đẳng cấp thế giới:

- Tổ hợp cảng ở KKT Vũng Áng với trang thiết bị xử lý hàng hóa công kênh (gồm quặng sắt nhập khẩu, than để luyện cốc).
- Nhà máy điện ở KKT Vũng Áng:
  - 2 nhà máy điện x 1.200 MW tại Vũng Áng để phục vụ thị trường trong nước
  - 1 nhà máy điện x 900 MW (giai đoạn I) của Formosa để phục vụ nhà máy thép.
- Hạ tầng vận tải từ mỏ đến nhà máy thép:
  - Nâng cấp Quốc lộ 1A.
  - Hoàn thành Đường ven biển nối Thạch Khê và Vũng Áng.
  - Đường ống vận chuyển quặng khi mỏ được vận hành đầy đủ sau năm 2020.
- Nhà máy nước Vũng Áng, với tổng công suất nước công nghiệp đạt 1 triệu m<sup>3</sup>/ngày/đêm.
- Xử lý rác với bãi chôn lấp và kho chứa tạm thời kim loại phế thải và nhà máy xử lý rác độc hại ở Kỳ Anh, nhà máy tái chế phế thải tại Vũng Áng.
- Nhà máy than cốc tại Vũng Áng.
- Nhà máy sản xuất vật liệu chịu lửa ở Vũng Áng công suất 10.000 tấn.

- Nhà cung cấp dịch vụ thép ở Vũng Áng và Kỳ Anh, có kho chứa và thực hiện chế biến đơn giản cho công ty chế biến thép, tổng công suất 770.000 tấn.
- Cơ sở dịch vụ bảo dưỡng và kỹ thuật tại Vũng Áng và Kỳ Anh, diện tích 3,5 ha.

**Hình 74: Cụm ngành Sắt - Thép**



Nguồn: Phân tích của Monitor

Cụm ngành thép Gwangyang tại Hàn Quốc (Hình 75) là một ví dụ tốt để Hà Tĩnh học tập trong thời gian tới. Được thành lập đầu năm 1987, cụm ngành này có Posco làm chủ đầu tư chủ chốt và có vai trò động lực. Hiện cụm chiếm 1/3 sản lượng thép thô tại Hàn Quốc, sản xuất 19,5 triệu tấn trong năm 2010. Đây là cụm ngành lớn nhất trong khu vực cả về giá trị kinh tế (25% tổng giá trị) và việc làm (11% tổng việc làm). Ba yếu tố thành công quan trọng của Gwangyang, tất cả đều phù hợp với Hà Tĩnh, là (a) đảm bảo có 1 nhà đầu tư chủ chốt, nhờ đó thúc đẩy các công ty khác cũng đầu tư theo, (b) đầu tư vào cơ sở hạ tầng hỗ trợ (cảng, đường sắt, điện) và (c) dần xây dựng cụm ngành sản xuất sản phẩm từ thép chế biến, gồm các sản phẩm có giá trị cao hơn như ô tô, đóng tàu ..., giúp tạo nhu cầu ổn định cho nguồn thép được sản xuất.

**Hình 75: Ví dụ về Cụm ngành thép tỉnh Gwangyang – Hàn Quốc**

Nguồn: Báo cáo thường niên POSCO, Viện Kinh tế Công nghiệp và Công nghệ Hàn Quốc, Phân tích của Monitor

So với Gwangyang, Hà Tĩnh thậm chí còn có thêm một lợi thế là về các nguyên vật liệu cơ bản: quặng sắt có ở ngay gần nhà máy thép giúp đáp ứng ít nhất là một phần công suất thép.

Để phát triển cụm ngành này, tỉnh cũng cần giải quyết chủ động 1 số vấn đề môi trường quan trọng. Một số vấn đề môi trường sẽ phát sinh từ nhà máy thép, nhà máy điện và mỏ Thạch Khê như phát thải khí CO<sub>2</sub> và khí nhà kính (khí thải từ nhà máy thép sẽ tương đương từ 6 triệu chiếc xe), nước thải, chất thải rắn, bụi và tác động từ điều kiện thời tiết khắc nghiệt Hà Tĩnh cùng các mối đe dọa lâu dài về nước biển dâng do biến đổi khí hậu.

Tỉnh cần đảm bảo các nhà đầu tư lớn chủ động xem xét vấn đề này và có cơ chế giảm thiểu phù hợp ngay trong kế hoạch ban đầu của mình. Các nhà đầu tư phải xem xét 1 số phương án cụ thể như sau:

#### Nhà máy Thép:

- Công nghệ thu trữ CO<sub>2</sub> thông qua cacbonat hóa xi và dùng táo quang hợp.
- Nhà máy xử lý và tái chế để tối đa hóa việc tái sử dụng nước thải.
- Liên tục cải tiến quy trình để giảm thiểu sử dụng nước.
- Thiết bị thu bụi hiệu suất cao.
- Công nghệ và quy trình tái chế để tái sử dụng xỉ và bùn làm nguyên liệu xi măng.
- Hệ thống đê điều tại Vũng Áng để ngăn chặn tác động tiềm tàng của lũ lụt.

**Mỏ Thạch Khê:**

- Thiết kế hạ tầng sao cho bảo đảm ngăn ngừa bụi bằng cách phun nước và chắn gió cho khu khai thác.
- Kiểm soát bụi bằng cách phun nước các tuyến đường vận chuyển dọc đường ven biển hoặc Quốc lộ 1A và trồng cây giúp hấp thụ bụi và khí từ mỏ; sau đó sẽ xây dựng hệ thống vận tải dành riêng cho kết nối từ mỏ đến nhà máy.
- Nhà máy xử lý nước và quy trình đủ mạnh để đối phó với các sự cố tràn.
- Thiết kế mỏ với độ dốc hợp lý, giảm thiểu tràn nước biển vào mỏ; thiết kế có độ cong và dốc nhẹ, bề mặt gồm nhiều lớp để ngăn ngừa và làm chậm nước chảy.
- Trang bị hệ thống bơm lũ để ổn định mực nước biển gần bờ biển.
- Xem xét khả năng xây dựng hệ thống đê biển để ngăn chặn lũ lụt.
- Có kế hoạch dự phòng chống úng lụt mỏ.
- Kế hoạch và cơ sở hạ tầng quản lý chất thải của công ty vận hành được hoàn thành trước khi bắt đầu khai thác mỏ.
- Quy hoạch cảnh quan để phục hồi khu vực mỏ sau khai thác.

**Nhà máy Điện:**

- Công nghệ đốt trước để giảm CO<sub>2</sub>.
- Áp dụng công nghệ thu trữ Carbon với khí CO<sub>2</sub>.
- Hồ hoặc tháp làm mát nước trước khi thải ra biển, tái sử dụng nhiệt hấp thụ cho các quy trình công nghiệp khác.
- Cơ chế thu giữ tro bụi bay ở ống khói nhằm giảm ô nhiễm bụi.
- Công nghệ và quy trình tái chế để tái sử dụng chất thải rắn làm phụ gia xi măng.

Ngoài ra, chính quyền tỉnh sẽ yêu cầu các dự án lớn theo dõi và hàng năm báo cáo về công tác môi trường của mình, gồm báo cáo về phát thải khí nhà kính, sử dụng nước và nước thải, phát sinh chất thải rắn, chất độc và thải rác cũng như ô nhiễm bụi. Chính quyền tỉnh cũng sẽ khuyến khích các công ty giảm thiểu ô nhiễm, có thể là qua các dự án CDM để giúp giảm phát thải từ cụm ngành này. Việc bán chứng chỉ giảm phát thải được chứng nhận (CER) qua các dự án sẽ mang lại thêm nguồn thu cho tỉnh. Chính quyền tỉnh Hà Tĩnh cũng sẽ có các động lực như giảm thuế để khuyến khích các công ty đẩy mạnh hoạt động NC&PT tìm ra công nghệ sạch mới. Cách tiếp cận tổng hợp như trên sẽ giúp giảm thiểu tác động từ cụm ngành này.

**Hình 76: Tổng quan rủi ro môi trường chính và biện pháp giảm thiểu**

| Khả năng gây ô nhiễm nghiêm trọng với công suất 20tr tấn/năm |  | Cần đưa các cơ chế giảm tác động vào thiết kế nhà máy  |                           |  |   |
|--|--|--|---------------------------|--|---|
|  | Tổng Sản lượng Hàng năm <sup>1)</sup>                          | Hoạt động Tài chế/Tái SD cần thiết   |                           | Tổng Sản lượng Hàng năm <sup>1)</sup>              | Hoạt động Tài chế/Tái SD cần thiết  |
| Phát thải CO <sub>2</sub>                                    | 47 Tr tấn (tương đương phát thải từ 6 Tr ô tô/năm)             | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thu CO<sub>2</sub> qua carbonat hóa xi và dùng tảo để quang hợp</li> </ul>                          | Phát thải CO <sub>2</sub> | 19 Tr Tấn  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Giảm CO<sub>2</sub> qua tiền đốt</li> <li>Thu giữ CO<sub>2</sub> qua công nghệ Thu Trữ Carbon</li> </ul> |
| Nước thải  | 33 Tr m <sup>3</sup> (tương đương nước thải của 11 Tr con lợn) | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tối đa hóa tái sử dụng nước thải</li> <li>Giảm thiểu sử dụng nước nhờ cải tiến quy trình</li> </ul> | Nước làm mát              | 50 Tr m <sup>3</sup> nước nóng (gây ô nhiễm nhiệt) | <ul style="list-style-type: none"> <li>Dùng ao/tháp mát để làm mát nước</li> <li>Tận dụng nhiệt cho các quá trình công nghiệp</li> </ul>        |
| Bùn, xỉ, Bụi   | 1,3 Tr tấn (Tương đương rác thải của 3 Tr người/năm)           | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nâng cao hiệu quả thiết bị thu bụi</li> <li>Tái chế là vật liệu xi măng</li> </ul>                  | Bùn, xỉ, bụi              | 1,6 Tr Tấn tro xỉ                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thu xỉ bay ở ống khói</li> <li>Tái chế làm vật liệu lọc bê tông</li> </ul>                               |

| Rủi ro Chính về Môi trường   | Biện pháp Giảm thiểu   |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Gây ô nhiễm do xử lý/vận tải nguyên liệu thô</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Ngăn phát thải bụi bằng cách phun nước và chắn gió khu sản xuất</li> <li>Ngăn bụi bằng cách phun nước tuyến đường vận chuyển ven biển hoặc trên QL 1A, trồng cây giúp hấp thụ bụi và khí từ mỏ; XD 1 tuyến vận tải dành riêng từ mỏ đến nhà máy</li> </ul>                      |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Ô nhiễm nước do kênh nước xử lý, thoát nước hầm lò, nước thải, vv nhiễm vào nguồn nước</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Giám sát việc xử lý nước và đảm bảo có quy trình thích hợp giải quyết việc tràn nước</li> <li>Có kế hoạch dự phòng khi lụt mỏ</li> </ul>  |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Mỏ hay cơ sở hạ tầng liên quan bị phá hủy do nước biển dâng</li> </ul>                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thiết kế mỏ với độ dốc hợp lý, giảm thiểu tràn nước biển vào mỏ (vd Ấn Độ)</li> <li>-Thiết kế độ cong và dốc nhẹ, bề mặt có nhiều lớp để ngăn ngừa và làm chậm nước chảy</li> <li>Trang bị hệ thống bơm lũ để ổn định mực nước biển gần bờ biển (vd New Orleans, Mỹ)</li> </ul> |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Rác thải, vđ đất đá bốc xúc lên</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đảm bảo trước khi có hoạt động, các công ty phải nộp trước và tuân thủ kế hoạch xử lý tất cả rác thải. Các CSHT cũng cần hoàn thành trước khi có hoạt động</li> </ul>   |

Nguồn: Phân tích của Monitor



Hà Tĩnh cũng cần tập trung phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cụm ngành. Theo dự báo, cụm ngành sắt – thép sẽ cần khoảng 82.000 lao động vào năm 2020. Trong số này gồm cả lao động bán lành nghề như kỹ thuật viên thiết bị, thợ kỹ thuật sửa chữa/bảo dưỡng, cán bộ kiểm tra chất lượng, cán bộ hành chính; và vị trí quản lý và lao động tay nghề cao như kỹ sư/kiến trúc sư nhà máy, giám sát vận hành nhà máy thép, nghiên cứu viên về NC&PT vật liệu. Để đáp ứng nhu cầu này, tỉnh cần thực hiện các bước sau:

### **Triển khai chương trình đào tạo về ngành sắt - thép trong các trường dạy nghề**

Trường dạy nghề này sẽ tập trung vào đào tạo lao động bán lành nghề và lao động không cần tay nghề cho các yêu cầu công việc cụ thể. Chương trình này cũng tập trung đáp ứng nhu cầu của cơ sở hạ tầng, các ngành công nghiệp và dịch vụ liên quan và phụ trợ.

### **Thành lập Khoa và Trung tâm công nghệ xuất sắc về khai thác mỏ và luyện kim**

Khoa mới sẽ nằm trong Đại học Hà Tĩnh, tập trung đào tạo các ngành khoa học, kỹ thuật và quản lý liên quan đến cụm ngành cho sinh viên có tiềm năng của Hà Tĩnh và tỉnh khác. Các ngành này gồm kỹ thuật cơ khí và hóa học, địa chất / địa vật lý, địa chất thủy văn / thủy văn, khoa học môi trường và kỹ thuật, khai thác mỏ và luyện kim, an toàn và y tế công nghiệp, khảo sát và cơ khí dân dụng, mua sắm đấu thầu, kinh doanh / thương mại / kế toán, quan hệ cộng đồng / truyền thông, CNTT và quản lý nhân sự.

### **Hợp tác với các nhà đầu tư, các tổ chức trong và ngoài nước có liên quan**

Những quan hệ hợp tác này giúp đảm bảo xây dựng các chương trình chất lượng cao. Tỉnh sẽ hợp tác chặt chẽ với các nhà đầu tư ở mỏ và nhà máy thép để (a) xây dựng chương trình giảng dạy, (b) tài trợ và (c) thực tập và (d) chương trình sắp xếp việc làm. Một số đối tác tiềm năng trong và ngoài nước là trường Đại học Mỏ và Địa chất Hà Nội, các Trường Giáo dục ngành Mỏ Australia và Đại học Mỏ Colorado.

Hình 77 là ví dụ về về Trường Giáo dục ngành Mỏ Australia. Đây là điển hình tốt về cách tiếp cận tổng hợp để xây dựng nguồn nhân lực trong đó có sự phối hợp của cả Chính phủ, trường đại học và doanh nghiệp vì lợi ích chung.

**Hình 77: Ví dụ về giáo dục nghề mở tại Australia****Tổng quan về Trường mỏ Australia (MEA)**


- **Liên doanh giáo dục quốc gia giữa 4 đơn vị đào tạo nghề mỏ lớn (Đại học Curtin, UNSW, UQ, Adelaide)**
  - Bắt đầu năm 2003, là 1 trong những trường đại học hàng đầu thế giới về ngành khai khoáng
  - Chương trình học 2-4 năm chuyên về ngành mỏ cho cả sinh viên trong và ngoài nước
- **MEA nâng cao tính cạnh tranh của nhân lực trong ngành khai khoáng**
  - Cung cấp 250 sinh viên tốt nghiệp/năm, đáp ứng 80% nhu cầu của các đại học thành viên

**Yếu tố Thành công Chủ chốt**

- Hỗ trợ Tốt từ Chính phủ**
  - Vốn nhà nước chủ yếu đến từ Hội đồng Khoáng sản Australia, đáp ứng trên 50% tổng chi phí hoạt động
  - Học bổng cho sinh viên
  - Mời các đơn vị thành viên MEA thực hiện các dự án chung giữa ngành giáo dục và các công ty
- Chương trình học Tổng hợp**
  - Bao trùm tất cả các lĩnh vực giảng dạy liên quan tới khai khoáng nhờ chia sẻ chương trình học giữa các đơn vị thành viên và cho phép sinh viên chuyển đổi giữa đơn vị này
  - Tổ chức các chương trình giảng dạy đa dạng gồm bài giảng của giảng viên, chuyên gia trong ngành, thực hành dựa trên dự án
- Quan hệ tốt với các Công ty**
  - Tạo cơ hội học tại thực địa bằng cách tận dụng các mỏ và chuyên gia của các công ty (trên 100 công ty tham gia trong năm 2008)
  - Có chương trình học bổng cho trên 150 sinh viên MEA để đảm bảo nghề nghiệp

Nguồn: Trường mỏ Australia, Phân tích của Monitor

Cuối cùng, chìa khóa để thành công trong việc khởi động và phát triển cụm ngành là việc giải quyết kịp thời các vấn đề về hành chính và thủ tục đang tồn đọng liên quan đến quyền sở hữu, cấp vốn và hoạt động của mỏ Thạch Khê, cũng như việc đàm phán để cấp phép và giải phóng mặt bằng cho dự án đầu tư nhà máy thép sẽ sử dụng quặng từ mỏ Thạch Khê. Bất kỳ giải pháp nào được lựa chọn cuối cùng cũng phải tính đến các yếu tố sau liên quan đến mỏ và thép sản xuất từ nhà máy:

**Khó khăn trong khai khoáng**

Nguồn tài nguyên quặng có quy mô và chất lượng nói chung (hàm lượng và loại tạp chất) không hấp dẫn với các công ty quốc tế lớn điều hành mỏ và không khả thi cho thị trường xuất khẩu. Các công ty chuyên ngành khai thác mỏ tập trung vào kinh doanh khai khoáng thường chỉ tìm các nguồn quặng đủ chất lượng xuất khẩu vào các thị trường như Trung Quốc. Các nguồn quặng này phải tương đối dễ khai thác và yêu cầu làm giàu ở mức tối thiểu. Mặc dù 1 số nhà khai thác quặng sắt quốc tế quy mô nhỏ có thể quan tâm đến mỏ quặng 500 triệu tấn, các công ty lớn thường chỉ quan tâm đến mỏ từ 1 tỷ tấn trở lên. Hơn nữa, với các thách thức về kỹ thuật khai thác mỏ đã nói, khả năng tạo lợi nhuận lớn chỉ từ khai thác khoáng sản là không cao và khó thu hút sự quan tâm của các công ty chuyên khai thác mỏ quốc tế. Đồng thời, rủi ro về cấu tạo địa chất đòi hỏi 1 đơn vị điều hành giàu kinh nghiệm và có trình độ cao để thực hiện việc khai thác. Đơn vị khai thác mỏ được tái cấp vốn phải có năng lực thực hiện những công việc nói trên một cách an toàn và hiệu quả về chi phí.

## **Độ hấp dẫn với công ty sản xuất thép**

Ngoài ra, nguồn tài nguyên với quy mô như Thạch Khê thừa đủ cung cấp dài hạn cho hoạt động sản xuất thép quy mô lớn. Mặc dù các công ty khai mỏ không quan tâm tới ngành chế biến, các công ty thép lại rất quan tâm tới việc tích hợp theo chiều dọc với tuyến trên. Các nhà sản xuất thép có động lực để kiểm soát các nguồn nguyên liệu tuyến trên để cung cấp ổn định cho nhà máy thép của mình – do giá nguyên liệu thô ngày càng tăng, nhờ đó giúp họ linh hoạt và ổn định hơn về nguồn đầu vào.

## **Rào cản từ hàm lượng kẽm**

Cuối cùng, hàm lượng kẽm trong quặng đòi hỏi nhà máy thép và lò nấu phải trang bị thiết bị và công nghệ đặc biệt. Công nghệ để xử lý các loại khí và ăn mòn do kẽm gây ra không phải là phổ biến. Trong khi một số công ty quốc tế về thiết bị và công nghệ sản xuất thép đã thử nghiệm các giải pháp; vấn đề này vẫn chưa có nhiều công ty giải quyết được. Tỉnh cần ưu tiên bất kỳ đơn vị vận hành nhà máy thép nào có thể cung cấp giải pháp kỹ thuật đáng tin cậy cho vấn đề này.

Do đó, giải pháp lý tưởng là gắn việc khai thác và phát triển nguồn tài nguyên này với công ty vận hành nhà máy thép, còn hoạt động khai thác mỏ gắn liền với một cơ sở sản xuất thép địa phương được thiết kế đặc biệt để xử lý chất lượng quặng sản xuất tại địa phương. Trong trường hợp lý tưởng, một đơn vị điều hành cả khai thác mỏ / sản xuất thép nên được tham gia trong cả nhà máy thép và hoạt động khai thác mỏ như một cổ đông, để đảm bảo rằng các mục tiêu và các ưu đãi của khai thác mỏ và hoạt động nhà máy thép đều giống nhau.

Hà Tĩnh sẽ làm việc với Chính phủ và các nhà đầu tư tiềm năng quan trọng để giải quyết những vấn đề này sớm nhất có thể.

### *2.1.2.3 Lộ trình và yêu cầu đầu tư*

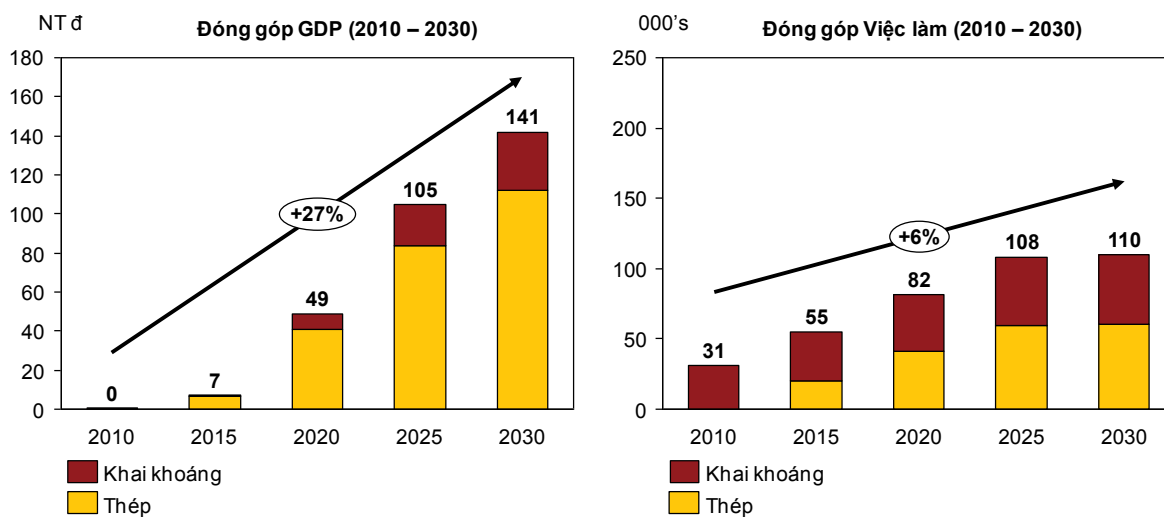
Hà Tĩnh sẽ thực hiện kế hoạch này thông qua một lộ trình có cấu trúc và hệ thống, dựa trên các khoản đầu tư cần thiết cho kế hoạch. Để thực hiện kế hoạch này, tỉnh cần huy động lượng đầu tư cụ thể là 244 nghìn tỷ đồng cho cụm ngành sắt - thép. Con số này chưa tính đầu tư cho cơ sở hạ tầng và các công trình chung cần thiết cho cụm ngành này và các cụm ngành khác (nhà máy điện Vũng Áng, đường giao thông ven biển, đại học Hà Tĩnh và các trường dạy nghề). Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư được trình bày trong các phần tương ứng của báo cáo. Tất cả các khoản đầu tư trực tiếp liên quan đến cụm ngành sắt - thép đều là của nhà đầu tư doanh nghiệp (qua cổ phần hoặc vốn vay). Trong số tiền đầu tư này, Formosa đã cam kết 128 nghìn tỉ đồng.

**Hình 78: Đầu tư cụm ngành Sắt – Thép**

| <i>Hạng mục Đầu tư</i>  | <i>Vốn đầu tư<br/>(Tr đ)</i> | <i>Nguồn</i>       | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
|---|------------------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Nhà máy thép Formosa<br>(Giai đoạn 1)                         | 128.430.000                  | Ngoài<br>ngân sách |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Mỏ Thạch Khê (Giai đoạn<br>1)                                 | 9.883.000                    | Ngoài<br>ngân sách |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nhà máy Thép Khác   | 103.000.000                  | Ngoài<br>ngân sách |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Sản xuất Vật liệu Chịu lửa<br>(Công suất 10.000 tấn)          | 370.000                      | Ngoài<br>ngân sách |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Cơ khí và Dịch vụ Bảo<br>trì(6 Cơ sở)                         | 1.300.000                    | Ngoài<br>ngân sách |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nhà cung cấp Dịch vụ<br>Thép(Công suất 290.000<br>tấn)        | 160.000                      | Ngoài<br>ngân sách |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nhà máy Sản xuất Than<br>cốc (Công suất 390.000<br>tấn)       | 1.280.000                    | Ngoài<br>ngân sách |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nhà máy Tái chế Kim loại<br>Phế thải(Công suất<br>30,000 tấn) | 31.000                       | Ngoài<br>ngân sách |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>TỔNG</b>   | 244.454.000                  |                    |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |

Lưu ý: Dự án đầu tư màu xanh đã có vốn cam kết; đầu tư vào các nhà máy thép khác đã gồm hệ thống đường ống từ Thạch Khê đến Vũng Áng.

Tóm lại, ở mức độ tổng thể, cụm ngành sắt – thép sẽ tạo 49 nghìn tỷ vào năm 2020 và 141 nghìn tỷ đồng vào năm 2030 đóng góp cho GDP. Cụm ngành sẽ tạo 82.000 việc làm vào năm 2020, tăng lên 110.000 việc làm vào năm 2030.

**Hình 79: Cụm ngành Sắt Thép – đóng góp cho kinh tế**

Nguồn: Phân tích của Monitor

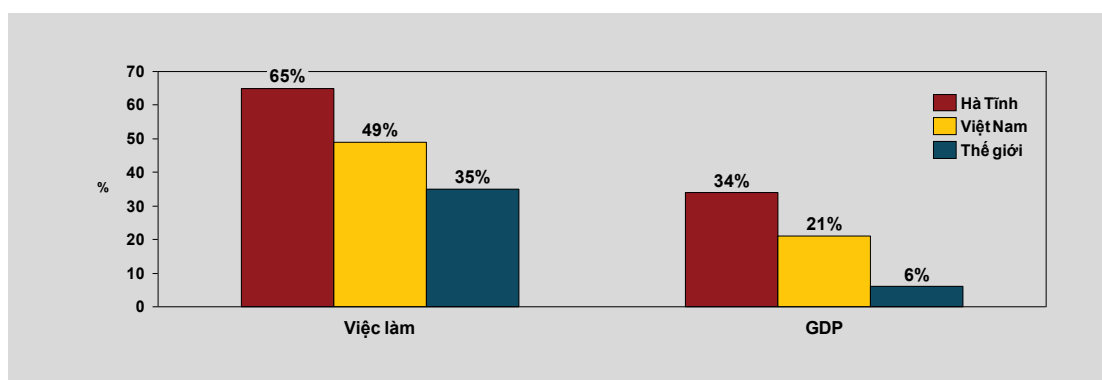
## 2.2 Phát triển Cụm ngành nông nghiệp

### 2.2.1 Tổng quan lợi thế, thách thức

#### 2.2.1.1 Tổng quan

Nằm ở khu vực duyên hải Bắc Miền trung, Hà Tĩnh là một trong những tỉnh có nền kinh tế dựa vào nông nghiệp nhiều nhất trong cả nước. Hầu hết trong số 1,2 triệu người trên toàn tỉnh sống ở khu vực nông thôn và dựa vào nông nghiệp. Gần 2/3 tổng số lao động của tỉnh (65%) đang làm việc trong các ngành nông, lâm, ngư nghiệp. Sản phẩm phục vụ tiêu dùng ngay trong gia đình, phần còn lại được bán ở chợ. Tỷ lệ lao động trong nông nghiệp của Hà Tĩnh cao hơn trung bình cả nước (49%) và vượt xa trung bình thế giới (~35%). GDP Hà Tĩnh cũng có tỷ lệ tương tự: 34% GDP tỉnh đến từ nông nghiệp, so với mức ~20% trung bình cả nước, và chỉ có ~6% trung bình thế giới

**Hình 80: Đóng góp việc làm và GDP của Nông nghiệp: Hà Tĩnh, Việt Nam và thế giới**



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2010); Niên giám Thống kê Hà Tĩnh (2010); ILO, “Xu hướng Lao động Toàn cầu - Global Employment Trends 2011”. CIA World Fact Book

#### 2.2.1.2 Thế mạnh

Cụm ngành nông nghiệp hiện tại của Hà Tĩnh có nhiều thế mạnh, có thể là đòn bẩy cho phát triển nông nghiệp trong tương lai.

##### 2.2.1.2.1 Sản xuất Nông nghiệp đa dạng

Hà Tĩnh có nhiều loại cây trồng, vật nuôi, cho thấy tiềm năng đa dạng về sản phẩm. Về tỷ trọng các hoạt động trong cụm ngành nông nghiệp, trồng trọt hiện chiếm tỷ trọng cao nhất với 52%, chăn nuôi, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, lâm nghiệp có tỷ trọng lần lượt là 31%, 11%, và 6%. Riêng trong trồng trọt cũng có thể thấy mức độ đa dạng tương tự. Sản xuất lúa gạo chiếm 45%, cam 15%, lạc 15%, rau 10%, các cây trồng khác 15%.<sup>6</sup>

<sup>6</sup> Niên giám Thống kê Hà Tĩnh (2010)

#### 2.2.1.2.2 Sản phẩm cây trồng, vật nuôi đặc thù giá trị cao

Hà Tĩnh có thể phát triển nhiều sản phẩm cây con đặc thù, giá trị cao và ít có ở những nơi khác. Ba ví dụ là bưởi Phúc Trạch, cam bù Hương Sơn và hươu sao. Hà Tĩnh có thương hiệu mạnh về bưởi với giống bưởi Phúc Trạch. Đây là giống bưởi rất phù hợp với điều kiện trồng ở tỉnh và đã được đăng ký thương hiệu năm 2004. Bưởi Phúc Trạch có trọng lượng lớn (800-1200g/quả), da vàng pha xanh mịn, rất hấp dẫn với cả thị trường trong nước và xuất khẩu. Cam bù Hương Sơn có nhu cầu rất lớn, sản lượng thậm chí không đủ đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước mặc dù có giá cao. Do mùa thu hoạch trùng với dịp tết cổ truyền, giá của sản phẩm càng cao hơn. Hà Tĩnh cũng có tiềm năng nuôi hươu. Giống hươu sao ở Hà Tĩnh phù hợp với khu vực miền núi nhờ điều kiện khí hậu và có rừng che phủ. Thịt hươu sao là sản phẩm còn ít xuất hiện và hương vị ngon, có giá cao trên thị trường xuất khẩu. Phát triển hươu thịt sẽ không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn làm tăng số lượng đàn hươu, đảm bảo tương lai của sản phẩm này trong tương lai.

#### 2.2.1.2.3 Tài nguyên nước dồi dào

Hà Tĩnh có tài nguyên nước dồi dào ở các dạng như nước biển, nước sông, lưu vực sông, hồ, tạo điều kiện cho phát triển đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản. Với bờ biển dài 137km dọc theo Biển Đông, Hà Tĩnh là 1 trong những tỉnh có đường bờ biển dài nhất cả nước. Diện tích mặt biển của tỉnh là 18.400 km<sup>2</sup>. Đường bờ biển này thích hợp cho nghề làm muối, nuôi các động vật có vỏ như tôm, cua, sò, ốc. Vùng biển thích hợp cho đánh bắt gần bờ và xa bờ. Ngoài ra, Hà Tĩnh còn có 13 con sông, với tổng chiều dài 400km và 4 lưu vực sông lớn, tổng diện tích trên 5.000 km<sup>2</sup>. Bốn lưu vực sông tạo ra các vùng nước lợ, có 6.000 ha bãi biển và đất đai, thích hợp cho phát triển nuôi trồng thủy sản. Tài nguyên nước của Hà Tĩnh còn có thêm 345 ao hồ lớn nhỏ, chủ yếu để cấp nước sản xuất lúa vào mùa xuân và thu, cùng với các hồ chứa lớn như Kẻ Gỗ, Rác, và Cửa Thờ Trại Tiểu.<sup>7</sup>

Năm 2010, nguồn tài nguyên này giúp tỉnh có được trên 36.000 tấn thủy hải sản đánh bắt và nuôi trồng, giá trị gần 980 tỷ đồng. Mặc dù sản xuất chủ yếu tập trung vào hải sản đánh bắt (17.000 tấn), tỷ trọng đánh bắt cá nước ngọt và nuôi trồng thủy sản như cá, tôm, cua, vv, cũng khá cao.<sup>8</sup>

#### 2.2.1.2.4 Diện tích rừng lớn

Hà Tĩnh có khoảng 320.000 ha rừng<sup>9</sup>, với 210.000 ha rừng tự nhiên và trên 100.000 ha rừng trồng. Với nguồn tài nguyên này, tỉnh sản xuất được trên 360 tỷ đồng/năm, chủ yếu từ khai thác sản phẩm rừng. Ngoài ra, 1 phần nguồn thu cũng đến từ trồng và chăm sóc rừng, cùng các dịch vụ lâm nghiệp khác. Giá trị sản xuất trong những năm qua đã tăng mạnh. Từ 2006 đến 2010, ngành lâm nghiệp đã tăng 44% giá trị sản xuất (253 tỷ đồng lên 364 tỷ đồng), chủ yếu nhờ khai thác sản phẩm rừng<sup>10</sup>. Lý do cho mức tăng mạnh mẽ này là việc mở rộng nhanh chóng diện tích rừng trồng: tăng 63% tổng diện tích rừng trồng so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu là bạch đàn, keo, phi lao.<sup>11</sup>

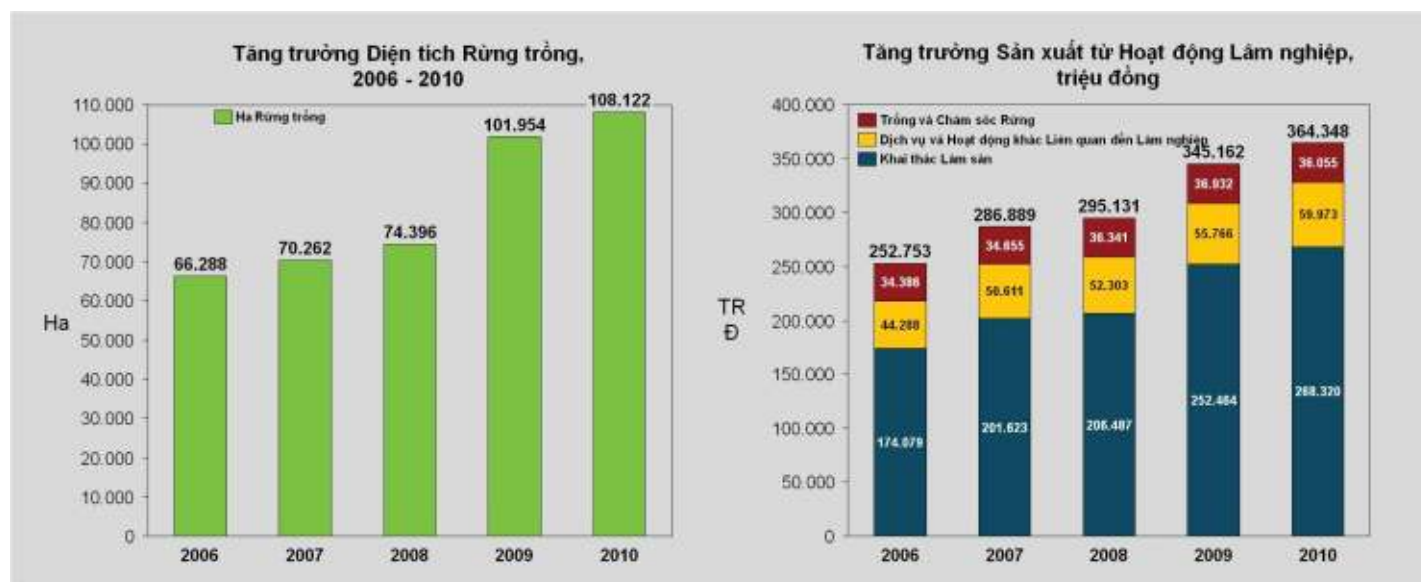
<sup>7</sup> Báo cáo Đánh giá Hà Tĩnh về Biến đổi Khí hậu (2009)

<sup>8</sup> Niên giám Thống kê Hà Tĩnh (2010)

<sup>9</sup> Số: 919/UBND-NL, tỉnh Hà Tĩnh (2011)

<sup>10</sup> Niên giám Thống kê Hà Tĩnh (2010)

<sup>11</sup> Báo cáo Đánh giá Hà Tĩnh về Biến đổi Khí hậu

**Hình 81: Tăng trưởng lâm nghiệp Hà Tĩnh: diện tích rừng trồng và sản lượng lâm nghiệp**

Nguồn: Niên giám Thống kê Hà Tĩnh (2010)

#### 2.2.1.2.5 Vị trí địa lý chiến lược

Hà Tĩnh có vị trí địa lý chiến lược trong Việt Nam và so với các tỉnh lân cận. Đây là điều kiện thuận lợi để tỉnh gia tăng thương mại nông nghiệp. Tỉnh nằm giữa Hà Nội và Đà Nẵng, có vị trí địa lý thuận lợi để phục vụ Lào và Đông Bắc Thái Lan, với cửa khẩu Cầu Treo giúp Hà Tĩnh tiếp cận trực tiếp Trung Lào. Hà Tĩnh nằm ở vị trí có khoảng cách tốt giữa các trung tâm kinh tế lớn của Việt Nam (Hà Nội và Đà Nẵng - chỉ cách chưa đầy 400km) và có thể tiếp cận bằng các chuyến bay từ sân bay tại khu vực gần đó, bằng đường bộ hoặc bằng đường sắt.

#### 2.2.1.3 Thách thức

Bên cạnh những thế mạnh nói trên, cụm ngành nông nghiệp Hà Tĩnh còn phải đối mặt với nhiều thách thức lớn. Những thách thức này đã làm hạn chế nhiều tới tiềm năng của cụm ngành, khiến cho năng suất và sản lượng nông nghiệp tỉnh thấp hơn các địa phương khác. Nếu không được khắc phục, các thách thức này sẽ tiếp tục ảnh hưởng tới tăng trưởng trong tương lai.

##### 2.2.1.3.1 Điều kiện môi trường khắc nghiệt

###### 2.2.1.3.1.1 Khí hậu

Các mô hình thời tiết và khí hậu khắc nghiệt là những thách thức lớn nhất đối với mở rộng sản xuất nông nghiệp. Nhiệt độ của Hà Tĩnh có thể dao động từ mức trên 40 °C và xuống đến mức dưới 12 °C. Từ tháng 3 đến tháng 8, tỉnh bị ảnh hưởng bởi gió khô nóng tây nam càng làm cho hạn hán và thiếu nước trầm trọng hơn. Đến tháng 9, 10 địa bàn tỉnh lại có mưa to, bão và gió xoáy mạnh, có thể còn gây lũ lụt nghiêm trọng. Độ ẩm thường ở mức cao trong nhiều tháng trong năm. Những điều kiện khí hậu này gây rất nhiều ảnh hưởng tới sản xuất



nông nghiệp – đặc biệt là trồng trọt và nuôi trồng thủy sản, phá hủy mùa màng, rút ngắn mùa sinh trưởng, làm dịch bệnh phát triển, giảm sản lượng thu hoạch, hạn chế về các sản phẩm có thể gieo trồng.

**Hình 82: Chỉ số khí hậu Hà Tĩnh**

| Một số Chỉ số Khí hậu          |     |     |     |     |     |      |      |      |      |      |      |      |
|--------------------------------|-----|-----|-----|-----|-----|------|------|------|------|------|------|------|
|                                | Th1 | Th2 | Th3 | Th4 | Th5 | Th6  | Th7  | Th8  | Th9  | Th10 | Th11 | Th12 |
| <b>Nhiệt độ TB (°C)</b>        | 18  | 18  | 21  | 25  | 28  | 30   | 30   | 29   | 27   | 23   | 22   | 19   |
| <b># Ngày/Tháng Khô Nóng</b>   | -   | -   | 0.8 | 1.8 | 3.8 | 11.0 | 10.2 | 1.8  | 0.4  | -    | -    | -    |
| <b>Tần suất Hạn hán (%)</b>    | -   | 4   | 8   | 18  | 22  | 41   | 48   | 26   | -    | -    | -    | 4    |
| <b>Tần suất có Bão lớn (%)</b> | -   | -   | -   | -   | -   | 0.06 | 0.13 | 0.19 | 0.30 | 0.15 | 0.02 | -    |
| <b>Lượng mưa (mm)</b>          | 99  | 66  | 60  | 72  | 151 | 134  | 128  | 229  | 503  | 694  | 341  | 164  |
| <b>Rủi ro bị Lũ</b>            |     |     |     |     |     |      |      | TB   | Cao  | Cao  | TB   |      |

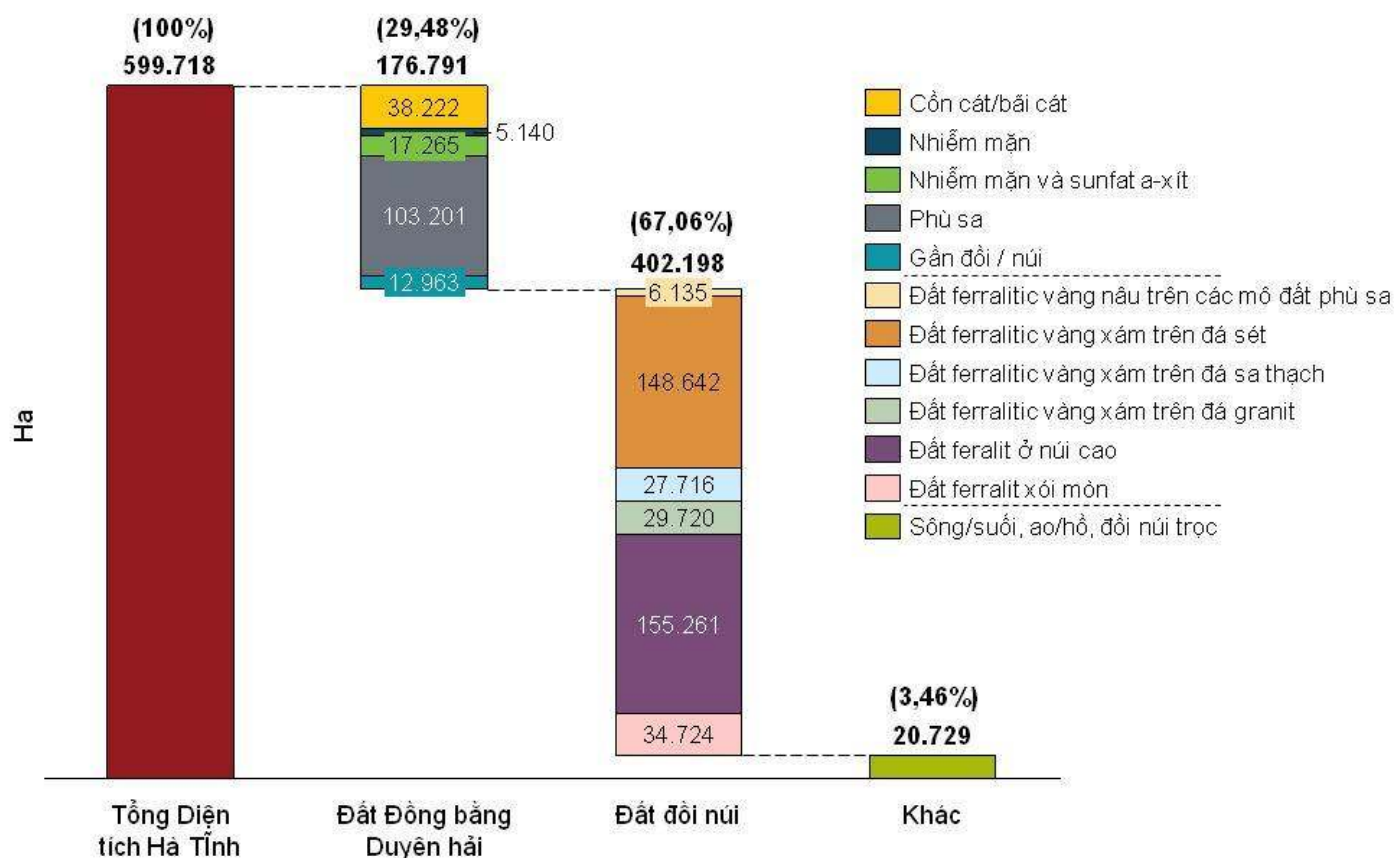
Nguồn: Báo cáo Đánh giá về biến đổi khí hậu Hà Tĩnh

#### 2.2.1.3.1.2 Địa hình thổ nhưỡng

Điều kiện địa hình và thổ nhưỡng cũng là những thách thức cho nông nghiệp. Hầu hết diện tích của tỉnh là khu vực miền núi, đất nghèo dinh dưỡng và ít sử dụng cho nông nghiệp. Khoảng 2/3 tổng diện tích đất của Hà Tĩnh có độ dinh dưỡng chỉ ở mức khá hoặc thấp. Chỉ 1/5 tổng diện tích đất đai Hà Tĩnh phù hợp cho trồng trọt. Tỉnh có địa hình nghiêng từ Tây sang Đông với độ dốc là 1,2%, làm gia tăng nguy cơ xói mòn, rửa trôi.

Hà Tĩnh có 3 vùng sinh thái riêng biệt. Khoảng 9% diện tích đất Hà Tĩnh là đồng bằng ven biển. Vùng này bao gồm các huyện, thị xã dọc trục đường QL 1A từ thị xã Hồng Lĩnh đến Kỳ Anh và một phần của huyện Đức Thọ dọc đường QL 8A từ thị trấn Đức Thọ đến thị xã Hồng Lĩnh. Vùng đất nhỏ hẹp này nghiêng từ tây sang đông, có hơn 100.000 ha đất màu mỡ, phù hợp với sản xuất lúa quy mô lớn. Vùng trung du nằm ở khu vực giữa tỉnh, chiếm 5% tổng diện tích đất tự nhiên. Địa hình là đồi thấp, phù hợp với sản xuất lúa gạo, cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày và phát triển trang trại chăn nuôi gia súc tập trung. Phía tây của tỉnh là vùng miền núi, chiếm gần 80% tổng diện tích đất và kém thích hợp nhất với nông nghiệp mặc dù cũng có 1 số hoạt động trồng trọt và chăn nuôi ở đây. Diện tích sử dụng cho nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 10% diện tích của vùng này. Hơn nữa, thổ nhưỡng vùng núi Hà Tĩnh có lớp đất mỏng, nghèo dinh dưỡng với tỷ lệ đất ferralit vàng có nồng độ axit cao. Điều này tác động tiêu cực tới khả năng canh tác trong tỉnh và hạn chế việc sử dụng đất cho các mục đích nông nghiệp khác nhau.

Hình 83: Phân loại đất ở Hà Tĩnh



Nguồn: Báo cáo Đánh giá Hà Tĩnh về Biến đổi Khí hậu

### 2.2.1.3.2 Thiếu Cơ sở hạ tầng và yếu tố thúc đẩy phù hợp

Thách thức thứ 2 với cụm ngành nông nghiệp là việc thiếu cơ sở hạ tầng phù hợp, trong đó có cơ sở hạ tầng dành riêng cho từng phân cụm và cơ sở hạ tầng chung hỗ trợ tất các hoạt động nông nghiệp.

#### 2.2.1.3.2.1 Cơ sở hạ tầng kho trữ không đảm bảo

Do không đủ vốn, hầu hết nông dân thiếu kho trữ phù hợp cho sản phẩm của mình. Điều này làm tăng tỷ lệ hư hỏng; hao hụt sản phẩm do mưa, bão, lũ; giảm doanh thu của nông dân vì họ không thể chờ đến khi có giá cao hơn mà buộc phải bán sản phẩm nhanh chóng. Ví dụ, rau và ngũ cốc dễ bị hỏng nếu cất trữ trong điều kiện không phù hợp. Thịt và hải sản thường phải được cấp đông khi cất trữ để đảm bảo an toàn và chất lượng, nhất là với sản phẩm xuất khẩu. Hiện hầu hết trang trại đều thiếu cơ sở hạ tầng, dẫn đến việc phải nhanh chóng bán sản phẩm ngay tại chợ địa phương. Việc thiếu kho trữ cũng làm cho nông dân và ngư dân phải bán sản phẩm qua thương lái với giá thấp hơn, đồng thời họ cũng nhận được ít thông tin về thị trường hơn, như đề cập dưới đây.

#### 2.2.1.3.2.2 Thiếu cơ sở hạ tầng thủy lợi và cấp nước

Hệ thống thủy lợi của Hà Tĩnh bao gồm nhiều hồ chứa, đập, trạm bơm, kênh rạch rất quan trọng cho việc cung cấp nguồn nước ổn định và dễ tiếp cận với các cộng đồng sản xuất nông nghiệp. Hệ thống thủy lợi hiện nay chủ yếu được sử dụng để cung cấp nước cho mục đích nông nghiệp và chống lũ lụt. Về sức chứa nước, tỉnh đã xây dựng 345 hồ chứa thủy lợi với sức chứa trên 762,6 triệu m<sup>3</sup> nước. Tỉnh đang xây dựng và nâng cấp thêm 49 hồ chứa, đưa sức chứa nước của Hà Tĩnh tiếp tục tăng. 57 đập của Hà Tĩnh điều tiết lưu lượng nước với tốc độ 17 m<sup>3</sup>/giây. Hệ thống 32 đê với tổng chiều dài 318,7 km giúp ngăn chặn lũ lụt trong tỉnh. Thêm vào đó, 581 trạm bơm điện với tổng lưu lượng 117 m<sup>3</sup>/giây được thiết kế để hỗ trợ tưới tiêu 50.000 ha lúa đông xuân và 39.500 ha lúa hè thu.

Tuy nhiên, chỉ 28% diện tích canh tác của tỉnh được tưới tiêu. Nhiều hồ chứa đã xuống cấp, dễ bị ô nhiễm, gây ảnh hưởng tới chất lượng nước. Hà Tĩnh dự kiến xây dựng 19 trạm bơm bổ sung để hỗ trợ tưới tiêu cho thêm 17.800 ha.

Mạng lưới kênh rạch của tỉnh có chiều dài 8.284 km và đưa nước tới các khu vực nông nghiệp, công nghiệp, khu dân cư và hỗ trợ các hoạt động khác của thành phố. Tuy nhiên chỉ có 32,5% kênh rạch được kiên cố hóa dẫn đến làm giảm hiệu quả thủy lợi trong tỉnh. Hệ thống đê và đập của tỉnh bị tràn vào thời gian xảy ra lũ. Hầu hết các kênh mương chưa được bê tông hóa.

Ngoài ra tỉnh có 12 kênh dẫn nước lớn giúp ngăn ngừa trữ lượng nước bị nhiễm mặn ở các vùng ven biển

#### 2.2.1.3.2.3 Nguồn cấp thủy điện hạn chế

Năm 2010, 99,53% hộ gia đình của Hà Tĩnh được sử dụng điện lưới quốc gia, so với 99,3% năm 2009 (tăng 700 hộ). Đây là tỷ lệ cao hơn các địa phương khác trong khu vực. Tỷ lệ trung bình hộ gia đình được sử dụng điện cả nước là 97,6% năm 2010. Tất cả các xã, thị trấn của Hà Tĩnh đều được hòa lưới điện quốc gia. Trên địa bàn tỉnh có 250 tổ chức quản lý điện nông thôn, chịu trách nhiệm đảm bảo cấp điện ổn định và liên tục cho khu vực nông thôn.

Tuy nhiên, các hồ thủy điện hiện nay đang hoạt động riêng rẽ và chỉ có công suất nhỏ nhằm điều tiết nước lũ trong mùa mưa gió hàng năm.

#### 2.2.1.3.2.4 Đường liên xã và liên thôn chất lượng kém

Hà Tĩnh có 3.614,72 km đường liên xã và 2.890,64 km liên thôn, có vai trò rất quan trọng trong vận chuyển nông sản đến chợ. Tuy nhiên, do được từng thôn quản lý nên chất lượng đường ở các địa phương rất khác nhau. Ví dụ, ở huyện Đức Thọ tất cả các tuyến đường liên xã được đổ bê tông, trong khi ở các huyện phía Tây của tỉnh, phần lớn của các tuyến đường này có chất lượng rất kém. Nhìn chung, hệ thống đường bộ hiện nay không đáp ứng được mong đợi của tỉnh dù tỉnh có mật độ đường là 1,45km/km<sup>2</sup>, cao hơn bình quân cả nước (0,55/km<sup>2</sup>). Tuy nhiên, Hà Tĩnh đã phê duyệt nhiều dự án để nâng cấp mạng lưới đường bộ. Nhiều dự án đang được triển khai để nâng cấp các tuyến đường huyện và đường xã. Theo quy hoạch, tỉnh sẽ có 5 trục Bắc Nam và 5 trục Đông Tây giúp kết nối các trung tâm kinh tế thuận lợi hơn.

#### 2.2.1.3.2.5 Thiếu cơ sở hạ tầng phục vụ nông nghiệp tại cảng biển hàng hóa

Hầu hết hàng hóa vận tải biển hiện đi qua cảng Xuân Hải, gần KCN Gia Lách, có công suất 1.200–1.500 tấn/năm. Cảng này chủ yếu dùng để vận chuyển gỗ và thiết bị, không có nhiều hạ tầng phục vụ sản phẩm nông

nghiệp khác (đặc biệt, ở đây không có xi-lô hay thiết bị trữ lạnh). Các cảng Vũng Áng và Sơn Dương, hiện đang xây dựng ở huyện Kỳ Anh, có tiềm năng đón tàu tải trọng lớn và do đó có thể phục vụ xuất khẩu nông sản.

#### 2.2.1.3.2.6 Cảng cá công suất thấp

Cảng cá của Hà Tĩnh dọc bờ biển đóng vai trò là trung tâm thủy sản trong tỉnh và là nơi trú ẩn cho tàu thuyền khi gặp điều kiện thời tiết xấu. Các cảng chính được đặt tại Xuân Hội, Xuân Phổ, huyện Nghi Xuân, và ở Thạch Kim, huyện Lộc Hà. Tuy nhiên, công suất hoạt động các cảng còn thấp, gây khó khăn cho sự phát triển của hoạt động đánh bắt cá trong tỉnh. Các cảng còn hạn chế về cơ sở hạ tầng để hỗ trợ tạo giá trị gia tăng từ hải sản đánh bắt, đặc biệt là còn ít hạ tầng kho trữ lạnh.

#### 2.2.1.3.2.7 Dịch vụ tài chính cho nông nghiệp chưa phát triển

Ở các nước có nền nông nghiệp phát triển, nông dân được vay nợ để đầu tư máy móc và mua bảo hiểm phòng khi gặp thiên tai. Tuy nhiên, ở Hà Tĩnh, việc tiếp cận các khoản vay còn hạn chế. Ngân hàng thường yêu cầu tài sản thế chấp lên đến hơn 100% giá trị vay, khiến cho hầu hết nông dân không thể vay được tiền. Một phần nguyên nhân của tình trạng này là khó khăn trong đánh giá tín dụng cho người nghèo nông thôn trong tỉnh. Tuy nhiên, bất kể vì lý do gì thì điều này vẫn khiến hầu hết nông dân Hà Tĩnh không thể đầu tư cho sản xuất. Các sản phẩm tài chính khác như bảo hiểm thiên tai cho đến nay còn cực kỳ ít – đây cũng chính là 1 vấn đề lớn cho 1 tỉnh thường xuyên bị bão lũ hoành hành như Hà Tĩnh.

#### 2.2.1.3.3 Chuỗi giá trị còn nhiều hạn chế

Một phần do khó khăn về cơ sở hạ tầng và khí hậu, chuỗi giá trị trong nông nghiệp của tỉnh còn nhiều hạn chế.

##### 2.2.1.3.3.1 Trang trại nhỏ lẻ, do hộ gia đình quản lý, chưa hiệu quả về mặt thương mại

Nhiều trang trại (trồng trọt, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản) có quy mô nhỏ, thuộc các hộ gia đình, chủ yếu để tự cung tự cấp, không dành nhiều cho sản xuất hàng hóa. Mặc dù tạo điều kiện nhất định cho an ninh lương thực và linh hoạt trong sản xuất, mô hình này không thể đảm bảo hiệu quả sản xuất hàng hóa quy mô lớn:

- Các trang trại hộ gia đình thường nhằm tự phục vụ nhu cầu thực phẩm, sản phẩm còn thừa mới mang bán lấy tiền. Do đó, họ thường lựa chọn cây trồng vật nuôi không hiệu quả, chủ yếu xuất phát từ nhu cầu của mình chứ không phải nhu cầu thị trường.
- Các trang trại hộ gia đình thường thiếu vốn đầu tư vào công nghệ mới nhất để tăng năng suất và sản lượng
- Các trang trại hộ gia đình không thể tự trang bị cơ sở hạ tầng chế biến hay kho trữ hiện đại để đảm bảo sản phẩm có chất lượng tốt trước khi bán ra thị trường. Điều này khiến nông dân phải tranh thủ bán sản phẩm nhanh với giá không cao.
- Các trang trại hộ gia đình không đủ lớn để tận dụng lợi thế từ quy mô sản xuất lớn.

##### 2.2.1.3.3.2 Tiếp cận thị trường trực tiếp cho nông dân còn hạn chế

Do cơ sở hạ tầng vận tải còn hạn chế, nông dân khó mang hàng trực tiếp tiêu thụ tại các chợ và do đó buộc phải bán cho thương lái nên không thu được tối đa giá trị sản phẩm của họ mang lại. Ngoài ra, do không thường

xuyên tiếp xúc với người tiêu dùng, nông dân không biết được những phản hồi góp ý để cải tiến sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

#### 2.2.1.3.3.3 Thương lái kém hiệu quả, làm giảm giá trị tổng thể

Các thương lái thu gom sản phẩm của nông dân thường không có đủ kiến thức và trang thiết bị để tối đa hóa giá trị nông sản Hà Tĩnh. Họ thu gom sản phẩm của nông dân với giá thấp, vận chuyển tới chợ bằng ô tô không có khoang lạnh hoặc bằng xe máy. Trong quá trình vận chuyển, thương lái có thể giữ lại 1 phần sản phẩm để dùng hoặc bỏ đi 1 phần do hư thối. Khi đến chợ, thương lái sẽ cạnh tranh với nhau, có thể bằng cách bán hạ giá cho người tiêu dùng địa phương hoặc các đơn vị xuất khẩu, càng làm giảm giá sản phẩm.

#### 2.2.1.3.3.4 Hoạt động chế biến kém phát triển

Một hạn chế nữa trong chuỗi giá trị là việc thiếu hoạt động chế biến. Ở cấp độ quốc gia, Việt Nam tạo giá trị qua chế biến ngang bằng với giá trị của chính sản phẩm ban đầu (50/50). Tuy nhiên, tại tỉnh Hà Tĩnh, hầu hết giá trị chỉ nằm ở trang trại chứ không có ở hoạt động chế biến. Tỉnh có một số hoạt động chế biến song mức độ còn thấp, chỉ tập trung ở 2 nhà máy chế biến tôm, 1 nhà máy sản xuất Glutamin và các xưởng nấu bia. Tỷ lệ tạo giá trị giữa nông nghiệp và chế biến nông sản là 84%/16%.

#### 2.2.1.3.3.5 Sản xuất và cung ứng giống kém phát triển

Hà Tĩnh hiện còn hạn chế về các ngành công nghiệp liên quan và phụ trợ nói chung (ví dụ: hạ tầng hậu cần và kho trữ, phân bón, dịch vụ tài chính, du lịch sinh thái) và về sản xuất, cung ứng giống nói riêng. Các đơn vị cung ứng giống trong tỉnh thường ở trình độ thấp và chi phí tương đối cao. Do phải nhập lượng lớn giống từ ngoài tỉnh, thậm chí ngoài nước, Hà Tĩnh gặp khó khăn trong kiểm soát chất lượng. Các giống có thể bị trộn lẫn, khiến nông dân không biết phương pháp canh tác thế nào là phù hợp. Ngoài ra, việc đáp ứng yêu cầu các công ty chế biến hoặc thị trường trong nước/quốc tế gây ra rất nhiều khó khăn cho nông dân do họ không thể đảm bảo chất lượng ổn định nguồn cung cây con giống. Hầu hết các giống cây trồng cho năng suất, chất lượng cao đều là giống lai phục vụ sản xuất hàng hóa. Nếu không có nguồn cung ổn định các giống này, nông dân sẽ khó bảo đảm năng suất trồng trọt. Do đó, kể cả khi trồng được thêm mùa lạc thứ 2 trong năm chủ yếu để cung cấp giống, nông dân Hà Tĩnh vẫn không được hưởng lợi từ giống năng suất và chất lượng cao.

Với 1 số cây trồng, nông dân không dùng hạt giống, ví dụ như cam, bưởi (trồng từ cành dâm, chiết). Các loại cây này có thể tận dụng các cơ sở nhân giống hiện tại, song lại có thể làm lây lan các loại bệnh trên cây nếu không có biện pháp kiểm soát hiệu quả. Việc thiếu kiến thức về vấn đề này cũng như thiếu cán bộ chuyên môn giúp đỡ khiến nông dân bị thiệt hại nặng về năng suất.

Nhiều trang trại gia súc giữ vật nuôi lại làm giống, hoặc đặt gần 1 trang trại khác cung cấp giống.

Với tôm, tỉnh đã có 1 trại cung ứng con giống song đã đóng cửa từ vài năm trước, khiến cho nông dân nuôi tôm phải dùng nguồn giống từ ngoài tỉnh.

#### 2.2.1.3.4 *Năng lực hạn chế của lao động*

Lực lượng lao động Hà Tĩnh đa phần còn thiếu tay nghề và chưa được đào tạo nhiều. Mặc dù có tỷ lệ biết chữ cao, tỉnh chưa tận dụng được tối đa tiềm năng này do hoạt động đào tạo và hướng dẫn cho nông dân còn ít, mới chỉ dừng lại ở hình thức các khóa tập huấn ngắn ngày. Nhiều lao động nông nghiệp rời khỏi khu vực nông thôn (có khi là rời khỏi tỉnh) tìm việc làm khi nông nhàn, do đó việc dự báo chính xác lực lượng lao động hàng năm gặp khó khăn. Điều này làm giảm hiệu quả của đào tạo cho nông dân, cũng như giảm động lực cho đơn vị tổ chức đào tạo.

#### 2.2.1.3.5 *Năng suất và sản lượng chung thấp*

Do tất cả các thách thức nói trên, nông nghiệp Hà Tĩnh đang có năng suất và sản lượng thấp hơn trung bình cả nước.

##### 2.2.1.3.5.1 *Năng suất cây trồng thấp hơn trung bình cả nước*

Năng suất nông nghiệp được tính theo lượng sản phẩm được sản xuất trên mỗi đơn vị đất đai và phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có thời tiết, giống, chất lượng đất, kỹ thuật nuôi trồng. Những thách thức về khí hậu và cơ cấu của Hà Tĩnh có thể xem là nguyên nhân khiến năng suất lúa gạo của tỉnh (4,2 tấn/ha) thấp hơn 20% so với trung bình cả nước (5,3 tấn/ha). Mức chênh lệch này còn lớn hơn khi tổng sản lượng của cả tỉnh lẫn của cả nước đều tăng lên. Năm 1995, năng suất trung bình cả nước là 3,7 tấn/ha và đến năm 2000 đã tăng lên 4,2 tấn/ha. Trong khi đó, năng suất của Hà Tĩnh đạt 2,9 tấn/ha năm 1995 và 3,7 tấn/ha năm 2000. Ngoài lúa gạo ra, Hà Tĩnh cũng cần nâng cao năng suất 1 số sản phẩm khác. Ví dụ như với lạc, mặc dù đang đứng thứ 3 cả nước về tổng sản lượng, Hà Tĩnh chỉ ở mức trung bình về năng suất. Tỉnh đã có nhiều thành công trong nâng cao năng suất lạc: năm 1995 sản lượng lạc trung bình của Việt Nam là 1,3 tấn/ha còn của Hà Tĩnh là 1,1 tấn/ha. Đến năm 2010, cả năng suất của tỉnh đã ngang bằng trung bình cả nước và đạt 2,1 tấn/ha.

##### 2.2.1.3.5.2 *Sản lượng Nông nghiệp thấp hơn trung bình cả nước*

Sản lượng nông nghiệp được tính bằng giá trị GDP do mỗi lao động trong nông nghiệp tạo ra. Con số này cho thấy mỗi lao động của tỉnh hoặc quốc gia có hiệu quả lao động ở mức nào trong hoạt động kinh tế hộ tham gia. Theo cách tính này, năm 2010, Hà Tĩnh đạt sản lượng 14,1 triệu đồng: người, thấp hơn trung bình cả nước khoảng 17% (17,1 triệu đồng: người năm).

## 2.2.2 *Định hướng Phát triển*

### 2.2.2.1 *Các Trụ cột của quá trình chuyển đổi*

Hà Tĩnh đang cố gắng chuyển đổi và hiện đại hóa cụm ngành nông nghiệp, từ đó thành công và bền vững trong sản xuất hàng hóa nông nghiệp, cải thiện thu nhập và mức sống cho người dân nông thôn, đảm bảo an ninh và ổn định xã hội lâu dài cho toàn tỉnh.

Để đạt được điều này, cần thực hiện 5 giải pháp trọng tâm giúp khắc phục những tồn tại nói trên và thúc đẩy việc chuyển đổi căn bản và toàn diện nông nghiệp Hà Tĩnh.

- **Lựa chọn sản phẩm chủ lực phù hợp nhất**, tập trung vào các sản phẩm tiềm năng nhất ở cả cấp toàn tỉnh và cấp từng huyện

- **Tích tụ ruộng đất và đẩy mạnh sản xuất hàng hóa**, tái cấu trúc nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng phù hợp với sản xuất quy mô lớn, năng suất cao.
- **Phát triển mạnh hoạt động chế biến**, thông qua thu hút đầu tư vào các cơ sở chế biến để giúp cụm ngành nông nghiệp tạo thêm giá trị gia tăng.
- **Cải thiện cơ sở hạ tầng nông nghiệp và liên ngành**, có những hỗ trợ cần thiết về cấu trúc để hiện thực hóa tầm nhìn nói trên.
- **Đẩy mạnh ổn định và phát triển nông thôn**, nhằm phát triển nguồn nhân lực và đảm bảo chuyển đổi thành công sang giai đoạn kinh tế mới, đồng thời hỗ trợ đẩy thúc đẩy công nghiệp và dịch vụ.

Hà Tĩnh chỉ có thể thực hiện thành công những đề xuất trên nếu tất cả các bên - nông dân, chính quyền, cộng đồng doanh nghiệp, và chuyên gia trong các lĩnh vực có liên quan hợp tác với nhau, cùng nhau đóng góp các kỹ năng, quan điểm, và nguồn lực. Chính quyền tỉnh, các chuyên gia, và người nông dân sẽ làm việc với nhau để lựa chọn và phát triển các sản phẩm chủ lực. Chính quyền tỉnh Hà Tĩnh sẽ tạo điều kiện thuận lợi để hình thành các nhóm nông dân, kết nối các nhóm nông dân với doanh nghiệp để thực hiện tích tụ ruộng đất, phát triển hoạt động chế biến. Doanh nghiệp sẽ đầu tư vào các nhà máy hợp tác với nông dân. Chính quyền tỉnh sẽ làm việc với khu vực tư nhân để cấp vốn và phát triển cơ sở hạ tầng hỗ trợ. Như vậy, tất cả các bên liên quan đều cần có sự hợp tác để nâng cấp chuỗi giá trị chung của tỉnh, giúp chuyển đổi lâu dài nền nông nghiệp, mang lại sự phát triển bền vững cho khu vực nông thôn.

Nếu thực hiện thành công các đề xuất này, theo dự kiến, vào năm 2020, nông nghiệp Hà Tĩnh sẽ đóng góp hơn 29,6 nghìn tỷ đồng vào GDP toàn tỉnh. Đóng góp này đến từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp và hoạt động chế biến, giúp tỉnh tham gia sâu rộng hơn vào chuỗi giá trị trong khu vực và thế giới vào năm 2050.

#### Hình 84: Tầm nhìn cho Nông nghiệp Hà Tĩnh



Nguồn: Phân tích của Monitor

## Hình 85: Nông nghiệp – Nền tảng cho “Điều kỳ diệu tại Đài Loan”

Đài Loan đã từng gặp rất nhiều thách thức trong phát triển nông nghiệp giống như Hà Tĩnh hiện nay, kinh nghiệm thành công của Đài Loan có thể là tư liệu tham khảo hữu ích với tỉnh. Hiện nay, nền nông nghiệp Đài Loan có khả năng cạnh tranh toàn cầu. Sau khi gia nhập WTO, Đài Loan tập trung xuất khẩu những sản phẩm giá trị cao như hoa lan, đồng thời duy trì vị thế với thị trường gạo trong nước: 90% thị trường lúa gạo Đài Loan được sản xuất trong nước. Tổng giá trị ngành nông nghiệp Đài Loan năm 2010 đạt trên 14 tỷ USD. Đến hiện tại, hầu hết diện tích phù hợp với canh tác vẫn được dùng để sản xuất nông nghiệp.

Đặc điểm địa lý của Đài Loan có một số điểm tương đồng với Hà Tĩnh. Vùng lãnh thổ này cũng có khí hậu nhiệt đới và thường có bão lớn. Phần lớn diện tích đất là đồi núi, chất lượng đất không phù hợp với trồng trọt, có cả đất nhiễm axit và đất nhiễm mặn. Đài Loan thậm chí còn có mô hình canh tác tương tự Hà Tĩnh, chủ yếu là nông hộ nhỏ lẻ.

Như nói ở trên, mô hình canh tác của Đài Loan khá giống ở Hà Tĩnh, chủ yếu là nông hộ nhỏ lẻ - hệ quả của việc từ bỏ hình thức sản xuất nông nghiệp tập thể. Tuy nhiên, trong 60 năm qua, nền nông nghiệp Đài Loan đã trở thành động lực tăng trưởng và ổn định cho đất nước, giúp Đài Loan thành công trong phát triển công nghiệp.

**Bốn trụ cột quan trọng nhất cho sự thành công của nông nghiệp Đài Loan là:**



**Tập trung vào cây trồng hàng hóa:** Từ đầu những năm 1950, nông dân được chính phủ khuyến khích tập trung nhiều hơn vào cây trồng hàng hóa. Do đó, tỷ trọng lúa gạo và khoai lang chỉ giảm từ 70% năm 1948 xuống chỉ còn 40% vào năm 1975. Thay vào đó, các sản phẩm có giá trị thương mại và tiềm năng xuất khẩu lớn hơn, ví dụ như mía đường, chè, lạc, rau quả, thịt lợn và cá được ưu tiên phát triển, giúp mang nguồn vốn từ nước ngoài vào trong nước hỗ trợ tăng trưởng công nghiệp.



**Phát triển công nghiệp liên quan đến nông nghiệp:** Nông nghiệp được chọn là trọng tâm trong các động lực công nghiệp hóa của Đài Loan vào những năm 1950. Các dự án công nghiệp do chính phủ thực hiện hoặc hỗ trợ gồm từ đóng hộp rau quả, đến doanh nghiệp sản xuất phân bón quy mô lớn. Chiến lược này giúp Đài Loan giảm nhập khẩu, thu được giá trị cao hơn, và tạo động lực cho quá trình công nghiệp hóa. Đến cuối những năm 1960, Đài Loan đã trở thành 1 trong những nước xuất khẩu hàng đầu thế giới về nấm và măng tây đóng hộp.



**Cơ giới hóa:** Việc sử dụng máy móc cũng là 1 trụ cột quan trọng để tăng năng suất. Để khắc phục khó khăn là các nông hộ nhỏ thiếu vốn, Chính phủ đã có trợ cấp tín dụng cho mua sắm máy móc, đồng thời có các nhóm nông dân trẻ tuổi mua máy móc và làm thuê cho những hộ không mua. Số lượng máy kéo sử dụng đã tăng từ dưới 500 vào cuối những năm 1960 lên 10.000 vào giữa những năm 1980. Đến năm 1990, 98% hoạt động sản xuất lúa do máy móc đảm nhận.





**Cải cách ruộng đất:** Chính quyền Đài Loan đã tìm cách thúc đẩy tích tụ ruộng đất. Đến những năm 1970, chính phủ đẩy mạnh phong trào "ủy thác canh tác" - chủ đất giao đất cho người khác canh tác. Tuy nhiên, do lúc đầu còn có lo ngại về việc mất quyền sở hữu đất, năm 1983, Đài Loan đưa ra biện pháp bảo vệ chặt chẽ hơn về mặt pháp lý cho các hộ gia đình đã giao đất cho người khác canh tác. Đến gần đây, Đài Loan khuyến khích các chủ đất không có ý định canh tác cho những người sản xuất nông nghiệp quy mô lớn thuê đất lâu dài nhằm tận dụng lợi thế của sản xuất quy mô lớn đồng thời duy trì các động lực thị trường tự do.

Với những trụ cột như trên, nông nghiệp Đài Loan đã tăng trưởng ổn định suốt từ năm 1946 đến những năm 1990. Mặc dù tỷ trọng trong tổng GDP giảm từ 27% năm 1961 xuống còn 1,6% năm 2010, giá trị tuyệt đối GDP nông nghiệp đã tăng 11 lần trong cùng thời gian này, đạt hơn 7 tỷ USD. Năng suất lúa tăng từ 1,6 tấn/ha năm 1946 lên 3,1 tấn/ha năm 1971, và trên 5 tấn/ha năm 2009.

Hiện giá trị sản lượng hàng năm của nông nghiệp đạt gần 12 tỷ USD. Đài Loan đã chuyển sang giai đoạn lấy sáng tạo làm động lực tăng trưởng nông nghiệp, đồng thời phát triển công nghệ sinh học, với 282 bằng sáng chế, 32 thương hiệu độc quyền trong giai đoạn 2002 - 2010. Giá trị sản xuất/lao động tăng 6,13%/năm trong giai đoạn 2002–2009.

Nguồn: Ranis, Gustave, “Thành công và tính dễ bị tổn thương của Đài Loan: Những bài học cho thế kỷ 21.” (2007); Tổng cục Thông tin Chính phủ Đài Loan; Feenstra, Hamilton. Các nền Kinh tế Mới nổi, Nhiều con đường Phát triển - Emergent Economies, Divergent Paths Cambridge University Press (2006); Li, Những thay đổi Chính sách sau Thành công của Đài Loan - The Evolution of Policy Behind Tai Wan’s Development Success. World Scientific (1995); Boestel, Francks, Kim. Nông nghiệp và Phát triển Kinh tế Đông Á - Agriculture and Economic Development in East Asia. Routledge. London (1999). Mao và Schive, “Phát triển Công nghiệp và Nông nghiệp ở Đài Loan - Agricultural and Industrial Development in Tai Wan”. “Câu chuyện Đài Loan - The Story of Tai Wan”, Chính phủ Đài Loan; Hội đồng Nông nghiệp, Chính phủ Đài Loan

#### 2.2.2.2 Lựa chọn sản phẩm chủ lực phù hợp nhất

Trụ cột đầu tiên cho sự chuyển đổi là việc Hà Tĩnh sẽ xác định các sản phẩm cây trồng, vật nuôi và hoạt động nuôi trồng thủy hải sản phù hợp nhất cho toàn tỉnh và cho từng huyện, dựa trên cả điều kiện nuôi trồng tại địa phương và hiệu quả tiềm năng trong hiện tại và tương lai (gồm cả lợi nhuận tăng thêm từ chế biến sản phẩm đó). Có các cấp độ sản phẩm chủ lực như sau:

- **Chủ lực cấp tỉnh:** Sản phẩm nông nghiệp sẽ nằm trong trọng tâm phát triển trên toàn tỉnh và được ưu tiên trong việc tìm ra kỹ thuật sản xuất mới, tiếp cận thị trường và chế biến
- **Chủ lực cấp huyện:** Các sản phẩm không phải là ưu tiên phát triển trong toàn tỉnh mà chỉ được lựa chọn ưu tiên phát triển tại 1 số huyện cụ thể. Điều này cho phép mỗi huyện có trọng tâm riêng trong phát triển nông nghiệp tại địa phương mình, đặc biệt là khi các sản phẩm chủ lực cấp tỉnh không phù hợp tại địa phương đó.
- **Sản phẩm khác:** Tất cả các sản phẩm nông nghiệp khác mà tỉnh sản xuất được. Đây là sản phẩm của các cá thể nông dân và không thể nâng tầm thành các sản phẩm chủ lực.

- **Sản phẩm tiềm năng:** Các sản phẩm chưa được chứng minh hiệu quả với sản xuất quy mô lớn, có thể do chưa được giới thiệu hoặc quy mô sản xuất chưa đủ lớn. Các sản phẩm này sẽ được thử nghiệm trong những năm tới.

Việc sắp xếp sản phẩm chủ lực thành các nhóm như trên giúp tỉnh và các huyện tập trung đầu tư vào sản phẩm có thể mang lại hiệu quả cao nhất.

#### 2.2.2.2.1 Sản phẩm hiện tại

Trong quá trình xác định sản phẩm chủ lực, chiến lược đã xem xét tới khả năng cạnh tranh và định hướng hiện tại của mỗi sản phẩm, cùng với khả năng thành công của tỉnh với sản phẩm đó; phân tích nhu cầu trong tỉnh, trong cả nước và trên thị trường quốc tế với từng sản phẩm; tiềm năng chế biến tại Hà Tĩnh của mỗi sản phẩm, thị trường tiềm năng cho sản phẩm chế biến và khả năng cạnh tranh của Hà Tĩnh tại các thị trường đó; cuối cùng là giá trị tổng thể về cả kinh tế và xã hội mỗi sản phẩm tạo ra cho tỉnh. Cơ sở đầu vào cho nghiên cứu này là thông qua tham vấn các chuyên gia trong và ngoài nước, trao đổi với nông dân và các công ty chế biến, thực hiện nghiên cứu định lượng và định tính.

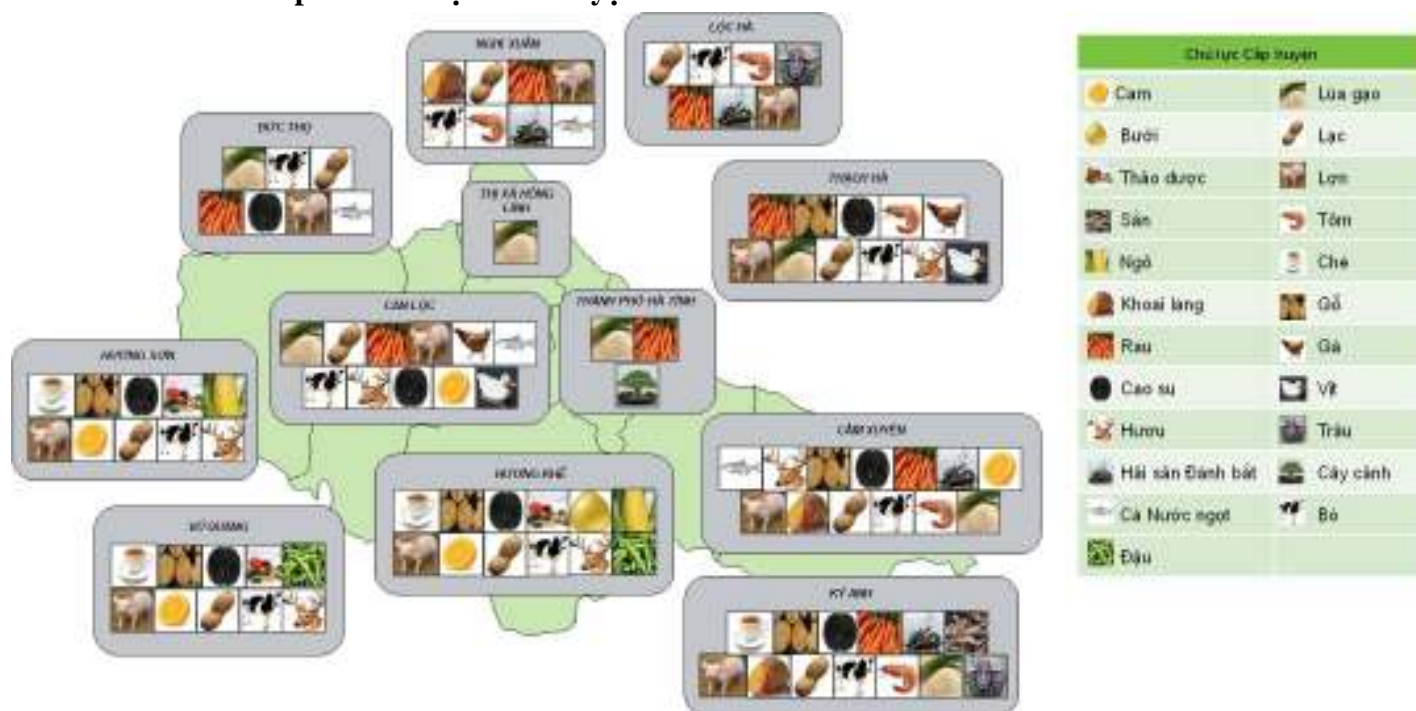
**Hình 86: Cây trồng vật nuôi chủ lực cấp tỉnh và cấp huyện**

| Chủ lực cấp tỉnh         | Lúa gạo   | Lạc   | Lợn  | Tôm   | Gỗ  |              |          |
|--------------------------|---|---|--|---|---|--------------|----------|
|                          |  |  |  |  |  |              |          |
| Ưu tiên cấp huyện loại 1 | Cam   | Bò  | Thảo dược  | Chè   | Cao su  | Cá Nước ngọt |          |
|                          | Bưởi  | Rau   | Hươu   | Khoai lang  | Hải sản   | Đánh bắt     |          |
| Ưu tiên cấp huyện loại 2 | Đậu   | Gà  | Sắn  | Vịt   | Trâu  | Ngô          | Cây cảnh |

**Hình 87: Sản phẩm cây trồng vật nuôi chủ lực từng huyện**

| <b>Huyện</b>             | <b>Sản phẩm Chủ lực</b>   |
|--------------------------|---|
| <b>Hương Sơn</b>         | Cao su, lạc, cam (trong đó có cam bù*), chè, thảo dược, lợn, bò, hươu, gỗ, ngô  |
| <b>Đức Thọ</b>           | Lúa gạo, lạc, rau, cao su, lợn, bò, cá nước ngọt  |
| <b>Vũ Quang</b>          | Cam, cao su, lạc, chè, lợn, bò, hươu, gỗ, thảo dược, đậu (trong đó có đậu xanh)   |
| <b>Nghi Xuân</b>         | Lạc, khoai lang, rau, bò, lợn, tôm, hải sản đánh bắt, cá nước ngọt  |
| <b>Can Lộc</b>           | Lúa gạo, lạc, rau, cam, cao su, bò, lợn, hươu, gà, vịt, cá nước ngọt  |
| <b>Thành phố Hà Tĩnh</b> | Lúa gạo, rau, cây cảnh  |
| <b>Hương Khê</b>         | Cam, bưởi (trong đó có bưởi Phúc Trạch)*, lạc, chè, cao su, lợn, bò, hươu, gỗ, thảo dược, đậu (trong đó có đậu xanh), ngô |
| <b>Thạch Hà</b>          | Lúa gạo, cao su, rau, lạc, lợn, bò, hươu, tôm, gỗ, gà, vịt  |
| <b>Cẩm Xuyên</b>         | Lúa gạo, khoai lang, lạc, cam, cao su, rau, lợn, bò, hươu, tôm, hải sản đánh bắt, gỗ, cá nước ngọt                        |
| <b>Kỳ Anh</b>            | Lúa gạo, lạc, cao su, khoai lang, rau, chè, lợn, bò, hải sản đánh bắt, tôm, gỗ, trâu, sắn                                 |
| <b>Lộc Hà</b>            | Lạc, rau, lợn, bò, tôm, hải sản đánh bắt, trâu  |
| <b>Hồng Lĩnh</b>         | Lúa gạo   |

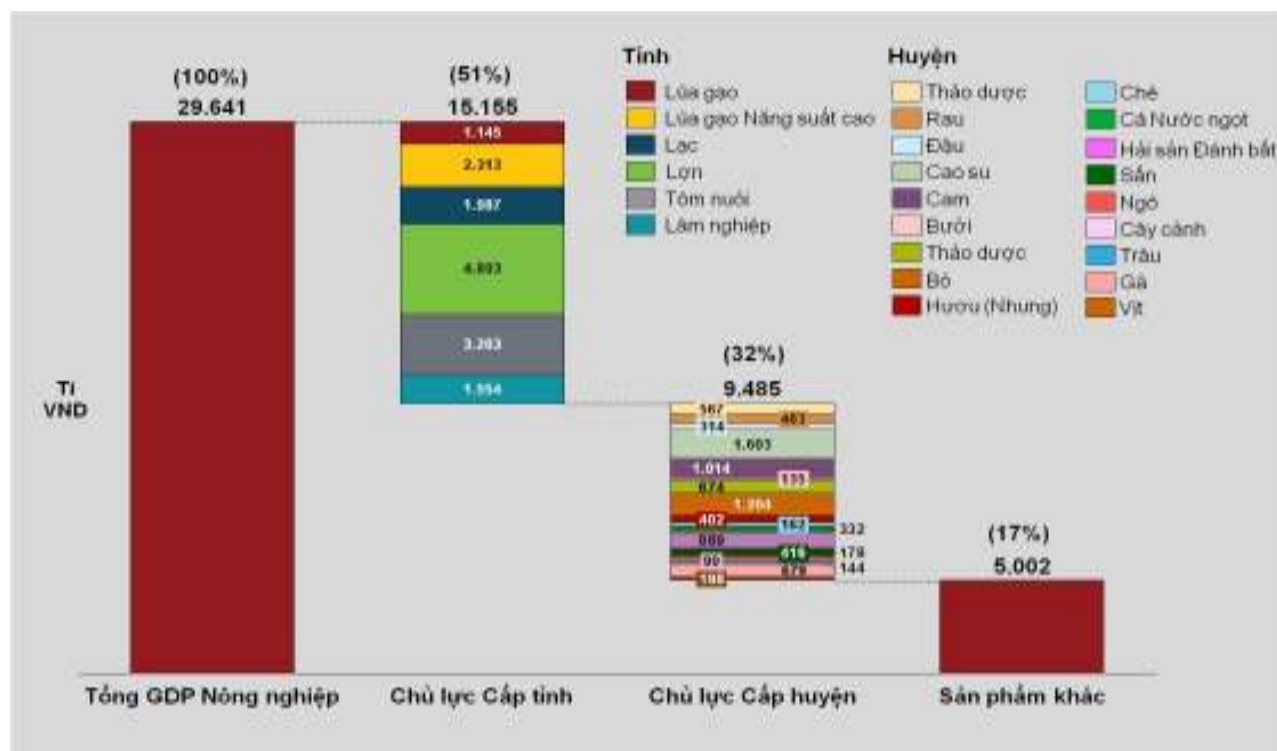
\* Sản phẩm đặc thù chỉ có ở huyện

**Hình 88: Bản đồ sản phẩm chủ lực theo huyện**

Nguồn: Phân tích của Monitor

Đóng góp GDP từ các sản phẩm cây trồng vật nuôi chủ lực được trình bày trong Hình 89. Sản phẩm chủ lực cấp tỉnh (gồm cả đóng góp của sản xuất và chế biến) sẽ chiếm 51% tổng GDP nông nghiệp vào năm 2020, còn sản phẩm chủ lực cấp huyện chiếm 32%. Như vậy, 83% GDP nông nghiệp sẽ đến từ 23 sản phẩm cây trồng vật nuôi chủ lực.

Cần lưu ý là hầu hết các sản phẩm chủ lực, trong đó có cả chủ lực cấp tỉnh, không phải vùng nào trong tỉnh cũng trồng được. Do đó, không phải huyện nào cũng nên tập trung vào các sản phẩm đó. Ngoài ra, mỗi huyện cần tập trung vào 1 vài sản phẩm để xây dựng năng lực của mình với các sản phẩm đó, đưa ra định hướng cho nông dân, tìm kiếm đầu tư phù hợp. Dưới đây là các sản phẩm chủ lực cấp tỉnh và huyện. Các huyện cần dựa vào danh mục sản phẩm chủ lực ở cả cấp tỉnh và huyện. Đề xuất dưới đây dựa vào phân tích điều kiện từng huyện và mức độ phù hợp của các sản phẩm với mỗi huyện.

**Hình 89: Đóng góp GDP từ sản phẩm cây trồng vật nuôi chủ lực vào năm 2020**

Nguồn: Phân tích của Monitor

Một số sản phẩm không nằm trong danh mục chủ lực cấp tỉnh, nhưng có thể phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh nghiệm sản xuất ở 1 số huyện nhất định. Danh mục sản phẩm chủ lực cấp huyện sẽ được xác định dựa trên phân tích chi tiết về điều kiện khí hậu, địa hình, thổ nhưỡng, thủy lợi, khoảng cách tới sông, biển, và các điều kiện khác của từng huyện.

Ở vùng miền núi phía tây, cây trồng chính sẽ là cây lâm nghiệp: gỗ, cao su, cây thảo dược, cây ăn quả. Đây là khu vực của các huyện Hương Sơn, Vũ Quang, Hương Khê và các vùng cao của huyện Thạch Hà, Kỳ Anh. Về chăn nuôi, khu vực này phù hợp với nuôi hươu. Ở khu vực thấp hơn, bò sẽ là vật nuôi nên phát triển.

Vùng đồng bằng trung du sẽ ưu tiên phát triển lúa gạo ở nơi địa hình bằng phẳng và lạc ở vùng đồi thấp, cùng với 2 sản phẩm là lợn và sắn. Đây là khu vực các huyện Đức Thọ, Can Lộc, các khu ven biển huyện Cẩm Xuyên, Lộc Hà, Nghi Xuân, các khu vực thấp hơn và không phải ven biển của huyện Thạch Hà và Kỳ Anh, và các khu vực nông thôn của thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh. Khoai tây cũng là cây trồng ưu tiên tại những khu vực nói trên. Khu vực ven biển sẽ đẩy mạnh khai thác đất cát, diện tích nước lợ và diện tích ven biển để ưu tiên nuôi tôm và đánh bắt hải sản. Khu vực này chạy qua các huyện Nghi Xuân, Lộc Hà, Cẩm Xuyên và Kỳ Anh; các xã phía đông của Thạch Hà cũng sẽ ưu tiên các sản phẩm này.

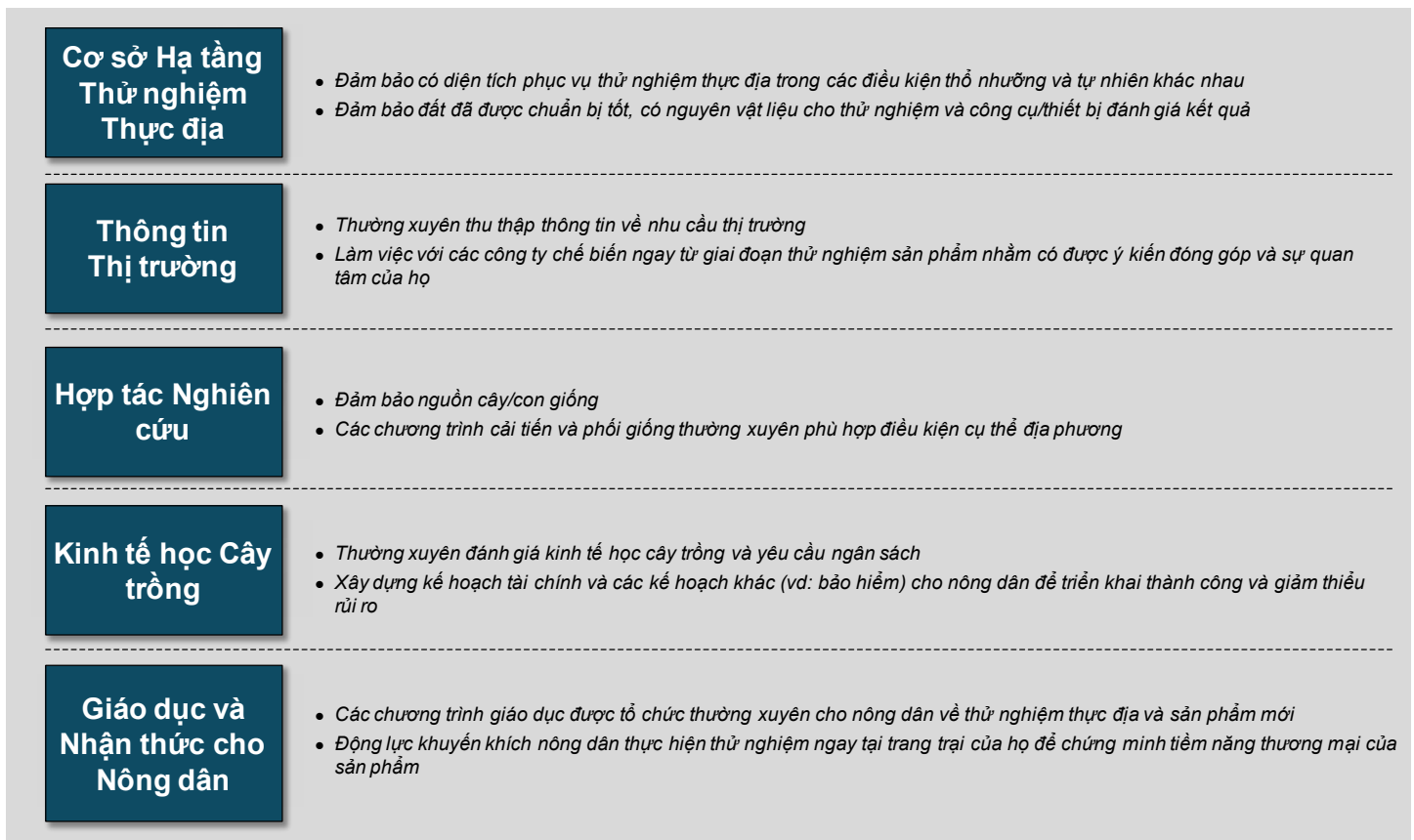
Hà Tĩnh cũng có nhiều loại cây trồng vật nuôi không nằm trong danh mục sản phẩm chủ lực cả ở cấp tỉnh lẫn cấp huyện. Theo phân tích đã tiến hành, những sản phẩm này không nên phát triển quá rộng rãi. Song tại 1 số xã nhất định, những sản phẩm này lại có thể đóng vai trò quan trọng. Trong nhiều trường hợp, những sản phẩm này có thể trồng xen canh hoặc đa canh, giúp nông dân tăng khả năng chống chịu rủi ro và tăng năng suất cây

trồng. Do đó, mặc dù tỉnh nên có kế hoạch chuyển dần sang các sản phẩm chủ lực, việc xen canh và đa canh với những sản phẩm này vẫn nên được tiến hành..

#### 2.2.2.2.2 Sản phẩm tiềm năng

Mô hình đã đề xuất về xác định sản phẩm chủ lực có tính linh hoạt và cần được điều chỉnh khi điều kiện thị trường bên trong và bên ngoài có những thay đổi. Danh mục sản phẩm chủ lực, cả ở cấp tỉnh lẫn cấp huyện, sẽ được rà soát lại định kỳ với sự hỗ trợ từ các chuyên gia quốc tế về nông nghiệp. Một số sản phẩm có thể được bỏ đi và 1 số sản phẩm mới được đưa vào. Các sản phẩm khác được giới thiệu ở tỉnh sẽ được thử nghiệm 1 cách có hệ thống và khoa học. Kết quả thử nghiệm được đánh giá và thông báo đến cộng đồng khoa học trong tỉnh và quốc gia, trước khi sản phẩm thử nghiệm thành công được đưa vào danh mục chủ lực của tỉnh.

### Hình 90: Cách tiếp cận tổng hợp để thử nghiệm sản phẩm



Do đó, việc quản lý các chương trình thử nghiệm đóng vai trò quan trọng, và phải tập trung vào lợi ích từ trung đến dài hạn. Để làm được điều này, tỉnh cần thực hiện 1 số bước đi cụ thể nhằm đảm bảo phương pháp tiếp cận có cấu trúc và hệ thống, gồm (a) xây dựng cơ sở hạ tầng thử nghiệm trên thực địa ngay tại trang trại, (b) thu thập thông tin thị trường, (c) thiết lập quan hệ đối tác nghiên cứu, (d) nghiên cứu kinh tế học cây trồng và (e) lồng ghép các yếu tố này vào chương trình tập huấn, nâng cao nhận thức cho nông dân.

### 2.2.2.3 Tích tụ ruộng đất và đẩy mạnh sản xuất hàng hóa

#### 2.2.2.3.1 Mô hình sản xuất mới

Nông nghiệp Hà Tĩnh chủ yếu gồm các nông hộ nhỏ sản xuất vừa để tự cung vừa để bán ra thị trường. Đây là mô hình thường thấy ở gần như tất cả các phân cụm của cụm ngành nông nghiệp: trồng trọt, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản. Tuy nhiên, để đạt được các mục tiêu kinh tế đề ra, Hà Tĩnh cần dần xóa bỏ mô hình sản xuất quy mô nhỏ này bằng cách tích tụ diện tích đất nông lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản để có diện tích lớn hơn, chủ yếu phục vụ sản xuất hàng hóa. Nhờ đó, tỉnh có thể tận dụng lợi thế của sản xuất quy mô lớn, đảm bảo ổn định nguồn cung, mở rộng sản xuất để cung ứng sản phẩm quanh năm (ví dụ như trồng rau mùa đông), đẩy mạnh chia sẻ kiến thức. Đây là yếu tố đặc biệt quan trọng để sản xuất mang định hướng xuất khẩu, do nhiều thị trường xuất khẩu đòi hỏi các biện pháp canh tác và xử lý sản phẩm phải thống nhất, có thể truy xuất nguồn gốc và đảm bảo chất lượng. Các hộ nông dân nhỏ lẻ cũng gặp nhiều khó khăn hơn trong việc xin cấp chứng nhận chất lượng, ngay cả với tiêu chuẩn của quốc gia là VietGAP. Các chứng nhận AsianGAP và GlobalGAP còn khó khăn hơn nữa.

Việc chuyển từ sản xuất quy mô nhỏ sang quy mô lớn sẽ mang lại tác động rõ ràng cho đời sống người dân. Một số nông dân có thể tìm việc làm mới ở khu vực nông thôn khác hoặc ở các đô thị lớn trong tỉnh. Do vậy, chính quyền cần chú ý đặc biệt để hỗ trợ nông dân và đảm bảo ổn định xã hội. Đây cũng là trụ cột thứ 5 để phát triển nông nghiệp: ổn định và phát triển xã hội nông thôn.

#### 2.2.2.3.2 Ba cách thức để tích tụ ruộng đất

Khi chuyển sang sản xuất quy mô lớn, tỉnh có 3 cách thức để tích tụ ruộng đất và chuyên nghiệp hóa sản xuất nông nghiệp. Mỗi cách đều có lợi ích riêng và phù hợp với 1 số điều kiện nhất định..

- **Trang trại sản xuất hàng hóa quy mô lớn:** Cách đầu tiên là qua xây dựng trang trại sản xuất hàng hóa quy mô lớn, có diện tích đất lớn và thuê tuyển nông dân làm việc. Lợi thế lớn nhất của mô hình này là quy mô lớn và tất cả những lợi ích đi kèm với quy mô lớn, trong đó có tiếp cận vốn, dễ tìm được người tài, có kiến thức và thông tin thị trường; khả năng quyết định giá tốt hơn; cùng các lợi thế khác. Tuy nhiên, trang trại sản xuất hàng hóa quy mô lớn cũng có những bất lợi. Do lao động không được nắm quyền sở hữu đất (như trong mô hình hiện tại) và thường không được hưởng lợi trực tiếp từ việc gia tăng sản xuất, động lực của họ có thể giảm sút. Ngoài ra, mô hình này còn có chi phí chung cao do phải quản lý nhiều lao động trong 1 nông trại thương mại lớn. Vì những lợi thế và bất lợi nói trên, mô hình này thích hợp nhất là cho cây trồng hàng hoá như lạc, cao su, chăn nuôi đại gia súc do tận dụng được cơ giới hoá hoặc do có yêu cầu vốn đầu tư từ đầu lớn.
- **Hợp tác xã nông dân nhỏ:** Cách thức thứ 2 để tích tụ ruộng đất là tập hợp hộ nông dân nhỏ lẻ thành các tổ chức chính thức hoặc không chính thức sản xuất 1 số sản phẩm nông nghiệp nhất định. Cũng giống nông trại sản xuất hàng hóa quy mô lớn, cách thức này cũng có cả lợi thế và bất lợi. Ưu thế lớn nhất của mô hình này là vừa mang lại 1 số lợi ích từ sản xuất quy mô lớn (chia sẻ kiến thức, khả năng quyết định giá, tiếng nói với chính quyền, huy động vốn), vừa duy trì 1 số lợi ích của mô hình sản xuất cá nhân như trước đây: lao động có động lực làm việc, ít chi phí quản lý, tính linh hoạt trong thay đổi sản phẩm chủ lực cao hơn).

Ngoài ra, mô hình này cũng giúp nông dân ít phải di dời khỏi nơi ở của mình. Mặc dù ít có khả năng cạnh tranh với doanh nghiệp thương mại lớn về hàng hóa sản xuất hàng loạt, hợp tác xã nông dân nhỏ lại phù hợp hơn với 1 số sản phẩm. Đây là những sản phẩm cần nhiều lao động và cần chuyên canh như tôm, cam, bưởi. Trên thực tế, hợp tác xã nông dân nhỏ nhiều khi còn có năng suất cao hơn với lượng vốn bỏ ra ít hơn so với nông trại thương mại khi sản xuất các loại sản phẩm này.

- **Hợp tác nông hộ nhỏ - Doanh nghiệp:** Cách thức cuối cùng là để các hộ nông dân nhỏ ký hợp đồng trực tiếp với doanh nghiệp, được hỗ trợ và có thể cả nguyên vật liệu sản xuất. Hình thức ở đây có thể là canh tác theo hợp đồng – nông dân chỉ cần thực hiện theo hợp đồng ký với doanh nghiệp để được bán sản phẩm với giá thị trường, nhờ đó không bị tình trạng biến động thị trường ảnh hưởng. Do cần hỗ trợ nông dân sản xuất sản phẩm chất lượng cao, đồng nhất, doanh nghiệp thường xuyên tổ chức tập huấn và cung cấp kiến thức cho nông dân, cũng như đảm bảo sản phẩm sản xuất ra đáp ứng được nhu cầu doanh nghiệp và thị trường. Ngoài ra, hình thức hợp tác này cũng có thể gồm hỗ trợ về nguyên vật liệu sản xuất, cơ sở hạ tầng, cung cấp lao động; nông dân có thể được trả lương và hưởng 1 phần lợi nhuận từ sản phẩm của mình. Điểm hạn chế của mô hình này là nông dân không có nhiều quyền quyết định về thị trường, do đó doanh nghiệp có thể né tránh, không trả đúng giá cho nông dân. Một hạn chế nữa là cơ chế thực thi hợp đồng cho doanh nghiệp trong trường hợp nông dân bán sản phẩm ngoài hợp đồng để có giá cao hơn. Về dài hạn, mô hình hợp tác xã nông dân nhỏ sẽ chiếm ưu thế nhờ việc nông dân tự có ý thức thực thi hợp đồng hơn khi đã là xã viên hợp tác xã. Tuy nhiên, mô hình hợp tác nông hộ - doanh nghiệp này lại phù hợp với ngắn hạn do dễ thiết lập và tương đối dễ mở rộng quy mô.

#### 2.2.2.3.3 *Thúc đẩy các nhóm nông dân nhỏ*

Tỉnh cần đóng vai trò tích cực trong quá trình tích tụ ruộng đất bằng cách khuyến khích và thúc đẩy hợp tác qua giữa những hộ nông dân nhỏ lẻ. Để làm được điều đó, tỉnh phải (1) giúp nông dân tập hợp lại và xây dựng các hệ thống và quy trình cần có để hợp tác; (2) xây dựng cơ sở hạ tầng cơ bản hỗ trợ các hội/hợp tác xã mới thành lập.

##### 2.2.2.3.3.1 *Thúc đẩy qua hỗ trợ*

Hà Tĩnh phải đóng vai trò tích cực trong hỗ trợ các nhóm nông dân thành lập. Một số hoạt động hỗ trợ:

- **Nâng cao nhận thức:** Nâng cao nhận thức ban đầu và khuyến khích thành lập các nhóm nông dân, hợp tác xã nông dân định hướng thị trường
- **Xây dựng hợp tác xã:** Làm việc với các hội nông dân để xây dựng cơ cấu hợp tác xã rõ ràng, tổ chức theo các huyện và với các sản phẩm chủ lực
- **Hỗ trợ hoạt động của hợp tác xã:** Giúp các nhóm nông dân hoạt động để mang lại lợi ích lớn nhất cho các thành viên: hỗ trợ quản lý, ký hợp đồng, chuẩn hóa loại sản phẩm, vv
- **Đặt ra quy định:** Đặt ra các hướng dẫn và quy định hoạt động rõ ràng cho hợp tác xã: cơ cấu quản trị rõ ràng (ban quản lý); hướng dẫn gia nhập/ra khỏi hợp tác xã, quy định về tham gia, phân chia lợi nhuận; hỗ trợ việc đơn giản hóa quy định về hợp tác xã ở cấp quốc gia và đảm bảo các quy định ở cấp tỉnh phù hợp với quy định quốc gia



- **Tìm ra và tập huấn cho lãnh đạo:** Tìm ra và giúp tập huấn cho lãnh đạo và các thành viên ban quản lý
- **Tập huấn cho toàn hợp tác xã:** Đầu tư vào chương trình tập huấn cho nông dân để họ thích nghi với mô hình sản xuất mới
- **Gắn kết với thị trường:** Tạo điều kiện cho hợp tác giữa đơn vị thu mua-nhóm nông dân với các sản phẩm đã xác định, có hướng dẫn rõ ràng và minh bạch cho quan hệ hợp tác này, trong đó có xây dựng các mẫu hợp đồng chuẩn và làm trọng tài cho các bên nếu cần thiết

### Hình 91: Nông dân trồng mía Thái Lan – Thành công nhờ liên kết

Mía đường ở Thái Lan chủ yếu do các nông hộ nhỏ sản xuất, con số nông hộ ở đây lên tới hàng trăm nghìn. Với diện tích đất thường dưới 10 ha/hộ, những nông dân này nắm tổng cộng gần 1 triệu ha mía đường.

Tuy nhiên, trong nhiều năm, họ ít có khả năng bán được giá cao cho 46 nhà máy đường trên toàn Thái Lan. Các nhà máy tận dụng việc các nông hộ này tự canh tranh lẫn nhau, qua đó làm giảm giá bán mía đường. Ngoài ra, do mía nhanh mất độ ngọt, nông dân thường phải bán gấp trước khi sản phẩm của mình bị hư hỏng hết. Do đó, nông dân Thái Lan không có được thu nhập như họ mong muốn và xứng đáng.

Trước tình hình này, với sự trợ giúp từ chính phủ, nông dân ở đây đã thành lập Hiệp hội Nông dân Mía đường. Hiệp hội này tập hợp nông dân lại, tạo ra cơ chế để họ đàm phán giá tốt hơn. Chính phủ đóng vai trò trung gian cho việc đàm phán này. Hiện trên toàn Thái Lan có rất nhiều các hiệp hội tương tự.



Nguồn: Sản xuất Nông nghiệp Hàng hóa Cạnh tranh ở Đông Bắc Thái Lan; FAO; Appon's Thai Food

#### 2.2.2.3.3.2 Xây dựng trung tâm hỗ trợ nông dân tổng hợp cấp huyện

Để hỗ trợ hợp tác giữa các nông dân, huyện cần xây dựng các trung tâm hỗ trợ nông dân tổng hợp cấp huyện. Những trung tâm này có thể phục vụ nhiều chức năng cho cộng đồng ở huyện, thúc đẩy hợp tác chính thức và không chính thức, cung cấp dịch vụ cơ bản giúp nông dân tăng năng suất. Những trung tâm này có các đặc điểm cụ thể như sau:

- Là nơi tổ chức hoạt động hỗ trợ
- Là nơi để nông dân tập hợp, gặp gỡ
- Là trung tâm thu gom sản phẩm và thanh toán
- Là trung tâm tập huấn
- Nằm gần trung tâm thử nghiệm trên thực địa
- Là trung tâm cung cấp dịch vụ khu vực nông thôn (ngân hàng, thú y, y tế, sửa chữa thiết bị, vv)
- Nơi trú tránh trong thiên tai cho cộng đồng

## Hình 92: Sản xuất hàng hóa với cà phê Việt Nam

Trong gần như toàn bộ thế kỷ 20, ngành công nghiệp cà phê Việt Nam phát triển không đáng kể. Trên thị trường cà phê thế giới, sản xuất cà phê của Việt Nam còn rất hạn chế và thị phần mới chỉ đạt 1,2%. Đến cuối những năm 1980, những sự kiện trên toàn cầu cùng thay đổi trong chính sách của chính phủ Việt Nam, tình trạng nói trên đã thay đổi mạnh mẽ.

Trước hết, năm 1989, Hiệp định Cà phê Quốc tế (ICA) kiểm soát ngành cà phê bằng cách áp đặt hạn ngạch nghiêm ngặt lên các nước như Việt Nam đã bị bãi bỏ. Lần đầu tiên trong lịch sử, Việt Nam được tiếp xúc 1 thị trường thế giới không còn bị hạn chế. Chính phủ Việt Nam lập tức nhận ra cơ hội và tiến hành nhiều cải cách quan trọng để tận dụng. Chính phủ đã giải thể các trang trại sở hữu nhà nước, nhường chỗ cho trang trại sở hữu tư nhân và tạo điều kiện cho tự do hóa sản xuất. Ngoài ra, doanh nghiệp tư nhân còn được khuyến khích tham gia. Đây là nền tảng để các công ty đầu tư mạnh mẽ vào lĩnh vực trồng cà phê. Một trong những công ty như vậy là Trung Nguyên - hiện đang là thương hiệu cà phê thành công nhất cả nước.

Với những thay đổi như trên, ngành cà phê Việt Nam đã bước chuyển biến mạnh mẽ. Từ 1986 đến 1996, tổng diện tích trồng cà phê tăng 21%/năm; năng suất cà phê tăng 6%/năm. Từ 1991 đến 2010, xuất khẩu cà phê trung bình hàng năm tăng từ 3 triệu túi lên 17 triệu túi. Thị phần quốc tế của cà phê Việt Nam đã tăng nhanh chóng, hiện đạt 18%. Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu cà phê lớn thứ 2 thế giới chỉ sau Brazil, và là nước xuất khẩu lớn nhất về cà phê Robusta.



Nguồn: Cà phê Trung Nguyên; ICO, Ngân hàng Thế giới, Việt Nam Exports, Doutriaz và cộng sự(2008); Stockman (2009); Phân tích của Monitor

### 2.2.2.3.4 Thúc đẩy hợp tác giữa nông hộ nhỏ và doanh nghiệp

Mặc dù tỉnh nên khuyến khích nông hộ nhỏ phát triển thành nhóm nông dân và hợp tác xã, về ngắn hạn, các doanh nghiệp có thể ưu tiên hợp tác trực tiếp với nông hộ nhỏ hơn, như đã đề cập ở trên. Mô hình này hiện đã được áp dụng tại các doanh nghiệp cao su trong tỉnh ở những khu rừng trồng cao su lớn. Các trung tâm huyện sẽ hỗ trợ doanh nghiệp tìm được hộ nông dân phù hợp để hợp tác, giúp đỡ nông dân hiểu được quyền và trách nhiệm của mình theo hợp đồng, và đứng ra giải quyết khi có trách chấp giữa các bên.

### 2.2.2.3.5 Thúc đẩy trang trại sản xuất hàng hóa quy mô lớn:

Tỉnh cũng cần đóng vai trò tích cực trong việc gây dựng các trang trại sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Chính quyền tỉnh phải hỗ trợ các công ty bên ngoài tham gia thị trường sản xuất nông nghiệp bằng cách thuyết phục nông dân thực hiện tích tụ ruộng đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho công ty. Do việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất được quyết định ở cấp tỉnh, chính quyền tỉnh phải hoạt động hết sức tích cực để thúc đẩy quá trình này. Trong quá trình này, nông dân sẽ được nhận hỗ trợ để họ góp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Tỉnh hỗ trợ về đàm phán hợp đồng chuyển nhượng, hỗ trợ sau thỏa thuận khi nông dân phải chuyển đổi việc làm - nếu được yêu cầu trong thỏa thuận. Trung tâm Hỗ trợ Nông dân Tổng hợp cấp Huyện có thể được tận dụng làm địa điểm cho các bên đàm phán và các hoạt động khác kể trên.

### 2.2.2.3.6 Cải thiện cơ sở sản xuất và cung ứng giống

Mặc dù nông dân thường tự sản xuất giống để gieo trồng, cách làm này khiến giảm chất lượng giống, dẫn tới năng suất và chất lượng thấp hơn. Các loại giống hiện đại được sản xuất thương mại giúp người trồng dễ biết trước đặc tính của cây trồng hơn cây được lai từ các hạt để dành làm giống. Ngoài ra, nhờ ghép cây, các công ty sản xuất và cung ứng giống có thể tạo ra giống sinh trưởng mạnh hơn, chịu được nhiều loại đất hoặc điều kiện khí hậu hơn, kháng bệnh tốt hơn. Các chuyên gia cho biết, ít nhất là 3 năm 1 lần, nông dân cần gieo trồng với giống lấy từ công ty sản xuất và cung ứng giống thương mại

Về sản xuất giống, Hà Tĩnh có nhiều cơ hội tham gia các khâu giá trị cao trong chuỗi giá trị (Hình 93).

**Hình 93: Chuỗi giá trị sản xuất giống**



Ghi chú: 1 Giống thể hệ bố mẹ sản xuất từ giống gốc do công ty tạo giống cây trồng sản xuất, 2 Bán cho nông dân, đáp ứng tiêu chuẩn nhất định về chất lượng và độ thuần chủng do cơ quan nhà nước đặt ra.

Nguồn: Ban Nghiên cứu Kinh tế - Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, Hiệp hội Giống cây trồng Anh

Hà Tĩnh có thể thu hút các công ty giống tổ chức chương trình sản xuất giống theo hợp đồng: lựa chọn 1 số nông dân, đào tạo họ tại các trung tâm kỹ thuật nhân giống hiện có, để họ trở lại làm việc ở trang trại của họ ở Hà Tĩnh. Sau chương trình, 1 số nông dân sẽ chuyển từ công việc hiện tại sang chuyên cung ứng giống cây

trồng ở tỉnh. Nếu được các công ty cung ứng giống chuyên nghiệp đào tạo, các nông dân này cũng sẽ được học về các kỹ thuật đã cải tiến khác, như trồng cây giống, ghép cành, đặc biệt là bảo vệ cây trồng.

Với việc sản xuất giống ngay trong tỉnh, các công ty giống có thêm động lực để gia công thêm giống cho phù hợp điều kiện địa phương – sấy khô, làm sạch, ghép cây và đóng gói.

Để thúc đẩy quá trình này, chính quyền tỉnh cần trao đổi với công ty giống cây trồng, mời họ đến Hà Tĩnh để làm việc với nông dân. Các công ty giống có thể cung cấp dịch vụ khuyến nông hoặc dịch vụ kèm theo khác. Đó sẽ là công cụ quan trọng để cải thiện phương pháp canh tác hiện tại của tỉnh, đồng thời hỗ trợ tinh chuyển sang nền nông nghiệp sạch, hữu cơ và công nghệ cao.

#### 2.2.2.3.7 Phát triển nông nghiệp hữu cơ, sạch và công nghệ cao

Để thúc đẩy sản xuất hàng hóa, tỉnh sẽ tập trung phát triển nông nghiệp hữu cơ, sạch và công nghệ cao. Điều này sẽ giúp Hà Tĩnh tham gia các chuỗi giá trị trong nước và quốc tế có trình độ cao hơn, với sản phẩm được đánh giá cao và đáng tin cậy.

Để phát triển loại hình nông nghiệp này, tỉnh cần có 3 yếu tố chính như sau:

- Nguồn giống tốt hơn
- Cải thiện kỹ thuật trồng và cơ sở hạ tầng
- Sử dụng đúng mục đích, có ghi chép thường xuyên với phân bón và thuốc trừ sâu

**Nguồn giống tốt hơn:** Như đề cập ở trên, nguồn giống hiệu quả và có thể truy xuất nguồn gốc có vai trò rất quan trọng để đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng cao, đặc biệt là trong nông nghiệp công nghệ cao (việc quản lý nguyên vật liệu là điều tiên quyết để những đầu tư khác vào công nghệ phát huy được hiệu quả), nông nghiệp sạch (chỉ 1 số giống nhất định mới cho phép giảm lượng sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu – điều kiện để được công nhận là sạch) và nông nghiệp hữu cơ (sử dụng giống từ sản xuất hữu cơ và hoàn toàn minh bạch về chuỗi cung ứng là điều kiện để được cấp chứng nhận hữu cơ). Nhằm đạt được mục tiêu này, tỉnh phải khuyến khích nông dân sử dụng nguồn giống từ các công ty giống cây trồng trong tỉnh, ít nhất 3 năm 1 lần.

**Cải thiện kỹ thuật trồng và cơ sở hạ tầng:** Tỉnh cần cải thiện kỹ thuật trồng để có hiệu quả cao hơn, cũng như có cơ sở hạ tầng tiên tiến hơn. Trong tất cả các trường hợp, tỉnh đều cần có cơ sở hạ tầng tiên tiến hơn (lưới, khung màn bảo vệ rau, có thể cả nhà kính). Sau đó, kỹ thuật trồng cũng cần được cải thiện, gồm việc sử dụng tốt hơn kết quả phân tích khoa học về loại đất, mô hình thời tiết, chu kỳ dịch bệnh để lên kế hoạch khi nào và làm thế nào để trồng và thu hoạch sản phẩm. Ngoài ra, việc cơ giới hóa nếu có thể thực hiện được cũng sẽ là 1 yếu tố rất quan trọng – ví dụ như chuyển sang gieo xạ và dùng máy gặt đập liên hoàn với lúa gạo sẽ giúp giảm đáng kể lao động đồng thời tăng sản lượng, giảm hao hụt. Trong chăn nuôi, tỉnh cần đảm bảo chất lượng thức ăn, xây dựng chuồng trại phù hợp, kiểm soát hợp lý chất thải (thu gom phân bò để bón cây, xử lý thích hợp phân lợn vì có thể gây độc cho cây trồng nếu dung bón trực tiếp hoặc bón quá nhiều). Để tạo ra những bước chuyển biến lớn như trên, Hà Tĩnh cần tập huấn cho nông dân, tổ chức qua các trung tâm huyện và/hoặc với sự hỗ trợ của công ty giống cây trồng hoặc công ty chế biến.

**Sử dụng đúng mục đích, có ghi chép với phân bón và thuốc trừ sâu:** Nhằm phát triển thành công nông nghiệp, tỉnh luôn cần thận trọng và giám sát thống nhất việc sử dụng hóa chất. Để được cấp chứng chỉ nông nghiệp hữu cơ, nông dân chỉ được sử dụng 1 số hóa chất nhất định sau khi đã được cơ quan hữu quan đồng ý, đồng thời nông nghiệp công nghệ cao yêu cầu sử dụng lượng chính xác 1 số loại hóa chất nhất định trong suốt chu kỳ sinh trưởng. Trong khi đó, nông nghiệp sạch cũng yêu cầu kiểm soát chặt chẽ các hóa chất được sử dụng để tránh ô nhiễm và phá hủy đất đai, thổ nhưỡng xung quanh. Nông dân sẽ cần được tập huấn thêm về ý nghĩa và kỹ thuật sử dụng hóa chất đúng cách, tổ chức qua các trung tâm huyện và/hoặc với sự hỗ trợ của công ty giống cây trồng hoặc công ty chế biến.

#### 2.2.2.3.8 Xây dựng thương hiệu

Thương hiệu vùng ở Việt Nam đã được sử dụng để nâng cao giá trị và doanh thu, thông qua việc gắn 1 số nông sản với các vùng miền cụ thể trong nước. Theo Cục Sở hữu Trí tuệ, cả nước hiện có 800 sản phẩm nông nghiệp nổi tiếng ở hầu hết các địa phương trên toàn quốc. Việt Nam mới chỉ có 9 thương hiệu tập thể, 62 thương hiệu có chứng nhận (ví dụ như đáp ứng tiêu chuẩn ISO), và 24 chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm nông nghiệp nội tiếng. 53 nông sản đã được hỗ trợ đăng ký chỉ dẫn địa lý theo chương trình gần đây của Cục Sở hữu Trí tuệ nhằm phát triển và hỗ trợ thương hiệu cho các nông sản quốc gia

Hà Tĩnh đã đăng ký thương hiệu cho bưởi Phúc Trạch và sản phẩm nhung hươu. Với các thương hiệu như vậy, người mua cảm thấy yên tâm hơn vì chắc chắn sản phẩm đến từ Hà Tĩnh, có những đặc tính chất lượng khác biệt với sản phẩm khác cùng loại trên thị trường. Điều này bảo vệ giá trị cho sản phẩm, giúp sản phẩm không bị ảnh hưởng bởi các sản phẩm hàng giả hàng nhái kém chất lượng.

Trong 10 năm tới, Hà Tĩnh sẽ mở rộng đáng kể danh mục thương hiệu của mình, đặc biệt là gắn thương hiệu với các sản phẩm chế biến được sản xuất trong tỉnh (ví dụ như kẹo cu đơ) và sản phẩm thô (ví dụ như cam Bù). Chính quyền tỉnh sẽ làm việc với doanh nghiệp nông nghiệp và, thông qua các trung tâm huyện, các nhóm nông dân để tìm ra sản phẩm tiềm năng đăng ký thương hiệu, hỗ trợ các đối tượng này trong quá trình xin chứng nhận của Cục Sở hữu Trí tuệ.

#### 2.2.2.4 Phát triển mạnh hoạt động chế biến

Trụ cột thứ 3 để phát triển cụm ngành nông nghiệp là đẩy mạnh hoạt động chế biến, mở các cơ sở chế biến nông sản để chế biến và/hoặc xuất khẩu nhằm thu được giá trị cao nhất từ sản phẩm ban đầu. Các cơ sở này có nhiều ứng dụng khác nhau: phân loại sản phẩm, làm sạch, đóng gói sản phẩm, cất trữ và vận chuyển, tạo thành phẩm chế biến để tiêu thụ cho người dân hoặc sử dụng trong công nghiệp, ở cả trong và ngoài nước. Trụ cột này được thực hiện nhằm mang lại 1 số mục tiêu cho tỉnh Hà Tĩnh:

- Thu hút đầu tư thông qua xây dựng các cơ sở chế biến và xuất khẩu thực phẩm
- Tạo thêm giá trị gia tăng cho nông sản Hà Tĩnh
- Tăng tiền lương và tạo việc làm có trình độ cao hơn trong tỉnh
- Mang công nghệ về công nghiệp và dịch vụ hậu cần đến Hà Tĩnh
- Xây dựng các trung tâm xuất sắc về 1 số mặt hàng nhất định ở Hà Tĩnh

- Xây dựng hình ảnh về Hà Tĩnh là tỉnh đi đầu trong và có thể là cả ngoài nước về 1 số sản phẩm tỉnh có lợi thế cạnh tranh rõ ràng, trọng tâm ban đầu là nhưng hươu, bưởi, tôm nuôi

Công nghiệp chế biến ban đầu sẽ tập trung vào các sản phẩm chủ lực cấp tỉnh mà Hà Tĩnh có thể mang lại giá trị cho nhà đầu tư, dựa trên năng lực của tỉnh và thị trường tiềm năng/thị trường đã được chứng minh. Khi đã thành công với các sản phẩm chủ lực này, Hà Tĩnh sẽ dễ dàng hơn trong thu hút đầu tư vào các sản phẩm nông nghiệp khác.

Ngoài ra, tất cả các sản phẩm có nhu cầu rõ ràng về xuất khẩu sẽ được ưu tiên trong chế biến. Hoạt động chế biến ở đây sẽ gồm cả việc cải thiện trang thiết bị đóng gói, nâng cao chất lượng sản phẩm khi giao hàng, và chế biến sâu hơn trước khi xuất khẩu, nhằm mang lại giá trị tối đa từ sản phẩm cho tỉnh. Các công ty chế biến có điều kiện tốt hơn hộ nông dân nhỏ trong tiếp cận thị trường quốc tế nhờ có quy mô sản xuất lớn hơn, đồng thời đã có hoạt động ở nước ngoài. Do đó, các công ty chế biến nói riêng và các doanh nghiệp lớn nói chung sẽ có vai trò rất quan trọng trong thúc đẩy định hướng xuất khẩu của tỉnh.

Hà Tĩnh sẽ khuyến khích hoạt động chế biến ở mức độ nhất định kể cả ở những xã chỉ chủ yếu sản xuất làm lương thực, giúp tăng năng suất và giảm hao hụt.

Tập đoàn Monitor và nhóm chuyên gia đã xác định các cơ hội chính cho đầu tư vào chế biến, tận dụng và phối hợp với các lựa chọn về cây, con được chủ lực ở cả cấp tỉnh và cấp huyện.

#### 2.2.2.5 Cải thiện cơ sở hạ tầng từng phân cụm và cơ sở hạ tầng toàn cụm ngành:

Trụ cột thứ 4 sẽ là cải thiện cơ sở hạ tầng dành riêng cho từng phân cụm và các yếu tố thúc đẩy phát triển kinh tế toàn cụm ngành nông nghiệp. Các hoạt động của từng phân cụm gồm nâng cấp và mở rộng đáng kể hệ thống tưới tiêu hiện tại phục vụ canh tác, hoàn thành hệ thống cảng cá hiện đại, mở lò mổ tập trung cho phép giết mổ gia súc đạt tiêu chuẩn nghiêm ngặt về xuất khẩu. Các hoạt động cho toàn cụm ngành gồm cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông vận tải và hậu cần để kết nối người sản xuất tới tất cả các loại thị trường hiệu quả hơn, cải thiện tiếp cận tài chính cho phát triển nông thôn, thành lập cơ quan theo dõi tính bền vững của từng phân cụm.

##### 2.2.2.5.1 Các hoạt động cụ thể cho từng phân cụm

###### 2.2.2.5.1.1 Nâng cấp và mở rộng hạ tầng thủy lợi

Lượng mưa hàng năm của Hà Tĩnh vào loại cao nhất thế giới (13,5 - 18 tỷ m<sup>3</sup>/năm), song hầu hết chỉ tập trung vào khoảng thời gian hơn 3 tháng đến 4 tháng. Do đó, thủy lợi đóng vai trò hết sức quan trọng để giúp tỉnh phát triển nông nghiệp. Hiện, mới chỉ 58% diện tích trồng trọt của tỉnh được tưới tiêu, nhiều trong số 345 hồ chứa đã cũ và dễ bị nhiễm bẩn, gây ảnh hưởng nguồn nước. Ngoài ra, hệ thống đê điều đều bị tràn khi xảy ra lũ và hầu hết các kênh mương chưa được bê tông hóa.

Ngoài ra, nhu cầu cấp nước sẽ chỉ gia tăng khi tất cả các ngành trong nền kinh tế phát triển. Đến năm 2020, nhu cầu nước nông nghiệp dự báo đạt 1.167,9 triệu m<sup>3</sup>/năm, nhu cầu nước cho nuôi trồng thủy sản dự báo đạt 185,56 triệu m<sup>3</sup>/năm. Khi dân số tỉnh tăng lên trên 1,5 triệu người và các cụm ngành phát triển, hệ thống hồ chứa của Hà Tĩnh sẽ cần có công suất cung cấp khoảng 184,07 triệu m<sup>3</sup>/năm với nước sinh hoạt và 690,31 triệu m<sup>3</sup>/năm với nước công nghiệp vào năm 2020.

Để đáp ứng nhu cầu trên, Hà Tĩnh phải tiến hành nâng cấp và mở rộng đáng kể cơ sở hạ tầng liên quan đến nước hiện tại, trong đó có các hồ chứa, trạm bơm, kênh mương, đê điều, đập nước. Tỉnh cũng cần áp dụng những biện pháp tốt nhất để bảo trì cơ sở hạ tầng và tiết kiệm nước. Với những hoạt động như trên, Hà Tĩnh sẽ có thể đáp ứng nhu cầu của dân số và cụm ngành công nghiệp đang phát triển, đồng thời cung cấp đủ nước để khai thác 121.167 ha đất nông nghiệp hàng năm, trong đó đảm bảo tưới chủ động cho 97.000 ha đất trồng lúa (hai vụ), nâng tần suất đảm bảo tưới cho các công trình thủy lợi lên 85% vào năm 2020.

#### 2.2.2.5.1.1.1 Nâng cấp hồ chứa hiện tại

Bước đầu tiên để đảm bảo tỉnh đáp ứng được nhu cầu về nước là tăng lượng nước có thể cung cấp. Hoạt động cần tiến hành chủ yếu sẽ là tăng công suất các hồ chứa hiện tại và lập kế hoạch xây dựng các hồ chứa lớn hơn và đa chức năng.

Trước hết, Hà Tĩnh cần nỗ lực hoàn thành các kế hoạch hiện đã có càng sớm càng tốt, gồm:

- **Nâng cấp 49 hồ chứa trên toàn tỉnh và xây dựng nhiều hồ chứa nhỏ** ở các huyện miền núi. Việc nâng cấp gồm kê bờ bằng bê tông các hồ hiện có để tăng mức sử dụng công suất thiết kế các hồ thêm 55-60% so với hiện tại.
- **Nâng cấp hồ chứa Bộc Nguyên** để đạt công suất thiết kế ban đầu là 24,5 triệu m<sup>3</sup> nhằm cung cấp nước cho thành phố Hà Tĩnh và khu vực lân cận.
- Làm việc với bộ NNPTNT để **hoàn thành Hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi**– Cẩm Trang ở Vũ Quang vào năm 2018, nhằm cung cấp thêm 775 triệu m<sup>3</sup> nước để tưới tiêu 32.500 ha nước và cấp nước cho người dân và các cơ quan ở các huyện phía bắc tỉnh Hà Tĩnh. Theo kế hoạch này, Hà Tĩnh sẽ nghiên cứu tìm ra cách thức kinh tế nhất để dẫn nước từ hồ Ngàn Trươi đến các huyện ven biển.
- **Đảm bảo việc phê duyệt xây dựng hồ Rào Trỏ** trên sông Trí ở Kỳ Anh vào năm 2014. Hồ này dự kiến có công suất cấp nước hàng năm đạt 162 triệu m<sup>3</sup>, đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp ở Vũng Áng

#### 2.2.2.5.1.1.2 Nâng cấp trạm bơm

Để đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp, tỉnh cần lắp đặt thêm các trạm bơm ở khu vực đồng bằng và ven biển để mở rộng diện tích tưới tiêu lên 60% đất nông nghiệp vào năm 2015 và 90% vào năm 2020, đồng thời thay thế dần các trạm bơm cũ bằng trang thiết bị tiên tiến hơn. Chất lượng và công suất hệ thống trạm bơm và đường ống sẽ cần được theo dõi sát sao để đề phòng xuống cấp. Việc bảo trì và sửa chữa các trạm bơm và đường ống hiện tại ngay từ khi các vấn đề mới xảy ra có vai trò rất quan trọng để đảm bảo hiệu quả cấp nước.

#### 2.2.2.5.1.1.3 Đầu tư kiên cố hóa kênh mương

Hà Tĩnh có 8.284 km kênh mương, song chỉ 32,5% được bê tông hóa. Để đảm bảo các kênh mương có hiệu quả và độ tin cậy cao giúp dẫn nước tới các cộng đồng nông thôn, tỉnh cần bê tông hóa hệ thống kênh mương, giúp tăng công suất thiết kế các công trình thủy lợi. Việc kiên cố hóa giúp đảm bảo công suất chuyển nước lớn hơn, giảm thiểu nhiễm bẩn vào nguồn nước. Ngoài ra, sau khi kiên cố hóa, các kênh mương sẽ có chức năng thoát nước tốt hơn, dẫn nước dư thừa tới các vùng ít rủi ro khi xảy ra mưa lớn. Hà Tĩnh cần phấn đấu bê tông hóa 65% kênh mương vào năm 2015, có tổng chiều dài 2.700km, và 85% kênh mương vào năm 2020. Các kênh

mương mới bê tông hóa sẽ đạt tiêu chuẩn quốc gia trong Chương trình Nông thôn mới khu vực Duyên hải Bắc miền Trung.

#### *2.2.2.5.1.1.4 Nâng cấp và mở rộng hệ thống đê điều và đập*

Một hệ thống đê điều và đập tốt sẽ giúp giảm thiểu tác động từ thiên tai và biến đổi khí hậu. Ngoài kênh mương, Hà Tĩnh cần kiên cố hóa và nâng cấp đê điều, đập nước dọc theo các sông và ở khu vực ven biển. Hiện nhiều đê điều chưa đáp ứng nhu cầu về chiều cao và chiều rộng. Với những hạn chế này, các đê điều không thể đảm bảo hiệu quả bảo vệ, như đã thấy trong đợt lũ lụt lịch sử năm 2010. Hà Tĩnh cần sửa chữa và nâng cấp 318,7km đê điều hiện có.

Vào năm 2015, tỉnh sẽ hoàn thành 3 dự án: đê La Giang ở Đức Thọ, đê sông Lam ở Nghi Xuân và đê biển ở Lộc Hà, giúp bảo vệ các huyện dễ bị lũ lụt tàn phá. Do việc nâng cấp đê điều và đập cần có thời gian, Hà Tĩnh cần ưu tiên bảo vệ các khu vực và cơ sở hạ tầng kinh tế quan trọng: KKT Vũng Áng, mỏ sắt Thạch Khê và các vùng ven biển quan trọng. Ví dụ, tập đoàn Formosa sẽ hoàn thành 1 tuyến đê biển ở cảng Sơn Dương để bảo vệ nhà máy của mình khỏi bị bão tàn phá.

Để giảm tải cho các sông suối và kênh mương miền núi phía tây, phòng tránh lũ quét và tái bổ sung trữ lượng nước, Hà Tĩnh cần tiến hành 1 nghiên cứu khả thi về xây dựng các đập chống lũ với lòng bằng gỗ hoặc đá. Đập chống lũ là giải pháp thích hợp cho các vùng nông thôn nghèo vì có chi phí xây dựng, bảo trì thấp, ít gây tác động đến môi trường. Đập chống lũ sẽ phù hợp nhất với vùng thượng lưu và phụ lưu các sông Ngàn Phố, Ngàn Trươi và Ngàn Sâu. Hà Tĩnh đồng thời cần chú trọng theo dõi và bảo trì thường xuyên đê điều, mương máng, đập để kịp thời khắc phục những vấn đề nhỏ trước khi những vấn đề này trở nên nghiêm trọng vào mùa mưa lũ. Cuối cùng, Hà Tĩnh cần có kế hoạch bảo vệ môi trường ở các khu vực ven biển trong tương lai bằng cách trồng rừng ngập mặn hoặc trồng dừa để làm “lá chắn sinh học”

#### *2.2.2.5.1.1.5 Nâng cao năng lực theo dõi và sửa chữa công trình thủy lợi*

Nhiều dự án cấp nước nông thôn có hiệu suất hoạt động thấp do không được bảo trì thường xuyên - kết quả của việc giao cho các xã tự quản lý. Trong thời gian tới, tỉnh cần nâng cao năng lực theo dõi và sửa chữa các công trình thủy lợi. Việc này sẽ giúp tỉnh tránh được những chi phí sửa chữa lớn trong tương lai.

#### *2.2.2.5.1.1.2 Xây dựng hệ thống cảng cá hiện đại*

Hà Tĩnh sẽ xây dựng 1 hệ thống cảng cá hiện đại, phục vụ nhu cầu của đội tàu đánh bắt xa bờ đã phát triển, thu hút ngư dân các tỉnh khác đến hoạt động tại cảng của Hà Tĩnh. Tỉnh sẽ đầu tư vào trang thiết bị cảng hiện đại để làm sạch, phân loại, chế biến hải sản đánh bắt xa bờ, giảm hao hụt. Việc phân loại giúp ngư dân định giá tùy theo chất lượng và kích cỡ cá, tăng thu nhập cho ngư dân và khuyến khích đánh bắt có chọn lọc hơn. Tổng cộng tỉnh sẽ có 4 cảng, tất cả đều là cảng cá cấp II:

- Cảng **Xuân Hội**, được vận hành đầy đủ vào năm 2012 với các cơ sở chế biến nằm gần kè
- Cảng **Thạch Kim**, tập trung nâng cấp cầu cảng và các cơ sở xử lý nước thải
- Cảng **Cẩm Nhượng và Kỳ Hà**, có công suất tương ứng 8.000 và 7.000 tấn/năm. Cả 2 đều kiêm chức năng là nơi trú tránh bão



### 2.2.2.5.1.3 Xây dựng cơ sở hạ tầng kho trữ cấp xã chất lượng cao

Tỉnh cũng sẽ xây dựng hoặc hỗ trợ xây dựng hạ tầng kho trữ cấp xã phường, giúp giảm hao hụt sản phẩm ở các trang trại và hộ gia đình do kho trữ kém. Các cơ sở hạ tầng này còn là nơi cất trữ hàng hóa, lương thực, đồ vật có giá trị khi xảy ra bão lũ, giúp giảm thiệt hại

### 2.2.2.5.2 Yếu tố thúc đẩy toàn cụm ngành

#### 2.2.2.5.2.1 Cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông vận tải và hậu cần

Tỉnh cần có cơ sở hạ tầng phục vụ giao thông vận tải và hậu cần để kết nối Hà Tĩnh với các thị trường khác và kết nối khu vực nông thôn với các thành phố lớn trên địa bàn tỉnh. Tỉnh cần thực hiện các kế hoạch nâng cấp sau (a) đường cao tốc Bắc Nam mới và các tuyến quốc lộ được nâng cấp, (b) các cơ sở vận chuyển hàng hóa trên tuyến đường sắt mới, (c) các cơ sở xử lý container tại cảng Vũng Áng - Sơn Dương. Tuy nhiên, cơ sở hạ tầng giao thông vận tải nông thôn của tỉnh sẽ cần được cải thiện để giúp nông dân vận chuyển hàng hóa đến đơn vị phân phối và các thị trường khác hiệu quả hơn, thay vì chỉ tiêu thụ tại các chợ địa phương hoặc phải dựa vào thương lái. Tỉnh cũng cần nâng cao tỷ lệ đường được rải nhựa asphalt hoặc trải bê tông. Tỷ lệ này với các tỉnh lộ cần tăng từ 58% lên 80%, còn với các huyện lộ cần đạt 70% vào năm 2020

#### 2.2.2.5.2.2 Cải thiện tiếp cận nguồn vốn

Một yếu tố nữa cần được đẩy mạnh là tiếp cận nguồn vốn. Công tác này gồm 2 hoạt động chính (a) Cải thiện tiếp cận các khoản vay và nguồn vốn (nếu có) cho các nông hộ nhỏ, đặc biệt là để đầu tư đa dạng hóa sản phẩm (chăn nuôi, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản), nâng cấp tàu thuyền (đánh cá), bảo hiểm mùa màng và (b) Thu hút đầu tư cho các cơ sở chế biến trọng điểm như xác định ở phần trên (ví dụ: nhà máy chế biến lạc công suất 20.000 tấn/năm, nhà máy chế biến tôm, nhà máy sản xuất sản phẩm thịt, chế biến sữa), các nhà cung cấp dịch vụ hậu cần.

#### 2.2.2.5.2.3 Giám sát tính bền vững

Cuối cùng nhưng cũng rất quan trọng, tỉnh cần có cơ chế và tổ chức rõ ràng để giám sát tính bền vững của các phân cụm khác nhau (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản). Công tác này gồm các hoạt động như (a) đo đạc và cập nhật chính xác số liệu sử dụng đất, (b) theo dõi các số liệu về sản lượng nông, lâm, ngư nghiệp và sử dụng đất, (c) thường xuyên lấy mẫu trữ lượng còn lại để đảm bảo tính chính xác của số liệu về trữ lượng (d) tài trợ thử nghiệm các sản phẩm mới để tìm ra các loại sản phẩm chi phí thấp hơn, năng suất cao hơn hoặc ít gây tác động môi trường hơn

### 2.2.2.6 Đẩy mạnh phát triển và ổn định xã hội ở khu vực nông thôn

Trụ cột cuối cùng để chuyển đổi cụm ngành nông nghiệp Hà Tĩnh là đảm bảo phát triển xã hội, xóa đói giảm nghèo, ổn định xã hội lâu dài ở khu vực nông thôn của tỉnh. Tỉnh sẽ không thể chuyển đổi nền nông nghiệp thành công nếu như người dân khu vực nông thôn không được hưởng ở mức độ cơ bản các dịch vụ y tế, giáo dục đào tạo, và chất lượng cuộc sống tốt để thúc đẩy nền nông nghiệp mới phát triển. Để tạo ra trụ cột này, tỉnh cần có chiến lược phát triển nông thôn tổng hợp, gồm 3 lĩnh vực như sau:

- Cải thiện cung cấp dịch vụ xã hội, trong đó có giáo dục và y tế, cho khu vực nông thôn

- Tạo nguồn việc làm bổ sung và thay thế, từ đó nâng cao thu nhập cho người dân đang không có hoặc thiếu việc làm ở nông thôn
- Nâng cấp cơ sở hạ tầng nói chung ở khu vực nông thôn thông qua cải thiện về nhà ở, dịch vụ nước sạch và vệ sinh môi trường, điện, viễn thông

#### 2.2.2.6.1 Cải thiện dịch vụ giáo dục và y tế

Mục tiêu phát triển nông nghiệp của Hà Tĩnh phụ thuộc rất nhiều vào việc người dân khu vực nông thôn có đủ kiến thức và sức khỏe để làm việc hay không. Điều này đồng nghĩa với việc tỉnh phải đảm bảo cung cấp dịch vụ y tế và giáo dục 1 cách phù hợp đến toàn bộ người dân nông thôn.

Theo chiến lược trong Định hướng Phát triển Cụm ngành Giáo dục Đào tạo của báo cáo quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, giáo dục ở khu vực nông thôn sẽ tiếp tục phát triển trong thời gian tới. Ở cấp tiểu học và trung học cơ sở, tỉnh cần mở rộng năng lực đào tạo của các trường ở khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa và khuyến khích giáo viên tới những địa phương đó làm việc. Đây sẽ là cơ sở vững chắc để phát triển hơn nữa giáo dục cho người dân nông thôn.

Giáo dục dạy nghề gắn với các kỹ thuật và công nghệ canh tác mới, các xu hướng mới nhất ở các thị trường nông nghiệp sẽ có vai trò quan trọng. Tỉnh có thể tạo điều kiện cho người dân tham gia các khóa đào tạo không tập trung dễ dàng hơn bằng cách quy định chuẩn đầu vào linh hoạt hơn. Chương trình đào tạo cần có những môn học giúp lao động nông thôn có kỹ năng cao hơn, ví dụ như làm việc trong chế biến thực phẩm, lập kế hoạch tưới tiêu, lập kế hoạch thử nghiệm cây trồng vật nuôi ngay tại nông trại, vv. Việc tổ chức đào tạo sẽ do cả đơn vị nhà nước và các doanh nghiệp tư nhân như công ty chế biến và công ty sản xuất giống tổ chức (Hình 94)

#### Hình 94: Đào tạo tư nhân trong nông nghiệp tại Kenya

Nông nghiệp Kenya có năng suất thấp do thường xuyên bị hạn hán và sử dụng các kỹ thuật canh tác kém hiệu quả. Dưới sự lãnh đạo của giám đốc kinh doanh khu vực, chương trình Syngenta đã hợp tác chặt chẽ với nông dân Kenya nhằm mang đến cho họ công nghệ mới và kỹ thuật canh tác tốt hơn



Chương trình Syngenta thường xuyên tổ chức tập huấn tại địa phương về kỹ thuật

kinh tế nông nghiệp hiện đại cho nông dân. Để khắc phục tác động của hạn hán, các cán bộ của Syngenta đào tạo cho nông dân kỹ thuật tiết kiệm nước trong trồng trọt, đồng thời xây dựng ao chứa nước phục vụ tưới tiêu



Chương trình này đã thành công trong việc tăng năng suất cây trồng, hỗ trợ nông dân chuyển dần sang sản xuất hàng hóa. Thu nhập từ bán sản phẩm được đầu tư trở lại vào hạt giống và các nguyên vật liệu khác, giúp đẩy mạnh hơn nữa tính bền vững của kinh tế nông nghiệp

Nguồn: Syngenta

Ngoài ra, Hà Tĩnh sẽ thành lập các trường dạy nghề để giảng dạy những kỹ năng liên quan tới các ngành ngoài nông nghiệp. Điều này giúp nông dân được đào tạo các kỹ năng cần thiết để tìm được việc làm trong thời gian

nông nhân, bổ sung vào nguồn thu nhập từ nông nghiệp. Ngoài ra, người dân nông thôn còn có thể tận dụng cơ hội việc làm toàn thời gian mới trong ngành công nghiệp khi tỉnh thực hiện công nghiệp hóa. Từ năm 2011 đến 2020, gần 48.000 lao động dự kiến sẽ chuyển từ nông nghiệp sang ngành công nghiệp hoặc dịch vụ. Công tác giáo dục đào tạo cho người dân nông thôn để hỗ trợ quá trình chuyển đổi này sẽ giúp nâng cao tính ổn định lâu dài của khu vực nông thôn.

Một số chương trình trong lĩnh vực này đã được thực hiện, như dự án giảm nghèo Sở LĐTBXH-ILO, tổ chức các khóa học cho nông dân trong thời gian nông nhàn. Tỉnh cần khuyến khích những chương trình tương tự như vậy tiếp tục được thực hiện.

Tỉnh cần có những bước đi để đảm bảo dịch vụ y tế có chất lượng đến được với tất cả người dân nông thôn. Để làm được điều này, Hà Tĩnh sẽ tiếp tục những chương trình chăm sóc sức khỏe dự phòng đang được thực hiện thành công gắn với khu vực nông thôn, đồng thời tiếp tục đầu tư các trung tâm y tế và bệnh viện tuyến huyện. Đến năm 2020, tỉnh phấn đấu có bác sỹ ở 90% xã phường

#### 2.2.2.6.2 Tạo nguồn việc làm thay thế

Để phát triển bền vững khu vực nông thôn, tỉnh cần tạo đủ việc làm cho người dân bằng cách thúc đẩy tạo việc làm không chỉ trong nông nghiệp mà còn ở lĩnh vực khác. Một trong những hoạt động để tạo nguồn việc làm thay thế là đẩy mạnh phát triển làng nghề gắn các đầu mối dịch vụ hậu cần và dọc các tuyến đường chính, chuyên môn hóa vào những lĩnh vực như sản xuất nội thất truyền thống quy mô nhỏ, chế biến gỗ và làm đồ mỹ nghệ bằng tre. Các làng truyền thống sẽ phát triển theo phương châm của chương trình Nông thôn Mới: "mỗi làng một sản phẩm".

Ngoài ra, tỉnh cũng cần tìm cho người dân nông thôn những công việc trong lĩnh vực công nghiệp đang được tạo ra ở khu vực đô thị, nhất là trong công nghiệp chế biến.

#### 2.2.2.6.3 Nâng cao cơ sở hạ tầng xã hội

Lĩnh vực cuối cùng ở đây là tỉnh cần nâng cao chất lượng cuộc sống bằng cách cải thiện một số cơ sở hạ tầng xã hội ở khu vực nông thôn, trong đó có (nhưng không chỉ bao gồm) nhà ở, dịch vụ nước và vệ sinh môi trường, cơ sở hạ tầng điện và viễn thông. Đây là những cơ sở hạ tầng xã hội chưa được đề cập trong phần về trụ cột phát triển nông nghiệp thứ 4. Mục đích chính của các cơ sở hạ tầng này là để nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, mặc dù cũng có thể mang lại 1 số lợi ích phụ trợ cho kinh doanh. Các hoạt động cụ thể trong lĩnh vực này:

- Đầu tư nâng cấp trên 40% mạng điện lưới nông thôn, giúp tất cả các hộ gia đình tận dụng được nguồn điện mới có trong tỉnh từ nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1.
- Cải thiện việc cung cấp nước sạch khu vực nông thôn bằng cách nâng cấp và xây mới các nhà máy nước nông thôn, đặc biệt là ở vùng đồng bằng và ven biển do đây là những nơi nguồn nước ngầm có nồng độ muối và khoáng chất kim loại cao. Ngoài ra, tỉnh cần đẩy mạnh trữ nước an toàn và công nghệ tưới tiết kiệm nước, đặc biệt là ở các khu vực miền núi. Đến năm 2020, toàn bộ người dân nông thôn Hà Tĩnh sẽ được cung cấp nước sạch sinh hoạt, so với tỷ lệ 70% hiện nay, với tiêu chuẩn là 100 lít/ngày.
- Đảm bảo những ngôi nhà mới xây dựng ở tỉnh sẽ có khả năng chống chịu lũ lụt.

- Xây dựng tránh lũ lụt tại cộng đồng ở các trung tâm hợp tác xã mới. Ở đây, người dân và vật nuôi được an toàn và được cấp lương thực, nước uống khẩn cấp khi xảy ra thiên tai

**“Nguồn vốn xã hội quyết định hiệu quả của nền kinh tế. Kiến thức và kỹ năng chính là động lực.”**

- Rie Vejs-Kjeldgaard, Giám đốc Văn phòng ILO tại Việt Nam

## **2.2.3 Định hướng cụ thể cho các phân cụm**

### **2.2.3.1 Trồng trọt**

Hoạt động trồng trọt sẽ có bước chuyển đổi mạnh mẽ trong giai đoạn này, khi tình giảm dần cây lúa và chuyển sang cây trồng định hướng hàng hóa, giá trị cao hơn. Tỷ trọng GDP từ cây lúa trong tổng GDP trồng trọt sẽ giảm từ 44% năm 2010 còn 37% năm 2015 và 25% năm 2020. Đồng thời, cả lạc và cao su sẽ tăng mạnh tỷ trọng, trong khi cây trồng khác như rau sẽ có tỷ trọng tăng cao vào năm 2020.

#### **2.2.3.1.1 Sản phẩm chủ lực cấp tỉnh**

##### **2.2.3.1.1.1 Lúa gạo**

#### **Lý do ưu tiên**

Lúa gạo là cây trồng chủ đạo ở Hà Tĩnh. Năm 2010, sản xuất lúa gạo mang lại 2,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 45% tổng giá trị hoạt động nông nghiệp. Tuy nhiên, năng suất lúa tại Hà Tĩnh lại thấp hơn khá nhiều so với trung bình cả nước. Mức năng suất thấp này chủ yếu do điều kiện khí hậu khó khăn, khiến Hà Tĩnh chỉ trồng được 2 vụ/năm so với 3 vụ/năm ở những vùng có năng suất cao nhất cả nước. Các vấn đề trong sản xuất cũng có tác động tương đối lớn. Do nông dân thường phơi thóc dưới ánh nắng tự nhiên ngay bên ngoài nhà mình, tỷ lệ hư hỏng thóc gạo cao, lên tới 10% thu hoạch. Với diện tích hiện tại ở tỉnh, khả năng đẩy mạnh trong sản xuất, và vai trò đối với an ninh lương thực, lúa gạo là cây trồng Hà Tĩnh nên chú trọng phát triển trên toàn tỉnh.

#### **Cơ hội phát triển**

Với việc đô thị hóa gia tăng và chuyển 1 phần đất sang các cây trồng giá trị cao hơn, diện tích lúa nói chung dự kiến sẽ giảm gần 10.000 ha. Tuy nhiên, Hà Tĩnh có nhiều cơ hội nâng cao tổng sản lượng nói chung với sản phẩm này. Để làm được điều đó, tỉnh sẽ triển khai các chương trình tập huấn thông qua các trung tâm cấp

huyện<sup>12</sup> và có các NGO (tổ chức phi chính phủ) hỗ trợ những trung tâm này, nhằm hướng dẫn nông dân nâng cao sản lượng. Các trung tâm sẽ truyền đạt cho nông dân các cách thức sản xuất hiệu quả nhất, tìm và trồng các giống lúa chất lượng cao/giá trị cao (dựa trên mô hình thành công của những vùng trồng lúa khác). Ngoài ra, do tổng diện tích trồng lúa giảm xuống, Hà Tĩnh sẽ tiếp tục chuyển sang sản xuất lúa hàng hóa để nâng cao năng suất và hiệu quả. Mô hình sản xuất lúa hàng hóa sẽ là kết hợp cả hợp tác xã nông dân nhỏ và trang trại sản xuất hàng hóa lớn. Bước đi nhằm tích tụ ruộng đất này có vai trò rất quan trọng vì sản xuất lúa gạo hàng hóa của tỉnh cần có tính hiệu quả rất cao mới có thể cạnh tranh với các địa phương khác trong khu vực.

Hiện tại hầu hết sản phẩm lúa gạo của Hà Tĩnh được tiêu thụ trong tỉnh, trong đó có 1 phần giữ lại làm lương thực ngay trong gia đình. Tỉnh có thể chiếm được 1 phần thị trường lúa gạo trong nước, đặc biệt là khi những vùng có đất đai màu mỡ hơn thường định hướng trồng lúa gạo xuất khẩu. Để làm được điều đó, tỉnh cần đẩy mạnh định hướng sản xuất hàng hóa, cải thiện kỹ thuật trồng, thu hoạch và xay xát để giảm tỷ lệ cám. Các biện pháp tiềm năng để tăng năng suất cây lúa gồm:

- Áp dụng phương pháp gieo xạ ở các diện tích hiện đang trồng theo phương pháp gieo mạ
- Tăng cường áp dụng cơ giới hóa để làm đất, giúp tăng khả năng giữ nước của đất
- Tránh sử dụng hạt giống quay vòng liên tục quá 2-3 mùa; sử dụng giống mua từ các công ty giống cây trồng ít nhất 2-3 mùa/lần
- Cho giống nảy mầm sẵn (ngâm trong nước 48 giờ đồng hồ và phơi khô thêm 48 giờ nữa) trước khi gieo trên đồng hoặc vườn ươm

### Dự báo tăng trưởng

Tổng diện tích trồng lúa hàng hóa sẽ đạt 40.100 ha vào năm 2015 (diện tích đất là 20.000 ha), và 51.000 ha vào năm 2020. Hà Tĩnh sẽ đảm bảo năng suất trung bình của diện tích sản xuất lúa gạo thương mại đạt 5,2 tấn / ha vào năm 2015 và 5,5 tấn / ha vào năm 2020, trong khi đối với các diện tích sản xuất lúa khác, năng suất sẽ đạt 4,8 tấn / ha vào năm 2015 và 4,9 tấn / Ha vào năm 2020. Tổng giá trị lúa hàng hóa đạt 1.434 tỷ đồng năm 2015 và 2.569 tỷ đồng năm 2020, giá trị các loại lúa khác đạt 1.818 tỷ đồng năm 2015 và 1.884 tỷ đồng năm 2020.

### Hoạt động chế biến:

Tỉnh sẽ chủ yếu là phát triển các nhà máy xay xát lúa gạo quy mô nhỏ trên toàn tỉnh, cùng 1 số nhà máy lớn quy mô sản xuất hàng hóa. Hiện nay, năng lực và công nghệ chế biến lúa gạo ở tỉnh còn hạn chế, làm giảm giá trị của gạo. Cám gạo thường chỉ dùng làm thức ăn gia súc vì nhu cầu sử dụng thấp. Đến năm 2020, Hà Tĩnh sẽ có các nhà máy xay xát lúa gạo quy mô nhỏ nhưng hiện đại nằm trải khắp toàn tỉnh, công suất 500 tấn/nhà máy/năm. Tổng công suất xay xát khoảng 10.000 tấn/năm. Ngoài ra, về hạ tầng để hỗ trợ chế biến, tỉnh cũng cần đầu tư vào các xi-lô trữ lúa tại các hợp tác xã ngoài vụ mùa và 1 số xi-lô lớn để sản xuất lúa hàng hóa. Tổng đầu tư dự kiến cho các nhà máy xay xát quy mô nhỏ là 246 tỷ đồng. Tổng đầu tư dự kiến cho các kho trữ là 96 tỷ đồng. Với khoản đầu tư này, giá trị thu được từ sản xuất lúa quy mô nhỏ của tỉnh sẽ đạt 27 tỷ đồng/năm vào năm 2015, và 57 tỷ đồng vào năm 2020. Giá trị dự kiến thu được từ sản xuất lúa hàng hóa năm 2015 sẽ là 1.721 tỷ đồng và năm 2020 là 3.083 tỷ đồng.

<sup>12</sup> Tỉnh sẽ xây dựng các Trung tâm Hỗ trợ Tổng hợp Nông dân Huyện ở mỗi huyện để đẩy mạnh việc tập hợp nông dân thành các hợp tác xã (xem phần tiếp theo về “Tích tụ Ruộng đất và Đẩy mạnh Sản xuất Hàng hóa”)

### 2.2.3.1.1.2 Lạc

#### Lý do ưu tiên

Lạc là 1 cây trồng hàng hóa quan trọng, có định hướng xuất khẩu, mang lại hiệu quả cao cho tỉnh. Hiện lạc là sản phẩm 15% tổng sản lượng nông nghiệp của tỉnh, với giá trị trên 720 tỷ đồng/năm. Đây là cây trồng phù hợp với các vùng ven biển và đồng bằng của tỉnh, nhất là ở những khu đất cao tại những vùng đó. Đất ở đây có độ axit thấp hơn những nơi khác trong tỉnh và cây trồng được hưởng thời tiết ẩm áp, mưa đủ lượng trong 5 tháng của chu kỳ phát triển. Lạc thường được trồng dọc theo diện tích trồng lúa, ở những dải đất hẹp hiện còn cày kéo bằng sức động vật ở nhiều địa phương trong tỉnh (sử dụng máy kéo 2 bánh còn hạn chế). Ví dụ như ở Thạch Hà, đa phần đất đai là những diện tích đất phù sa, trồng lúa và lạc. Việc trồng vào mùa xuân còn giúp cây không bị ảnh hưởng do lũ lụt - thiên tai thường xuyên xuất hiện vào thời gian tháng 8 - tháng 12. Sản xuất lạc ở Hà Tĩnh hiện nay sử dụng khá nhiều lao động, mức độ cơ giới hóa nên các công việc như thu hái và bóc vỏ đều làm thủ công. Lạc sau đó được các doanh nghiệp thu mua và hầu hết là được xuất khẩu. Mặc dù sử dụng nhiều lao động, năng suất cây lạc của tỉnh vẫn ở mức tương đương với trung bình quốc gia và quốc tế. Rõ ràng là nếu có 1 vài thay đổi, Hà Tĩnh còn có thể tiến xa hơn nữa

#### Cơ hội phát triển

Trong thời gian tới, ngành sản xuất lạc của Hà Tĩnh sẽ tập trung cải thiện 2 yếu tố sau: (1) nâng cao năng suất, (2) phát triển các hình thức chế biến, nhằm tạo thêm giá trị thông qua chế biến trước khi xuất khẩu. Tỉnh cần nâng cao hiệu quả sản xuất qua cơ giới hóa, ví dụ thiết bị tưới phun cho diện tích đất pha cát. Đây là cơ sở để thành lập những trang trại sản xuất hàng hóa quy mô lớn (mô hình sản xuất chủ yếu với cây trồng này) để có được năng suất cao hơn và chi phí giảm đáng kể so với sản xuất thủ công.

Ngoài ra, Hà Tĩnh cũng có tiềm năng lớn khai thác các giống và kỹ thuật nhân giống mới. Tỉnh có thể khuyến khích áp dụng luân canh chặt chẽ, chỉ trồng 1 mùa lạc/2 năm. Lúa gạo là cây trồng rất lý tưởng để thực hiện luân canh trong trường hợp này. Hiện tại nông dân trồng lạc và bán cho các nhà phân phối - thường là ngay cả khi chưa làm sạch và bóc vỏ. Các nhà phân phối sẽ đóng gói và đưa 1 phần đi xuất khẩu. Tỉnh chưa chế biến được lạc thành dầu ăn (70% lạc trên thế giới được chế biến thành dầu) và các sản phẩm khác có giá trị cao như bơ. Do đó, Hà Tĩnh rất có tiềm năng tạo thêm giá trị từ sản phẩm lạc. Với việc Việt Nam là nước xuất khẩu lạc rang và bơ lạc lớn thứ 3 vào Mỹ (2006) và Hồng Kông cũng là nơi nhập khẩu nhiều sản phẩm lạc, Hà Tĩnh có những thị trường rất lớn để khai thác. Để đảm bảo tính khả thi về thương mại, nông dân nên sử dụng những giống mà các thị trường tiềm năng ưa chuộng. Nếu không được, nông dân nên sử dụng 1 hoặc 1 số trong 4 giống lạc chính đang được trồng quy mô hàng hóa rộng rãi trên thế giới gồm 'Virginia', 'Runner', 'Spanish' hoặc 'Valencia'.

#### Dự báo tăng trưởng

Nếu cải thiện được những yếu tố trên, đến năm 2015 tỉnh sẽ có hơn 18.000 ha diện tích trồng lạc và đến năm 2020, diện tích tăng lên 20.000 ha - gần đạt tới diện tích từng có vào năm 2004 - 2005. Năng suất sẽ đạt 2,7 tấn/ha vào năm 2015 và 2,9 tấn/ha vào năm 2020. Để đẩy mạnh hoạt động chế biến, tỉnh sẽ đầu tư vào các hình thức chế biến mang lại nhiều lợi nhuận như lạc rang muối và đóng gói, bơ lạc, dầu lạc. Giá trị sản xuất sẽ đạt 939 tỷ đồng vào năm 2015 và 1.500 tỷ đồng năm 2020.

## Hoạt động chế biến

Tỉnh sẽ chủ yếu xây dựng các nhà máy chế biến quy mô lớn sản phẩm lạc như đồ ăn nhẹ, dầu, bơ, phụ gia thực phẩm từ lạc, nhắm tới những thị trường có nhu cầu cao cả trong và ngoài nước. Các nhà máy này sẽ đặt ở KCN Gia Lách, huyện Nghi Xuân và đạt công suất tối đa 24.000 tấn/năm vào năm 2020. Đầu tư cơ sở hạ tầng chính để hỗ trợ các nhà máy này là vào hạ tầng kho trữ, vận tải và xuất khẩu cả lạc nguyên liệu và thành phẩm từ lạc. Tổng yêu cầu đầu tư cho chế biến lạc khoảng 560 tỷ đồng, giúp tỉnh thu được giá trị chế biến đạt 812 tỷ đồng/năm vào năm 2015, và 4.345 tỷ đồng/năm vào năm 2020.

### 2.2.3.1.2 Ưu tiên cấp huyện loại 1

#### 2.2.3.1.2.1 Cam

### Lý do ưu tiên

Hà Tĩnh hiện có thế mạnh rõ ràng về sản xuất cam tại khu vực đồi núi của tỉnh. Độ cao của khu vực này giúp tạo ra thời tiết mát mẻ hơn, cùng với lượng mưa vừa đủ làm nên môi trường tốt cho cam tăng trưởng.

### Cơ hội phát triển

Mặc dù có những lợi thế tự nhiên như trên, lượng mưa trong mùa thu hoạch có thể ảnh hưởng tới việc thu hoạch và làm quả nhanh hỏng. Đây là những vấn đề mà trang trại hiện tại chưa giải quyết được. Để giữ được cam lâu hơn (nhằm vận chuyển đường dài hoặc chờ tới ngoài chính vụ mới bán sẽ được giá cao hơn), nông dân cần xử lý cam sau thu hoạch - đây cũng là điều nông dân trong tỉnh chưa làm được. Nông dân sẽ cần có các nhà máy đóng gói, yêu cầu đầu tư lớn và do đó phải sản xuất ở quy mô lớn mới phát huy được hiệu quả. Chu kỳ sinh trưởng kéo dài và nhiệt độ ban đêm xuống thấp khiến cam ở đây ít ngọt hơn, nhiều axit hơn và có màu vàng hơn so với giống cam vỏ xanh và ngọt hơn trồng ở miền Nam (trừ giống cam Bù có vị ngọt hơn). Đây là yếu tố giúp cam Hà Tĩnh phù hợp hơn với xuất khẩu. Tuy nhiên, hương vị này không được ưa chuộng ở các thị trường lân cận trong châu Á - thị trường chuộng quả có vị ngọt, trong khi chi phí vận chuyển tới Châu Âu và Trung Đông lại làm cho việc phục vụ các thị trường đó gặp khó khăn. Ngoài ra, với việc Việt Nam đang phải nhập khẩu cam, với giá trị trên 8,5 triệu USD năm 2009, thị trường trong nước cho sản phẩm cam cũng rất đáng kể. Hà Tĩnh hoàn toàn có khả năng đăng ký thương hiệu cho giống cam Bù trong giai đoạn này để nâng cao giá trị sản phẩm thông qua tiếp cận thị trường rộng lớn hơn. Sản phẩm cam Bù đã rất được ưa chuộng ở Hà Tĩnh và Nghệ An, song sẽ còn có giá trị cao hơn nữa nếu được tìm được thị trường ở cả các tỉnh thành khác, đặc biệt nếu có thể đẩy mạnh được thói quen sử dụng cam Bù trong dịp Tết Nguyên Đán trên cả nước. Tỉnh có thể khuyến khích các nhóm nông dân phát triển sản phẩm này, đồng thời hỗ trợ các hợp tác xã và nhóm nông dân cùng sản xuất, phân đầu mỗi nhóm có từ 100-150 thành viên.

Tỉnh còn nhiệm tiềm năng để tăng năng suất và cải thiện chất lượng nếu giải quyết hiệu quả được các vấn đề với bệnh nhiễm virus và mycoplasma (sử dụng cây giống không có bệnh và triệt phá cây có bệnh, tốt nhất là với sự hỗ trợ của cán bộ có chuyên môn), và thông qua các cải tiến nói chung về tập quán canh tác như bón phân và kiểm soát dịch hại tốt hơn (trong đó có cả tập huấn cho nông dân về kỹ thuật kiểm soát hiệu quả). Mô hình sản xuất chủ yếu cho sản phẩm này là hợp tác xã nông dân nhỏ, do điều kiện của tỉnh phù hợp cho vùng trồng nhỏ hơn là diện tích lớn.

### Dự báo tăng trưởng

Diện tích trồng cam sẽ tăng lên 2.950 ha vào năm 2015 và 4.050 ha vào năm 2020. Năng suất cũng sẽ tăng mạnh, đạt trên 12,3 tấn/ha năm 2015 và 17,1 tấn/ha năm 2020 – vẫn thấp hơn mức 40 tấn/ha ở Florida - Mỹ, song đây đã là cả 1 bước tiến lớn trong điều kiện của tỉnh. Tổng sản lượng cam sẽ đạt 36.300 tấn năm 2015 và gần 69.300 tấn năm 2020. Tổng giá trị đạt 499 tỷ đồng năm 2015 và 1.275 tỷ đồng năm 2020.

### **Hoạt động chế biến**

Tỉnh sẽ chủ yếu là xây dựng các nhà máy sản xuất nước ép và thực phẩm khác từ cam, cùng các cơ sở đóng gói cam nguyên quả. Tất cả các sản phẩm sẽ nhắm tới thị trường trong nước. Những cơ sở và nhà máy này được đặt tại KCN Hà Tân, huyện Hương Sơn, và huyện Hương Khê. Để thành công, tỉnh sẽ đầu tư vào cơ sở hạ tầng vận tải giúp vận chuyển cam dễ dàng hơn từ trang trại đến nhà máy chế biến và sau đó tiếp tục đi xuất khẩu. Tổng đầu tư vào chế biến trái cây (gồm cả bưởi) sẽ là 73 tỷ đồng, tạo giá trị chế biến hàng năm từ cam đạt 787 tỷ đồng năm 2015, tăng mạnh so với mức 371 tỷ đồng năm 2010. Đến năm 2020, giá trị chế biến hàng năm từ cam sẽ đạt 994 tỷ đồng.

#### 2.2.3.1.2.2 Bưởi

### **Lý do ưu tiên**

Bưởi cũng là sản phẩm được trồng ở vùng đồi Hà Tĩnh và rất phù hợp với loại đất gần các con sông có lũ theo mùa. Mặc dù khí hậu tương đối lạnh với điều kiện sinh trưởng của cây bưởi, Hà Tĩnh có thương hiệu mạnh về sản phẩm này với giống bưởi Phúc Trạch. Đây là giống bưởi rất phù hợp với điều kiện trồng ở tỉnh và đã được đăng ký thương hiệu năm 2004. Bưởi Phúc Trạch có trọng lượng lớn (800-1200g/quả), da vàng pha xanh mịn, rất hấp dẫn với cả thị trường trong nước và xuất khẩu.

### **Cơ hội phát triển**

Các thị trường xuất khẩu có nhu cầu lớn, song tỉnh còn phải cải thiện nhiều yếu tố (do giàu vitamin C, bưởi rất có tiềm năng ở những thị trường người tiêu dùng quan tâm tới sức khỏe tại châu Âu vốn không quen thuộc lắm với loại quả này; vỏ dày - dày nhât trong tất cả các loại trái cây họ cam quýt - giúp bưởi trở thành sản phẩm lý tưởng khi phải vận chuyển đường dài). Ngoài ra, việc nâng cao năng suất giống như với cam, và các sáng kiến về tiếp thị quảng bá cũng góp phần tăng giá trị quả bưởi. Việc sản xuất bưởi chủ yếu sẽ ở mô hình hợp tác xã nông dân nhỏ. Giống như cam, điều kiện trong tỉnh phù hợp với sản xuất xuất quy mô nhỏ hơn là sản xuất quy mô lớn.

### **Dự báo tăng trưởng**

Diện tích trồng bưởi sẽ tăng lên 1.600 ha năm 2015 và 2.200 ha năm 2020. Năng suất sẽ đạt 10,5 tấn/ha vào năm 2015 và 11,5 tấn/ha vào năm 2020. Do đó, tổng sản lượng cam sẽ đạt 16.800 tấn năm 2015 và 25.200 tấn năm 2020. Tổng giá trị đạt 90 tỷ đồng năm 2015 và 180 tỷ đồng năm 2020.

### **Hoạt động chế biến**

Tỉnh sẽ chủ yếu là xây dựng nhà máy sản xuất nước ép, mứt, và các sản phẩm từ bưởi cùng với đóng gói bưởi nguyên quả. Các nhà máy đặt ở Hương Khê. Sản phẩm chế biến sẽ nhắm tới thị trường trong nước, còn bưởi nguyên quả sẽ phục vụ cả thị trường xuất khẩu. Đến năm 2020, công suất tối đa các nhà máy sẽ đạt 5.000 tấn. Để thành công, tỉnh sẽ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vận tải để vận chuyển bưởi từ trang trại đến nhà máy và



sau đó tiếp tục đi xuất khẩu. Tổng đầu tư vào chế biến bưởi (gồm cả chế biến cam) là 73 tỷ đồng. Đến năm 2020, giá trị chế biến bưởi đạt 107 tỷ đồng.

#### 2.2.3.1.2.3 Khoai lang

##### **Lý do ưu tiên**

Đây là cây lương thực cả người và vật nuôi đều sử dụng được. Đặc biệt, khoai lang rất phù hợp làm thức ăn nuôi lợn. Tương tự ở Trung Quốc (60% của khoai lang dùng làm thức ăn cho lợn), sản phẩm này chủ yếu sẽ được định hướng làm thức ăn cho vật nuôi trong tỉnh. Nông dân có thể trồng khoai lang gần các cây khác ở những mảnh ruộng có diện tích nhỏ mà nếu trồng cây khác sẽ không mang lại giá trị kinh tế cao. Khoai lang chịu được nhiều loại đất khác nhau, lại phù hợp với đất có tính axit, nên sẽ là cây trồng tốt cho diện tích đất khó canh tác của tỉnh. Khoai lang không phải cây chịu úng tốt, song do sinh trưởng vào mùa xuân nên sẽ tránh được mùa lũ của Hà Tĩnh. Loại cây này cũng có tiềm năng chế biến thành dạng tinh bột.

##### **Cơ hội phát triển**

Do cây trồng này chủ yếu là để dùng làm lương thực, để phát triển khoai lang, tỉnh cần cải tiến kỹ thuật canh tác ở các hợp tác xã hoặc nhóm nông dân. Khoai lang có 1 số hình thức chế biến, cụ thể là thành tinh bột và các sản phẩm dẫn xuất, song sản xuất còn rất hạn chế.

##### **Dự báo tăng trưởng**

Diện tích trồng sẽ ổn định ở mức 9.400 ha (đã tính tới việc tăng cường luân canh) và năng suất tăng lên gần 8,4 tấn/ha (vẫn hơi thấp hơn trung bình cả nước là 8,7 tấn/ha) nhờ cải tiến kỹ thuật canh tác. Tổng sản lượng sẽ đạt trên 68.000 tấn năm 2015 và trên 79.000 tấn năm 2020. Tổng giá trị đạt 455 tỷ đồng năm 2015 và 706 tỷ đồng năm 2020.

##### **Hoạt động chế biến:**

Tỉnh sẽ chủ yếu là xây dựng các nhà máy chế biến quy mô nhỏ, sản xuất tinh bột và sản phẩm khác như mỳ hay khoai miếng chiên. Các nhà máy đặt tại KCN Hạ Vàng, huyện Can Lộc. Đến năm 2020, công suất tối đa các nhà máy sẽ đạt 16.000 tấn. Để thành công, tỉnh sẽ đầu tư vào cơ sở kho trữ cấp xã phường, đồng thời phục vụ cả các nông sản khác. Tổng đầu tư vào chế biến khoai lang sẽ là 48 tỷ đồng, tạo giá trị chế biến hàng năm từ khoai lang đạt 213 tỷ đồng năm 2015. Đến năm 2020, giá trị chế biến hàng năm từ khoai lang sẽ đạt 571 tỷ đồng..

#### 2.2.3.1.2.4 Rau

##### **Lý do ưu tiên**

Gồm cả 1 nhóm cây trồng như đậu, cà rốt, rau ăn lá, các trái cây như dưa hấu, cà chua... chứ không chỉ là 1 sản phẩm nhất định, rau là mặt hàng được quan tâm nhiều ở Hà Tĩnh. Điều kiện khí hậu và đất đai của tỉnh rất phù hợp với sản xuất rau: trồng rau nhiệt đới vào mùa hè, rau ôn đới vào mùa đông. Ban đầu, Hà Tĩnh có thể đáp ứng 30-40% nhu cầu trong tỉnh. Do đây là mặt hàng tương đối khó vận chuyển từ các nơi khác đến, thị trường trong tỉnh sẽ là thị trường chính đối với rau Hà Tĩnh.

##### **Cơ hội phát triển**

Nhiều nông dân hiện đang trồng lúa gạo có thể chuyển 1 phần diện tích sang trồng rau, do giá rau ở Hà Tĩnh cao hơn: có thể gấp 6 lần lúa gạo. Hà Tĩnh hiện đang cung cấp rau cho thị trường dưới cả hai hình thức là chưa qua chế biến và đã qua chế biến (làm sạch, đóng gói, đóng hộp). Tỉnh có thể bắt đầu xuất khẩu ở mức độ nhất định với sản phẩm rau quả chế biến sâu hơn. Nghề trồng rau sẽ phát triển mạnh hơn khi nông dân có thể đầu tư mua các loại lưới bảo vệ ruộng rau, thậm chí cả nhà kính ở giai đoạn sau này để kiểm soát điều kiện trồng tốt hơn. Mô hình sản xuất chủ yếu với rau là hợp tác xã nông dân nhỏ, do quy mô sản xuất còn khá nhỏ và phân tán, khó thu hút đầu tư sản xuất quy mô lớn trong ngắn hạn. Tuy nhiên, tỉnh vẫn có tiềm năng mở rộng sản xuất rau trong thời gian sau đó.

### Dự báo tăng trưởng

Diện tích trồng rau sẽ là 11.000 ha đến năm 2015, sau đó ổn định đến năm 2020. Năng suất sẽ đạt 10 tấn/ha vào năm 2015 và 12 tấn/ha vào năm 2020. Do đó, tổng sản lượng sẽ đạt 100.000 tấn năm 2015 và 120.000 tấn năm 2020. Tổng giá trị sẽ đạt 469 tỷ đồng năm 2015 và 753 tỷ đồng năm 2020.

### Hoạt động chế biến

Hoạt động chế biến chủ yếu của tỉnh sẽ là làm sạch, đóng gói, đóng hộp. Sản phẩm sau đó được tiêu thụ ngay tại địa phương. Với sản phẩm đóng hộp, tỉnh có thể tiêu thụ ở các tỉnh thành khác và có tiềm năng xuất khẩu. Các nhà máy chế biến sẽ đặt ở Thạch Hà, thị xã Hồng Lĩnh, Kỳ Anh, Can Lộc, Đức Thọ, Cẩm Xuyên và yêu cầu đầu tư 120 tỷ đồng, công suất 6.000 tấn rau/năm. Đến năm 2015, giá trị chế biến hàng năm từ rau sẽ đạt 160 tỷ đồng, và đến 2020 sẽ đạt 208 tỷ đồng.

#### 2.2.3.1.2.5 Cao su

### Lý do ưu tiên

Cao su là cây trồng quan trọng đối với khu vực đồi núi. Mặc dù nhìn chung cao su chủ yếu được trồng ở những vùng trên thế giới có khí hậu ẩm áp hơn Hà Tĩnh, điều kiện khí hậu của tỉnh vẫn thích hợp cho loại cây này trồng. Tuy nhiên, nhiệt độ thấp khiến cây chậm lớn và do đó kéo dài thời gian từ khi trồng đến khi bắt đầu khai thác thương mại: khoảng 7 năm. Trong những năm qua, cao su là 1 trong những cây lâm nghiệp mang lại lợi nhuận cao nhất cho Hà Tĩnh. Các doanh nghiệp đã có nhiều hoạt động trong lĩnh vực sản xuất cao su của tỉnh. Một doanh nghiệp hiện đang khai thác mỏ và 1 doanh nghiệp khác đang chờ rừng cao su đến thời kỳ khai thác. Mỗi công ty đều có các rừng trồng ở nhiều nơi trong tỉnh, và là thành viên Hiệp hội Cao su Việt Nam. Các công ty có cả diện tích quản lý riêng và hợp đồng với nông dân cung cấp cao su (có thể hỗ trợ cây, các dịch vụ; trả lương và 1 phần lợi nhuận từ mỏ; hoặc không hỗ trợ nhưng trả đầy đủ giá thị trường đối với mỏ). Các công ty hoạt động ở những khu vực khác nhau trong tỉnh: 1 công ty ở Hương Khê (2/3 tổng diện tích cao su), Vũ Quang, Đức Thọ và Hương Sơn; công ty còn lại hoạt động ở Hương Khê (1/3 diện tích cao su), Thạch Hà, Can Lộc, Cẩm Xuyên và Kỳ Anh. Đây vẫn là 1 loại cây trồng tương đối mới – diện tích trồng tăng từ 4.300 ha năm 2006 lên 7.300 ha năm 2010.

Tiềm năng thị trường cho cây cao su cũng là rất lớn. Giá cao su trên thị trường quốc tế đang tăng lên, chủ yếu do nhu cầu từ các nước phát triển và mới nổi, khiến cho đây trở thành sản phẩm hấp dẫn. Ngoài ra, với giá dầu tiếp tục ở mức cao, cao su tự nhiên hấp dẫn hơn cao su nhân tạo. Các nhà sản xuất cao su tại Hà Tĩnh sẽ thấy được nhu cầu lớn từ KKT Vũng Áng.

## Cơ hội phát triển

Với diện tích trồng mới và thời gian đến khi cho thu hoạch của rừng cao su tại Hà Tĩnh, phần lớn tổng sản lượng đến năm 2020 sẽ là từ 7.200 ha rừng trồng từ trước 2011. Trong thời gian tới, tỉnh cần tăng năng suất thông qua áp dụng kỹ thuật trồng và khai thác hiệu quả hơn. Cây cao su sẽ chủ yếu phát triển ở các trang trại nông hộ nhỏ ký hợp đồng với công ty cao su quy mô lớn. Đây hiện là mô hình phổ biến ở Việt Nam, giúp đảm bảo vốn cho nông trại.

## Dự báo tăng trưởng

Diện tích cao su sẽ tăng lên 18.200 ha vào năm 2015 (8.000 ha đã đi vào khai thác) và 26.350 ha năm 2020 (14.700 ha đã đi vào khai thác). Năng suất sẽ đạt 1,3 tấn/ha vào năm 2015 và 1,5 tấn/ha vào năm 2020. Do đó, tổng sản lượng sẽ đạt 10.400 tấn năm 2015 và 22.200 tấn năm 2020. Tổng giá trị sẽ đạt 361 tỷ vào năm 2015 và 2.378 tỷ vào năm 2020 nhờ ngày càng có nhiều diện tích bắt đầu cho khai thác.

## Hoạt động chế biến

Tỉnh sẽ chủ yếu là phát triển chế biến mủ cao su thành hình thức có thể mang đi tiêu thụ. Khác với các sản phẩm nói trên, bước chế biến này là bắt buộc để có thể tiêu thụ cao su. Nếu không, mủ sẽ bị đông kết lại chỉ sau khi thu hoạch vài giờ, và còn có thể gây ô nhiễm môi trường. Mặc dù chế biến thường là ở quy mô hộ gia đình nhỏ, Hà Tĩnh vẫn có thể phát triển nhà máy chế biến cao su quy mô lớn, sản xuất nhiều sản phẩm với chi phí thấp. Thường thì mủ cao su ở Việt Nam được chế biến thành dạng tấm cao su nguyên liệu ở cấp hộ gia đình. Những tấm này được xuất khẩu đi các nước Đông Nam Á (tổng sản lượng xuất khẩu cao su của Việt Nam đạt 782.000 tấn năm 2010, với lượng cao su tự nhiên sản xuất là 755.000 tấn). Tuy nhiên, Hà Tĩnh cần sản xuất cả cao su dạng khối (block) bên cạnh cao su dạng tấm. Sản phẩm cao su ở nhiều hình thức khác nhau, với chất lượng đồng nhất hơn, sẽ là nguồn vật liệu tốt để sản xuất hàng bán thành phẩm và thành phẩm ở KKT Vũng Áng. Đầu tư dự kiến cho các nhà máy chế biến là 540 tỷ đồng. Hoạt động đầu tư này sẽ giúp tăng giá trị chế biến cao su hàng năm lên 400 tỷ đồng vào năm 2015 và 2640 tỷ đồng vào năm 2020

### 2.2.3.1.2.6 Chè

## Lý do ưu tiên

Chè có tiềm năng với vùng miền núi của Hà Tĩnh. Hiện tại chè có giá trị thấp, chủ yếu do chất lượng và giá cả. Tuy nhiên, về mặt cung, chè là sản phẩm hấp dẫn: có thể chịu được bão lũ, thu hoạch được trong nhiều tháng trong năm. Ngoài ra, đây cũng là cây trồng phù hợp nhất với nhiều khu vực miền núi, đồng thời tỉnh đã xuất khẩu thành công sản phẩm chè. Do đó, mặc dù tổng diện tích trồng còn khá nhỏ (hiện mới chỉ chiếm 0,7% tổng diện tích chè cả nước) và cơ hội sản xuất hàng hóa còn tương đối hạn chế, chè vẫn có thể được xem là 1 sản phẩm chủ lực.

## Cơ hội phát triển

Hà Tĩnh cần tập trung nâng cao năng suất và đặc biệt là chất lượng chè, nhằm thu được giá cao hơn và thành công hơn nữa trên thị trường chè quốc tế. Người trồng chè ở Hà Tĩnh cần phấn đấu để được cấp chứng nhận của 1 cơ quan quốc tế, ví dụ như UTZ hay Liên minh Rừng mưa (Rainforest Alliance). Để đạt được điều này, người trồng chè cần kiểm soát cẩn thận việc sử dụng thuốc trừ sâu, có phương pháp sử dụng phân bón hợp lý hơn.

## Dự báo tăng trưởng

Diện tích trồng chè sẽ tăng từ 895 ha năm 2010 lên 2.000 ha năm 2020. Sản lượng chè cũng sẽ được cải thiện nhờ kỹ thuật canh tác chè công nghệ cao và việc người trồng phân đầu được cấp chứng nhận quốc tế. Năng suất chè Hà Tĩnh sẽ cao hơn mức trung bình hiện tại cả nước (6,3 tấn / ha), tăng từ 5,3 tấn / ha năm 2010 lên 7,0 tấn / ha năm 2020. Mức năng suất này vẫn thấp hơn trung bình cả nước năm 2020 (8,0 tấn / ha) do các thách thức nêu trên, nhưng sản phẩm chè Hà Tĩnh sẽ có chất lượng cao hơn trước đây đáng kể. Sản lượng chè của tỉnh sẽ đạt 9.050 tấn vào năm 2015 và 14.000 tấn năm 2020. Giá trị tổng sản lượng sẽ là 98 tỷ đồng vào năm 2015 và 223 tỷ đồng vào năm 2020.

## Hoạt động chế biến

Hà Tĩnh có thể sản xuất chè đạt chất lượng xuất khẩu bằng cách thu hút đầu tư cho chế biến chè quy mô nhỏ và các nhà máy đóng gói trong các khu công nghiệp Hà Tân và Đá Mông của huyện Hương Sơn, trong vùng sản xuất công nghiệp được đề xuất tại huyện Hương Khê, và trong huyện Kỳ Anh. Trong 10 năm tới, các nhà máy này sẽ vận hành và đạt tổng công suất 1000 tấn vào năm 2020. Về lâu dài, tỉnh cần xây dựng hình ảnh riêng cho cây chè của mình để nâng cao giá trị hơn nữa

### 2.2.3.1.2.7 Cây thảo dược

## Lý do ưu tiên

Việt Nam được xem là nước cung cấp lớn về nguyên liệu dược phẩm cho thế giới, tổng lượng cung cấp hàng năm lên tới trên 5000 tấn. Các nguyên liệu dược phẩm của Việt Nam được khai thác từ trên 1300 loại cây thảo dược trong nước. Nhiều loại cây thảo dược của Việt Nam đã được công nhận trên toàn cầu, 1 số trong đó rất phù hợp để trồng ở Hà Tĩnh nhờ điều kiện địa hình và khí hậu cận nhiệt đới. Ví dụ, Brahmi (rau đắng biển - *Bacopa monnieri* L) là 1 loại cây sống được ở nhiều loại khí hậu và thổ nhưỡng khác nhau, thích hợp nhất là với đất ít tưới tiêu và khí hậu cận nhiệt đới. Ngoài khí hậu cận nhiệt đới, Hà Tĩnh còn có tỷ lệ che phủ rừng cao (58,6%) tạo tiềm năng lớn cho sinh trưởng nhiều loài cây thảo dược. Các huyện miền núi Hà Tĩnh cũng có nhiều cơ hội phát triển cây thảo dược. Sâm Ngọc Linh từ lâu được biết đến là có thể sống tốt ở vùng miền núi và vùng rừng tự nhiên của Việt Nam.

Hà Tĩnh cần nâng cao năng suất và giá trị nói chung của cây thảo dược, thông qua mở rộng diện tích trồng và phát triển hoạt động chế biến. Việc chủ động trồng giúp người sản xuất kiểm soát chất lượng (hàm lượng hoạt chất) và độ tinh khiết của sản phẩm tốt hơn là chỉ thu hoạch từ tự nhiên. Hiện chủ yếu thảo dược trong nước được thu hái từ tự nhiên, trong đó có cả cây *Artemisia annua* (tên dân gian là thanh hao hoa vàng, cây thanh cao hoa vàng, ngải si, ngải đại, ngải đắng, ngải hôi) - loại cây đã có thể chủ động gieo trồng. Hà Tĩnh có thể tăng cường gieo trồng nhiều loại thảo dược tương tự để nâng cao cả chất lượng và sản lượng. Ngoài ra, tỉnh có thể tăng giá trị cây thảo dược thông qua đầu tư vào cơ sở chế biến, loại bỏ độc tố và các tạp chất, nâng cao hiệu quả điều trị, sắc thuốc để tạo sản phẩm.

## Dự báo tăng trưởng

Nếu thực hiện được các hoạt động như trên, Hà Tĩnh có thể đạt sản lượng 2.225 tấn với giá trị 620 tỷ đồng từ cây thảo dược vào năm 2020.

## Hoạt động chế biến:

Tỉnh sẽ chủ yếu là xây dựng nhà máy chế biến thảo dược thành sản phẩm có thể dùng ngay cho người mua. Các hoạt động chế biến này gồm loại bỏ độc tố và tạp chất, nâng cao dược tính, đẩy mạnh chế biến thông qua sắc thuốc. Để chế biến, nguyên liệu phải trải qua nhiều bước, gồm làm sạch, sao khô, cắt nhỏ, tán bột, nấu trong cồn để chiết xuất tinh dầu hoặc các hoạt chất khác. Vào năm 2020, Hà Tĩnh sẽ có 1 nhà máy với công suất chế biến trên 2.000 tấn dược phẩm/năm, sẽ bắt đầu sản xuất từ các năm ngay sau đó

## Hình 95: Uttarakhand – Trở thành Trung tâm sản xuất cây thảo dược

Nằm gần dãy núi Himalayas, bang Uttarakhand của Ấn Độ hiện đang phấn đấu trở thành trung tâm sản xuất cây hương liệu và dược liệu (HDL), đồng thời xem đây là chìa khóa để nâng cao chất lượng sống khu vực nông thôn. Để làm được điều đó, chính quyền bang đã làm việc với nông dân, doanh nghiệp, chuyên gia trong 10 năm qua để khuyến khích canh tác cây HDL hiệu quả hơn, đồng thời hỗ trợ chế biến và tiếp thị sản phẩm.

**Canh tác có tổ chức:** Từ nhiều năm qua, cây thảo dược ở bang Uttarakhand vẫn mọc hoang dại dưới tán rừng, ít khi được nông dân canh tác. Người dân địa phương thu gom 1 lượng nhất định các loại cây này để bán cho thương lái. Cách làm này rất không hiệu quả, có thể dẫn tới khai thác quá mức và làm tuyệt chủng 1 số loài thảo dược quý hiếm. Để giải quyết các vấn đề trên, chính quyền bang đã khuyến khích canh tác có tổ chức bằng cách:

- Đơn giản hóa quy trình đăng ký với nông dân trồng cây HDL
- Nghiên cứu, khuyến nghị các loại cây nên ưu tiên
- Cung cấp miễn phí nguyên vật liệu canh tác cho nông dân, giúp khắc phục khó khăn lớn nhất của nông dân khi bắt đầu canh tác có tổ chức
- Triển khai chương trình tập huấn cho nông dân với sự tham gia của cán bộ nông nghiệp, giúp nông dân học tập, chia sẻ kiến thức và kỹ năng
- Cung cấp hỗ trợ tài chính cho nông dân canh tác các sản phẩm dược ưu tiên – yếu tố quan trọng để giảm rủi ro cho nông dân khi họ chuyển sang 1 sản phẩm trước kia chưa từng sản xuất.

**Tạo giá trị gia tăng và bán hàng:** Chính quyền bang cũng tập trung vào chế biến và tiếp thị sản phẩm:

- Tài trợ các chương trình tập huấn về kỹ năng tạo giá trị gia tăng sau thu hoạch, ví dụ như phân loại và đóng gói sản phẩm
- Thành lập 3 khu chợ cho sản phẩm HDL ở các thị trấn lớn
- Trực tiếp giới thiệu nông dân với các công ty thương mại thông qua Viện Nghiên cứu Phát triển Dược liệu bang.

**Điều phối cụm ngành:** Chính quyền bang đã thiết lập các cơ quan giúp



điều phối cụm ngành sản phẩm HDL. Cơ quan quan trọng nhất là Hội đồng Cây Thảo dược Bang (HĐCTD) – chịu trách nhiệm điều phối các hoạt động hỗ trợ cho cụm ngành trong toàn bang. HĐCTD cung cấp thông tin thị trường, giúp xây dựng chính sách với sản phẩm HDL, xác định sản phẩm HDL mới cần được ưu tiên, thúc đẩy hợp tác giữa những nông dân trồng cây HDL, đảm nhiệm công tác NC&PT.

Những nỗ lực của chính phủ đã bắt đầu mang lại kết quả. Hiện tổng diện tích trồng cây HDL là trên 3.000 ha. Toàn bang có trên 20.500 nông dân đăng ký trồng 38 loại cây HDL được ưu tiên phát triển. Năm 2009-2010, bang sản xuất được gần 370 tấn cây HDL, trị giá trên 450.000 USD. Ngoài ra, trên 70 công ty chế biến dược liệu đã được thành lập ở bang.

Nguồn: Hội đồng Cây Thảo dược Bang; eUttaranchal. “Uttarakhand phát triển cây thảo dược”; Das, Vibha Puri. “Tiềm năng và Triển vọng Kinh tế Nông nghiệp: Nghiên cứu Điển hình về Uttarakhand - Agri Business Prospects and Potential: Case for Uttarakhand”; Sharma, Neena. “Uttarakhand Nâng cao Năng suất cây Thảo dược - Uttarakhand set to boost herbal yield”. Tribune India; Viện Nghiên cứu Phát triển Dược liệu

### 2.2.3.1.3 Ưu tiên cấp huyện loại 2

Các loại cây này chỉ được trồng ở 1 số huyện và xã phù hợp. Mặc dù đây là những sản phẩm có thị trường tiềm năng, tỉnh cần nghiên cứu thêm độ khả thi cả về mặt thương mại lẫn kỹ thuật trước khi bắt đầu canh tác ở quy mô công nghiệp.

#### 2.2.3.1.3.1 Sắn

##### **Lý do ưu tiên**

Tỉnh đã có nhà máy chế biến tinh bột sắn ở Kỳ Anh. Ngoài ra, các sản phẩm từ sắn như thực phẩm chế biến (vd: sắn miếng chiên), ethanol sinh học và các sản phẩm lên men khác cũng có thị trường rất tiềm năng.

Tuy nhiên, nông dân ở Hà Tĩnh thường cho rằng sắn là cây trồng không hấp dẫn, diện tích trồng đã giảm 17% trong thời gian từ năm 2007 đến 2010. Sắn được xem là cây trồng nhanh chóng làm giảm độ màu mỡ của đất, do mức hấp thụ dinh dưỡng trong đất cao để sinh trưởng, đặc biệt là hấp thụ kali. Đây là nguyên nhân khiến sắn có tiếng là cây nhanh làm đất bạc màu. Bù lại, năng suất của cây lại tương đối cao với cùng mức hấp thụ dinh dưỡng/kg sản phẩm so với cây trồng khác.

Với kỹ thuật canh tác hiện đại, nông dân vẫn có thể trồng sắn mang lại kết quả mong muốn mà không làm ảnh hưởng chất lượng đất. Để phát triển cây sắn, tỉnh cần cải thiện kỹ thuật canh tác, gồm:

- Sử dụng phân bón tốt hơn, nhất là phân bón NPK bất cứ khi nào có thể
- Cải tiến kỹ thuật luân canh, ví dụ từ sắn → sắn → sắn → lạc (có thể là khoai lang vào mùa thu ở khu vực ít bị lũ), hoặc thậm chí sắn → sắn → sắn → ngô, mặc dù ngô cũng có tác động riêng đối với đất

##### **Dự báo tăng trưởng**

Diện tích sắn sẽ ổn định ở mức 3.700 ha năm 2015, sau đó tăng lên 4.000 ha năm 2020. Năng suất cũng sẽ tăng nhanh, đạt 13 tấn/ha năm 2015 và 15 tấn/ha năm 2020 nhờ những tiến bộ trong kỹ thuật canh tác. Tổng sản lượng sắn sẽ đạt 50.000 tấn năm 2015 và 60.000 tấn năm 2020. Tổng giá trị sẽ đạt 358 tỷ đồng năm 2015 và 573 tỷ đồng năm 2020.

### 2.2.3.1.3.2 Ngô

#### **Lý do ưu tiên**

Ngô là cây lương thực quan trọng thứ 2 ở Việt Nam, vừa làm thực phẩm cho người, vừa làm thức ăn cho chăn nuôi. Ở Hà Tĩnh, ngô có diện tích trồng khá lớn: trên 8.000 ha ở nhiều huyện. Điều này cho thấy đây là cây trồng có vai trò nhất định với tỉnh.

Tuy nhiên khí hậu ở Hà Tĩnh gây khó khăn cho canh tác ngô (đặc biệt là bão, lũ, gió Lào khô nóng), dẫn đến năng suất chỉ đạt 3,4 tấn/ha, thấp hơn nhiều trung bình cả nước là 4,1 tấn/ha. Diện tích trồng cũng giảm từ gần 10.000 ha năm 2008 xuống còn 8.000 ha năm 2010. Ngoài ra, ngô có tiềm năng chế biến tương đối hạn chế so với các cây trồng khác, chủ yếu chỉ được sử dụng trực tiếp.

Một số xã sẽ tiếp tục trồng ngô để đảm bảo an ninh lương thực và nguồn thức ăn chăn nuôi, song các cây trồng khác ở tỉnh sẽ mang lại lợi nhuận cao hơn.

#### **Dự báo tăng trưởng**

Diện tích trồng ngô sẽ giảm xuống còn khoảng 7.861 ha vào năm 2015 và 7.666 ha vào năm 2020. Năng suất cũng tăng nhẹ lên 3,8 tấn/ha vào năm 2015 và ổn định ở mức 4,0 tấn/ha vào năm 2020. Tổng giá trị từ cây ngô sẽ đạt 213 tỷ đồng vào năm 2015 và 293 tỷ đồng vào năm 2020.

### 2.2.3.1.3.3 Đậu (trong đó có đậu xanh)

#### **Lý do ưu tiên**

Giống như rau, nhu cầu tiêu thụ các loại cây họ đậu, đỗ, trong đó có đậu/đỗ xanh, sẽ chủ yếu là ở trong tỉnh. Các hình thức chế biến chính là đóng gói và đóng hộp sản phẩm đậu để tiêu thụ ở các huyện. Tuy nhiên, các loại đậu xanh sẽ có vai trò quan trọng không chỉ về mặt kinh tế mà còn tạo nguồn đạm nhờ vi khuẩn Rhizobium, giúp duy trì độ màu mỡ của đất. Do đó, cây đậu, đỗ sẽ được trồng luân canh với cây khác để duy trì độ màu mỡ của đất. Các phương pháp tạo nguồn đạm Rhizobium sẽ hỗ trợ thêm cho việc này.

#### **Dự báo tăng trưởng**

Diện tích đậu, đỗ sẽ đạt 11.000 ha vào năm 2015 và ổn định đến năm 2020. Năng suất đạt trên 1 tấn/ha vào năm 2015 và gần 1,1 tấn/ha năm 2020. Tổng sản lượng sẽ đạt 11.100 tấn năm 2015 và 11.200 tấn năm 2020. Tổng giá trị sẽ đạt 339 tỷ đồng năm 2015 và 489 tỷ đồng năm 2020.

### 2.2.3.1.3.4 Cây Cảnh

#### **Lý do ưu tiên**

Yếu tố giúp tăng tiêu thụ cây cảnh sẽ là từ nhu cầu trang trí ở trong và ngoài nhà. Cây cảnh cũng có nhu cầu lớn trong khu vực, đặc biệt ở Philippin, Đài Loan, Nhật Bản – những nơi nghệ thuật chơi cây cảnh phát triển rộng rãi. Ngoài ra, nhờ có thể trồng trong nhà, 1 số loại cây cảnh có thể giúp khắc phục điều kiện khí hậu khó khăn ở Hà Tĩnh.

Tuy nhiên, cây cảnh ít có tiềm năng phát triển chế biến. Ngoài việc tạo dáng cho cây cảnh cỡ lớn, sản phẩm này không còn hoạt động nào để tạo giá trị gia tăng với quy mô công nghiệp nữa.

## Dự báo tăng trưởng

Thời gian đầu, Hà Tĩnh sẽ sản xuất cây cảnh cỡ nhỏ, tổng giá trị đạt 10 tỷ đồng vào năm 2015. Trong quá trình chuyển sang trồng các loại cây cảnh ngoài trời cỡ lớn và giá trị cao hơn, tỉnh sẽ dần có đội ngũ nghệ nhân trình độ cao về tạo dáng cây cảnh. Giá trị sản phẩm này sẽ đạt 90 tỷ đồng vào năm 2020.

### 2.2.3.1.4 Các sản phẩm khác

#### 2.2.3.1.4.1 Vừng

Hà Tĩnh có diện tích trồng vừng khá khiêm tốn, chỉ gần 1.500 ha. Đây là loại cây yêu cầu khí hậu tương đối ẩm, đất có độ pH trung bình, do đó không phù hợp lắm với điều kiện đất có tính axit và khí hậu có nhiều thay đổi của Hà Tĩnh. Năng suất vừng tại Hà Tĩnh đạt 0,34 tấn/ha, thấp hơn nhiều mức trung bình cả nước là 0,53 tấn/ha, và kém xa mức 1,22 tấn/ha của Trung Quốc. Điều này cho thấy năng lực cạnh tranh còn hạn chế của tỉnh Hà Tĩnh.

#### 2.2.3.1.4.2 Mía đường

Mía đường là cây trồng phát triển mạnh ở 2 tỉnh lân cận Thanh Hóa và Nghệ An, song ở Hà Tĩnh còn rất hạn chế (chưa đến 300 ha). Mặc dù có thể có tiềm năng ở Hà Tĩnh, hiện năng suất mía của tỉnh thấp hơn nhiều mức trung bình cả nước (41 tấn/ha so với 60 tấn/ha), do hạn chế về thời tiết, chất lượng đất và các vấn đề về cung cấp nước

#### 2.2.3.1.4.3 Cói và Tiêu

Ở Hà Tĩnh, cói và tiêu chỉ được trồng ở quy mô rất nhỏ (<100 ha).

### 2.2.3.1.5 Các sản phẩm tiềm năng

#### 2.2.3.1.5.1 Tràm lá dài (*Melaleuca alternifolia*)

Tràm lá dài là loài cây bụi lớn, lá dài, thẳng, có thể nghiền lấy tinh dầu - sử dụng trong nhiều dược phẩm như chất khử trùng, chất khử mùi, nước hoa, dầu gội đầu. Loài cây này sinh trưởng tốt ở vùng cận nhiệt đới, phù hợp nhiều loại đất, chịu hạn tốt và có thể chịu lũ lụt, có giá trị sản lượng > 100 triệu đồng/ha. Cây trồng này sẽ được thử nghiệm ở vùng ven biển, trong thời gian 12-14 tháng.

#### 2.2.3.1.5.2 Me

Me là cây lấy quả, thân thẳng. Đây là loài cây gốc châu Phi, song đã được trồng rất nhiều ở Ấn Độ và Malaysia với những vùng khí hậu tương tự Hà Tĩnh; sinh trưởng tốt ở đất axit tương tự ở tỉnh. Ấn Độ hiện là nước sản xuất hàng đầu. Me và các sản phẩm từ me đang có nhu cầu lớn trên thị trường quốc tế, giá trị sản lượng có thể đạt trên 200 triệu/ha. Me có thể bán quả trực tiếp, nhưng thường được sử dụng làm các sản phẩm như kem, nước ép và đồ ăn nhẹ khác, đồng thời có tiềm năng làm thuốc. Me sẽ được thử nghiệm ở vùng đồng bằng, trong thời gian 6-8 năm.

#### 2.2.3.1.5.3 Khế



Khế là loài cây thân gỗ, quả khi thái ngang hình giống ngôi sao, múi mỏng nước, có thể dùng tươi hoặc trong nhiều món ăn. Khế được trồng chủ yếu ở vùng khí hậu nhiệt đới hoặc cận nhiệt đới, và đã xuất hiện ở Việt Nam từ lâu đời. Đây là sản phẩm giá trị cao, có thị trường xuất khẩu tiềm năng ở Đông Nam Á do nhu cầu tiêu thụ khế lớn và dùng trong các món ăn, giá trị sản lượng trên 270 triệu đồng/ha. Khế sẽ được thử nghiệm ở vùng trung du, trong thời gian 4-6 năm.

### 2.2.3.2 Chăn nuôi

Lợn sẽ là vật nuôi chính của Hà Tĩnh trong giai đoạn tới. Khi xây dựng được chuỗi trữ lạnh và các nhà máy chế biến, tỉnh sẽ có điều kiện phục vụ các thị trường xa hơn. Khi đó, yếu tố nhu cầu tại địa phương không còn quá quan trọng trong việc lựa chọn vật nuôi và tỉnh sẽ hướng nhiều hơn tới các sản phẩm có tiềm năng tạo giá trị gia tăng qua chế biến và/hoặc mang lại lợi nhuận qua xuất khẩu

#### 2.2.3.2.1 Sản phẩm chủ lực cấp tỉnh

##### 2.2.3.2.1.1 Lợn

#### Lý do ưu tiên

Thịt lợn là loại thịt phổ biến nhất ở Hà Tĩnh và trong cả nước, chiếm 75% lượng thịt tiêu thụ toàn quốc. Nghề nuôi lợn có ở cả khu vực đồng bằng và trung du, luôn có nhu cầu mạnh và ổn định. Ngoài ra, 1 số mô hình nuôi lợn ở Hà Tĩnh đã được chứng minh về tính hiệu quả: tỉnh đã có các trang trại nuôi lợn quy mô lớn, đồng thời chương trình IMPP (tổ chức IFAD tài trợ) đã xây dựng hợp tác xã nuôi lợn cung cấp cho Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh MITRACO. Với tầm quan trọng và thành công hiện tại, sản phẩm thịt lợn sẽ là sản phẩm chủ lực của tỉnh trong tương lai.

#### Cơ hội phát triển

Tuy nhiên, thành công của Hà Tĩnh về chăn nuôi lợn còn chưa được đảm bảo trong giai đoạn tới. Điều này cho thấy tỉnh cần tìm cách bảo vệ vị thế của mình với sản phẩm này. Hiện phần lớn thức ăn chăn nuôi lợn phải nhập từ nước ngoài, khiến cho chi phí tăng cao, lợi nhuận giảm xuống. Do yếu tố này, tỉnh có thể khó duy trì lợi thế cạnh tranh của mình về thịt lợn nếu sản lượng trên cả nước tăng lên. Khi đó, có thể sức cạnh tranh của Hà Tĩnh sẽ thấp ngay cả ở thị trường trong nước. Để giải quyết vấn đề này, tỉnh nhanh chóng mở rộng quy mô, nâng cao năng suất, hiệu quả của nuôi lợn. Hà Tĩnh cần khuyến khích thành lập các cơ sở chuyên môn nuôi và cung ứng lợn giống nhằm tách nuôi lợn thịt và nuôi lợn giống. Ngoài ra, tỉnh cũng cần tăng cường kiểm soát dịch bệnh ví dụ như bệnh lợn tai xanh qua các chương trình tiêm chủng phòng ngừa bằng vắc xin và thuốc kháng sinh do cơ quan thú y địa phương đề xuất sử dụng. Việc mở rộng sản xuất thức ăn chăn nuôi, hiện đang do công ty MITRACO cung cấp, tập trung sử dụng nguyên liệu tại chỗ, sẽ nâng cao tính bền vững cho sản phẩm thịt lợn tại tỉnh. Tỉnh cũng cần có các cơ sở chế biến để trở thành địa phương lớn về cung cấp thịt lợn. Ngoài ra, Hà Tĩnh có thể xây dựng thương hiệu cho thịt lợn, gắn thương hiệu của mình với chất lượng và độ an toàn nhờ đầu tư vào toàn chuỗi giá trị. Cuối cùng, Hà Tĩnh cần quan tâm tới tác động môi trường từ trang trại nuôi lợn. Chất thải chưa qua xử lý của lợn có tác hại và còn có thể làm chết cây trồng. Các trang trại lợn phải được giám sát chặt chẽ để đảm bảo không xả thải trực tiếp ra nguồn nước mà phải qua xử lý – ví dụ ở các hồ nuôi cá rô phi, như 1 số trang trại trong tỉnh đã thử nghiệm. Mô hình chủ yếu để nuôi lợn là kết hợp hợp tác xã nông dân nhỏ với trang trại sản xuất lớn. Trang trại lợn năng suất cao đã cho thấy thành công, đảm bảo chắc chắn hơn cho hoạt

động của các nhà máy chế biến - tuy nhiên, mô hình các công ty như MITRACO: bán lợn giống cho nông dân và mua lại lợn đã lớn cũng sẽ được phát triển.

### **Dự báo tăng trưởng**

Nếu thực hiện được các bước như trên, ngành sản xuất thịt lợn sẽ tăng trưởng mạnh mẽ trong 10 năm tới đây. Số đầu lợn sẽ đạt 524.000 con vào năm 2015, và 707.000 vào năm 2020, tổng sản lượng là 169.700 tấn vào năm 2020.

### **Hoạt động chế biến:**

Trọng tâm phát triển trong chế biến với thịt lợn là các nhà máy đóng gói thịt lợn đã cắt thành miếng, hướng tới tiêu thụ ở siêu thị, phục vụ thị hiếu người tiêu dùng thích thịt tươi sống vẫn tạo được giá trị gia tăng qua chế biến; các sản phẩm như giò, chả, xúc xích, thịt cấp đông cũng sẽ được sản xuất. Các sản phẩm sẽ tập trung vào thị trường trong nước do ở thị trường này thịt lợn vẫn là loại thịt được tiêu thụ nhiều nhất. Công suất các nhà máy này dự kiến đạt 40.000 tấn/năm vào năm 2020, chế biến được 9.000 tấn. Để hỗ trợ chế biến thịt lợn, tỉnh sẽ xây dựng và mở rộng công suất các lò mổ và cơ sở đóng gói hợp vệ sinh, đồng nhất về chất lượng, đồng thời đầu tư phát triển phương tiện vận chuyển có khoang lạnh để mang thịt đi tiêu thụ. Cơ sở hạ tầng quan trọng nhất cần đầu tư là lò mổ tập trung tuân thủ các tiêu chuẩn xuất khẩu nghiêm ngặt của những thị trường lớn như EU. Tổng đầu tư dự kiến cho chế biến thịt (trong đó có cả thịt bò, thịt heo, thịt lợn) là 560 tỷ đồng, trong khi dự kiến đầu tư vào lò mổ (gồm 3 dây chuyền cho thịt lợn và 1 cho thịt bò) là 11 tỷ đồng. Các cơ sở này sẽ đặt ở KCN Hạ Vàng, huyện Can Lộc, giúp Hà Tĩnh thu được 3.819 tỷ đồng từ chế biến thịt lợn vào năm 2020.

#### *2.2.3.2.2 Ưu tiên cấp huyện loại 1*

##### *2.2.3.2.2.1 Bò*

### **Lý do ưu tiên**

Hà Tĩnh có điều kiện thuận lợi để nuôi bò do có tiềm năng về đồng cỏ cho chăn thả gia súc ở khu vực đồng bằng và miền núi. Nhờ đó tỉnh có lợi thế so với những địa phương khác của Việt Nam phải nhập thức ăn từ bên ngoài. Nguồn thức ăn sẵn có cho bò giúp vật nuôi này có thể mang lại lợi nhuận cao hơn lợn. Đồng thời bò cũng chỉ ăn cỏ chứ không tốn những loại lương thực mà người cũng sử dụng được như khoai lang hay ngô. Ngoài ra, phân bò cũng là sản phẩm có giá trị với nông dân, có thể sử dụng rộng rãi để bón cho các khu rừng cao su trong tỉnh. Khi tỉnh nói riêng và cả nước nói chung có điều kiện kinh tế cao hơn, nhu cầu đối với thịt cũng sẽ gia tăng. Hà Tĩnh còn có thể khai thác thị trường thịt bò ở Lào khi quốc gia này phát triển. Tỉnh cần tập trung phát triển chế biến thịt và nâng cấp cơ sở hạ tầng phân phối. Mô hình sản xuất với bò sẽ là các trang trại sản xuất hàng hóa quy mô lớn, nhờ khả năng đầu tư vào cơ sở hạ tầng để nâng cao hiệu quả và mật độ nuôi.

### **Dự báo tăng trưởng**

Khi tỉnh có nhà máy chế biến thịt cùng cơ sở hạ tầng cần thiết để phân phối các sản phẩm thịt hợp vệ sinh, số lượng bò trong tỉnh sẽ tăng nhanh và đạt trên 234.700 con vào năm 2015 và 278.000 con vào năm 2020. Tổng sản lượng thịt sẽ đạt gần 11.700 tấn vào năm 2015 và trên 16.700 tấn năm 2020. Tổng giá trị sẽ đạt 845 tỷ đồng năm 2015 và 1614 tỷ đồng năm 2020.

### **Hoạt động chế biến**

Tỉnh sẽ tập trung xây dựng lò mổ tập trung đặt gần nhà máy chế biến thịt bò mới thành lập. Các nhà máy chế biến sẽ sản xuất thịt bò đóng hộp và thực phẩm được bảo quản. Các cơ sở này sẽ nằm ở KCN Hà Tân, huyện Hương Sơn, công suất hàng năm đạt 10.000 tấn vào năm 2020, công suất chế biến thực là 2.300 tấn. Để hỗ trợ chế biến, tỉnh sẽ phát triển các phương tiện vận tải có khoang trữ lạnh để mang sản phẩm đi tiêu thụ. Đầu tư cho chế biến thịt, trong đó có cả các loại thịt khác là 560 tỷ đồng, tạo giá trị chế biến hàng năm từ thịt bò đạt 940 tỷ đồng vào năm 2020

#### 2.2.3.2.2 Hươu

##### **Lý do ưu tiên**

Hà Tĩnh cũng có tiềm năng nuôi hươu. Giống hươu sao ở Hà Tĩnh phù hợp với khu vực miền núi nhờ điều kiện khí hậu và có rừng che phủ. Hươu sao chủ yếu thích sống ở tầng dưới tán rậm, nhiều trang trại ở Hà Tĩnh song nuôi nhốt hươu. Hiện tỉnh mới chỉ nuôi hươu lấy nhung. Do nhung có giá trị cao hơn thịt, đây sẽ vẫn là trọng tâm với sản phẩm từ hươu của tỉnh trong thời gian tới. Trong tương lai, Hà Tĩnh có thể thu được giá trị từ hươu lấy thịt - sản phẩm hiện chưa được khai thác nhiều ở tỉnh. Mô hình nuôi hươu chủ yếu sẽ là hợp tác xã nông dân nhỏ, do điều kiện địa hình ở tỉnh phù hợp với trang trại nuôi nhỏ, mặc dù vẫn với trọng tâm là xuất khẩu.

##### **Dự báo tăng trưởng**

Số lượng hươu sẽ đạt 58.100 con vào năm 2015 và 102.300 năm 2020. Sản lượng năm 2015 sẽ là trên 19 tấn nhung, năm 2020 là 34 tấn. Tổng giá trị từ nhung sẽ là 280 tỷ đồng vào năm 2015 và 670 tỷ đồng vào năm 2020.

##### **Hoạt động chế biến**

Tỉnh sẽ chủ yếu là xây dựng nhà máy chế biến nhung, đặt tại KCN Hà Tân, Hương Sơn.

#### 2.2.3.2.3 Ưu tiên cấp huyện loại 2

Các loại vật nuôi này chỉ được trồng ở 1 số huyện và xã phù hợp nhất. Mặc dù đây là những sản phẩm có thị trường tiềm năng, tỉnh cần nghiên cứu thêm độ khả thi cả về mặt thương mại lẫn kỹ thuật trước khi bắt đầu chăn nuôi ở quy mô công nghiệp.

#### 2.2.3.2.3.1 Trâu

##### **Lý do ưu tiên**

Hà Tĩnh là tỉnh có điều kiện thuận lợi để nuôi trâu nhờ diện tích đồng cỏ tại khu vực đồng bằng và đồi thấp. Thịt trâu là loại thực phẩm vừa tốt cho sức khỏe, vừa có giá trị cao trên thị trường xuất khẩu. Đông Nam Á là khu vực có nhu cầu lớn về thịt trâu, với Malaysia và Indonesia là những thị trường tiêu thụ mạnh nhất về số lượng. Hà Tĩnh có tiềm năng đẩy mạnh chế biến thịt xuất khẩu sang các nước khác trong khu vực.

Tuy nhiên, số lượng trâu đã giảm sút trong thời gian qua, từ 110.000 năm 2007 xuống còn 95.000 năm 2010. Một phần nguyên nhân của sự suy giảm này là máy móc đã dần thay thế trâu trong vai trò sức kéo, đặc biệt ở vùng nông thôn, vùng miền cao. Ngoài ra, thị trường trong nước còn hạn chế và bò lại có tiềm năng lớn hơn.

##### **Dự báo tăng trưởng**

Số lượng đàn trâu sẽ giảm còn khoảng 92.000 con vào năm 2015 và 90.000 con vào năm 2020. Tổng sản lượng thịt trâu sẽ đạt 3.914 tấn vào năm 2015 và 4.214 tấn vào năm 2020. Tổng giá trị từ thịt trâu đạt 211 tỷ đồng vào năm 2015 và 227 tỷ đồng vào năm 2020.

#### 2.2.3.2.3.2 Gà

##### **Lý do ưu tiên**

Gà là vật nuôi được nuôi rộng rãi ở Hà Tĩnh và sẽ tiếp tục có vai trò quan trọng ở cấp hộ gia đình. Thịt gà có nhu cầu lớn vì đây là loại thực phẩm được tiêu thụ rộng rãi cả trong nước và trong khu vực. Gà cũng có 1 số hình thức chế biến cơ bản như thịt gà hầm ướp gia vị.

Tuy nhiên, do khó khăn trong tăng quy mô và chất lượng thức ăn sẵn có trên địa bàn tỉnh còn thấp, tiềm năng nuôi quy mô công nghiệp bị hạn chế. Ngoài ra, tỉnh đã có 1 số điểm bùng phát dịch H5N1 trên đàn gà trong những năm qua, buộc tỉnh phải tiêu hủy với số lượng lớn. Chỉ riêng tháng đầu tiên năm 2012, số lượng tiêu hủy đã là trên 16.000 con. Những điều này khiến cho thịt gà nhập khẩu được ưa chuộng hơn, nhất là với người dân tầng lớp trung lưu.

##### **Dự báo tăng trưởng**

Số lượng đàn gà sẽ tăng lên khoảng 4.032.000 con vào năm 2015 và 4.237.000 con vào năm 2020. Tổng sản lượng thịt sẽ đạt 7.062 tấn vào năm 2015 và 8.475 tấn vào năm 2020. Tổng giá trị từ thịt gà sẽ đạt 567 tỷ đồng vào năm 2015 và 911 tỷ đồng vào năm 2020.

#### 2.2.3.2.3.3 Vịt

##### **Lý do ưu tiên**

Vịt được nuôi để lấy thịt và trứng – những sản phẩm tiêu thụ nhiều trong nước. Cũng giống như gà, vịt có 1 số tiềm năng chế biến thành thực phẩm làm sẵn.

Tuy nhiên, đây không phải vật nuôi được phát triển rộng rãi ở Hà Tĩnh và số lượng vịt chỉ bằng 30% số lượng gà. Ngoài ra, vịt cũng có những khó khăn tương tự như gà (tăng quy mô, dịch bệnh). Do đó, tỉnh cần nghiên cứu thêm trước khi bắt đầu sản xuất ở quy mô công nghiệp.

##### **Dự báo tăng trưởng**

Số lượng đàn vịt sẽ tăng lên khoảng 1.177.000 con vào năm 2015 và 1.237.000 con vào năm 2020. Tổng sản lượng thịt sẽ tăng lên 2.061 tấn vào năm 2015 và 2.474 tấn vào năm 2020. Tổng giá trị từ thịt sẽ đạt 166 tỷ đồng vào năm 2015 và 266 tỷ đồng vào năm 2020.

#### 2.2.3.2.4 Sản phẩm khác

##### 2.2.3.2.4.1 Dê

Số lượng dê đã giảm mạnh trong những năm gần đây - từ 24.000 năm 2007 xuống chỉ còn 11.000 năm 2010. Mặc dù kinh nghiệm từ các nước khác cho thấy thịt, sữa và các sản phẩm phi thực phẩm khác từ dê có tiềm

năng phát triển, tiềm năng của dê ở thị trường trong tỉnh và trong nước hiện còn hạn chế. Do đó, bò và đặc biệt là hươu sẽ là sản phẩm chủ lực ở những vùng thích hợp cho nuôi dê.

### 2.2.3.3 Nuôi trồng thủy hải sản

Hà Tĩnh có tiềm năng tốt cho nuôi trồng thủy sản, với đường bờ biển dài 137km, giúp người dân được sử dụng diện tích biển và diện tích đất cát lớn, phù hợp với nuôi tôm. Với ngành công nghiệp xuất khẩu tôm và hải sản hiện tại, cùng kinh nghiệm và kiến thức ở tỉnh, tôm sẽ tiếp tục là sản phẩm thủy sản chủ lực. Cả 2 sản phẩm cá đánh bắt và cá nuôi nước ngọt đều có tiềm năng tăng trưởng.

#### 2.2.3.3.1 Sản phẩm chủ lực cấp tỉnh

##### 2.2.3.3.1.1 Tôm

#### Lý do ưu tiên

Cả tôm nuôi và tôm đánh bắt đều là sản phẩm xuất khẩu quan trọng của Hà Tĩnh. Tuy nhiên, ngành công nghiệp tôm vẫn chưa phát triển mạnh: chưa có công ty sản xuất giống ở tỉnh (trước đây có 1 công ty nhưng đã đóng cửa), việc sản xuất chủ yếu vẫn do các nông hộ nhỏ ở các ao hồ nhỏ. Tôm chủ yếu được nuôi ở các trang trại đơn độc canh trên đất, nguồn nước ít khả năng được cải tạo, khiến nguy cơ nhiễm bệnh cao. Hà Tĩnh phải tìm cách đẩy mạnh nuôi tôm để thành công trong bối cảnh có sự cạnh tranh từ các địa phương khác trong và ngoài nước.

#### Cơ hội phát triển

Hà Tĩnh có thể đẩy mạnh công nghiệp tôm bằng cách phát triển diện tích nuôi mới và áp dụng các Cách thức Quản lý Tốt nhất (CQT), xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm tăng năng suất ở các diện tích hiện tại và diện tích mới. Việc mở rộng diện tích sẽ nhắm tới những vùng nước lợ chưa khai thác có thể dùng để nuôi trồng thủy sản và tìm ra những địa điểm mới để nuôi trồng hải sản. Tỷ lệ nông trại sản xuất thâm canh sẽ tăng lên, giúp cải thiện đáng kể năng suất tổng thể. Ngoài ra, Hà Tĩnh sẽ tìm cách mở rộng việc nuôi tôm trên cát trong các ao có lót bằng nilon, 1 mô hình mang lại hiệu quả cao nhưng cũng gây nhiều lo ngại do ở tỉnh trước đây đã có 1 dự án nước ngoài đầu tư thất bại. Việc quản lý sử dụng chất kháng sinh cũng có vai trò quan trọng để tỉnh nâng cao vị thế trên thị trường quốc tế. Hiện nông dân nuôi tôm có thể thuê các kỹ thuật viên quản lý việc sử dụng thuốc kháng sinh, song chưa kiểm soát được chặt chẽ như mức thị trường quốc tế yêu cầu.

Tỉnh cần thực hiện CQT và cải thiện CƠ SỞ Hạ TẦNG tăng năng suất. Cụ thể là:

- **Cải thiện việc chọn giống:** Tập huấn và hỗ trợ nông dân cách chọn con giống tối ưu cho điều kiện cụ thể của trang trại. Tăng cường kiểm tra dịch bệnh trên con giống với các bệnh như WSSV (đốm trắng), tránh để ao hồ bị nhiễm mầm bệnh.
- **Tăng cường bảo vệ:** Đẩy mạnh sử dụng con giống ít bị nhiễm bệnh; giám sát nguồn nhiễm bệnh; quản lý nguồn nước thải từ ao tôm để tránh lây lan bệnh, đồng thời tăng cường sử dụng kháng sinh an toàn với việc yêu cầu có người giám sát sử dụng thuốc kháng sinh (chỉ được dùng khi có phê duyệt của người có chuyên môn, ví dụ như cán bộ thú y) và thường xuyên ghi chép chính xác lượng sử dụng. Tẩy trùng bằng vôi và có biện pháp bảo vệ ao hồ khỏi lũ lụt.

- **Thực hiện xen canh:** Tận dụng tốt việc xen canh (vd: cả tôm và cua) để duy trì độ sạch của nước
- **Cải thiện cơ sở hạ tầng:** Tách biệt nguồn nước vào/ra giữa các trang trại, kè bờ bằng bê tông<sup>13</sup>.
- **Triển khai bắt buộc chương trình tiêm chủng:** thực hiện chặt chẽ các chương trình tiêm chủng theo đề xuất của cơ quan thú y địa phương
- **Cải thiện công nghệ sau thu hoạch:** Áp dụng công nghệ giữ lạnh đồ ăn đã nấu và đóng gói sau thu hoạch tại các cơ sở chuyên phục vụ xử lý sau thu hoạch đặt ở vùng sản xuất hoặc cảng để giảm thiểu hư hại sau thu hoạch

Kè bờ cũng giúp ngăn ngừa nước mặn xâm nhập vào ao. Mô hình nuôi tôm chủ yếu là hợp tác xã nông dân nhỏ, do quy mô nuôi ở các ao cỡ vừa vùng nước lợ phù hợp với cấp hộ gia đình, việc mở rộng quy mô sẽ có khó khăn.

Việt Nam đã xuất khẩu tôm đi khắp các nước châu Á. Nhật Bản tiếp tục là thị trường lớn nhất (Nhập khẩu 63 triệu USD trong tháng 12/2011), Trung Quốc/Hồng Kông và Hàn Quốc cũng là nước nhập nhiều: 22 triệu USD và 17 triệu USD trong tháng 12/2011). Mỹ là thị trường lớn thứ 2, nhập 54 triệu USD trong cùng tháng trên. Với việc hàng hóa từ tỉnh có thể đến với các thị trường lớn này, nhất là khi cảng Vũng Áng – Sơn Dương đi vào hoạt động, Hà Tĩnh cần tập trung đẩy mạnh hơn nữa xuất khẩu. Để làm được điều này, tỉnh cần tập trung đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm của các thị trường nói trên (nhất là về kiểm soát dịch bệnh và sử dụng hóa chất), cũng như phát triển chế biến để có thêm sản phẩm ngoài tôm nguyên con, ví dụ như tôm sấy khô. Sản phẩm này có thể tìm được thị trường lớn hơn ở Nhật Bản do những lo ngại của người dân về phóng xạ làm ảnh hưởng tới thói quen mua sắm.

<sup>13</sup>Mặc dù chưa có lý thuyết rõ ràng nào cho thấy lợi ích tăng năng suất từ việc kè bờ bằng bê tông, các ao hồ được kè bờ có thể giúp việc tẩy rửa hàng năm và việc hợp tác giữa các nông dân thuận lợi hơn. Kè bờ cũng giúp ngăn ngừa nước mặn xâm nhập vào ao.

## Hình 96: Nuôi tôm ở Ấn Độ – Áp dụng cách thức quản lý tốt nhất (CQT)

Ngành nuôi tôm quy mô hàng hóa bắt đầu ở Ấn Độ từ những năm 1980 và tăng trưởng nhanh chóng đến đầu những năm 1990. Được thành lập năm 1994, ngành nuôi tôm bị tàn phá do đợt bùng phát hội chứng bệnh đốm trắng (WSS) - 1 loại bệnh có thể lây nhiễm và làm chết tôm. Tổng thiệt hại từ dịch bệnh này ước tính lên tới 6 tỷ Rupees. Theo nhiều chuyên gia, nguyên nhân tình trạng này chính là do kỹ thuật nuôi trồng lạc hậu.

Nhận thức được tầm quan trọng của con tôm với nền kinh tế, chính phủ Ấn Độ đã hợp tác với NACA (Mạng lưới Trung tâm Nuôi trồng Thủy sản Châu Á - Thái Bình Dương) để xây dựng lại ngành công nghiệp, áp dụng những cách làm tốt nhất trong phòng bệnh và sản xuất bền vững. Các chuyên gia trong chương trình này làm việc với nông dân địa phương để tìm ra những yếu tố rủi ro và đưa ra giải pháp, đúc kết lại thành các Cách thức Quản lý Tốt nhất (CQT), gắn với điều kiện cụ thể của Ấn Độ.

Sau đó, các CQT được minh họa tính hiệu quả với nông dân. Để minh họa, các chuyên gia tập hợp nông dân thành các hiệp hội nhằm để truyền đạt các CQT hơn và đảm bảo hỗ trợ được lâu dài. Hiệp hội cũng là cơ sở để thúc đẩy các hình thức hợp tác khác và chia sẻ kiến thức. Chương trình bắt đầu từ năm 2002 với 5 nông dân và 10 ao hồ. Đến năm 2006, chương trình mở rộng ra 5 bang, thành lập được 28 hiệp hội với 730 nông dân và 1.370 ao hồ.

Kết quả đạt được hết sức ấn tượng. So với nông dân không tham gia, những nông dân tham gia chương trình có năng suất cao hơn 5-10%, lợi nhuận cao gấp đôi và giảm 27% tỷ lệ nhiễm bệnh. Từ thành công này, năm 2008, chương trình đã thành lập Trung tâm Thủy sản Bền vững Quốc gia nhằm tiến hành những dự án tương tự.



Nguồn: Nghiên cứu Phát triển Quốc tế; Báo Tổng cục Thủy sản

### Dự báo tăng trưởng

Với các trọng tâm như trên, tỉnh có cơ hội tăng diện tích nuôi trồng từ 2.197 ha năm 2011 lên 2.590 ha năm 2015 và 3.050 ha năm 2020. Sản lượng sẽ tăng lên 12.000 tấn năm 2015 và 30.000 tấn năm 2020. Như đã nói trên, đây là mức tăng đáng kể về năng suất và đòi hỏi tỷ lệ nông trại sản xuất thâm canh đạt trên 40% tổng diện tích nuôi tôm vào năm 2020. Ngoài ra, khi đã có các cơ sở nuôi trồng mới, tỉnh cũng cần lựa chọn giống tôm phù hợp nhất. Các giống quan trọng ở tỉnh Hà Tĩnh sẽ là tôm thẻ chân trắng và tôm sú. Tổng giá trị sản lượng sẽ đạt 1.124 tỷ đồng vào năm 2015 và 3.760 năm 2020.

### Hoạt động chế biến

Tỉnh sẽ chủ yếu là mở rộng công suất các nhà máy chế biến quy mô lớn, tăng thêm công suất hoạt động của 2 công ty hiện có, sản xuất tôm đóng gói và các sản phẩm khác tiêu thụ trong và ngoài nước. Hoạt động này sẽ được xây dựng trên nền tảng là thành công Hà Tĩnh đã có về xuất khẩu tôm và hải sản. Để đạt được mục tiêu đề ra, tỉnh sẽ đầu tư vào cơ sở hạ tầng hỗ trợ như sau: nâng cấp ao hồ (kè bờ bằng bê tông), cơ sở tái chế và làm sạch nước, phương tiện vận tải có khoang lạnh. Các hoạt động đầu tư này sẽ tiến hành ở KCN Gia Lách, huyện

Nghi Xuân, giúp tăng giá trị chế biến hàng năm lên 534 tỷ đồng vào năm 2015 và 1920 tỷ đồng vào năm 2020. Tổng đầu tư dự kiến cho các nhà máy chế biến là 240 tỷ đồng; tổng đầu tư dự kiến cho mở rộng trang trại nuôi tôm là 2.900 tỷ đồng.

### 2.2.3.3.2 Sản phẩm chủ lực cấp huyện

#### 2.2.3.3.2.1 Hải sản đánh bắt

##### **Lý do ưu tiên**

Hà Tĩnh có đường bờ biển dài 137km và đánh bắt hải sản đã là nguồn thu quan trọng cho nhiều người dân ven biển. Để giúp đánh bắt hải sản tiếp tục đóng góp cho kinh tế Hà Tĩnh và làm sinh kế cho nhiều người dân, tỉnh cần tập trung vào đánh bắt bền vững trong thời gian tới. Hiện hầu hết lượng đánh bắt ở Hà Tĩnh là ở gần bờ – vùng nước sâu 50m đổ lại. Trong số 3.800 tàu thuyền đánh bắt của tỉnh, chỉ 800 tàu thuyền có động cơ trên 20 mã lực. Hiện 1 số ngư dân cho biết lượng đánh bắt gần bờ đã suy giảm - dấu hiệu của khai thác quá mức. Do đó, Hà Tĩnh sẽ giảm đánh bắt gần bờ xuống mức độ nhất định để đảm bảo bền vững, khuyến khích ngư dân chuyển sang công việc khác trên bờ hoặc chuyển đổi hẳn ngành nghề. Với đánh bắt xa bờ, tỉnh cũng sẽ dần loại bỏ đánh bắt bằng thuốc nổ. Hà Tĩnh sẽ kết hợp cả sự tham gia của cộng đồng và các cơ chế chính sách để khuyến khích ngư dân (a) thực hiện phương pháp đánh bắt bền vững, (b) chuyển sang đánh bắt xa bờ (c) chuyển sang các công việc khác trong lĩnh vực công nghiệp hoặc dịch vụ sẽ được tạo ra ở tỉnh. Đồng thời, tỉnh cũng cần dần tăng lượng đánh bắt xa bờ. Hà Tĩnh hiện mới chỉ đánh bắt chưa đến 60% tổng hạn mức đánh bắt bền vững. Lượng đánh bắt hàng năm là 23.000 tấn, so với lượng cho phép là 40.000 tấn và tổng trữ lượng là 85.000 tấn. Ngoài ra, các tỉnh láng giềng của Hà Tĩnh cũng có đội thuyền đánh bắt xa bờ lớn hơn nhiều – năm 2010 Nghệ An có gần 800 tàu thuyền có thể đánh bắt xa bờ (động cơ >90 mã lực) và Quảng Bình có trên 1.150 trong khi Hà Tĩnh chỉ có 30 tàu thuyền. Hiện tại, Hà Tĩnh có 39 tàu thuyền >90 mã lực, khoảng 100 tàu thuyền động cơ trên 50 mã lực - cũng có thể dùng để đánh bắt xa bờ. Mô hình phát triển đánh bắt trên biển sẽ là sản xuất hàng hóa quy mô lớn thay vì sản xuất nhỏ vì 1 số lý do. Thứ nhất, việc tập trung vào đánh bắt xa bờ sẽ đẩy mạnh đầu tư vào tàu cá lớn và cơ sở hạ tầng trên bờ. Đây là những hoạt động mà sản xuất quy mô lớn có khả năng thực hiện tốt hơn cá nhân các ngư dân. Ngoài ra, những khoản đầu tư này sẽ giúp Hà Tĩnh cạnh tranh được với các tỉnh khác, do Hà Tĩnh không có lợi thế cạnh tranh về đánh bắt xa bờ. Mô hình các công ty trong hoạt động đánh bắt trên biển sẽ có hiệu quả cao hơn so với ngư dân nhỏ lẻ thường chỉ tập trung khai thác khu vực gần bờ.

##### **Dự báo tăng trưởng**

Nếu tận dụng được các cơ hội phát triển nói trên, đến năm 2020 Hà Tĩnh sẽ tăng sản lượng đánh bắt lên 32.000 tấn, toàn bộ lượng gia tăng là từ đánh bắt xa bờ. Tỉnh cũng không nên vượt quá con số này. Để đạt được mục tiêu sản lượng này, tỉnh cần giải quyết vấn đề về vốn cho ngư dân, trình độ đánh bắt xa bờ và năng lực cạnh tranh tổng thể về đánh bắt ở Hà Tĩnh còn hạn chế so với các tỉnh xung quanh. Hà Tĩnh sẽ tìm cách sử dụng cơ sở hạ tầng được cải thiện, đặc biệt là các cảng, để thu hút tàu đánh cá hiện có từ các tỉnh lân cận Hà Tĩnh, sử dụng và đào tạo ngư dân của tỉnh để đánh bắt xa bờ. Tỉnh cũng sẽ thu hút các công ty đánh bắt trong và ngoài nước đến đầu tư vào tàu thuyền mới, phát triển các kỹ thuật đánh bắt và làm lạnh sau đánh bắt hiện đại và bền vững. Chính sách trên, cùng với việc giúp đỡ đào tạo những ngư dân hiện đang hoạt động gần bờ chuyển sang đánh bắt xa bờ, giúp đỡ về vốn giúp ngư dân mua tàu thuyền đánh bắt xa bờ, hoặc giúp họ chuyển sang việc



làm trên bờ, sẽ giúp Hà Tĩnh có cơ cấu đánh bắt bền vững hơn, tập trung vào đánh bắt xa bờ. Tổng giá trị đạt 895 tỷ đồng năm 2015 và 1.322 tỷ đồng năm 2020.

### Hoạt động chế biến

Tỉnh sẽ chủ yếu là đầu tư vào các cơ sở chế biến và đóng gói hải sản đánh bắt đặt gần các cảng cá để sản xuất sản phẩm xuất sang tỉnh khác và ra nước ngoài. Các cơ sở này sẽ nằm ở Xuân Hội, Thạch Kim, Cẩm Nhung, Kỳ Hà. Để hỗ trợ tăng trưởng, tỉnh sẽ phát triển cơ sở hạ tầng cảng, nâng cao công suất tàu thuyền đánh bắt xa bờ, phương tiện vận tải có khoang lạnh để đưa cá từ tàu lên cảng và đi tiêu thụ. Việc nâng cấp đội tàu sẽ cần đầu tư 130 tỷ đồng. Đầu tư mở rộng cảng cá yêu cầu 95 tỷ đồng. Với các khoản đầu tư này, Hà Tĩnh sẽ thu được 196 tỷ đồng từ giá trị chế biến hải sản đánh bắt vào năm 2015. Đến năm 2020, giá trị chế biến sẽ đạt 578 tỷ đồng.

#### 2.2.3.3.2.2 Cá nuôi nước ngọt

### Lý do ưu tiên

Hà Tĩnh có diện tích mặt nước ngọt lớn – trên 400km sông, 763 triệu m<sup>3</sup> trữ lượng hồ chứa. Cá nước ngọt là 1 sản phẩm nuôi trồng quan trọng với nhiều khu vực nội địa của tỉnh nằm gần sông suối ao hồ. Tuy nhiên, do người dân trong tỉnh và vùng Bắc miền Trung thích cá tươi (thay vì cá đông lạnh) và cá nhanh bị hư hỏng sau khi bắt, thị trường tiêu thụ chủ yếu của cá sẽ là ở ngay tại chợ địa phương. Tỉnh cũng có thể xuất khẩu 1 phần cá nguyên con sang Lào và Thái Lan. Do vậy, nuôi cá nước ngọt có ít tiềm năng hơn so với nuôi tôm và nuôi thủy sản nước lợ nói chung. Các loại cá được nuôi chủ yếu là các loại truyền thống như cá chép, trắm cỏ, mè trắng, mè hoa, rô phi, trôi Ấn Độ, trôi ta, cá Mrigal. Tỉnh sẽ tập trung mở rộng cả nuôi ở ao gia đình với hộ nhỏ lẻ, và nuôi ở lồng bè trên sông suối để sản xuất quy mô lớn hơn. Tuy nhiên, không giống như đánh bắt xa bờ, cá nuôi nước ngọt sẽ chủ yếu phát triển với mô hình hợp tác xã nông dân nhỏ chứ không phải doanh nghiệp lớn, do tiềm năng trong tỉnh hạn chế và 1 số lo ngại về môi trường. Tỉnh cần đặc biệt chú ý tới việc kiểm soát ô nhiễm từ các nông trại nuôi cá nước ngọt. Chất dinh dưỡng tồn dư có thể làm tảo sinh trưởng quá mạnh, đồng thời phân và thức ăn dư thừa có thể thay đổi thành phần hữu cơ trong lớp bùn lắng, làm giảm lượng ôxi. Chất kháng sinh có thể tác động tới động vật hoặc con người uống phải nguồn nước này. Lượng cá thoát khỏi ao hồ nuôi có thể phá vỡ cân bằng sinh thái hoặc cạnh tranh sinh tồn với cá tự nhiên, làm ảnh hưởng tới quần thể cá tự nhiên trong hồ.

### Dự báo tăng trưởng

Diện tích nuôi sẽ tăng lên gần 4.500 ha năm 2015 và trên 4.900 ha năm 2020, tổng sản lượng đạt 7.000 tấn năm 2015 và gần 7.900 tấn năm 2020. Tổng giá trị sẽ đạt 326 tỷ đồng năm 2015 và 494 tỷ đồng năm 2020.

### Hoạt động chế biến

Hoạt động chế biến với cá nuôi nước ngọt còn rất hạn chế, đa phần cá phải bán ngay tại địa phương nếu không sẽ bị hư hỏng. Tuy nhiên, tỉnh có thể phát triển cơ sở chế biến quy mô nhỏ ngay tại các nông trại lớn, trong đó có chế biến bỏ ruột để vận chuyển và làm phi lê ở gần các hồ. Một khả năng chế biến nữa của tỉnh là qua các cơ sở đóng hộp. Các cơ sở này có thể dùng chung với các nhà máy chế biến hải sản đánh bắt. Hoạt động đầu tư này sẽ giúp tăng giá trị chế biến hàng năm lên 71 tỷ đồng vào năm 2015. Đến năm 2020, giá trị chế biến sẽ đạt 216 tỷ đồng.

### 2.2.3.3.3 Sản phẩm khác

#### 2.2.3.3.3.1 Sò, cua, cá vượt, cá mú

Do tỉnh đã tập trung vào nuôi tôm nước lợ, các sản phẩm khác sẽ không nằm trong danh mục sản phẩm chủ lực song vẫn có vai trò quan trọng, có thể đa canh cũng như sản xuất quy mô vừa phải (vd: 200 ha nuôi trai vào năm 2020). Vì lý do đó, tất cả các sản phẩm nói trên sẽ có trong định hướng phát triển nuôi trồng thủy hải sản của tỉnh, song không phải là sản phẩm chủ lực..

### 2.2.3.3.4 Sản phẩm tiềm năng

#### 2.2.3.3.4.1 Tảo/Rong biển

Tảo là loài thực vật bậc thấp, được trồng nhiều ở các vùng có khí hậu tương tự Hà Tĩnh tại Indonesia và Philipin; rất thích hợp trồng ở ao hoặc trên đất cát ven biển với nhiều độ mặn khác nhau. Loại tảo biển lớn nhất là rong biển. Nhu cầu sử dụng rong biển rất lớn ở châu Á, nhất là Nhật Bản và Trung Quốc - dùng tảo khô làm thực phẩm. Ngoài ra, tảo/rong biển còn có nhiều ứng dụng khác, như làm thuốc, làm khuôn răng, làm aga để cấy vi khuẩn, làm phân bón hoặc nhiên liệu sinh học. Tảo/rong biển được thử nghiệm ở vùng trung du, ven biển, trong thời gian 1-2 tháng.

### 2.2.3.4 Lâm nghiệp

Lâm nghiệp là hoạt động kinh tế rất có tiềm năng với Hà Tĩnh. Sản phẩm từ lâm nghiệp vừa làm nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất sản phẩm từ gỗ, vừa làm vật liệu chính trong xây dựng. Nhờ những khuyến khích của cả chính quyền tỉnh và chính phủ trung ương về tái trồng rừng, lâm nghiệp sẽ có triển vọng tốt về phát triển bền vững.

#### 2.2.3.4.1 Sản phẩm chủ lực cấp tỉnh

##### 2.2.3.4.1.1 Gỗ

#### Lý do ưu tiên

Như đã phân tích ở trên, diện tích đất rừng lớn chính là 1 thế mạnh đáng kể của tỉnh. Hơn 1 nửa diện tích Hà Tĩnh có rừng bao phủ. Ngoài ra, hàng năm tỉnh còn có nhiều hoạt động trồng rừng nhằm tăng độ che phủ. Cùng với tốc độ tăng trưởng công nghiệp ở tỉnh trong những năm qua, Hà Tĩnh còn có khả năng biến những tiềm năng này thành sản phẩm mang lại giá trị.

Đất lâm nghiệp ở Hà Tĩnh được chia thành 3 loại là rừng sản xuất (46%), rừng phòng hộ (33%) và rừng đặc dụng (21%). Với gỗ, Hà Tĩnh nên tiếp tục đặt trọng tâm là khai thác rừng sản xuất. Các loại rừng còn lại nên để cho mục đích thúc đẩy đa dạng sinh học (các khu dự trữ thiên nhiên và vườn quốc gia, một số khu sẽ là điểm phát triển du lịch quan trọng của tỉnh) và bảo vệ môi trường, chống xói mòn và lũ lụt. Việc mở rộng diện tích lâm nghiệp sẽ tập trung vào rừng sản xuất để đạt tổng diện tích gần 365.000 ha (60,8% tổng diện tích đất). Tỉnh chỉ nên mở rộng rừng đặc dụng hay rừng phòng hộ khi diện tích đất lâm nghiệp mới nằm gần kề diện tích hiện có của các loại rừng nói trên.

## Cơ hội phát triển

Với sự phát triển mạnh của ngành gỗ hiện tại, trong thời gian tới tỉnh nên tập trung phát triển bền vững và tạo giá trị gia tăng qua chế biến. Trước hết, với 90.000 Ha rừng trồng, diện tích rừng sản xuất là 35.000 ha, cùng với 20.000 Ha rừng đã trồng, nhằm đảm bảo nguồn cung bền vững (diện tích còn lại là rừng trồng cao su). Thứ 2, tỉnh sẽ tập trung nâng cao giá trị cho sản phẩm hiện tại – gỗ nguyên liệu chỉ được sử dụng cho công nghiệp chế biến trong tỉnh Hà Tĩnh, có thể là thợ thủ công tại các làng nghề sản xuất nội thất hoặc đồ lưu niệm chất lượng cao, hoặc các nhà máy công nghiệp quy mô lớn tại KKT Vũng Áng sản xuất vật liệu xây dựng chất lượng cao hoặc sử dụng gỗ làm thành phần trong các sản phẩm từ thép. Để đạt được mục tiêu trên, Hà Tĩnh sẽ khuyến khích trồng các loại gỗ sinh trưởng nhanh như bạch đàn, keo. Ngoài ra, việc áp dụng những cách làm tốt cũng giúp nâng cao năng suất gỗ. 1 số cách làm ví dụ như sau:

- Tối ưu hóa mật độ cây trong hàng và giữa các hàng để thúc đẩy tăng trưởng thân và giảm tăng trưởng tán
- Có chế độ cắt tỉa cành nhánh hiệu quả để thúc đẩy tăng trưởng thân và tăng giá trị gỗ khoảng 15% - 50%
- Thực hiện cắt tỉa trong các tháng mùa nóng và khô để giảm thiểu chảy nhựa

Ngoài ra, ngành gỗ cũng có thể xin cấp chứng nhận FSC của Hội đồng Quản lý Rừng, theo đó những chủ đất và nhóm chủ đất tuân thủ 1 số hướng dẫn cụ thể về phát triển bền vững sẽ được cấp chứng nhận. Hà Tĩnh sẽ xin cấp chứng nhận FSC cho diện tích rừng trồng và thực hiện các biện pháp quản lý rừng bền vững thích hợp. Việc này giúp tỉnh (a) mở ra thị trường cho sản phẩm gỗ, (b) nâng cao giá và giá trị sản phẩm làm từ gỗ nguyên liệu có chứng nhận FSC. Tỉnh sẽ xin cấp FSC theo nhóm vì biện pháp này giúp các chủ đất nhỏ được hưởng lợi, đồng thời giảm chi phí cấp chứng nhận. Các nhóm chủ đất có thể lập 1 kế hoạch quản lý chung để cùng xin cấp chứng nhận FSC. Chi phí xin cấp chứng nhận được chia đều. Một cơ quan đại diện cho tất cả các chủ rừng là nơi nắm giữ chính thức chứng nhận. Ở Hà Tĩnh, cơ quan này có thể chính là hợp tác xã nông dân theo mô hình phát triển nông nghiệp mới được đề xuất (chi tiết xem trong phần tiếp theo). Theo ước tính, việc xin cấp FSC tốn khoảng 50.000-100.000 USD, song sẽ giúp tăng giá trị sản xuất 20-50%, đồng thời cho phép tiếp cận những người mua chỉ mua hàng của nhà sản xuất có chứng nhận FSC. Dưới đây là 1 ví dụ về việc xin cấp chứng nhận FSC theo nhóm ở Indonesia.

## Hình 97: Ví dụ về Chứng nhận FSC cho gỗ tếch ở Indonesia

**Hạn chế pháp lý khiến nông dân trồng gỗ tếch ở Konawe Selatan tỉnh Sulawesi, Indonesia chỉ bán được cho 1 số người mua tại địa phương – những người kiểm soát giá gỗ tếch**

- Koperasi Hutan Jaya Lestari được thành lập tại Indonesia vào năm 2004
- Trở thành một FSC (Hội đồng Quản lý Rừng) chứng nhận cho 550 hợp tác xã thành viên cung cấp gỗ tếch cho thị trường quốc tế
- Hợp tác xã hợp tác với Quỹ Rừng Nhiệt đới (TFT) và Jaringan Untuk Hutan (JAUH) nhận quản lý rừng và hỗ trợ tổ chức để thúc đẩy quá trình cấp chứng nhận FSC
- Xây dựng Kế hoạch Quản lý Rừng Tập thể quy định về chia sẻ lợi nhuận, lập kế hoạch dài hạn, quản lý, tỷ lệ khai thác và trồng bền vững
- Cung cấp các khoản vay nhỏ để trang trải cho việc cấp chứng nhận và giấy phép. Quy trình cấp chứng nhận FSC do một tổ chức được pháp luật công nhận tiến hành
- Sau khi được cấp chứng nhận, hiện nhóm đang vận động chính phủ bãi bỏ luật lâm nghiệp không công bằng và phân phối hỗ trợ chính phủ
- Tiến hành kiểm toán nội bộ và độc lập để đảm bảo luôn tuân thủ các nguyên tắc FSC



Nguồn: Hội đồng Quản lý Rừng; Sáng kiến về Quyền và Nguồn lực; Quỹ Ủy thác Rừng (TFT)

Với diện tích rừng lớn của mình và hoạt động trồng rừng, Hà Tĩnh cũng có thể bán được chứng chỉ carbon, ví dụ như qua các dự án REDD. Hiện các dự án về chứng chỉ carbon ở Việt Nam đang nhận được nhiều sự quan tâm. Năm 2011, Công ty Trao đổi Carbon Việt Nam ở Hà Nội đã công bố thực hiện dự án REDD ở Vườn QG Bạch Mã tỉnh Quảng Nam và Thừa Thiên Huế. Dự án này sẽ làm lợi cho 63.000 người dân sống dựa vào phá rừng đồng thời bảo vệ được hệ sinh thái. Việt Nam là 1/9 nước trên thế giới được UN-REDD chọn thử nghiệm dự án. Theo đó, Việt Nam nhận được 4,5 triệu USD viện trợ để nâng cao năng lực ngành lâm nghiệp và trồng 5 triệu ha rừng. Hà Tĩnh sẽ khai thác cơ hội này và tìm ra những dự án có tính khả thi cao. Thông thường, mô hình để phát triển ở đây là mô hình đối tác. Ví dụ, các công ty như Terra Global Capital sẽ đo đạc khả năng cấp chứng chỉ carbon, xin chứng nhận từ Liên minh Khí hậu, Cộng đồng và Đa dạng Sinh thái, và bán chứng chỉ qua các quỹ carbon. Vai trò của hợp tác xã 1 lần nữa sẽ rất quan trọng. Thông thường, việc thương mại hóa chứng chỉ carbon diện tích rừng của cả 1 cộng đồng sẽ dễ dàng hơn với từng diện tích nhỏ của các nông hộ. Do đó, tỉnh cần khuyến khích nông dân tham gia các hợp tác xã lâm nghiệp để việc xin chứng nhận và bán chứng chỉ được dễ dàng hơn. Ví dụ như ở Cambodia, chính phủ hỗ trợ thành lập 9 nhóm lớn từ 50 làng để bán chứng chỉ cho diện tích rừng rộng 60.000 ha.

Như đã thấy trong nghiên cứu ví dụ ở Indonesia, để sản xuất gỗ, tỉnh cần có sự kết hợp giữa hợp tác xã nông dân nhỏ và các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp sẽ thuê đất trồng rừng – đồng thời hợp tác với các nông hộ đã tập hợp thành nhóm nông dân trong khu vực rừng.

Như đã nói, lâm nghiệp cũng có thể hỗ trợ phát triển du lịch ở tỉnh. Khu vực hồ Kẻ Gỗ, suối nước nóng Sơn Kim, khu vực rừng núi khác nói chung, đều có các tuyến đường mòn tự nhiên có thể khai thác làm du lịch.

Hà Tĩnh sẽ không xuất khẩu gỗ chưa qua chế biến, đặc biệt xuất khẩu gỗ dăm dưng hoàn toàn. Nhờ đó, chuỗi giá trị trong lâm nghiệp về xuất khẩu sẽ không phải là gỗ nguyên liệu nữa mà là sản phẩm từ gỗ, ví dụ như nội thất, đồ lưu niệm, vv. Một số sản phẩm được sản xuất ngay tại địa phương, song sẽ thu hút các công ty đồ nội thất lớn - cả công ty tập trung vào nội thất sản xuất hàng loạt như IKEA (hiện đã mua sản phẩm của Hà Tĩnh) và các công ty tập trung vào nội thất đặt riêng, do các thợ thủ công trong tỉnh sản xuất. Đây là yếu tố then chốt để tăng giá trị cho cụm ngành này.

### **Dự báo tăng trưởng**

Với chứng nhận FSC, tỉnh vừa nâng cao được tính bền vững và tạo nhiều cơ hội thị trường hơn cho sản phẩm lâm nghiệp của mình. Theo ước tính, khi có FSC, giá trị sản xuất sẽ tăng 20-50%, đồng thời cho phép tiếp cận những người mua chỉ mua hàng của nhà sản xuất có chứng nhận FSC.

### **Hoạt động chế biến**

Tỉnh sẽ chủ yếu là xây dựng cơ sở chế biến quy mô nhỏ, giá trị cao (vd: nội thất), và chế biến quy mô lớn với hàng hóa phức tạp ở KKT Vũng Áng và những nơi khác. Để hỗ trợ các hoạt động chế biến này, tỉnh sẽ đầu tư nâng cấp đường xá để vận chuyển gỗ từ rừng trồng tới nơi chế biến, đặc biệt là với gỗ xây dựng và gỗ dùng làm thành phần trong các sản phẩm từ thép ở KKT Vũng Áng hoặc sản xuất đồ nội thất ở các làng nghề. Với các khoản đầu tư này, tỉnh sẽ thu được giá trị chế biến là 1.941 tỷ đồng/năm vào năm 2015, và 6.451 tỷ đồng vào năm 2020.

#### *2.2.3.4.2 Sản phẩm tiềm năng*

##### *2.2.3.4.2.1 Trầm hương (Kỳ nam)*

Trầm hương là 1 loại gỗ có nhựa màu sẫm - kết quả của phản ứng hóa học trong thân cây giổi (Aquilaria). Trầm có thể để được lâu, không bị phân hủy. Đây là loài cây được trồng ở các nước nhiệt đới (trong đó có Việt Nam), khá phù hợp với điều kiện đất nghèo dinh dưỡng. Trầm có nhiều ứng dụng, trong đó có sản xuất hương, nước hoa, 1 số dược liệu cổ truyền ở Nam Á và Đông Á. Trầm cần được chưng cất để chiết xuất tinh dầu làm nước hoa và chế biến thành các sản phẩm khác. Sản phẩm này sẽ được thử nghiệm ở vùng miền núi, trong thời gian 6-8 năm.

#### **2.2.3.5 Sản phẩm khác**

##### *2.2.3.5.1 Muối*

Muối là sản phẩm quan trọng tại Việt Nam và Hà Tĩnh là địa phương có thể đóng góp vào nguồn cung muối của quốc gia. Hiện diện tích sản xuất muối của Hà Tĩnh là 250 ha. Giá trị năm 2007 từ sản xuất muối ở Hà Tĩnh là 8 - 10 tỷ đồng. Mặc dù vậy, muối sản xuất ở Hà Tĩnh không đủ chất lượng để dùng trong công nghiệp hoặc xuất khẩu, do đó chỉ có thể bán ở thị trường trong nước.

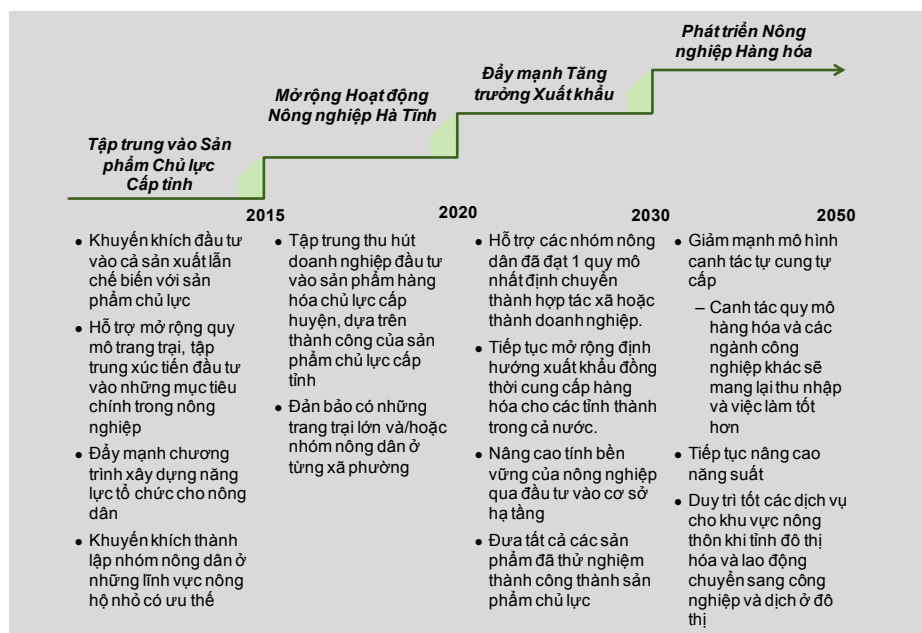
Việt Nam có nhu cầu cao về muối, riêng trong năm 2012 là 1,45 triệu tấn. Sản xuất trong nước đã đủ đáp ứng phần lớn nhu cầu này, song 1 số công ty y tế và công nghiệp đòi hỏi muối chất lượng cao không sản xuất được trong nước. Về ngắn hạn, ngành làm muối Hà Tĩnh sẽ tập trung đáp ứng nhu cầu dùng trong sinh hoạt. Tuy nhiên, về dài hạn, tỉnh cần tìm cách cải tiến phương pháp sản xuất để tạo sản phẩm muối sạch chất lượng cao,

đáp ứng cả nhu cầu cho công nghiệp trong nước và cho xuất khẩu. Hiện đã có 1 số điển hình thành công trong sản xuất muối sạch – 1 dự án đã xuất khẩu được muối sang Nhật Bản. Ngoài ra, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn gần đây đã cam kết triển khai các dự án muối sạch ở 1 số tỉnh, trong đó có Hà Tĩnh và đang khai thác việc đầu tư vào công nghệ xanh

## 2.2.4 Lộ trình cho tầm nhìn 2050

Việc chuyển đổi lĩnh vực nông nghiệp 1 cách căn bản như vậy ở Hà Tĩnh, với tác động lên toàn bộ môi trường kinh tế - xã hội của tỉnh, chắc chắn không thể tiến hành ngay 1 lúc mà phải theo nhiều giai đoạn. Một kế hoạch chuyển đổi với những mốc thời gian rõ ràng sẽ đóng vai trò quan trọng cho thành công.

**Hình 98: Lộ trình cho Nông nghiệp Hà Tĩnh**



Nguồn: Phân tích của Monitor

### 2.2.4.1 Lộ trình

Việc chuyển đổi sẽ diễn ra trong 4 thập kỷ tới. Hầu hết những thay đổi quan trọng nhất sẽ là trong thập kỷ đầu tiên.

- **Từ 2011 đến 2015**, Hà Tĩnh sẽ tích cực đẩy mạnh các sản phẩm chủ lực cấp tỉnh thông qua khuyến khích đầu tư vào cả hoạt động sản xuất và chế biến, hỗ trợ tăng quy mô trang trại đồng thời tập trung quảng bá đầu tư cho nông nghiệp với 1 số sản phẩm mục tiêu chính. Tỉnh sẽ tiếp tục tổ chức các chương trình xây dựng năng lực tổ chức cho nông dân để nâng cao khả năng của lực lượng lao động nông nghiệp và khuyến khích hình thành các nhóm nông dân tại 1 số khu vực.
- **Từ 2016 đến 2020**, Hà Tĩnh sẽ đảm bảo xây dựng các trang trại lớn và/hoặc nhóm nông dân ở tất cả các xã. Tỉnh tập trung thu hút đầu tư doanh nghiệp vào các loại sản phẩm chủ lực cấp huyện, sau khi đã thành công với các sản phẩm chủ lực cấp tỉnh

- **Từ 2021 đến 2030**, tỉnh sẽ hỗ trợ các nhóm nông dân đã đạt 1 quy mô nhất định chuyển thành hợp tác xã chính thức hoặc thậm chí thành doanh nghiệp. Tỉnh sẽ tiếp tục mở rộng định hướng xuất khẩu đồng thời cung cấp hàng hóa cho các tỉnh thành trong cả nước. Hà Tĩnh sẽ củng cố tính bền vững của nền nông nghiệp bằng cách tiếp tục đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đưa vào ưu tiên tất cả các sản phẩm đã thử nghiệm thành công
- **Từ 2030 đến 2050**, tỉnh sẽ giảm mạnh việc sản xuất tự cung tự cấp, kết hợp sản xuất quy mô hàng hóa và các ứng dụng công nghiệp hóa khác giúp mang lại cơ hội thu nhập tốt hơn cho phần lớn lực lượng lao động trong tỉnh. Đầu tư vào cơ sở hạ tầng nông nghiệp sẽ giúp tăng đáng kể năng suất. Việc lao động chuyển sang ngành công nghiệp và dịch vụ sẽ đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa trên địa bàn tỉnh.

Đến năm 2050 danh mục cây trồng chủ lực sẽ thay đổi, phản ánh quá trình công nghiệp hóa và vai trò đã lớn hơn của doanh nghiệp trong tỉnh. Cơ sở hạ tầng của tỉnh sẽ được cải thiện đáng kể, với 1 trong những cảng và khu kinh tế lớn nhất cả nước tại Vũng Áng. Giao thương với Lào và Thái Lan sẽ đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế của tỉnh. Hà Tĩnh sẽ cung cấp cả sản phẩm tươi sống và chế biến cho 2 quốc gia này. Vai trò của lao động giá rẻ đối với khả năng cạnh tranh của nông nghiệp Hà Tĩnh sẽ giảm dần vào năm 2050. Khi này lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ sẽ giúp tăng lương công nhân (đồng thời tăng chi phí sinh hoạt) trong tỉnh. Cùng lúc đó, sản xuất sẽ chuyển sang canh tác mang tính công nghiệp, cần nhiều vốn. Danh mục sản phẩm chủ lực sẽ phản ánh thay đổi này, gồm:

- **Rau:** Với mức sống ngày càng cao, người dân trong tỉnh sẽ có nhu cầu nhiều hơn với rau quả tươi. Ngoài ra, Hà Tĩnh còn có thể xuất khẩu rau sang Lào. Các cơ sở hạ tầng sản xuất công nghiệp, ví dụ như nhà kính, sẽ làm giảm tác động của khí hậu với mùa màng. Sản phẩm rau chất lượng cao (trong đó có cả rau hữu cơ) sẽ giúp tăng giá trị canh tác.
- **Lâm nghiệp:** Điều quan trọng trong lâm nghiệp Hà Tĩnh là tỉnh phải duy trì được tỷ lệ che phủ rừng trong suốt thời kỳ công nghiệp hóa nhằm bảo vệ môi trường và duy trì khả năng chống chịu. Ngành lâm nghiệp sẽ tiếp tục cung cấp nguyên vật liệu cho 1 số ngành công nghiệp của tỉnh: gỗ xây dựng, sản phẩm thủ công mỹ nghệ và sản xuất công nghiệp; cây thảo dược cho ngành dược phẩm đang phát triển của tỉnh. Thành công từ các dự án REDD sẽ đảm bảo khả năng duy trì những vùng rừng không khai thác gỗ của tỉnh.
- **Trâu, Bò:** Tận dụng nhu cầu trong nước đang gia tăng với thịt bò, cùng thế mạnh về sản phẩm thịt trâu xuất khẩu giá trị cao, Hà Tĩnh sẽ tiếp tục khai thác khả năng chăn nuôi trâu bò với chi phí thấp. Hoạt động chế biến sẽ có trình độ cao hơn, với chuỗi cung cấp hiện đại, hợp vệ sinh, đảm bảo cung cấp thịt an toàn và chất lượng cao cho thị trường trong và ngoài nước.
- **Tôm:** Với diện tích lớn các ao hồ nuôi tôm trên cả đất và cát, kiến thức và trình độ ngày càng cao trong lĩnh vực nuôi tôm, xu hướng tiếp tục nuôi tôm bằng mô hình nông hộ nhỏ trên thế giới, Hà Tĩnh sẽ duy trì được khả năng cạnh tranh của mình với mặt hàng tôm (và các hải sản nuôi trồng khác). Việc nâng cao chất lượng sản phẩm cùng với hệ thống trữ lạnh hiện đại sẽ đảm bảo có sản phẩm giá trị cao, đến được với tất cả các thị trường xuất khẩu.
- **Sắn:** Cùng quá trình công nghiệp hóa của Việt Nam, nhu cầu sắn sẽ tăng lên để sản xuất nhiên liệu sinh học. Trong khi đó, thị trường dầu quốc tế dự kiến sẽ có biến động, đồng thời những mối lo ngại về môi trường sẽ thúc đẩy việc tìm ra nguồn nhiên liệu thay thế. Diesel sinh học sẽ ngày càng trở nên quan trọng với Việt

Nam. Cây sắn, vốn là nguyên liệu lý tưởng để sản xuất diesel sinh học, sẽ có nhu cầu tăng mạnh. Với kinh nghiệm đã có về phát triển bền vững cây sắn, Hà Tĩnh sẽ có điều kiện thuận lợi để cung cấp mặt hàng này.

- **Cao su:** Mặc dù cao su sẽ tiếp tục là 1 nguyên vật liệu quan trọng cho hoạt động chế tạo trong tỉnh, ngành hóa dầu đang phát triển của Hà Tĩnh sẽ thúc đẩy sản xuất cao su nhân tạo và cung cấp cho các nhà máy chế tạo trong tỉnh. Ưu điểm của cao su nhân tạo là có nguồn cung ổn định và chắc chắn hơn cao su tự nhiên.

Vai trò tương đối của các cây trồng khác sẽ giảm xuống, song vẫn còn ý nghĩa quan trọng với nông nghiệp của tỉnh:

- **Lúa gạo:** Do khí hậu Hà Tĩnh không phù hợp với cây lúa bằng ở miền Nam, đồng thời yêu cầu đảm bảo an ninh lương thực trong nước đã giảm bớt nhờ Việt Nam trở thành quốc gia công nghiệp hóa, cây lúa sẽ không còn là sản phẩm chủ đạo của nông nghiệp Hà Tĩnh vào năm 2050. Tuy nhiên, tỉnh vẫn duy trì diện tích lúa gạo, đặc biệt là lúa hàng hóa, nhằm phục vụ tiêu dùng trong tỉnh và xuất khẩu (với vùng trồng năng suất cao).
- **Lạc:** Chi phí sản xuất cao và mối lo ngại về môi trường từ sản xuất lạc sẽ làm giảm bớt vai trò của mặt hàng này về dài hạn ở Hà Tĩnh. Với định hướng sản xuất công nghiệp, tỉnh sẽ duy trì hoạt động chế biến lạc, dầu lạc sẽ được đóng chai, tiêu thụ và sử dụng làm nguyên liệu cho 1 số sản phẩm thực phẩm chế biến khác.
- **Lợn:** Đầu tư vào trang trại nuôi lợn quy mô lớn sẽ giúp mặt hàng này có vai trò quan trọng ở tỉnh trong 1 vài thập kỷ tới. Tuy nhiên, đến năm 2050, những lo ngại về y tế, thay đổi trong thị hiếu và điều kiện kinh tế khá giả hơn của người dân sẽ làm giảm mức độ được ưa chuộng của thịt lợn ở Việt Nam. Sức ép cạnh tranh từ các trang trại lợn trên toàn quốc sẽ làm giảm lợi nhuận sản xuất; sản lượng ngô và khoai lang trong tỉnh ít đi cũng làm giảm nguồn cung thức ăn chăn nuôi. Đây là những yếu tố khiến lợn không còn là mặt hàng hấp dẫn đầu tư ở tỉnh như trước nữa.

Hà Tĩnh sẽ tiếp tục sản xuất các sản phẩm khác với định hướng là sản phẩm chuyên dụng, giá trị cao: Bưởi Phúc Trạch, cam chanh, táo, rong biển, trầm hương.

#### 2.2.4.2 Thực hiện

Để thực hiện chiến lược và quy hoạch phát triển toàn cụm ngành nông nghiệp, tỉnh cần đầu tư nhiều cả về thời gian và nguồn lực, đồng thời phải có sự hợp tác chặt chẽ giữa các bên liên quan. Quá trình chuyển đổi này sẽ nhận được sự hỗ trợ từ nhiều nguồn vốn của tư nhân, nhà nước, các cơ quan quốc tế/đa phương.

- Nguồn vốn khu vực tư nhân sẽ tập trung vào mở rộng công suất và khả năng của trang trại và các cơ sở chế biến tuyến dưới - tích tụ ruộng đất, xây dựng cơ sở hạ tầng trang trại mới, xây dựng cơ sở hạ tầng kho trữ và chế biến, đầu tư vào tiếp thị để mở rộng tiếp cận thị trường
- Nguồn vốn khu vực nhà nước sẽ được tập trung vào nâng cấp cơ sở hạ tầng của tỉnh - cả dành riêng cho nông nghiệp (vd: công trình thủy lợi, đê điều mới, tài trợ thí điểm các sản phẩm tiềm năng mới của tỉnh), và cho nền kinh tế nói chung (vd: xây mới và nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông, cải thiện việc xử lý chất thải rắn để bảo vệ môi trường, vv).
- Nguồn vốn nhà tài trợ tài trợ sẽ hỗ trợ các cộng đồng nghèo tiếp cận thị trường bằng cách hỗ trợ họ thành lập nhóm nông dân và hướng dẫn họ về tiếp thị, kế toán cũng như các phương pháp làm nông nghiệp, giống như chương trình IMPP ở Hà Tĩnh hiện nay.



Hà Tĩnh sẽ thực hiện chiến lược và kế hoạch đề xuất nói trên theo 1 lộ trình chặt chẽ, có hệ thống, dựa trên các khoản đầu tư yêu cầu.

Tổng đầu tư ước tính là 22,4 nghìn tỷ đồng trong thời gian từ nay đến 2020, gồm cả đầu tư các dự án thủy lợi. Trong số này, khoảng 7,5 nghìn tỷ dự kiến do các doanh nghiệp đầu tư (33%), phần còn lại sẽ lấy từ ngân sách tỉnh hoặc trung ương (bao gồm vốn ODA). Danh mục các dự án trọng điểm và yêu cầu đầu tư ước tính được trình bày trong bảng dưới đây.

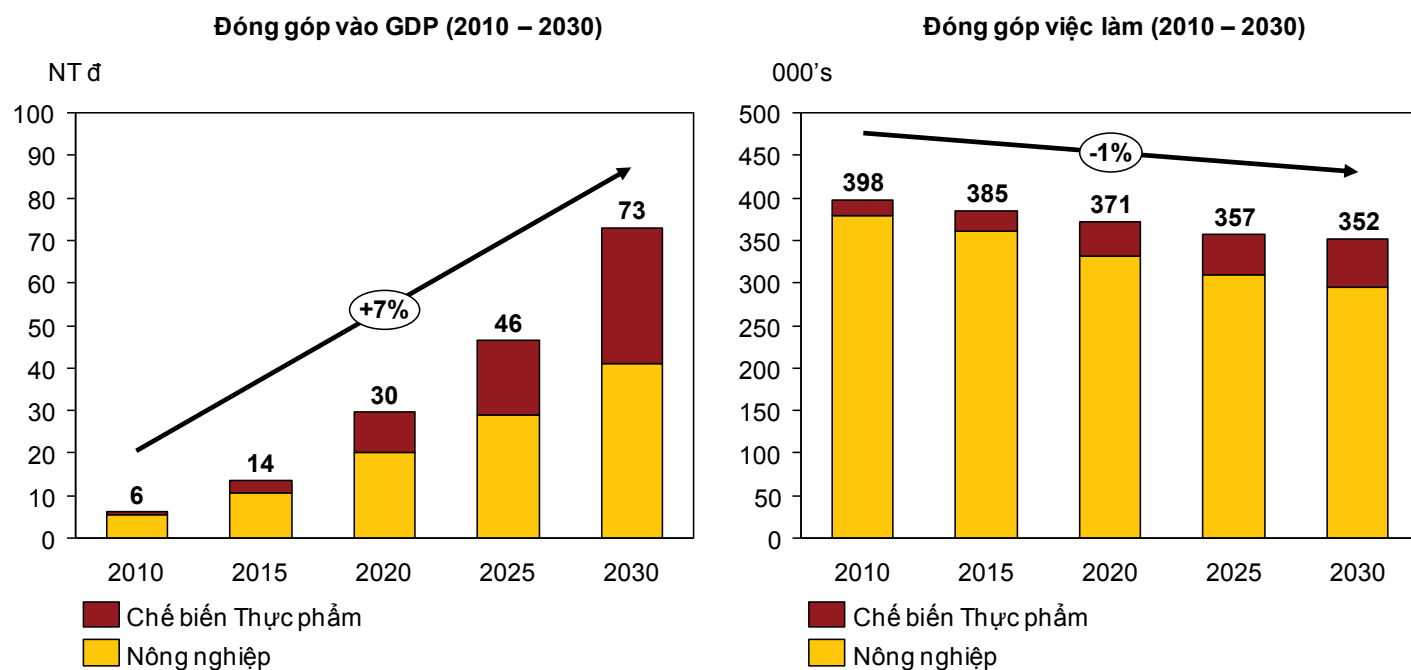
**Hình 99: Yêu cầu đầu tư nông nghiệp Hà Tĩnh**

| Hạng mục Đầu tư                            | Yêu cầu Vốn (Tr đ) | Nguồn                      | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
|--|--------------------|----------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| <b>Cây trồng</b>                           |                    |                            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Kho trữ gạo                                | 96.000             | Ngân sách Địa phương       |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nhà máy Xay xát Gạo Quy mô nhỏ             | 246.000            | Ngoài ngân sách            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Trồng cây Cao su                           | 1.059.000          | Ngoài ngân sách            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Kho trữ nông sản kiểm soát được điều kiện  | 27.000             | Ngoài ngân sách            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nhà máy chế biến lạc                       | 560.000            | Ngoài ngân sách            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nhà máy chế biến khoai lang                | 48.000             | Ngoài ngân sách            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nhà máy chế biến hoa quả                   | 73.000             | Ngoài ngân sách            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nhà máy Chế biến rau                       | 120.000            | Ngoài ngân sách            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nhà máy cây Thảo dược                      | 6.000              | Ngoài ngân sách            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>Chăn nuôi</b>                           |                    |                            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Lò mổ (3 dây chuyên lợn, 1 dây chuyên bò)  | 11.000             | Ngoài ngân sách            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nhà máy sản xuất sản phẩm thịt             | 560.000            | Ngoài ngân sách            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>Đánh bắt và Nuôi trồng Thủy hải sản</b> |                    |                            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Mở rộng nông trại nuôi tôm                 | 2.954.000          | Ngoài ngân sách            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nâng cấp đội thuyền đánh bắt               | 130.000            | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Mở rộng cơ sở hạ tầng cang cá              | 95.000             | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Xây dựng 4 bến tránh trú bão cho tàu cá    | 4.000              | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nhà máy chế biến cá                        | 82.000             | Ngoài ngân sách            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nhà máy chế biến tôm                       | 240.000            | Ngoài ngân sách            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |

| Hạng mục Đầu tư                              | Yêu cầu Vốn (Tr đ) | Nguồn                      | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
|--|--------------------|----------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| <b>Lâm nghiệp</b>                            |                    |                            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Chứng nhận FSC                               | 7.000              | Ngoài ngân sách            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Dự án REDD                                   | 10.000             | Ngoài ngân sách            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>Đầu tư Chung</b>                          |                    |                            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Đầu tư đê sông La và sông Lam                | 1.090.000          | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Kiên cố hóa kênh mương                       | 4.490.000          | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Mở rộng diện tích rừng ngập mặn              | 7.000              | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nâng cấp bơm và hệ thống kênh mương thủy lợi | 535.000            | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nâng cấp/xây mới đê điều khác                | 5.260.000          | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Hệ thống thủy lợi Ngân Trươi – Cẩm Trang     | 9.140.000          | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Hồ chứa Rào Trô                              | 3.000.000          | Ngoài ngân sách            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nâng cấp hệ thống thủy lợi đã quy hoạch      | 286,500            | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Hệ thống cảnh báo bão sớm                    | 16,000             | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Trung tâm hợp tác xã Huyện                   | 12,000             | Ngân sách Địa phương       |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Giám sát tính Bền vững                       | 140,000            | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>TỔNG</b>                                  |                    |                            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>TỔNG</b>                                  | <b>22.405.000</b>  |                            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |

Nói tóm lại, ở mức độ tổng quan, cụm nông nghiệp và các ngành liên quan ở Hà Tĩnh sẽ phát triển hiện đại, mạnh mẽ, đa dạng, và năng suất cao. Cụm ngành sẽ mang lại cho tỉnh 14 nghìn tỷ đồng GDP vào năm 2015 (bao gồm cả chế biến thực phẩm) và 30 nghìn tỷ đồng vào năm 2020, sử dụng 370.000 lao động. Năng suất tổng thể của cụm ngành sẽ tăng 4 lần trong 10 năm tới.

## Hình100: Đóng góp của các ngành Nông nghiệp vào nền kinh tế



Nguồn: Phân tích của Monitor

## 2.3 Cụm ngành Thương mại, vận tải và hậu cần

### 2.3.1 Tổng quan lợi thế, thách thức

#### 2.3.1.1 Lợi thế

Hà Tĩnh có vị trí chiến lược, nhờ nằm chung biên giới với Lào và gần Đông Thái Lan. Các thành phố lớn của Việt Nam (Hà Nội, Đà Nẵng), Lào và Đông Bắc Thái Lan đều nằm trong bán kính 300-350km (Hình 101).

**Hình 101: Vị trí chiến lược của Hà Tĩnh**

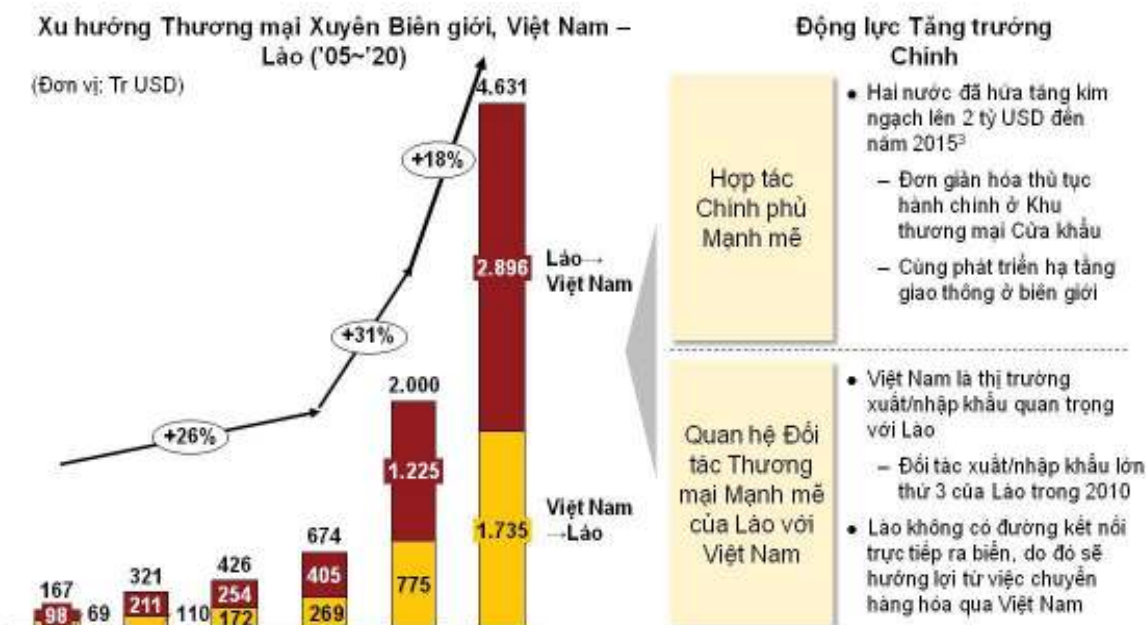


Lưu ý: <sup>1</sup> Khoảng cách tính từ Nông Khai là trung tâm thương mại với Lào

Ngoài ra, thương mại qua biên giới giữa Lào và Việt Nam ước tính đạt 2 tỷ USD vào năm 2015 và tiếp tục tăng trưởng thời kỳ sau đó, dự báo đạt trên 4,6 tỷ USD vào năm 2020 (Hình 102). Động lực cho sự tăng trưởng này là từ nỗ lực của 2 Chính phủ nhằm đơn giản hóa quy trình hành chính ở khu thương mại biên giới và cơ sở hạ tầng giao thông vận tải chung tại biên giới. Vị trí tự nhiên của 2 nước cũng là 1 động lực, do Lào không có biển và sẽ được hưởng lợi từ vận chuyển hàng hóa quá cảnh Việt Nam.

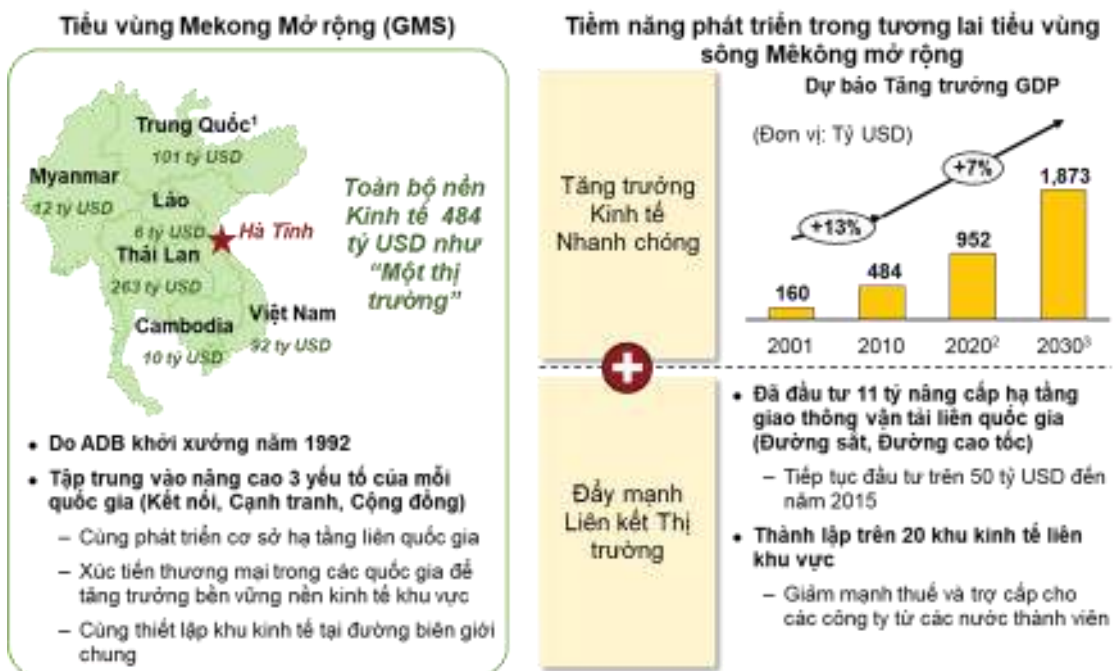
Đồng thời, chính phủ các nước đang có đầu tư và hoạt động đáng kể để thúc đẩy liên kết giữa toàn bộ Tiểu vùng sông Mekong Mở rộng. Hà Tĩnh có cơ hội trở thành trung tâm thương mại quan trọng nối liền hành lang phía Đông theo kế hoạch (Côn Minh – TP Hồ Chí Minh, đi qua Hà Tĩnh) với các hành lang miền Trung (Côn Minh - Nha Trang / Sattahip, kết nối Lào với Cam-pu-chia và Thái Lan, và đi qua Viêng Chăn, Pakkading, Ban Lao và Thakhek ở Lào, và Nong Khai ở Thái Lan). Những hoạt động này dự kiến sẽ có đóng góp đáng kể cho tăng trưởng kinh tế khu vực.

**Hình 102: Ước tính thương mại qua biên giới Việt Nam – Lào**



Lưu ý: <sup>1</sup> Mục tiêu thương mại 2 chiều từ hợp cấp cao của 2 nước. Giả định cán cân xuất nhập khẩu tới năm 2015 sẽ tăng với tốc độ trung bình năm giống tốc độ 5 năm qua; <sup>2</sup> Dựa trên giải định tốc độ tăng trung bình năm từ 2011~2020 sẽ giống với 5 năm qua; <sup>3</sup> Hội nghị Xúc tiến Đầu tư, 4/2011  
 Nguồn: Vietnam Today, ASEAN Statbook, Tổng cục Thống kê, EUROSTAT, Phân tích của Monitor

**Hình 103: Tổng quan sáng kiến phát triển tiểu vùng Sông Mekong mở rộng**

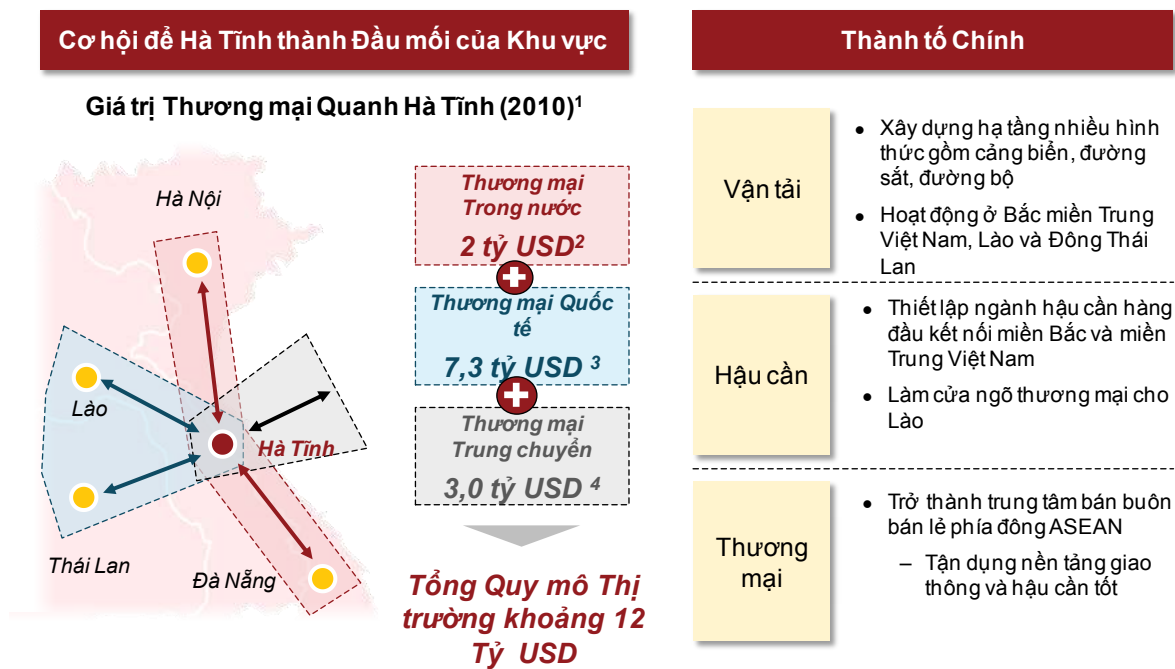


Lưu ý: <sup>1</sup> Chỉ gồm Vân Nam và Quảng Tây; <sup>2</sup> Mục tiêu dựa trên ý kiến của ADB, cho biết tốc độ tăng trưởng kinh tế GMS sẽ là 7% đến năm 2020; <sup>3</sup> Giả định tốc độ tăng trưởng giống giai đoạn 2010~2020

Nguồn: ADB, POSRI, Hợp tác Kinh tế GMS, Phân tích của Monitor

Với Vũng Áng nằm ở vị trí tốt cho một cảng nước sâu cùng kế hoạch cho khu kinh tế Vũng Áng, Hà Tĩnh càng có thêm lợi thế về vị trí thuận lợi. Tất cả những điều trên tạo cơ hội cho Hà Tĩnh xây dựng một trung tâm hậu cần thương mại, vận tải và hậu cần mạnh, với quy mô thị trường giá trị thương mại hiện là khoảng 12 tỷ USD (Hình 104).

**Hình 104: Cơ hội của Hà Tĩnh để Phát triển thành Đầu mối Thương mại, Vận tải và Hậu cần**



Lưu ý: <sup>1</sup> Chỉ tính tổng giá trị thương mại hàng hóa, không tính dịch vụ; <sup>2</sup> Giả định 20% tổng GDP thương mại/hậu cần của Hà Nội và Đà Nẵng có thể chuyển đến Hà Tĩnh; <sup>3</sup> Thương mại Việt Nam-Lào (490Tr USD) và Việt Nam-Thái Lan (6,8 tỷ USD); <sup>4</sup> Thương mại quốc tế của Lào không tính với Việt Nam và Thái Lan

Nguồn: Tổng cục Thống kê, UN Comtrade, IMF, Phân tích của Monitor

## 2.3.2 Định hướng phát triển:

### 2.3.2.1 Định hướng chung và tầm nhìn

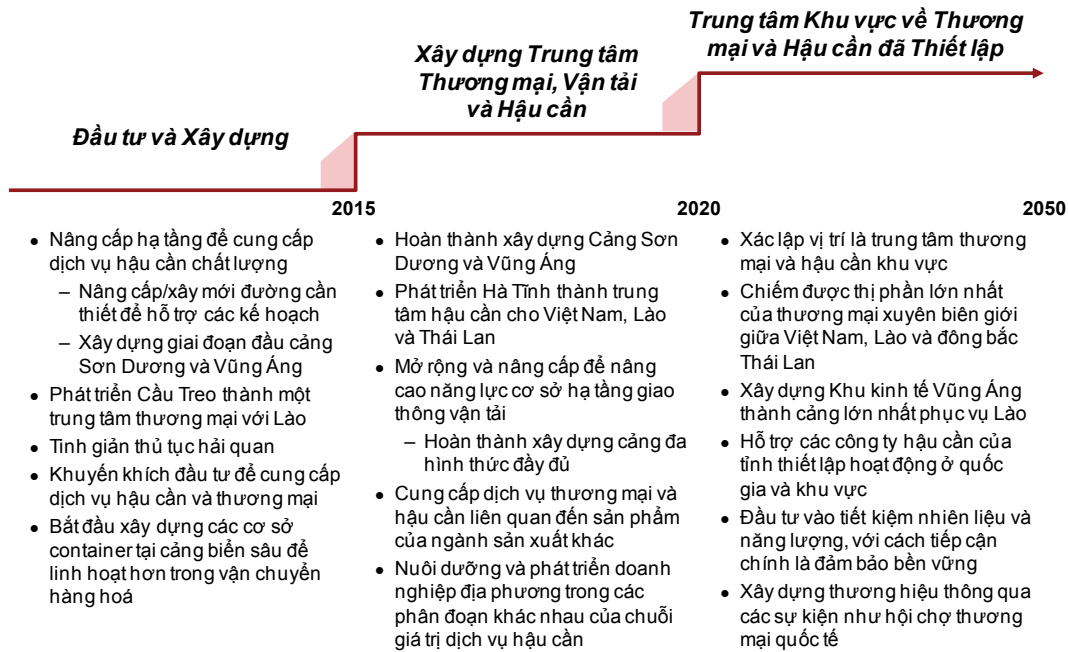
Hà Tĩnh có tiềm năng trở thành một trung tâm thương mại, vận tải và hậu cần hàng đầu khu vực, đặc biệt là trở thành "cảng" cho Lào và có thể là cả Đông Bắc Thái Lan. Việc trở thành trung tâm thương mại, vận tải và hậu cần tự nó đã là một cơ hội kinh tế. Ngoài ra, 1 trung tâm như vậy cũng hết sức cần thiết cho sự phát triển của các cụm ngành khác, cũng như giúp tỉnh hội nhập.

- **Nhập khẩu nguyên liệu thô:** Thành công trong công nghiệp hóa của tỉnh sẽ yêu cầu nhiều hàng nhập khẩu, ví dụ như quặng sắt cho nhà máy thép, than đá để phát điện và máy móc cho các nhà máy sản xuất. Điều này đòi hỏi Hà Tĩnh có một hạ tầng hậu cần và cảng hiệu quả, chất lượng cao.
- **Tiếp cận thị trường và xuất khẩu hàng hóa:** Nhiều loại hàng hóa do tỉnh sản xuất đã được công nhận có giá trị cao trong nước hoặc trên thế giới, giúp tạo ra cơ hội tiếp cận được các thị trường cần thiết đối với các nhà sản xuất. Ví dụ, thép không được tiêu thụ trong nước sẽ được vận chuyển đến các cơ sở chế biến. Các công ty dệt may và sản xuất sản phẩm từ thép sẽ tiếp cận với các thị trường lớn trong nước hoặc thị trường xuất khẩu. Một số sản phẩm nông sản cũng sẽ được xuất khẩu, ví dụ xuất khẩu hàng hải sản sang khu vực Đông Bắc Á. Điều này đòi hỏi phải có các dịch vụ thương mại, vận chuyển, hậu cần và cơ sở vật chất tương xứng.
- **Tích cực hội nhập với tỉnh:** Hệ thống giao thông được cải thiện sẽ giúp tỉnh hội nhập hơn với các địa phương khác của Việt Nam, rút ngắn thời gian đi lại và tăng cường tính đáng tin cậy của các dịch vụ hậu cần. Hiện giờ, các vùng xa xôi hẻo lánh của tỉnh sẽ có lợi từ cơ sở hạ tầng giao thông của tỉnh kết nối các khu vực này với các trung tâm chính trong tỉnh.

Tầm nhìn về việc phát triển cụm ngành đến năm 2050 sẽ tập trung vào ba giai đoạn chính theo sau (Hình 105):

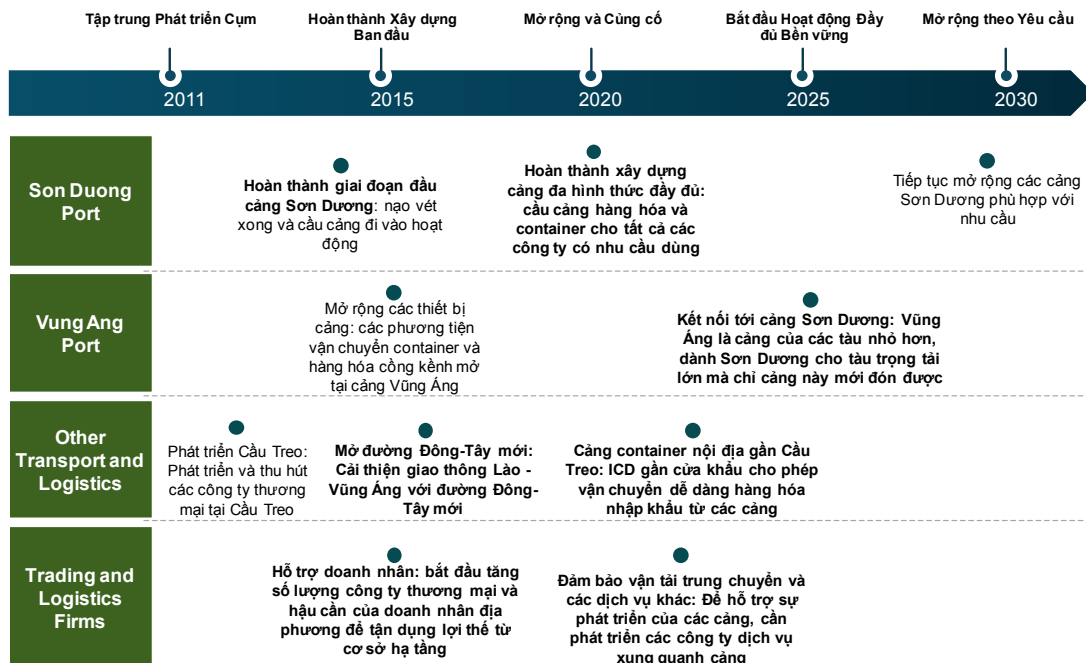
- **Đầu tư và xây dựng (2011-2015):** Mục đích của giai đoạn này là nhằm tăng cường cơ sở hạ tầng giao thông để cung cấp được các dịch vụ hậu cần có chất lượng. Trong giai đoạn này, tỉnh sẽ tiến hành xây dựng cảng Sơn Dương và cảng Vũng Áng ở giai đoạn đầu. Ngoài ra, tỉnh cũng sẽ bắt đầu xây dựng các cơ sở công-ten-nơ tại một cảng nước sâu. Trong giai đoạn này, sẽ xây dựng Cầu Treo thành một trung tâm thương mại với Lào. Các quy trình hải quan sẽ được đơn giản hóa tại cả khu vực kinh tế Vũng Áng và Cầu Treo. Tỉnh cũng sẽ khuyến khích đầu tư vào các cơ sở cung cấp dịch vụ hậu cần và thương mại.
- **Xây dựng một trung tâm thương mại, vận chuyển và hậu cần (2016-2020):** Trong giai đoạn này, Hà Tĩnh sẽ hoàn thiện việc xây dựng trung tâm thương mại và hậu cần trong khu vực. Việc xây dựng tất cả các CSHT chính ở cảng Sơn Dương và Vũng Áng sẽ được hoàn thiện. Các cơ sở cung cấp dịch vụ thương mại và hậu cần đặc thù cho từng ngành cũng sẽ được thành lập để phục vụ các cụm ngành liên quan đến sản xuất sẽ được xây dựng trong tỉnh, ví dụ chế biến lương thực, sản phẩm thép, may mặc và dệt may, vv. Nhiều doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sẽ do các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Hà Tĩnh sở hữu và hoạt động, do vậy có thể khuyến khích các doanh nghiệp trong tỉnh.
- **Thành lập trung tâm thương mại và hậu cần trong vùng (2021-2050):** Hà Tĩnh sẽ trở thành một trung tâm thương mại, vận chuyển và hậu cần hàng đầu trong khu vực. Tỉnh sẽ chiếm phần lớn nhất trong thương mại xuyên biên giới giữa Việt Nam, Lào và vùng Đông Bắc Thái Lan. Tổ hợp cảng tại Vũng Áng sẽ trở thành một cảng trung chuyển hàng hóa giữa Việt Nam và Lào lớn nhất. Các công ty hậu cần trong nước bắt đầu thành lập các cơ sở trong nước và khu vực với các văn phòng kinh doanh tại các trung tâm thị trường chính trong nước và các nước khác trong khu vực. Các doanh nghiệp của tỉnh cũng sẽ đầu tư vào lĩnh vực năng lực và các cơ chế tiết kiệm nhiên liệu và tính bền vững sẽ là một phần không thể thiếu trong phương pháp tiếp cận của tỉnh. Tỉnh cũng sẽ tổ chức các sự kiện, ví dụ như hội chợ thương mại quốc tế để gây dựng được hình ảnh là một trung tâm thương mại trong khu vực và trên toàn cầu.

**Hình 105: Mục tiêu của Hà Tĩnh đến năm 2015,2020 và tầm nhìn đến năm2050**



Hà Tĩnh trong tương lai, và sẽ phát triển như tầm nhìn đề ra 1 cách có hệ thống và trình tự (Hình 106).

**Hình 106: Kế hoạch phát triển cụm ngành**



2.3.2.2 Chiến lược và kế hoạch phát triển cụ thể cụm ngành từ 2011-2020

Việc xây dựng Hà Tĩnh thành một trung tâm thương mại, vận chuyển và hậu cần sẽ đòi hỏi phải có 6 yếu tố thành công then chốt sau – (A) việc đưa hai khu kinh tế chính là Vũng Áng và Cầu Treo vào hoạt động; (B) hạ tầng kết nối toàn cầu bằng nhiều hình thức; (C) khuyến khích phát triển dịch vụ vận tải, hậu cần và các siêu thị;



(D) nâng cấp các khu công nghiệp trong tỉnh; (E) cơ chế chính sách thu hút thương mại và đầu tư và (F) nâng cao năng lực cho nguồn nhân lực.

## A. Việc đưa 2 khu kinh tế chính là Vũng Áng và Cầu Treo vào hoạt động

Các yếu tố quan trọng nhất để thúc đẩy phát triển cụm ngành thương mại, vận tải và hậu cần là khu kinh tế hiện đang được xây dựng ở tỉnh, đó là khu kinh tế Vũng Áng và Cửa khẩu Cầu Treo. Các khu kinh tế này cần được xây dựng để có khả năng cạnh tranh đẳng cấp thế giới, đồng thời có các lĩnh vực trọng tâm cụ thể và đóng góp vào phát triển các cụm ngành này cũng như cả tỉnh nói chung. Hà Tĩnh sẽ nhắm mục tiêu đưa các khu kinh tế này vào hoạt động, giành các khoản đầu tư cho các khu này và khuyến khích xuất khẩu hàng hoá có giá trị cao và (với Cầu Treo) nhập khẩu hàng hoá cho toàn bộ miền Bắc..

### 1. Khu kinh tế Vũng Áng - Định hướng phát triển:

**Khu kinh tế Vũng Áng** là xương sống cho sự phát triển và tăng trưởng kinh tế của Hà Tĩnh, và rộng hơn nữa là cả miền Bắc.

#### 1.1 Tầm quan trọng chiến lược của khu kinh tế:

Khu kinh tế Vũng Áng được thành lập theo Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg, tháng 4, 2006 và Quyết định số 19/2010/QĐ-TTg, tháng 3, 2010 của Thủ tướng Chính phủ nhằm đáp ứng các mục tiêu phát triển sau đây: (a) khai thác tối đa lợi thế của điều kiện tự nhiên, vị trí địa chính trị và kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Hà Tĩnh và Bắc miền Trung, (b) xây dựng và phát triển Khu kinh tế Vũng Áng thành khu kinh tế tổng hợp, liên ngành, đa lĩnh vực, cùng với các khu kinh tế khác của khu vực miền Trung tạo thành một chuỗi các khu kinh tế gắn kết chặt chẽ với nhau và dần trở thành hạt nhân tăng trưởng, trung tâm của ngành công nghiệp luyện kim - dịch vụ cảng - du lịch của khu vực Bắc miền Trung; (c) trở thành đầu mối giao thông vận tải có ý nghĩa quan trọng quốc tế, góp phần mở rộng thị phần cho khu vực Bắc miền Trung và trở thành cầu nối với thị trường Lào và Đông Bắc Thái Lan, (d) tạo công ăn việc làm, thúc đẩy giáo dục và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của khu vực, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động của Hà Tĩnh để đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho khu kinh tế Vũng Áng.

Với nguồn tài nguyên và vị trí tự nhiên của mình, và khoảng cách ngắn để đến với Lào và Đông Thái Lan, khu kinh tế Vũng Áng có tầm quan trọng chiến lược, không chỉ cho Hà Tĩnh, hay khu vực Bắc miền Trung, mà là cả nước. Do đó, Hà Tĩnh cần đề xuất đưa khu kinh tế Vũng Áng vào danh mục dự án trọng điểm quốc gia. Khu kinh tế sẽ được phát triển để đạt những mục tiêu này, bằng cách tận dụng các lợi thế và tiềm năng thế mạnh bền vững.

Thứ nhất, vị trí khu kinh tế rất lý tưởng cho phát triển cảng biển nước sâu. Sau khi hoàn thành, tổ hợp cảng Vũng Áng – Sơn Dương sẽ có khả năng đón tàu tàu đến 300.000 tấn. Tổ hợp cảng đồng thời tạo con đường ngắn nhất cho Lào và Đông Thái Lan ra biển. Cảng cũng nằm gần tuyến hàng hải quốc tế. Do đó, đây chính là cơ hội để nơi đây trở thành “cảng quốc tế cho Bắc Miền Trung Việt Nam, Lào và Đông Thái Lan.”

Thứ hai, Khu kinh tế nằm gần nguồn nguyên liệu thô và các đầu vào quan trọng, chủ yếu là trữ lượng quặng sắt lớn nhất Đông Nam Á tại Thạch Khê, cũng như các nhà máy nhiệt điện sắp hoạt động. Điều này giúp Khu kinh tế có một lợi thế đặc biệt và bền vững.

Thứ ba, Khu kinh tế tạo kết nối thuận lợi trên đường bộ tới các trung tâm kinh tế lớn của Việt Nam, cũng như ở Lào và Đông Thái Lan. Kết nối này sẽ đi qua Quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh, tuyến đường cao tốc mới đang được quy hoạch, và đường 8 cùng đường 12 đến Lào và Đông Thái Lan.

Tất cả những ưu điểm trên đều có thể được phát huy để phát triển bền vững Khu kinh tế, giúp nơi đây trở thành một trong những khu kinh tế lớn có tầm quan trọng chiến lược và được ưu tiên ở Việt Nam.

## 1.2 Lĩnh vực tập trung và lý do:

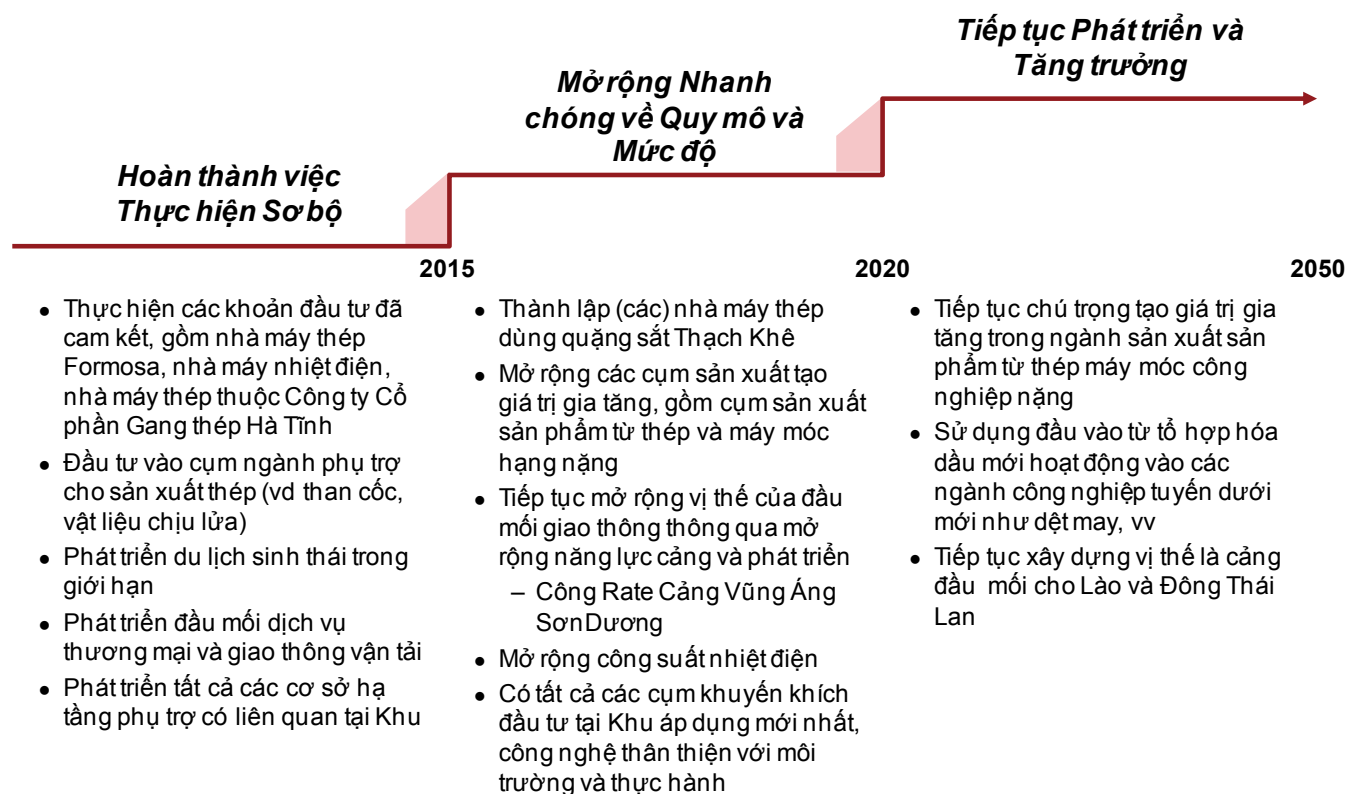
Khu kinh tế Vũng Áng là trụ cột cho sự phát triển của cụm ngành này và các cụm ngành khác trong tỉnh.

Trong giai đoạn đầu phát triển KKT (2011-2015), trọng tâm của tỉnh sẽ là việc thực hiện các khoản đầu tư đã cam kết, gồm nhà máy thép Formosa và, nhà máy nhiệt điện, nhà máy thép thứ 2 dùng quặng từ huyện Vũ Quang, và có thể là khởi công xây dựng (các) nhà máy thép khác thứ 2 sử dụng quặng sắt Thạch Khê.

Trong giai đoạn II của quá trình phát triển (2016-20), Khu kinh tế sẽ tập trung vào mở rộng cụm ngành sản xuất chế biến tạo giá trị gia tăng, trong đó có sản xuất sản phẩm từ thép và máy móc hạng nặng. Quá trình có sự hỗ trợ thêm từ việc đưa vào vận hành (các) nhà máy thép dùng quặng Thạch Khê. Khu kinh tế sẽ tiếp tục nâng cao vị thế là trung tâm vận tải, đặc biệt với tư cách là cảng quốc tế của miền Bắc, Lào và Đông Thái Lan, mở rộng công suất cảng và tiếp tục phát triển. Trong giai đoạn này, tổ hợp cảng Vũng Áng - Sơn Dương phát triển hoàn chỉnh, giúp kết nối theo nhiều hình thức đến các thị trường lớn. Ngoài ra, Khu kinh tế tạo cơ hội cho các công ty dịch vụ vận tải và hậu cần hoạt động. Tỉnh cũng sẽ có kết nối đường bộ tốt tới Lào qua cả cửa khẩu biên giới Cầu Treo và qua tỉnh Quảng Bình, cũng như kết nối tới Hà Nội, Đà Nẵng và có thể tới thành phố Hồ Chí Minh qua tuyến đường cao tốc Bắc-Nam được lên kế hoạch. Công suất nhiệt điện cũng sẽ được mở rộng. Tất cả các cụm ngành được khuyến khích đầu tư trong Khu kinh tế sẽ áp dụng những công nghệ và cách làm mới nhất, thân thiện với môi trường.

Trong giai đoạn III của quá trình tăng trưởng và phát triển Khu kinh tế (sau 2020), Khu kinh tế sẽ tiếp tục phát triển các ngành sản xuất sản phẩm chế biến từ thép và sản xuất máy móc hạng nặng. Ngoài ra, tổ hợp hóa dầu sẽ đi vào hoạt động, tạo thêm nhiều giá trị cho Khu kinh tế. Sản phẩm từ tổ hợp hóa dầu sẽ được sử dụng cho các ngành sản xuất chế biến như dệt may, vv, cả trong tỉnh, trong khu vực và xuất khẩu sang các nước khác. Khu kinh tế sẽ tiếp tục nâng cao vị thế của mình là đầu mối cảng cho Lào và Đông Thái Lan, cũng như về thương mại và vận tải qua biên giới.

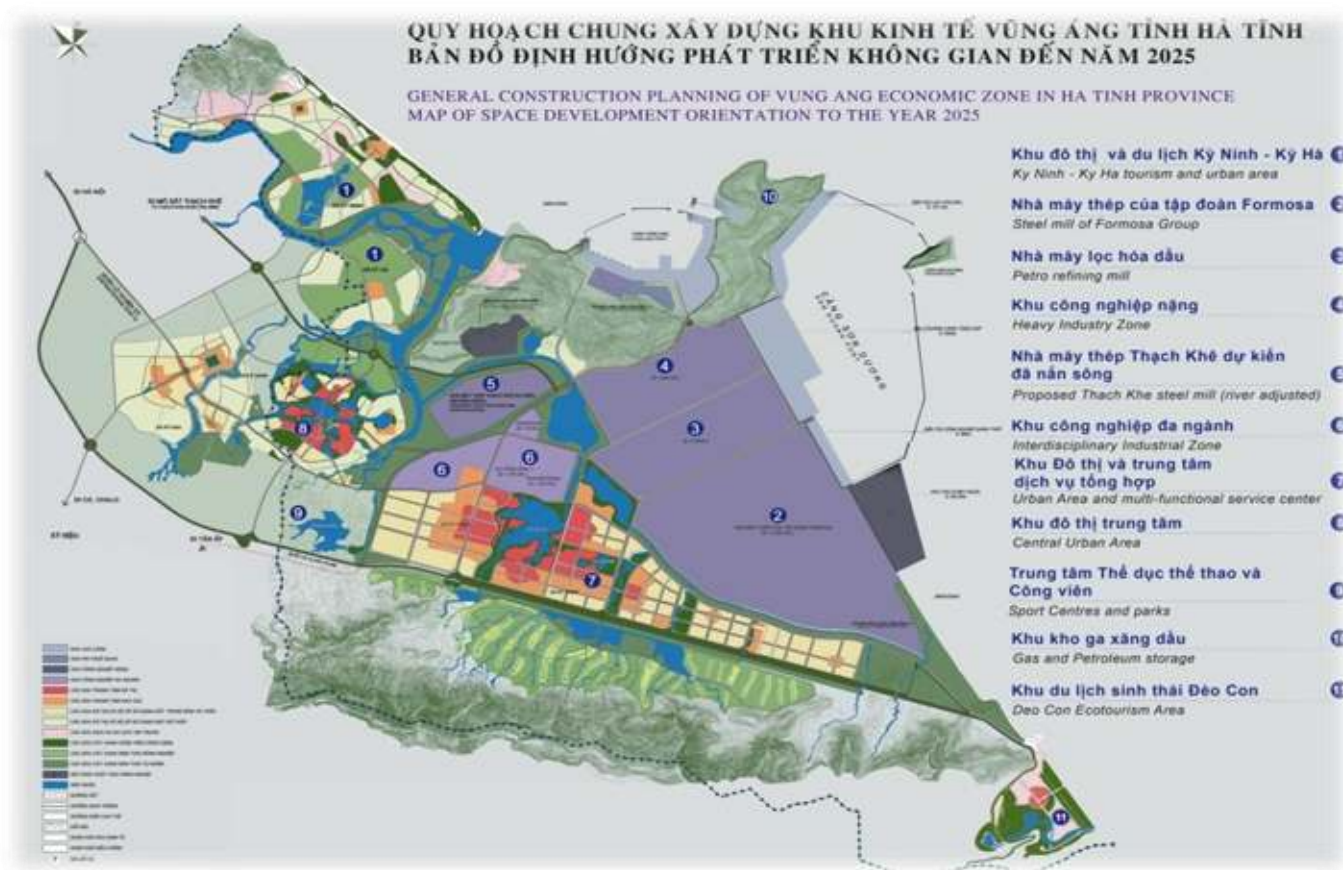
**Hình 107 – Mục tiêu của Vũng Áng đến 2020, 2030 và tầm nhìn đến 2050**



### 1.3 Kế hoạch chiến lược cho Khu kinh tế – những khu vực địa lý chính

Khu kinh tế Vũng Áng có diện tích 22.781 ha, thuộc 9 xã phía nam huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh province. Hình 108 dưới đây cho thấy tổng quan Khu kinh tế và những khu vực quan trọng trong Khu kinh tế.

Hình 108: Bản đồ Khu kinh tế Vũng Áng



Khu kinh tế sẽ được tổ chức quanh những khu vực chính sau: (i) Nhà máy thép Fomosa (đã phê duyệt), (ii) khu công nghiệp nặng, (iii) nhà máy thép được đề xuất sử dụng quặng sắt Thạch Khê, (iv) khu công nghiệp liên ngành, (v) khu vực lọc dầu, (vi) các khu đô thị, (vii) khu vực kho trữ dầu khí, (viii) khu vực du lịch sinh thái và (ix) trung tâm thể thao và các công viên.

Ngoài ra, thị trấn Vũng Áng và Kỳ Anh sẽ phát triển thành các khu đô thị quan trọng trong khu vực. Thị trấn Vũng Áng sẽ chủ yếu là nơi ở cho công nhân làm việc trong Khu kinh tế và gia đình họ. Thị trấn sẽ có dân số 59.000 người vào năm 2020. Thị trấn có cơ sở hạ tầng và các yếu tố khác tương đương đô thị loại V. Kỳ Anh sẽ trở thành trung tâm đô thị loại III, phát triển song song Khu kinh tế. Thị trấn Kỳ Anh dự báo sẽ có dân số 101.000.

#### 1.4 Lợi ích chủ yếu cho nhà đầu tư:

Khu kinh tế Vũng Áng sẽ tạo những lợi ích sau đây cho nhà đầu tư:

- Các dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng phục vụ chung cho KKT Vũng Áng và các KCN tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn không phải nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất trên toàn bộ diện tích đất được giao trong suốt thời gian thực hiện dự án.

- Đất xây dựng nhà tập thể cho công nhân các dự án và doanh nghiệp trong Khu kinh tế Vũng Áng và các Khu công nghiệp đã được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền không phải nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất trên toàn bộ diện tích đất được giao trong suốt thời gian thực hiện dự án.
- Những doanh nghiệp phải trả tiền thuê đất tại Khu kinh tế Vũng Áng và tại các khu công nghiệp ở những vùng khó khăn sẽ được miễn phí thuê đất trong 11 hoặc 15 năm tùy theo vị trí và đặc điểm của dự án, bắt đầu từ ngày hợp đồng thuê đất có giá trị.
- Các dự án đầu tư vào KKT Vũng Áng và các KCN của các tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài không phải trả tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư. Để đẩy nhanh tiến độ dự án, địa phương khuyến khích nhà đầu tư chi trả trước tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và sẽ được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào ngân sách. UBND tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức giải phóng mặt bằng và bàn giao mặt bằng theo đúng tiến độ của dự án.
- Đối với các khoá đào tạo để nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý doanh nghiệp như: Quản trị doanh nghiệp; lập chiến lược kinh doanh; quản lý kỹ thuật; quản lý nguồn nhân lực; tài chính kế toán; kỹ năng đàm phán, ký kết hợp đồng; kỹ năng lãnh đạo thuyết trình; quản lý chất lượng sản phẩm; ứng dụng công nghệ thông tin; phát triển sản phẩm mới; phát triển thị trường mới, được hỗ trợ tối đa không quá 01 triệu đồng/người/khoá.
- Nhà đầu tư được hỗ trợ về đào tạo cho lao động tuyển trong tỉnh như sau: (a) dự án thường xuyên sử dụng trên 50 lao động được hỗ trợ 50% tổng chi phí đào tạo nhưng quá 1 triệu đồng/ người / khoá học và (b) các dự án dụng thường xuyên sử dụng từ 20 đến 50 lao động được hỗ trợ 50% tổng chi phí đào tạo nhưng không quá 700.000 đồng/ người / khoá học
- Doanh nghiệp ở Khu kinh tế Vũng Áng và các khu công nghiệp trong tỉnh sẽ được trợ cấp 50% chi phí quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh (báo, truyền hình) cho 1 sản phẩm mới trong vòng 1 năm sau khi sản phẩm được triển khai.
- Được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% áp dụng trong 15 năm, kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh; Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.
- Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, sau khi quyết toán thuế với cơ quan Thuế mà bị lỗ, doanh nghiệp được chuyển khoản lỗ sang những năm sau để trừ vào thu nhập chịu thuế. Thời gian chuyển lỗ không quá 5 năm.
- Được miễn thuế nhập khẩu trong 05 năm cho đối tượng phải nộp thuế, kể từ khi bắt đầu sản xuất đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện và bán thành phẩm phải nhập khẩu do trong nước chưa sản xuất được.
- Được giảm 50% thuế thu nhập cá nhân đối với người có thu nhập cao bao gồm cả thu nhập thường xuyên và không thường xuyên (kể cả người Việt Nam và người nước) làm việc tại Khu kinh tế Vũng Áng.

- Các dự án trong lĩnh vực công nghệ cao đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2, Điều 5 của Quy chế khu Công nghệ cao ban hành theo Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8, 2003 của Chính phủ Việt Nam được hưởng thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong toàn bộ thời gian thực hiện dự án.
- Các dự án cơ sở hạ tầng trong Khu Thương mại Tự do, cảng Vũng Áng, cảng Sơn Dương và các dự án quy mô lớn và quan trọng, đáp ứng 1 trong các tiêu chí sau đây (a) tổng số vốn đầu tư đạt 70 triệu USD hoặc nhiều hơn, (b) sử dụng ít nhất 1.500 lao động hoặc (c) có kim ngạch xuất khẩu trực tiếp hàng năm ít nhất là 70 triệu USD, sẽ UBND tỉnh đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét cho hưởng mức thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong toàn bộ thời gian thực hiện dự án.
- Ngoài hỗ trợ về thuê đất và tiền sử dụng đất đã đề cập ở trên, các dự án trong Khu kinh tế Vũng Áng chỉ phải trả một khoản phí thuê đất bằng 0,40% giá thuê đất hiện tại theo quy định, giá cho thuê này được UBND công bố hàng năm theo quy định của Luật đất đai năm 2003

### 1.5 Rào cản chính và phương án khắc phục

Để đảm bảo thành công trong việc đưa Khu kinh tế vào hoạt động, tỉnh cần tập trung giải quyết các thách thức chính sau đây: (a) hoàn thành các dự án cơ sở hạ tầng trọng điểm theo thời gian đề ra, (b) có môi trường chính sách và thủ tục hiệu quả và minh bạch cho nhà đầu tư và (c) có khả năng thu hút đầu tư vào các cụm sản xuất chế biến.

Đầu tiên, Khu kinh tế cần tập trung tìm nguồn kinh phí (từ ngân sách nhà nước hoặc nhà đầu tư tư nhân) và hoàn thành các dự án cơ sở hạ tầng trọng điểm theo thời gian đề ra. Các dự án này gồm tổ hợp cảng Vũng Áng - Sơn Dương, các nhà máy điện nhiệt, và kết nối vận tải đường bộ qua nâng cấp quốc lộ 1A và tới Lào Qua nâng cấp Quốc lộ 8 và Quốc lộ 12. Các cơ sở hạ tầng khác cũng cần được chú ý, trong đó có xây dựng văn phòng và kho chứa phù hợp với mục đích sử dụng của công ty dịch vụ hậu cần, kho bãi container. Ngoài ra, các KKT này còn cần có các hạ tầng chung khác (vd: đường nội bộ, hàng rào, an ninh, diện tích xanh, cảnh quan, ngân hàng, máy ATM, dịch vụ bưu điện, thư tín, tòa nhà hành chính cho KKT, gồm 1 trung tâm việc làm, trung tâm thương mại, nhà triển lãm, trạm xăng, cảng tin, trung tâm giải trí, hạ tầng vệ sinh, trạm xe tải, trạm cân xe, hệ thống cứu hỏa, hệ thống đường ống được quy hoạch tốt (dẫn điện, nước, nước thải, thông tin liên lạc, thoát nước, khí, nhà máy xử lý nước thải công nghiệp ETP), quản lý nước trong bão lũ, hệ thống thu gom nước, vv.) Hạ tầng sinh sống cho công nhân trong Khu kinh tế cũng cần được quy hoạch và xây dựng.

Song song với đó, Khu kinh tế cần có môi trường chính sách và thủ tục minh bạch, hiệu quả, giúp giảm chi phí và thời gian làm việc cho các nhà đầu tư hoạt động tại đây. Như đã đề cập trong phần trên về cụm ngành sắt - thép, tỉnh cần khẩn trương giải quyết các vấn đề liên quan đến việc cấp phép và giải phóng mặt bằng cho nhà máy thép được quy hoạch trong Khu kinh tế Vũng Áng sẽ sử dụng quặng sắt Thạch Khê. Ngoài ra, để xây dựng Vũng Áng thành 1 trung tâm thương mại, giao thông vận tải và dịch vụ hậu cần lớn, tỉnh cần nhanh chóng áp dụng hệ thống hải quan điện tử đã được lập kế hoạch, quản lý nhanh chóng và hiệu quả các thủ tục dịch vụ hậu cần ở cảng. Lý tưởng nhất là việc quản lý tổ hợp cảng được thực hiện qua một nhà điều hành có năng lực và kinh nghiệm quốc tế. Phần dưới đây của báo cáo, về tiểu mục cơ sở hạ tầng cảng, trình bày các biện pháp thực hiện cụ thể và một ví dụ của Singapore.

Một thách thức lớn nữa là thu hút đầu tư vào ngành sản xuất chế biến và máy móc hạng nặng trong Khu kinh tế. Để làm được điều này, Khu kinh tế cần nâng cao nhận thức và thực hiện 1 chiến dịch xúc tiến đầu tư được lập

kế hoạch chu đáo, nhắm tới nhà đầu tư cả trong và ngoài nước. Chiến dịch này nên được kết hợp với các kế hoạch xúc tiến đầu tư tổng thể của tỉnh, như đề cập trong phần "Giải pháp Thực hiện."

## 2. Khu kinh tế Cầu Treo - Định hướng Phát triển:

Khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo cũng sẽ đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế Hà Tĩnh, đặc biệt là thúc đẩy hơn nữa quan hệ kinh tế thương mại với Lào và Thái Lan

### 2.1 Tầm quan trọng chiến lược của KKT

Khu kinh tế Cầu Treo có tầm quan trọng chiến lược, không chỉ cho Hà Tĩnh, hay khu vực Bắc miền Trung, mà là cả nước. Phù hợp với Quyết định số 162/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày tháng 10 năm 2007, Khu kinh tế Cầu Treo sẽ đáp ứng 5 mục tiêu quan trọng, đặc biệt là (a) đẩy mạnh quan hệ thương mại giữa Việt Nam, Lào và Thái Lan; (b) mang lại lợi ích kinh tế cho Hà Tĩnh, miền Trung, thông qua hội nhập quốc tế tốt hơn, (c) phát triển các điều kiện đầu tư thuận lợi để thu hút đầu tư và các nhà đầu tư từ Việt Nam và các nước khác trong lĩnh vực dịch vụ và các hoạt động khác, trong đó có xuất khẩu, (d) nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tạo công ăn việc làm, (e) chuyển đổi các khu vực khó khăn miền núi thành một đô thị và động cơ tăng trưởng kinh tế cho tỉnh và khu vực.

Lợi thế chiến lược quan trọng nhất của Cầu Treo là vị trí địa lý, nằm trên tuyến đường ngắn nhất từ Đông Thái Lan và Lào đến biển, Hà Nội và các nơi khác của miền Bắc Việt Nam. Khoảng cách này sẽ được rút ngắn thêm với việc khai trương gần đây của cây cầu Hữu nghị Thái Lan-Lào thứ 3 - cầu Nakon Phanom / Thakek và việc cải thiện điều kiện giao thông ở Lào, đặc biệt là qua Vieng Kham. Do đó, Cầu Treo có vị trí lý tưởng để trở thành trụ cột cho thúc đẩy quan hệ kinh tế thương mại giữa Thái Lan, Lào và Việt Nam.

Thứ hai, Khu kinh tế Cầu Treo cũng sẽ được hưởng lợi từ nguồn cung dồi dào về nguyên liệu thô và đầu vào cho sản xuất từ cả trong và ngoài tỉnh. Việc phát triển ngành công nghiệp thép, gỗ rừng trồng, và sản phẩm từ nông nghiệp, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản có thể được sử dụng cho các ngành công nghiệp chế biến, sản xuất và lắp ráp. Đồng thời, với vị trí địa lý của mình, Cầu Treo cũng có thể là đầu mối nhập khẩu các đầu vào và các bộ phận từ Thái Lan, hoặc thông qua cảng Vũng Áng - Sơn Dương, Vinh, sau đó lắp ráp tại Khu kinh tế và tái xuất khẩu sang các thị trường khác nhau Hình 109.

Hình 109 – Các tuyến đường từ Đông Thái Lan đến biển và Hà Nội



Nguồn: “Nghiên cứu Quy hoạch Phát triển Cửa ngõ Thakek - Vũng Áng giữa Lào và Việt Nam”, Viện Phát triển Nhật Bản (2010); Phân tích của Monitor

Thứ ba, với lưu lượng hành khách qua cửa khẩu này hiện đã ở mức cao, khu kinh tế Cầu Treo cũng có tiềm năng phát triển thành 1 đô thị quá cảnh, cũng như phát triển tiềm năng du lịch sinh thái và dịch vụ nhà hàng khách sạn. Điều này cũng sẽ giúp đẩy mạnh hoạt động thương mại và trao đổi văn hóa giữa Việt Nam, Lào và Thái Lan.

Thứ tư, khu kinh tế sẽ trở thành khu cửa khẩu chung với Lào, giống như mô hình đang được khai thác ở Lào Cai và Lào Bão. Điều này sẽ nâng cao đáng kể quan hệ với Lào, hiện đã là 1 nước láng giềng gần gũi và thân thiện của Việt Nam. Đây cũng là điều kiện để Cầu Treo trở thành đầu mối tập trung và xử lý hàng hoá quá cảnh từ Thái Lan sang Việt Nam và tiếp tục đi ra biển. Nhờ vậy, các công ty sẽ tiết kiệm được chi phí về cả vận tải lẫn sản xuất khi phục vụ những thị trường này, hoặc các thị trường quốc tế ngoài Việt Nam, cần đến vận tải đường biển. Vị trí đặc biệt này sẽ giúp hấp dẫn nhà đầu tư cả trong và ngoài nước.

Tóm lại, Khu kinh tế Cầu Treo sẽ có ý nghĩa chiến lược ở cấp quốc gia vì nhiều lý do - đóng góp cho kim ngạch xuất khẩu, vận chuyển qua biên giới cả hành khách và hàng hóa, trung tâm đầu tư cho các nhà đầu tư cả trong và ngoài nước (trong đó có cả các doanh nghiệp vừa và nhỏ) trong 1 số cụm, ví dụ như dịch vụ và thương mại quá cảnh, lắp ráp, chế biến gỗ thực phẩm ..., và đóng góp ngày càng nhiều hơn cho ngân sách. Khu kinh tế Cầu Treo sẽ cố gắng nằm trong top 6 khu kinh tế cửa khẩu hàng đầu của Việt Nam.

## 2.2 Lĩnh vực tập trung và lý do

Khu kinh tế Cầu Treo sẽ dần phát triển thành 1 khu kinh tế đa cụm ngành.



Trong giai đoạn I (2011-2013), khu vực này tập trung vào thương mại và dịch vụ, gồm (a) giao nhận hàng, (b) chất/dỡ container, (c) thủ tục thông quan, trong đó có xử lý hàng quá cảnh qua Vũng Áng đi tới Thái Lan, Lào và ngược lại, (d) kho trữ tạm hàng và containers, (e) tập kết và kho chứa. Mục tiêu chính của khu kinh tế trong giai đoạn này là thúc đẩy thương mại, ví dụ nhập khẩu nguyên liệu, bán thành phẩm và thành phẩm từ Thái Lan và Lào, và xuất khẩu các sản phẩm Việt Nam (đặc biệt là thép và các sản phẩm thực phẩm).

Trong giai đoạn II (2014-2020), khu kinh tế sẽ tập trung vào công nghiệp chế biến và các cụm ngành gắn kết chặt chẽ với các nguyên liệu thô và đầu vào sẵn có ở gần khu vực này. Một số cụm ngành ở đây gồm chế biến thực phẩm (trong đó có nước uống đóng chai), sản phẩm gỗ giá trị cao, vật liệu xây dựng, sản xuất và lắp ráp tập trung vào máy móc hạng nhẹ thiết và các sản phẩm như điện tử, đồ gia dụng, sản phẩm gia đình và xe ô tô hạng nhẹ. Các sản phẩm lắp ráp này có thể được tái xuất sang Thái Lan và các thị trường khác; hoặc tiêu thụ ở trong nước. Các cụm ngành này sử dụng thép và nguyên liệu thô liên quan có ở Hà Tĩnh, cùng các bộ phận nhập khẩu từ Thái Lan và những thị trường khác. Trong giai đoạn này, khu kinh tế cũng sẽ phát triển các tiềm năng thế mạnh và khu vực đô thị thành 1 điểm trung chuyển lớn cho hành khách.

Trong giai đoạn III (sau năm 2020), khu kinh tế Cầu Treo sẽ trở thành một trung tâm thương mại, hậu cần và lắp ráp cho khu vực Bắc miền Trung. Khu kinh tế cũng sẽ chiếm thị phần cao nhất về thương mại qua biên giới giữa Thái Lan, Lào và miền Bắc Việt Nam, và trở thành 1 Khu kinh tế cửa khẩu lớn tại Việt Nam. Khu kinh tế sẽ tập trung tạo nhiều giá trị gia tăng và nâng cao vị thế của mình trong 5 cụm ngành - lắp ráp ô tô, hàng gia dụng, cấu kiện máy hạng nhẹ khác từ thép, vật liệu xây dựng, sản phẩm gỗ có giá trị gia tăng, chế biến thực phẩm và du lịch sinh thái.

**Hình 110 - Mục tiêu của KKT Cầu Treo đến 2020, 2030 và tầm nhìn đến 2050**



Nguồn: Phân tích của Monitor

### 2.3 Kế hoạch Chiến lược cho khu kinh tế – những khu vực địa lý chính

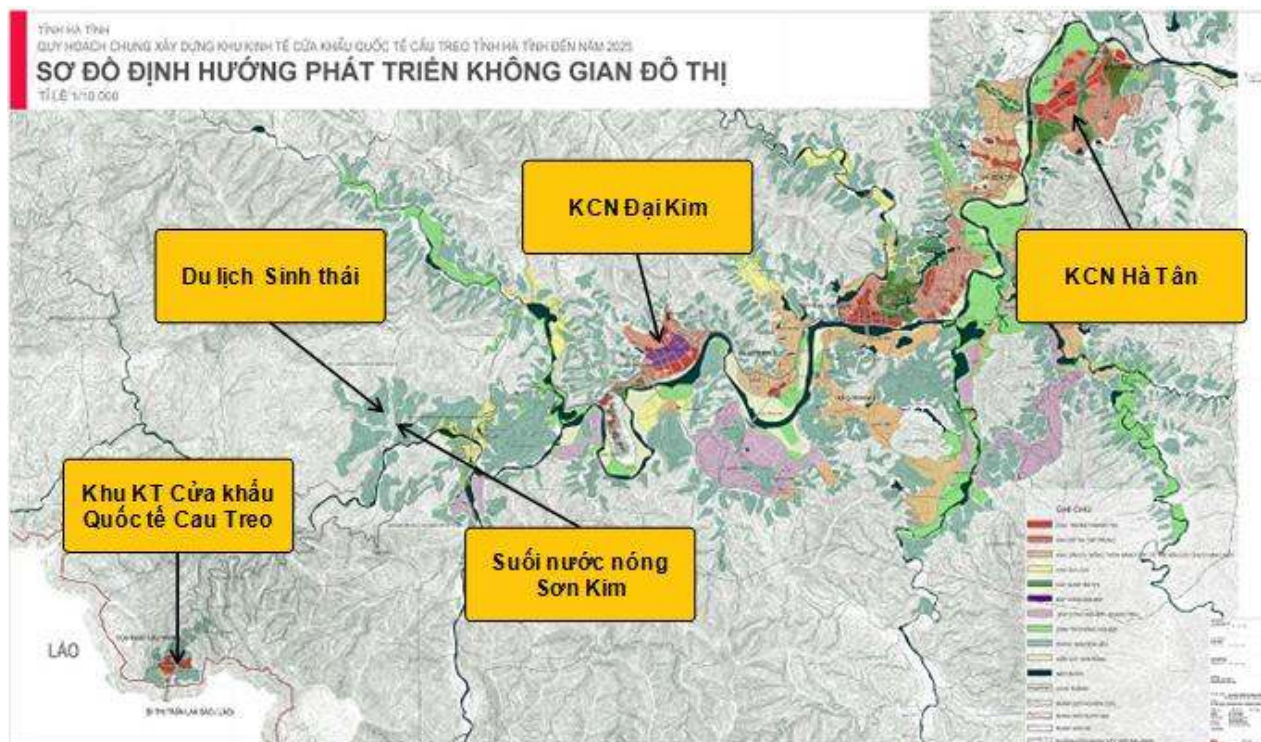
Theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 162/2007/QĐ-TTg tháng 10/2007, Khu kinh tế Cầu Treo bao gồm thị trấn Tây Sơn và các thị trấn: Sơn Kim 1, Sơn Kim 2 và Sơn Tây trong huyện Hương Sơn, với tổng diện tích đất 56.000 ha. Tuy nhiên, do yếu tố địa hình, diện tích có thể sử dụng chỉ chiếm 20% diện tích này, chủ yếu là 43km dọc quốc lộ 8. Diện tích này bao gồm các khu công nghiệp Đại Kim, Đà Mông và Hà Tân.

Khu công nghiệp Đại Kim có diện tích có thể sử dụng là 25 ha trong tổng diện tích 75 ha. Đây là khu phát triển lắp ráp ô tô, bộ phận ô tô, xe máy và kính xây dựng.

Khu công nghiệp Đà Mông có diện tích quy hoạch 400 ha. Khu công nghiệp này tập trung vào dịch vụ thương mại và công nghiệp nhẹ, trong đó có chế biến gỗ và chế biến thực phẩm. Ví dụ, khu kinh tế này đã có 1 cơ sở sản xuất MBF 90 ha. Khu công nghiệp Đà Mông cũng sẽ có 1 khu đô thị và các cơ sở du lịch sinh thái.

Khu công nghiệp Hà Tân có diện tích quy hoạch 540 ha. Với vị trí thuận lợi nằm gần khu vực đồng bằng, đây là khu công nghiệp quan trọng nhất của tỉnh. Khu công nghiệp này có 1 thị trấn lớn, với một khu đô thị lõi chuyên về thương mại và dịch vụ hậu cần. Đây cũng sẽ là nơi đặt cơ quan hải quan chính và các cơ sở kho bãi của khu kinh tế Cầu Treo. Đồng thời, Hà Tân còn là trung tâm quá cảnh cho cả hành khách và xe vận tải hàng hóa. Trong khu vực quy hoạch, 80 ha sẽ được dành cho công nghiệp chế biến và lắp ráp.

#### Hình 111 – Bản đồ Khu kinh tế Cầu Treo



Nguồn: KKT Cầu Treo

## 2.4 Lợi ích chủ yếu cho nhà đầu tư

Nhà đầu tư trong Khu kinh tế được hưởng 1 số chính sách ưu đãi liên quan đến đất đai, thuế và xuất khẩu; phù hợp với Quyết định số 33/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ tháng 2/2009.

Các ưu đãi dành cho nhà đầu tư như sau:

- Được áp dụng thuế suất ưu đãi doanh nghiệp 10% trong thời hạn 15 năm. Trường hợp doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi có thể kéo dài hơn nhưng tổng thời gian áp dụng thuế suất 10% không quá 30 năm
- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo
- Người Việt Nam và người nước ngoài làm việc tại khu kinh tế cửa khẩu, có thu nhập từ việc làm tại khu kinh tế cửa khẩu thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại Luật Thuế thu nhập cá nhân được giảm 50% số thuế phải nộp
- Hàng hóa, dịch vụ sản xuất, tiêu thụ trong khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu, hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu và hàng hóa, dịch vụ từ khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu xuất ra nước ngoài thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng
- Hàng hóa, dịch vụ từ các khu chức năng khác trong khu kinh tế cửa khẩu và hàng hóa, dịch vụ từ nội địa Việt Nam đưa vào khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng là 0%.
- Hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được sản xuất, tiêu thụ trong khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu hoặc nhập khẩu từ nước ngoài và từ nội địa Việt Nam vào khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt; riêng ô tô dưới 24 chỗ ngồi phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định.
- Hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu xuất khẩu ra nước ngoài không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt
- Hàng hóa từ khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu xuất khẩu ra nước ngoài hoặc nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan, hàng hóa đưa từ khu phi thuế quan này sang khu phi thuế quan khác không phải nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu
- Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế cửa khẩu khi xuất khẩu ra nước ngoài được miễn thuế xuất khẩu.
- Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để phục vụ sản xuất của dự án đầu tư trong khu kinh tế cửa khẩu được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 (năm) năm, kể từ ngày bắt đầu sản xuất
- Bán thành phẩm trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để phục vụ sản xuất của dự án đầu tư trong khu kinh tế cửa khẩu được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 (năm) năm, kể từ ngày bắt đầu sản xuất
- Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan không sử dụng nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm nhập khẩu từ nước ngoài khi nhập khẩu vào nội địa Việt Nam được miễn thuế nhập khẩu.
- Đối với hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan nằm trong khu kinh tế cửa khẩu nếu đủ điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi hoặc thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thì được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu đó theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

- Dự án đầu tư trong khu kinh tế cửa khẩu được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, cụ thể như sau:
  - Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư
  - Miễn tiền thuê đất 15 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng đối với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư.
  - Miễn tiền thuê đất 11 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng đối với các dự án không thuộc quy định tại 2 điểm trên.
  - Danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư và lĩnh vực khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư
- Nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư vào Khu kinh tế khi thuê đất, thuê mặt nước ngoài được hưởng các ưu đãi nêu trên còn được áp dụng mức giá thuê đất, thuê mặt nước bằng 30% giá thuê đất, thuê mặt nước áp dụng tại huyện có mức giá thuê đất, thuê mặt nước thấp nhất trong địa bàn tỉnh theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tính từ 5 nhà đầu tư hết thời gian được hưởng ưu đãi nêu trên.
- Nhà đầu tư có nhu cầu sử dụng đất trong khu kinh tế cửa khẩu làm mặt bằng sản xuất kinh doanh mà lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất thì được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Nghị định số 44/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 04 năm 2008 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất.

### 2.5 Rào cản chính và phương án giảm nhẹ

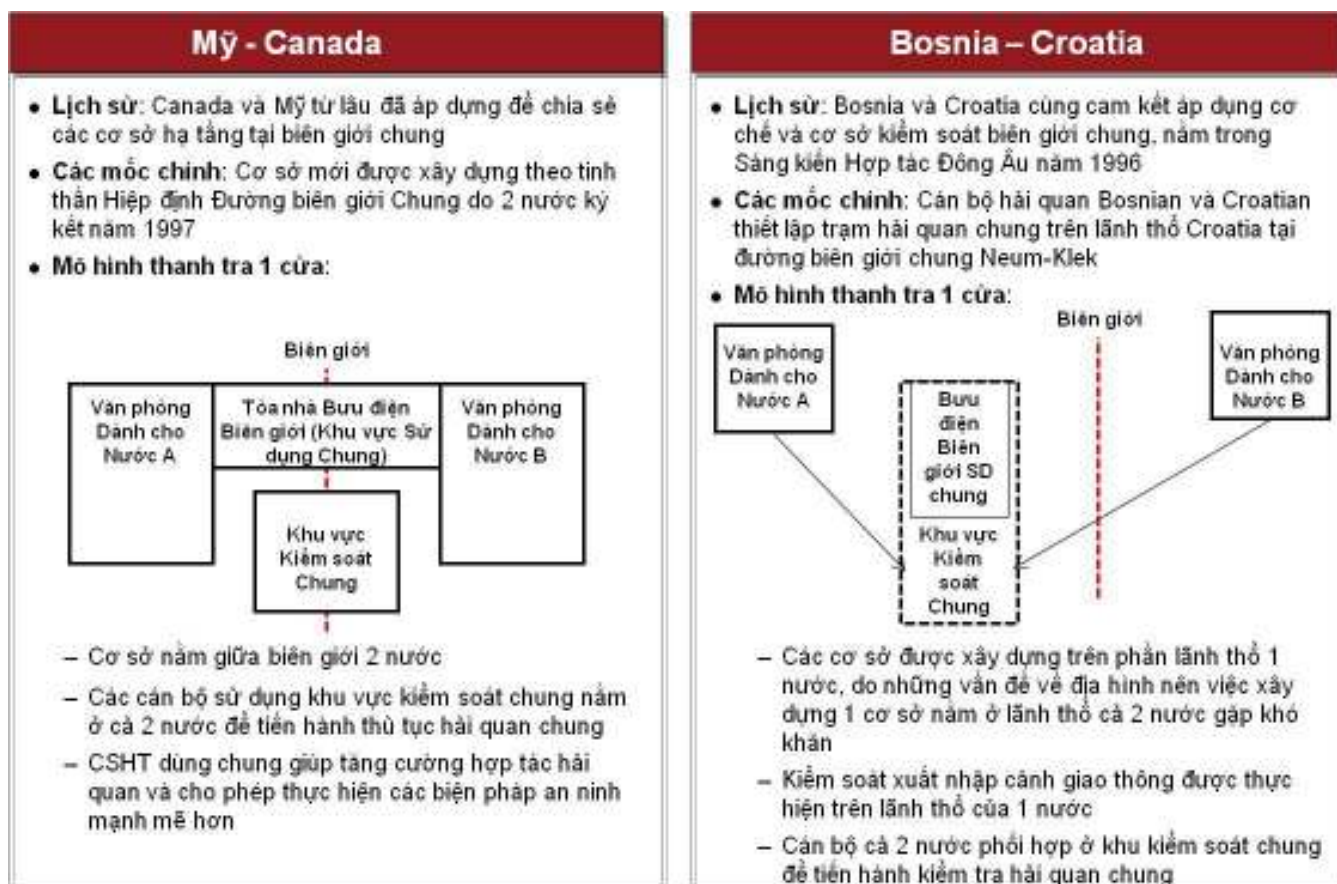
Để đưa Khu kinh tế Cầu Treo vào hoạt động thành công, tỉnh sẽ giải quyết một số thách thức quan trọng. Những rào cản và thách thức của Hà Tĩnh liên quan đến 3 lĩnh vực chính: (a) phát triển cơ sở hạ tầng, đặc biệt là cơ sở hạ tầng giao thông vận tải, (b) thực hiện chính sách, thủ tục minh bạch và hiệu quả, đặc biệt là trong phối hợp với Lào, và (c) làm cho nhà đầu tư biết đến Cầu Treo và thu hút đầu tư.

Lĩnh vực cần được ưu tiên nhất là phát triển cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông. Việc nâng cấp cơ sở hạ tầng cửa khẩu cũng như quốc lộ 8 sẽ là các công việc cần chú ý nhất. Các cơ sở hạ tầng khác cũng cần được chú ý, trong đó có xây dựng văn phòng và kho chứa phù hợp với mục đích sử dụng của công ty dịch vụ hậu cần, các cơ sở hạ tầng dùng chung như tổ hợp tại cửa khẩu để thực hiện thanh tra, tài liệu hóa, kho bãi container. Ngoài ra, các KKT này còn cần có các hạ tầng chung khác (vd: đường nội bộ, hàng rào, an ninh, diện tích xanh, cảnh quan, ngân hàng, máy ATM, dịch vụ bưu điện, thư tín, tòa nhà hành chính cho KKT, gồm 1 trung tâm việc làm, trung tâm thương mại, nhà triển lãm, trạm xăng, căng tin, trung tâm giải trí, hạ tầng vệ sinh, trạm xe tải, trạm cân xe, hệ thống cứu hỏa, hệ thống đường ống được quy hoạch tốt (dẫn điện, nước, nước thải, thông tin liên lạc, thoát nước, khí, nhà máy xử lý nước thải công nghiệp ETP), quản lý nước trong bão lũ, hệ thống thu gom nước, vv.).

Song song với đó, Khu kinh tế cần có môi trường chính sách và thủ tục minh bạch, hiệu quả, cho phép giảm chi phí và thời gian làm thủ tục kinh doanh cho các nhà đầu tư hoạt động tại đây. Để làm được điều này, Khu kinh tế cần nhanh chóng áp dụng hệ thống hải quan điện tử đã được lên kế hoạch, cải tiến quy trình quản lý cửa khẩu của cả Việt Nam và Lào. Một yếu tố quan trọng cho phép đơn giản hóa các thủ tục, giảm thời gian và chi phí, là áp dụng thông quan 1 cửa, tức là chỉ cần một lần kiểm tra tại biên giới chứ không cần 2 lần như thông thường, 1 tại Việt Nam và 1 phía bên Lào. Lý tưởng nhất, đối với hàng hoá quá cảnh, là Khu kinh tế cố gắng có được cơ

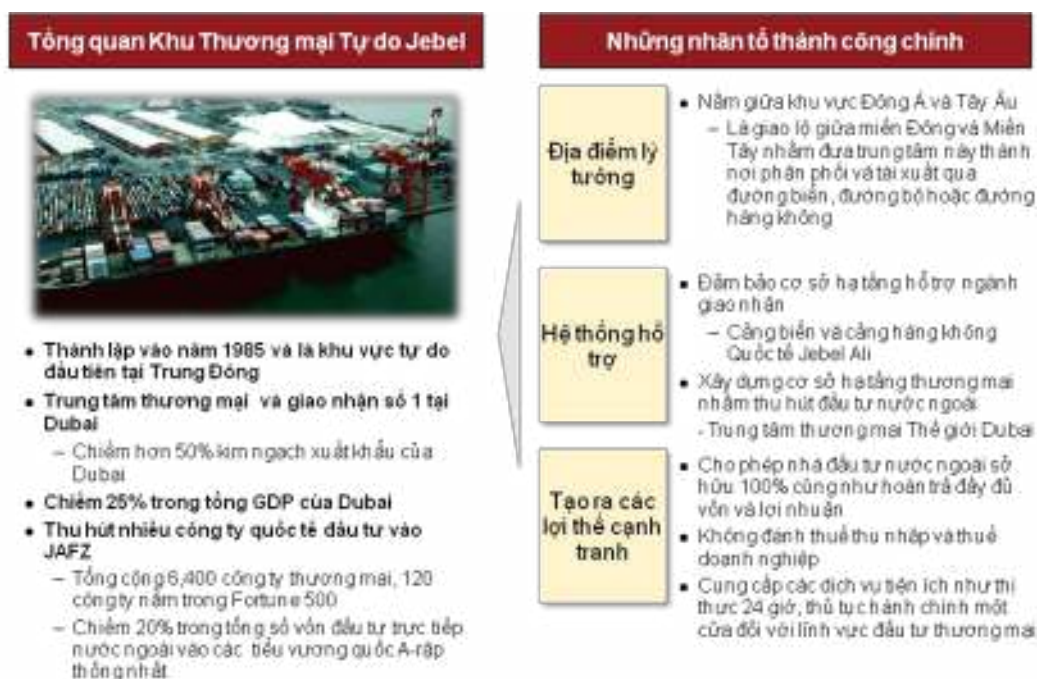
ché thông quan 1 cửa cùng với cửa khẩu tại cầu hữu nghị thứ 3 của Thái Lan-Lào (cho hàng hoá chuyển từ Thái Lan sang Việt Nam) và Cầu Treo (cho hàng hoá chuyển từ Việt Nam sang Thái Lan). Cơ chế này nên được đi kèm với việc giảm lệ phí hải quan với hàng hoá quá cảnh qua quốc lộ 8. Điều này sẽ giúp giảm cả thời gian và chi phí vận chuyển.

**Hình 112 – Cơ chế Thông quan một cửa**



Khi đã có cơ sở hạ tầng cốt lõi, Khu kinh tế Cầu Treo cần phải nâng cao nhận thức và thực hiện 1 chiến dịch được lên kế hoạch chu đáo nhằm xúc tiến đầu tư với các nhà đầu tư trong nước và quốc tế. Chiến dịch này nên được kết hợp với các kế hoạch xúc tiến đầu tư tổng thể của tỉnh, như đề cập trong phần "Giải pháp Thực hiện". Trong phần "Giải pháp Thực hiện", đưa ra ví dụ các đơn vị quản lý đầu tư đã thành công trong tổ chức các chiến dịch xúc tiến đầu tư theo kế hoạch.

Khu tự do thương mại Jebel Ali ở Dubai (Hình 113) là một ví dụ về trung tâm thương mại và dịch vụ thành công để tham khảo.

**Hình 113: Ví dụ về cụm ngành Thương mại và dịch vụ Jebel Ali**

Nguồn: JAFZA, Phân tích của Monitor

## B. Cơ sở hạ tầng vận tải và khả năng kết nối bằng nhiều hình thức đẳng cấp quốc tế

Một khía cạnh quan trọng của việc phát triển cụm ngành này sẽ là xây dựng khả năng kết nối toàn diện bằng nhiều hình thức giữa Hà Tĩnh với các thị trường chính mà tính hướng tới, chủ yếu là thông qua đường bộ, cảng và đường sắt cũng như các cơ sở hạ tầng hậu cần phù hợp.

### 3. Đường bộ:

Hà Tĩnh sẽ cải thiện mạnh hệ thống đường bộ của tỉnh (Hình 114) để tăng cường khả năng kết nối (a) thông qua hướng Nam-Bắc để kết nối với Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh, (b) hướng Đông - Tây để kết nối với Lào và (c) nội tỉnh để kết nối khu vực nông thôn với khu vực đô thị và kết nối các trung tâm đô thị với nhau. Một số các tuyến đường bộ cụ thể sẽ được xây dựng hoặc nâng cấp, trong đó bao gồm:

#### Tuyến đường bộ Bắc- Nam:

- **Quốc lộ 1A (BN-4):** Quốc lộ 1A cần phải được cải thiện trước năm 2016 thành 4 làn đường theo chuẩn kỹ thuật Cấp II, chủ yếu lấy nguồn từ ngân sách nhà nước hoặc vốn ODA. Theo đó, tất cả các cây cầu kém chất lượng và xây dựng các tuyến đường tránh cho thành phố Hà Tĩnh, thị trấn Hồng Lĩnh (tuyến đường phía bắc của thị trấn chạy dọc sông Lam sẽ trở thành một phần trong quốc lộ 8B) và Kỳ Anh sẽ được thay thế.
- **Đường cao tốc mới (BN-3):** Đường cao tốc đóng một vai trò vô cùng quan trọng đối với Hà Tĩnh, đặc biệt để kết nối các trung tâm đô thị chính với khu kinh tế Vũng Áng tới sân bay, phía Bắc và phía Nam của tỉnh cũng như đối với các thị trường hàng hóa chính. Bằng việc giảm tải cho quốc lộ 1A, đặc biệt đối với giao thông qua tỉnh và cho phép đi lại thuận tiện và nhanh hơn với tốc độ 120km/giờ, tuyến đường cao tốc này sẽ giúp Hà Tĩnh tận dụng được các lợi thế về địa điểm chiến lược giữa Hà Nội và Đà Nẵng. Tuyến đường cao

tốc này sẽ được xây dựng theo các tiêu chuẩn của đường cao tốc lớn. Hiện tại chính phủ mới cho phép xây dựng tuyến đường này tới thị trấn Hồng Lĩnh, tuy nhiên cần phải có một tuyến đường như vậy, tối thiểu là cho khu vực phía Nam của tỉnh và nếu có thể thì kết nối với sân bay Đồng Hới của Quảng Bình. Nếu tuyến đường này không được xây dựng kịp thời, thì cần phải xem xét đến việc xây dựng các tuyến kết nối cao tốc thay thế khác, trong đó bao gồm một sân bay. Tuyến đường này sẽ được xây dựng trong giai đoạn 2014 – 2020.

### Tuyến đường Đông - Tây

- **Quốc lộ 8A (ĐT-1, phía Tây):** Đây là một trong những dự án đường bộ ưu tiên nhất, đặc biệt để thúc đẩy hoạt động thương mại quốc tế bằng việc cho phép hàng hóa di chuyển từ cửa khẩu Cầu Treo đến các tuyến đường huyết mạch chính trong tỉnh. Việc nâng cấp 85km đường thành cấp III với hai làn đường cần phải hoàn thiện trước năm 2020 với công suất 3,5 triệu tấn hàng hóa mỗi năm (tương đương với 5.000 pcu<sup>14</sup>/ngày) đủ để cho các hoạt động công nghiệp của khu kinh tế và cửa khẩu. Từ năm 2018, tỉnh sẽ nghiên cứu cải thiện đường thành đường cấp II với bốn làn đường từ Tây Sơn đến quốc lộ 1 và chính thức khởi công trong năm 2021. Hoạt động này sẽ giúp tăng cường hoạt động chế biến tại khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo quanh Tây Sơn, cũng như thực hiện việc nạp hàng hóa từ Lào vào container tại khu kinh tế. Hàng hóa sẽ được chuyển đến Vũng Áng bằng quốc lộ 1A đã nâng cấp hoặc tuyến đường quốc lộ mới. Tuy nhiên, do địa hình khó khăn từ Tây Sơn đến Lào và do chi phí mở rộng đường cao, do vậy việc cải thiện tuyến đường giữa hai điểm quan trọng này chỉ nên tiến hành cùng với việc cải thiện đường sá của Lào bên kia biên giới.
- **Tuyến quốc lộ mới 8B (ĐT-1, phía Đông):** Tuyến đường này sẽ được xây dựng từ Xuân An đến Xuân Phổ, và có tuyến đường ven biển từ phía bắc Xuân Phổ. Tuyến đường này cũng sẽ kết nối Cầu Treo với Nghệ An và cảng Cửa Lò. Việc xây dựng sẽ được đẩy mạnh sau năm 2016 đồng thời với cây cầu nối với Nghệ An. Tuyến đường sẽ xây dựng theo Cấp III với hai làn đường.
- **Tuyến đường Đông - Tây mới (ĐT-2):** Đây là phần mở rộng tính lộ 17 nối từ thành phố Hà Tĩnh đến đường Hồ Chí Minh. Mục đích chính của con đường này là liên kết tốt phía Đông Nam của Hà Tĩnh với phía Tây Nam của tỉnh, cũng như có được một tuyến đường đến Hà Tĩnh từ đường Hồ Chí Minh ở phía Nam của Hương Khê. Kế hoạch xây dựng tuyến đường này thành tuyến đường cao tốc quốc gia kết nối Vũng Áng đến Lào có thể gặp khó khăn do cửa khẩu mới sẽ dẫn đến khu bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia Nakai-Nam Theun của Lào. Tuy nhiên, tuyến đường này vẫn sẽ giúp việc đi lại đến cửa khẩu ở Quảng Bình từ thành phố Hà Tĩnh và đến khu vực Tây Bắc của tỉnh thông qua đường Hồ Chí Minh thuận tiện hơn. Tuyến đường ĐT-2 mới sẽ được xây dựng thành cấp 3 hai làn trước, sau đó sẽ được mở rộng thành 4 làn sau năm 2020 phụ thuộc vào kết quả nghiên cứu khả thi.
- **Quốc lộ 12 (ĐT- 3):** Quốc lộ 12 hiện giờ là tuyến đường chính giữa Lào và Vũng Áng, nhưng là tuyến đường cấp III với hai làn đường nên không thể phục vụ cho các phương tiện chở container. Trong khi hành lang của tỉnh đến cửa khẩu Cầu Treo sẽ được xem như là tuyến giao thông chính từ Lào đến Vũng Áng, quốc lộ 12 cũng sẽ là một lựa chọn tốt để vận chuyển hàng hoá qua Lào đến Thái Lan và xa hơn nữa. Việc đầu tư nâng cấp sẽ được tiến hành trong giai đoạn 2016 – 2020. Hà Tĩnh cũng sẽ hợp tác với các đối tác ở

<sup>14</sup> pcu viết tắt của “Đơn vị Xe Hành khách - Passenger Car Unit”, cách đánh giá thông lượng giao thông - Ở Việt Nam, 1 xe tải tương đương 2 pcu, như vậy 5000 pcu tương đương 2500 xe tải, giả định không có hình thức vận tải nào khác

Lào và Thái Lan để phát triển quốc lộ 12 đi xa hơn nữa và các tuyến đường sắt kết nối tương tự giữa Vũng Áng - Thakhek (nên ưu tiên sử dụng đường sắt cho việc vận chuyển container vì lý do cả về kinh tế và môi trường), với một tầm nhìn để quyết định xem có cần đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 hay không.

### Tình lộ:

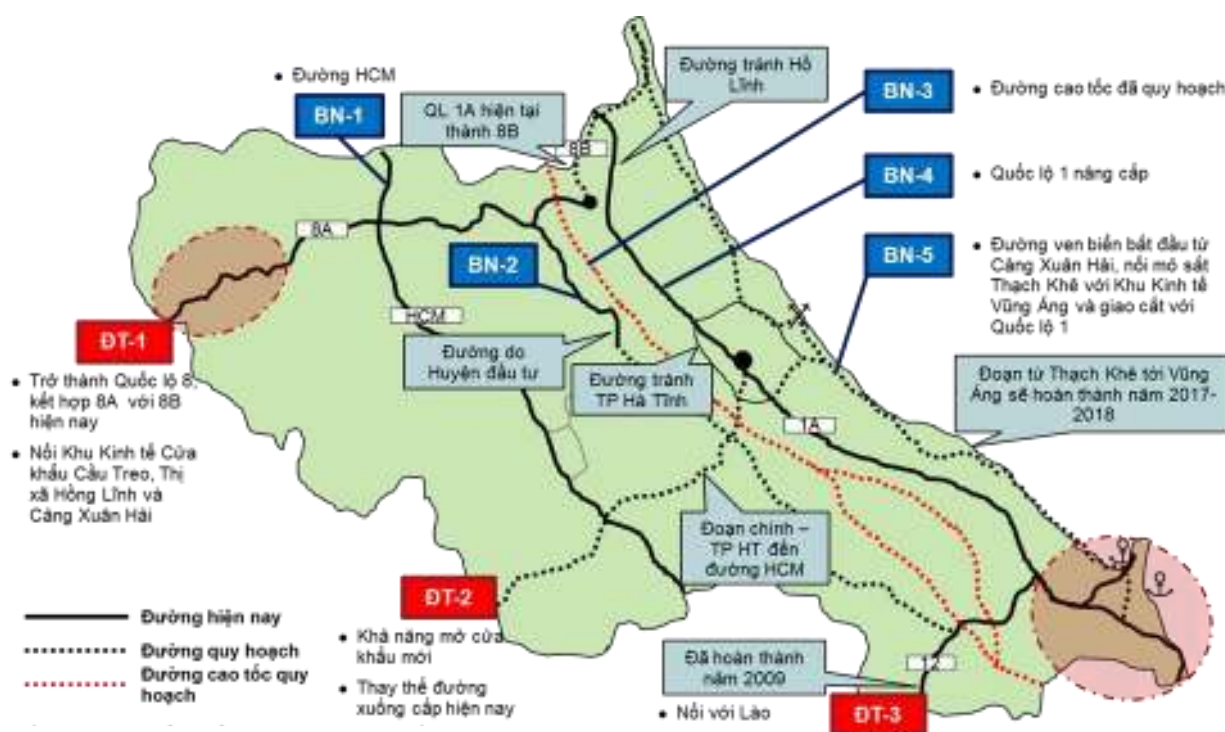
- **Nâng cấp và mở rộng đường bộ:** Đến trước năm 2020, Hà Tĩnh sẽ nâng cấp tất cả tình lộ lên tối thiểu Cấp IV, ưu tiên trục dọc với các tuyến tình lộ 28, 70, 21, 22. Đến năm 2020, tỉnh cũng sẽ nâng cấp và kết nối tình lộ số 6, 7 và làm chung thành một con đường lớn nhất trong tỉnh, kết nối vùng biển với Quốc lộ 1A và phía Tây với quốc lộ 15 tại Đồng Lộc (mặc dù quốc lộ 15 trong tương lai sẽ bị xuống cấp thành tình lộ). Cũng tính đến thời gian này, Hà Tĩnh sẽ mở rộng tình lộ số 2 về hướng Tây, kết nối quốc lộ 1A và Đồng Lộc.
- **Đường ven biển và các tuyến đường khác:** việc xây dựng tuyến đường biển từ Hộ Độ đến Cửa Nhượng sẽ được hoàn thiện. Tuyến đường tới Vũng Áng vào năm 2015 cho mở rộng đường sắt sẽ đóng vai trò quan trọng để mở rộng quy mô mở khi mở sắt phát triển; ngoài ra việc sử dụng đường ống có thể là một giải pháp tốt hơn, và 1 giải pháp thay thế tạm thời là dùng tàu vận tải từ cảng Cửa Sót hoặc một bến cầu tạm thời. Tuyến đường này cần được xây dựng trước 2020, với định hướng kết nối Vũng Áng với biển Thiên Cầm và thành lập một tuyến đường du lịch sinh thái. Tuyến đường biển phía Bắc Hộ Độ cũng sẽ có vai trò quan trọng. Tuyến đường 2 làn cấp III nối Xuân Phổ đến Xuân Hội giúp vận chuyển hàng hóa đến cảng Cửa Lò một cách hiệu quả.
- Tuyến đường vòng phía Nam tỉnh Hà Tĩnh phục vụ cho các phương tiện đi từ Thạch Khê đến quốc lộ 1A sẽ cần phải được quan tâm, bao gồm tuyến đường biển và tình lộ số 4 từ Thiên Cầm đến Cẩm Xuyên sẽ cần được nâng lên Cấp III. Việc này cũng sẽ hỗ trợ cho việc đi lại của khách du lịch đến Thiên Cầm.
- Tuyến đường Bắc-Nam tiếp theo cần phải được xem xét (BN-2) có hai đoạn đã được xây dựng tuy nhiên không phải từ nguồn ngân sách của tỉnh. Thay vào đó, các huyện đang được khuyến khích đầu tư xây dựng. Hoạt động này nên được thực hiện nhằm tiếp tục nâng cấp tuyến đường cấp V hoặc IV kết nối hai đoạn này, nhưng không phải từ ngân sách của tỉnh.
- Tỉnh cũng nên nâng cấp tình lộ số 5 để giúp kết nối nhanh hơn giữa các khu chế biến nông sản ở thị trấn Vũ Quang và với thị trấn Đức Thọ nằm cạnh quốc lộ số 8, qua đó cho phép giao thông thông qua quốc lộ 1A và 15 đến Nghệ An và 8B đến cảng Xuân Hải.
- Để có thể tăng cường khả năng chống chịu, tỉnh sẽ cần phải xây dựng thêm ba tuyến đường cứu hộ và phòng chống lũ lụt tại huyện Hương Sơn, Đức Thọ và Cẩm Xuyên. Những tuyến đường này sẽ được xây dựng trên nền đất cao hơn với đầy đủ hệ thống thoát nước, để vẫn có thể sử dụng được khi những tuyến đường chính đã bị lụt.
- Cuối cùng, tỉnh nên nâng cấp các tình lộ kém chất lượng hiện giờ thành những tuyến đường có chất lượng cao hơn để đảm bảo ít nhất 80% tình lộ sẽ được rải bằng nhựa đường hoặc bê tông so với con số là 58% như hiện giờ. Các tuyến tình lộ cũng cần phải được cải thiện và nâng cấp lên chuẩn cấp IV hoặc cấp V đối với khu vực miền núi, tùy theo vị trí địa lý của từng tuyến đường.



## Huyện lộ:

- **Nâng cấp và mở rộng đường bộ:** Tất cả các huyện nên có kế hoạch phát triển hệ thống giao thông nông thôn theo các thông số đường bộ nông thôn của Chính phủ ban hành và sử dụng ngân sách từ các chương trình quốc gia và các tổ chức tài trợ quốc tế như Ngân hàng Thế giới hay Cơ quan Phát triển quốc tế Anh. Hà Tĩnh cũng nên tận dụng các nguồn nguyên liệu và nhân công địa phương để tránh làm nguồn vốn đi ra khỏi tỉnh. Tất cả các tuyến đường huyện cần phải đạt chuẩn cấp V (một số cấp IV) và được bảo dưỡng thường xuyên. Theo tiêu chuẩn của Chương trình Nông thôn mới, tính đến năm 2015, 35% đường xã và liên xã sẽ được rải nhựa đường hoặc bê tông, và đến năm 2020, 70% đường nông thôn sẽ đáp ứng các tiêu chuẩn này (một số đường thôn và đường mòn cũng sẽ được kè cứng).

**Hình 114: Các tuyến đường hiện tại ở Hà Tĩnh, kế hoạch hiện tại và các điều chỉnh đề xuất**



Nguồn: Quy hoạch Tổng thể tới 2020; Phòng văn Sở GTVT

## 4. Đường sắt:

### Tuyến đường sắt Bắc- Nam:

- **Tuyến đường sắt Bắc- Nam hiện có:** Hà Tĩnh cần tham gia cùng với cả nước nhằm nâng cấp và hiện đại hóa tuyến đường sắt hiện có để đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia, với tốc độ tàu chở khách là 100-

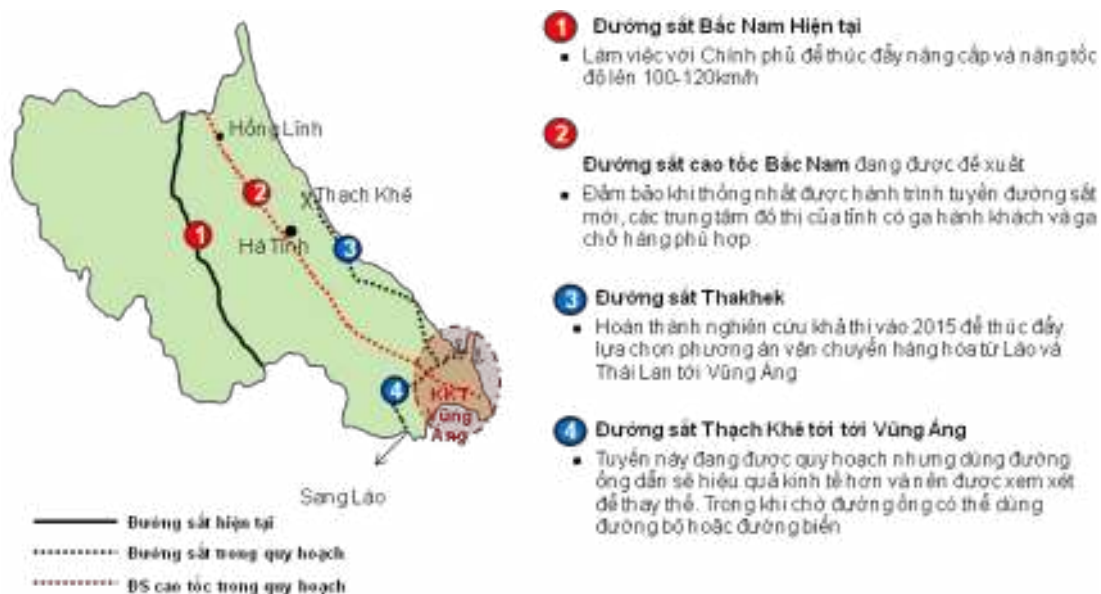
120km/h và cải thiện tuyến đường kết nối với sân ga. Theo đó, 4 cây cầu chính sẽ được nâng cấp, bao gồm: Chợ Thượng, Cửa Rào, Lộc Yên, Thanh Luyện.

- **Tuyến đường sắt cao tốc Bắc-Nam mới:** Đối với tuyến đường sắt cao tốc Bắc- Nam mới sẽ được xây dựng theo kế hoạch, Hà Tĩnh cần phối hợp với chính phủ để đảm bảo có các điểm đỗ ở các trung tâm đô thị chính.
  - Nhà ga khách chính sẽ được xây dựng gần thành phố Hà Tĩnh, khoảng 3km từ đường vòng thành phố và 6km từ trung tâm thành phố. Từ nhà ga, tỉnh sẽ có với một tuyến đường kết nối trực tiếp với đường 1A.
  - Một nhà ga khách/hàng hóa sẽ được xây dựng phục vụ cho khu kinh tế Vũng Áng.
  - Từ nhà ga Vinh nên có các tuyến đường bộ thuận tiện đến các quốc lộ chính, giúp việc đi lại đến thị trấn Hồng Lĩnh được dễ dàng.

### Các tuyến đường sắt chuyên dụng:

- **Tuyến đường sắt Thakhek:** Lào và Việt Nam hiện có kế hoạch xây dựng tuyến đường sắt Thakhek, Lào đến khu kinh tế Vũng Áng để mở rộng thương mại giữa hai quốc gia
  - Tuyến đường sắt này sẽ men theo quốc lộ 12 đến Thakhek và đi qua Thái Lan để đến Viêng Chăn
  - Hà Tĩnh nên phối hợp với các tỉnh lân cận để hoàn thành nghiên cứu khả thi trước cuối năm 2015 nhằm xúc tiến việc khởi công xây dựng trong năm 2021.
- **Tuyến đường sắt từ Thạch Khê đến Vũng Áng:** Việc xây dựng tuyến đường sắt giữa mỏ sắt Thạch Khê và khu kinh tế Vũng Áng nằm trong quy hoạch, tuy nhiên tỉnh có thể sử dụng hệ thống đường ống để thay thế. Trong thời gian chờ xây dựng xong đường ống, tỉnh có thể dùng giao thông đường biển hoặc đường bộ.

**Hình 115: Các tuyến đường sắt hiện tại ở Hà Tĩnh, kế hoạch hiện tại và các đề xuất điều chỉnh**



Nguồn: Quy hoạch Tổng thể tới 2020; Phòng vận Sở GTVT

## 5. Cảng và đường thủy:

### Cảng Vũng Áng- Sơn Dương:

Cảng Vũng Áng - Sơn Dương sẽ được xây dựng là một khu cảng được quản lý thống nhất với năng lực xử lý nhiều loại hàng (Hình 116). Để phù hợp với nhu cầu của các cụm ngành trong khu kinh tế cũng như nhu cầu của hoạt động thương mại xuyên biên giới, khu tổ hợp cảng này phải có khả năng tiếp nhận các tàu chở hàng có tải trọng lớn nhất 300.000DWT, cũng như phải có được các cơ sở xử lý container, hàng chuyên dụng (ví dụ, than, hóa dầu) và hàng công kênh.

Tàu chở hàng hơn 50.000DWT phải qua cảng Sơn Dương

- Bao gồm các tàu xuyên đại dương chở hàng loại Panamax có công suất hơn 50,000 DWT có khả năng chở hơn 3.000 teu.

Các hoạt động thương mại quốc tế hiện nay có thể tiết kiệm được 25% trên mỗi lô hàng bằng cách sử dụng các tàu biển 5,000 teu hơn là các tàu biển 3.000 teu - điều này khiến việc giúp Hà Tĩnh trở thành một trung tâm có khả năng tiếp đón các tàu biển có tải trọng lớn là 1 yếu tố then chốt để tỉnh phát triển. Do vậy, các tàu chở hàng nhỏ hơn 50.000 DWT nên sử dụng cảng Vũng Áng, thậm chí khi cung cấp hàng cho các công ty gần cảng Sơn Dương, để tránh làm nghẽn đường tàu lớn hơn.

### Hình 116: Trang thiết bị chính cho tổ hợp cảng đa mục đích tổng hợp



Nguồn: Phân tích của Monitor

Cảng sẽ mở cửa cho tất cả các doanh nghiệp ở Hà Tĩnh có nhu cầu sử dụng:

- Cả hai cảng cần phải có bến tàu chung cho tất cả các tàu thuyền và có bến tàu riêng cho các nhà đầu tư chính.
- Cả hai cảng đều phải có bến tàu đáp ứng được nhu cầu của các container và hàng cồng kềnh.

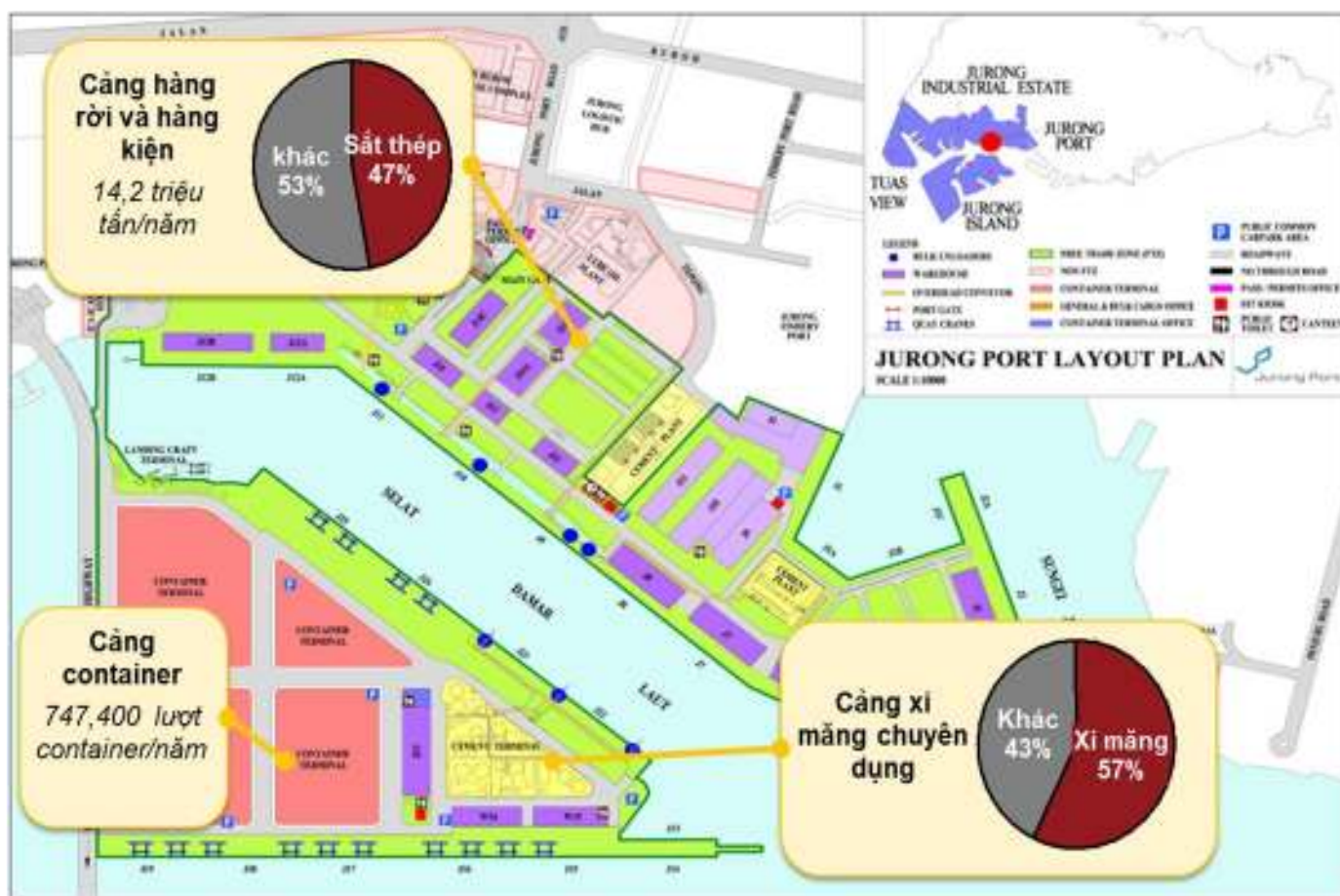
Cần phải xây dựng tuyến đường kết nối đường bộ và đường sắt để đảm bảo việc di chuyển hàng hóa dễ dàng tại cảng. Trước năm 2020, cảng Vũng Áng sẽ tăng công suất lên 20 triệu tấn mỗi năm và cảng Sơn Dương lên 90 triệu tấn mỗi năm.

Cảng cần phải hoạt động hiệu quả để giảm chi phí cho các doanh nghiệp mong muốn sử dụng cảng. Do vậy, việc quản lý khu tổ hợp cảng sẽ cần phải việc thuê đơn vị vận hành cảng quốc tế có nhiều kinh nghiệm để a) thu hút các công ty vận tải hàng hải lớn đến cảng, b) giúp việc mở rộng quy mô nhanh chóng, và c) đạt được sự hiệu quả trong hoạt động. Các công ty như là DP World và PSA quản lý cảng trên toàn thế giới và tỉnh có thể cân nhắc đến các công ty này.

Cảng Jurong ở Singapore là một ví dụ thành công điển hình về mô hình cảng đa mục đích (Hình 117).

**Hình 117: Nghiên cứu điển hình –Cảng Jurong, Singapore**

### Sơ đồ Cảng Jurong của Singapore



**Cơ sở hạ tầng đáp ứng hàng hóa tổng hợp các loại và các kích cỡ:**

**Nhà kho trần cao không cột chống**



**Bãi chứa ngoài trời  
(215.000m<sup>2</sup>)**



**Rầm thang nghiêng chạy mây**



**Bến xả lan chở hàng bằng tàu**



**Bến hàng nhỏ cho đồ gỗ**



**Cần cầu cảng đi động cho hàng  
hóa nặng**



**Các hệ thống giúp giải phóng nhanh chóng hàng công kênh sang sang kho bãi chứa**

**Hệ thống đường ống và băng tải  
rộng khắp**



**Bến tàu xi măng:  
Hệ thống băng tải tiên tiến nhất**



**Bến tàu Xi măng:  
2 cầu tàu dành riêng (trọng lượng  
tính 40.000/cầu)**



**Hệ thống quản lý bằng máy tính**



**Thiết bị dỡ hàng dùng chung**



**Bến tàu xi măng:  
Thiết bị dỡ hàng dành riêng**



**Cảng container có đặc điểm của một công nghệ kỹ thuật nhằm đảm bảo tính hiệu quả và tốc độ hoạt động :**

| Công cụ/thiết bị          |                         |
|---------------------------|-------------------------|
| Chiều dài cầu cảng        | 1.410 m                 |
| Số lượng cầu cảng         | 5                       |
| Tải trọng tối đa          | 15,7 m                  |
| Cần cầu quay              | 14                      |
| Độ vọt tối đa của cần cầu | 22 hàng                 |
| Cần cầu bến tàu di động   | 1                       |
| Cần cầu giàn bánh lốp     | 26                      |
| Năng lực bốc dỡ           | >35.000 lượt containers |
| Năng lực tổng             | 1,8 triệu lượt/năm      |

**Công nghệ thông tin**

- **Cảng container**  
Các dịch vụ quản lý cho việc giám sát các hoạt động tập trung và phân bổ kế hoạch theo thời gian thực của vị trí mặt đất và các bến tàu
- **Cảng thông tin trực tuyến** theo dõi và lập kế hoạch theo thời gian thực của lô hàng
- **Các cảng tự phục vụ** dành cho các giao dịch trực tuyến dành đánh giá rủi ro



**Máy móc và cơ sở hạ tầng chuyên dụng**

- **Cần cầu Quay** với khả năng nâng cùng lúc 2 container với tốc độ nhanh gấp hai lần và xếp được 22 hàng
- **Cần cầu giàn bánh lốp** tăng tính linh động trong các khu vực cảng



Nguồn: Trang web cảng Jurong, Phân tích của Monitor

**Các cảng khác:** Các cảng khác sẽ vẫn tiếp tục được sử dụng làm cảng nội địa- chủ yếu làm cảng đánh cá và chở hàng trong nước. Xuân Hội, Thạch Kim, Cẩm Nhượng và Kỳ Hà sẽ là bốn cảng chính sẽ được xây dựng hoặc nâng cấp để đóng vai trò làm cảng đánh cá, bao gồm việc xây dựng nhà kho, khu lưu giữ hàng đông lạnh, cơ sở chế biến và phân loại.

- Cảng Xuân Hội hiện đang được xây dựng, sẽ được hoàn thiện vào năm 2012 và có khả năng tiếp nhận 9.000 tấn thủy sản mỗi năm. Ngay sau khi được xây dựng, cảng này có thể có lợi thế hơn cảng Xuân Phổ.
- Cảng Thạch Kim được xây dựng trong năm 2005, công suất khoảng 8.000 tấn/ năm. Tại cảng này, tình cần chú trọng cải thiện hệ thống cầu tàu và xử lý nước thải.
- Cảng Cẩm Nhượng và Kỳ Hà sẽ tăng năng suất lên lần lượt là 8.000 tấn và 7.000 tấn/năm.

Cảng sông Hộ Độ do Bộ Giao thông quản lý và cảng biển tại Cửa Sốt đều giúp cho việc đi lại đến thành phố Hà Tĩnh và Thạch Khê thuận tiện; Cảng Hộ Độ có thể đáp ứng nhu cầu của các tàu có công suất đến 1.200 tấn. Cả hai cảng sẽ có thể được sử dụng cho các tàu chở hàng trong nước, trong đó cảng Hộ Độ sẽ phục vụ riêng các tuyến đường thủy nội địa.

Cuối cùng cảng Xuân Hải ở huyện Nghi Xuân sẽ tiếp tục hỗ trợ các tàu chở hàng trong nước và một số tàu chở hàng xuất khẩu từ Lào. Công suất của cảng chỉ vào khoảng 60-80.000 tấn/ năm đối với hàng hóa trong nước và hạn chế chính đối với việc phát triển tiếp tục của cảng này chính là độ sâu của nước sông Lam không đủ đáp ứng yêu cầu. Với việc cải thiện quốc lộ 1A, sẽ có nhiều hàng hóa được trung chuyển qua cảng Vũng Áng hơn

thay vì cảng Nghi Xuân. Nếu kế hoạch phát triển tham vọng này đối với cảng Cửa Lò của Nghệ An được thực hiện, cảng có thể sẽ trở thành một điểm đến cho hàng hóa nhập khẩu từ Lào qua đường cửa khẩu.

Hà Tĩnh cần phải tận dụng tối đa tiềm năng từ hệ thống sông chính của mình với tổng cộng 437km đường sông, gắn việc phát triển và bảo trì các tuyến đường này với kế hoạch giao thông đường thủy nội địa của bộ GTVT. Các tuyến này gồm đường sông dọc theo sông Ngàn Trươi và sông Lam, cần thường xuyên được bảo trì, nhằm đảm bảo tàu dưới 50 tấn có thể đi lại quanh năm và cung cấp các dịch vụ vận tải đường thủy đơn giản cho các tiểu thương. Bên cạnh việc có thể giảm chi phí vận tải, phát triển các tuyến đường thủy nội địa còn giúp vận chuyển hàng hóa quá khổ. Tỉnh cũng cần đảm bảo các tuyến đường thủy nội địa được kết nối với các hình thức vận tải khác để tạo nên hệ thống giao thông vận tải hoàn chỉnh.

#### 6. Sân bay:

Đối với hệ thống sân bay, tỉnh sẽ nghiên cứu việc cần thiết xây dựng 01 bay nhỏ phục vụ chuyên cơ sau giai đoạn 2020 và dành diện tích để mở rộng sau này nếu như nhu cầu đủ lớn.

- Sự phát triển của kinh doanh ở khu kinh tế Vũng Áng có thể thúc đẩy nhu cầu bay bằng chuyên cơ.
- Các nhà máy chế tạo lớn ví dụ như nhà máy thép Formasa có thể mong muốn có đường bay cho các lãnh đạo và chuyên gia.
- Họ cũng sẽ sẵn sàng chi trả cho việc sử dụng một cảng hàng không vận hành không thường xuyên.
- Bay bằng chuyên cơ với thời gian linh hoạt sẽ phù hợp hơn là các chuyến bay có lịch bay cố định, ít linh hoạt.

Bên cạnh đó, hành khách phổ thông cũng sẽ có một số lựa chọn mới để đi lại trong năm tới:

- Sự lựa chọn phương tiện vận tải sẽ giúp việc đi lại đến Hà Tĩnh dễ dàng hơn nhiều so với điều kiện hiện nay. Khi đó hành khách có thể lựa chọn ô tô, hay xe buýt trên quốc lộ hay sử dụng đường sắt cao tốc.
- Đối với những đối tượng có nhu cầu sử dụng máy bay, sân bay Vinh sẽ nhanh chóng trở thành một sân bay trung tâm của khu vực, và sân bay Đồng Hới sẽ là sự lựa chọn cho những ai ở phía Nam Hà Tĩnh.

Do vậy, việc có được một sân bay cho các chuyên cơ nhỏ sẽ phù hợp hơn trong tương lai gần. Một sân bay với đường băng dài 1,2-1,8 km sẽ cho phép các chuyên cơ có sức chứa đến 100 hành khách từ Hà Nội và Đà Nẵng cất cánh hạ cánh.

Sân bay này sẽ được xây dựng với đủ diện tích để dành cho việc mở rộng trong tương lai. Điều này sẽ cho phép tỉnh xây dựng được một sân bay thương mại với chi phí thấp hơn nếu nhu cầu tăng lên. Để có thể mở sân bay thương mại, tỉnh cần có nhu cầu của ít nhất hơn 130 khách mỗi ngày (khoảng 50,000 khách mỗi năm). Với mức độ nhu cầu này, mỗi ngày sẽ có nhu cầu với ít nhất 1 chuyến bay.

Theo quy hoạch vị trí của sân bay Hà Tĩnh là ở xã Cẩm Dương, Cẩm Hòa, huyện Cẩm Xuyên. Đến gần năm 2020, khi tiến hành nghiên cứu khả thi, tỉnh cần đánh giá một số địa điểm để tìm ra nơi phù hợp nhất, liên quan đến các tiêu chí sau:

- Yếu tố Địa hình

- Địa điểm phải tương đối bằng phẳng với đủ diện tích đất, và chỉ dốc nhẹ với độ dốc dọc không quá 2% cho đường băng theo kế hoạch (1,5% nếu định sử dụng máy bay lớn hơn).
- Cần có hệ thống thoát nước đạt tiêu chuẩn tại địa điểm để đảm bảo đường băng không bị ngập lụt.
- Mặt bằng xây dựng cơ sở sân bay phải ổn định và không bị nún nứt khi chịu tải nặng – trọng lượng của cả đường băng và máy bay trên đường băng.
- Yếu tố Khí tượng:
  - Cần đánh giá tác động của các điều kiện thời tiết có thể ảnh hưởng đến tầm nhìn, đặc biệt là tuyết, sương mù, mưa và các điều kiện tương tự, đến hoạt động sân bay. Đặc biệt, sương mù thường đọng lại ở khu vực thung lũng kín gió.
  - Áp suất không khí cũng cần được xem xét. Sân bay ở độ cao cao hơn so với mực nước biển cần có đường băng dài hơn, do áp suất giảm.
  - Mô hình gió phổ biến có ảnh hưởng đến hướng đặt đường băng vì máy bay phải cất và hạ cánh trong mô hình gió đó. Do địa hình núi, loại gió xoáy từ trên xuống có thể xuất hiện và rất nguy hiểm vì máy bay bị đẩy xuống phía mặt đất.
- Các Yếu tố về Dẫn đường Hàng không:
  - Cần xem xét các vật cản hệ thống dẫn đường như núi, tòa nhà cao, tháp truyền tải điện và cầu.
  - Các yếu tố về thiên nhiên hoang dã cũng cần được đánh giá – khu vực chim chóc tập trung, ví dụ như khu đẻ trứng, hoặc các bãi rác, có thể gây ra nguy cơ va chạm với chim.
  - Cần có đủ không gian, liên quan tới các sân bay xung quanh và hướng bay của các sân bay này.
- Yếu tố Môi trường:
  - Tiếng ồn từ sân bay có thể ảnh hưởng dân cư xung quanh – những người sống phía dưới đường bay.
  - Ô nhiễm không khí từ máy bay có thể ảnh hưởng đến dân cư sinh sống gần sân bay.
  - Hệ thống thoát nước có thể thải hóa chất (vd: xăng, e.g. fuel, chất chống đóng băng khi nhiệt độ xuống cực kỳ thấp) vào nguồn nước tại địa phương.

Việc đánh giá cần xem xét những thay đổi về trung tâm dân số và điều kiện khí hậu trong suốt thời gian hoạt động của sân bay, đảm bảo địa điểm được chọn vẫn phù hợp trong tương lai.

Ngoài ra cũng có một số ví dụ trên thế giới về các trung tâm công nghiệp quốc tế không có sân bay thương mại dành riêng mà chỉ có sân bay phục vụ chuyên cơ nhỏ (Hình 118).

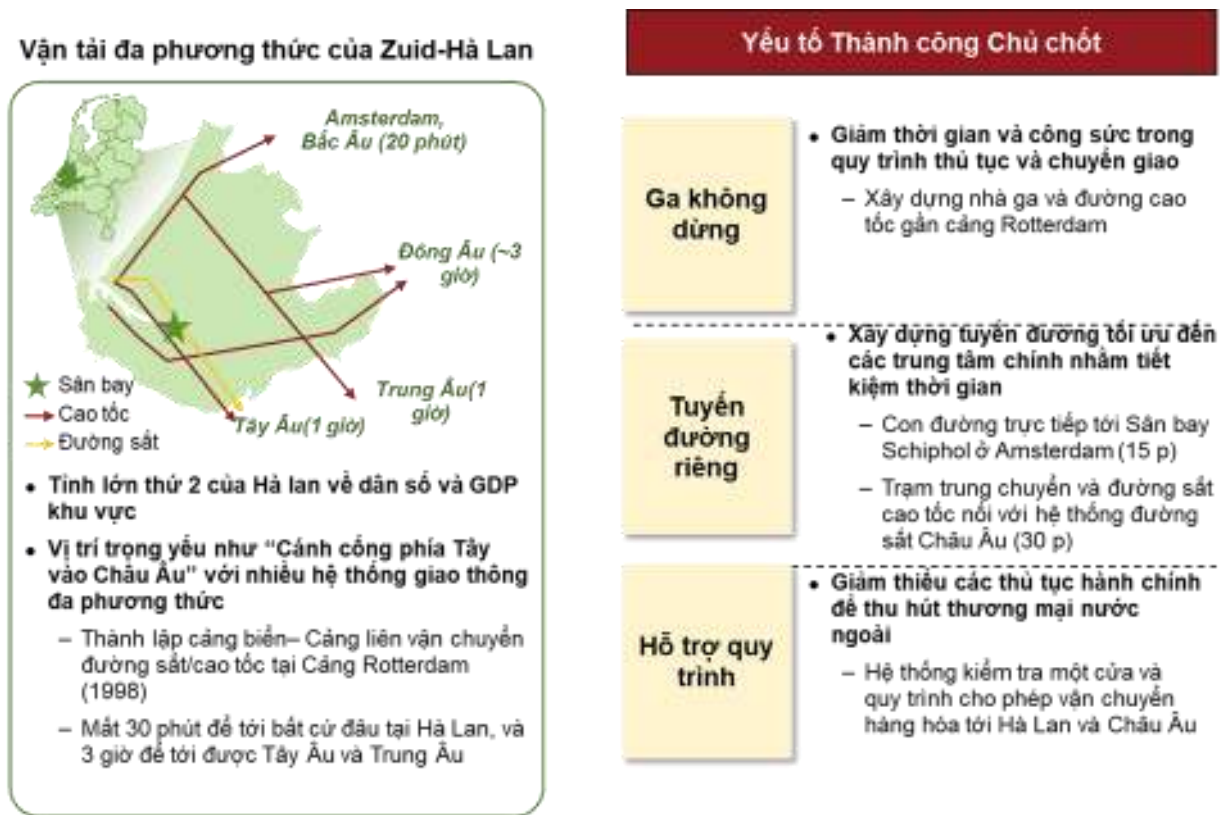


**Hình 118: Ví dụ về Khu công nghiệp thành công dù có khả năng vận tải hàng không hạn chế**

|  |   |   |   |
|--|---|---|---|
|   | <p><b>Vùng Phát triển Công nghệ và Kinh tế Thanh Đảo (QDZ)</b></p>  | <p><b>Vùng Phát triển Công nghiệp New Okhla (Noida)</b></p>   |  |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>• Địa điểm: Sơn Đông, Trung Quốc</li> <li>• Cảng hàng không gần nhất: Sân bay Quốc tế Qingdao Liuting (cách 50km)</li> <li>• Ngành công nghiệp chủ chốt: <b>thiết bị gia dụng, điện tử, hóa dầu, máy móc</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Haier, Hisense, Aucma, Sinopec, CSIC, CNOOC, CIMC vv</li> </ul> </li> <li>• Trục giao thông khác: Cảng Qingdao-Qianwan</li> </ul> |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Địa điểm: Uttar Pradesh, Ấn Độ</li> <li>• Cảng hàng không gần nhất: Sân bay Quốc tế Indira Gandhi (cách 50km)</li> <li>• Ngành công nghiệp chủ chốt: <b>BPO – Trung tâm lớn tập trung các công ty Gia công phụ kiện CNTT đa quốc gia</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>IBM, Fujitsu, HCL, Dell, Adobe, Accenture, TCS, etc</li> </ul> </li> <li>• Trục giao thông dự phòng: <b>3 đường cao tốc chính</b></li> </ul> |   |
|   | <p><b>Jamshedpur (Thành phố Công nghiệp)</b></p>  |   |   |
|  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Địa điểm: Jharkhand, Ấn Độ</li> <li>• Cảng hàng không thương mại gần nhất: Ranchi (cách ~100km)</li> <li>• Cảng hàng không gần nhất: Sân bay Sonari (ở Jamshedpur; chỉ các chuyến bay ngoại lịch trình, đường băng 1,2km)</li> <li>• Ngành công nghiệp chủ chốt: <b>sắt thép, xe hơi, xi măng, gas, công nghệ</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tata, Lafarge Cement, BOC, Praxair vv</li> </ul> </li> <li>• Trục giao thông khác: <b>Nhà ga Tatanagar Junction, Đường cao tốc</b></li> </ul> |   |   |

Nguồn: Khu Phát triển Kinh tế - Công nghệ Thanh đảo; Trang web chính thức của Noida

Nói tóm lại, một yếu tố then chốt đối với sự phát triển của cụm ngành này là việc xây dựng được một đường kết nối bằng nhiều hình thức từ Hà Tĩnh đến với các thị trường lớn trong nước, trong khu vực và trong nội tỉnh Hà Tĩnh. Zuid-Hà Lan là một ví dụ tốt về mô hình này (Hình 119).

**Hình 119: Ví dụ về trung tâm thương mại và vận tải quốc tế đa hình thức**

### C. Khuyến khích phát triển vận tải, dịch vụ hậu cần và siêu thị

Hà Tĩnh sẽ cải thiện dịch vụ vận tải nội tỉnh bằng cách tăng cường các tuyến xe buýt, bảo đảm mỗi huyện có một trạm xe buýt, chủ yếu tập trung vào nâng cao năng lực vận tải cho thị xã Hồng Lĩnh và Kỳ Anh. Hà Tĩnh cũng sẽ cần nâng cấp bến xe liên tỉnh để đáp ứng nhu cầu gia tăng của hành khách trong những năm tới.

Với lượng xe trên địa bàn tỉnh dự kiến tăng, Hà Tĩnh sẽ có thêm chỗ đậu xe để bảo vệ cảnh quan đô thị. Ngoài ra, việc xây dựng và duy trì đèn chiếu sáng đường phố cùng với các tuyến đường chính trong khu vực đô thị, đặc biệt trong thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh, sẽ giúp hành khách, đặc biệt những người dùng xe máy, đi lại an toàn hơn.

Tỉnh cũng cần phát triển cụm ngành bằng cách khuyến khích các nhà cung cấp dịch vụ hậu cần đầu tư. Hà Tĩnh cần cải thiện các dịch vụ sửa chữa và bảo trì về cả ô tô và đường xá nhằm hỗ trợ tăng trưởng trong tương lai về hành khách và vận tải hàng hóa. Cần tiếp tục có dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô gần các điểm giao cắt đường quan trọng. Hà Tĩnh cần thu hút doanh nhân địa phương đầu tư vào các dịch vụ này.

Các công ty hậu cần có 1 số cơ hội để tham gia phát triển cảng, như làm chủ đầu tư, đơn vị vận hành, đơn vị trung gian, đơn vị cung cấp các dịch vụ khác. Hình 117 dưới đây là tổng quan về các cơ hội này:

**Hình 120: Tổng quan cơ hội dịch vụ hậu cần cảng**

Lưu ý: <sup>1</sup> Trạm hàng Container/Cảng container nội địa

Nguồn: Phân tích của Monitor

Các nhà cung cấp giúp điều phối hoạt động thương mại và hậu cần tại các cảng và vận chuyển hàng hóa thông qua địa bàn tỉnh, do đó cải thiện giao thông ở tỉnh.

Hà Tĩnh cũng có thể nâng cao năng lực đội tàu vận chuyển hàng hóa của mình. Tỉnh có thể khuyến khích đóng tàu ở Nghi Xuân, cũng như thúc đẩy thành lập cơ sở bảo dưỡng tàu tại Vũng Áng. Trong trung và dài hạn, tỉnh có thể tiếp tục phát triển công nghiệp đóng tàu quy mô nhỏ, cung cấp tàu chở hàng để vận chuyển gỗ và nông sản đã chế biến.

Hơn nữa, tiền lương và thu nhập của người dân trên địa bàn tỉnh dự kiến tăng lên trong tương lai sẽ thúc đẩy phát triển hoạt động thương mại bán buôn và bán lẻ của Hà Tĩnh. Đây sẽ là một phần không thể thiếu đối với tương lai của Hà Tĩnh.

Trong lĩnh vực này, Hà Tĩnh sẽ phát triển thị trường bán buôn hải sản dọc theo bờ biển, ví dụ như ở Nghi Xuân. Tỉnh cũng sẽ phát triển các trung tâm thương mại và siêu thị trong thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh và huyện Kỳ Anh. Theo dự báo, doanh số bán hàng của siêu thị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh sẽ tăng từ dưới 3%<sup>15</sup> tổng chi tiêu bán lẻ lên khoảng 10-15%, dự kiến đạt 7,7 nghìn tỷ đồng vào năm 2020. Điều này đồng nghĩa với việc có khoảng 17 siêu thị trên địa bàn tỉnh, chủ yếu nằm ở các trung tâm đô thị.

Các chợ đầu mối nông sản hiện tại sẽ được nâng cấp và xây mới tại các trung tâm huyện. Hà Tĩnh cũng cần xây dựng chợ bán buôn trong các khu kinh tế và khu công nghiệp để bán hàng sơ chế và nguyên liệu thô nhập khẩu và sản xuất trong nước cho các doanh nghiệp.

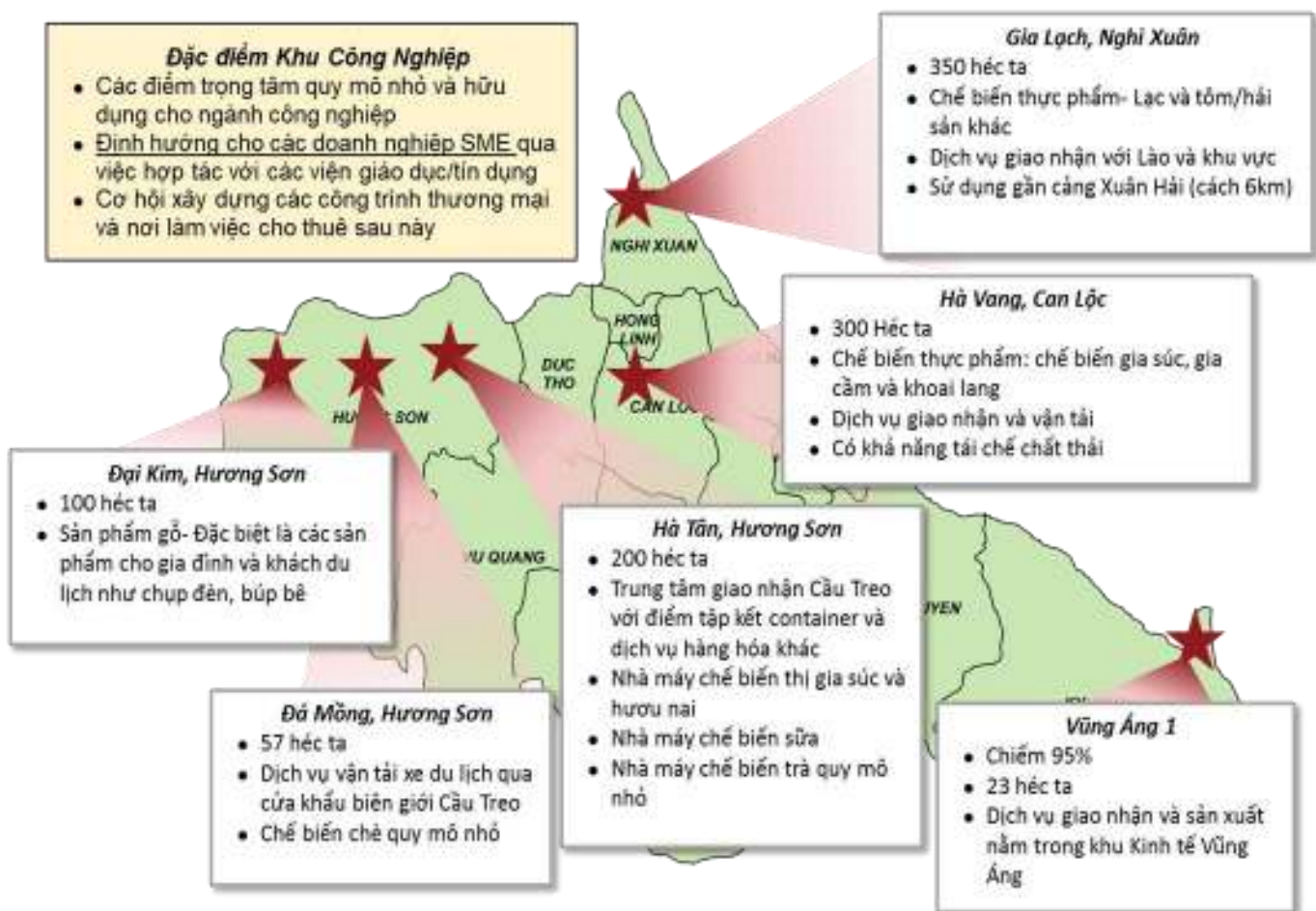
<sup>15</sup> Chi tiêu bán lẻ của các doanh nghiệp tư nhân tại thành phố Hà Tĩnh chiếm chưa đến 6% tổng chi tiêu bán lẻ toàn tỉnh năm 2009, có nghĩa là về mặt lý thuyết thị phần lớn nhất của 1 siêu thị tại Hà Tĩnh có thể đạt 6%; về mặt thực tế thì 3% là lớn nhất. Do vậy, vẫn còn 50% tổng chi tiêu bán lẻ cá nhân ở thành phố Hà Tĩnh. Về số liệu 2020, giả định chi tiêu bán lẻ tăng song song với GDP bình quân, và siêu thị ở Hà Tĩnh hoạt động đủ công suất. Thị phần ước tính của siêu thị theo *Dries và cộng sự*.

## D. Nâng cấp các khu công nghiệp khác trong tỉnh, đặc biệt là thúc đẩy các công ty và cơ sở hạ tầng hậu cần

Ngoài các khu kinh tế Vũng Áng và Cầu Treo thì trong tỉnh cũng có một số khu công nghiệp khác (đã có và đang chuẩn bị xây dựng) đóng vai trò hỗ trợ quan trọng trong cụm ngành này. Những khu công nghiệp này sẽ là điểm đến cho những doanh nghiệp vừa và nhỏ có hoạt động liên quan đến dịch vụ hậu cần, công ty chế biến, công ty thương mại, các nhà cung cấp cho các công ty sản xuất, vv. Tỉnh sẽ xây dựng vùng làm việc tiêu chuẩn trong các khu công nghiệp này, và cung cấp các cơ sở vật chất cơ bản cho phép các doanh nghiệp vừa và nhỏ đặt trụ sở và phát triển kinh doanh thuận lợi.

Có tổng cộng 6 khu công nghiệp đang hoạt động (Hình 121) sẽ được nâng cấp. Các cụm ngành được tập trung phát triển trong các khu công nghiệp này gồm chế biến lương thực thực phẩm, sản phẩm gỗ, dịch vụ vận tải và hậu cần và tái chế rác thải.

**Hình 121: Vai trò của các Khu Công nghiệp đang hoạt động**



Nguồn: Ban quản lý KKT Vũng Áng, KKT Cầu Treo, Phân tích của Monitor

Sự đi lên của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại tỉnh ở trong và ngoài các khu công nghiệp này là một nhân tố quan trọng đối với sự phát triển của các cụm ngành trọng yếu. Để các cụm ngành này có thể phát triển thành công và bền vững, tỉnh cần khuyến khích hệ thống các ngành công nghiệp phụ trợ cho các cụm ngành này. Rất nhiều doanh nghiệp trong các ngành công nghiệp phụ trợ này sẽ là doanh nghiệp vừa và nhỏ, ví dụ như, dịch vụ bảo trì, các dịch vụ chuyên môn khác (ví dụ như dịch vụ pháp lý). Việc phát triển các cụm ngành trọng yếu do đó sẽ mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong tỉnh. Điều này giúp thúc đẩy các doanh nhân trong tỉnh.

Hình 122 dưới đây sẽ phân thảo một số cụm ngành trọng điểm và các loại hình kinh doanh tiềm năng cho các công ty vừa và nhỏ.

**Hình 122: Cơ hội kinh doanh chính cho doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Tĩnh**



Nguồn: Phân tích của Monitor

## E. Cơ chế chính sách nhằm thu hút thương mại và đầu tư, bao gồm các thủ tục hải quan được áp dụng hợp lý

### Ví dụ về hải quan Singapore

|           | Bản chất của các thủ tục               | Thời gian (ngày) | Chi phí (Đô la Mỹ) |
|-----------|--|------------------|--------------------|
| Xuất khẩu | Chuẩn bị hồ sơ                         | 1                | 105                |
|           | Thủ tục hải quan và kiểm soát kỹ thuật | 1                | 31                 |
|           | Xếp dỡ hàng tại cảng                   | 1                | 180                |
|           | Vận chuyển và xếp dỡ hàng nội địa      | 2                | 140                |
|           | <b>Tổng cộng</b>                       | <b>5</b>         | <b>456</b>         |
| Nhập khẩu | Chuẩn bị hồ sơ                         | 1                | 88                 |
|           | Thủ tục hải quan và kiểm soát kỹ thuật | 1                | 31                 |
|           | Xếp dỡ hàng tại cảng                   | 1                | 180                |
|           | Vận chuyển và xếp dỡ hàng nội địa      | 1                | 140                |
|           | <b>Tổng cộng</b>                       | <b>4</b>         | <b>439</b>         |

Tỉnh Hà Tĩnh sẽ áp dụng các thông lệ hợp lý nhất trong thủ tục hải quan ở hai vùng kinh tế Vũng Áng và Cầu Treo. Hình 123 giới thiệu khung thời gian và thủ tục hải quan ở Singapore - được đánh giá là vào loại tốt nhất trên thế giới trong lĩnh vực này.

Thời gian và chi phí trong xuất nhập khẩu hàng hóa có thể tác động rất lớn đến cạnh tranh thương mại của một quốc gia. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng mỗi một ngày giao thương bị đình trệ có thể làm tổng giá trị thương mại bị hạ ít nhất 1% - và giảm đến 6% giá trị xuất khẩu các mặt hàng phụ thuộc nhiều vào thời gian.

Để giải quyết vấn đề về thời gian cần thiết để thực hiện thương mại và giảm chi phí, tỉnh Hà Tĩnh nên:

- Thu thập và lưu trữ trên máy tính các văn bản giấy tờ.
- Áp dụng chế độ một cửa đối với các thủ tục hải quan.
- Rút ngắn thời gian chờ đợi cho tàu thuyền trước khi neo đậu thông qua hệ thống quản lý hiệu quả
- Đầu tư cơ sở hạ tầng cảng chất lượng cao để giảm thời gian chất hàng lên tàu.
- Thanh kiểm tra ngay sau khi hàng hóa đã được chất lên tàu.

Ngoài ra, tỉnh Hà Tĩnh sẽ ban hành một số chính sách ưu đãi cạnh tranh khác cho các doanh nghiệp đầu tư vào cụm ngành này trong tỉnh. Tỉnh đã áp dụng những chính sách ưu đãi này cho các nhà đầu tư ở vùng kinh tế Vũng Áng:

- Ưu đãi về thuế, gồm mức thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn (10%) trong 5 năm (cho toàn bộ thời gian dự án với những dự án cơ sở hạ tầng quy mô lớn), miễn thuế nhập khẩu trong 5 năm, giảm 50% thuế thu nhập cá nhân.
- Các ưu đãi khác về thuế cho những dự án đầu tư vào các ngành công nghệ cao
- Miễn phí thuê đất/miễn phí sử dụng đất cho các dự án đầu tư vào cơ sở hạ tầng công cộng ở khu vực dự án trong toàn bộ thời gian dự án; miễn phí thuê đất cho các khu ký túc xá công nhân; miễn phí thuê đất từ 11 đến 15 năm cho các dự án khác tùy theo vị trí và tính chất dự án.
- Nhà đầu tư nước ngoài được miễn trách nhiệm đền bù giải phóng mặt bằng hoặc tái định cư (mặc dù tỉnh cũng khuyến khích các nhà đầu tư thực hiện trách nhiệm này và được hoàn lại tiền thông qua các khoản thuế được miễn giảm trong suốt thời gian dự án)
- Miễn tiền điện, nước và vệ sinh đối với các dự án cơ sở hạ tầng
- Hỗ trợ đào tạo lao động với mức hỗ trợ cao nhất là 1 triệu VND/người/khóa
- Giảm 50% phí quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh Hà Tĩnh (báo giấy và truyền hình) trong vòng 1 năm với mỗi sản phẩm mới được đưa ra thị trường.

Tuy nhiên, tỉnh sẽ đánh giá và xem xét thêm các chính sách ưu đãi sau đây dành cho các nhà đầu tư tiềm năng:

- Không giới hạn về các hoạt động tiền tệ hoặc chuyển vốn, lợi nhuận về nước.
- Cho phép 100% quyền sở hữu doanh nghiệp và không có giới hạn chính thức hay phí chính thức nào cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp với cơ cấu tổ chức này.
- Đẩy mạnh dịch vụ “một cửa” ở nhiều địa điểm hành chính của tỉnh gần với địa bàn hoạt động của nhà đầu tư hoặc doanh nghiệp (ví dụ: trong Vùng kinh tế Vũng Áng, ở Tây Sơn trong vùng kinh tế Cầu Treo).
- Nói lỏng các giới hạn đối với lao động nước ngoài, đặc biệt là lao động có tay nghề, về các thủ tục xin visa.
- Hỗ trợ thủ tục hành chính đảm bảo cho gia đình người lao động nước ngoài được tiếp cận hiệu quả các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và giáo dục, và tiếp cận các trang thiết bị thể thao, văn hóa do tỉnh hoặc chủ lao động cung cấp.

Tỉnh Hà Tĩnh cũng sẽ phối hợp chặt chẽ với nhà nước và đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy các mối quan hệ ngoại thương với Lào và vùng Đông Bắc Thái Lan. Cần thành lập một cơ quan liên chính quyền bao gồm các quan chức của trung ương, tỉnh Hà Tĩnh và các tỉnh khác ráp gianh với Lào, Lào và vùng Đông Bắc Thái Lan, thảo luận và tạo điều kiện thuận lợi cho thương nghiệp phát triển, xây dựng các chính sách chung, cơ chế thủ tục và phát triển các cơ sở hạ tầng thiết yếu. Tổ chức này cũng sẽ giúp tăng cường trao đổi thông tin giữa các bên và trong giải quyết tranh chấp liên quan đến thương nghiệp, nếu có, trong tương lai. Tỉnh Hà Tĩnh mong muốn đóng vai trò đi đầu trong việc khởi xướng quá trình thể chế hóa tổ chức này.

Tam giác phát triển IMT– giữa Indonesia, Malaysia và Thái Lan là một ví dụ điển hình của việc thiết lập một tổ chức như vậy (Hình 124).

#### **Hình 124: Nghiên cứu điển hình – Tam giác phát triển IMT**



Nguồn: Trang web chính thức của IMT-GT, Asia Trade Hub, Phân tích của Monitor

## F. Xây dựng năng lực con người

Tỉnh cũng sẽ thực hiện một chương trình toàn diện về giáo dục, đào tạo trong các khu vực liên quan đến cụm ngành này để tạo ra một nguồn nhân lực phục vụ hiệu quả trong cụm ngành này. Chương trình này sẽ tập trung vào 3 lĩnh vực sau đây:

- **Đưa nội dung về thương nghiệp, vận tải và hậu cần vào chương trình đào tạo hướng nghiệp:** Đây là các khóa học chuyên sâu ngắn hạn (90-120 ngày), kết hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp cần lao động và sẽ tiếp nhận lao động sau khi kết thúc khóa đào tạo. Chính sách ưu đãi này tập trung chủ yếu vào chương trình đào tạo thực tiễn, cung cấp các kinh nghiệm thực hành thực tế cho công nhân trên các trang thiết bị phù hợp, vv.
- **Cấp bằng chuyên ngành về thương nghiệp, vận tải và hậu cần ở Đại học Hà Tĩnh:** Chương trình này sẽ cấp bằng cử nhân và thạc sĩ chuyên sâu về tất cả các lĩnh vực của thương nghiệp, vận tải, hậu cần và các tiểu ngành liên quan trong một chương trình học. Chương trình này sẽ được phối hợp thực hiện với một tổ chức quốc tế đã thực hiện thành công khóa học tương tự trong vùng (hoặc ngoài vùng).
- **Một trung tâm NC&PT chất lượng cao:** Mục đích của sáng kiến này là xây dựng năng lực nghiên cứu về lâu dài của tỉnh Hà Tĩnh trong các lĩnh vực như quản lý chuỗi cung cấp, công nghệ, đầu vào và cơ sở hạ tầng có liên quan. Trung tâm này có thể được xây dựng ở trường đại học Hà Tĩnh. Theo dự kiến thì đây sẽ là cơ sở kết hợp giữa học thuật và công nghiệp để tập trung vào các lĩnh vực nghiên cứu thực tế và phù hợp với các yêu cầu của ngành công nghiệp trong khi ngành công nghiệp có thể cung cấp nguồn quỹ và tận dụng các ứng dụng nghiên cứu trong kinh doanh.

Học viện Hậu cần – Châu Á Thái Bình Dương (TLI – AP), có trụ sở tại Singapore là một ví dụ điển hình về giáo dục đào tạo chất lượng cao trong lĩnh vực này (Hình 125). Đây có thể là một tổ chức mà tỉnh Hà Tĩnh có thể hợp tác trong tương lai.



**Hình 125: Nghiên cứu điển hình - Học viện hậu cần châu Á Thái Bình Dương, Singapore**

**Tổng quan Học viện Dịch vụ Hậu cần Châu Á – TBD (TLI-AP)**



- **ĐHQG Singapore và EDB thành lập năm 2001**
  - Nhanh chóng xây dựng chương trình giáo dục tiên tiến nhờ hỗ trợ từ ĐH Georgia University, U.S
- **Viện chuyên ngành dịch vụ hậu cần số 1 châu Á (2010, đánh giá EQ)**
  - Thực hiện trên 100 dự án với công ty toàn cầu như DHL, FedEx và ProLogis về cải thiện hiệu quả dịch vụ hậu cần

**Yếu tố Thành công Chủ chốt**

**Chương trình học Tiên tiến cho Công nhân**

- **Chương trình tối ưu cho GDDH và công nhân trực tiếp**
  - Khóa Th.S/TS 3 học kỳ tập trung
  - Khóa Th.S trực tuyến về hậu cần cho sinh viên học từ xa

**Nội dung Chuyên ngành Tập trung vào Châu Á**

- **Xây dựng phương pháp và tài liệu nghiên cứu thị trường phù hợp với Châu Á**
  - SCM dựa trên công nghiệp Châu Á
  - Chính sách TM của Châu Á

**Đào tạo Dựa trên Thực hành**

- **Tạo điều kiện thực hành với chương trình và thiết bị hậu cần thực**
  - Hỗ trợ thực hành từ các công ty nhờ khuyến khích của chính phủ cho các công ty hỗ trợ chương trình thực hành

guồn: Phân tích của Monitor

### 2.4.1 Lộ trình và Yêu cầu Đầu tư

Lộ trình này sẽ cần một khoản đầu tư khoảng 140 nghìn tỷ đồng từ nay đến năm 2020. 82% nguồn vốn này hoặc cụ thể hơn là 115 nghìn tỷ đồng là từ các khoản đầu tư hợp tác công – tư nhân hoặc khu vực kinh tế tư nhân, gồm cả các khoản vay và hỗ trợ ODA. 18% còn lại tương đương 25 nghìn tỷ đồng là từ nguồn ngân sách tỉnh và trung ương. Hình 126 dưới đây sẽ cung cấp chi tiết về các lĩnh vực đầu tư then chốt cụ thể, khung thời gian và nguồn vốn

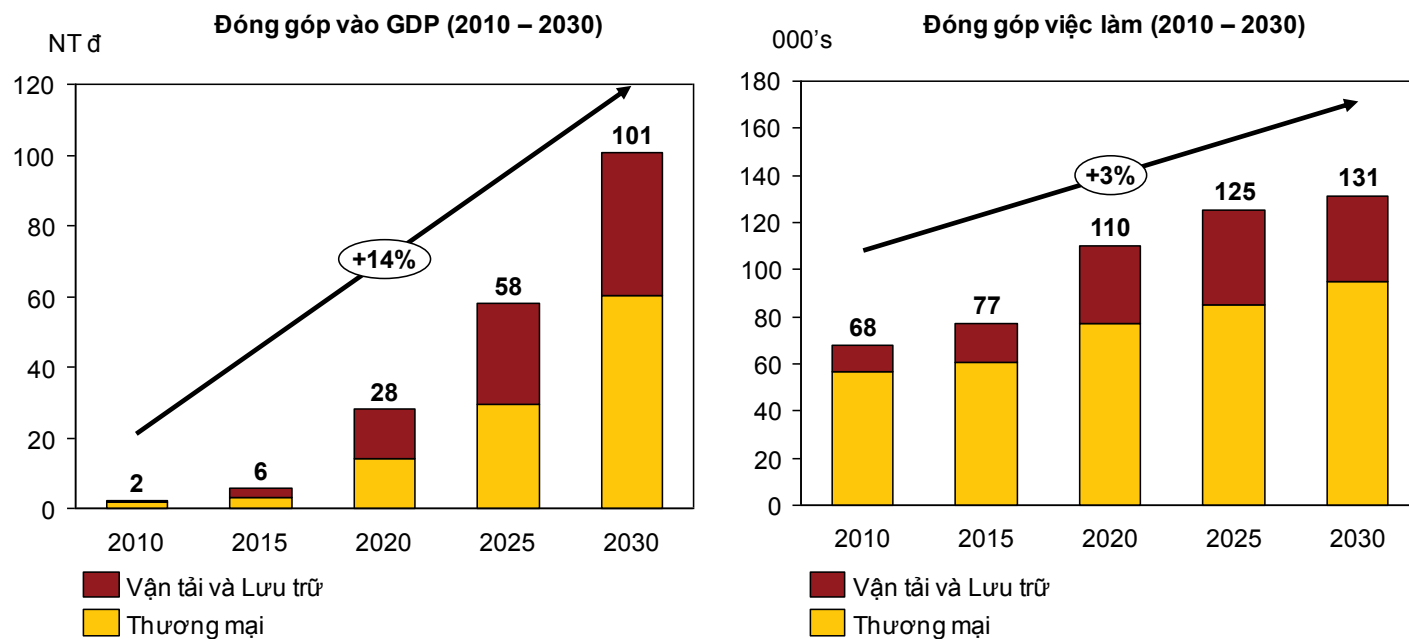
**Hình 126: Yêu cầu Đầu tư của tỉnh Hà Tĩnh cho Cụm ngành Thương mại, Vận Tải và Hậu Cần**

| Hạng mục Đầu tư                                 | Vốn Đầu tư (Tr đ) | Nguồn                | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
|---|-------------------|----------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| <b>Đường bộ</b>                                 |                   |                      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Đường từ Quốc lộ 1 đến Thạch Khê                | 720.000           | Ngân sách địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nâng cấp Quốc lộ 1                              | 5.220.000         | Ngân sách trung ương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Tỉnh lộ, huyện lộ khác, đường nông thôn, bến xe | 19.000.000        | Ngân sách địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nâng cấp Quốc lộ 8                              | 4.000.000         | Ngân sách trung ương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Tỉnh lộ 28, 70, 21, 22                          | 3.500.000         | Ngân sách địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Xây dựng đường ven biển                         | 6.970.000         | Ngân sách địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Tỉnh lộ 17 Đông Tây                             | 980.000           | Ngân sách địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Xây đường cao tốc                               | 15.000.000        | Ngân sách trung ương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nâng cấp quốc lộ 12                             | 2.500.000         | Ngân sách địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>Đường sắt và Cảng</b>                        |                   |                      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nâng cấp đường sắt hiện có                      | 690.000           | Ngân sách trung ương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Mở rộng cảng cá                                 | 195.000           | Ngân sách địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Xây dựng cảng Sơn Dương                         | 60.000.000        | Ngoài ngân sách      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>Thương mại và Hậu cần</b>                    |                   |                      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Thương mại và Hậu cần                           | 1.000.000         | Ngoài ngân sách      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>TỔNG</b>                                     |                   |                      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>TỔNG</b>                                     | 139.675.000       |                      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |

Lưu ý: Thương mại và hậu cần bao gồm đầu tư phương tiện, hạ tầng trung tâm hậu cần, vv. Dự kiến đầu tư sân bay tự lái sẽ bắt đầu sau năm 2020 sau khi có nhiều nhà đầu tư đã đến đầu tư tại Khu kinh tế Vũng Áng.

Nói tóm lại, Hà Tĩnh sẽ phát triển 1 trung tâm đầu mối thương nghiệp, vận tải và hậu cần có năng lực cạnh tranh vào năm 2020. Cụm ngành này sẽ đóng góp 28 nghìn tỷ đồng vào GDP vào năm 2020 và 101 nghìn tỷ đồng vào năm 2030. Cụm ngành này cũng sẽ tạo thêm 110.000 việc làm vào năm 2020 và 131.000 việc làm vào năm 2030.

**Hình 127: Đóng góp của Cụm ngành Thương mại, vận tải và hậu cần Hà Tĩnh cho nền kinh tế**



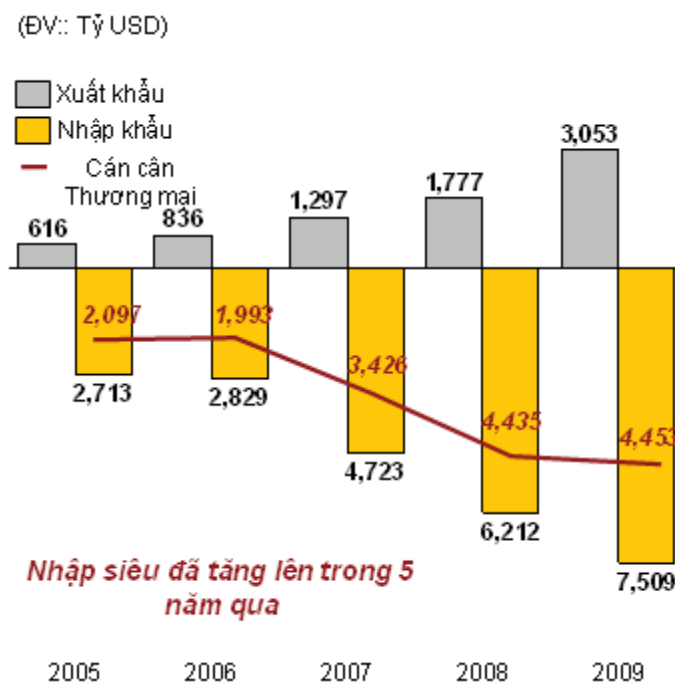
Nguồn: Phân tích của Monitor

## 2.6 Cụm Sản xuất sản phẩm từ thép

### 2.6.1 Tổng quan lợi thế và thách thức

Hiện Việt Nam đang có chênh lệch cung cầu lớn về sản phẩm chế biến từ thép, dẫn tới nhập khẩu với khối lượng lớn. Trong những năm qua, nhập siêu của Việt Nam ngày càng tăng, lên tới 4,5 tỉ USD năm 2009.

**Hình 128: Thâm hụt Thương mại của Việt Nam về sản phẩm từ Thép**



Có 1 số lý do dẫn tới sự phát triển chưa tương xứng với tiềm năng của cụm ngành này, mặc dù cụm có nhu cầu cao và tăng trưởng về cầu cũng lớn. Nhiều lý do trong số này hiện cũng đang tồn tại ở Hà Tĩnh hiện nay, trong đó có:

- **Điều kiện sẵn có không thuận lợi:** Việt Nam phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu, kể cả đối với nguyên liệu thô cho cụm ngành này (vd thép). Ngoài ra, trình độ kỹ thuật và kiến thức về quy trình của tỉnh về cụm ngành còn hạn chế – khiến tỉnh chưa sản xuất được hàng hóa chất lượng cao. Đồng thời, lực lượng lao động có tay nghề chưa cao, ảnh hưởng hơn nữa tới khả năng phát triển cụm ngành.
- **Cạnh tranh trong tỉnh còn hạn chế:** Mức độ cạnh tranh của cụm ngành còn hạn chế và mới chỉ có ít công ty địa phương trong lĩnh vực này. Các công ty toàn cầu thường nhập khẩu sản phẩm từ thép và chỉ lắp ráp thay vì sản xuất các cấu kiện này ở Việt Nam. Điều này càng tác động tiêu cực hơn nữa tới sự phát triển của ngành công nghiệp tại địa phương.
- **Cơ sở hạ tầng và công nghiệp phụ trợ yếu kém:** Ở Hà Tĩnh, các yếu tố nói trên cùng với cơ sở hạ tầng giao thông không thuận lợi để kết nối tới các thị trường lớn cả trong và nước ngoài. Hà Tĩnh cũng còn thiếu cơ sở giáo dục – đào tạo liên quan đến cụm ngành này.

Trong thời gian tới, nhu cầu về sản phẩm từ thép dự báo sẽ tăng mạnh. Như đã nói trong phần cụm ngành sắt – thép, tiêu thụ thép bình quân của Việt Nam ước tính tăng mạnh trong những năm tới. Tiêu thụ thép thành phẩm tăng từ 46 kg/ người năm 2001 lên 140 kg/ người năm 2010, đồng thời dự báo vượt 200 kg vào năm 2020.

Trong tương lai, Hà Tĩnh có thể dựa trên các lợi thế chính để phát triển cụm ngành chế biến sản phẩm chế biến từ thép:

- **Nguồn thép sẵn có ở gần:** Thông thường chi phí hậu cần ngành thép chiếm phần đáng kể trong sản xuất sản phẩm chế biến từ thép, dao động từ 5-20% chi phí sản xuất. Do đó, nguồn thép sẵn có ở gần sẽ là lợi thế quan trọng cho cụm ngành này ở tỉnh. Điều này giúp đảm bảo nguồn cung cho cụm ngành.
- **Hạ tầng vận tải chất lượng cao:** Kết nối đa hình thức qua tổ hợp cảng (Sơn Dương – Vũng Áng), đường quốc lộ được nâng cấp và 1 tuyến đường cao tốc được xây mới, cùng tuyến đường sắt được nâng cấp là lợi thế lớn cho cụm sản phẩm từ thép.
- **Chất lượng và độ sẵn có lao động:** Lực lượng lao động được giáo dục tương đối tốt của Hà Tĩnh, với tỷ lệ biết chữ cao, cũng sẽ là lợi thế cho cụm ngành do họ tương đối dễ đào tạo để đảm nhận công việc trong ngành công nghiệp này. Số lượng lớn lao động trong nông nghiệp có thể chuyển sang ngành sản xuất này cũng giúp đảm bảo đủ nguồn lao động, nếu tỉnh có các hình thức đào tạo phù hợp. Hà Tĩnh cũng sẽ duy trì được lợi thế về chi phí lao động rẻ hơn 25% so với các thành phố lớn như Hà Nội và TP HCM trong thời gian tới.

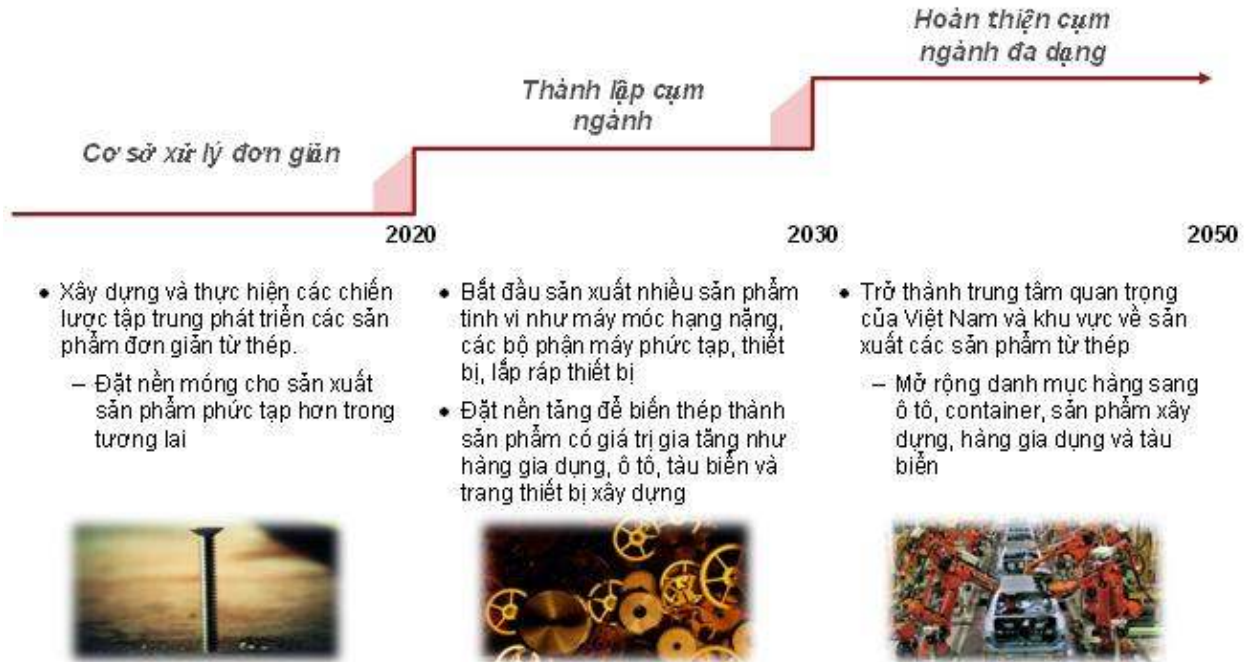
## 2.6.2 Định hướng phát triển:

### 2.6.2.1 Định hướng chung và tầm nhìn

Hà Tĩnh sẽ xây dựng vị thế hàng đầu cả nước trong sản xuất sản phẩm từ thép. Tỉnh có thể đạt được tầm nhìn này qua cách tiếp cận có hệ thống gồm 3 giai đoạn, đồng bộ với sự phát triển cụm ngành sắt – thép và sản lượng thép:

- **Cơ sở xử lý đơn giản (2011-20):** Trong giai đoạn đầu tăng trưởng, Hà Tĩnh sẽ xây dựng và thực hiện các chiến lược tập trung phát triển các sản phẩm đơn giản từ thép. Song song với đó, tỉnh cũng sẽ tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng và xây dựng năng lực để đặt nền móng cho sản xuất sản phẩm phức tạp hơn trong tương lai.
- **Thành lập cụm ngành (2021-30):** Hà Tĩnh bắt đầu sản xuất nhiều sản phẩm tinh vi như máy móc hạng nặng, các bộ phận máy phức tạp, thiết bị, lắp ráp thiết bị ... Đồng thời, Hà Tĩnh cũng sẽ đặt nền tảng để được các nhà đầu tư trong các sản phẩm có giá trị gia tăng như hàng gia dụng, xe ô tô, đóng tàu và trang thiết bị xây dựng.
- **Cụm ngành đa dạng, bền vững (2031-50):** Hà Tĩnh sẽ trở thành trung tâm quan trọng của Việt Nam và khu vực về sản xuất các sản phẩm từ thép. Tỉnh có cơ cấu sản phẩm phong phú và đa dạng, từ ô tô đến container, sản phẩm xây dựng, hàng gia dụng và tàu biển. Ở phần sau giai đoạn này, Hà Tĩnh sẽ gặt hái thành quả từ hoạt động đầu tư vào NC&PT, kết hợp với trung tâm xuất sắc về khai thác mỏ và luyện kim.

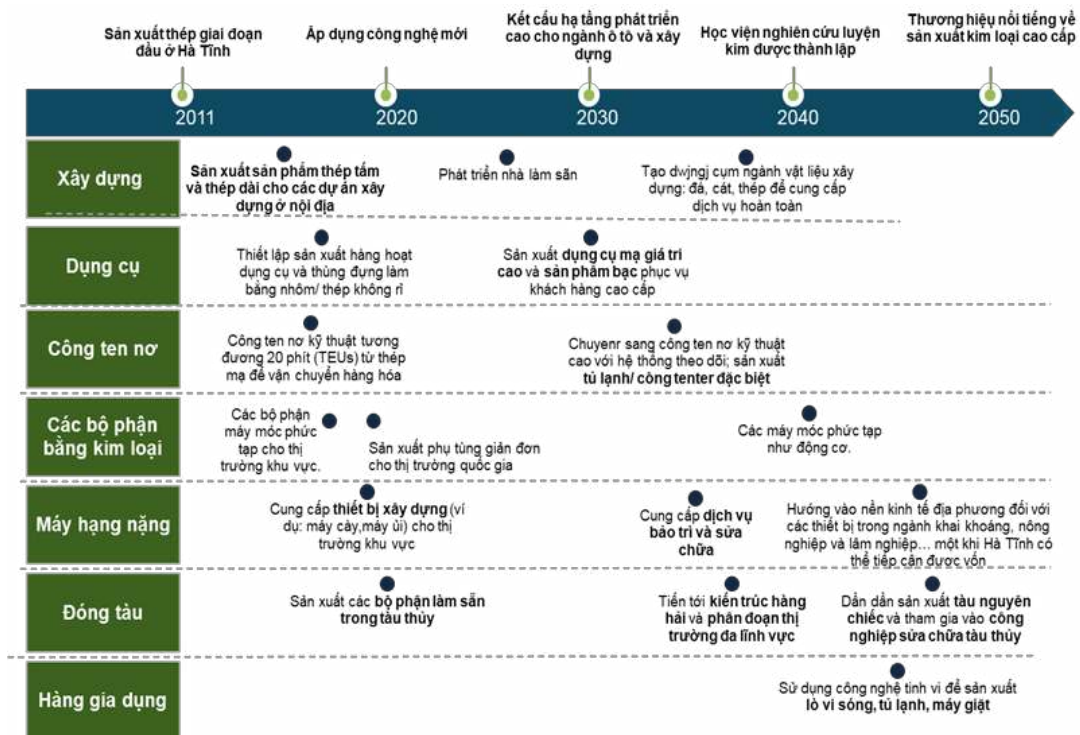
**Hình 129: Mục tiêu của Hà Tĩnh đến 2020, 2030, Tầm nhìn 2050**



Nguồn: Phân tích của Monitor

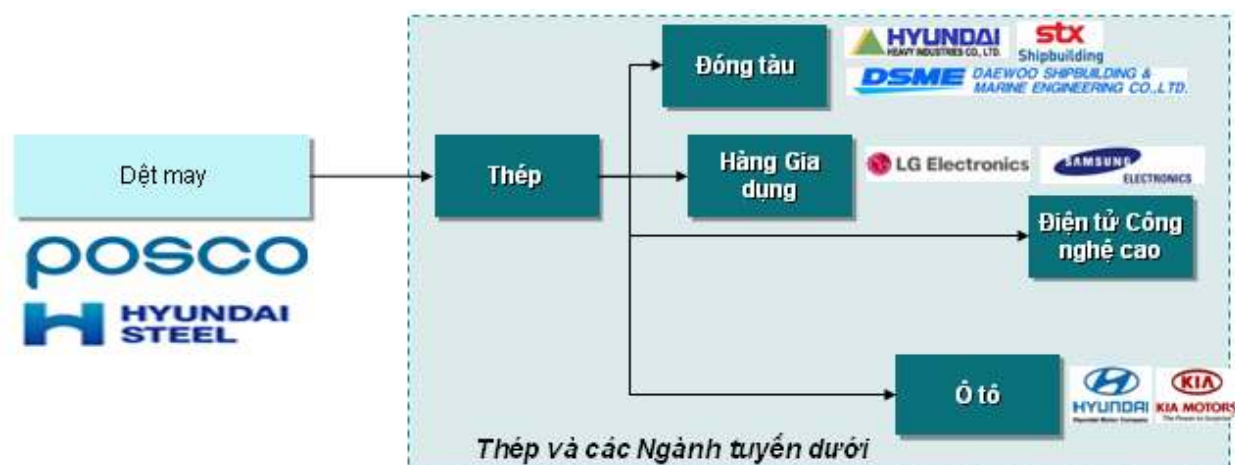
Cụm ngành này của Hà Tĩnh dần xây dựng được danh mục đầu tư đa dạng vào các sản phẩm giá trị gia tăng - bắt đầu với các sản phẩm đơn giản như đồ dùng, các sản phẩm thép dài và tấm sử dụng trong xây dựng; và khi cụm ngành phát triển đầy đủ thì chuyển sang hàng hóa gia dụng, đóng tàu và cấu kiện máy móc khí (Hình 130).

**Hình 130: Kế hoạch phát triển cụm sản phẩm từ thép của Hà Tĩnh**



Trên thế giới cũng có một số ví dụ thành công với cách tiếp cận tương tự để phát triển sản xuất sản phẩm thép. Hình 131 dưới đây là về cụm sản xuất sản phẩm thép của Hàn Quốc. Cụm này đã đạt được một vị trí hàng đầu thế giới nhờ việc phát triển cụm 1 cách có hệ thống trong 3-4 thập kỷ qua.

**Hình 131: Ví dụ về Cụm sản phẩm từ thép của Hàn Quốc**

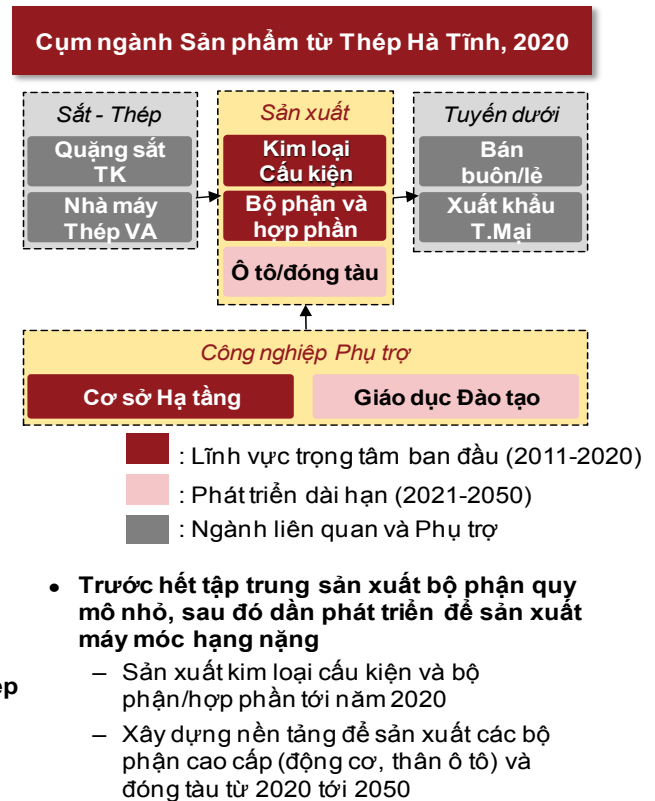
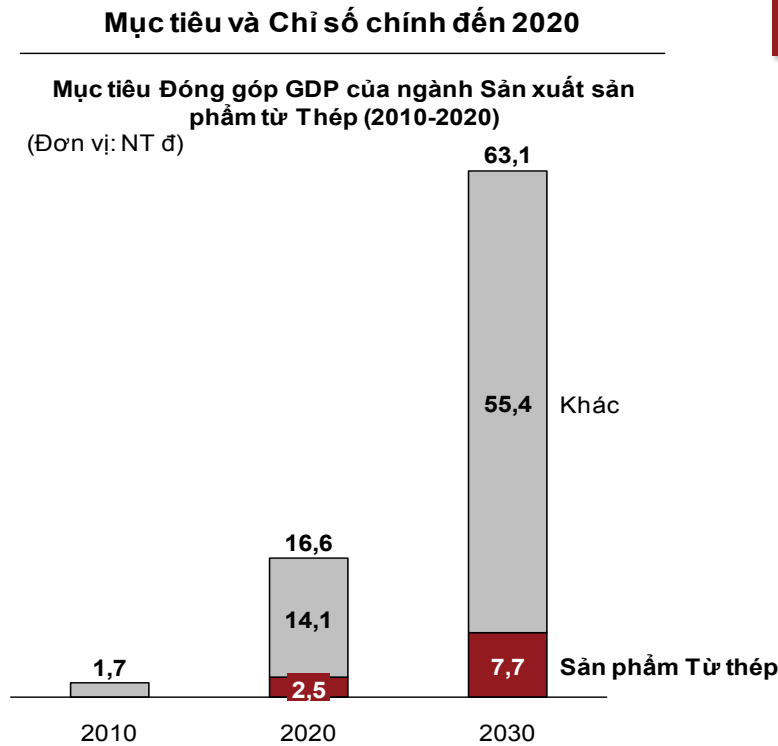


Nguồn: Chiến lược Phát triển Kinh tế Quốc gia Hàn Quốc ('70, '80, '90, '00 và '10); Phân tích của Monitor

#### 2.6.2.2 Chiến lược và Quy hoạch Cụ thể Phát triển Cụm ngành 2011-2020

Đến năm 2020, Hà Tĩnh sẽ thiết lập cụm ngành sản xuất sản phẩm từ thép tận dụng nguồn sản xuất thép trong tỉnh.

Hình 132: Mục tiêu và Chỉ số của Cụm sản phẩm từ thép



Nguồn: Tổng cục Thống kê, Niên giám Thống kê Hà Tĩnh, Phân tích của Monitor

Trong thời gian này, Hà Tĩnh sẽ tập trung vào sản xuất mặt hàng đơn giản (ví dụ như chế tạo các bộ phận và cấu kiện kim loại, vật liệu xây dựng, đồ dùng ...), đồng thời xây dựng cơ sở hạ tầng và cơ sở sản xuất máy móc công nghiệp nặng.

Trong mười năm tới, Hà Tĩnh cần đặt trọng tâm xây dựng và đẩy mạnh các lợi thế cho sự phát triển bền vững của cụm ngành

- **Cơ sở hạ tầng được thiết lập:** để phát triển cụm ngành này, tỉnh cần thực hiện một cách kịp thời và đảm bảo chất lượng kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng. Cụ thể là Khu kinh tế Vũng Áng cần dành riêng một khu vực cho sản xuất sản phẩm chế biến từ thép, đặt liền kề/trực tiếp kết nối với các nhà máy thép đang được quy hoạch khu kinh tế để đảm bảo hậu cần thuận tiện. Tỉnh cũng cần đảm bảo cung cấp kịp thời và có chất lượng các yếu tố đầu vào quan trọng khác như điện, nước, cơ sở xử lý nước thải và chất thải, cũng như kết nối giao thông đến trạm container được đề xuất tại tổ hợp cảng Sơn Dương - Vũng Áng. Kết nối giao thông trong nội địa với các thị trường lớn bằng đường bộ và đường sắt cũng sẽ hết sức quan trọng với sự phát triển của cụm ngành này.
- **Đào tạo và xây dựng năng lực:** Hà Tĩnh sẽ áp dụng cách tiếp cận gồm 2 hướng hoạt động song song cho đào tạo và xây dựng năng lực của cụm ngành sản phẩm từ thép:
  - **Dạy nghề ngắn hạn:** Đây là trọng tâm ban đầu của cụm ngành, giúp tạo lực lượng lao động qua đào tạo sẵn sàng cho các công ty sẽ đầu tư vào cụm ngành này tuyển dụng. Hình thức tổ chức là các khóa học



tập trung ngắn hạn (90-120 ngày), thường kết hợp với các công ty – là đơn vị cần lao động và sẽ tuyển dụng lượng lao động này khi họ học xong. Nội dung chính các khóa học này là đào tạo thực tế, cung cấp kinh nghiệm thực tiễn tại chỗ. Các khóa học này sẽ kết hợp với chương trình đào tạo nghề về cụm sắt và thép được nêu trong phần trên.

- **Tập trung vào NC&PT và đào tạo đại học chuyên ngành:** Đây là 1 phần của **Khoa Khai thác mỏ và Luyện kim cùng với Trung tâm Xuất sắc về Khai thác mỏ và Luyện kim thuộc Đại học Hà Tĩnh** – đào tạo văn bằng bậc đại học liên quan tới sản xuất sản phẩm kim loại và sản phẩm từ thép.
- **Chính sách và cơ chế phù hợp:** Hà Tĩnh sẽ có cơ chế chính sách phù hợp để thúc đẩy phát triển cụm ngành này. Các ưu đãi của tỉnh tại Khu kinh tế Vũng Áng đã được nói đến trong cụm ngành trước. Tỉnh sẽ xem đánh giá và xem xét bổ sung các chính sách sau đây với nhà đầu tư tiềm năng:
  - Giảm hoàn toàn (thay vì 1 phần) thuế trong 5~10 năm đầu.
  - Trợ cấp cho (a) chi phí nâng cấp công nghệ (ví dụ 10%, có 1 mức tối đa nhất định), chi phí cấp chứng nhận (b) (Ví dụ: 20-30%, có 1 mức tối đa nhất định) và (c) chi phí NC&PT và đăng ký cấp bằng sáng chế (40% chi phí, có 1 mức tối đa nhất định).
  - Trợ cấp nhiều hơn cho việc đào tạo và tuyển dụng các lao động tài năng của địa phương làm việc tại các công ty trong cụm sản phẩm từ thép tại tỉnh.
  - Tạo thêm ưu đãi cho doanh nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn hoạt động trong cụm ngành: Gồm (a) trợ cấp 20-30% chi phí vốn cố định trong 5 năm đầu, (b) trợ cấp lãi suất vay, có 1 mức tối đa nhất định (Ví dụ: 500-750 triệu đồng trên 5 năm) và (c) trợ cấp một số chi phí tiếp thị và khuyến mãi (Ví dụ: 20-30% cho 5 năm, có 1 mức tối đa nhất định).
  - Đẩy mạnh cơ chế 1 cửa của tỉnh, giống như cụm ngành trước.

Việc thu hút nhà máy sản xuất sản phẩm phức tạp hơn như đóng tàu hay đồ gia dụng rất khó thực hiện trước khi tỉnh đã có cụm ngành sắt – thép vận hành tốt để cung cấp ổn định nguyên liệu thô. Tuy nhiên, điều quan trọng ở đây là cần tìm và có trao đổi với các nhà đầu tư như vậy trong quá trình này.

### 2.6.3 Lộ trình thực hiện và yêu cầu đầu tư

Số tiền đầu tư cần cho riêng cụm từ nay đến năm 2020 (chỉ bao gồm đầu tư vào nhà máy và cơ sở sản xuất) là 15 nghìn tỷ đồng. Số tiền này không tính tới đầu tư giao thông vận tải và cơ sở hạ tầng khác- được tính riêng song vẫn có đóng góp cho cụm ngành này. Tất cả các khoản đầu tư này dự kiến lấy từ khu vực doanh nghiệp – cả qua FDI và đầu tư trong nước. Hình 133 dưới đây là tổng quan về các dự án đầu tư trọng điểm và yêu cầu đầu tư liên quan.

**Hình 133: Yêu cầu Đầu tư cho Cụm ngành Sản phẩm từ Thép**

| Hạng mục Đầu tư                   | Vốn đầu tư (Tr đ) | Nguồn           | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
|-----------------------------------|-------------------|-----------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Nhà máy sản xuất dụng cụ gia đình | 2.960.000         | Ngoài ngân sách |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nhà máy Sản xuất Phụ kiện cửa     | 1.480.000         | Ngoài ngân sách |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |

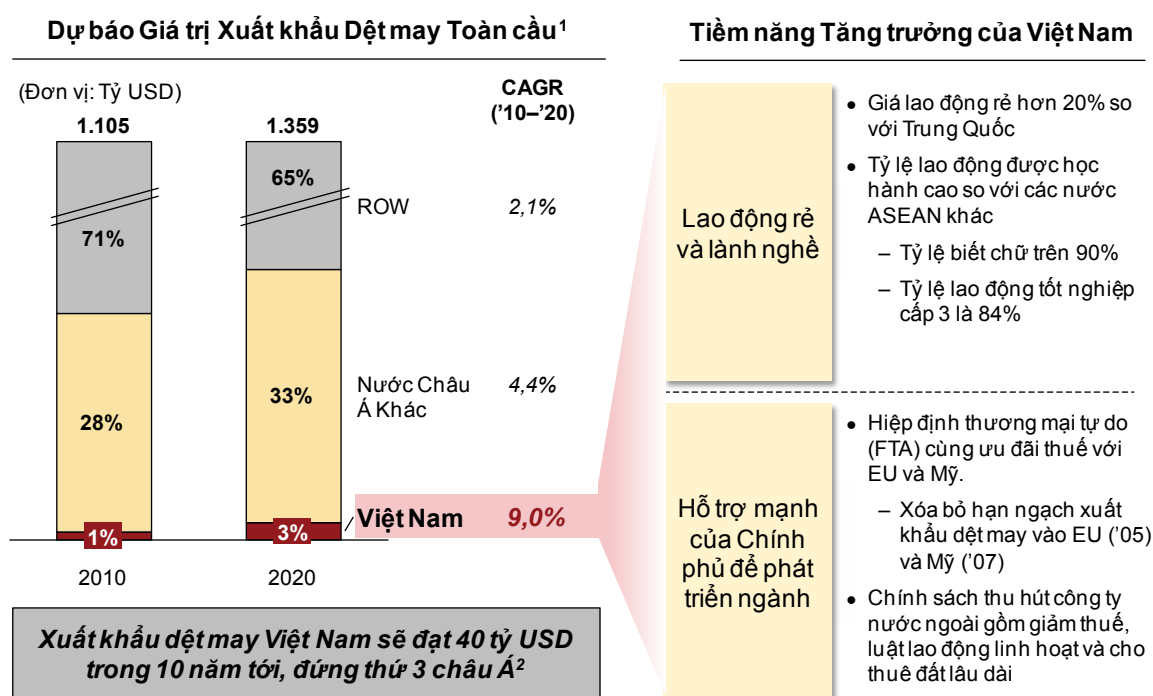


## 2.7 Cụm ngành Dệt may và May mặc

### 2.7.1 Tổng quan lợi thế và thách thức

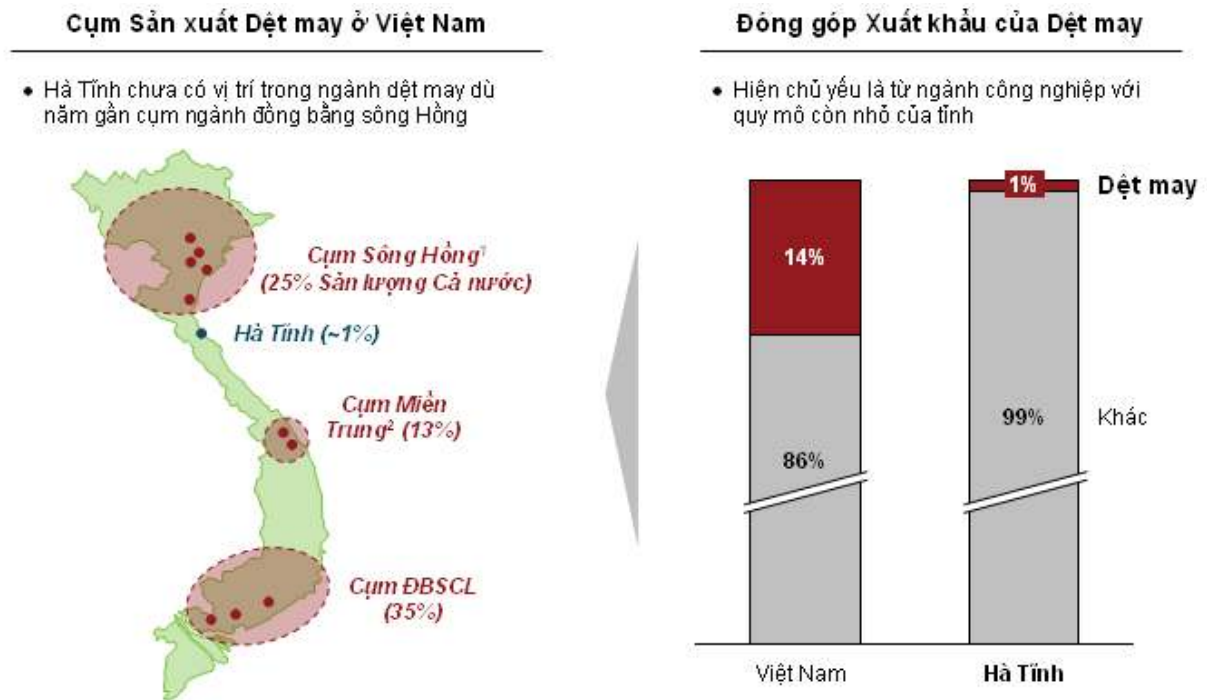
Việt Nam có vị thế ngày càng gia tăng trên thị trường dệt may toàn cầu, và trong tương lai dự báo còn cao hơn nữa. Đây là 1 trong những cụm ngành được Chính phủ xác định là ưu tiên của cả nước nói chung. Xuất khẩu dệt may dự báo đạt 40 tỷ USD năm 2020, lớn thứ 3 Châu Á.

**Hình 135: Tình hình ngành Dệt may của Việt Nam trên thế giới và tiềm năng**



<sup>1</sup> Giá trị xuất khẩu 2020 dựa trên tăng trưởng trung bình 5 năm của mỗi khu vực; <sup>2</sup> Sau Trung Quốc và Ấn Độ  
 Nguồn: Tổ chức Thương mại Thế giới – WTO (2011), KOTRA, Phân tích của Monitor

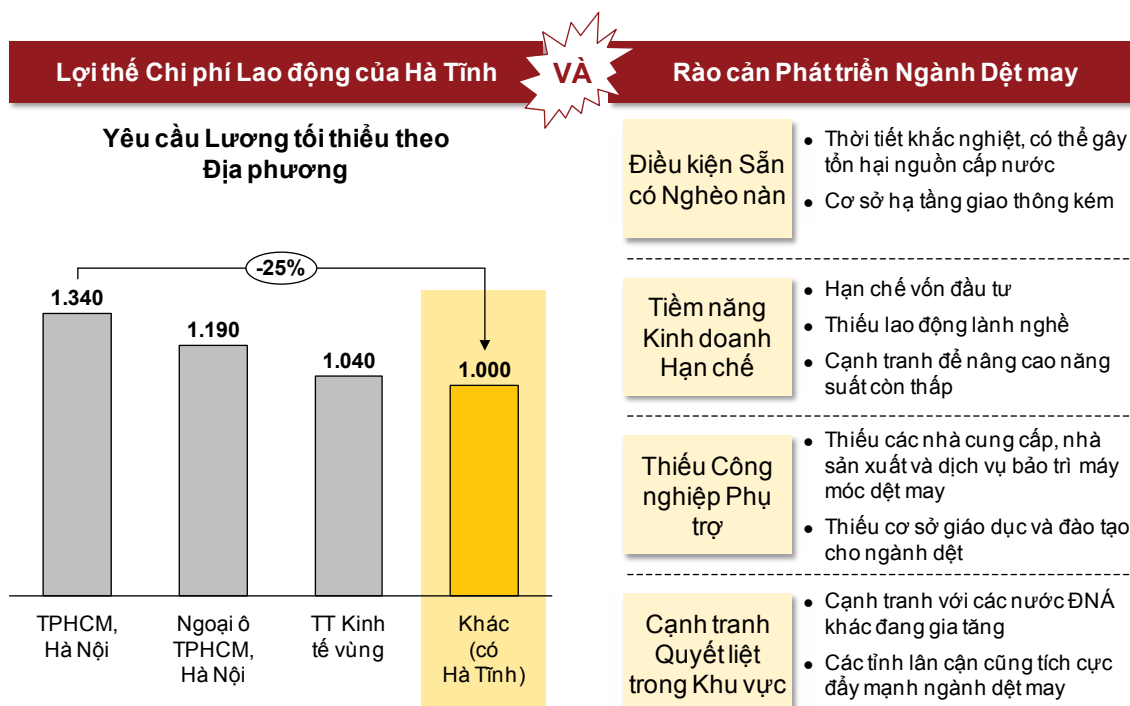
Hiện cụm ngành tập trung quanh 3 địa điểm – cụm sông Hồng ở phía Bắc (chiếm 25% tổng sản lượng cả nước), cụm sông Cửu Long ở phía Nam (35%) và cụm miền Trung xung quanh Đà Nẵng (13%). Phần còn lại trải khắp các địa phương trên cả nước. Tỉnh Hà Tĩnh chiếm chưa đầy 1% tổng sản lượng cả nước và tới nay mới tham gia ngành này chưa đáng kể.

**Hình 136: Cụm Sản xuất Dệt may ở Việt Nam và vị thế Hà Tĩnh**

Lưu ý: <sup>1</sup> Gồm ĐB sông Hồng và các tỉnh miền Bắc; <sup>2</sup> Gồm Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quảng Nam, đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh Đông Nam Bộ

Nguồn: Dự án Phát triển Sông Mekong, Tổng cục Thống kê, Phân tích của Monitor

Mặc dù có lợi thế về giá lao động (thấp hơn 25% so với các trung tâm chính như Hà Nội và TP HCM), tỉnh vẫn còn 1 số rào cản cần vượt qua để tham gia cụm ngành này. Các rào cản bao gồm (a) thiếu hạ tầng giao thông phù hợp kết nối Hà Tĩnh với các thị trường lớn, (b) thiếu doanh nghiệp trong tỉnh có thể đầu tư vốn xây dựng cụm ngành từ nền tảng, (c) công tác đào tạo chưa thuận lợi và năng lực còn hạn chế của lao động, nhất là lao động có tay nghề, (d) thiếu công nghiệp phụ trợ khác (Vd điện, xử lý và quản lý nước, sản xuất thiết bị, cung cấp dịch vụ hậu cần, bán buôn/bán lẻ phù hợp, vv). Những yếu tố này khiến Hà Tĩnh đã từ lâu khó cạnh tranh với các địa phương khác trong cụm ngành này (Hình 137).

**Hình 137: Hà Tĩnh – Lợi thế và thách thức hiện tại**

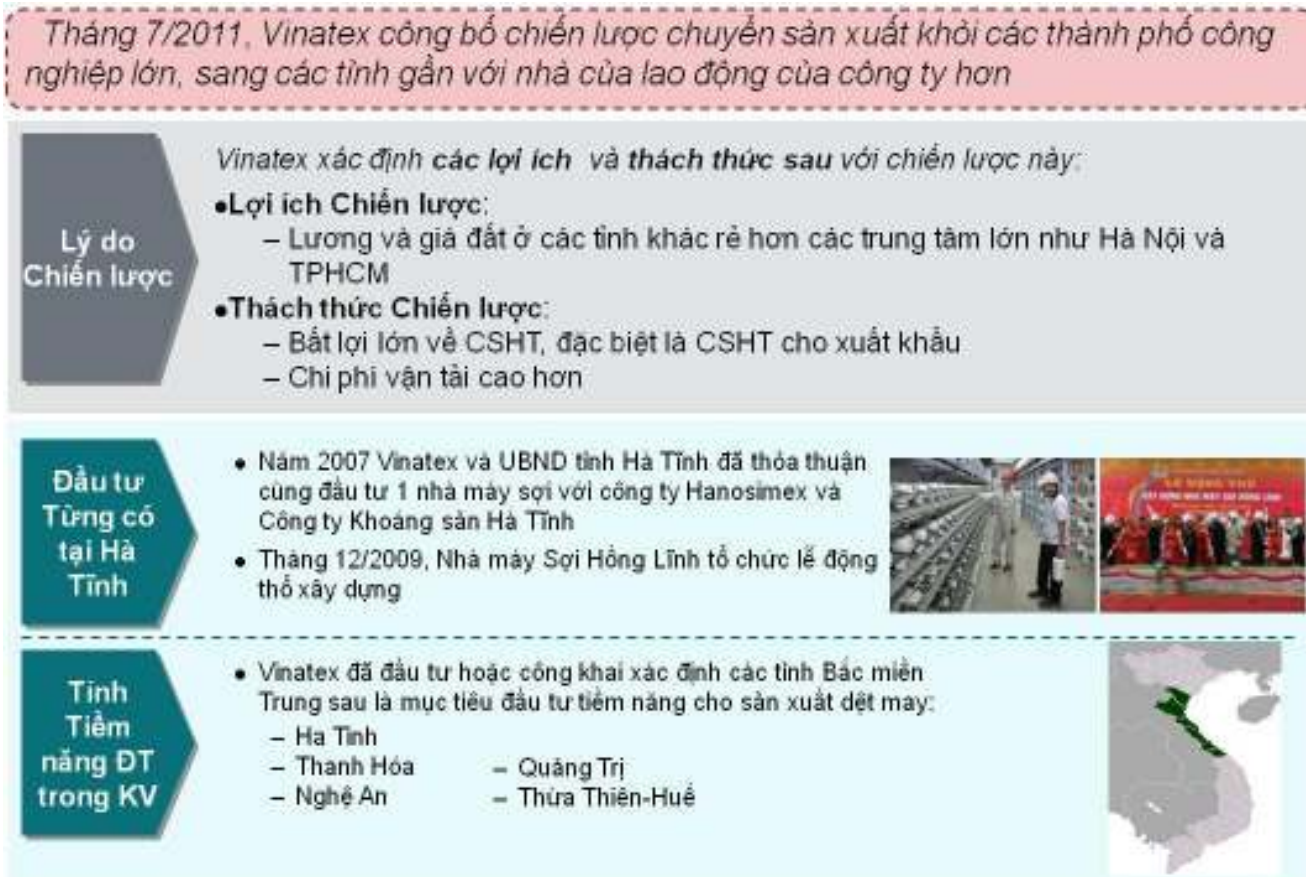
Lưu ý: <sup>1</sup> Theo đề xuất của Bộ LĐTBXH, sửa đổi năm 2010

Nguồn: Bộ LĐTBXH, “Điều tra Mức sống Hộ gia Đình”, Phân tích của Monitor

Do đó, cụm ngành này mới chỉ đóng góp 1% GDP và tạo 3% việc làm trên toàn tỉnh; so với mức trung bình cả nước là 7% GDP và 5% việc làm.

Tuy nhiên, trong tương lai khi bối cảnh đã thay đổi, Hà Tĩnh sẽ có điều kiện tốt để có vị thế thuận lợi hơn trong cụm ngành. Thứ nhất, ngoài những trung tâm trước đây, nhiều nhà sản xuất dệt may và may mặc trong nước đang xem xét cơ hội mở rộng ra những nơi khác, trong đó có khu vực Bắc Trung Bộ. Tình trạng thiếu lao động tại các trung tâm lớn - thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, cũng như tăng chi phí lao động tại các trung tâm này sẽ tiếp tục yêu cầu các công ty phải chuyển ít nhất là 1 phần hoạt động sản xuất của mình đến các trung tâm khác có chi phí thấp hơn. Để lựa chọn địa điểm mới, nhà đầu tư thường xem xét hai yếu tố chính - giao thông vận tải và cơ sở hạ tầng công nghiệp, cũng như lượng lao động qua đào tạo và có chi phí thấp. Ví dụ, trong kế hoạch tổng thể phát triển của mình từ 2011-2020, tập đoàn dệt may Việt Nam Vinatex đã xác định dành nhiều ưu tiên cho việc đa dạng hóa các nguồn cung ứng. (Hình 138)

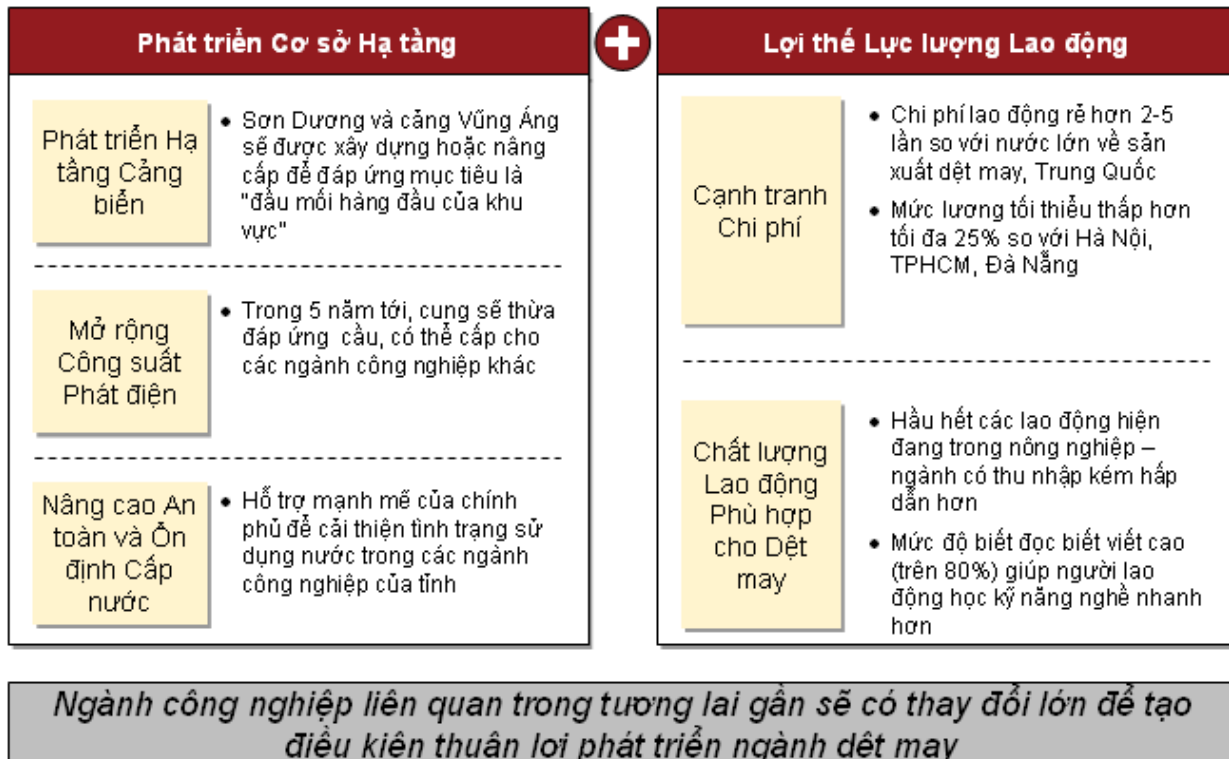
## Hình 138– Chiến lược đa dạng hóa của Vinatex



Nguồn: Vinatex

Theo phân tích ở trên, sự khác biệt lớn nhất trong năng lực cạnh tranh của Hà Tĩnh là cơ sở hạ tầng - đặc biệt là (a) tổ hợp cảng Vũng Áng – Sơn Dương, (b) các nhà máy điện, (c) hạ tầng thiết bị cấp nước, quản lý và xử lý nước được xây dựng trong kế hoạch phát triển các khu công nghiệp khác nhau.

Khi các hạ tầng này sẵn sàng, lượng lao động giá rẻ của Hà Tĩnh trở thành 1 lợi thế nữa tỉnh có thể tận dụng. Không chỉ có giá thấp hơn 25% so với các trung tâm lớn, lực lượng lao động của Hà Tĩnh còn được giáo dục tốt ở cấp trung học, nhờ đó dễ dàng được đào tạo nghề và có thể nhanh chóng trở thành lực lượng lao động lành nghề hoặc bán lành nghề mà cụm ngành này cần. Trên thực tế, cụm ngành dệt may chính là cơ hội lý tưởng thu hút lượng lao động dư thừa từ nông nghiệp, trong đó có lao động nữ, giúp họ có việc làm thu nhập cao hơn.

**Hình 139: Lợi thế Tiềm năng của Hà Tĩnh trong phát triển Cụm ngành Dệt may**

Nguồn: Phân tích của Monitor

Mặc dù có những lợi thế trên, Hà Tĩnh cần cẩn trọng trong việc xem xét và lập kế hoạch giải quyết các vấn đề liên quan đến ô nhiễm môi trường trong cụm ngành này. Do hiện cụm ngành dệt may và may mặc hiện xuất hiện chưa đáng kể trên địa bàn tỉnh, Hà Tĩnh có cơ hội để quy hoạch và thiết kế các cơ sở dệt may và may mặc để áp dụng những phương pháp mới nhất trong xử lý chất thải và nước thải, quản lý nước, khuyến khích nhà đầu tư trong cụm ngành sử dụng năng lượng tiết kiệm hơn và ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường. Đây sẽ là điều rất cần thiết để đảm bảo phát triển bền vững cụm ngành này.

## 2.7.2 Định hướng phát triển:

### 2.7.2.1 Định hướng chung và tầm nhìn

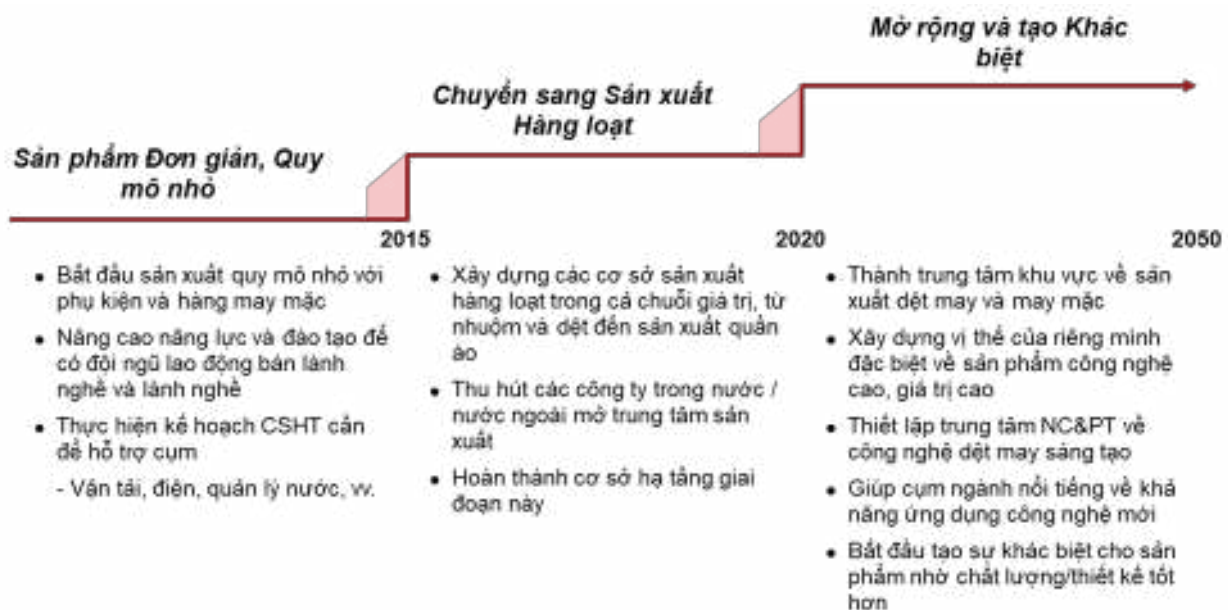
Hà Tĩnh sẽ xây dựng vị thế mạnh và bền vững trong cụm ngành dệt may, tận dụng cơ sở hạ tầng sẽ thiết lập và lợi thế lao động (giá và trình độ). Tỉnh sẽ đạt được tầm nhìn này qua 3 giai đoạn:

- **Sản xuất sản phẩm đơn giản, quy mô nhỏ (2011-15):** Trong giai đoạn này, mục tiêu của Hà Tĩnh ở mức khiêm tốn, chủ yếu tập trung vào khởi động cụm ngành ở tỉnh, với hoạt động sản xuất quy mô nhỏ về hàng may mặc đơn giản và phụ kiện. Trong giai đoạn này, 1 số hạ tầng quan trọng của tỉnh như nhà máy điện, hạ tầng giao thông, nhà xưởng tại các khu công nghiệp Hồng Lĩnh, Gia Lách và Hạ Vàng (Vd quản lý nước và nước thải) đang được xây dựng. Đồng thời, tỉnh cũng tập trung thực hiện chương trình đào tạo và xây dựng năng lực để tạo dựng lượng lao động lành nghề và bán lành nghề phục vụ cụm ngành này khi nó phát triển.

- **Chuyển sang sản xuất hàng loạt (2016-20):** Trong giai đoạn này, Hà Tĩnh sẽ chuyển sang phát triển cụm dệt may thành mô hình sản xuất công nghiệp hàng loạt, với sự hỗ trợ lớn của các công trình cơ sở hạ tầng đã hoàn thành. Hà Tĩnh cũng đảm bảo khoản đầu tư từ 2-3 công ty lớn trong nước và quốc tế trên khắp chuỗi giá trị dệt may (gồm cả nhuộm và sản xuất vải). Những doanh nghiệp này bắt đầu xây dựng nhà xưởng thiết bị cho sản xuất hàng loạt tại các khu công nghiệp Hồng Lĩnh, Gia Lách và Hạ Vàng, đến 2020 sẽ vận hành.
- **Tăng quy mô và tạo sự khác biệt (2021-50):** Trong giai đoạn này, cụm ngành dệt may của Hà Tĩnh sẽ xây dựng động lực của mình dựa trên những dự án đầu tư có từ năm 2020, đồng thời mở rộng và tăng trưởng đáng kể. Tỉnh trở thành 1 trong những trung tâm của khu vực về dệt may. Những hoạt động tạo nhiều giá trị giờ đây chuyển từ các trung tâm hoạt động có chi phí cao hơn như Hà Nội, Tp HCM hay Đà Nẵng về Hà Tĩnh. Ngoài ra, Hà Tĩnh cũng sẽ nhắm tới xây dựng vị thế độc đáo của mình về 1 số sản phẩm trong chuỗi giá trị dệt may, đặc biệt là về sợi công nghiệp và kỹ thuật giá trị cao (Vd sợi sinh thái, sợi nano, sợi thông minh) và vải công nghiệp - vải kỹ thuật giá trị cao (Vd vải chịu nhiệt, vải độ nén cao) cung cấp cho những ứng dụng tại các cụm ngành sẽ phát triển tại Hà Tĩnh. Dệt may và may mặc sẽ được hỗ trợ từ cụm ngành hóa dầu – giúp cung cấp hóa chất sản xuất sợi tổng hợp. Hà Tĩnh sẽ đảm bảo các khoản đầu tư và thiết lập 1 trung tâm NC&PT, tập trung vào sản phẩm dệt may sáng tạo như trên, đồng thời tìm cách giới thiệu những công nghệ và quy trình sản xuất thân thiện với sinh thái và bền vững hơn. Cùng với đó, Hà Tĩnh xây dựng năng lực và khả năng về thiết kế, để giá trị cụm dệt may năm 2050 không chỉ có được nhờ chi phí thấp mà còn từ nhờ chất lượng thiết kế cao.

Hình 140 dưới đây phác thảo các giai đoạn chính trong phát triển cụm ngành dệt may của Hà Tĩnh.

**Hình 140: Mục tiêu Cụm ngành Dệt may Hà Tĩnh tới 2015, 2020 và Tầm nhìn 2050**

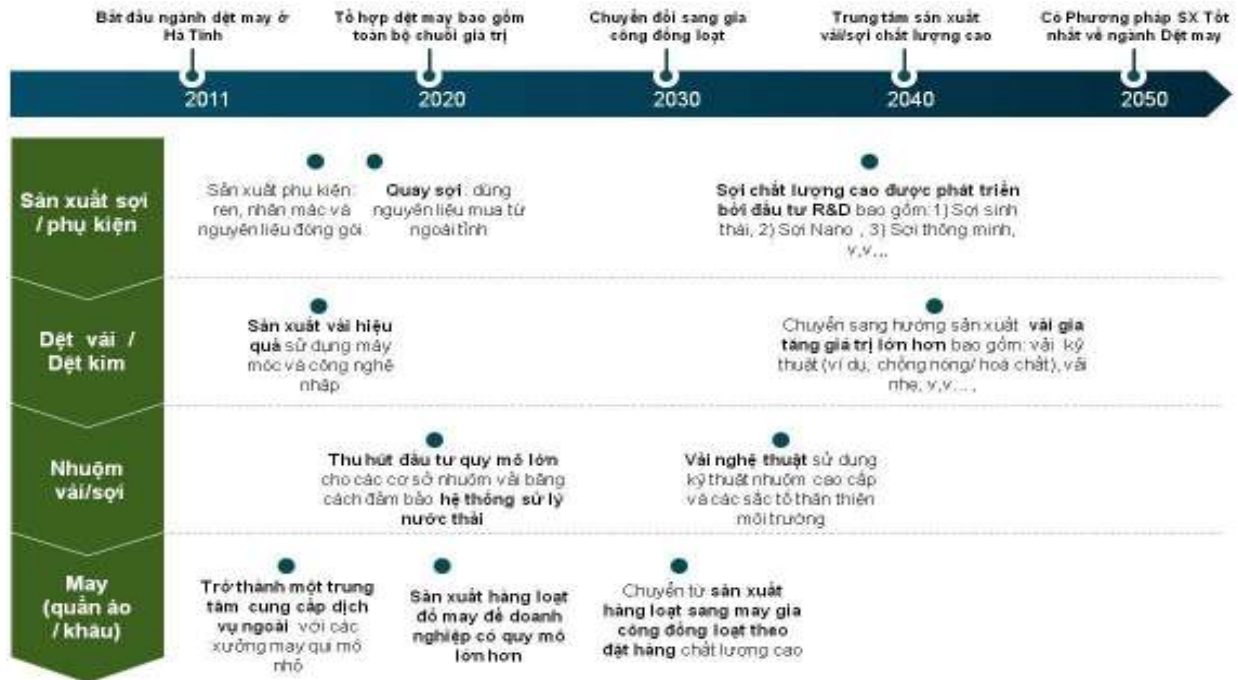


Nguồn: Phân tích của Monitor



Cụm ngành sẽ dần phát triển – bắt đầu với sản phẩm đơn giản, và dần chuyển sang sản phẩm giá trị gia tăng cao hơn trong chuỗi giá trị dệt may (Hình 141).

**Hình 141: Quỹ đạo phát triển Cụm ngành Dệt may Hà Tĩnh (2010-2050)**

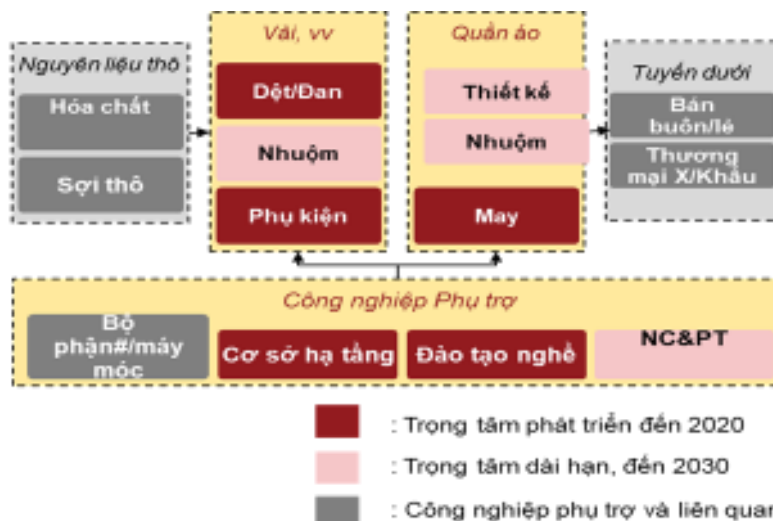


Nguồn: Phân tích của Monitor

**2.7.2.2 Chiến lược cụ thể và quy hoạch phát triển Cụm ngành từ 2011-2020**

Đến năm 2020, Hà Tĩnh sẽ áp dụng cách cách tiếp cận mang tính thực tế để thiết lập cụm ngành và tạo vị thế cho tỉnh để tăng trưởng dài hạn. Trọng tâm phát triển trong 10 năm tới là sản xuất hàng may mặc và phụ kiện đơn giản, sau đó sẽ mở rộng sang sản xuất và nhuộm vải (Hình 142).

**Hình 142: Dự báo mức độ phát triển Cụm ngành Dệt may Hà Tĩnh đến năm 2020**



Nguồn: Phân tích của Monitor

Trong giai đoạn này, Hà Tĩnh sẽ xây dựng và đẩy mạnh các lợi thế sẽ thúc phát triển bền vững dài hạn cụm ngành. Các lợi thế này gồm:

- **Hạ tầng Chất lượng cao:** Hà Tĩnh sẽ bắt đầu phát triển 1 số cơ sở hạ tầng quan trọng cần để thiết lập và phát triển cụm ngành thành công. Cơ sở hạ tầng gồm:
  - **Các cơ sở dành riêng cho dệt may ở vùng dành cho công nghiệp tại Hồng Lĩnh và ở các khu công nghiệp Gia Lách và Hạ Vàng:** Các địa điểm nói trên cần dành riêng 1 diện tích cho cụm ngành dệt may, giúp thuận tiện hơn trong thiết kế và giải quyết các điểm đặc thù của cụm ngành – đặc biệt là về xử lý nước thoát và nước thải. Một phương án để xem xét là có thể phát triển 1 trong 3 khu vực nói trên (Hồng Lĩnh, Gia Lách hoặc Hạ Vàng) thành một khu công nghiệp chuyên về hàng dệt may và may mặc. Điều này cho phép tập trung về cơ sở hạ tầng và nhà xưởng, có thể dễ thu hút đầu tư hơn.
  - **Nguồn cấp điện và nước chất lượng ổn định:** Khu vực dành cho dệt may cần được kết nối ổn định với lưới điện đang quy hoạch ở Vũng Áng, cùng với hệ thống cấp nước sạch và xử lý nước thải phù hợp.
  - **Cơ sở hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải:** Như đã nói ở trên, để đảm bảo hạn chế ô nhiễm môi trường, cụm ngành dệt may cần có hệ thống chuyên xử lý chất thải – đưa vào quy hoạch phát triển các cơ sở cho dệt may. Yêu cầu cụ thể như sau:
    - Nhà máy xử lý nước thải và nhà máy xử lý nước thoát.
    - Trang thiết bị tái chế để xử lý nước.
    - Hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn.
- **Đào tạo và xây dựng năng lực:**
  - **Đưa đào tạo về dệt may và may mặc vào chương trình dạy nghề:** Hình thức tổ chức là các khóa tập trung ngắn ngày (90-120 ngày), thường tổ chức phối hợp với các công ty cần lao động và sẽ tuyển dụng lượng lao động này khi họ học xong. Trong tâm chính của sáng kiến này là đào tạo thực tế, cung cấp kinh nghiệm thực tiễn một cách trực tiếp.
  - **Giáo dục đại học chuyên ngành dệt may ở Đại học Hà Tĩnh:** Hình thức tổ chức là các văn bằng bậc cử nhân và thạc sỹ, gồm tất cả các lĩnh vực của cụm ngành dệt may. Các lĩnh vực này không chỉ liên quan đến kỹ thuật, khoa học mà còn cả những nội dung khác như thiết kế và thời trang. Chương trình thường được tổ chức kết hợp với 1 cơ quan phù hợp trong nước hoặc quốc tế.
  - **Trung tâm NC&PT chất lượng cao:** Mục đích của sáng kiến này là xây dựng năng lực nghiên cứu về dài hạn cho Hà Tĩnh trong những lĩnh vực liên quan đến sản phẩm dệt may sáng tạo như đã nói trong phần tầm nhìn, cũng như tìm cách đưa vào các công nghệ và quy trình thân thiện về sinh thái và bền vững hơn. Trung tâm có thể nằm trong Đại học Hà Tĩnh. Đây là công việc hợp tác giữa trường học và các công ty, nhờ đó các lĩnh vực nghiên cứu thực tế và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của công ty. Ngược lại, các công ty có thể hỗ trợ phần lớn kinh phí và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào kinh doanh. Do đó, tỉnh cần lên kế hoạch phát triển lĩnh vực này khi cụm ngành được thành lập, sau năm 2020.
- **Cơ chế, Chính sách phù hợp:** Hà Tĩnh sẽ có cơ chế chính sách phù hợp để thúc đẩy phát triển cụm ngành này.

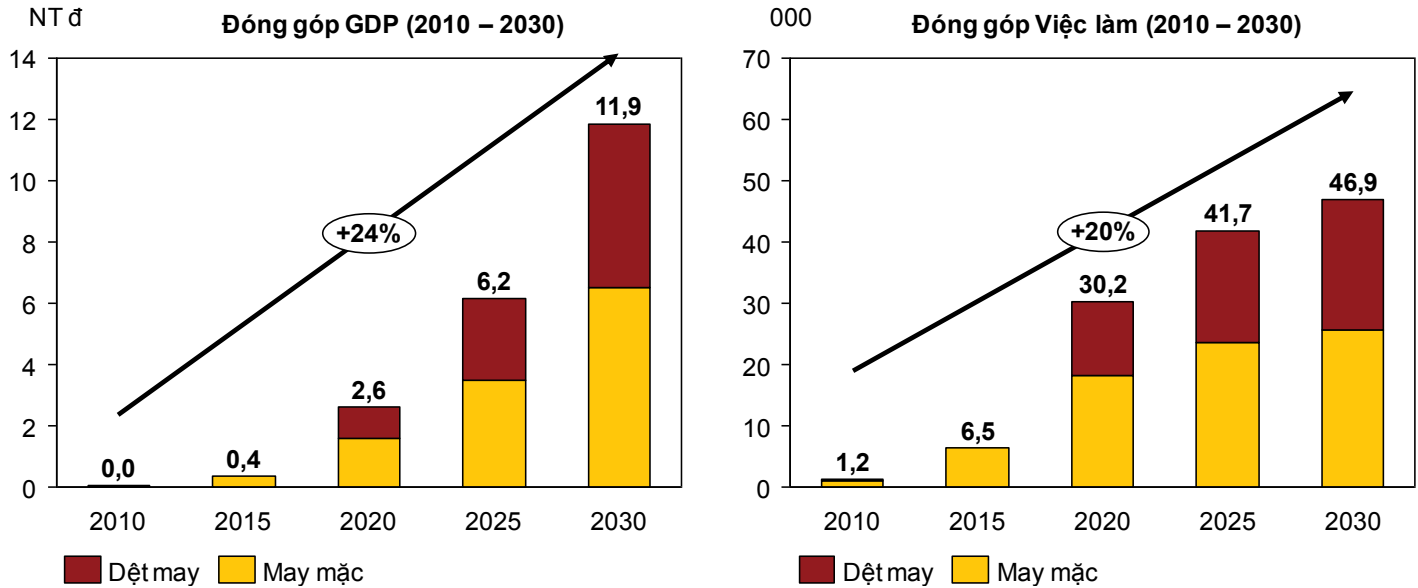
### 2.7.3 Lộ trình Thực hiện và Yêu cầu Đầu tư

Hà Tĩnh sẽ thực hiện kế hoạch này theo một lộ trình có cấu trúc và hệ thống chặt chẽ, dựa trên các kế hoạch đầu tư cho cụm ngành. Tổng lượng đầu tư cần thiết cho cụm ngành này (chỉ tính những cơ sở chế biến/sản xuất – không gồm bất kỳ dự án phát triển cơ sở hạ tầng nào, được tính vào xây dựng và giao thông vận tải) theo ước tính là trên 3,1 nghìn tỷ đồng trong giai đoạn từ bây giờ đến 2020. Tất cả lượng đầu tư này dự kiến sẽ đến từ khu vực doanh nghiệp. Hình 143 dưới đây cho thấy tổng quan các dự án đầu tư quan trọng.

Tóm lại, ở mức độ tổng quan, Hà Tĩnh sẽ thiết lập được cụm ngành dệt may phát triển mạnh. Cụm ngành đóng 2,6 nghìn tỷ đồng vào GDP vào năm 2020, tăng lên 12 nghìn tỷ đồng vào năm 2030. Về lao động, cụm dệt may đóng góp 30.000 việc làm vào năm 2020, tăng lên 47.000 vào năm 2030. Hầu hết lao động, đặc biệt trong sản xuất hàng may mặc, là nữ lao động lành nghề hoặc bán lành nghề, trước đây đã chuyển từ cụm nông nghiệp và các ngành liên quan.

**Hình 143: Yêu cầu Đầu tư cho Cụm ngành May mặc và Dệt may**

| Hạng mục Đầu tư                       | Vốn đầu tư (Tr đ) | Nguồn           | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
|---------------------------------------|-------------------|-----------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Nhà máy Sản xuất May mặc              | 830.000           | Ngoài ngân sách |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nhà máy Sản xuất Phụ kiện May mặc     | 190.000           | Ngoài ngân sách |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Cơ sở Quay sợi/ Sản xuất Sợi Tổng hợp | 240.000           | Ngoài ngân sách |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nhà máy Dệt vải                       | 1.900.000         | Ngoài ngân sách |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>TỔNG</b>                           | <b>3.160.000</b>  |                 |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |

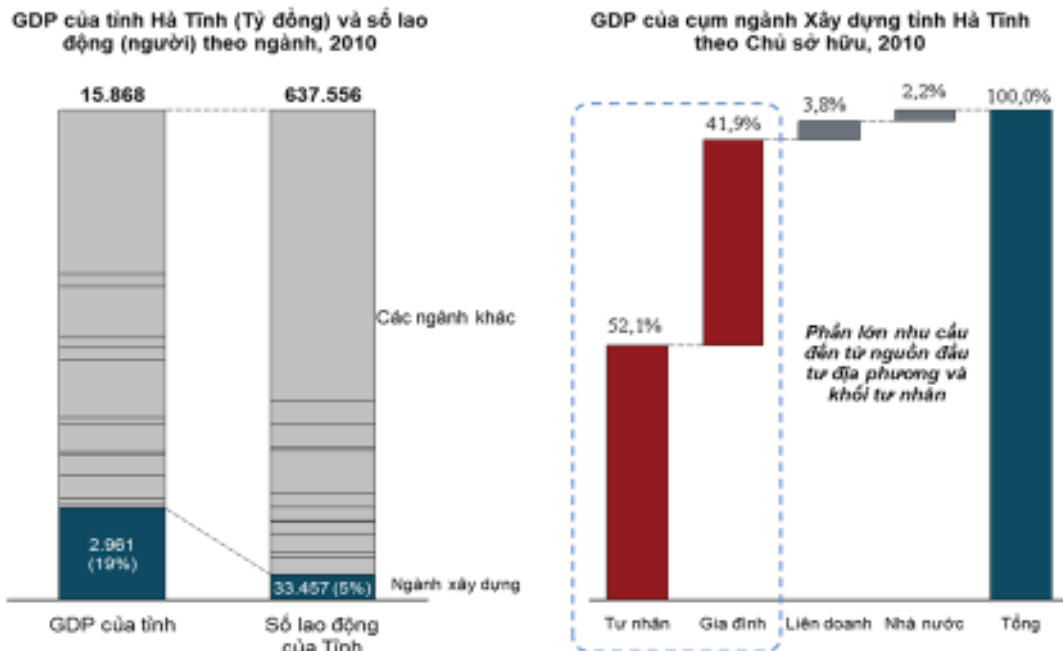
**Hình 144: Đóng góp của cụm dệt may về GDP và việc làm (2010 – 2030)**

Nguồn: Phân tích của Monitor

## 2.8 Cụm ngành Xây dựng

### 2.8.1 Tổng quan lợi thế và thách thức

Cụm ngành xây dựng hiện chiếm 19% GDP và 5% tổng số lao động; và tập trung chủ yếu phục vụ nhu cầu ở địa phương. Khối tư nhân và hộ gia đình chiếm hơn 94% GDP của cụm ngành này (Hình 145).

**Hình 145: Tầm quan trọng và cơ cấu hiện tại của cụm Xây dựng**

Nguồn: Tổng cục Thống kê; Niên giám Thống kê Hà Tĩnh; Phân tích của Monitor

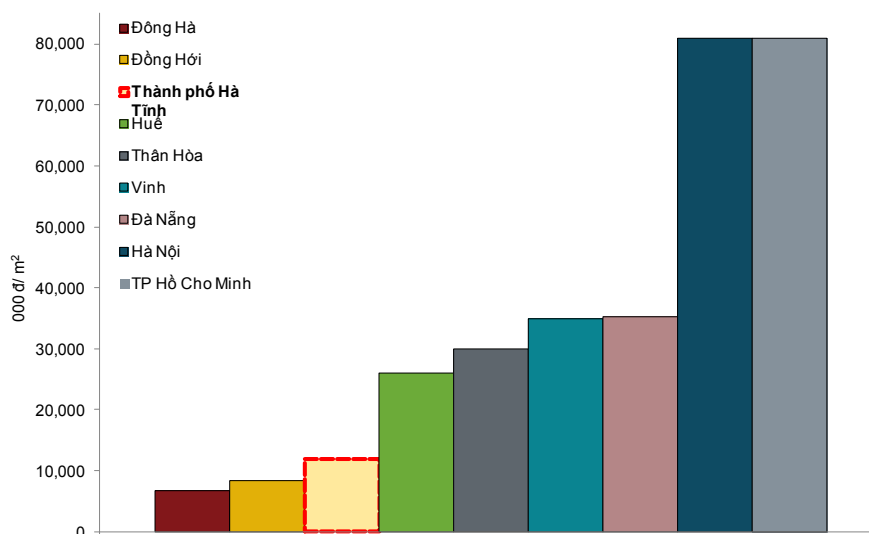
Xây dựng là ngành phát triển nhất tỉnh Hà Tĩnh trong suốt 10 năm qua với tăng trưởng hàng năm (CAGR) đạt trên 28% (mức giá không đổi). Trong nhiều năm trở lại đây, một lượng lớn vốn đầu tư của tỉnh được đầu tư vào kết cấu hạ tầng kỹ thuật. Cụ thể, trong năm 2010, hơn một nửa tổng số vốn đầu tư 11.475 tỷ đồng của Tỉnh được rót vào khối ngành này.

Hà Tĩnh có một số lợi thế về tự nhiên có thể phát triển cụm ngành này:

- **Nguyên vật liệu thô:** Tỉnh Hà Tĩnh có tiềm năng khai thác 900.000 mét khối đá và 300.000 mét khối cát một năm. Hiện đã có một số doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào ngành công nghiệp vật liệu xây dựng ở Tỉnh. Ngoài ra, Hà Tĩnh có thể trở thành nơi cung cấp gỗ nhờ nguồn tài nguyên rừng rất phong phú. Tuy nhiên, quy mô mở rộng bị hạn chế vì mục tiêu bảo vệ và duy trì diện tích rừng hiện có, song Tỉnh có thể tiếp cận nguồn cung cấp gỗ thương mại chất lượng cao nhập khẩu từ Lào.
- **Nguồn nhân lực sẵn có với chi phí thấp:** Hà Tĩnh có nguồn nhân lực dồi dào, đặc biệt là lượng lao động dư thừa từ nông nghiệp. Một phần lớn số lao động nhàn rỗi này sẽ tham gia vào các công việc xây dựng. Hơn nữa, giá nhân công ở Tỉnh khá thấp (chỉ bằng 60% giá nhân công trung bình của Việt Nam năm 2010) cho phép hạ thấp chi phí của các dự án xây dựng trên địa bàn tỉnh với điều kiện tỉnh phải đảm bảo đào tạo công nhân để bắt kịp năng suất các trung tâm đô thị khác.

Tuy nhiên, ngành xây dựng của Tỉnh hiện đang chậm phát triển và phải đối mặt với một số khó khăn như:

- **Điều kiện sẵn có và nguồn lực:** Tuy có lợi thế về số lượng và giá nhân công, song phần lớn lao động của Tỉnh không thuộc diện lành nghề. Nếu không được đầu tư thích đáng vào các khóa học hướng nghiệp thì đây sẽ là một khó khăn của Tỉnh khi phát triển ngành xây dựng. Ngoài ra, nguồn lực tài chính của tỉnh cũng vẫn còn khá hạn chế. Thị trường tín dụng ở địa phương còn khá nhỏ về quy mô, do đó, đặc biệt là với các doanh nghiệp vừa và nhỏ thì vốn đầu tư sẵn có cho các dự án xây dựng lớn đang là một thách thức lớn. Đồng thời, khách hàng xây dựng dân dụng cũng ít có tài sản thế chấp và lựa chọn để vay ngân hàng xây nhà. Hơn nữa, cơ sở hạ tầng chưa đầy đủ và kém chất lượng, ví dụ như tình trạng thiếu điện, điều kiện đường xá và kết nối đến các trung tâm lớn còn chưa thuận tiện.
- **Cơ cấu công nghiệp và tính cạnh tranh:** Hà Tĩnh hiện đang thiếu môi trường phát triển cho ngành xây dựng địa phương, gồm các nhà tổng thầu, kiến trúc sư, công ty xây dựng thương mại, nhà thầu chuyên trách, công ty bất động sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Tỉnh cũng chậm một bước so với các tỉnh bạn trong khâu sản xuất vật liệu xây dựng như (so với Nghệ An). Do vậy, cụm ngành xây dựng của Hà Tĩnh hiện phải nỗ lực rất nhiều để cải thiện và phát triển.
- **Các điều kiện về nhu cầu:** Hiện tại, nhu cầu về nhà ở trong địa bàn tỉnh còn khá hạn chế dù có tăng, chủ yếu là do khả năng chi trả và mức sống cũng như bản chất là một tỉnh nông nghiệp. Ngoài ra, khối ngành công nghiệp của tỉnh còn tương đối nhỏ (chỉ chiếm 0,17% tổng sản lượng công nghiệp của cả nước) điều này cho thấy nhu cầu xây dựng còn hạn chế. Do đó, thị trường bất động sản hiện tại còn chưa tương xứng với tiềm năng, giá đất trong tỉnh cũng thấp hơn ở các tỉnh khác trong khu vực (Hình 146).

**Hình 146: Giá đất đô thị Việt Nam**

Nguồn: Quyết định của UBND năm 2010 về giá đất, báo chí

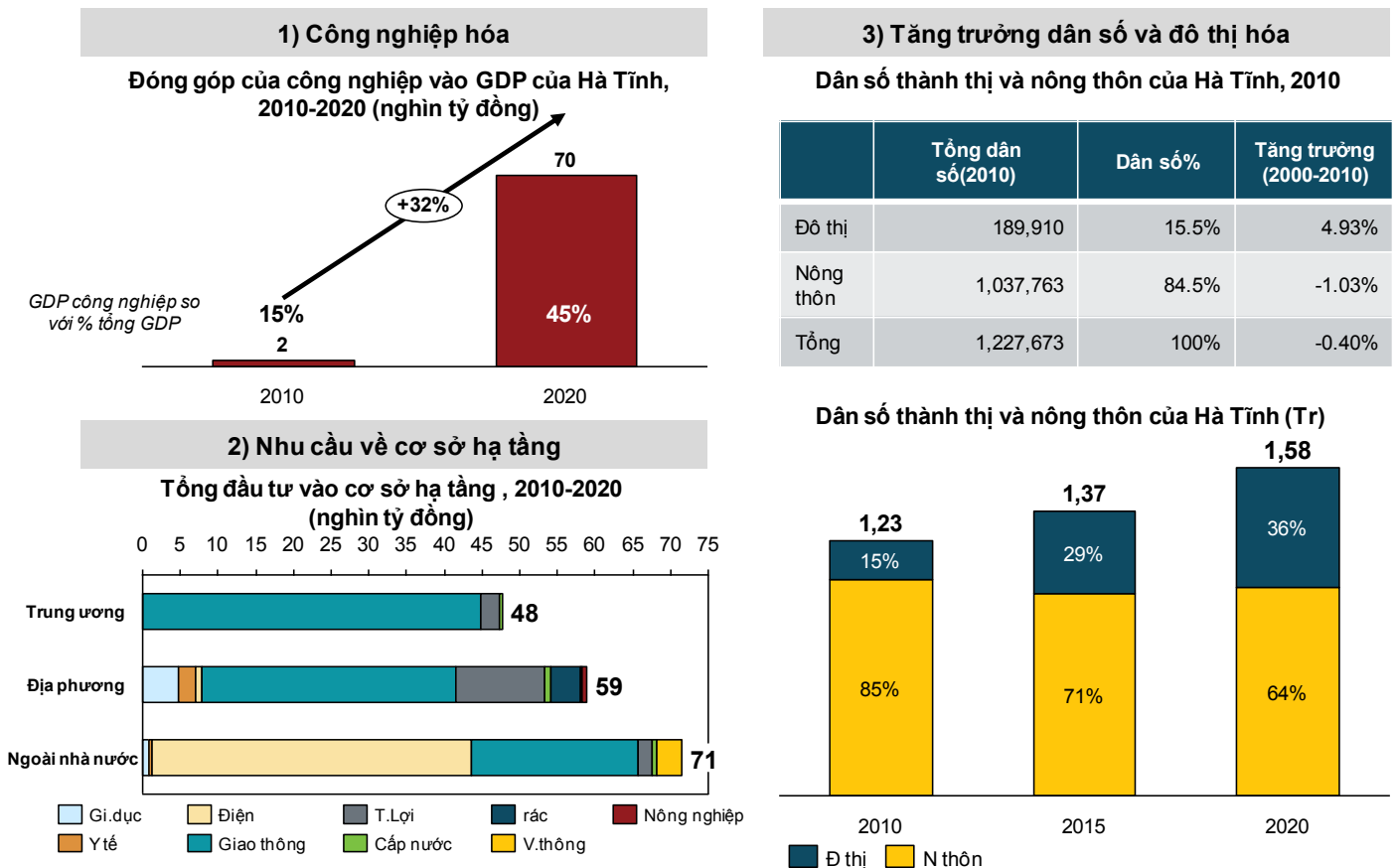
- Các ngành công nghiệp hỗ trợ và có liên quan:** Các cụm ngành có liên quan và hỗ trợ cho ngành xây dựng như sản xuất vật liệu, sản xuất thép, và trang thiết bị xây dựng vừa mới thành lập và còn khá yếu. Hà Tĩnh hiện chỉ có thể tự cấp một số vật liệu đầu vào đơn giản như cát và gỗ, thiếu khả năng cung cấp xi-măng, bê-tông chất lượng cao hay các sản phẩm gỗ có giá trị. Mặt khác, hạn chế trong việc tìm thuê trang thiết bị xây dựng càng khiến Tỉnh khó khăn hơn khi phát triển cụm ngành này.
- Vai trò của Chính quyền:** Hiện chưa có chính sách hay quy định cụ thể nào của tỉnh ủng hộ phát triển cụm ngành này, ví dụ như việc phát triển các dự án trọng điểm về xây dựng khu dân cư hay các dự án xây dựng khác. Sự có mặt của những ưu đãi như vậy sẽ là chất xúc tác cho cụm ngành này trong tương lai. Đồng thời, sự phát triển của cụm ngành này, đặc biệt là thị trường bất động sản, yêu cầu tỉnh tái cơ cấu sử dụng đất theo hướng ưu tiên hơn cho đô thị và công nghiệp, thay vì cho nông thôn và nông nghiệp. Để làm được điều này, Hà Tĩnh cần có quy hoạch đất đai phù hợp, cũng như cơ chế chính sách đảm bảo tính thuận tiện, minh bạch và hiệu quả trong chuyển nhượng, mua bán đất và tài sản gắn liền với đất.
- Cơ quan để Hợp tác:** Tỉnh còn thiếu đào tạo chuyên môn về lĩnh vực này, trong khi việc đào tạo đó có thể giúp nâng cao kỹ năng của lao động và phát triển các dịch vụ bất động sản có liên quan. Ngoài ra, cơ sở hạ tầng nghiên cứu và phát triển còn hạn chế trong việc đổi mới lĩnh vực vật liệu xây dựng và công nghệ xây dựng.

Theo tiến trình phát triển, nhu cầu sẽ tăng cao (theo Hình 147) cả về chất và lượng, đây cũng là cơ hội cho Tỉnh tận dụng để xây dựng và phát triển cụm ngành này vững mạnh.

Sản lượng công nghiệp ước tính tăng khá cao, 32% mỗi năm trong hơn 10 năm tới sẽ khiến nhu cầu xây dựng tăng mạnh. Một số dự án lớn về cơ sở hạ tầng cũng đã được Tỉnh lên kế hoạch với tổng số vốn đầu tư ước tính lên đến 178 nghìn tỷ trong 10 năm tới cũng sẽ khiến nhu cầu về các dịch vụ, sản phẩm liên quan tới xây dựng và bất động sản tăng cao. Ngoài ra, thu nhập người dân sẽ tăng (ước tính gấp 4 lần trong hơn 10 năm tới) và dân số

(từ 1,23 triệu người trong năm 2010 lên 1,58 triệu người trong năm 2020) dẫn đến việc gia tăng các khu đô thị và nâng cấp các khu vực nông thôn, từ đó kéo theo nhu cầu về nhà ở, xây dựng thương mại và các vật liệu cũng như phương pháp xây dựng mới bền vững gia tăng.

**Hình 147: Tổng quan các yếu tố thúc đẩy nhu cầu Xây dựng ở Hà Tĩnh**



Nguồn: Tổng cục Thống kê; Niên giám Thống kê Hà Tĩnh; Phân tích của Monitor

Đồng thời, một số yếu tố nhất định về cung cũng sẽ hỗ trợ đáng kể cho sự phát triển của cụm ngành này trong tương lai:

- **Sản xuất thép:** Sự phát triển của ngành sắt và thép sẽ mang lại nguồn thép sẵn có và phong phú cho Tỉnh và sẽ là chất xúc tác cho sự phát triển các sản phẩm và vật liệu xây dựng từ thép.
- **Nguồn cung năng lượng:** Việc xây dựng nhà máy điện ở Vũng Áng sẽ tạo nguồn cung cấp điện dồi dào cho Tỉnh và tạo cơ hội phát triển các cụm ngành sản xuất, bao gồm ngành sản xuất vật liệu và các sản phẩm xây dựng.
- **Cải thiện giao thông:** Sau khi các dự án cơ sở hạ tầng được hoàn thành, Hà Tĩnh sẽ có một cụm ngành hậu cần và giao thông phát triển giúp (a) việc vận chuyển các vật liệu đầu vào cho cụm ngành xây dựng được thuận tiện và hiệu quả, và (b) giúp tiếp cận các thị trường lớn khác. Điều này càng hỗ trợ thêm phát triển cụm ngành xây dựng.

- **Ưu tiên diện tích đất cho công nghiệp và đô thị:** Với nhu cầu ngày càng tăng, tỉnh cần tái cơ cấu quy hoạch sử dụng đất nhằm dành thêm diện tích cho công nghiệp và đô thị. Như đã đề cập ở trên, tỉnh rất cần có cơ chế chính sách phù hợp để đảm bảo cung cấp đủ đất cho cụm ngành xây dựng, trong đó có vật liệu xây dựng và dịch vụ bất động sản.

## 2.8.2 Định hướng phát triển:

### 2.8.2.1 Định hướng chung và Tầm nhìn

Cụm ngành xây dựng sẽ trở thành một ngành quan trọng hỗ trợ cho sự phát triển của tỉnh Hà Tĩnh. Cụm ngành này sẽ phát triển có hệ thống và theo từng giai đoạn (Hình 148).

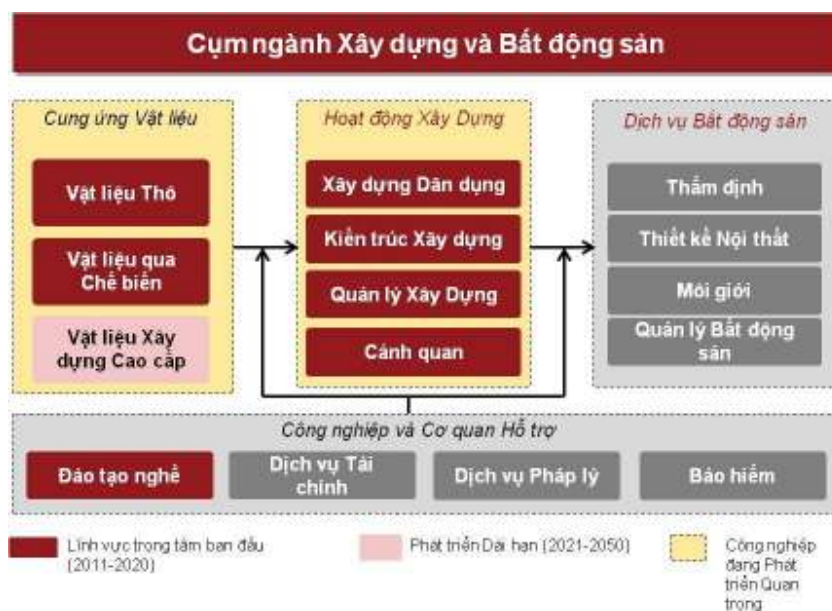
- **Cụm ngành mới nổi (2011-2015):** Trong giai đoạn này, ngành xây dựng sẽ thực hiện hàng loạt dự án cơ sở hạ tầng. Các hoạt động xây dựng cũng sẽ phát triển mạnh thông qua một số các ngành liên quan như sắt thép, nông nghiệp, thương mại, giao thông và hậu cần và các ngành sản xuất liên quan khác. Vốn đầu tư chủ yếu sẽ thông qua các doanh nghiệp lớn trong nước và quốc tế. Cũng trong giai đoạn này, Tỉnh sẽ có sự phát triển của một số doanh nghiệp vừa và nhỏ, lúc đầu đóng vai trò làm thầu phụ. Tốc độ đô thị hoá dần cao lên, làm tăng hoạt động xây dựng phục vụ thương mại, bán lẻ, khách sạn và dân dụng. Ở Hà Tĩnh giai đoạn này bắt đầu xuất hiện 1 phân cụm dịch vụ bất động sản có tổ chức hơn, trong đó có một số doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương trong bất động sản, cung cấp dịch vụ và một số công ty lớn trong nước và quốc tế. Tỉnh cũng sẽ thực hiện các chương trình đào tạo hướng nghiệp và chuẩn bị lực lượng sẵn sàng phục vụ cho cụm ngành. Nhu cầu về vật liệu xây dựng như đá, cát và các sản phẩm cơ bản từ thép sẽ tăng đáng kể. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, tỉnh vẫn chưa thể tự cấp các loại vật liệu tiên tiến và phải tìm nguồn từ bên ngoài.
- **Cụm ngành Xây dựng phát triển (2016-2020):** Trong giai đoạn này, các ngành công nghiệp phụ trợ và có liên quan phát triển chính thức hoàn thiện bộ mặt của cụm ngành xây dựng. Hà Tĩnh sẽ trở thành cơ sở tự nhiên trong việc xử lý và sản xuất các vật liệu xây dựng tiên tiến nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Tỉnh cũng như sự phát triển của cả vùng. Việc đô thị hóa nhanh chóng giúp tạo tăng trưởng và nâng cao mức độ phức tạp của phân cụm dịch vụ bất động sản. Cũng trong giai đoạn này, Tỉnh thực hiện các chương trình đào tạo hướng nghiệp cũng như các khóa học về xây dựng dân dụng, kiến trúc, quy hoạch đô thị, quản lý bất động sản và tài sản gắn liền với đất, vv. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp tục lớn mạnh cùng với nguồn vốn từ các công ty trong nước và quốc tế. Các doanh nghiệp địa phương liên kết với các doanh nghiệp ngoài tỉnh với tư cách là nhà thầu phụ hay dưới hình thức cổ phần. Tỉnh đã giảm sự phụ thuộc vào các nguyên vật liệu và trang thiết bị xây dựng bên ngoài.
- **Giai đoạn phát triển tiên tiến (2021-2050):** Trong giai đoạn này, cụm ngành tập trung vào chuyển đổi từ phát triển công nghiệp/cơ sở hạ tầng sang xây dựng các khu dân cư nhờ điều kiện kinh tế khá hơn. Các công ty xây dựng trong địa bàn bắt đầu tìm kiếm cơ hội bên ngoài tỉnh. Ngành sản xuất vật liệu chuyển sang sản xuất các sản phẩm có giá trị (ví dụ vật liệu xây dựng đúc sẵn) và các vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường. Trong giai đoạn này, tỉnh sẽ đổi mới công nghệ xây dựng và áp dụng quy trình xây dựng bền vững. Phân cụm bất động sản sẽ tiếp tục phát triển, giúp Hà Tĩnh có dịch vụ quản lý tài sản gắn liền với đất và dịch vụ xây dựng chất lượng cao.



**Hình 148: Mục tiêu của Cụm ngành Xây dựng tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2015, 2020 và tầm nhìn 2050**

Nguồn: Phân tích của Monitor

Do vậy, đến năm 2050, Hà Tĩnh có cơ hội trở thành một tỉnh có cụm ngành xây dựng chất lượng cao, có giá trị gia tăng. Hình 149 dưới đây là tổng quan về các phân cụm chính sẽ trở thành trụ cột cho cụm ngành xây dựng.

**Hình 149 – Sơ đồ Phân cụm chính**

Nguồn: Phân tích của Monitor

Hình 150 dưới đây là tổng quan về các sản phẩm vật liệu xây dựng cụ thể mà cụm ngành này sẽ sản xuất. Ví dụ, trong giai đoạn đầu phát triển, Tỉnh tập trung nhiều hơn vào đá và cát thô, các sản phẩm thép cơ bản. Hà Tĩnh sẽ bắt đầu giảm dần các sản phẩm cơ bản hiện tại từ đất sét như gạch sống, gạch nung, chuyển sang sản phẩm bền vững hơn là gạch ép thông qua sử dụng xi và các phụ phẩm khác/vật liệu thải từ các ngành công nghiệp có trong tỉnh (vd: thép, nhiệt điện). Hầu hết các loại vật liệu khác đều được mua từ ngoài tỉnh về. Trong giai đoạn tiếp theo từ năm 2016 đến 2020, Tỉnh bắt đầu tập trung vào các sản phẩm có giá trị cao hơn, như các sản phẩm từ đá/cát qua xử lý-pha trộn vật liệu khác; các sản phẩm từ thép phức tạp hơn và nhiều thành phần hơn hay kính dạng tấm tiêu chuẩn từ thủy tinh vôi cabonat dùng cho cửa sổ. Đến năm 2020, tỉnh sẽ hoàn toàn ngừng sản xuất tất cả các loại gạch nung. Sau năm 2020, Tỉnh sẽ tiếp tục cải thiện chất lượng và giá trị các sản phẩm trong địa bàn mình, tiến tới sản xuất các sản phẩm thép tiên tiến (như thép cấu kiện có độ bền cao và có thể tái chế), gạch đúc sẵn làm từ nguyên liệu tái chế hoặc các nguyên liệu thân thiện với môi trường, kính thông minh (kính/thủy tinh đổi màu electro-chromic) với các thuộc tính tiết kiệm năng lượng và các loại vật liệu tiên tiến có mức carbon thấp khác. Khu tổ hợp hóa dầu có thể được thành lập tại Hà Tĩnh cũng sẽ tạo cơ hội để tỉnh để tập trung vào các sản phẩm xây dựng từ polymer và nhựa, ví dụ như bột polyurethane và ống PVC.

**Hình 150: Tổng quan các sản phẩm điển hình của Cụm ngành Xây dựng tỉnh Hà Tĩnh**



Nguồn: Phân tích của Monitor

Đồng thời, vào năm 2050, tốc độ đô thị hóa nhanh chóng song vẫn bền vững của tỉnh với động lực là nền kinh tế dịch vụ và công nghiệp, sẽ có sự hỗ trợ thêm từ phân cụm bất động sản phát triển và đa dạng. Ở Hà Tĩnh sẽ

có các công ty cung cấp dịch vụ cho tất cả các thành phần chính trên chuỗi giá trị phân cụm ngành bất động sản, trong đó có dịch vụ môi giới và đại lý, dịch vụ quản lý bất động sản, dịch vụ bảo trì và kỹ thuật cho bất động sản, dịch vụ pháp lý, dịch vụ kiến trúc và thiết kế (bao gồm thiết kế xây dựng có khả năng chống chịu khí hậu và thiết kế xanh/bền vững). Hình 151 dưới đây là tổng quan các thành phần chính của phân cụm trên địa bàn tỉnh.

**Hình 151 – Thành phần chính của phân cụm bất động sản**



Nguồn: Phân tích của Monitor

### 2.8.2.2 Chiến lược và Kế hoạch cụ thể phát triển Cụm ngành xây dựng giai đoạn 2011-2020

Như đã nêu trên, có ba động lực chính thúc đẩy nhu cầu của Cụm ngành Xây dựng:

- **Công nghiệp hóa ngày càng tăng:** Hà Tĩnh sẽ trải qua giai đoạn công nghiệp hóa mạnh mẽ trong khoảng thời gian 10 năm tới, thông qua việc phát triển một số cụm ngành như sắt thép, chế biến nông sản, thương mại, vận tải và hậu cần, dệt may và các sản phẩm từ thép. Sản lượng công nghiệp ước tính tăng trung bình 32% hàng năm trong suốt giai đoạn và vốn đầu tư tương xứng ước tính đạt 243 nghìn tỷ đồng, bao gồm vốn đầu tư cho:
  - Nhà máy thép Formosa, nhà máy phát điện và cảng: 128 nghìn tỷ.
  - Sản xuất thép khác: 103 nghìn tỷ.
  - Tổng đầu tư cho các nhà máy sản xuất thép cấu kiện là 15 nghìn tỷ đồng.

Tất cả các khoản đầu tư này sẽ kéo theo các dự án xây dựng lớn và nhu cầu cho cụm ngành xây dựng nói chung. Đơn cử, chỉ riêng xây dựng một nhà máy thép đã đòi hỏi một khối lượng công việc đồ sộ. Chi phí đầu tư cho mỗi triệu tấn thép được sản xuất lên tới 550 triệu đô la Mỹ (và chi phí thực tế 2 tỷ đô la Mỹ cho

mỗi triệu tấn thép đã không còn là điều gì xa lạ), 25% tổng số vốn đầu tư là chi phí xây dựng. Với mục tiêu sản xuất 8,5 triệu tấn thép mỗi năm đến 2020, và hai nhà máy thép lớn hoạt động, ước tính cần đến trên 103 nghìn tỷ để đầu tư và một con số hơn thế để duy trì các dự án này. Quy mô xây dựng tăng cao, trung bình 2000 hecta mỗi đơn vị. Bê-tông, đá và gạch được sử dụng sẽ do Tỉnh tự cấp và một số vật liệu khác huy động từ các nguồn ngoài tỉnh. Ngành xây dựng có thể sẽ do các công ty/doanh nghiệp bên ngoài điều hành và các công ty của tỉnh sẽ đảm trách công việc của nhà thầu phụ.

- **Nguồn vốn đầu tư rất lớn vào cơ sở hạ tầng:** Tỉnh sẽ chứng kiến một lượng vốn đầu tư khổng lồ được đầu tư vào các dự án cơ sở hạ tầng trong 10 năm tới, ước tính tổng số vốn đầu tư lên đến hơn 184 nghìn tỷ đồng trong giai đoạn này, bao gồm cả vốn đầu tư trong các lĩnh vực giao thông vận tải (đường, cảng, đường sắt và các dịch vụ hậu cần...), cơ sở hạ tầng công nghiệp (vd các khu công nghiệp), giáo dục, năng lượng, nước, cơ sở hạ tầng thủy lợi. Ví dụ, nguồn vốn đầu tư bao gồm:
  - Nhà máy Nhiệt Điện Vũng Áng 1 và 2 với số vốn đầu tư là 42 nghìn tỷ đồng trong giai đoạn này.
  - Nâng cấp Quốc lộ 1 với tổng đầu tư là 5 nghìn tỷ đồng.
  - Nâng cấp đường Quốc lộ 8A/8B với tổng số vốn đầu tư là 4 nghìn tỷ đồng.
  - Nâng cấp và xây dựng các tỉnh lộ mới với tổng đầu tư 19 nghìn tỷ đồng.
  - Hoàn thành hồ chứa nước và dự án thủy điện Ngàn Trươi với tổng số vốn đầu tư 5 nghìn tỷ đồng trong giai đoạn này.

Điều này sẽ tạo ra nhu cầu rất lớn cho cụm ngành xây dựng. Ví dụ, chi phí ước tính cho công tác xây dựng chiếm đến 67% tổng số vốn đầu tư xây mới một con đường. Với số vốn đầu tư hơn 160 tỷ đồng cho mỗi km đường quốc lộ mới đạt tiêu chuẩn quốc gia, chi phí cho công tác xây dựng lên đến trên 100 tỷ đồng, trong đó gần 50% chi phí cho nguyên vật liệu, số còn lại chia đều 25 cho nhà máy và cho nhân công. Với mức lương trung bình ở Tỉnh Hà Tĩnh, ước tính mỗi km đường tạo khoảng hơn 200 việc làm.

- **Thu nhập, dân số và khu đô thị tăng:** Mức thu nhập của người dân Hà Tĩnh sẽ tăng khi Tỉnh nhà đạt được mức tăng trưởng kinh tế trong một thập kỷ tới. Ước tính thu nhập theo đầu người sẽ tăng từ 13,0 triệu đồng trong năm 2010 lên đến 97,7 triệu đồng tính đến năm 2020, đạt mức tăng trung bình hàng năm là 15,5%. Cũng trong giai đoạn này, Tỉnh sẽ đảo ngược xu hướng di cư, dân số ước tính tăng từ 1,23 triệu người trong năm 2010 lên 1,58 triệu người vào năm 2020. Hai yếu tố này sẽ tăng quá trình đô thị hóa, từ 15% trong năm 2010 lên 36% trong năm 2020.

Quá trình đô thị hóa tăng kéo theo nhu cầu về xây dựng nhà ở, xây dựng cửa hàng bán lẻ và xây dựng thương mại. Theo ước tính, đến năm 2020, tỉnh sẽ cần thêm 83.000 nhà ở đô thị và 215.000m<sup>2</sup> diện tích thương mại. Do nhu cầu về diện tích dân cư và thương mại tăng đáng kể, giá đất có thể tăng dần lên, do đó tạo cơ hội đáng kể cho phát triển thị trường bất động sản. Ví dụ, Đà Nẵng, đô thị lớn nhất Miền trung, có tốc độ tăng trưởng thị trường bất động sản đạt 18% từ năm 2004-2008.

Quá trình đô thị hóa cũng dẫn đến nhu cầu xây dựng hạ tầng đô thị và các dịch vụ như cấp thoát nước, phân bổ điện, nhà máy xử lý nước và rác thải, các phương tiện giao thông công cộng v.v...

Hà Tĩnh sẽ áp dụng phương thức phát triển bền vững cho đô thị hóa. Hiện tại, mật độ xây dựng ở các khu vực đô thị còn khá thấp. Điều này dẫn đến việc sử dụng đất thiếu hiệu quả và chi phí dịch vụ cao. Ví dụ, đối với mỗi mức tăng 5000 người của Tỉnh xét ở mật độ hiện tại, tỉnh cần 50 hecta để xây mới nhà ở, cơ sở hạ tầng xã hội, đường xá, v.v. Yêu cầu này quá cao và cực kỳ tốn kém, đặc biệt khi dân số của Tỉnh ước tính

tăng thêm 61.500 người trong 10 năm tới, thậm chí hơn nữa trong giai đoạn này. Vì vậy, mục tiêu kế hoạch đến năm 2020 là dần dần xác định và áp dụng các biện pháp kiểm soát cứng rắn về phạm vi xây dựng với các đô thị. Các “vành đai” để kiểm soát xây dựng này sẽ hạn chế việc phát triển thiếu quy hoạch và khuyến khích chủ sở hữu đất ưu tiên tăng mật độ xây dựng trên diện tích họ sở hữu. “Vành đai” này cũng dần nâng giá trị tài sản đồng nghĩa với việc nó cũng khuyến khích người chủ sở hữu tăng khối lượng xây dựng trên mảnh đất của họ. Đồng thời, lãnh đạo Tỉnh sẽ đưa ra những hướng dẫn về mật độ đề xuất xây dựng này trong các khu đô thị. Thách thức trung và dài hạn là tăng mật độ xây dựng trong các khu trung tâm của Thành phố Hà Tĩnh từ 70 người/héc-ta hiện nay lên khoảng 200 người/héc-ta (mật độ dân số hiện tại ở trung tâm thành phố Hồ Chí Minh). Con số này đồng nghĩa với việc tăng 35% mật độ xây dựng chung. Có đề xuất rằng giá trị phần trăm này nên được áp dụng cho tất cả các khu dân cư chính trong địa bàn tỉnh.

Phương thức đề xuất đối với việc phát triển khu đô thị cũng tương tự như đối với các khu đô thị lớn và các nước lớn trên Thế giới. Ví dụ, quá trình đô thị hóa là động lực chính của ngành xây dựng Trung Quốc, một quốc gia có nền kinh tế phát triển mạnh. Dân số tại các khu đô thị ở Trung Quốc (hiện ở mức 46%) ước tính tăng hơn 50% đến năm 2020. Quá trình đô thị hóa này dẫn đến việc xây dựng thêm các khu dân cư và các tòa nhà thương mại. Với việc tập trung tăng mật độ xây dựng, số tầng của các tòa nhà cũng vì thế mà tăng lên. Ngày nay, gần 70% các tòa nhà ở các thành phố đông dân nhất Trung Quốc là từ 10-20 tầng, so với 10% ở các vùng có mật độ dân số thấp hơn và gần như 0% ở vùng nông thôn. Ước tính sẽ có thêm từ 4 đến 5 triệu tòa nhà được xây mới (chủ yếu là khu dân cư) từ 2005 đến 2025 và Chính phủ có thể sẽ phải tiêu tốn đến 4 nghìn tỷ đô la Mỹ cho hạ tầng đô thị tính đến năm 2020.

Hơn nữa, **khả năng chống chịu** và **bền vững** cần được coi là chủ đề chính với tất cả các lĩnh vực nhu cầu nói trên, do đó đây cần là trọng tâm của cụm ngành.

Điều này bao gồm cả các biện pháp phòng tránh trên quy mô lớn và các phương pháp thích ứng cho các cộng đồng quy mô nhỏ hơn, khi mà cả hai đều tạo ra nhu cầu về xây dựng cho cụm ngành. Ví dụ cho những dự án như vậy gồm:

- Các biện pháp phòng tránh trên quy mô lớn:
  - Hệ thống kiểm tra đập phía thượng nguồn và các nhánh của các con sông Ngàn Phố, Ngàn Trươi và Ngàn Sâu.
  - Hệ thống đê điều dọc các con sông và mạng lưới đê biển như hệ thống đê sông La Giang ở Đức Thọ và sông Lam ở Nghi Xuân.
  - Kế hoạch trồng rừng ngập mặn ở các vùng ven biển để bảo vệ nhân dân khỏi các tác động xấu của thiên tai.
- Các phương pháp thích nghi cho cộng đồng:
  - Xây nhà phòng tránh lũ.
  - Xây các khu tránh lũ cho nhân dân và gia súc trú ẩn trong khi có thiên tai.
  - Dự trữ các vật dụng thiết yếu và thức ăn nước uống cho các trường hợp khẩn cấp ở nơi an toàn.

Cụm ngành xây dựng sẽ nâng cao năng lực liên quan đến công tác lập kế hoạch phát triển, tránh các xây dựng các khu dân cư và công trình quan trọng ở những khu vực dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai hay những biến đổi về thời tiết trong thời gian dài.

Về lâu dài, cụm ngành này sẽ phát triển nghiên cứu và các sáng kiến ứng dụng trong ngành vật liệu xây dựng, làm nhà phòng tránh thiên tai với chi phí thấp, xây dựng tiết kiệm năng lượng v.v... phù hợp với mục tiêu chung là bền vững và giảm thiểu tác động của thiên tai và thay đổi khí hậu. Tỉnh sẽ nỗ lực thành lập Trung tâm Xây dựng Bền vững và Chống chịu Thiên tai trực thuộc Đại học Hà Tĩnh chuyên về những lĩnh vực đã nêu trên.

**Hình 152: Tổng quan trung tâm phòng chống thiên tai Châu Á ADPC**

| Tổng quan của ADPC   | Các hoạt động chính   |
|--|---|
|  <p data-bbox="326 940 781 989">"Cộng đồng an toàn hoàn và phát triển bền vững thông qua giảm rủi ro thiên tai"</p> <p data-bbox="302 1037 808 1155">Từ khi thành lập 1986, ADPC được coi là tổ chức độc lập lớn trong khu vực thúc đẩy nhận thức về thiên tai và phát triển những khả năng của địa phương nhằm đẩy mạnh thể chế hóa những chính sách quản lý và giảm thiểu tác động của thiên tai.</p> | <p data-bbox="846 625 1078 646"><b>Các hoạt động điển hình:</b></p> <ul data-bbox="846 659 1328 989" style="list-style-type: none"> <li>• Trung tâm PCTT Châu Á thường xuyên tổ chức những chương trình giúp các khi vùng nông thôn xây dựng/nâng cấp các khu nhà ở nhằm phòng tránh thiệt hại khi có thiên tai.</li> <li>• Gần đây, Trung tâm đã hỗ trợ các hộ gia đình trong vùng lũ ở Băng-la-đét cải tạo lại nhà ở, tránh khỏi thảm họa về thiệt hại từ các trận lũ, tương tự như những điều tình Hà Tĩnh cần thực hiện.</li> <li>• Những kỹ thuật đơn giản như vánh đai tường gạch, lớp phủ cuối thấp hơn, trụ bê-tông hay các góc đều được thực hiện trong các khu vực này.</li> </ul> <p data-bbox="846 1003 1133 1024"><b>Những vai trò quan trọng khác:</b></p> <ul data-bbox="846 1037 1230 1173" style="list-style-type: none"> <li>• Phát triển năng lực và tăng cường học hỏi</li> <li>• Phổ biến thông tin và quản lý kiến thức</li> <li>• Cung cấp dịch vụ tư vấn và kỹ thuật</li> <li>• Hỗ trợ điều phối các tổ chức quốc tế</li> </ul> |

Nguồn: Trung tâm Ứng phó Thảm họa Châu Á

Trung tâm Phòng chống Thiên tai Châu Á (ADPC) đặt trụ sở tại Băng-cốc là một cơ quan điển hình về phương pháp tiếp cận toàn diện để phòng chống thiên tai, trong đó có những lĩnh vực liên quan đến xây dựng (Hình 152).

Nhằm đảm bảo sự phát triển thành công của cụm ngành này, Tỉnh cần tập trung vào 4 yếu tố thúc đẩy sau:

- **Phát triển các thành phần chính của cụm ngành xây dựng trong địa bàn tỉnh mà Hà Tĩnh sẽ trở thành mũi nhọn của vùng:** Tỉnh cần tập trung vào các sản phẩm có thể phát triển thành mũi nhọn trong cả vùng. Có ít nhất 5 loại sản phẩm Tỉnh có thể tập trung phát triển đến năm 2020:
  - **Đá và Cát:** Với các mỏ đá và cát ở các huyện, thị xã: Hương Sơn, Hồng Lĩnh, Kỳ Anh và Can Lộc, Hà Tĩnh có một trữ lượng phong phú các nguyên vật liệu thô phục vụ cho loại sản phẩm này. Trong năm 2010, sản xuất các sản phẩm loại này là 839.000 m<sup>3</sup>, chủ yếu được đưa ra các tỉnh lân cận do chi phí vận chuyển hàng hóa đường dài khá cao. Tỉnh có thể tiếp tục khai thác bền vững nguồn tài nguyên này để phát triển loại sản phẩm này thành ngành mũi nhọn trong vùng.

- Gạch ngói ép không nung tiên tiến và thân thiện với môi trường: Năm 2010, Tỉnh sản xuất được 408 triệu viên gạch nung. Hà Tĩnh có các mỏ nguyên liệu hiện tại ở Thuận Lộc, Vương Lộc và Đức Giang, cùng các tổ hợp sản xuất gạch ở Can Lộc. Tuy nhiên, theo chỉ đạo của Chính phủ về hạn chế sử dụng đất nông nghiệp vào khai thác nguyên liệu, tỉnh sẽ ngày càng thiếu nguyên liệu cho các lò đốt gạch, ngói kiểu truyền thống. Do đó, tỉnh sẽ giảm dần các sản phẩm này để hướng tới các sản phẩm gạch ngói ép tiên tiến, không nung, sử dụng xỉ và các phụ phẩm / vật liệu phế thải từ các ngành công nghiệp sẽ phát triển trên địa bàn tỉnh (ví dụ như sản xuất thép và sau này là hóa dầu) làm nguyên liệu. Theo đó, đến năm 2020, tỉnh sẽ ngừng hoàn toàn sản xuất gạch nung. Ngoài ra, việc sản xuất gạch ép không nung ít gây ô nhiễm môi trường và bền vững hơn vì sử dụng phế thải từ các ngành công nghiệp khác làm nguyên liệu. Thị trường chính cho các loại sản phẩm này là khu vực Bắc miền Trung, Lào và các tỉnh phía Đông Bắc Thái Lan. Tỉnh sẽ phấn đấu trở thành địa phương đi tiên phong và hàng đầu trong khu vực Bắc Trung Bộ về những sản phẩm này.
- Các sản phẩm gỗ có giá trị: Hà Tĩnh là một tỉnh có nguồn nguyên liệu thô dồi dào có thể sản xuất ra những mặt hàng gỗ có giá trị như khung cửa/ván lát sàn/các sản phẩm về cửa/đồ nội thất tinh xảo mang lại lợi nhuận lớn hơn gỗ dăm như hiện nay. Trong tương lai, tùy thuộc vào nhu cầu, Tỉnh có thể sử dụng nguồn nguyên liệu thô nhập khẩu từ Lào cho mục đích này. Thị trường chính cho sản phẩm này bao gồm thị trường trong nước và tiềm năng xuất khẩu sang các nước trong khu vực Đông Nam Á, Đông Á và Trung Đông.
- Các sản phẩm thép cấu kiện: Sản xuất thép của Hà Tĩnh hoàn toàn có thể đưa Tỉnh lên vị trí mũi nhọn về sản xuất các sản phẩm xây dựng từ thép. Nhu cầu địa phương và trong vùng về các loại sản phẩm này dự tính sẽ tăng nhanh và Tỉnh có thể khẳng định vị trí của mình khi sản xuất thép đi vào ổn định.
- Sản phẩm thủy tinh/kính: Với trữ lượng cát dồi dào và khả năng nhập khẩu cát silica qua tổ hợp cảng Vũng Áng – Sơn Dương, cùng nguồn cung điện ổn định sau khi nhà máy nhiệt điện Vũng Áng đi vào hoạt động, Hà Tĩnh sẽ từng bước hoàn thiện trong sản xuất kính/thủy tinh. Tỉnh có thể khởi đầu với các sản phẩm kính thủy tinh vôi natri cacbonat, đặc biệt là kính dạng tấm dùng cho cửa sổ. Tiếp đến, tỉnh có thể sản xuất kính thông minh (như kính đổi màu) và các loại sản phẩm từ kính/thủy tinh có giá trị khác. Với khả năng sản xuất còn hạn chế ở Việt Nam và nhu cầu ngày một cao, cùng với việc nhập siêu thủy tinh ở mức cao, tỉnh có thể tận dụng lợi thế của mình để xác lập vị trí của mình trên thị trường thủy tinh.
- Sản phẩm từ nhựa và polymer: Khi tổ hợp hóa dầu ở Vũng Áng đi vào hoạt động, tỉnh có thể tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có từ tổ hợp để sản xuất sản phẩm nội thất và xây dựng từ nhựa và polymer. Một số sản phẩm trong nhóm này là bột polyurethane và ống nhựa PVC.

**Hình 153: Tổng quan các sản phẩm chính của Cụm ngành Xây dựng**

|   | Nguồn nguyên liệu thô   | Thị trường nhắm đến  | Cơ sở Xếp loại  |
|---|---|--|---|
| <b>Đá và cát</b>                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>Các mỏ đá và cát nằm rải rác ở các huyện Hương Sơn, Hồng Lĩnh, Kỳ Anh và Can Lộc v.v....</li> </ul>                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Hà Tĩnh và các tỉnh lân cận</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Trữ lượng nguyên liệu thô dồi dào trong tỉnh Hà Tĩnh</li> <li>Năm 2010 sản xuất 839k mét khối</li> <li>Chủ yếu đưa đến các tỉnh lân cận do giá vận chuyển đường dài khá cao</li> </ul>                             |
| <b>Gạch men và gạch</b>                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Khá nhiều mỏ ở các huyện Thuần Lộc, Vương Lộc và Đức Giang</li> <li>Khu liên hiệp sản xuất gạch ở Can Lộc</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Khu vực Trung bộ và Lào, Đông Bắc Thái Lan và các vùng khác ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Trữ lượng nguyên liệu thô dồi dào trong tỉnh Hà Tĩnh</li> <li>Năm 2010 sản xuất 408 mét khối gạch</li> <li>Nhu cầu địa phương và khu vực về gạch men và gạch tăng cao do là nguyên liệu xây dựng cơ bản</li> </ul> |
| <b>Các sản phẩm về gỗ (ván lát sàn)</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nguồn tại nguyên rừng rộng lớn chủ yếu ở các huyện Hương Khê, Hương Sơn, Kỳ Anh, Vũ Quang và Can Xuyên</li> </ul>    | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thị trường trong nước và xuất khẩu sang Đông Á, Đông Nam Á, Trung Đông</li> </ul>                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nguồn nguyên liệu thô sẵn có để làm khung/ván lát sàn/cửa</li> <li>Tập trung vào các sản phẩm đã qua xử lý vì giá trị cao, khai thác ít</li> </ul>   |
| <b>Thép cơ cấu</b>                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>Các sản phẩm về thép từ Khu liên hiệp Vũng Áng</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Hà Tĩnh và các tỉnh khác</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Năng lực sản xuất cao có khả năng vượt nhu cầu địa phương</li> <li>Thiếu các sản phẩm thép cơ cấu sản xuất trong nước</li> <li>Nhu cầu địa phương và khu vực đang phát triển</li> </ul>                            |
| <b>Thủy tinh</b>                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>Cát của Hà Tĩnh và các tỉnh khác</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Hà Tĩnh và các tỉnh khác</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Năng lực sản xuất hạn chế</li> <li>Nhu cầu dự tính sẽ tăng hơn gấp đôi năng lực sản xuất hiện tại đến năm 2016</li> <li>Việt Nam hiện đã một mạng lưới nhập khẩu thủy tinh bất chấp giá vận chuyển cao</li> </ul>  |

Nguồn: Phân tích của Monitor

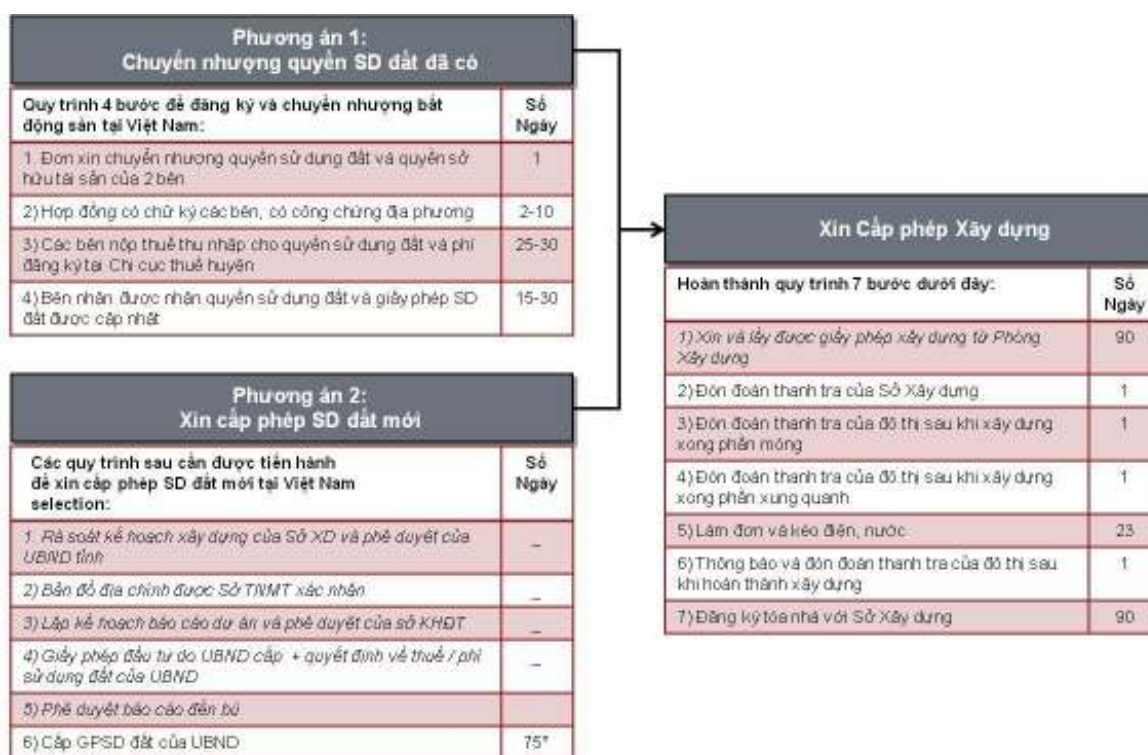
- Đảm bảo nguồn cung cho các bộ phận khác của ngành Xây dựng:** Hà Tĩnh vẫn có thể đảm bảo nguồn cung cho các thành phần khác của cụm ngành xây dựng, độc lập với các vùng/tỉnh khác và các nguồn nhập khẩu nguyên liệu. Các loại sản phẩm như (a) xi-măng (Nghệ An, Hà Nam, Ninh Bình và Quảng Ninh), nơi nguồn cung đã vượt quá nhu cầu, (b) bê-xít, Hà Tĩnh không hề có trữ lượng (nhập từ các tỉnh khác hoặc từ Indonesia), (c) sản phẩm cao cấp, trong khi trữ lượng nguyên liệu thô cũng như chuyên môn của Tỉnh còn hạn chế và những sản phẩm nhập khẩu có giá thành cạnh tranh với hàng trong nước (ví dụ như vật liệu kim loại và com-pô-sít từ Australia hay Châu Âu) và (d) trang thiết bị xây dựng và dây chuyền sản xuất (từ Hàn Quốc, Châu Âu và Trung Quốc).
- Thiết lập 1 phân cụm và thị trường bất động sản có tổ chức và minh bạch:** Tỉnh sẽ cố gắng tạo ra một thị trường bất động sản mở, minh bạch và cạnh tranh, cùng với sự phát triển của các dịch vụ bất động sản và các doanh nghiệp có liên quan. Hà Tĩnh cần có 1 số yếu tố sau đây để phát triển thành công phân cụm này:
  - Quy hoạch tổng thể và khoanh vùng đất đai rõ ràng: Để phát triển mạnh phân cụm này, điều đầu tiên phải làm là xây dựng quy hoạch khoanh vùng đất đai dài hạn, phân tách rõ ràng các khu, tính tới các mối



quan tâm và định hướng phát triển lâu dài của tỉnh. Hỗ trợ cho quy hoạch này là 1 quy hoạch tổng thể đẳng cấp quốc tế - đưa ra các hướng dẫn quy hoạch và nguyên tắc cho phát triển bền vững mới nhất, đặc biệt là đối với khu vực thành thị.

- Đơn giản hóa các thủ tục: Tỉnh cũng sẽ giảm bớt và đơn giản hóa các thủ tục, cơ chế, chính sách quan trọng trong tích tụ ruộng đất, tài sản gắn liền với đất, giải phóng mặt bằng, đăng ký, mua bán chuyển nhượng. Đi đôi với đó, tỉnh phải có những hành động cụ thể. Đây là 1 yếu tố then chốt, đặc biệt quan trọng để phát triển phân cụm này. Hà Tĩnh sẽ đánh giá và áp dụng 1 số biện pháp đặc biệt về vấn đề này (Hình 154), trong đó có:
  - Đảm bảo các bước đầu tiên xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thể tiến hành song song.
  - Đẩy nhanh thủ tục đầu tiên để xin cấp giấy phép xây dựng bằng cách thúc đẩy việc trao đổi thông tin nhanh chóng giữa các cơ quan khác nhau trong quá trình làm việc, ví dụ như nhờ sử dụng hệ thống CNTT.
  - Tự động thông báo cho cá nhân, tổ chức xin cấp phép mỗi khi Sở Xây dựng yêu cầu thông tin từ 1 sở khác

**Hình 154 – Thủ tục hiện tại trong cấp GCN quyền sử dụng đất và giấy phép xây dựng**



Ghi chú: Các bước được tác động được in nghiêng

Nguồn: Doing Business 2012, Báo cáo PCI 2011

- Cơ sở hạ tầng cơ bản đô thị chất lượng cao: Tỉnh sẽ đảm bảo CSHT đô thị được thực hiện từ nguồn vốn nhà nước, đúng tiến độ và có chất lượng cao. Các CSHT này bao gồm giao thông, xử lý chất thải, cung

cấp và xử lý nước, cung cấp điện và xăng dầu, các trung tâm cộng đồng, công trình công cộng cho khu vực đô thị, vv. Đây là điều kiện tiên quyết để đẩy mạnh đô thị hóa và gia tăng nhu cầu với bất động sản dân dụng và thương mại.

- Khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), công ty trong tỉnh cung cấp dịch vụ bất động sản đầu tư vào chất lượng: Tỉnh sẽ khuyến khích các SME và các công ty khác của tỉnh đóng vai trò quan trọng trong phát triển phân cụm này. Đồng thời, những đơn vị này sẽ được hỗ trợ đào tạo một cách phù hợp và được khuyến khích để đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ. Thông tin chi tiết hơn có trong phần sau của mục này. Tỉnh cũng sẽ tập trung vào kiểm định chất lượng dự án nhà ở/xây dựng, cũng như các đơn vị cung cấp dịch vụ bất động sản, dựa trên hướng dẫn quốc gia về chất lượng cho cụm ngành này.
- Ứng dụng CNTT để nâng cao hiệu suất và tính minh bạch: Cùng với hệ thống Chính phủ điện tử e-Government đã được đề xuất, tỉnh cần ứng dụng các biện pháp CNTT để nâng cao hiệu suất và tính minh bạch trong phân cụm này. Các biện pháp này gồm (a) số hóa cơ sở dữ liệu về ruộng đất, (b) công bố trực tuyến quy hoạch tổng thể chi tiết và tất cả các sửa đổi, (c) cơ sở dữ liệu trực tuyến về giao dịch bất động sản dân dụng và thương mại, (d) công bố các xu hướng chính, (e) số hóa và cho phép đăng ký trực tuyến giao dịch nhà đất, và các dịch vụ thanh toán như thuế nhà đất...
- Hỗ trợ tài chính cho cả các công ty và cá nhân mua nhà: Tỉnh sẽ làm việc với các thể chế tài chính khác nhau để giúp cả các công ty bất động sản và cá nhân mua nhà dễ dàng tiếp cận dịch vụ tài chính hơn. Kế hoạch kiểm định chất lượng của tỉnh cũng sẽ thúc đẩy các thể chế tài chính đánh giá các ứng viên vay tiền tiềm năng 1 cách phù hợp hơn, đặc biệt là với công ty dịch vụ bất động sản.
- Ngăn chặn tham nhũng tiêu cực trong giao dịch liên quan đến bất động sản: Tỉnh cũng sẽ có biện pháp quyết liệt để ngăn chặn và xử lý các hiện tượng tham nhũng, tiêu cực trong phân cụm này.

Singapore là 1 ví dụ rất tốt về cách tiếp cận thực tế và minh bạch để phát triển phân cụm này (Hình 155).

Hình 155 – Nghiên cứu điển hình Singapore

| Yếu tố Thành công Chủ chốt       |  |
|----------------------------------|--|
| Hiệu quả trong Quy trình         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Xếp thứ 3 về độ dễ dàng trong cấp phép xây dựng</li> <li>Xếp thứ 14 thế giới về độ dễ dàng trong chuyển nhượng BĐS</li> <li>Xếp thứ 1 thế giới về độ minh bạch trong luật pháp và quản lý BĐS</li> </ul>  |
| Khoanh vùng Đất, lập QH Tổng thể | <ul style="list-style-type: none"> <li>Cơ quan Quy hoạch Đô thị (URA) tối đa hóa sử dụng diện tích đất có hạn đồng thời giảm tác động và bảo tồn các khu di sản, nhận được nhiều giải thưởng quốc tế – VD Giải Xuất sắc Toàn cầu 2010 ULI Global Awards for Excellence</li> </ul>  |
| Sử dụng Hệ thống CNTT            | <ul style="list-style-type: none"> <li>Kho lưu trữ thông tin quản lý và địa lý (ILUS) đơn giản hóa và tối ưu hoạt động và quá trình ra quyết định của URA</li> <li>Hệ thống nộp đơn đăng ký trực tuyến đơn giản hóa quy trình xin cấp phép từ URA</li> <li>Hệ thống nộp đơn điện tử và CSDL thông tin quản lý xây dựng CORENET đơn giản hóa quy trình phê duyệt liên quan tới kỹ thuật xây dựng</li> </ul> |
| Hỗ trợ Tài chính                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Xếp thứ 4 thế giới về tiếp cận vốn kinh doanh và thứ 8 về độ dễ dàng trong tín dụng</li> <li>Trợ cấp nhà nước cho BĐS hỗ trợ người mua và nâng cấp nhà lần đầu giúp thúc đẩy tỷ lệ sở hữu nhà đạt 87% của Singapore</li> </ul>  |
| Ngăn chặn Tham nhũng             | <ul style="list-style-type: none"> <li>Xếp thứ 1 và 2 thế giới lần lượt về độ không tham nhũng và quyền sở hữu BĐS</li> <li>Xếp thứ 5 thế giới về nhận thức với tham nhũng</li> </ul>  |
| CSHT Đô thị Chất lượng Cao       | <ul style="list-style-type: none"> <li>Xếp thứ 2 thế giới về chất lượng CSHT nói chung, gồm thứ 2 về đường bộ và thứ 7 về đường sắt</li> <li>Xếp thứ 3 thế giới về CSHT môi trường và y tế</li> <li>100% dân số được tiếp cận nước sạch và vệ sinh</li> </ul>  |
| Chất lượng ngành Dịch vụ BĐS     | <ul style="list-style-type: none"> <li>Các đại lý và người buôn bán BĐS phải có giấy phép và đăng ký phù hợp với quy chuẩn nghề nghiệp của Hội đồng Cơ quan Bất động sản (CEA)</li> <li>Đại lý không có giấy phép và người buôn bán không đăng ký bị CEA truy tố</li> </ul>  |



Nguồn: Chi số Nhận thức về Minh bạch (2011), Trang web CEA, 2012 Báo cáo Thực hiện Kinh doanh, Chi số Tiếp cận Vốn Milken 2009, Singstat, Báo cáo Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu – Diễn đàn Kinh tế Thế giới, Chương trình Giám sát chung về Cấp nước và Vệ sinh, Viện Quốc tế Quản lý Phát triển (IMD) – Niên giám Năng lực Cạnh tranh Thế giới, Chi số Minh bạch Toàn cầu Jones Lang Lasalle, Báo cáo 2012 của PwC về Xu hướng Mới nổi trong Bất động sản, OECD, Singstat, Cục Tình báo Kinh tế, Cục Thống kê và Điều tra Hồng Kông, Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, Chi số Tự do Kinh tế 2012 Heritage, Phân tích của Monitor

- **Thực hiện cơ chế và chính sách thu hút vốn đầu tư trong nước và nước ngoài vào lĩnh vực này:** Hà Tĩnh nên đưa ra một số ưu đãi cho các công ty lớn ở trong nước cũng như nước ngoài khi thiết lập văn phòng tại tỉnh. Những ưu đãi này bao gồm (a) chính sách thuế hấp dẫn cho các nhà đầu tư xây dựng (cụ thể, chính sách thuế ưu đãi cho 5 năm đầu tiên sau lập văn phòng) và (b) không hạn chế về loại hình pháp nhân kinh doanh do các nhà đầu tư quốc tế thiết lập (ví dụ, các nhà đầu tư ngoại quốc được phép thành lập công ty 100% vốn nước ngoài mà không buộc phải liên kết với công ty địa phương). Tỉnh cũng sẽ tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh tại địa phương và tổ chức xúc tiến đầu tư (như đã trình bày trong phần nhóm giải pháp chính cho huy động vốn đầu tư) nhằm thị trường hóa các cơ hội đầu tư trong cụm ngành này và tạo điều kiện thuê nhân công được đào tạo phù hợp cho các nhà đầu tư trong nhóm ngành này.
- **Khuyến khích thành lập doanh nghiệp mới và tăng cường xây dựng năng lực bao gồm xây dựng thể chế có liên quan:** Tỉnh sẽ hướng đến xây dựng năng lực cần thiết cho nguồn nhân lực thông qua việc tăng cường giáo dục kỹ thuật xây dựng. Các trường đào tạo nghề hướng nghiệp tập trung chính vào nhóm ngành xây dựng. Ngoài ra, Tỉnh sẽ ưu tiên, khuyến khích các công ty cử công nhân của mình tham gia các khóa đào tạo và nâng cao kỹ năng giúp nâng cao năng suất và chất lượng. Tỉnh sẽ hợp tác với Trường Đại học Hà Tĩnh đưa ra các khóa đào tạo có văn bằng tạo về các lĩnh vực liên quan như xây dựng dân dụng, kiến trúc, quy hoạch đô thị v.v... Mặt khác, Tỉnh sẽ ban hành và thực hiện quy định về xây dựng nhằm đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về chất lượng và an toàn trong các dự án xây dựng, đồng thời, thiết lập chương trình chứng nhận để khuyến khích các công ty đạt tiêu chuẩn cao hơn của cụm ngành xây dựng. Ngoài ra, Tỉnh cũng thiết lập một chương trình khen thưởng vinh danh các doanh nghiệp có công trình được chứng nhận đạt hoặc vượt chuẩn quy định (tương tự như giải thưởng Nhãn hiệu Chất lượng do Cơ quan Xây dựng Singapore cấp). Hơn nữa, Tỉnh cũng thiết lập chương trình kiểm định chất lượng cho các vật liệu xây dựng khác (như gạch men, bê-tông) để thúc đẩy nâng cao chất lượng.

Đồng thời, Tỉnh sẽ khuyến khích thành lập doanh nghiệp mới trong khối ngành này bởi sự phát triển của ngành rất phù hợp với sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Thông qua trường Đại học Hà Tĩnh, Tỉnh sẽ cung cấp các chương trình, khóa học về kinh doanh, kỹ thuật hay các kỹ năng chuyên sâu về quản lý điều hành doanh nghiệp xây dựng, ví dụ như quản lý dự án, kiến thức về kế toán liên quan đến xây dựng, kinh doanh quản lý bất động sản/nhà đất (vd: dịch vụ chăm sóc nhà cửa, dịch vụ kỹ thuật và bảo trì, môi giới). Tỉnh sẽ có kế hoạch làm việc với các thể chế tài chính nhằm tăng tính sẵn có của các quỹ cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là tài trợ dự án, cho thuê và các đề án thuê – mua nhà máy và trang thiết bị cơ bản. Ngoài ra, Tỉnh sẽ khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ liên kết với các doanh nghiệp lớn ngoài tỉnh trong các hợp phần cho nhà thầu phụ trong các dự án xây dựng trọng điểm, hay dưới hình liên doanh hoặc liên minh chiến lược giữa các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm tập hợp nguồn lực để tham gia vào các dự án quy mô lớn hơn.

Cuối cùng, nhằm thúc đẩy tập trung vào chất lượng, và khởi động các hoạt động nghiên cứu cũng như các hoạt động xây dựng trung hạn, Tỉnh cần phải khai thác khả năng thiết lập quỹ tài trợ (liên kết với các nhà tài trợ) để khuyến khích ứng dụng các công nghệ xây dựng tiên tiến.

### 2.6.3 Lộ trình thực hiện và yêu cầu đầu tư

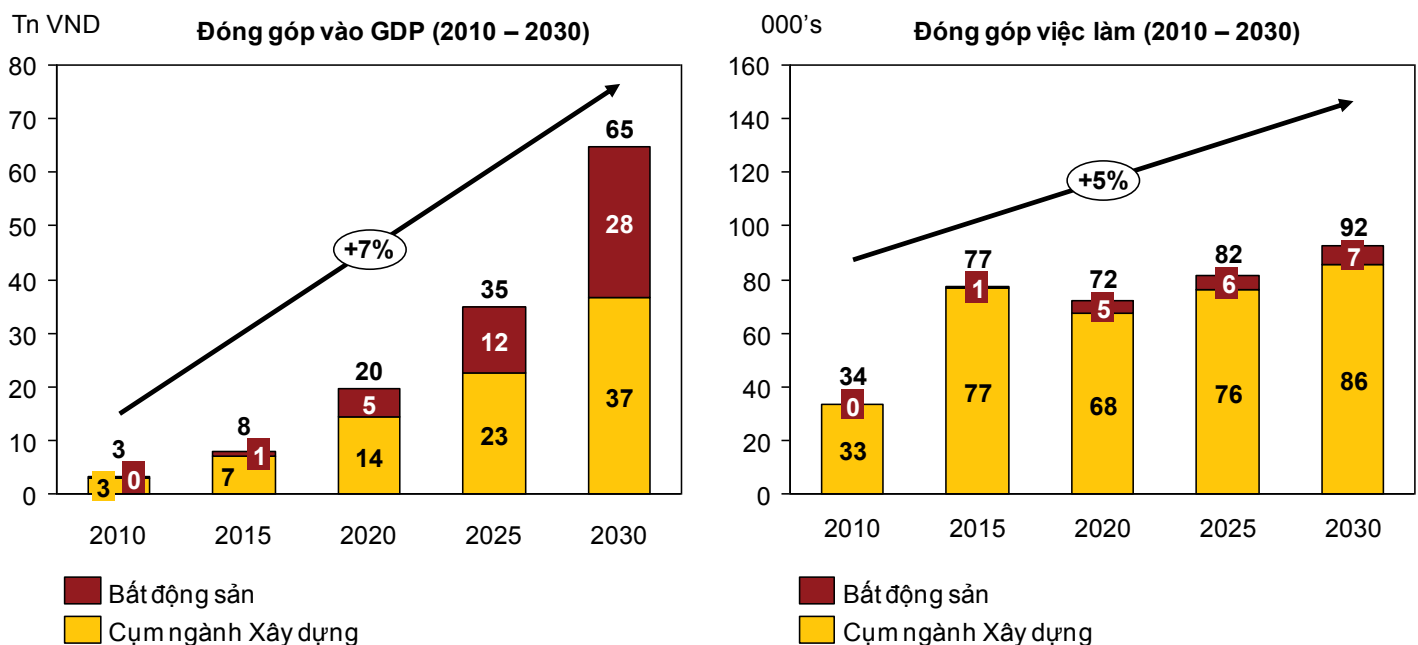
Kế hoạch này yêu cầu tổng đầu tư ước tính 12,8 nghìn tỷ đồng từ nay đến năm 2020, gồm cả đầu tư các nhà máy vật liệu xây dựng và dự án nhà ở cho 800 hộ gia đình ở Kỳ Anh. Ngoài ra, cụm ngành xây dựng cũng sẽ cần nhiều đầu tư, do tổng yêu cầu vốn cần thiết cho tỉnh là 539 nghìn tỷ đồng đến năm 2020.

**Hình 156: Yêu cầu đầu tư cho Cụm ngành xây dựng**

| Hạng mục Đầu tư         | Vốn đầu tư (Tr tỷ đ) | Nguồn           | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
|-------------------------|----------------------|-----------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Nhà máy Gạch không nung | 610.000              | Ngoài ngân sách |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nhà máy gỗ xây dựng     | 1.070.000            | Ngoài ngân sách |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Phát triển Dự án Nhà ở  | 9.000.000            | Ngoài ngân sách |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nhà máy Chế biến Đá     | 50.000               | Ngoài ngân sách |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nhà máy sản xuất kính   | 2.050.000            | Ngoài ngân sách |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>TỔNG</b>             | <b>12.780.000</b>    |                 |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |

Tóm lại, nhìn chung cụm ngành xây dựng sẽ phát triển đạt chất lượng cao vào năm 2020. Xây dựng sẽ đóng góp 14 nghìn tỷ đồng vào GDP vào năm 2020 và cung cấp việc làm cho 68.000 lao động trên địa bàn tỉnh, đồng thời hoạt động bất động sản tạo 5,4 nghìn tỷ đồng GDP và tạo 4.700 việc làm (Hình 154).

**Hình 157: Đóng góp của Cụm ngành Xây dựng vào kinh tế**



Nguồn: Phân tích của Monitor

## 2.9 Cụm ngành Giáo dục và Đào tạo

### 2.7.1 Tổng quan lợi thế và thách thức

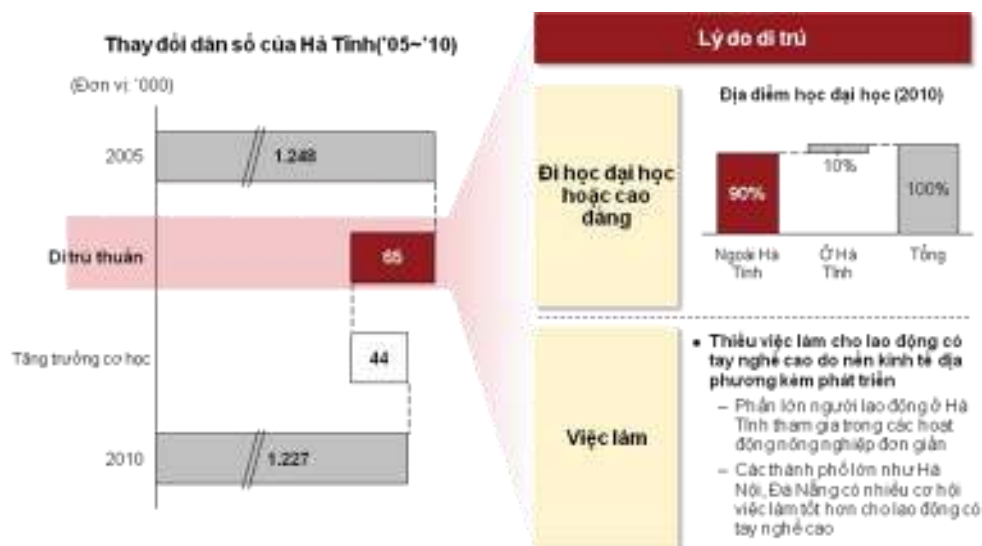
Hiện Hà Tĩnh có tỷ lệ biết chữ cao (97,2%) và thành tựu giáo dục ở bậc tiểu học và trung học cao hơn nhiều mức trung bình quốc gia và khu vực - trên 98% học sinh đỗ tốt nghiệp cấp 3 trong năm 2010, so với mức trung bình cả nước là dưới 93%. Hiện nay, chất lượng đại trà, số học sinh giỏi các cấp, kết quả thi vào đại học và cao đẳng của Hà Tĩnh nằm trong top đầu các tỉnh trong cả nước; trong những năm tới, phấn đấu giữ vững thành tích này.

Tuy nhiên, Tỉnh có một số thách thức liên quan đến giáo dục đại học và đào tạo nghề. Thứ nhất, chỉ có 29% dân số trẻ của Hà Tĩnh (19-22 tuổi) đi học đại học/cao đẳng, so với mức trung bình cả nước là 33%. Hơn nữa, trong 29% này, hơn 58% đi học đại học ở ngoài tỉnh. Những lý do chính cho thực trạng này gồm:

- **Thiếu đội ngũ giảng viên đủ chất lượng:** Hà Tĩnh đang thiếu cán bộ đủ trình độ với bằng cấp phù hợp. Các trường cao đẳng chuyên ngành đang gặp khó khăn trong tuyển dụng giáo viên có trình độ trong các ngành công nghiệp cần thiết.
- **Cơ sở vật chất đào tạo còn nghèo nàn:** Số lượng và chất lượng của các cơ sở giáo dục đại học đều thấp so với tiêu chuẩn.
- **Cơ hội để thu hút hoặc giữ chân tài năng còn hạn chế:** Sự gắn kết và phối hợp giữa dạy nghề và đào tạo đại học với các yêu cầu hiện tại và tương lai của các ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hiện tại việc tỉnh chưa có nhiều công việc yêu cầu tay nghề cao làm cho việc giữ chân hoặc thu hút sinh viên Hà Tĩnh mới tốt nghiệp ở nơi khác về tỉnh làm việc gặp khó khăn.

Chính vì những nguyên nhân trên, rất nhiều tài năng được đào tạo và có tay nghề từ Hà Tĩnh di cư đến các thành phố lớn hay nước ngoài. Với tỷ lệ di cư trên 1%/năm này, dân số thực của tỉnh luôn suy giảm trong 5 năm qua (hình 158). Lý do chính dẫn đến việc di cư này là (a) để học đại học hoặc có điều kiện học (và cơ hội việc làm sau đó tại các thành phố lớn) và (b) di cư của người lao động tìm đến công việc giá trị cao hơn hoặc phù hợp hơn với kỹ năng của họ.

**Hình 158: Di cư từ Hà Tĩnh**

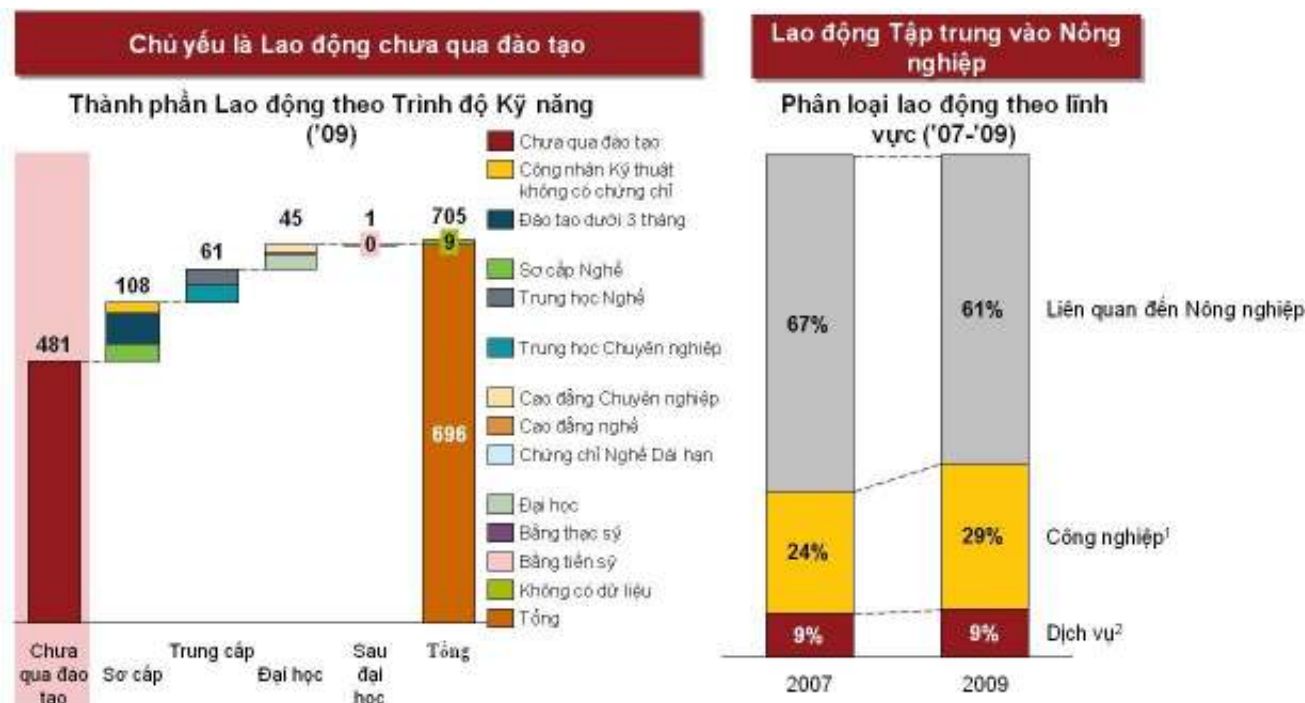


Lưu ý: <sup>1</sup> Sinh viên đi học hoặc đào tạo việc làm ngắn hạn không được tính

Nguồn: “Điều tra dân số và nhà ở Việt Nam”, Tổng cục Thống kê (2010); Phòng văn trường đại học Hà Tĩnh; Phân tích của Monitor

Lực lượng lao động của Hà Tĩnh hiện tiếp tục chủ yếu là không có tay nghề hoặc chỉ là bán lành nghề, làm việc trong nông nghiệp và các ngành liên quan.

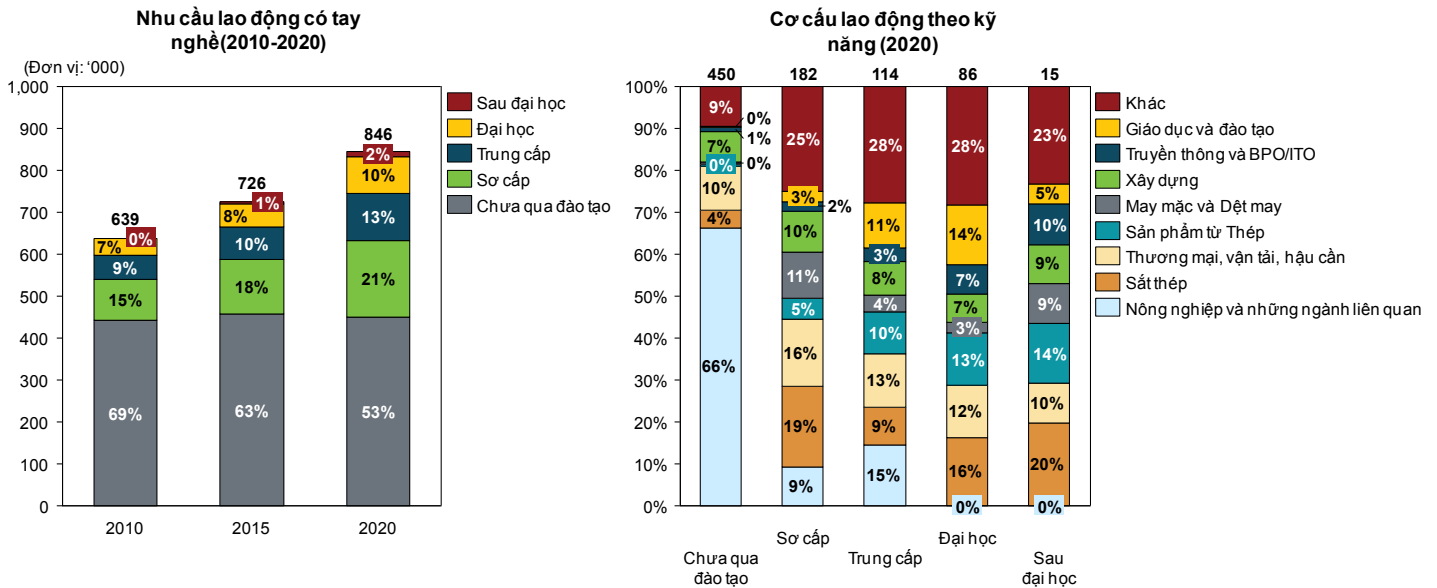
**Hình 159: Cơ cấu lực lượng lao động hiện tại của Hà Tĩnh**



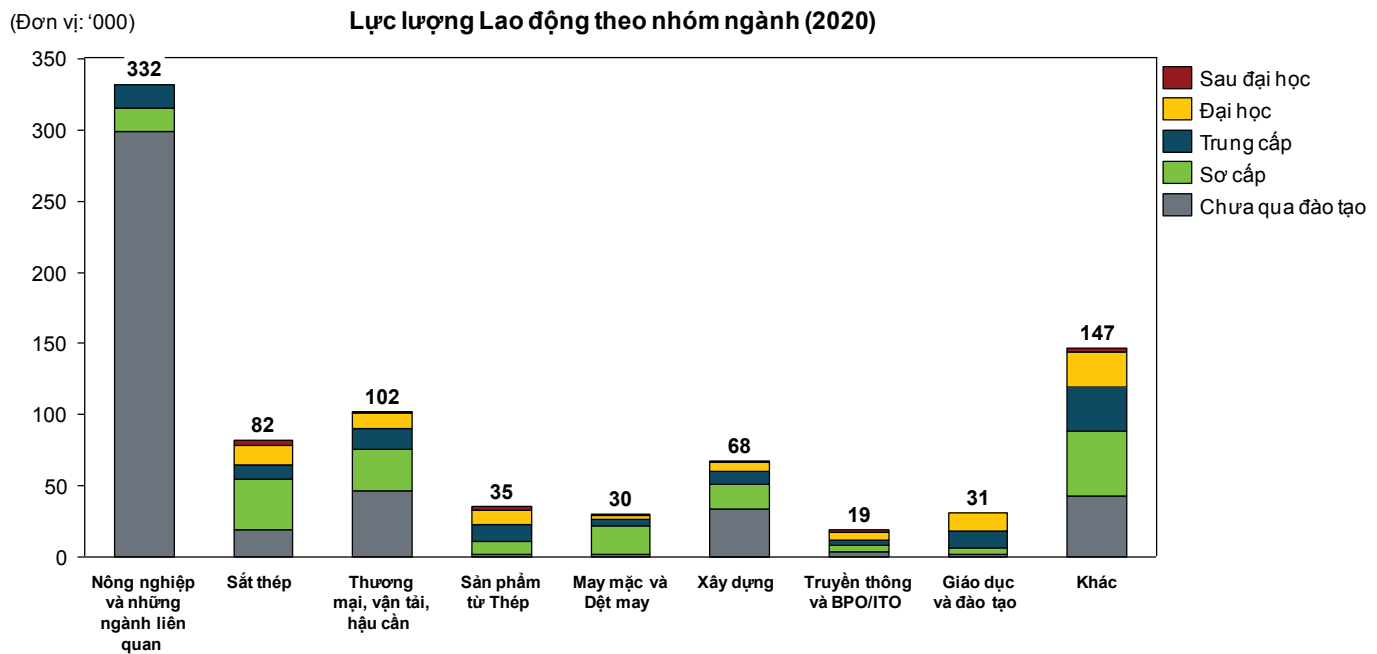
Nguồn: Niên giám Thống kê 2010, Phân tích của Monitor

Nhu cầu về lực lượng lao động bán lành nghề và lành nghề sẽ tăng đáng kể trong thập kỷ tới nhằm đáp ứng nhu cầu của khu vực công nghiệp và dịch vụ đang phát triển. Theo ước tính, đến năm 2020, tổng nhu cầu lao động sẽ tăng lên 846.000, trong đó dự kiến gần 12% là lao động lành nghề, quản lý, so với mức chỉ có 6,5% hiện nay.

**Hình 160: Dự báo nhu cầu và cấu trúc lao động Hà Tĩnh năm 2020**



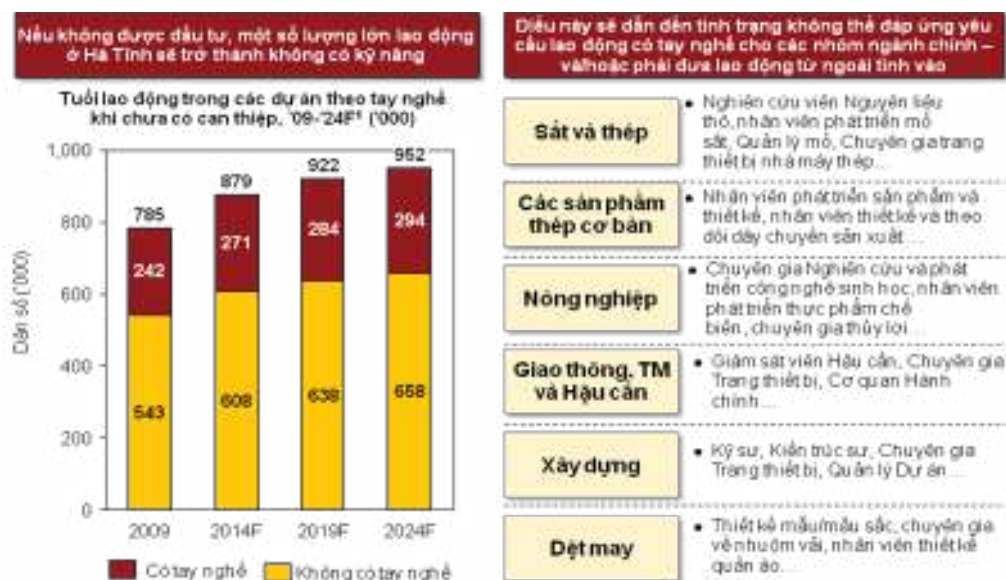
**Hình 161: Cơ cấu Lao động của Hà Tĩnh năm 2020**



Nguồn: Phân tích của Monitor

Nếu không thật sự cố gắng thông qua các sáng kiến về giáo dục và đào tạo, điều này có thể làm tình thiếu nghiêm trọng lao động phù hợp. Tỷ lệ lao động của tỉnh qua đào tạo đến năm 2015 phải đạt trên 50% và năm 2020 đạt 60% để giải quyết được vấn đề này. Ví dụ, các cụm ngành quan trọng thúc đẩy tăng trưởng Hà Tĩnh trong tương lai như sắt thép, sản phẩm từ thép, chế biến thực phẩm, thương mại và hậu cần, xây dựng và dệt may sẽ cần các loại các kỹ năng cụ thể (Hình 159 dưới đây), mà hiện chưa có trên địa bàn tỉnh.



**Hình 162: Yêu cầu kỹ năng với các Cụm ngành quan trọng cho tăng trưởng tương lai**

Nguồn: “Dân số, Việc làm và Thất nghiệp ở Hà Tĩnh” Sở Lao động, Sở Thương binh và Xã hội (2010); Phân tích của Monitor

Trên thực tế, một số công ty đã gặp những vấn đề này. Với tình hình hiện tại, tỉnh sẽ thiếu hụt đáng kể lực lượng lao động để đáp ứng nhu cầu này.

Do đó, tỉnh không thể xem nhẹ vai trò của giáo dục và đào tạo nghề - một cụm ngành hỗ trợ quan trọng cho sự phát triển của Hà Tĩnh trong mười năm tới.

## 2.7.2 Định hướng phát triển

### 2.7.2.1 Định hướng chung và tầm nhìn

Tầm nhìn của Hà Tĩnh là phát triển cụm ngành giáo dục và đào tạo chất lượng cao, có thể hỗ trợ và thúc đẩy tăng trưởng của tỉnh (Hình 163).

**Hình 163: Mục tiêu của Hà Tĩnh đến năm 2015, 2020 và tầm nhìn 2050**

Nguồn: Phân tích của Monitor

Tầm nhìn này được thực hiện theo 3 giai đoạn sau:

- **Tăng cường nền tảng (2011-2015):** Từ nay đến năm 2015, Hà Tĩnh sẽ thúc đẩy nền tảng của tỉnh vốn đã tốt về giáo dục phổ thông và đào tạo nghề. Cụ thể, tỉnh sẽ tập trung vào nâng cấp giáo dục phổ thông với mục tiêu đạt phổ cập bậc phổ thông trung học. Ngoài ra, tỉnh sẽ nâng cao năng lực, quy mô và chất lượng giáo dục dạy nghề, nhằm đào tạo 20.000 học viên tốt nghiệp/năm vào năm 2015 để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng từ các cụm ngành khác theo dự báo tăng trưởng kinh tế. Tỉnh cũng sẽ mở rộng chương trình giảng dạy cho giáo dục và đào tạo chuyên nghiệp để phục vụ các cụm ngành trọng điểm đã xác định cho sự phát triển của Hà Tĩnh, đồng thời nâng cao chất lượng tổng thể của đào tạo nghề. Đến năm 2015, tỉnh sẽ có sự dịch chuyển lao động ở các ngành. Ngành công nghiệp bắt đầu thu hút lượng lớn lao động, tạo trên 180.000 việc làm trong tỉnh vào năm 2015.
- **Nâng cao năng lực giáo dục đại học (2016-2020):** Từ 2016 đến 2020, tỉnh tiếp tục công việc tạo nền tảng từ những năm trước, đồng thời tập trung nâng cao năng lực giáo dục đại học. Đến năm 2020, tỉnh sẽ thành lập đầy đủ các chương trình giáo dục và đào tạo nghề chất lượng cao cho các cụm ngành trọng điểm, song song với việc hợp tác chặt chẽ với các công ty giúp đảm bảo việc làm cho sinh viên tốt nghiệp các chương trình này. Cùng với đó, tỉnh cần tập trung mở rộng phạm vi, nâng cao chất lượng giáo dục và nghiên cứu của Đại học Hà Tĩnh. Để thực hiện điều này, tỉnh cần mở rộng chương trình giảng dạy, phát triển hợp tác với các công ty, tổ chức trong và ngoài nước liên quan đến các cụm ngành trọng điểm, cũng như đầu tư vào

ơ sở giảng dạy và nghiên cứu chất lượng cao. Hà Tĩnh cũng sẽ có các chương trình phù hợp để giữ chân và thu hút tài năng.

- **Phát triển để đáp ứng nhu cầu của nền công nghiệp tiên tiến (2021-2050):** Sau năm 2020, Hà Tĩnh bắt đầu đầu tư và khuyến khích nhiều hơn với các hoạt động NC&PT tại các cụm ngành đã chọn, như sắt thép, sản phẩm từ thép, chế biến nông sản, dệt may sáng tạo và thời trang, vv. Đại học Hà Tĩnh sẽ trở thành một trung tâm học tập xuất sắc trong khu vực, và tăng cả về quy mô lẫn chất lượng để đáp ứng nhu cầu về chuyên gia của từng cụm ngành. Cả các giáo viên và nhà nghiên cứu tài năng ở các cụm ngành sẽ được thu hút vào làm việc và sinh sống trên địa bàn tỉnh. Các công ty lớn trong cụm ngành ở Hà Tĩnh cũng sẽ tự đầu tư hoặc hợp tác với trường đại học để liên tục đào tạo nhân viên của mình, cũng như trong NC&PT.

Như vậy, cụm ngành giáo dục và đào tạo của Hà Tĩnh sẽ đóng một vai trò hỗ trợ quan trọng cho sự phát triển và tăng trưởng tổng thể của tỉnh.

#### 2.9.1.1 Kế hoạch cụ thể và chiến lược phát triển cụm ngành 2011-2020

Chiến lược phát triển của cụm ngành giáo dục – đào tạo sẽ tập trung vào mục tiêu tổng thể là phát triển cân bằng về cả cơ cấu và quy mô giáo dục, cũng như đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người dân, thuộc mọi tầng lớp. Hà Tĩnh cũng sẽ bảo đảm điều kiện giảng dạy tốt, nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục, cung cấp cho học sinh nền tảng kiến thức chung, phương pháp tiếp cận có hệ thống đạt tiêu chuẩn khu vực, quốc gia và quốc tế, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu nguồn nhân lực của tỉnh theo định hướng phát triển tổng thể.

Chiến lược và kế hoạch cụ thể để phát triển cụm ngành này của Hà Tĩnh đến năm 2020, đồng thời việc hiện thực hóa tầm nhìn nói trên tập trung vào 4 mục tiêu chính sau (Hình 164):

- Nâng cấp giáo dục phổ thông, tập trung vào tất cả các cấp, trong đó có nhà trẻ - mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở và hoàn thành phổ cập giáo dục sau bậc trung học cơ sở (trung học phổ thông hoặc đào tạo nghề).
- Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nghề.
- Nâng cấp giáo dục đại học.
- Giữ chân các tài năng hiện có và thu hút thêm nhân tài.

Hình 164: Mục tiêu chính 2020

|   |   |
|---|---|
| <p>1</p> <p><b>Nâng cao Chất lượng Giáo dục Phổ thông</b></p>                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đảm bảo tỷ lệ trẻ dưới 6 tuổi được giáo dục phù hợp đạt 80% vào năm 2015, 100% vào năm 2020</li> <li>Bảo đảm đến năm 2015, 100% trường tiểu học, 80% trung học cơ sở, 80% trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Đến năm 2020, 100% trường trung học cơ sở, 100% trường THPT đạt chuẩn quốc gia.</li> <li>Đến năm 2015, 100% giáo viên và cán bộ ngành giáo dục đạt chuẩn quốc gia</li> </ul>                           |
| <p>2</p> <p><b>Nâng cao Chất lượng Giáo dục và Đào tạo Hướng nghiệp Dạy nghề</b></p>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tăng số lượng học sinh tốt nghiệp trường dạy nghề lên 20.000/năm vào năm 2015 và trên 25.000/năm vào năm 2020</li> <li>Vào năm 2012 thành lập Trung tâm Dạy nghề; tới năm 2015, thành lập Trung tâm Đào tạo CNTT chất lượng cao</li> <li>Mở Trung tâm Ngôn ngữ Cao cấp vào năm 2020.</li> <li>Trong năm 2015, mở Trung tâm Xuất sắc và Khoa đào tạo ngành Mỏ và Luyện Kim tại Đại học Hà Tĩnh</li> </ul>                 |
| <p>3</p> <p><b>Nâng cao Giáo dục Đại học</b></p>                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>Định hướng chương trình đào tạo tại Đại học Hà Tĩnh hướng tới chuyên ngành kỹ thuật, ICT, quản lý và kinh doanh, ngôn ngữ</li> <li>Tăng cường đầu tư vào cơ sở hạ tầng, ưu tiên các cơ sở trang thiết bị chính ở ĐH Hà Tĩnh (gồm khuôn viên mới ở huyện Cẩm Xuyên), trường Cao đẳng Y, trường Cao đẳng Văn hóa, Du lịch, Thể thao Nguyễn Du</li> <li>Thúc đẩy hợp tác giữa trường đại học và các doanh nghiệp</li> </ul> |
| <p>4</p> <p><b>Giữ chân các tài năng hiện có và thu hút nhân tài quay trở lại</b></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Giữ chân nhân tài bằng các cơ hội giáo dục</li> <li>Trao học bổng cho các sinh viên tài năng</li> <li>Nâng cao chất lượng môi trường sống và làm việc</li> </ul>   |

Nguồn: Phân tích của Monitor

**Đầu tiên, Hà Tĩnh tập trung vào nâng cao chất lượng tổng thể của giáo dục phổ thông ở tất cả các cấp, trong đó có nhà trẻ - mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở và hoàn thành phổ cập giáo dục sau bậc trung học cơ sở thông (trung học phổ thông hoặc đào tạo nghề).** Theo đó, Hà Tĩnh sẽ tiếp tục thực hiện Quyết định 149/2006/QĐ-TTg ngày 23/5/2006 phê duyệt dự án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2006-2015 và Quyết định 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011, quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011-2015 do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Đến năm 2015, tỉnh đặt mục tiêu 80% trẻ em dưới 6 tuổi được đi học đúng cấp (100% vào năm 2020), tỷ lệ trẻ em dưới 3 tuổi được đi học nhà trẻ tăng lên 35% (70% vào năm 2020), 97% trẻ em từ 3 đến 6 tuổi được đi học mẫu giáo (100% vào năm 2020), 100% trẻ em từ 5 đến 6 tuổi được đi học mẫu giáo vào năm 2015. Tỉnh cũng sẽ chuẩn bị các điều kiện tốt nhất cho trẻ em lớp 1, giảm tỷ lệ trung bình trẻ em suy dinh dưỡng tại các cơ sở giáo dục mầm non xuống dưới 7% đến năm 2015, và dưới 4,5% đến năm 2020. Hà Tĩnh cũng sẽ tăng tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia lên 75% vào năm 2015 và 100% vào năm 2020, 60% trong số này vượt tiêu chuẩn quốc gia vào năm 2020.

Ở bậc tiểu học, Hà Tĩnh đảm bảo đến năm 2015, 100% trẻ em 6 tuổi được đi học lớp I, 100% trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia (85% vượt chuẩn quốc gia vào năm 2020). Tỉnh cũng sẽ giảm thiểu tỷ lệ bỏ học bậc học này. Ngoài ra, 100% học sinh lớp 3 sẽ được học tiếng Anh (4 tiết / tuần), khuyến khích dạy và học tiếng Anh ngay từ lớp 1 nếu có điều kiện. Ở bậc trung học cơ sở, Hà Tĩnh phấn đấu 100% học sinh tốt nghiệp tiểu học tiếp tục học lớp 6, đồng thời nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục và giảm thiểu học sinh bỏ học. Đến năm 2015, 80%

trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia (100% vào năm 2020, với 65% vượt chuẩn quốc gia), tăng tỷ lệ học sinh học 2 buổi / ngày lên 40% (70% vào năm 2020).

Một yếu tố quan trọng ở đây là đảm bảo việc phân luồng học sinh hiệu quả từ trường trung học cơ sở vào các trường trung học phổ thông và dạy nghề. Tỉnh đặt mục tiêu tăng tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp trung học phổ thông và trung học dạy nghề dài hạn lên 95% năm 2015 (100% vào năm 2020), trong đó 75-80% là học trung học phổ thông. Đến năm 2015, 80% trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia (100% vào năm 2020, với 15% vượt chuẩn quốc gia). Tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng hàng năm tăng lên 55% vào năm 2015 (65% vào năm 2020), số lượng học sinh còn lại được đào tạo nghề dài hạn. Như vậy, 35% đến 45% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông sẽ đi học đào tạo nghề dài hạn.

Nằm trong top 10 địa phương trong cả nước về số lượng học sinh giỏi, Hà Tĩnh sẽ tiếp tục tăng cường đào tạo tài năng, thông qua xây dựng và phát triển trường trung học phổ thông năng khiếu tỉnh. Tỉnh cũng sẽ phấn đấu để có học sinh năng khiếu tham gia thi quốc tế hàng năm.

Để đạt mục tiêu trên, các sáng kiến cụ thể cần được thực hiện, cùng với yêu cầu và yếu tố động lực chính là :

- **Rà soát, xem xét tinh giản biên chế, tái cơ cấu hợp lý, tăng chất lượng giáo viên:** Tỉnh cần cố gắng làm cho nghề dạy học hấp dẫn hơn và biến Hà Tĩnh thành điểm đến cho các giáo viên có chất lượng tốt. Để làm được điều này, tỉnh cần thực hiện 1 sáng kiến đột phá để thay đổi cơ cấu lực lượng giáo viên. Hiện Hà Tĩnh ước tính có 2-3,000 giáo viên dư thừa. Đồng thời, tỉnh đang gặp vấn đề về chất lượng giảng dạy, cũng như việc tuyển dụng, đặc biệt là với giáo viên ở vùng sâu vùng xa và cho các ngôn ngữ nước ngoài hoặc 1 vài kỹ năng chuyên ngành khác.

Do đó, tỉnh cần sử dụng nguồn thu tăng thêm từ tăng trưởng kinh tế để giải quyết vấn đề giáo viên dư thừa, cho nghỉ khoảng 500 giáo viên / năm (tìm việc làm mới, hoặc cho họ nghỉ tự nguyện). Nhờ đó, tỉnh có cơ hội tuyển dụng giáo viên có trình độ và chất lượng cao (khoảng 150-200/năm), nhằm cải thiện chất lượng giảng dạy. Đối với giáo viên chất lượng cao, tỉnh cũng cần xem xét các chính sách biên chế của mình để họ được trả lương cao hơn hiện nay theo các đề án hiện có. Đối với giáo viên sẵn sàng làm việc ở vùng sâu, vùng xa và khó khăn, Hà Tĩnh cũng sẽ xem xét hỗ trợ đi lại, ăn ở và có thể tăng lương.

Đến năm 2015, tỉnh phấn đấu 100% giáo viên, cán bộ giáo dục đạt chuẩn quốc gia, 60% ở bậc mầm non, 85% bậc tiểu học, 65% bậc trung học cơ sở, 15% bậc trung học phổ thông và giáo viên hệ giáo dục thường xuyên / dạy nghề vượt chuẩn quốc gia. Giảng viên các trường đại học/cao đẳng/trung cấp chuyên nghiệp có đủ năng lực để giảng dạy các chuyên ngành mà Hà Tĩnh có nhu cầu

Hà Tĩnh cũng sẽ thực hiện một chương trình đào tạo giáo viên để đào tạo cơ bản cho những người muốn trở thành giáo viên trên địa bàn tỉnh. Đối với giáo viên ở khu vực nông thôn, tỉnh sẽ sắp xếp các phương án giao thông thuận tiện cho phép giáo viên đi lại dễ dàng từ các trung tâm đô thị đến các vùng nông thôn và ngược lại. Đối với giáo viên ngoại ngữ, tỉnh phải có chương trình thu hút người bản địa từ các nước có liên quan, bằng cách xây dựng các gói giảng dạy cùng những lợi ích về việc được học tập về tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, nhấn mạnh vào truyền thống văn hóa và thơ ca phong phú của Hà Tĩnh. Hà Tĩnh cũng có thể phối hợp với các tổ chức phi chính phủ và cơ quan tài trợ khác để được hỗ trợ trong các chương trình như trên.

Một số cách để động viên các giáo viên:

- Hỗ trợ về ăn ở.
- Hỗ trợ cho việc đào tạo thường xuyên và học hành trong tương lai ở trong và ngoài tỉnh.

Các chính sách quan trọng khác để nâng cao chất lượng giáo viên:

- Xây dựng tính dân chủ và công bằng trong môi trường sư phạm, nâng cao trách nhiệm bản thân của giáo viên. Có cơ chế để sinh viên để đánh giá giáo viên, và để giáo viên đánh giá cán bộ quản lý.
  - Đa dạng hoá hình thức đào tạo cán bộ, tổ chức tham quan học tập tại Việt Nam và các nước khác.
  - Đổi mới chương trình và sách giáo khoa theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ứng dụng CNTT và các thiết bị khác nếu có thể.
  - Đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá để thúc đẩy tính chủ động của người học, khuyến khích việc tự học với sự hỗ trợ của giáo viên.
- **Cải thiện tiếp cận:** Tỉnh cần tăng năng lực của các trường để đảm bảo tất cả huyện thị đều có đủ số lượng trường, tập trung đặc biệt vào mở rộng năng lực giảng dạy ở các trường khu vực nông thôn. Tỉnh cần tìm nguồn tài trợ từ NGO/nhà tài trợ hoặc chính phủ trung ương để thực hiện kế hoạch mở rộng này. Hà Tĩnh sẽ phát triển cân đối giữa phạm vi và cơ cấu, giữa các loại hình giáo dục, các khu vực, bậc học và chuyên ngành đào tạo để thu hút người học và tăng cường giáo dục toàn diện:
    - Giáo dục mầm non: mỗi xã bố trí nhiều nhất một trường mầm non công lập ở vùng trung tâm. Những xã địa hình phức tạp, khó khăn trong giao thông thì bố trí thêm không quá 2 điểm lẻ. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân mở thêm các trường ngoài công lập
    - Giáo dục tiểu học: mỗi xã bố trí một trường tiểu học ở vùng trung tâm. Những xã địa hình phức tạp, khó khăn trong giao thông thì bố trí thêm không quá 2 điểm lẻ.
    - Giáo dục THCS: Kiên quyết sắp xếp lại hệ thống trường THCS theo mô hình trường liên xã ( 2 hoặc 3 xã một trường) để đảm bảo quy mô mỗi trường không dưới 16 lớp.
    - Giáo dục THPT: Không phát triển thêm trường THPT công lập; khảo sát xây dựng kế hoạch, từng bước nhập một số trường quy mô nhỏ (dưới 18 lớp). Chuyển các trường THPT dân lập sang THPT tư thục; tạo điều kiện thuận lợi để các trường THPT tư thục củng cố, nâng cao chất lượng và phát triển bền vững. Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị cho Trường THPT Chuyên Hà Tĩnh, đáp ứng yêu cầu phát triển về quy mô và nâng cao chất lượng bồi dưỡng nhân tài trong thời kỳ mới.
    - Giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp: Củng cố hệ thống các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề và trung cấp nghề hiện có; tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật, đội ngũ để mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo. Quan tâm xây dựng trường trung cấp nghề đảm bảo các điều kiện nâng lên trường cao đẳng vào năm 2015. Xây dựng lộ trình nâng cấp trường Cao đẳng Y tế lên Đại học Y và trường Cao đẳng Nghề Việt - Đức lên Đại học Kỹ thuật vào thời điểm thích hợp; nhập Trường Trung cấp nông nghiệp vào một khoa của Trường Đại học Hà Tĩnh.

o Giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp, dạy nghề: Nhập Trung tâm Bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục vào Trung tâm GDTX tỉnh. Bổ sung nhiệm vụ bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục cho Trung tâm GDTX tỉnh. Thành lập Trung tâm GDTX-HN-DN huyện Lộc Hà. Sáp nhập các Trung tâm GDTX cấp huyện và Trung tâm GDKTTH - HN cấp huyện thành Trung tâm GDTX-HN-DN cấp huyện. Mỗi huyện chỉ bố trí 1 trung tâm GDTX-HN-DN đảm nhiệm các chức năng nhiệm vụ về GDTX, hướng nghiệp và dạy nghề. Tích cực củng cố và hoàn thiện hệ mạng lưới Trung tâm học tập cộng đồng, bổ sung một số phương tiện thiết yếu, tạo điều kiện ban đầu để cho các trung tâm hoạt động có hiệu quả.

Nhằm tăng tỷ lệ nhập học và thi đỗ ở bậc THPT, Hà Tĩnh sẽ có các chiến dịch nhằm tuyên truyền rõ ràng lợi ích của việc đi học bậc THPT và giáo dục dạy nghề dài hạn; cùng với hỗ trợ mục tiêu dành cho học sinh nghèo, không có điều kiện đến trường. Chương trình hỗ trợ thường xuyên cho học sinh cần giúp đỡ này sẽ được gắn với kế hoạch giữ chân các học sinh, sinh viên, khi tỉnh tận dụng hỗ trợ này làm công cụ giữ chân người tài sau khi học xong đại học.

- **Cải thiện chất lượng cơ sở vật chất cơ bản và đổi mới trong quản lý giáo dục:** Trọng tâm ở đây là để đảm bảo có cơ sở vật chất (hạ tầng, điện, nước, vệ sinh, cảnh quan, vv) và trang thiết bị thiết yếu (phòng học chức năng, phòng thí nghiệm) ở tất cả các trường. Nguồn kinh phí này có thể lấy từ chương trình mục tiêu quốc gia, các tổ chức phi chính phủ, cơ quan tài trợ, ngân sách tỉnh cung cấp. Tỉnh sẽ xác định các lĩnh vực và loại hình cơ sở vật chất ưu tiên được tài trợ dựa trên nguồn kinh phí có được. Ngoài các nguồn tài trợ chính, Hà Tĩnh sẽ cố gắng huy động từ các nguồn khác, trong đó có ngân sách và đóng góp từ huyện và xã, đầu tư tư nhân. Tỉnh sẽ cung cấp cơ sở trang thiết bị để đạt tiêu chuẩn đặt ra của từng cấp học. Ví dụ, ở bậc mầm non, 75% số trường đạt chuẩn quốc gia vào năm 2015. Đối với giáo dục tiểu học, 100% số trường sẽ đạt chuẩn quốc gia cấp độ 1 và 60% đạt chuẩn cấp độ 2. Đối với giáo dục trung học cơ sở, 80% số trường đạt chuẩn quốc gia vào năm 2015.

Đối với giáo dục trung học phổ thông, 80% số trường đạt chuẩn quốc gia vào năm 2015. Nghiên cứu và lên kế hoạch di dời trường trung học phổ thông Đức Thọ, đảm bảo không gian sống cho giáo viên và học sinh. Tỉnh sẽ tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị để đảm bảo giảng dạy và học tập. Hà Tĩnh cũng sẽ tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng nghề và trung học dạy nghề theo kế hoạch đã được phê duyệt. Đồng thời, Tỉnh sẽ huy động và kết hợp các nguồn kinh phí để đẩy nhanh tiến độ xây dựng.

Theo kế hoạch đã phê duyệt, Hà Tĩnh sẽ xây dựng hạ tầng cơ bản cho trường Cao đẳng Y tế tỉnh, trường Cao đẳng Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nguyễn Du, Cao đẳng Nghề Vũng Áng Hà Tĩnh. Đối với các trung tâm GDTX và trung tâm HN-DN, sáp nhập các trung tâm GDTX và các trung tâm HN-DN của Can Lộc, Nghi Xuân, Hương Sơn, đầu tư nhiều hơn cho các trung tâm GDTX-HN-DN mới sáp nhập. Tỉnh sẽ dành ưu tiên đầu tư ngân sách cho trung tâm GDTX-HN-DN Kỳ Anh để phục vụ nhu cầu của Khu kinh tế Vũng Áng. Cuối cùng, với các trung tâm học tập cộng đồng, Hà Tĩnh sẽ đầu tư vào các xã đã có văn phòng dành riêng cho trung tâm.

Tỉnh sẽ tiếp tục củng cố và tăng cường đầu tư đội ngũ, cơ sở vật chất Trường THPT Chuyên. Thu hút, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục cho trường THPT Chuyên. Tập trung đẩy mạnh việc phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho địa phương. Mỗi cấp học ở các địa phương cấp huyện xây dựng một trường điển hình tiên

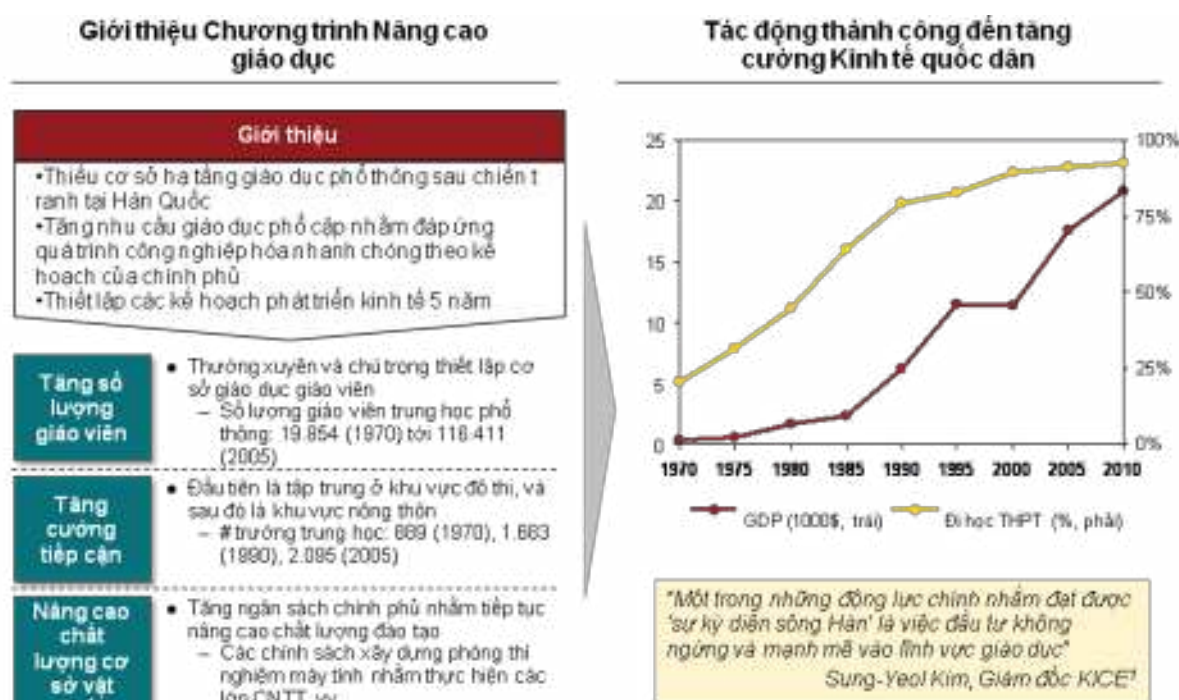
tiền nòng cốt để làm mô hình cho các đơn vị khác học tập, nhân rộng. Hà Tĩnh cũng sẽ đầu tư xây dựng, củng cố Trường CĐ Nghề Việt - Đức làm mô hình điểm trong khối các trường dạy nghề của tỉnh và khu vực miền Trung với chất lượng quốc gia và khu vực.

Một lĩnh vực khác cũng được tập trung là tăng cường tiếp cận công nghệ thông tin cho sinh viên trên địa bàn tỉnh. Hà Tĩnh tận dụng cơ sở hạ tầng viễn thông sẽ được lắp đặt trong tỉnh và xem xét các mô hình chi phí thấp để cung cấp dịch vụ internet và tiếp cận CNTT cho các trường học trên địa bàn tỉnh.

Một lĩnh vực quan trọng nữa mà tỉnh sẽ tập trung là đổi mới và nâng cao chất lượng quản lý giáo dục, nhằm tăng tính hiệu quả và mang lại kết quả tốt hơn: đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý, thực hiện tốt phân cấp quản lý, phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện cơ chế "một cửa", ứng dụng CNTT trong quản lý giáo dục. Ngoài ra, tỉnh cũng sẽ thực hiện tốt các chủ trương về công khai chất lượng GD, nguồn lực cho GD, tài chính của các cơ sở GD, phát huy tác dụng của hoạt động giám sát xã hội đối với chất lượng, hiệu quả GD; chống lạm thu, thu sai quy định, tích cực đổi mới, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý tốt các hoạt động dạy thêm, học thêm. Cuối cùng, Hà Tĩnh sẽ thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng GD, công khai hóa kết quả kiểm định, thanh tra, kiểm tra đánh giá, phát huy tốt vai trò của công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm định chất lượng trong nâng cao chất lượng giáo dục.

Hàn Quốc là một ví dụ tốt về một quốc gia đã bắt đầu từ một nền tảng rất thấp, và đầu tư một cách tập trung hơn ba thập kỷ qua trong giáo dục phổ thông nhằm nâng cao chất lượng của nguồn nhân lực của mình, nhờ đó đã tạo ra tăng trưởng kinh tế dài hạn cho đất nước. Nước này đã không ngừng tập trung vào việc cải thiện tiếp cận, tăng chất lượng giảng dạy và chất lượng của cơ sở vật chất thông qua đầu tư liên tục và tích cực vào giáo dục và đào tạo (Hình 165).

**Hình 165: Ví dụ về Hàn Quốc – Đầu tư vào Giáo dục và Đào tạo Phổ thông**



Nguồn: KICE, Thống kê Hàn Quốc, Phân tích của Monitor



**Thứ 2, Hà Tĩnh sẽ tập trung nâng cấp giáo dục và đào tạo dạy nghề.** Ở đây, các mục tiêu chính của tỉnh đến năm 2020 gồm:

- Nâng số lượng học viên tốt nghiệp trường dạy nghề lên 20,000/năm vào năm 2015 và trên 25.000/năm vào năm 2020. Tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 lên 70%.
- Xây dựng cơ sở đào tạo nghề phù hợp và các chương trình chất lượng cao cho các cụm ngành trọng điểm đã xác định của Hà Tĩnh, đặt mục tiêu tuyển sinh cho mỗi cụm ngành để đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực giai đoạn 2010-2020.
- Thúc đẩy học tập suốt đời để tạo sự linh hoạt cho lực lượng lao động giúp họ nâng cao kỹ năng hiện có hoặc học những kỹ năng mới trong suốt cuộc đời của mình.

Các sáng kiến cụ thể sẽ thực hiện, cùng yêu cầu và động lực chính là:

- **Mở rộng năng lực và tiếp cận đào tạo nghề:** Trọng tâm ở đây là tăng cường năng lực của các tổ chức dạy nghề hiện có và mở rộng chương trình giảng dạy bao gồm các khóa học chuyên ngành mới nhắm tới các cụm ngành trọng điểm. Các lĩnh vực bao gồm khai thác mỏ và kim loại, sản xuất sản phẩm từ kim loại, dệt may, thương mại, giao thông vận tải và hậu cần, kinh doanh, BPO-ITO, xây dựng và đào tạo ngôn ngữ. Đồng thời, tỉnh cần thúc đẩy việc thành lập các trường nghề tư thực để bổ sung cho năng lực trường công lập, đồng thời giám sát chặt chẽ chất lượng và văn bằng của các trường này với 1 chương trình chứng nhận. Tỉnh cũng sẽ cải thiện khả năng tiếp cận đào tạo nghề cho học sinh ở các huyện nông thôn bằng cách thiết lập các điểm trường ngay tại khu vực nông thôn, và có phương án xây ký túc xá cho học sinh nông thôn theo học nghề ở thành thị. Như đã đề cập ở trên, hệ thống trường dạy nghề (công và tư nhân) cần đào tạo 20.000 sinh viên tốt nghiệp hàng năm vào năm 2015 và 25.000 vào năm 2020 để đáp ứng yêu cầu của tỉnh.

Một sáng kiến khác sẽ giúp tiếp cận các khóa học nghề dễ dàng và linh hoạt hơn là thông qua việc đặt yêu cầu tuyển sinh 1 cách linh hoạt và tổ chức thêm các khóa học bán thời gian chuyên ngành. Điều này sẽ giúp thúc đẩy học tập suốt đời, nhờ đó nâng cao 1 cách đồng bộ kỹ năng cho người dân. Cụ thể, sáng kiến này gồm (a) cho phép người trưởng thành tham gia các lớp học nghề nếu còn chỗ, kể cả tại các trường trung cấp nghề, (b) tổ chức thêm các khóa học bán thời gian chuyên ngành (ví dụ như dự án xóa đói giảm nghèo của ILO-Sở LĐTBXH) và (c) tổ chức các khóa học cho cán bộ đang làm việc để nâng cao kỹ năng quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tỉnh cũng sẽ tạo điều kiện thúc đẩy đào tạo nghề cho người khuyết tật, trẻ em vô gia cư, tội phạm vị thành niên nhằm giúp họ tái hòa nhập cộng đồng.

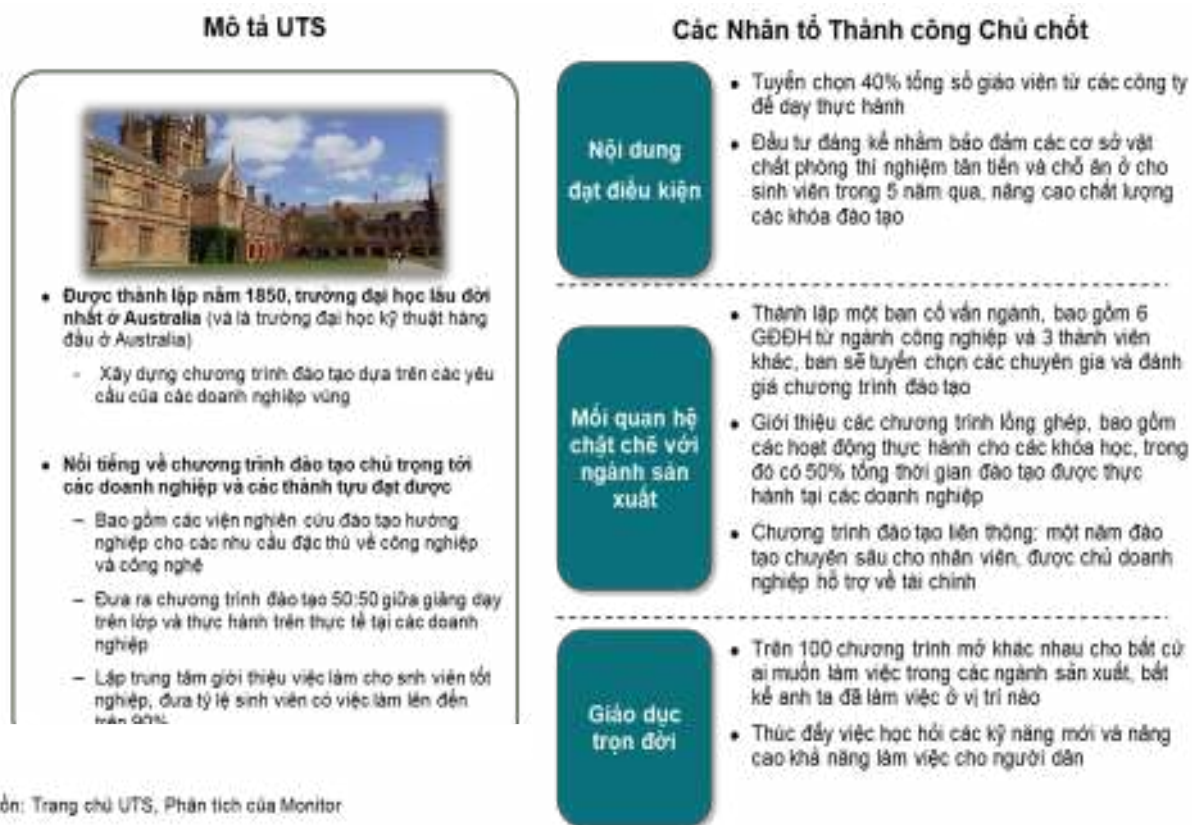
Hà Tĩnh sẽ tập trung phát triển đào tạo ngoại ngữ và công nghệ thông tin để nâng cao những kỹ năng cơ bản này cho người dân nói chung. Tỉnh tiếp tục tăng cường, cải thiện hệ thống trung tâm học tập cộng đồng, nhằm giúp các trung tâm này đóng góp được nhiều hơn cho khu vực nông thôn. Hà Tĩnh sẽ hợp nhất các trung tâm GDTX và trung tâm HN-DN để đảm bảo tính thống nhất, đơn giản và hiệu quả.

- **Cải thiện cơ sở vật chất Trường dạy nghề:** Nhiệm vụ đặt ra ở đây là cải thiện cơ sở vật chất kỹ thuật chuyên ngành như phòng lab và công nghệ giảng dạy ảo với hầu hết các môn học do nhà đầu tư hiện tại và tiềm năng ở tỉnh xác định (ví dụ kỹ thuật khai thác mỏ và kim loại, kỹ năng ngôn ngữ cho ngành nhà hàng khách sạn, CNTT cho cụm ngành BPO). Tỉnh cũng cần đảm bảo nguồn cấp điện ổn định nhờ việc nối điện lưới và máy phát dự phòng. Các nguồn vốn chính là tư nhân/NGO để bổ sung cho ngân sách nhà nước,

thông qua chương trình tài trợ của các công ty và NGO. Chi phí sẽ được quản lý với sự điều phối của sở LĐTBXH về mua sắm đầu thầu (vd thiết bị công nghệ) nhằm giúp các cơ quan của tỉnh được giảm giá.

- Xây dựng quan hệ liên kết với khu vực doanh nghiệp:** Tỉnh sẽ thúc đẩy mô hình Đào tạo dựa trên doanh nghiệp-Đào Tạo (EBT) để kết nối người sử dụng lao động với đơn vị đào tạo và để bảo đảm nguồn kinh phí bổ sung cho trường học. Chương trình này sẽ tạo cơ hội gặp gỡ cho các công ty, đơn vị đào tạo và chính quyền để xác định nhu cầu đào tạo và xem xét chương trình đào tạo tại các trường dạy nghề. Chương trình này cũng sẽ tập trung cải thiện việc gắn người lao động với doanh nghiệp, cũng như tạo cơ hội thực tập, học việc và tuyển dụng. Theo chương trình này, tỉnh thường xuyên khảo sát doanh nghiệp để đánh giá nhu cầu kỹ năng của họ. Ngoài ra, tỉnh cũng sẽ nâng cấp các phòng giới thiệu việc làm bằng cách mở rộng danh mục người tìm việc, bao gồm lao động có tay nghề cao nhằm đáp ứng yêu cầu của các ngành công nghiệp và công ty đầu tư trên địa bàn tỉnh. Tỉnh cũng thường xuyên tổ chức các sự kiện tuyển dụng cho các công ty, các ứng viên, sinh viên tốt nghiệp và các tổ chức giới thiệu việc làm, và giúp việc tiếp cận thông tin trực tuyến về việc làm dễ dàng hơn. Một yếu tố quan trọng để đẩy mạnh quan hệ liên kết giữa đào tạo và doanh nghiệp là thông qua hình thức “cầm tay chỉ việc”.
- Nâng cao chất lượng giáo viên dạy nghề:** Trọng tâm của công tác này là nâng cao trình độ và kinh nghiệm của giáo viên thông qua việc cải thiện cơ chế tuyển dụng người tài và có ưu đãi đặc biệt dựa trên việc phân tích kỹ lưỡng thành công của các sáng kiến. Một số sáng kiến cụ thể nên áp dụng là (a) thành lập 1 cơ quan trực thuộc Sở LĐTBXH và sở GD-ĐT để cải thiện cơ chế tuyển dụng và giữ chân giáo viên có năng lực, (b) quảng bá hình ảnh của nghề dạy học với những người trẻ tuổi, cùng với các sáng kiến để thu hút và giữ chân cán bộ giảng dạy, xóa bỏ nhận thức nghề dạy học là nghề ít được ưu tiên ở Hà Tĩnh và ở Việt Nam, (c) ưu đãi cho giáo viên tiếp tục học thêm thông qua hỗ trợ tài chính hoặc kể cả học bổng với điều kiện phải cam kết quay lại Hà Tĩnh làm việc trong 1 khoảng thời gian nhất định, (d) mời giáo viên thỉnh giảng là chuyên gia từ các công ty đến dạy các môn học cụ thể và truyền đạt kiến thức của họ cho học sinh trên địa bàn tỉnh, và (e) thiết lập các chương trình kết hợp việc giảng dạy trong tỉnh với kinh nghiệm của 1 đơn vị sử dụng lao động lớn như Formosa, thu hút giáo viên từ bên ngoài Hà Tĩnh - họ có thể ở lại tỉnh 1 thời gian để vừa giảng dạy vừa có cơ hội làm việc với 1 công ty hàng đầu trong ngành. Tỉnh cũng sẽ tập trung cải thiện công tác đào tạo và đánh giá giáo viên. Tỉnh sẽ xây dựng chiến lược đào tạo liên tục có tổ chức chặt chẽ cho giáo viên về phương pháp và chương trình giảng dạy, có thể sử dụng công nghệ truyền hình hội nghị ở các trường đại học để tổ chức các khóa học ảo được cùng với các tỉnh lân cận. Hà Tĩnh cũng sẽ ký hợp đồng dài hạn hoặc toàn thời gian với giáo viên để giúp họ yên tâm phát triển chuyên môn, đặt kỳ vọng và hỗ trợ giáo viên phát triển, đồng thời triển khai nghiêm ngặt việc đánh giá giáo viên dựa trên kết quả, có gắn trực tiếp đến chế độ ưu đãi – tiền lương, nghỉ phép, nhà ở, phương tiện đi lại, vv ...

Đại học Công nghệ (UTS, Sydney) là ví dụ tốt về 1 cơ sở đào tạo dạy nghề chuyên nghiệp tập trung mạnh vào đào tạo kỹ năng thực tế và liên kết với doanh nghiệp (Hình 166).

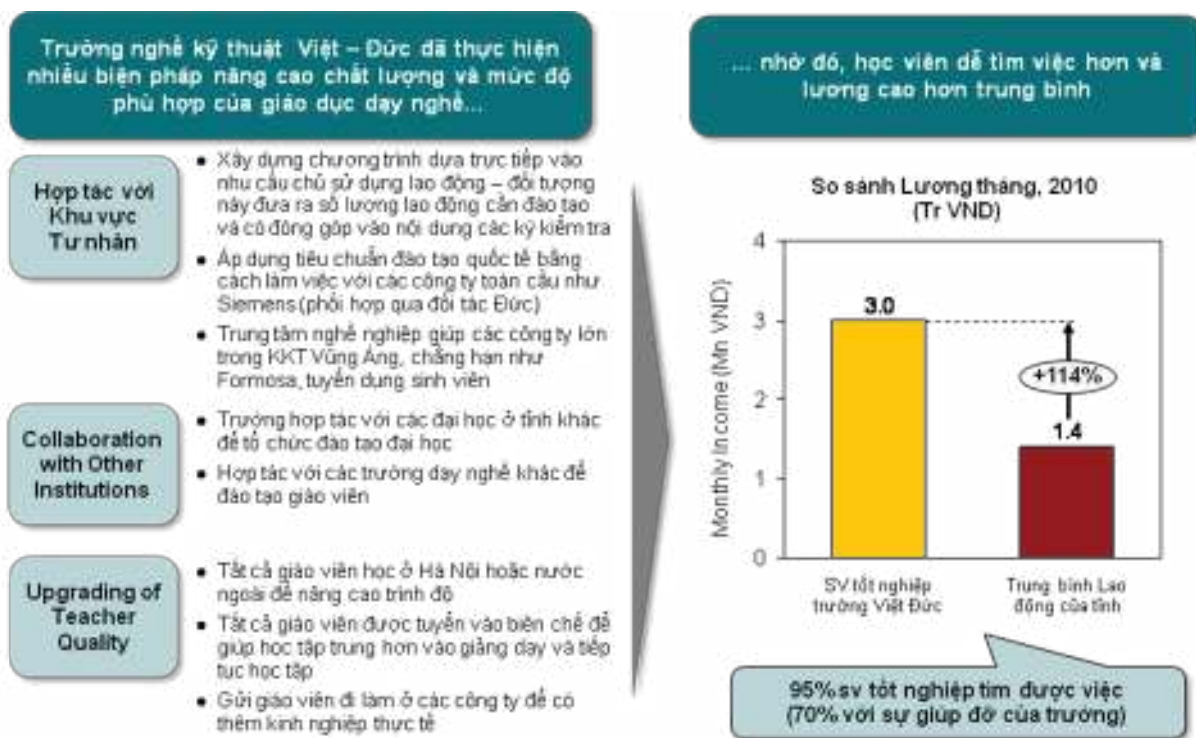
**Hình 166: Nghiên cứu Điển hình – Đại học Công nghệ (UTS), Sydney, Australia**

Nguồn: Trang chủ UTS, Phân tích của Monitor

Nguồn: Trang chủ UTS, Phân tích của Monitor

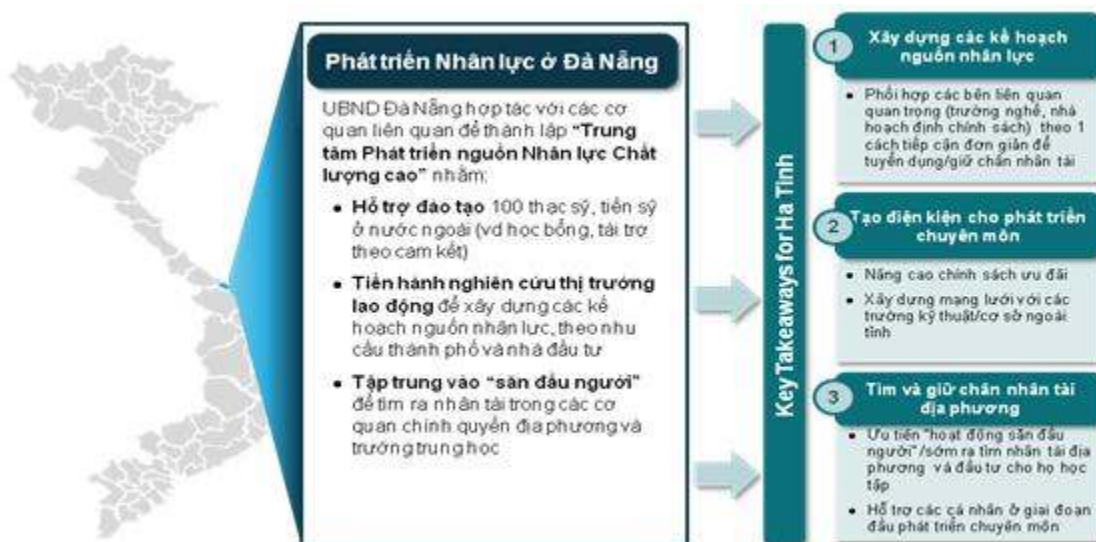
Ngay ở trong nước, Hà Tĩnh cũng có thể học hỏi và áp dụng 2 mô hình đầy triển vọng là (a) Trường Đại học Kỹ thuật Việt - Đức (Hình 167) - đã tiến hành một số biện pháp tương tự đề xuất ở trên, và (b) Trung tâm Phát triển nguồn Nhân lực Đà Nẵng - tập trung hỗ trợ và phát triển các sinh viên tốt nghiệp tài năng chất lượng cao và nghiên cứu sinh (Hình 168).

**Hình 167: Nghiên cứu Điển hình – Trường Dạy nghề Kỹ thuật Việt Đức**



Nguồn: Phòng vấn với Trường Dạy nghề Việt Đức, dữ liệu do Sở LĐTBXH cung cấp; <http://markashwill.wordpress.com/2010/12/21/vocational-education-và-training-in-vietnam-opportunities-untapped-potential/>; Phân tích của Monitor

**Hình 168: Nghiên cứu Điển hình – Trung tâm nguồn Nhân lực Đà Nẵng**



Nguồn: "Thực hiện và Xây dựng Lao động và nguồn nhân lực: Chính sách phát triển cho các doanh nghiệp ở cấp tỉnh," Sáng kiến cạnh tranh Việt Nam (2009)

**Thứ 3, Hà Tĩnh sẽ tập trung nâng cấp giáo dục đại học trong tỉnh.** Ở đây, tỉnh sẽ tập trung vào ba lĩnh vực chính - (a) định hướng chương trình giảng dạy của Đại học Hà Tĩnh theo hướng cơ khí, công nghệ thông tin, quản lý - kinh doanh, ngôn ngữ, (b) thúc đẩy các trường đại học liên kết với doanh nghiệp và (c) đảm bảo nguồn kinh phí cho việc xây dựng khuôn viên mới của Đại học Hà Tĩnh tại xã Cẩm Bình huyện Cẩm Xuyên và đẩy nhanh tiến độ xây dựng. Tỉnh cũng sẽ chuẩn hóa và đưa vào các mã ngành giảng dạy phù hợp ở cấp đại học và cao đẳng; nâng cao chất lượng giáo dục đại học, đặc biệt là kết hợp giảng dạy và nghiên cứu nhằm phục vụ nhu cầu trong và ngoài tỉnh. Các sáng kiến cụ thể mà tỉnh sẽ thực hiện bao gồm:

- **Cải cách quy mô chương trình giảng dạy:** Đại học Hà Tĩnh sẽ tổ chức nhiều chương trình hơn, đặc biệt là cho các ngành cụm trọng điểm với sự phát triển của tỉnh (như đã đề cập trong kế hoạch cho mỗi cụm ngành, ví dụ Khoa và Trung tâm Xuất sắc về Khai thác mỏ và Luyện kim thuộc Đại học Hà Tĩnh). Trường cũng sẽ tăng cường đào tạo giáo viên và ngôn ngữ, tập trung vào nhu cầu cụ thể của tỉnh. Ngoài ra, Đại học Hà Tĩnh còn nâng cao năng lực cho sinh viên qua các khóa học kỹ năng cao cấp, như quản lý, CNTT, vv. Việc mở rộng chương trình giảng dạy này có thể kết hợp với các cơ quan bên ngoài trường. Nếu phù hợp, Đại học Hà Tĩnh cũng có thể tận dụng cơ sở hạ tầng viễn thông để tổ chức các khóa học ảo từ các trường đại học trong và ngoài nước.
- **Nâng cao chất lượng cán bộ giảng dạy:** Đại học Hà Tĩnh sẽ tăng số lượng cán bộ có trình độ, đặc biệt là cán bộ có bằng thạc sỹ và tiến sỹ. Tỉnh có thể thực hiện công tác này thông qua việc tài trợ cho những sinh viên có triển vọng tiếp tục học lên ở Hà Tĩnh hay nơi khác. Đại học Hà Tĩnh cũng sẽ thuê tuyển cán bộ có kinh nghiệm trong ngành công nghiệp, giúp họ có mức lương cạnh tranh và một môi trường học tập thuận lợi. Cuối cùng, Đại học Hà Tĩnh cần giúp cán bộ của mình có cơ hội học tập và nghiên cứu ở các cơ quan đối tác và kết hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp mới của tỉnh trong các cụm ngành trọng điểm.
- **Nâng cấp địa điểm và cơ sở vật chất:** Một lĩnh vực trọng tâm là xây dựng khuôn viên mới để tăng năng lực và cải thiện cơ sở vật chất đào tạo, trong đó có mở rộng cơ sở hạ tầng học tập và sinh hoạt như phòng hội nghị, ký túc xá sinh viên, vv. Đại học Hà Tĩnh cũng cần đầu tư cải thiện tiếp cận và chất lượng CNTT, tận dụng việc phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông nói chung của tỉnh. Trường cũng đồng thời hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp để có được phòng thí nghiệm và cơ sở vật chất làm việc, nghiên cứu tại các cụm ngành trọng điểm của tỉnh. Tỉnh cũng sẽ tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị giảng dạy và kỹ thuật cho các trường đại học và cao đẳng theo kế hoạch đã được phê duyệt, đồng thời huy động vốn để đẩy nhanh tiến độ xây dựng, ưu tiên hoàn thành các hạng mục cơ bản của Đại học Hà Tĩnh, Cao đẳng Y tế, Trường Cao đẳng Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nguyễn Du.
- **Hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học đã có:** Đại học Hà Tĩnh sẽ tích cực tìm kiếm quan hệ hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học đã có trong và ngoài nước. Điều này giúp nâng cao khả năng tiếp cận các giảng viên giàu kinh nghiệm và cơ sở vật chất nghiên cứu, vv. Ngoài ra, việc hợp tác này cũng giúp thiết lập chương trình trao đổi giảng viên và sinh viên. Trong tương lai, nhờ sự hợp tác này, Đại học Hà Tĩnh có thể cùng xây dựng chương trình và nội dung giảng dạy cho các khóa học quan trọng, đặc biệt là phục vụ các cụm ngành trọng điểm của tỉnh. Mô hình “Làng Tri thức” (“Knowledge Village”) được thành lập năm 2003 tại Dubai, Ấn Độ là 1 ví dụ rất tốt về cụm ngành giáo dục đại học đã được phát triển trong thời gian tương đối ngắn. Làng Tri thức tập trung vào chương trình giảng dạy tiên tiến hướng tới ngành công nghiệp, tuyển

dụng giáo viên chất lượng cao, cơ sở hạ tầng tốt và quan hệ đối tác với các cơ quan và doanh nghiệp trên toàn cầu (Hình 169).

Trong các lĩnh vực của mình. Đại học Hà Tĩnh sẽ trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ chất lượng cao của khu vực miền Trung.

**Hình 169: Nghiên cứu điển hình – Làng Tri thức, Dubai**



Nguồn: Trang chủ Thành phố Tri thức, Phân tích của Monitor

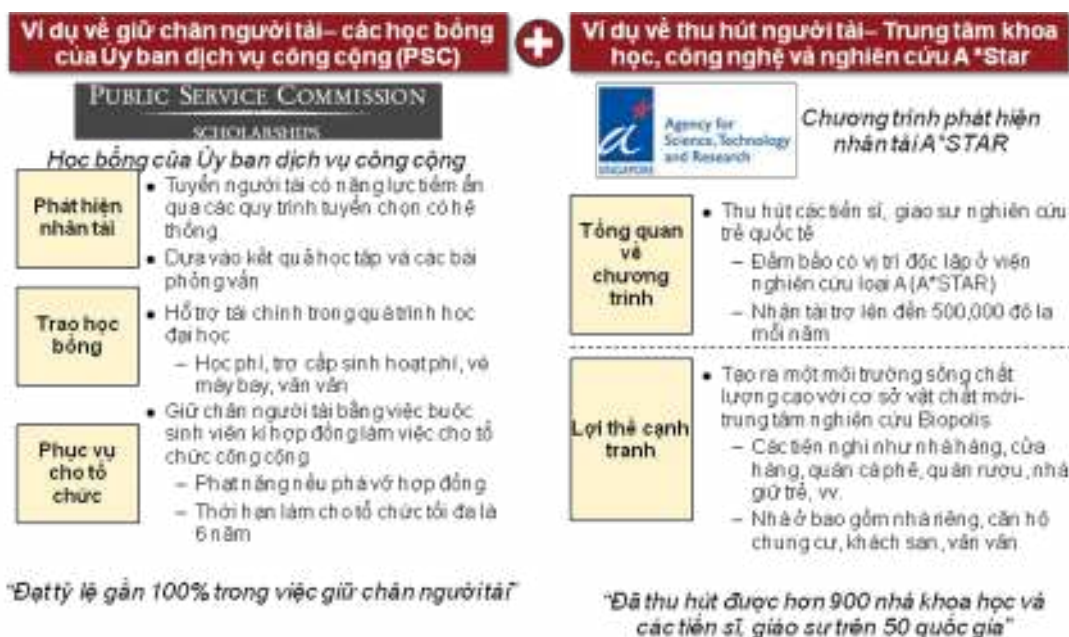
**Cuối cùng nhưng cũng rất quan trọng, Hà Tĩnh sẽ tập trung thực hiện các sáng kiến nhằm giữ chân và thu hút nhân tài quay lại tỉnh. Cụ thể là tỉnh cần:**

- **Giữ chân nhân tài trong tỉnh thông qua cách tiếp cận toàn diện:**
  - Cung cấp giáo dục có chất lượng trên địa bàn tỉnh thông qua cải thiện giáo dục đại học và đào tạo nghề.
  - Ưu đãi / tài trợ học bổng cho sinh viên tài năng để họ được học các chương trình tốt nhất, cả ở trong tỉnh với phí sinh hoạt do tỉnh tài trợ, hoặc ở ngoài tỉnh (nếu không có sẵn trên địa bàn tỉnh) với cam kết trở lại Hà Tĩnh làm việc sau khi tốt nghiệp. Các khoản hỗ trợ cần lớn hơn nhiều so với mức hiện tại là 200.000 đồng/tháng/học sinh, sinh viên.
  - Xây dựng các chương trình việc làm có phối hợp chặt chẽ với doanh nghiệp trong tỉnh để tạo việc làm chất lượng cao. Đây là điều các tỉnh khác khó cạnh tranh được do Hà Tĩnh có một cơ cấu ngành nghề đặc thù.
  - Tạo phong cách và môi trường sống (kết hợp với các sở khác) ở mức độ nào đó có thể ngang bằng với các thành phố lớn - ví dụ như y tế, giải trí, giáo dục có chất lượng cho trẻ em vv.

- **Thu hút nhân tài của Hà Tĩnh quay lại tỉnh và nhân tài ở nơi khác (trong và ngoài nước) đến các cụm ngành trọng điểm**
  - Có chương trình marketing để quảng bá sự phát triển và công nghiệp hóa của Hà Tĩnh nhằm thu hút người lao động có kỹ năng mà tỉnh cần
  - Xây dựng chương trình việc làm ưu đãi, với những ưu đãi đặc biệt về chuyên việc làm hoặc tạo việc làm mới
    - Nhà cửa
    - Hỗ trợ sinh hoạt khác
    - Lương
    - Chế độ nghỉ

Singapore là ví dụ rất tốt về 1 quốc gia đã thực hiện chương trình quản lý tài năng chất lượng cao, cả giữ chân nhân tài trong nước và thu hút nhân tài tốt nhất từ những người đã di cư quay lại và từ các nước khác. Hình 170 dưới đây là ví dụ của hai chương trình chính phủ Singapore điều hành – học bổng Ủy ban Dịch vụ Công (PSC) và Chương trình Nghiên cứu Hạng A (A\*Star). Trong chương trình học bổng PSC, sinh viên có tiềm năng được tuyển lựa 1 cách có hệ thống dựa trên thành tích học tập, sau đó được trao học bổng học đại học trong lĩnh vực tự chọn tại 1 trường đại học có uy tín trên toàn thế giới. Để đổi lại, sinh viên này được ký hợp đồng làm việc tại Singapore sau khi hoàn thành nghiên cứu trong ít nhất là 6 năm. Nếu vi phạm hợp đồng, sinh viên sẽ bị phạt rất nặng về tài chính. Trong khi đó, sinh viên tài năng này gần như được đảm bảo hoàn toàn về công việc chất lượng cao của mình tại khu vực công hoặc tư nhân sau khi học xong. Chính điều này giúp giữ chân gần như 100% nhân tài của Singapore.

Trong khi đó, Chương trình Nghiên cứu Hạng A nhắm tới việc thu hút cán bộ nghiên cứu chất lượng cao tới sinh sống và làm việc tại Singapore do quốc gia này đang cố gắng xây dựng cụm ngành NC&PT công nghệ sinh học. Theo kế hoạch này, nhân tài chất lượng cao (người Singapore hoặc nước khác) có vị trí tại 1 trong các trường đại học hạng A, được cấp 1 quỹ nghiên cứu để thực hiện chuyên đề họ quan tâm, đồng thời được cam kết về môi trường sống có chất lượng ở trung tâm sinh hoạt và nghiên cứu chuyên ngành công nghệ sinh học – Biopolis. Chương trình này đã thu hút 900 nhà khoa học và nghiên cứu sinh từ hơn 50 nước.

**Hình 170: Giữ chân và thu hút nhân tài– Ví dụ về Singapore**

Nguồn: Trang chủ PSC, A\*Star

**Ở cấp độ tổng thể, Tỉnh cần có cơ chế và ưu tiên thích hợp** để khuyến khích cụm ngành này phát triển thành công. Theo đó, Hà Tĩnh sẽ điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về chính sách khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2011-2015 (Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND ngày 21/6/2011 của UBND tỉnh), cụ thể như sau:

- Nâng mức khen thưởng cho học sinh giỏi, giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi
- Hỗ trợ học sinh đạt giải quốc tế, quốc gia vào ngành sư phạm và cam kết về phục vụ cho ngành giáo dục

Tỉnh cần triển khai Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về “Quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011-2015”, Thông tư 96/TT-BTC, ngày 27/10/2008 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn hỗ trợ ngân sách Nhà nước cho các trung tâm học tập cộng đồng”.

Hà Tĩnh cũng cần ưu tiên bố trí đất ở cho giáo viên (nhất là giáo viên MN, TH, THCS) có nguyện vọng định cư và cam kết phục vụ lâu dài ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; tiếp tục thực hiện Quyết định số 29/2011/QĐ-UBND ngày 27/9/2011 của UBND tỉnh về Quy định một số chính sách đối với Trường Đại học Hà Tĩnh giai đoạn 2011-2015; đánh giá kết quả công tác chuyển đổi trường Mầm non bán công sang công lập theo Nghị quyết 115/2009/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; xây dựng lộ trình tiếp tục chuyển đổi các trường MN bán công ở những xã miền núi, vùng nông thôn còn lại sang công lập (theo tinh thần Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ), phấn đấu hoàn thành trong năm học 2013-2014. Tỉnh sẽ thực hiện nghiêm túc cơ chế học bổng, học phí, tín dụng cho học sinh, sinh viên vùng miền núi và thuộc diện chính sách xã hội; chính sách hỗ trợ đặc biệt cho người khuyết tật học tập và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; cung cấp sách giáo khoa và học phẩm miễn phí, hoặc giảm giá bán sách giáo khoa cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn hoặc sinh hoạt và học tập tại các vùng cao, vùng sâu, vùng xa.



Cuối cùng, Tỉnh cần có cơ chế định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo nghề; các doanh nghiệp phải coi đào tạo nghề cũng là phát triển doanh nghiệp; bố trí quỹ đất và kinh phí đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất - thiết bị cho Văn phòng Sở GD-ĐT, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chuyên môn của một cơ quan quản lý với quy mô lớn trong tỉnh.

### 2.7.3 Lộ trình Thực hiện và yêu cầu đầu tư

Hà Tĩnh sẽ thực hiện kế hoạch này thông qua một lộ trình có cấu trúc và hệ thống, được hỗ trợ từ sự phát triển các cơ sở hạ tầng quan trọng và các yếu tố động lực quan trọng khác. Các sở ban ngành trong tỉnh đóng vai trò quan trọng để thực hiện thành công kế hoạch và chiến lược cho cụm ngành giáo dục đào tạo, cụ thể là:

- **Sở Giáo dục và Đào tạo:** Nâng cao vai trò trách nhiệm trong việc quản lý nhà nước về GD-ĐT trên địa bàn. Chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành và cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể cho từng năm và giai đoạn để chỉ đạo, tổ chức thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Đề án. Tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Đề án để bổ sung, điều chỉnh cũng như đề ra giải pháp, chính sách đồng bộ, đảm bảo thực hiện tốt Đề án phù hợp với thực tiễn địa phương; định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện Đề án báo cáo UBND tỉnh.
- **Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính tổ chức bố trí và lồng ghép các nguồn vốn đầu tư để thực hiện kế hoạch hàng năm và cho từng giai đoạn của Đề án.
- **Sở Tài chính:** Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thành phố, thị xã đề xuất UBND tỉnh phê duyệt: Ngân sách sự nghiệp giáo dục và đào tạo; các cơ chế, chính sách.
- **Sở Nội vụ:** Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thống nhất cơ chế, nhu cầu tuyển dụng, bồi dưỡng cán bộ giáo viên và đào tạo cán bộ quản lý, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định trong các giai đoạn; Phối hợp với sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tham mưu phân cấp quản lý giáo dục toàn diện đảm bảo quy định, phù hợp và hiệu quả cao.
- **Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:** Chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành và cơ quan liên quan xây dựng Kế hoạch, giải pháp cụ thể để chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ về phát triển, hoàn thiện mạng lưới cơ sở đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo nghề theo Đề án; Tham mưu, đề xuất các chính sách liên quan đến phát triển đào tạo nghề của tỉnh.
- **Sở Y tế:** Chủ trì phối hợp Sở GD&ĐT, các sở ngành liên quan và UBND các huyện xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể để chỉ đạo thực hiện tốt công tác y tế học đường, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe học sinh, sinh viên, góp phần nâng cao thể lực thể hệ trẻ tỉnh nhà.
- **Sở Tài nguyên và Môi trường:** Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố trong việc quy hoạch quỹ đất dành cho giáo dục.
- **Sở Xây dựng:** Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo trong công tác quản lý xây dựng cơ bản nhằm không ngừng nâng cao chất lượng xây dựng các công trình trường học theo tiêu chuẩn; Rà soát quy hoạch xây dựng để điều chỉnh bổ sung các công trình, thiết chế giáo dục đào tạo phù hợp quy hoạch Ngành giáo dục.

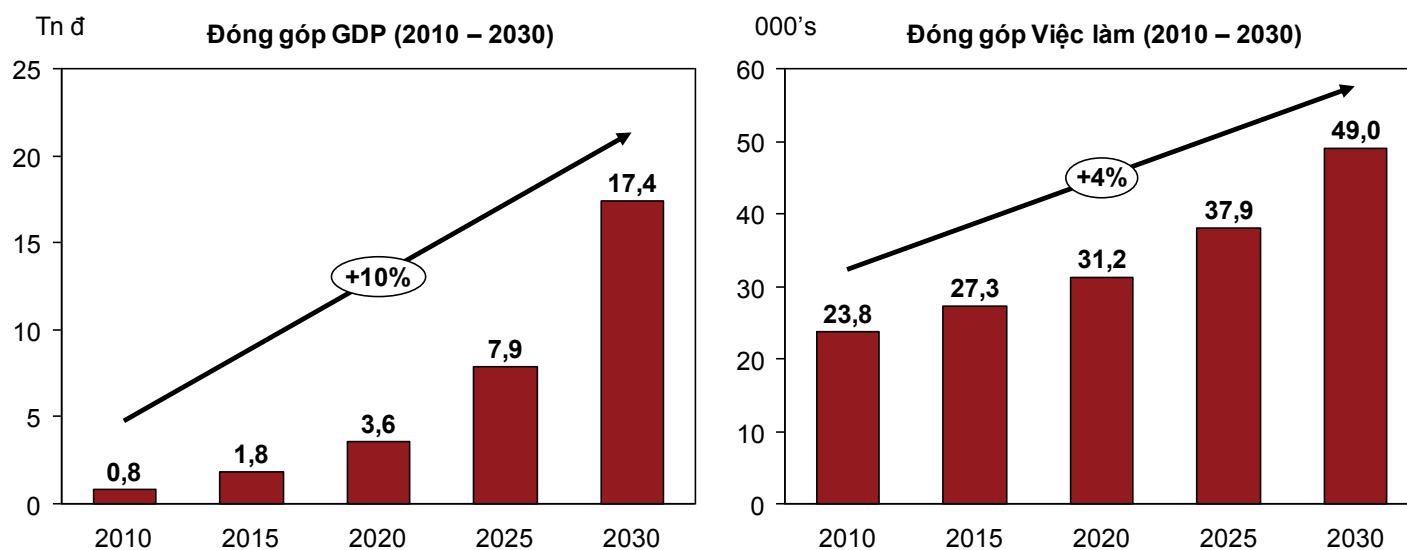
- **UBND các huyện, thành phố, thị xã:** Các cơ quan này có 3 vai trò quan trọng trong phát triển cụm ngành giáo dục đào tạo.
  - Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức của nhân dân, đặc biệt là ở các vùng sâu vùng xa, vùng khó khăn về các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đối với giáo dục - đào tạo và vai trò, tầm quan trọng của giáo dục - đào tạo đối với công tác xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội;
  - Phối hợp với Sở GD-ĐT và các ngành chức năng của tỉnh chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ nêu trong Đề án trên địa bàn; trước mắt tập trung xây dựng quy hoạch GD-ĐT cho địa phương, trên cơ sở đó có phương án quy hoạch đất và huy động các nguồn lực đầu tư về cơ sở vật chất, các công trình trường học, trang thiết bị giáo dục đào tạo. Trong đó đặc biệt quan tâm nâng cao chất lượng giáo dục vùng khó khăn, vùng sâu vùng xa, ven biển và miền núi.
  - Xúc tiến việc thành lập và hoàn thiện hệ thống các trường, cơ sở đào tạo nghề đã nêu trong Đề án, nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở phổ thông, nhất là nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương.
- **Các trường Đại học, cao đẳng và cơ sở đào tạo:** Căn cứ Đề án để xây dựng kế hoạch phát triển của đơn vị, đảm bảo bền vững, chất lượng, đúng tiến độ về lộ trình theo kế hoạch.
- **Các cơ quan thông tấn, báo chí địa phương, Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh:** Xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền kịp thời, thường xuyên đưa tin về những tấm gương điển hình về hoạt động giáo dục và đào tạo của tỉnh.
- **Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh và các ban, ngành, tổ chức đoàn thể của tỉnh:** Trên cơ sở Đề án được phê duyệt, đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các ban, ngành, tổ chức đoàn thể của tỉnh tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, đoàn viên, hội viên tham gia tích cực việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo chung của tỉnh.

Để thực hiện lộ trình này, cụm ngành cần đầu tư khoảng 5,7 nghìn tỷ đồng từ nay đến năm 2020. Phần lớn (khoảng 4,8 nghìn tỷ) là từ đầu tư của Chính phủ, phần còn lại do khu vực tư nhân đầu tư hoặc tài trợ. Hình 171 dưới đây liệt kê các dự án trọng điểm và số tiền đầu tư cần thiết cho mỗi dự án. Cần lưu ý là mặc dù tập trung đầu tư vào giáo dục hướng nghiệp như đã mô tả trong chiến lược phát triển của cụm ngành này, nhu cầu cần tăng chi tiêu cho ngành giáo dục, đặc biệt trong việc nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ vẫn sẽ tiếp tục gia tăng.

**Hình 171: Yêu cầu đầu tư cho Cụm ngành giáo dục**

| Lĩnh vực đầu tư                                     | Tổng đầu tư (triệu đồng) | Nguồn đầu tư               | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
|---|--------------------------|----------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Đầu tư nâng cấp các cơ sở đào tạo <sup>16</sup>     | 900.000                  | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Đào tạo hướng nghiệp/giáo dục chất lượng cao        | 1.370.000                | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Trung tâm hướng nghiệp BPO                          | 25.000                   | Phi chính phủ              |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Trung tâm ngôn ngữ                                  | 10.000                   | Phi chính phủ              |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Khoa khai khoáng và luyện kim                       | 58.000                   | Phi chính phủ              |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Đại học Hà Tĩnh                                     | 250.000                  | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Xây dựng, nâng cấp kiến cơ mạng lưới các trường học | 3.123.000                | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>TỔNG</b>   | <b>5.730.500</b>         |                            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |

Tóm lại, ở mức độ tổng quan, Hà Tĩnh sẽ có 1 cụm ngành giáo dục và đào tạo phát triển mạnh mẽ, đóng góp 3,6 nghìn tỷ đồng GDP vào năm 2020 và 17,4 nghìn tỷ vào năm 2030. Cụm ngành này sẽ đóng vai trò quan trọng cho sự phát triển của tỉnh về mặt việc làm, hỗ trợ cho 31.000 việc làm vào năm 2020 và 49.000 việc làm vào năm 2030.

**Hình 172: Đóng góp của Cụm ngành Giáo dục và Đào tạo cho nền kinh tế**

Nguồn: Niên giám Thống kê Hà Tĩnh, Phân tích của Monitor

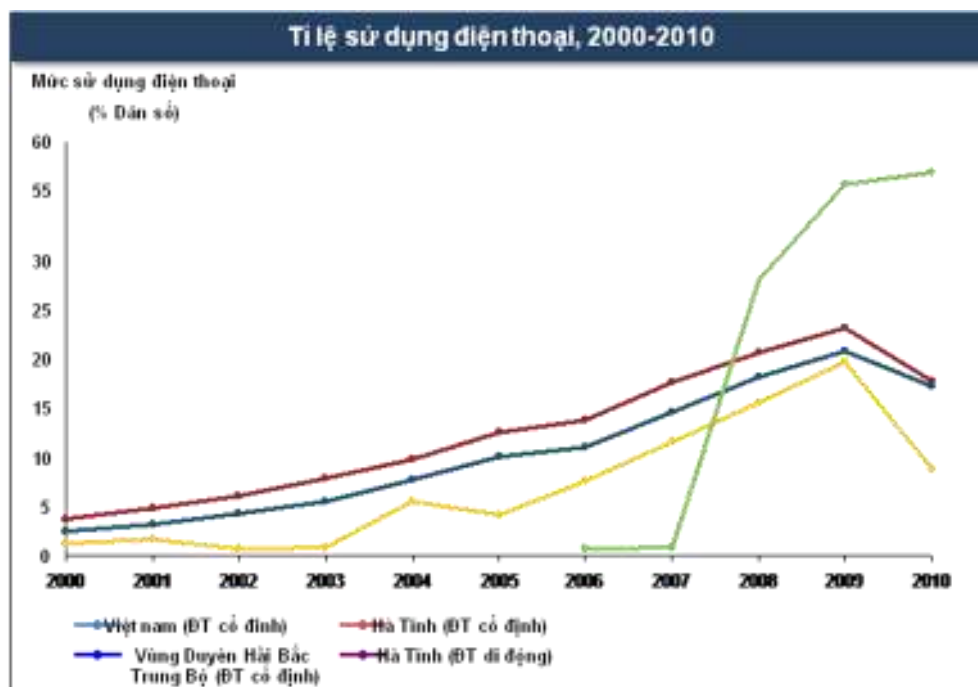
<sup>16</sup> Bao gồm hoạt động cải thiện trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh, Trường Công nghệ, Trường Văn hóa Thể Thao Du lịch Nguyễn Du, và Trường dạy nghề Vũng Áng.

## 2.10 Cụm ngành Truyền thông

### 2.10.1 Hiện trạng lợi thế và thách thức

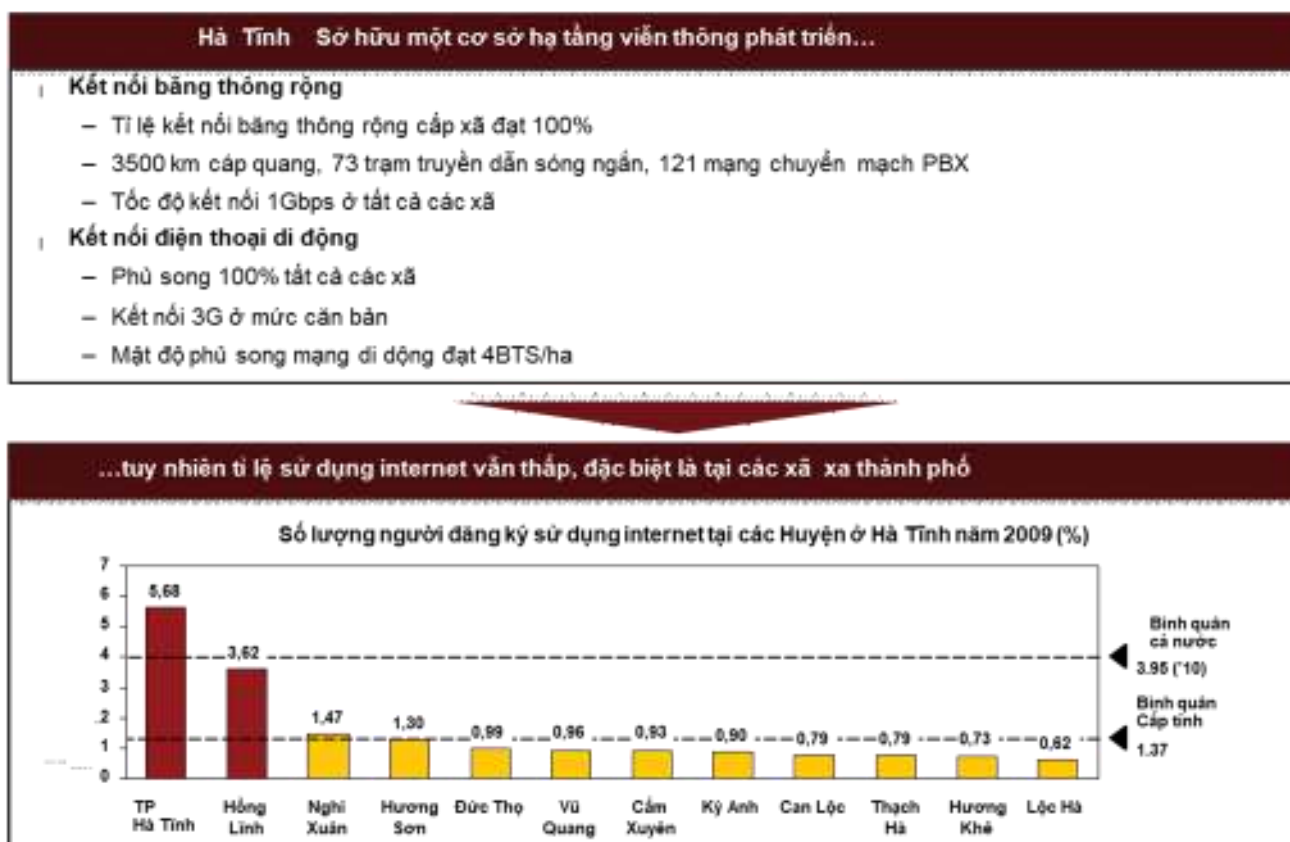
Cũng giống như ở hầu hết các nền kinh tế mới nổi, tỷ lệ sử dụng điện thoại di động ở Hà Tĩnh đã tăng đáng kể trong những năm qua trong khi tỷ lệ sử dụng điện thoại cố định đã bắt đầu giảm xuống. Tỷ lệ sử dụng điện thoại di động tại Hà Tĩnh đã đạt tới 57% trong tổng số dân vào năm 2010, một sự tăng trưởng nhanh chóng nếu so với tỷ lệ này năm 2006 là dưới 1% (xem Hình 184)

**Hình 173: Tỷ lệ sử dụng điện thoại tại Hà Tĩnh (2000-2010)**



Nguồn: Tổng cục Thống kê, Phân tích của Monitor

Trong khi Hà Tĩnh đã có đường kết nối băng thông rộng tới tất cả các xã, thì tỷ lệ sử dụng internet thực tế lại thấp hơn nhiều so với tỷ lệ trung bình của cả nước và của vùng, đặc biệt tại những xã bên ngoài thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh (Hình 174).

**Hình 174: Kết nối Băng thông rộng và tỷ lệ Sử dụng Internet tại Hà Tĩnh**

Nguồn: Phân tích của Monitor

Mạng lưới bưu chính của Hà Tĩnh cũng phát triển mạnh và cung cấp một hệ thống đầy đủ các dịch vụ. Cả tỉnh có 58 bưu điện, trong đó có 1 bưu điện cấp I, 11 bưu điện cấp II, 46 bưu điện cấp III, 6 ki ốt và 228 điểm bưu điện văn hóa xã. Tỉnh có cơ sở hạ tầng bưu chính dày đặc hơn so với tỉ lệ trung bình quốc gia với 1 Bưu điện/10.040 ha so với tỉ lệ cả nước là 1 Bưu điện/11.290 ha. Tuy nhiên, quá trình tin học hóa ngành dịch vụ bưu chính viễn thông vẫn còn thấp. Ví dụ, chỉ gần đây mới tiến hành sàng lọc sắp xếp lại bưu điện, và chỉ áp dụng cho những bưu điện đã được lựa chọn.

Hà Tĩnh cũng có một mạng lưới phát sóng hiệu quả với 13 trạm phát thanh địa phương (trong đó 1 trạm có đài truyền hình). 244 trong tổng số 262 xã (chiếm 93,1%) được phủ sóng phát thanh truyền hình. Trong năm 2010, Hà Tĩnh đã xuất bản và lưu hành 1,510 triệu tờ báo và tạp chí. Ngoài ra, có 70 ấn phẩm và gần 85.000 bản được xuất bản trong năm 2010.

Mức độ sử dụng điện thoại hiện tại tương đối hạn chế và chủ yếu phục vụ cho các cuộc gọi thoại thông thường và tin nhắn chứ không phục vụ cho các dịch vụ giá trị gia tăng. Ví dụ, tại Việt Nam, người sử dụng di động chỉ sử dụng điện thoại trung bình 130 phút mỗi tháng, thấp hơn nhiều so với mức 323 phút ở Trung Quốc, 338 phút ở Singapore, và 189 phút ở Malaysia. Việc chi tiêu cho các dịch vụ dữ liệu cũng thấp hơn, chỉ khoảng 12% trong tổng tổng cước di động, trong khi tại Trung Quốc là 20%, Singapore là 21%, Indonesia là 27% và

Malaysia là 18%. Trong khi đó, mặc dù các dữ liệu riêng về Hà Tĩnh không có song theo dự báo, Hà Tĩnh cũng có thể giống tình hình chung của Việt Nam về vấn đề này.

Hơn nữa, cụm ngành viễn thông tỉnh Hà Tĩnh chưa phát triển và đang gặp 1 số khó khăn, cụ thể như sau:

- **Điều kiện Sẵn có:** Thời gian qua, Hà Tĩnh đã có một cơ sở hạ tầng viễn thông phát triển nhanh chóng thể hiện qua tỉ lệ phủ sóng di động đang tăng, hệ thống kết nối internet hợp lý, và không gặp khó khăn từ hệ thống hạ tầng cố định. Bên cạnh đó, Hà Tĩnh cũng có nguồn cung dồi dào lao động có trình độ phổ thông và phù hợp với công việc trong khối ngành viễn thông.

Tuy nhiên, Hà Tĩnh vẫn gặp phải những khó khăn và hạn chế liên quan đến các điều kiện của cụm ngành này. Mật độ sử dụng internet và điện thoại thấp hơn so với tỉ lệ trung bình của cả nước, trong đó tỉ lệ sử dụng điện thoại cố định giảm mạnh hơn so với tỉ lệ chung của cả nước. Chi phí sử dụng internet lại đắt đỏ. Dù nguồn cung lao động dồi dào, song Hà Tĩnh lại thiếu những lao động được đào tạo chuyên sâu về kỹ thuật.

- **Các điều kiện về nhu cầu:** Nhu cầu về các dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, và các dịch vụ thuê ngoài, đặc biệt từ các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp tư nhân trong nước và các công ty dịch vụ tài chính đang tăng. Một hướng đi có thể nhận thấy ở Hà Tĩnh, đó là các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân đầu tư nhiều hơn vào trong tỉnh vì mục đích phát triển trong tương lai. Trong khi đó, những đòi hỏi từ phía Chính phủ đang tăng lên đã cho thấy mức độ quan trọng ngày càng tăng của hệ thống Chính phủ điện tử. Hơn thế nữa, nhu cầu tiêu dùng các dịch vụ internet và viễn thông, đặc biệt kết nối qua mạng di động được kỳ vọng phát triển ấn tượng. Nhu cầu toàn cầu cũng tăng lên, dù ở Việt Nam, cơ hội lớn nhất chỉ là các dịch vụ BPO chi phí thấp và đơn giản hơn.

Tuy nhiên, giá cả các dịch vụ, đặc biệt truy cập internet và băng thông rộng vẫn ở mức cao đối với cả doanh nghiệp và các cá nhân, và cơ cấu giá cần phải chỉnh sửa (ví dụ như chi phí băng thông rộng) để tiếp tục kích thích nhu cầu sử dụng các dịch vụ. Nhu cầu quốc gia đối với các dịch vụ phát triển còn yếu kém, và đó chính là rào cản khi Hà Tĩnh muốn đạt được giá trị cao hơn trong chuỗi giá trị trong tương lai.

- **Cơ cấu ngành và khả năng cạnh tranh:** Về tổng thể, Việt Nam vẫn thuộc nhóm chi phí thấp trong thị trường toàn cầu trong khi giá ở các nước láng giềng như Philippine đang tăng. Do vậy, BPO có được sức hút thị trường lớn hơn, chẳng hạn như thành phố Hồ Chí Minh. Về tổng thể, trong giai đoạn phát triển thai nghén ở trong nước, ngành viễn thông tập trung phục vụ lượng khách hàng dồi dào trong và ngoài nước.

Tuy nhiên, tỉnh lại gặp phải một số hạn chế trong vấn đề này. Có rất ít hoặc không có đối thủ cạnh tranh cũng như các hoạt động nhằm phát triển ngành Công nghệ thông tin/BPO. Điều này chủ yếu do (a) các công ty trong nước chưa áp dụng nhiều các công nghệ ICT, (b) nhu cầu đào tạo trong các lĩnh vực liên quan như ICT/ BPO / ITO, và việc thiếu một hệ thống truyền thông trong nước phát triển mạnh, chẳng hạn các nhà sản xuất thiết bị hay các tổ chức chính phủ chuyên trách về cụm ngành này.

- **Công nghiệp phụ trợ và liên quan:** Hà Tĩnh, như đã đề cập trước đó, có nhiều tổ chức giáo dục đại trà lên tới cấp phổ thông, và đó là lợi thế lớn đối với khối ngành viễn thông. Cũng cần tập trung nhiều hơn nữa vào việc đào tạo ngôn ngữ tại các trường đại học.

Tuy nhiên, cơ sở hạ tầng toàn diện về giáo dục thì lại chưa được phát triển. Tỉnh chưa có nhiều hoạt động trong đào tạo công nghệ thông tin trong tỉnh cùng với một cơ sở hạ tầng xã hội yếu kém (chẳng hạn như dịch vụ y tế). Cũng chỉ có một vài công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghệ và CNTT cung cấp một số gói dịch vụ cơ bản như bảo trì, và chính điều đó cản trở thêm sự phát triển của khối ngành viễn thông.

- **Cơ quan để hợp tác:** Hiện tại đã có sự góp mặt của các tổ chức liên quan đến ICT quốc gia và khu vực liên kết hợp tác giữa các công ty ICT/BPO/ITO. Quan hệ đối tác giữa các công ty Công nghệ Thông tin và các Trường đại học Công nghệ Thông tin tại Việt Nam cũng đã được thiết lập tương đối tốt.

Tuy nhiên chưa có nhiều các tổ chức ICT/BPO/CNTT hoặc tổ chức liên quan trong nước cũng như trong tỉnh. Bên cạnh đó, việc chỉ có một số ít các nhà cung cấp dịch vụ bán lẻ và cài đặt hệ thống có thể ảnh hưởng đến chất lượng của hệ thống.

- **Vai trò của Chính quyền:** Chính quyền địa phương đã cam kết phát triển khối ngành này. Tuy nhiên, các quy chế chưa được tốt như ở các thành phố lớn nhằm phát triển hơn nữa ngành truyền thông. Mức phí internet vẫn còn cao và chưa được các doanh nghiệp mới thành lập sử dụng, không có cơ sở hạ tầng riêng cho việc thành lập doanh nghiệp và tiếp cận thị trường.

Mặc dù gần đây ngành cũng đã đóng góp 5% vào GDP nhưng vẫn còn khả năng phát triển cụm ngành tổng thể ở quy mô lớn hơn. Thực tế điều này cho thấy cụm ngành này mới chỉ chiếm 0,24% việc làm của toàn tỉnh, trong khi tỉ lệ trung bình cả nước là 0,52%.

Trong tương lai, nhu cầu vừa tăng đáng kể vừa phức tạp hơn. Do vậy, tỉnh sẽ có cơ hội tận dụng tốt khía cạnh này và xây dựng một cụm ngành truyền thông mạnh nếu Hà Tĩnh có thể giải quyết những rào cản và khó khăn chính nêu trên.

Đồng thời, Hà Tĩnh cũng có cơ hội tăng cường tham gia vào các lĩnh vực ITO-BPO đang lớn mạnh của Việt Nam nhằm mang lại nhiều công ăn việc làm có thu nhập và giá trị cao hơn cho lao động trẻ của tỉnh.

## 2.10.2 Định hướng phát triển

### 2.10.2.1 Định hướng chung và tầm nhìn

Cụm ngành truyền thông Hà Tĩnh sẽ đóng một vai trò quan trọng quá trình phát triển của tỉnh cũng như các cụm ngành trọng điểm của tỉnh. Ngoài ra, bản thân cụm ngành này cũng phát triển dịch vụ BPO/ITO và trở thành cụm ngành truyền thông hàng đầu trong khu vực (Hình 175).

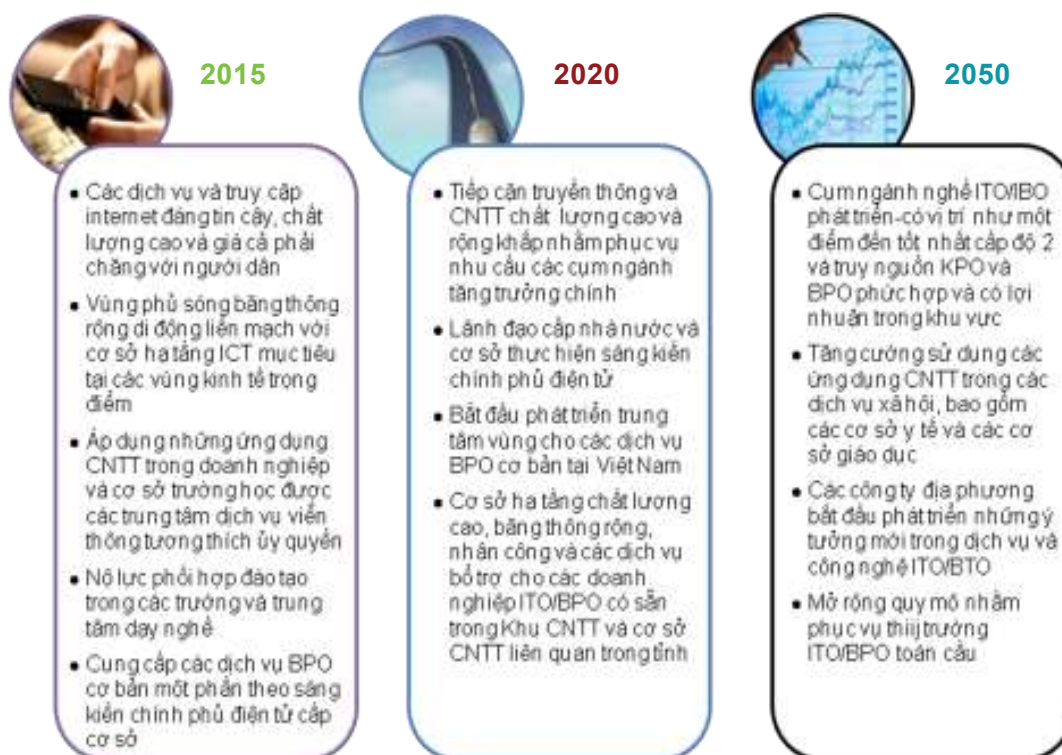
Tỉnh sẽ thực hiện được tầm nhìn của mình thông qua 3 giai đoạn tăng trưởng chính sau đây:

- **Xây dựng cơ sở hạ tầng (giai đoạn 2011-2015):** Trọng tâm chính của giai đoạn tăng trưởng này nhằm dịch vụ truy cập internet đáng tin cậy, chất lượng cao và chi phí phù hợp với người dân. Điều này được thực hiện thông qua việc xây dựng cơ sở hạ tầng cần thiết, đặc biệt là khả năng phủ sóng băng thông rộng di động và cơ sở hạ tầng ICT trong các cụm ngành kinh tế trọng điểm. Tỉnh cũng cho phép và khuyến khích việc áp dụng các ứng dụng của ngành công nghệ thông tin trong doanh nghiệp và các dịch vụ trường học đã được các dịch vụ internet và viễn thông hỗ trợ. Việc này sẽ được hỗ trợ hơn nữa qua những nỗ lực đào tạo được tổ chức trong nhà trường và các trung tâm dạy nghề. Tỉnh cũng sẽ nuôi

duỡng cụm ngành BPO/ITO non trẻ qua việc khuyến khích thành lập doanh nghiệp mới cũng như đầu tư vào các dịch vụ BPO cơ bản, một phần được thực hiện thông qua sáng kiến chính phủ điện tử cấp địa phương.

- **Phát triển cụm ngành (giai đoạn 2016-2020):** trong giai đoạn này, tỉnh sẽ nỗ lực mang lại một dịch vụ truyền thông chất lượng cao và mang tính phổ thông nhằm phục vụ nhu cầu của các cụm ngành tăng trưởng quan trọng trên địa bàn tỉnh. Tỉnh cũng sẽ trở thành nơi dẫn đầu cả nước và khu vực trong việc áp dụng chương trình chính phủ điện tử. Hà Tĩnh cũng bắt đầu phát triển thành một trung tâm của khu vực trong các dịch vụ BPO cơ bản tại Việt Nam với cơ sở hạ tầng, băng thông, công nhân và các dịch vụ hỗ trợ chất lượng cao cho các doanh nghiệp BPO/ITO hoạt động trong các Công viên Công nghệ Thông tin và các trung tâm Công nghệ Thông tin liên quan trong tỉnh.
- **Thiết lập vị trí hàng đầu khu vực trong cụm ngành (từ 2021-2050):** Sau năm 2020, Hà Tĩnh sẽ có một cụm ngành BPO/ITO phát triển- là nơi tốt nhất trong điểm đến loại 2 của cụm ngành và là trung tâm dịch vụ thuê ngoài KPO và BPO trình độ cao và hiệu quả trong khu vực. Tỉnh cũng nhận thấy tỉ lệ áp dụng những ứng dụng Công nghệ Thông tin ngày càng tăng trong các dịch vụ xã hội, bao gồm các cơ sở y tế và các tổ chức giáo dục. Các doanh nghiệp địa phương sẽ bắt đầu phát triển ứng dụng mới trong các dịch vụ và công nghệ BPO/ITO. Cuối cùng, Hà Tĩnh sẽ mở rộng ảnh hưởng của mình trong cụm ngành này nhằm phục vụ thị trường BPO/ITO toàn cầu.

**Hình 175: Mục tiêu Cụm ngành Truyền thông năm 2015, 2020, tầm nhìn năm 2050**

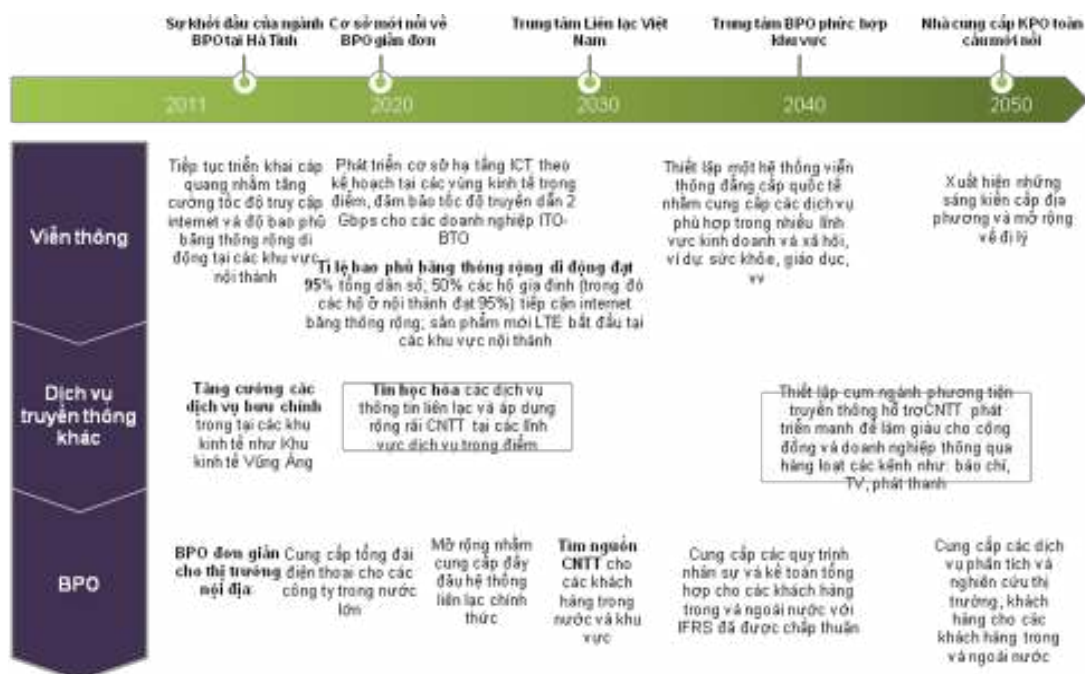


Nguồn: Phân tích của Monitor



Nhờ có tầm nhìn trên, Hà Tĩnh có thể phát triển một cụm ngành truyền thông mạnh, bền vững và hiệu quả trong thời gian tới (Hình 176).

**Hình 176: Tổng quan thành quả phát triển chính Cụm ngành truyền thông (2011-2050)**



Nguồn: Phân tích của Monitor

### 2.10.2.2 Chiến lược và kế hoạch cụ thể phát triển cụm ngành Truyền thông giai đoạn 2011-2020

Có 5 định hướng về nhu cầu cơ bản của cụm ngành truyền thông về các vấn đề liên quan đến khả năng tiếp cận và dịch vụ, cụ thể:

- **Cung cấp giải pháp phù hợp dựa trên Công nghệ Thông tin cho các cụm ngành:** động lực chính thúc đẩy nhu cầu về dịch vụ viễn thông sẽ là nhu cầu với các giải pháp dựa trên CNTT cho các cụm ngành trọng điểm cho sự tăng trưởng của tỉnh Hà Tĩnh. Dưới đây là một số ví dụ cụ thể:
  - *Cụm Nông nghiệp và các ngành liên quan:* có hai lĩnh vực chính mà các dịch vụ viễn thông có thể giúp cung cấp các giải pháp có liên quan cho cụm ngành này, đó là (a) tiếp cận được thông tin thị trường (ví dụ: truyền thông về giá thị trường) và (b) tiếp cận được thông tin về thời tiết (ví dụ dự báo bão trên điện thoại di động), tăng sản lượng (ví dụ: sự kết hợp của sóng siêu âm, radar và báo cáo GPS để theo dõi tàu thuyền và thông tin liên lạc ra nước ngoài)

Có một vài ví dụ từ khắp nơi trên thế giới về những giải pháp mang lại những lợi ích liên quan đến cụm ngành này. Ví dụ sau là tại khu vực Vidarbha của Ấn Độ. Chuyên mục Market Light của hãng thông tấn Reuters cung cấp những tin nhắn thông báo phù hợp qua điện thoại di động đến người nông dân về các lĩnh vực khác nhau từ giá hạt giống cho tới việc tiếp thị nông sản. Điều này đã cách mạng hóa quá trình ra quyết định và giúp nâng cao năng suất, tăng cường thu nhập của các hộ nông dân.

- Khai thác: Một trọng tâm chính ở đây là những giải pháp giám sát từ xa, đặc biệt đối với việc tăng cường mức độ an toàn cũng như giám sát môi trường (ví dụ như tập hợp những thông tin theo dõi thông qua các bộ tiếp sóng RFID để lấy các thông tin sản xuất và cho phép giám sát môi trường theo thời gian thực)
- *Sản xuất*: Các giải pháp dựa trên Công nghệ thông tin và truyền thông là yếu tố then chốt để nâng cao năng suất và hiệu quả của cụm ngành sản xuất (ví dụ: Hệ thống ERP để phối hợp với người mua, các thông số kỹ thuật yêu cầu và các hoạt động sản xuất)
- *Giáo dục và Đào tạo*: Việc có được công nghệ truyền thông phù hợp sẽ là yếu tố then chốt để mở rộng các kênh giáo dục và đào tạo (ví dụ: việc dạy học từ xa thông qua internet với kết nối tốc độ cao bằng băng thông lớn hơn 1 Mbps), giúp nhiều sinh viên hơn được tiếp cận khóa học. Các công nghệ này cũng cải thiện khả năng tiếp cận từ xa tới những giảng viên có trình độ trong và ngoài nước đang sinh sống ngoài tỉnh. Việc sử dụng công nghệ viễn thông sẽ hỗ trợ tăng cường khả năng tương tác và tham gia vào các nội dung đa phương tiện truyền thông.

Ví dụ, tại Kenya, Tập đoàn Microsoft hợp tác với Bộ Giáo dục để triển khai chương trình đào tạo kỹ thuật cho những học viên phát triển chương trình để họ có thể tạo ra sự tương tác và nội dung đa phương tiện dựa trên chương trình học hiện tại. Những nhà phát triển chương trình tại Viện Giáo dục Kenya đã áp dụng công nghệ ở bậc trung học -mốc đầu tiên trong sáng kiến trước khi cung cấp chương trình giảng dạy đa phương tiện cho tất cả các học sinh tiểu học và trung học.

- *Thương mại, vận tải và hậu cần*: Các giải pháp dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông là một phần quan trọng trong cụm ngành này. Như đã đề cập trước đây trong phần liên quan đến cụm ngành này, các giải pháp dựa trên lĩnh vực Công nghệ Thông tin hỗ trợ Hải quan xử lý công việc một cách hiệu quả trong việc điều hành cảng cũng như những ứng dụng tiên bộ khác liên quan đến việc sử dụng của cụm ngành như quản lý dữ liệu (ví dụ: M2M-Công nghệ kết nối từ Máy tới Máy cho phép thu thập các dữ liệu về quy trình và dịch vụ giao nhận của Hải Quan).

**Hình 177: Những nhu cầu giải pháp quan trọng của cụm ngành và Ví dụ minh họa**

| Cụm ngành khác nhau, nhu cầu khác nhau |   | Ví dụ nghiên cứu cụ thể               |  |
|--|---|---------------------------------------|--|
| Cụm ngành                              | Ví dụ về nhu cầu  |                                       |  |
| Nông nghiệp                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tiếp cận thông tin thời tiết/thị trường : Thông tin (ví dụ :SMS) giá thị trường và cảnh báo bão trên di động</li> </ul>                            | Địa điểm: Ấn Độ<br>Ngành: Nông nghiệp | <br><b>Nhu cầu truy cập và dịch vụ: Thông báo trên điện thoại di động</b><br>Trong khu vực Vidarbha của Ấn Độ, Reuters Market Light cung cấp các cảnh báo trên di động tùy chỉnh cho các nông hộ về nhiều lĩnh vực: từ giá hạt giống tới tiếp thị nông sản. Điều này đã cách mạng hóa quy trình ra quyết định trong việc cải thiện năng suất và tăng thu nhập cho các nông hộ.  |
| Thủy sản                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tăng sản lượng: kết hợp sóng siêu âm, radar và GPS để theo dõi tàu và liên lạc thông tin ra nước ngoài</li> </ul>                                  | Địa điểm: Kenya<br>Ngành: Giáo dục    | <br><b>Nhu cầu truy cập và dịch vụ: Số hóa đa phương tiện</b><br>Tập đoàn Microsoft hợp tác với Bộ Giáo dục để triển khai chương trình đào tạo kỹ thuật cho những học viên phát triển chương trình để họ có thể tạo ra sự tương tác và nội dung đa phương tiện dựa trên chương trình mới. Những nhà phát triển chương trình tại Viện Giáo dục Kenya đã thích nghi với các đối tượng mở: 1 thử nghiệm đầu tiên trong một sáng kiến trước khi cung cấp chương trình giảng dạy đa phương tiện cho tất cả các học sinh tiểu học và trung học. |
| Khai thác mỏ                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tăng mức độ an toàn: Tập hợp các thông tin theo dõi qua các bộ thu phát (RFID) để có thông tin sản xuất và cho phép giám sát môi trường</li> </ul> |                                       |  |
| Sản xuất                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Nâng cao hiệu quả: Hệ thống ERP nhằm gắn kết người mua, các chi tiết kỹ thuật theo yêu cầu, và các hoạt động sản xuất</li> </ul>                   |                                       |  |
| Giáo dục                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Mở rộng kênh phân phối: Dạy học từ xa thông qua webcasts trên băng thông rộng tốc độ cao (&gt;1Mbps)</li> </ul>                                    |                                       |  |
| Thương mại                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Quản lý dữ liệu: công nghệ M2M (máy tới máy) cho phép tập hợp dữ liệu về thủ tục hải quan và các dịch vụ giao nhận</li> </ul>                      |                                       |  |

- **Thực hiện và thúc đẩy các sáng kiến liên quan đến chính phủ điện tử:** Việt Nam đang chờ đợi một chương trình Chính phủ điện tử tiên tiến được tích hợp hoàn toàn thông qua một hệ thống dữ liệu quốc gia nhằm phục vụ cho nhu cầu của người dân. Chính phủ Việt Nam đã đưa ra kế hoạch 5 năm giai đoạn 2010-2015 nhằm đơn giản hóa thủ tục và kết nối trực tuyến với chính phủ, ví dụ: (a) tất cả hộ chiếu sẽ được cấp trực tuyến vào năm 2015 và (b) một nửa các hồ sơ thuế quan phải được gửi trực tuyến vào năm 2015. Vấn đề này đòi hỏi một khối lượng công việc đáng kể nhằm (a) giáo dục người dân biết cách sử dụng các dịch vụ của Chính phủ điện tử, (b) đảm bảo các quy trình bảo mật cho Chính phủ điện tử, và (c) số hóa các tập tin hiện có để sử dụng trong hệ thống mới.

Ngoài việc tích hợp với hệ thống quốc gia, Hà Tĩnh cần có một số các bước cơ bản nữa. Để người dân nắm được thông tin về Chính quyền, cần phải đăng nhiều thông tin trực tuyến hơn nữa, cụ thể:

- Kế hoạch Phát triển các Sở và của Tỉnh
- Niên giám Thống kê (tương tự như Tp. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng) và những dữ liệu quan trọng khác
- Đấu thầu công trình nhà nước và giá trúng thầu

Tuy nhiên, chính quyền tỉnh cũng nên coi Chính phủ điện tử là cơ hội để giao lưu với người dân. Các tỉnh cần thực hiện các sáng kiến như (a) cho phép đề xuất và cập nhật những yêu cầu về hệ thống Chính phủ điện tử, (b) lưu trữ trực tuyến cơ chế một cửa ảo về các thủ tục ở các xã nông thôn, sử dụng hệ thống mạng di động băng thông rộng và (c) khuyến khích báo cáo và chia sẻ các hoạt động kinh tế, xã hội.

Hình 178 dưới đây là nghiên cứu về những sáng kiến Chính phủ điện tử đang áp dụng tại Dubai và đã có những thành tựu quan trọng về tính hiệu quả cũng như mức độ hài lòng của người dân.

**Hình 178: Ví dụ về mô hình chính phủ điện tử của Dubai**

**Giới thiệu**

- Cung cấp các dịch vụ chính phủ thông qua các phương tiện truyền thông gây ra sự trì hoãn và không hiệu quả
- Giới thiệu sáng kiến “Chính phủ Điện tử Dubai” năm 2000 nhằm thực hiện tất cả các dịch vụ chính phủ một cách hiệu quả sử dụng công nghệ.



**Chính phủ điện tử Dubai**

- Một mạng lưới Thông tin về Chính phủ Tập trung (GIN) được thiết lập nhằm kết nối các ban ngành chính phủ và cung cấp cho họ quyền truy cập internet
- Dịch vụ điện tử dành cho các bộ ngành khác nhau (ví dụ hồ sơ khai thuế của cục thuế) được phát triển, những công cụ điện tử tập trung cũng được tạo ra
  - Thanh toán trực tuyến tập trung hệ thống thanh toán của tất cả các ban ngành
  - Dubai điện tử cung cấp thông tin liên lạc giữa người dân và chính phủ
- Để giáo dục người dân địa phương và tăng tiếp cận cho cơ sở này, một mối quan hệ cộng tác “cộng-tư” ‘e4all’ đã được tiến hành.

90% dịch vụ chính phủ được truyền tải trực tuyến vào năm 2006 với những phản hồi tích cực từ phần lớn người dùng

Nguồn: Computer Society of India

- **Cần hệ thống kết nối tốc độ cao trong dân có nhu cầu và thu nhập ngày càng tăng:** Hà Tĩnh cần phải xác định 3 loại khách hàng dành cho các dịch vụ liên quan đến internet và viễn thông:

- *Người sử dụng nông thôn:* Đối với những người sử dụng ở nông thôn, nhu cầu chủ yếu là các dịch vụ di động, hỗ trợ 2.5G/2.75G dựa trên kết nối không dây 3G. Do vậy, cần phải có băng thông phù hợp để hỗ trợ những nhu cầu thấp về sử dụng tốc độ truyền tải thấp hơn trên di động. Cũng cần có một số nhu cầu về băng thông rộng không dây cố định để truy cập máy tính (chủ yếu là qua các địa điểm Internet ở cộng đồng). Nhu cầu này vẫn sẽ sử dụng chung với hệ thống mạng 3G, đặc biệt là tại các xã vùng sâu vùng xa. Yêu cầu băng thông rộng cho đối tượng khách hàng này nằm ở mức 0.5-2 Mbps /người (giới hạn bởi thiết bị di động sử dụng)

Mỗi xã sẽ được phủ sóng mạng không dây (lên tới 3G với mức truy cập HSPA hạn chế) cho phép kết nối internet tốc độ cao 100% vào năm 2020. Đối với những người có đủ thiết bị kết nối internet, họ sẽ có thể kết nối trực tiếp với một mức phí nhất định. Đối với những người không có thiết bị kết nối, họ có thể truy cập sau khi đã mua quyền truy cập từ các doanh nghiệp thông qua các trung tâm kết nối tại cộng đồng-có thể được hỗ trợ cho vay ưu đãi để mua các thiết bị.

Ngoài các dịch vụ viễn thông cơ bản (thoại và tin nhắn sms), những khách hàng này có thể sử dụng dịch vụ thông tin gửi qua sms/email, dịch vụ ngân hàng qua điện thoại, ứng dụng nông nghiệp qua điện thoại và các dịch vụ Chính phủ trực tuyến.

- *Đối với người dùng ở khu vực thành thị:* Đối với người sử dụng ở khu vực thành thị, trên thực tế nhu cầu sử dụng của họ phức tạp hơn, bao gồm kết nối các dịch vụ băng thông rộng cho điện thoại cố định và di động. Việc này được thực hiện thông qua việc kết hợp các công nghệ kết nối không dây-3G/LTE cho các dịch vụ điện thoại di động cũng như các dịch vụ băng thông rộng di động cùng với băng thông rộng không dây và cáp quang băng thông rộng tốc độ cao cho người dân (tại nhà) hoặc những nhu cầu về thương mại tại các trung tâm nội thành của Hà Tĩnh và Thị xã Hồng Lĩnh, trong tương lai có thể ở huyện Kỳ Anh. Nhu cầu về băng thông dự kiến đạt từ 4-8 Mbps /người. Ngoài các dịch vụ truyền thông cơ bản, những khách hàng này dùng nhiều ứng dụng khác nhau, như mạng xã hội, thương mại điện tử, vv, và các ứng dụng đòi hỏi băng thông rộng tốc độ cao hơn như xem video trực tuyến.
- *Doanh nghiệp thương mại:* đối với khách hàng doanh nghiệp, ngoài các dịch vụ điện thoại di động cho doanh nghiệp, nhu cầu chính là băng thông rộng cố định được truyền dẫn thông qua các công nghệ không dây cố định và/hoặc thông qua các công nghệ kết nối cáp quang tốc độ cao, đặc biệt nhằm hỗ trợ nhu cầu của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin (ví dụ như cụm ngành BPO/ITO). Cụ thể, những công ty thuê địa điểm trong Khu Công nghệ Thông tin Thành phố Hà Tĩnh sẽ nên sử dụng chung kết nối 2Gbps của Khu Công nghệ. Yêu cầu băng thông rộng ước tính từ 10-30 Mbps/ mỗi doanh nghiệp. Các dịch vụ cơ bản được sử dụng bao gồm việc truyền tải dữ liệu kinh doanh dung lượng cao, yêu cầu về thông tin liên lạc băng thông rộng/độ phân giải cao (ví dụ như hội nghị trực tuyến video), và các ứng dụng liên quan đến bảo mật.

Về tổng thể, truy cập internet sẽ đến được với 95% người dân của tỉnh. Băng thông rộng trung bình trong tỉnh ước đạt khoảng 80-85 Gbps vào năm 2020, và tối đa là khoảng 100 Gbps so với mức bình quân trong nước ở thời điểm hiện tại đã là 238 Gbps và ước đạt trên 4Tbps vào năm 2020.

Tỉ lệ sử dụng điện thoại thông minh kỳ vọng đạt 22%, với lưu lượng dữ liệu ước tính cho mỗi điện thoại thông minh là 5,4Kbps, và yêu cầu băng thông gần 2Gbps. Tỉ lệ sử dụng điện thoại di động thông thường sẽ tăng thêm 60% với lưu lượng dữ liệu ước tính cho mỗi điện thoại là 0,0032 Kbps với tổng mức yêu cầu băng thông gần 3Mbps.

Tỉ lệ hộ gia đình khu dân cư sử dụng internet vào khoảng 10% dân số, với lưu lượng dữ liệu ước tính cho mỗi tài khoản là 186 Kbps, và nhu cầu băng thông vào khoảng gần 30Gbps. Với lượng truy cập của các công ty, ước tính cần bổ sung khoảng 48 Gbps băng thông.

Với khả năng kết nối internet băng thông rộng qua điện thoại thông minh với chi phí thấp và kết nối ở hộ dân cư, tỉ lệ sử dụng tương ứng của họ sẽ đảm bảo 50% tổng số hộ gia đình toàn tỉnh có thể truy cập ít nhất 1 đường kết nối internet tốc độ cao-đưa con số hộ gia đình đô thị sử dụng internet lên con số 95%.

- **Sự phát triển và tăng trưởng trong cụm ngành BPO/ITO :** Cụm ngành BPO/ITO tạo ra những công việc có giá trị và tay nghề cao cho thanh niên của tỉnh. Trọng tâm ban đầu đối với Hà Tĩnh trong 5 năm tới sẽ tập trung vào các dịch vụ BPO đơn giản như nhập dữ liệu và chuyển đổi, số hóa các văn bản và lưu trữ dữ liệu, tổng đài, các dịch vụ nhân sự đơn giản như nhập dữ liệu và quy trình trả lương, các dịch vụ tài chính đơn giản như xử lý thanh toán. Các phân đoạn khách hàng quan trọng của những dịch vụ này bao gồm nhà nước và chính quyền địa phương (trong sáng kiến Chính phủ điện tử), các công ty viễn thông và các tổ chức tài chính trong nước.

Từ sau năm 2016, Hà Tĩnh sẽ tập trung vào các dịch vụ BPO phức hợp, bao gồm các trung tâm liên liên lạc và trung tâm hỗ trợ khách hàng trực tuyến, marketing từ xa, lưu trữ sách và quản lý bảng lương tổng hợp đối với phân đoạn khách hàng tương tự. Trong giai đoạn này, tỉnh có thể mở rộng phạm vi hoạt động sang dịch vụ Thuê ngoài Quy trình Kiến thức (KPO), trong đó bao gồm công việc chuyên sâu về kiến thức giá trị cao được đội ngũ nhân viên có tay nghề cao thực hiện, ví dụ như dịch vụ nghiên cứu thị trường hoặc các quy trình pháp lý.

Hình 179 dưới đây chỉ ra những yếu tố chính của chiến lược phát triển cụm ngành trên của Hà Tĩnh.

**Hình 179: Tổng quan Chiến lược Phát triển Cụm ngành BPO/ITO của Hà Tĩnh**



Nguồn: Phân tích của Monitor

Do vậy, Hà Tĩnh sẽ bổ sung cho các trung tâm BPO/ITO lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Đà Nẵng bằng cách tập trung chủ yếu vào thị trường trong nước.

Ấn Độ là một ví dụ điển hình về việc phát triển ra ngoài các trung tâm đô thị lớn, biến các thành phố cấp II và cấp III thành trung tâm BPO phục vụ thị trường trong nước. Hà Tĩnh có thể học hỏi từ mô hình này (Hình 180)

**Hình 180: Nghiên cứu điển hình về Cụm ngành BPO Ấn Độ****Sức mạnh của ngành BPO ở Ấn Độ cân bằng trong cả nước...**

- **C** tăng trưởng quan trọng đối với nền kinh tế Ấn Độ
  - Tốc độ tăng trưởng tăng hơn 15 lần trong 10 năm qua
  - Doanh thu dự kiến đạt 76,1 tỷ USD vào năm 2011 (chiếm 6,4% GDP quốc nội)
  - Việc làm trực tiếp đạt hơn 2,5 triệu và không trực tiếp ước tính đạt 8,3 triệu
- Sự phát triển của cụm ngành IT-BPO gồm các thành phố cấp 2, 3 và thậm chí các khu vực nông thôn với lực lượng lao động đã qua đào tạo có sẵn
  - Các thành phố cấp 2 và 3 ước tính chiếm khoảng 5 tỷ USD doanh thu trong năm 2011, với 8% việc làm trong ngành và tăng trưởng cao hơn 15% so với các thành phố cấp 1
  - 23% trong tổng số các Khu Công nghệ Phần mềm và 30% các Khu CNTT đặc biệt thuộc các trung tâm cấp 2 và cấp 3

**...có nghĩa là Hà Tĩnh có thể áp dụng những mô hình thành công tại thành phố cấp II và III**

- Nằm tại các thành phố cấp 2 và 3, cách 300-400 km từ các trung tâm IT-BPO lớn của Bangalore và Chennai
  - Do đó vị trí khá giống với Hà Tĩnh về khoảng cách đến các trung tâm BPO quốc gia lớn là Hà Nội và Đà Nẵng.
- Công ty tập trung cung cấp các dịch vụ dữ liệu dung lượng lớn với mức giá thấp
  - Quản lý Số hóa (nhập dữ liệu), Phiên mã, Dịch thuật, Nghiên cứu thử cấp, và quản lý dự án
- Việc tăng cường quý tài năng chưa được khai phá tại các vùng nông thôn và ngoại thành Ấn Độ mang lại lợi thế về chi phí lên tới 30-40%
- Chủ yếu tập trung vào thị trường nội địa
  - Khách hàng là các tổ chức tài chính, bệnh viện, chính quyền cấp tỉnh, các doanh nghiệp internet và viễn thông, các công ty nghiên cứu thị trường và các doanh nghiệp IT/BPO khác tại các thành phố lớn cấp 1

Nguồn: Trang web của Desicrew Solution

- **Cần cung cấp thông tin tốt hơn đến người dân, trong đó có tin nóng; và những giải pháp liên quan đến khả năng chống chịu và phát triển bền vững:** 5.720.000 tờ báo đã được phân phối tại Hà Tĩnh trong năm 2010, tỷ lệ trung bình /người/năm là 4,6 tờ. Lượng báo tính trên đầu người tăng từ 2,7 tờ năm 2000 lên tới 4,8 tờ trong năm 2007 và giảm xuống còn 4,6 tờ vào năm 2010. Dự đoán cũng có 25000 đầu sách được xuất bản trong năm 2010 từ 50 nhà xuất bản, và khoảng 700 tờ báo và tạp chí được xuất bản tại 450 cơ sở báo trí trên địa bàn tỉnh.

Việc nghe thông tin từ đài phát thanh vẫn khá phổ biến ở các khu vực nông thôn. Đài phát thanh hàng đầu là Đài Tiếng nói Việt Nam với tỉ lệ nghe lên tới 90% vào năm 2004. Hà Tĩnh có một mạng lưới đài phát thanh phát sóng hiệu quả với hơn 13 trạm phát thanh địa phương (trong đó có 1 trạm có đài truyền hình), 100% số xã hiện đã được phủ sóng.

Đài Truyền hình lớn tại Hà Tĩnh là Đài Truyền hình Việt Nam. Đây là đài duy nhất phủ sóng toàn quốc. Có 5 kênh bao gồm kênh tin tức và thời sự, kênh khoa học, công nghệ và giáo dục, thể thao và giải trí. Mạng truyền hình cáp nhiều kênh cũng được ra mắt vào năm 2011, bao gồm kênh VCTV (Đài Truyền hình Cấp Việt Nam) và SCTV (Đài Truyền hình Cấp Sài Gòn).

Hà Tĩnh cần tiếp tục củng cố mạng lưới phát sóng, bao gồm các trạm phát sóng radio bổ sung tới những xã có diện tích lớn với tỉ lệ hộ nghèo cao (cụ thể có 18 xã hiện tại chưa có đài phát thanh) để 100% hộ dân có thể nhận được sóng radio của tỉnh vào năm 2020. Hà Tĩnh cũng nên phát triển các chương trình địa phương,

bao gồm các chương trình thực hiện cộng đồng trên sóng radio và TV, đặc biệt là những chương trình do sinh viên và các trường thực hiện.

Bên cạnh đó, Cụm ngành này có thể sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc cung cấp các giải pháp liên quan đến tính bền vững và khả năng chống chịu, cụ thể như sau:

- *Sử dụng công nghệ Hệ thống Thông tin Địa lý (GIS) để phân tích và lên mô hình kịch bản cho những thảm họa tự nhiên và bão lụt.* Ví dụ, Trung tâm Thảm Họa Thái Bình Dương (PDC) phối hợp với Trung tâm Quản lý Thiên tai Việt Nam và sử dụng GIS để vạch ra mô hình và thiết lập các kịch bản lũ lụt.
- *Hệ thống cảnh báo sớm:* trong một hệ thống như vậy, dữ liệu thu thập về lượng mưa và quan sát mực nước sông được chuyển thành dữ liệu và các giá trị mực nước khác nhau được xử chuỗi và so sánh với mức độ cảnh báo đã được thiết lập trước để xác định và thông báo mức cảnh báo phù hợp cho mỗi trạm. Các trạm sau đó có thể sử dụng các phương tiện truyền thông khác nhau, bao gồm cả phát thanh truyền hình, internet cho những cảnh báo SMS đơn giản nhằm cung cấp tức thì thông tin hữu ích cho đại đa số người dân.
- *Hệ thống giám sát tàu cá (VMS):* VMS là một chương trình giám sát của ngành thủy sản, thông thường gồm các thiết bị được cài đặt trên tàu cá để cung cấp thông tin về vị trí của tàu và các hoạt động thông qua hình ảnh vệ tinh. Tuy nhiên, hệ thống này cũng khác so với những phương pháp giám sát truyền thống, tuần tra trên không, quan sát trên tàu, và nhật ký hàng hải, vv. Các chương trình VMS trên toàn thế giới đã được lắp đặt, ví dụ như ở Trung Quốc, Chi Lê, và Peru, vv. Hệ thống này cải thiện mức độ an toàn cho các tàu và ngăn cản việc đánh bắt trái phép thông qua việc truyền tải dữ liệu giữa tàu và các cơ quan giám sát bờ biển, bao gồm các tùy chọn chi phí thấp như điện thoại di động hoặc đài phát thanh tần số cao.

Để đáp ứng nhu cầu này một cách hiệu quả, Hà Tĩnh cần tập trung vào bốn yếu tố thành công chính như sau:

- **Xây dựng một khu Công nghệ Thông tin đẳng cấp thế giới - tạo ra những lợi thế về kết nối và an ninh chất lượng cao:** kế hoạch phát triển ngành Công nghệ Thông tin của Hà Tĩnh đã được phê duyệt sẽ mở đường cho việc thành lập một khu CNTT đẳng cấp quốc tế trong tỉnh. Tỉnh sẽ thu hút các công ty CNTT trong nước và thế giới để thiết lập nền tảng nhờ cơ sở hạ tầng kỹ thuật tiên tiến đã có, như:
  - Cấp quang tốc độ cao băng thông rộng
  - Hệ thống điện dự phòng nhằm đảm bảo nguồn cung cấp điện đáng tin cậy
  - Hàng loạt các dịch vụ hỗ trợ nằm trong khuôn viên khu CNTT

Mật độ các doanh nghiệp CNTT trong khuôn viên khu CNTT sẽ làm giảm chi phí và tạo sức mạnh tổng hợp để nâng cao mức chuyên môn hóa. Các chương trình vườn ươm doanh nghiệp trong khu CNTT cũng sẽ hỗ trợ cho sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ của địa phương trong cụm ngành này bằng cách cung cấp đào tạo và không gian văn phòng, ưu đãi giảm chi phí, và hỗ trợ chuyển giao công nghệ. Điều này sẽ làm tăng sự phát triển năng lực nguồn lực cho cụm ngành.

Khu Công Nghệ Cao Kulim tại Kedah, Malaysia là một ví dụ điển hình về một khu CNTT trong khu vực Đông Nam Á. Khu Công nghệ cao này được mở cửa vào năm 1996 để thúc đẩy phát triển công nghệ tại Malaysia và xây dựng lực lượng lao động có tay nghề cao cho ngành. Khu công nghệ này đưa ra hàng loạt những ưu đãi nhằm thu hút và hỗ trợ tăng trưởng, bao gồm một nhà máy điện độc lập, hệ thống mạng cáp



quang với 60.000 đường dây; và cơ sở hạ tầng CNTT cũng như hỗ trợ tuyệt vời. Khu công nghệ hiện nay có nhiều công ty toàn cầu như Infineon Technologies, Intel và Fuji Electronics; tạo công ăn việc làm cho hơn 23.000 công nhân.

- **Đầu tư vào đào tạo, xây dựng năng lực và hỗ trợ thành lập doanh nghiệp mới:** Khả năng quan trọng thứ hai đối với sự phát triển của cụm ngành này trong tỉnh là việc xây dựng năng lực và kích thích thành lập doanh nghiệp mới. Tỉnh sẽ trao quyền cho các doanh nhân có kỹ năng công nghệ và kinh doanh liên quan, bao gồm những kỹ năng đào tạo cụ thể để điều hành hoạt động kinh doanh ITO/BPO. Tỉnh cũng cho phép các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong cụm ngành này dễ dàng nhận được sự tài trợ nhằm đáp ứng các yêu cầu về tài chính (ví dụ: thông qua các phương án thuê-mua để hỗ trợ phát triển và triển khai công nghệ, các khoản trợ cấp nhằm khuyến khích áp dụng công nghệ tiên tiến). Rào cản trong vận hành thành doanh nghiệp cũng được tỉnh giảm bằng cách giảm thiểu chi phí đăng ký và các thủ tục hành chính để thành lập và điều hành doanh nghiệp. Các cơ hội kinh doanh đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng nhiều hơn thông qua việc tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp quốc tế lớn hơn để trở thành nhà thầu phụ của các dự án ITO/BPO lớn, hoặc thông qua mô hình liên doanh hoặc liên minh chiến lược giữa các doanh nghiệp vừa và nhỏ để góp các nguồn lực thực hiện các dự án quy mô lớn hơn. Bên cạnh đó, tỉnh cũng thiết lập một vườn ươm doanh nghiệp nằm trong khuôn viên khu CNTT nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp địa phương mới thành lập.

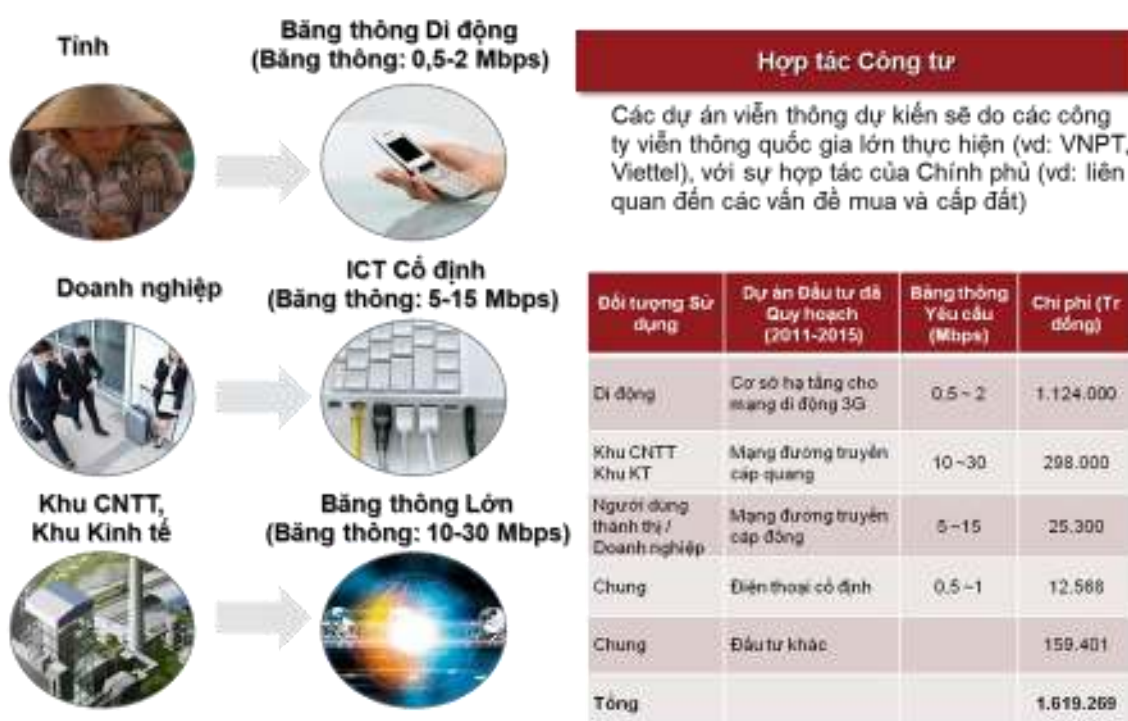
Song song với việc khuyến khích kinh doanh, tỉnh sẽ xây dựng năng lực nguồn lực bằng cách tăng khả năng tiếp cận đối với ngành giáo dục công nghệ. Đào tạo kỹ năng liên quan đến CNTT và BPO là những lĩnh vực then chốt đối với các trường đào tạo nghề tại Hà Tĩnh. Việc đào tạo sẽ được thực hiện trong 3 lĩnh vực, cụ thể như sau:

- *Kỹ năng CNTT:* các kỹ năng cơ bản và kỹ năng sử dụng máy tính, các khóa học chuyên sâu được cấp chứng chỉ về CNTT (ví dụ như MOS, CAD/CAM, vv), những kỹ năng lập trình (ngôn ngữ lập trình, thiết kế chương trình), quản lý hoạt động cơ sở dữ liệu
- *Đào tạo về ngôn ngữ:* Đào tạo nói giọng chuẩn toàn dân, các khóa học kiểm tra tiếng Anh chuyên sâu như TOEFL, TOEIC, Các khóa học tiếng Hàn Quốc và Nhật Bản được cấp chứng nhận
- *Năng lực về dịch vụ thuê ngoài:* Các khóa học được kiểm định về lĩnh vực Kế toán-tài chính, bao gồm những kỹ năng thống kê và lưu trữ sách cơ bản, đào tạo nguồn nhân lực, quản lý hoạt động và đào tạo kỹ năng phân tích.

Đại học Hà Tĩnh sẽ tập trung vào các khóa học CNTT và dịch vụ BPO và sẽ được bổ sung với bằng một trung tâm học tập trong Khu Công nghệ, hợp tác chặt chẽ với các doanh nghiệp để tổ chức các chương trình đào tạo bổ sung cho những sinh viên tốt nghiệp nhằm giúp họ có năng lực đáp ứng được yêu cầu của các công ty trong khu Công nghệ. Tỉnh cũng tăng cường các ưu đãi để khuyến khích các doanh nghiệp gửi lao động tham gia đào tạo và thiết lập chương trình có chứng chỉ nhằm động viên các doanh nghiệp đạt tới một tiêu chuẩn cao hơn. Tỉnh cũng khuyến khích các trung tâm đào tạo tư nhân và các tổ chức phi chính phủ thiết lập cơ sở của họ ở Hà Tĩnh và bổ sung cho các cơ quan nhà nước. Hà Tĩnh cũng ban hành và thực thi các quy định để đảm bảo chất lượng và mức độ an toàn cơ bản đáp ứng được các dự án ITO/BPO.

- Hợp tác với thành phần doanh nghiệp để đầu tư vào cơ sở hạ tầng viễn thông và băng thông rộng tốc độ cao theo quy hoạch cho phù hợp với nhu cầu của các doanh nghiệp và các cá nhân:** Tỉnh sẽ làm việc với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông (ví dụ VNPT, Viettel) cũng như các cụm ngành cung cấp dịch vụ cho người sử dụng để xác định và xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm đáp ứng những yêu cầu băng thông rộng tốc độ cao của khối doanh nghiệp và tư nhân. Đặc biệt, đến năm 2020 toàn tỉnh sẽ được phủ sóng băng thông rộng di động với tốc độ từ 0,5-2,0 Mbps, và dịch vụ LTE với tốc độ cao hơn cũng sẽ bắt đầu cung cấp 1 số dịch vụ mới trong các trung tâm nội thành của tỉnh. Các doanh nghiệp trong tỉnh, ngoài việc tiếp cận băng thông rộng di động, cũng sẽ sử dụng kết nối cố định băng thông rộng với tốc độ 5-15 Mbps. Trong khuôn viên Khu Công nghệ và các khu kinh tế, các doanh nghiệp được sử dụng băng thông rộng có tốc độ từ 10-30 Mbps và có thể lựa chọn dịch vụ đường truyền internet tốc độ cao thuê riêng (dùng 1 mình hoặc chung với doanh nghiệp khác) và hỗ trợ kỹ thuật 24/7. Hình 181 dưới đây cho thấy cái nhìn tổng quan về yêu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng cho băng thông rộng và các đầu tư liên quan.

**Hình 181: Hệ thống băng thông rộng của Hà Tĩnh và yêu cầu đầu tư liên quan**



Nguồn: Sở THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG Hà Tĩnh; Ước lượng băng thông dựa trên thông số của OECD Communication Outlook

- Thực hiện các chính sách và cơ chế nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước vào cụm ngành:** Tỉnh cũng tập trung vào hai hình thức ưu đãi cho các doanh nghiệp hoạt động trong cụm ngành này, cụ thể như sau:
  - Ưu đãi về thuế:* Tỉnh cắt giảm thuế doanh nghiệp cho các công ty BPO/ITO (ví dụ như Thành phố Đại Liên của Trung quốc đã giảm thuế doanh nghiệp từ 25% xuống còn 15% cho các công ty BPO) và đơn giản hóa các phương pháp tính thuế. Bên cạnh đó, Hà Tĩnh cũng xem xét để áp

dụng việc cắt giảm mức thuế chung của cả nước cho các công ty phần mềm (không đánh thuế doanh nghiệp trong 4 năm đầu và tính thuế 10% so với mức chuẩn là 25% cho 5 năm tiếp theo), và thực hiện giảm thuế thu nhập cá nhân cho các nhân viên làm việc trong ngành BPO (ví dụ Ai Cập đã cắt giảm một nửa mức thuế đối với nhân viên hoạt động trong các lĩnh vực BPO/ITO)

- *Ưu đãi đầu tư cho cụm ngành BPO/ITO:* Tỉnh cũng đảm bảo cho các công ty BPO/ITO dễ dàng tiếp cận với các nguồn đất trong thành phố Hà Tĩnh. Hà Tĩnh còn xem xét cắt giảm thuế hoạt động (ví dụ như Đà Nẵng đã giảm phí kết nối internet cho những doanh nghiệp trong lĩnh vực này) và trợ cấp cho các hoạt động cũng như những cải thiện về chất lượng đào tạo. Bên cạnh đó, tỉnh cũng xem xét đến việc trợ cấp chi phí cho việc xin cấp chứng chỉ (ví dụ Đại Liên trợ cấp cho các chứng chỉ ISO và MIIC) và hỗ trợ các chi phí đào tạo nhân viên (ví dụ Philippine hoàn trả các khoản chi phí đào tạo).

Ngoài ra, Hà Tĩnh sẽ tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh tổng thể trong tỉnh, và tăng số lượng nhân sự đã qua đào tạo thông qua các biện pháp được nhấn mạnh ở trên.

### 2.10.3 Lộ trình Thực hiện và Yêu cầu Đầu tư

Tỉnh sẽ thực hiện kế hoạch này thông qua một lộ trình cấu trúc mang tính hệ thống, được hỗ trợ nhờ sự phát triển của cơ sở hạ tầng trọng yếu và những yếu tố mang tính quyết định khác (Hình 182).

**Hình 182: Yêu cầu Đầu tư cho Cụm ngành Truyền thông và BPO**

| Danh mục đầu tư                                  | Vốn đầu tư (tr đ) | Nguồn Đầu tư                             | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
|--|-------------------|--|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| BPO  |                   |  |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Trung tâm dạy nghề BPO                           | 25.000            | Ngoài ngân sách                          |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nhập dữ liệu/ Trung tâm số hóa                   | 249.000           | Ngoài ngân sách                          |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Văn phòng sau đơn giản/Trung tâm BPO             | 125.000           | Ngoài ngân sách                          |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Tổng đài điện thoại                              | 211.000           | Ngoài ngân sách                          |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Trung tâm BPO-ITO phức hợp/ Phân tích thị trường | 199.000           | Ngoài ngân sách                          |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Truyền thông                                     |                   |  |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Cơ sở hạ tầng tin học cho giáo dục               | 39.000            | Ngân sách TW và địa phương               |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Cơ sở hạ tầng di động                            | 2.250.000         | Ngoài ngân sách                          |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Trung tâm học tập CNTT tại khu CN CNTT           | 45.000            | Ngân sách TW và địa phương, Doanh nghiệp |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |

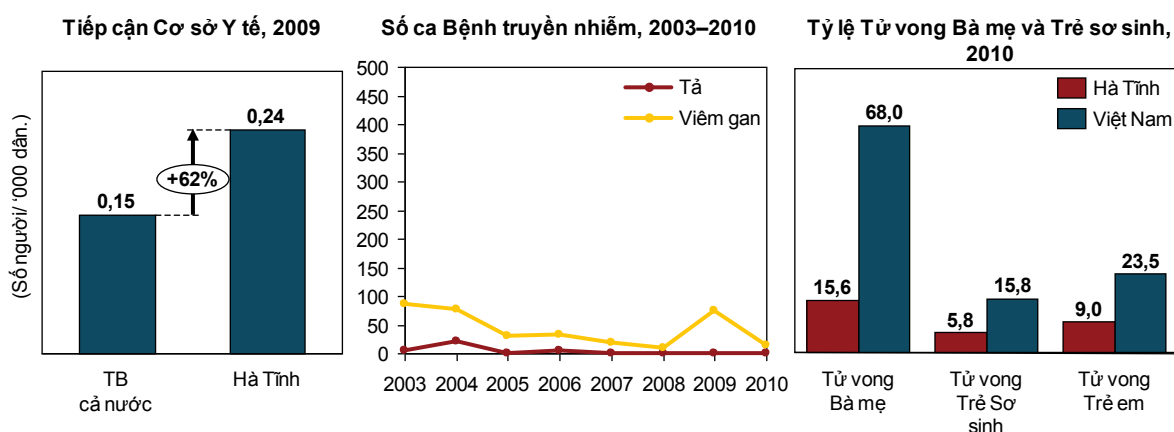


## 2.11 Cụm ngành Y tế

### 2.11.1 Tổng quan lợi thế và thách thức

Hà Tĩnh đã có những thành công đáng kể trong y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu (Hình 184). Hà Tĩnh được coi là một số ít tỉnh thành công với việc chăm sóc y tế dự phòng, đứng thứ 12 trong 63 tỉnh thành về điều kiện tiếp cận các cơ sở y tế, với 3,9 cơ sở khám, chữa bệnh trên 10.000 dân, so với trung bình cả nước là 1,5. Tỉnh còn có mạng lưới các cơ sở chăm sóc sức khỏe ban đầu, giúp tạo ra hệ thống tiêm chủng có hiệu quả và giảm đáng kể tỷ lệ mắc các bệnh truyền nhiễm chính. Trên thực tế, tại Hà Tĩnh, 86% trẻ em dưới 1 tuổi được chủng ngừa đầy đủ, so với mức trung bình 80% của cả nước. Ngoài ra Hà Tĩnh có 9,4 y tá trên 10.000 dân, so với mức trung bình quốc gia 9,5 trên 10.000 dân. Điều này minh chứng thêm cho thành tựu của tỉnh trong chăm sóc y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu. Nhiều bệnh truyền nhiễm như tả, lỵ cũng đã được khống chế hoàn toàn trong 7 năm qua. Các bệnh khác như thương hàn và viêm gan siêu vi cũng được kiểm soát. Hơn nữa, kể từ năm 1990 đến nay, hỗ trợ toàn diện của nhân viên y tế trong khi sinh đã giảm đáng kể tỷ lệ tử vong bà mẹ và trẻ sơ sinh. Đến năm 2010, tỷ lệ trẻ em tử vong giảm xuống còn 5,8 trên 100.000 trẻ đẻ sống.

**Hình 184: Hiện trạng Hà Tĩnh về Y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu**



Nguồn: Sở y tế Hà Tĩnh

Tuy nhiên, tỉnh vẫn cần phải giải quyết một số vấn đề liên quan tiếp cận, năng lực và chất lượng cung cấp dịch vụ y tế. Mặc dù số lượng y tá và các cơ sở chăm sóc sức khỏe ban đầu của tỉnh khá khả quan, Hà Tĩnh còn thiếu bác sĩ có trình độ cao và giường bệnh hệ thống bệnh viện tư. Hà Tĩnh chỉ có 5,4 bác sĩ trên 10.000 dân, so với mức trung bình quốc gia là 7,1, và khoảng 15/10.000 ở nước phát triển như Singapore. Hơn nữa, số lượng bác sĩ ở khu vực nông thôn cũng là 1 khó khăn, chỉ 65,3% xã có bác sĩ. Các bệnh viện công lập của tỉnh cũng đang thiếu xe cứu thương, đặc biệt là các huyện xa trung tâm tỉnh, huyện miền núi. Ngoài ra, Hà Tĩnh chỉ có 18,9 giường bệnh/10.000 dân so với tỷ lệ trung bình 22 giường của cả nước.

Do đó, khả năng tiếp cận và chất lượng dịch vụ chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

Thực trạng này càng phức tạp hơn do điều kiện, dịch vụ cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường, xử lý chất thải của tỉnh còn khó khăn, nhất là vùng nông thôn. Ví dụ, người dân vùng nông thôn ít được dùng nước sạch, dẫn tới những bệnh như tiêu chảy và các bệnh truyền nhiễm khác về hô hấp và tiêu hóa.

Tỉnh còn phải giải quyết những thách thức về số lượng và chất lượng chăm sóc cấp 3 và dịch vụ y tế phức tạp. Các cơ sở y tế của Tỉnh, đặc biệt là bệnh viện, hiện thiếu bác sĩ chuyên khoa, bác sĩ giỏi, chuyên gia hàng đầu về điều trị và chăm sóc trong các lĩnh vực phẫu thuật cao cấp, bệnh tim, chấn thương, tai nạn công nghiệp, ung thư, rối loạn trao đổi chất, phục hồi chức năng, điều dưỡng trình độ cao và can thiệp y tế phức tạp. Về vấn đề này, tỉnh cũng thiếu cơ sở và trang thiết bị phù hợp phục vụ nghiên cứu và điều trị y tế cao cấp.

Trong thời gian tới, nhu cầu chăm sóc sức khỏe sẽ ngày càng gia tăng và phức tạp hơn. Với chăm sóc ban đầu và cấp 2, yêu cầu đặt ra là có nguồn đầu tư ổn định phù hợp với tăng trưởng dân số, đồng thời giải quyết những hạn chế hiện tại về năng lực và tiếp cận. Ngoài ra, người dân sẽ quan tâm nhiều hơn đến những bệnh mãn tính và không lây nhiễm khi GDP bình quân tăng, tiêu thụ thịt tăng và mọi người ít di chuyển hơn khi làm việc và sinh hoạt.

Về chăm sóc sức khỏe cấp 3, nhu cầu dự kiến sẽ tăng mạnh nhờ tăng trưởng được dự báo về kinh tế, nhất là trong ngành công nghiệp và dịch vụ. Dân số ngày càng tăng và giàu có sẽ có nhu cầu cao hơn, cần cơ sở y tế địa phương có chất lượng cao để điều trị các bệnh phức tạp hơn. Do Hà Tĩnh đặt mục tiêu trở thành trung tâm thương mại, giao thông từ khu vực cũng như các nước láng giềng như Lào và Đông Thái Lan sẽ tăng lên. Điều này dẫn tới nhu cầu tăng cường năng lực cũng như đa dạng hóa dịch vụ chăm sóc sức khỏe cao cấp, và đồng thời tạo cơ hội cho Hà Tĩnh trở thành trung tâm chăm sóc sức khỏe của cả khu vực. Với công nghiệp hóa ngày càng gia tăng, số vụ tai nạn và thương tích công nghiệp khác cũng tăng lên, người dân tiếp xúc với ô nhiễm công nghiệp nhiều hơn, lối sống thay đổi và căng thẳng thần kinh phổ biến hơn - tất cả đều cần có dịch vụ y tế cao cấp phù hợp.

Ngoài ra tỉnh còn ngày càng cần tập trung toàn diện vào y tế công cộng và chăm sóc sức khỏe gia đình và cộng đồng. Các vấn đề như an toàn thực phẩm, phòng chống HIV, và cung cấp các tiện nghi vệ sinh cơ bản (Ví dụ: nước sạch, vệ sinh), các bệnh truyền nhiễm qua nước và các đường khác, giáo dục y tế công cộng sẽ cần tỉnh tập trung và đầu tư nhằm nâng cao tổng thể chất lượng sống và tiêu chuẩn sống trên địa bàn tỉnh.

Trong bối cảnh này, cụm ngành y tế Hà Tĩnh phải đối mặt với một số thách thức, cũng như có những cơ hội cho tương lai. Những thách thức chính bao gồm:

- Thu hút và đào tạo bảo đảm đủ số lượng và chất lượng nguồn nhân lực trong thời gian ngắn và trung hạn
- Cải thiện cơ sở hạ tầng và năng lực hiện có, đặc biệt là cho chăm sóc sức khỏe cấp 2 và cấp 3
- Thu hút các nhà đầu tư tư nhân để phục vụ người dân và du khách có thu nhập cao hơn
- Đảm bảo chăm sóc sức khỏe công cộng tiếp tục đáp ứng nhu cầu của đại chúng
- Bảo đảm đào tạo đầy đủ và phù hợp cho cán bộ y tế ở nhiều loại hình chăm sóc – ban đầu, cấp 2 và cấp 3

Đồng thời, Tỉnh có 1 số cơ hội có thể tận dụng:

- Cơ sở vật chất và lối sống trên địa bàn tỉnh nhìn chung được cải thiện, có thể dễ thu hút các chuyên gia y tế chất lượng cao hơn đến với tỉnh
- Danh mục bệnh thay đổi và thu nhập tăng lên sẽ tăng khả năng thu hút đơn vị tư nhân tham gia vào toàn chuỗi giá trị, tập trung vào chăm sóc sức khỏe cấp 3 và dịch vụ chăm sóc y tế phức tạp
- Kết nối viễn thông nhanh và phổ biến hơn có thể tạo điều kiện kết nối chi phí thấp và hiệu quả hơn tới bệnh nhân ở vùng sâu vùng xa và nông thôn, thông qua công nghệ điều trị y tế từ xa

## 2.11.2 Định hướng phát triển:

### 2.11.2.1 Định hướng chung và tầm nhìn

Tầm nhìn của Hà Tĩnh là phát triển một cụm ngành y tế toàn diện và chất lượng cao để hỗ trợ tăng trưởng của tỉnh. Hà Tĩnh sẽ đạt được tầm nhìn này thông qua nhiều hoạt động có trình tự, gồm ba giai đoạn (Hình 185):

**Hình 185: Mục tiêu Cụm ngành Y tế đến năm 2015, 2020 và Tầm nhìn 2050**



- **Củng cố nền tảng để đáp ứng nhu cầu cơ bản (2011-2015):** Trong giai đoạn này, Hà Tĩnh sẽ tập trung giải quyết các hạn chế hiện tại về năng lực, tiếp cận, chất lượng; cũng như xây dựng nền tảng cung cấp dịch vụ chăm sóc y tế cấp 3. Cụ thể là tỉnh tăng cường tiếp cận bằng cách xây dựng thêm cơ sở y tế ở vùng nông thôn và tăng số lượng cán bộ y tế chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu từ tăng trưởng dân số. Tỉnh cũng sẽ đưa ra các cơ chế để thu hút bác sĩ và ưu tiên đầu tư nâng cấp trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh để bắt đầu xây dựng đội ngũ cán bộ y tế. Ngoài ra, Hà Tĩnh đảm bảo cung cấp thiết bị y tế và công nghệ phù hợp để nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu năng lực ngày càng tăng. Để nâng cao nhận thức về thực hành vệ sinh tốt và thúc đẩy an toàn đường bộ, tỉnh cũng sẽ khởi động chương trình nâng cao nhận thức và giáo dục mới về y tế. Tỉnh cũng sẽ xây dựng và triển khai thực hiện 1 kế hoạch quản lý an toàn thực phẩm toàn diện.
- **Hỗ trợ nhu cầu gia tăng từ tốc độ tăng trưởng kinh tế cao (2016-2020):** Trong giai đoạn này, cụm ngành y tế Hà Tĩnh sẽ phối hợp chặt chẽ với quy hoạch phát triển kinh tế tổng thể của tỉnh. Ngoài việc đáp ứng nhu cầu gia tăng về chăm sóc sức khỏe ban đầu và cấp 2, tỉnh sẽ tập trung xây dựng khả năng chăm sóc toàn

diện ở cấp 3. Điều này yêu cầu tỉnh có cách tiếp cận tổng hợp, giúp nâng cấp và xây dựng các cơ sở y tế, bệnh viện chuyên khoa, các lĩnh vực chăm sóc sức khỏe chuyên sâu phù hợp, có thể hướng tới khu vực tư nhân, đảm bảo có bác sĩ và nhân viên y tế chuyên khoa, tập trung vào các cơ sở gần các khu kinh tế và khu công nghiệp trọng điểm. Hà Tĩnh cũng cần tăng mức độ chuyên nghiệp của dịch vụ y tế qua hợp tác với các doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn tỉnh thông với các chương trình phúc lợi cho công nhân, bảo hiểm y tế, vv. Ngoài ra, tỉnh sẽ tiếp tục đầu tư vào các chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe nâng cao nhận thức, phối hợp với các sở khác để thực hiện công tác về vệ sinh tốt hơn, phòng chống bệnh truyền nhiễm hiệu quả hơn, vv.

- **Cụm ngành Y tế khu vực bền vững (2021-50):** Trong giai đoạn này, cụm ngành y tế sẽ tập trung vào phát triển và tạo vị thế là trung tâm y tế bền vững của khu vực. Cụm sẽ thu hút đầu tư trong và ngoài nước, với các nhà đầu tư tư nhân cung cấp dịch vụ y tế chất lượng cao. Cụm ngành sẽ phục vụ khách quốc tế, đặc biệt là doanh nhân và có thể cả khách du lịch y tế từ Lào. Hà Tĩnh cũng sẽ tập trung xây dựng các cơ sở NC&PT và có ưu đãi để thu hút các nhà nghiên cứu tài năng về y tế, cũng như xây dựng đội ngũ nhân tài của tỉnh.

#### 2.11.2.2 Chiến lược cụ thể và kế hoạch phát triển cụm ngành 2011-2020

Từ nay đến năm 2020, Hà Tĩnh sẽ thực hiện chiến lược và kế hoạch phát triển cụm ngành y tế phù hợp với tầm nhìn nêu trên. Các sáng kiến cụ thể tỉnh cần tập trung thực hiện gồm:

- **Nâng cấp cơ sở hiện tại:** Tiếp tục hoàn chỉnh cải tạo, nâng cấp, xây dựng các bệnh viện đang dang dở; xây mới các bệnh viện chuyên khoa: Sản Nhi, bệnh viện Mắt, Bệnh viện ung bướu; xây mới các bệnh viện tại các khu công nghiệp trọng điểm (Vũng Áng, mỏ sắt Thạch Khê). Tỉnh cũng sẽ đầu tư xây dựng, lắp đặt hệ thống xử lý chất thải y tế ở tất cả các bệnh viện, với các trang thiết bị xử lý chất thải nguy hại đạt tiêu chuẩn quốc gia.
- **Nâng cao hiệu quả và năng suất trong tiếp cận khu vực nông thôn và cung cấp dịch vụ ở cấp phường xã:** Tỉnh cần đảm bảo tất cả các xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011 - 2010 để thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu. Ngoài ra các phòng khám đa khoa khu vực đóng trên địa bàn xã đã có bác sĩ làm việc tại trạm y tế thì giải thể, hợp nhất về trạm y tế. Tăng cường đào tạo đủ bác sĩ làm việc tại trạm y tế và nâng cao năng lực về mọi mặt cho y tế tuyến xã, y tế lưu động cho ngư dân ven biển.
- **Xây dựng cơ sở mới tập trung vào chăm sóc chuyên khoa và chăm sóc y tế cấp 3, phù hợp với nhu cầu của tăng trưởng dân số và kinh tế:** Tỉnh sẽ đảm bảo xây dựng bệnh viện tại các khu kinh tế Vũng Áng và Cầu Treo. Ngoài chăm sóc ban đầu và cấp 2, các bệnh viện này còn cung cấp dịch vụ điều trị cấp 3, tập trung cấp cứu, điều trị các chấn thương, bệnh nghề nghiệp liên quan đến các khu công nghiệp. Các cơ sở y tế này còn hợp tác với doanh nghiệp có liên quan trong khu kinh tế để tổ chức các chương trình phúc lợi y tế, bảo hiểm y tế và khám bệnh cho người lao động. Tỉnh tiếp tục đầu tư nâng cấp, phát triển các bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh như: Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Điều dưỡng và phục hồi chức năng, nâng cấp Trung tâm Mắt lên Bệnh viện Mắt Hà Tĩnh; xây dựng hoàn chỉnh Bệnh viện Tâm thần; xây mới Bệnh viện Sản Nhi; thành lập và triển khai trung tâm ung bướu, các đơn vị chẩn đoán, điều trị bệnh truyền nhiễm, bệnh tim, mạch... Tăng cường kết nối, hợp tác với các bệnh viện, viện nghiên cứu của Trung ương và quốc tế để ứng dụng, phát triển khoa học, kỹ thuật, công nghệ y, dược của tỉnh.



- **Khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư vào chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là chăm sóc cấp 3 và chăm sóc chuyên khoa<sup>17</sup>:** Phần lớn đầu tư vào chăm sóc cấp 3 và chuyên khoa cần nguồn đầu tư từ khu vực tư nhân. Tỉnh sẽ vận động và khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực này. Hà Tĩnh cũng đồng thời tạo ưu đãi thích hợp để thu hút đầu tư như ưu đãi về đất đai và giảm thuế. **Tăng số lượng cán bộ đủ trình độ:** Mục tiêu chính của tỉnh trong công tác này là đạt tỷ lệ 7,4 bác sỹ/10.000 dân vào năm 2015 và 8,5 bác sỹ/10.000 người vào năm 2020 - 90% số xã phường có bác sỹ. Ngoài ra, tỉnh cũng sẽ tập trung thu hút nhân tài ngành y tế trong các lĩnh vực đã xác định cho chăm sóc cấp 3 và chuyên khoa. Để thúc đẩy việc tuyển dụng tài năng về trung và dài hạn, tỉnh cần thành lập một bộ phận tuyển dụng mới để điều phối và thực hiện các hoạt động. Hà Tĩnh cũng sẽ có ưu đãi để giải quyết ba vấn đề chính liên quan đến việc giữ chân và thu hút nhân tài:
  - Thu nhập thấp và tương lai không hứa hẹn
    - Tăng lương, thưởng, cùng các ưu đãi khác như nhà ở, hỗ trợ sinh hoạt khác, cho hưởng thêm ngày nghỉ
    - Nâng cao nhận thức của người dân về tương lai đã được cải thiện của tỉnh
  - Môi trường phát triển chuyên môn nghề nghiệp
    - Có các chương trình đào tạo được tổ chức tốt để giúp cán bộ phát triển kỹ năng liên tục
    - Hợp tác với các trường đại học để đẩy mạnh các sáng kiến xây dựng năng lực cho cán bộ
  - Khoảng cách xa đến các trường đại học đào tạo về y tế
    - Thu hút giáo viên trình độ cao nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy ở các trường cao đẳng của tỉnh với các ưu đãi giống như trên
    - Tài trợ cho các tài năng địa phương đi học cao hơn và các chương trình học từ xa
    - Khuyến khích du học và gửi đào tạo bác sỹ, dược sỹ đại học, nghiên cứu sinh, thực tập sinh ở nước ngoài để đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao, tiếp cận với nền y học trong khu vực và của thế giới

Ngoài ra, tỉnh có thể tận dụng quan hệ đối tác với các bệnh viện quốc gia và quốc tế để phát triển các chương trình trao đổi ngắn hạn. Để phát triển đội ngũ nhân tài của tỉnh về dài hạn, từng bước nâng cấp Trường cao đẳng Y tế Hà Tĩnh thành Trường Đại học Điều dưỡng và Kỹ thuật Y tế nhằm cung cấp nguồn nhân lực cho Hà Tĩnh và các tỉnh khác trong khu vực.

- **Bắt đầu nỗ lực cải tiến quy trình và hiệu quả hệ thống chăm sóc y tế:** Tỉnh có 1 hệ thống thu thập và báo cáo dữ liệu ứng dụng CNTT, giúp cải thiện đáng kể việc lập kế hoạch cho tương lai, đồng thời phân bổ nhiều ngân sách hơn và giám sát kết quả. Công tác này gồm việc thu thập có hiệu quả các thông tin y tế về bệnh nhân ở các cấp độ khác nhau trong hệ thống y tế Hà Tĩnh, tổ chức các thông tin có hệ thống và lưu trữ. Việc tiếp cận và phân tích các thông tin này (ở cấp độ tổng hợp) giúp các cơ quan y tế và Chính quyền cập nhật và điều chỉnh các chương trình chăm sóc y tế cho phù hợp với nhu cầu của bệnh nhân.
- **Đạt mục tiêu về sức khỏe sinh sản:** Tỉnh sẽ tiếp tục vượt các mục tiêu đề ra về sức khỏe sinh sản. Tỷ lệ tử vong bà mẹ vào năm 2015 sẽ giảm chỉ còn 5,2/100.000 ca sinh (mục tiêu quốc gia là 58,3/100.000), và dưới 4,5/100.000 ca sinh vào năm 2020. Tỷ lệ phụ nữ được tiếp cận dịch vụ chăm sóc y tế và phòng ngừa lây

<sup>17</sup> Trên thực tế, đến năm 2020, chỉ có các cơ sở tư nhân ở Vũng Áng và Thạch Khê đạt được điều này; tuy nhiên, dự kiến chăm sóc y tế tư nhân sẽ mở rộng nhanh hơn khi tỉnh tiếp tục thực hiện công nghiệp hóa

nhễm HIV từ mẹ sang con sẽ đạt 80% vào năm 2015 và 90% vào năm 2020 (mục tiêu quốc gia lần lượt 2 năm là 40% và 50%, tỷ lệ cộng đồng bị nhiễm HIV/AIDS sẽ không quá 0,22% vào năm 2015 và 0,30% vào năm 2020. Tỷ lệ nạo phá thai dưới 27/100 trẻ đẻ sống vào năm 2015 và dưới 25/100 trẻ đẻ sống vào năm 2020, theo mục tiêu quốc gia đề ra trong quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 2013/QĐ-TTg.

- **Tiếp tục các chương trình chăm sóc dự phòng hiện tại:** Hà Tĩnh sẽ tiếp tục phát huy những thành tựu đã có về chăm sóc y tế dự phòng. Tỉnh sẽ tập trung (a) mở rộng tiêm chủng vắc xin phòng viêm gan B và các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng, (b) cải thiện mạng lưới phòng, chống lao, bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng, quản lý chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm ở tuyến huyện và (c) phát triển mạnh mẽ chương trình y tế dự phòng các bệnh không lây nhiễm. Các chương trình này thường được tài trợ từ ngân sách nhà nước hoặc nhà tài trợ/tổ chức phi Chính phủ. Tỉnh cũng sẽ xây dựng và thực hiện một Kế hoạch Quản lý An toàn Thực phẩm toàn diện vào năm 2015. Kế hoạch này sẽ đáp ứng các mục tiêu và hướng dẫn có trong Chiến lược An toàn Thực phẩm Quốc gia mới được phê duyệt cho giai đoạn 2011-20, tầm nhìn đến 2030. Theo Chiến lược này, đến năm 2015, ít nhất 70% đơn vị sản xuất thực phẩm tuân thủ quy định an toàn thực phẩm. Ngoài ra, cũng trong thời gian này, 70% người tiêu dùng và 80% đơn vị quản lý thực phẩm, trong đó có các đơn vị chế biến và kinh doanh thực phẩm, thực hiện chương trình nâng cao nhận thức và có kiến thức tốt về an toàn thực phẩm. Hà Tĩnh cũng sẽ có 1 chương trình cấp chứng nhận. Theo đó, đến năm 2015, ít nhất 80% bếp ăn tập thể và 40% nhà hàng sẽ được cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm.
- **Chương trình nâng cao nhận thức:** Một công tác quan trọng của tỉnh là tiếp tục đẩy mạnh các nội dung trong chương trình nâng cao nhận thức về y tế đang được tiến hành cho người dân. Các chiến dịch quan trọng nhất trong chương trình này gồm: (a) giáo dục cho người dân về các dấu hiệu của bệnh không lây nhiễm nhằm khuyến khích chẩn đoán sớm, (b) tiến hành các chiến dịch phổ biến kiến thức về y tế cơ bản và thực hành vệ sinh ví dụ như an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường, (c) chương trình giáo dục về an toàn đường bộ, và (d) chương trình an toàn lao động. Trong quá trình triển khai thực hiện, Tỉnh đảm bảo một số nội dung nói trên được đưa vào chương trình giảng dạy và các khóa học do tỉnh tổ chức.

Singapore là một ví dụ điển hình về việc phát triển có hệ thống một cụm ngành y tế để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng trong 2-3 thập kỷ qua. Đất nước này sử dụng chiến lược tổng hợp, nhằm vào chăm sóc cơ bản, chăm sóc cấp 2, cấp 3, và vào dạy nghề để giảm phụ thuộc vào cán bộ y tế nhập khẩu từ nước khác. Thông qua đầu tư vào các sinh viên muốn học y học và sinh học, đồng thời đẩy mạnh nội dung giảng dạy y học và sinh học ở tất cả các cấp học, Singapore bắt đầu xây dựng được đội ngũ lao động về y tế. Ở bậc tiểu học và trung học cơ sở, chính quyền Singapore đã điều chỉnh chương trình giảng dạy để tập trung vào khoa học đời sống, giúp người dân quan tâm hơn tới khoa học đời sống và các môn học khác có liên quan ngay từ khi còn trẻ tuổi. Singapore cũng có hoạt động tìm kiếm nhân tài khoa học của quốc gia, xác định các sinh viên có năng khiếu cho chương trình đào tạo y khoa đặc biệt. Với bậc đại học, cả khu vực nhà nước và tư nhân đều có vai trò quan trọng, giúp cấp học bổng cho sinh viên học y và sinh học. Để sinh viên muốn học tại địa phương hơn, các trường cao đẳng địa phương phối hợp với các đại học danh tiếng nước ngoài tổ chức đào tạo chung. Chính phủ Singapore đồng thời có chiến dịch nâng cao nhận thức về giáo dục dạy nghề, giúp thay đổi nhận thức về các công việc trong ngành y tế và tăng sự hấp dẫn của 1 số con đường phát triển nghề nghiệp cụ thể.

Tất cả các sáng kiến phát triển kỹ năng và giáo dục này góp phần phát triển đội ngũ nhân tài và tri thức của Singapore, giảm sự phụ thuộc vào nguồn bác sỹ từ nước ngoài chỉ còn 28%, so với các nước phát triển như Canada (20%) và Mỹ (26%)

### 2.11.3 Lộ trình thực hiện và yêu cầu đầu tư

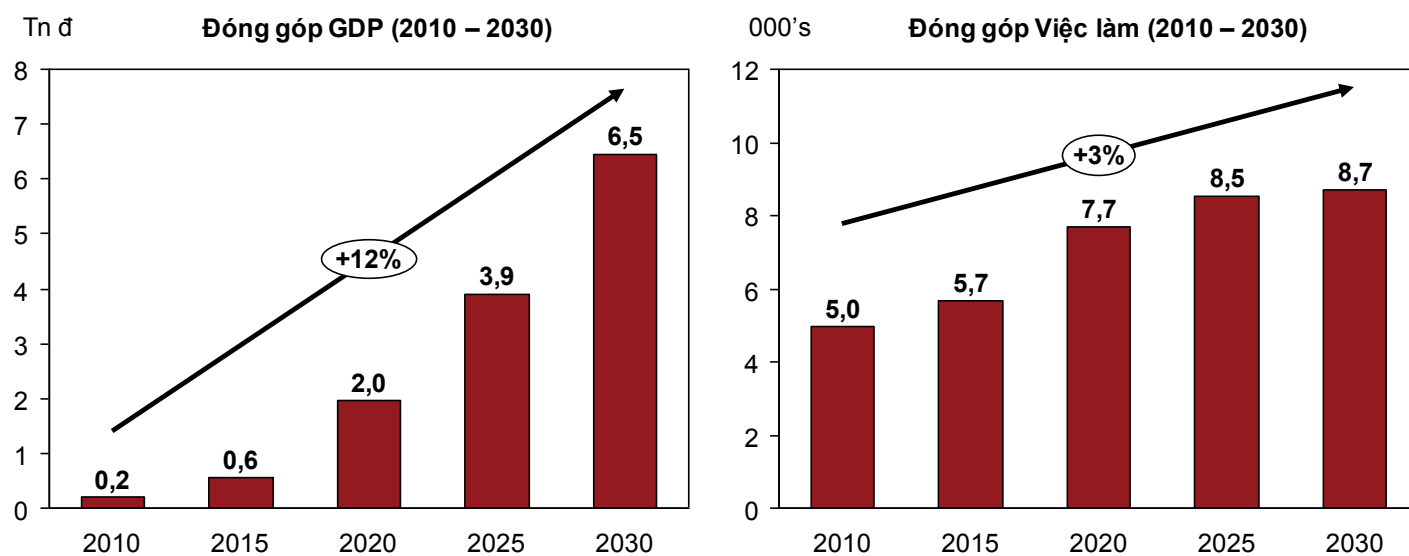
Các sáng kiến cho Hà Tĩnh sẽ được thực hiện 1 cách có hệ thống qua lộ trình có cấu trúc chặt chẽ, dựa trên các hạng mục đầu tư trong cụm ngành này. Để thực hiện lộ trình này, tỉnh cần mức đầu tư ước tính 2,6 nghìn tỷ đồng, trong đó ước tính 13% đến từ các nguồn tư nhân, 87% còn lại đến từ chính phủ, hoặc thông qua các nhà tài trợ / các tổ chức phi chính phủ (Hình 186).

Tỉnh cần có cơ chế, chính sách mạnh mẽ hơn nữa, hàng năm trích ngân sách tỉnh và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác khoảng 100 tỷ đồng để đãi ngộ, thu hút nhân tài và nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Y tế của tỉnh (học tập kinh nghiệm Thành phố Đà Nẵng).

**Hình 186: Yêu cầu đầu tư cho cụm ngành Y tế**

| Hạng mục Đầu tư                                     | Vốn Đầu tư (Tr đ) | Nguồn                      | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
|---|-------------------|----------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Nâng cấp trường Cao đẳng Y Hà Tĩnh                  | 64.500            | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Xây dựng/nâng cấp bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện | 1.400.000         | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Xây dựng, nâng cấp hệ thống trạm xá xã              | 800.000           | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Cơ sở chăm sóc sức khỏe trong KKT Vũng Áng          | 200.000           | Ngoài ngân sách            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Cơ sở chăm sóc sức khỏe cho mỏ Thạch Khê            | 150.000           | Ngoài ngân sách            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>TỔNG</b>   | <b>2.614.500</b>  |                            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |

Tóm lại, chăm sóc sức khỏe sẽ là một cụm ngành hỗ trợ quan trọng cho sự phát triển và tăng chất lượng sống của tỉnh, đóng góp 2,0 nghìn tỷ đồng vào GDP năm 2020, và 6,5 nghìn tỷ đồng năm 2030. Cụm cũng sẽ tạo hơn 7.700 việc làm vào năm 2020, tăng lên hơn 8.700 việc làm vào năm 2030 (Hình 187).

**Hình 187: Đóng góp của Cụm ngành Y tế cho nền kinh tế**

## 2.12 Cụm ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch

### 2.12.1 Tổng quan lợi thế và thách thức

Hà Tĩnh có một số tiềm năng thế mạnh quan trọng về thiên nhiên và văn hóa phù hợp với du lịch (Hình 188). Tỉnh có một số tài sản tự nhiên có chất lượng tốt như bãi biển (Thiên Cầm, Xuân Thành), hồ Kê Gổ và suối nước nóng Sơn Kim. Hà Tĩnh cũng có một số danh thắng như các di tích lịch sử (ngã ba Đồng Lộc, ngã ba Nghèn, Khu tưởng niệm Trần Phú, Hà Huy Tập), di tích văn hóa (Khu tưởng niệm Nguyễn Du) và các điểm du lịch tâm linh (chùa Hương Tích, đền Cho Cui, đền thờ Nguyễn Thị Bích Châu, đền Lê Khôi, đền Thành Sơn Phòng, đền Công Đồng, đền Trầm Lâm). Tỉnh còn có các tài sản văn hóa khác cũng như các lễ hội (Lễ hội Sỷ, Nông, Công, Thương ở Nghi Xuân; Lễ hội Báo ân tại đền thờ Bùi Cầm Hổ, Lễ hội đền Chiêu Trung, Lễ hội đền Chế Thắng phu nhân, lễ hội chùa Hương Tích, Lễ Kỳ phúc Lục ngoạt tại Miếu Ao) và dân ca, nghệ thuật cổ truyền (dân ca Nghệ Tĩnh).

**Hình 188: Tài sản tự nhiên và văn hóa của Hà Tĩnh**

| Thiên nhiên  | Danh thắng  | Văn hóa  |
|--|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Bãi biển</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Bãi biển Thạch Khê và bãi biển Xuân Thành</li> </ul> </li> <li>• <b>Hồ Kê Gổ</b></li> <li>• <b>Suối nước nóng Sơn Kim</b></li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Di tích lịch sử</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Ngã ba Đồng Lộc</li> <li>– Ngã ba Nghèn</li> <li>– Khu tưởng niệm Trần Phú</li> <li>– Khu tưởng niệm Hà Huy Tập</li> </ul> </li> <li>• <b>Di tích văn hóa</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Khu tưởng niệm Nguyễn Du</li> </ul> </li> <li>• <b>Điểm du lịch tâm linh</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Chùa Hương Tích</li> <li>– Đền Cho Cui</li> <li>– Đền thờ Nguyễn Thị Bích Châu</li> <li>– Đền Lê Khôi</li> <li>– Đền Thành Sơn Phòng</li> <li>– Công Đồng Temple</li> <li>– Đền Trầm Lâm</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Lễ hội</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Lễ hội Sỷ, Nông, Công, Thương</li> <li>– Lễ hội báo ân tại đền thờ Bùi Cầm Hổ</li> <li>– Lễ hội đền Chiêu Trung</li> <li>– Lễ hội đền Chế Thắng phu nhân</li> <li>– Lễ hội chùa Hương Tích</li> <li>– Lễ Kỳ phúc Lục ngoạt tại Miếu Ao</li> </ul> </li> <li>• <b>Văn hóa cổ truyền</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Dân ca Nghệ Tĩnh trong tỉnh Nghệ Tĩnh</li> </ul> </li> </ul> |
|   |    |   |

Nguồn: Phân tích của Monitor

Tuy nhiên, du lịch Hà Tĩnh còn có 3 thách thức lớn, so với các địa điểm khác:

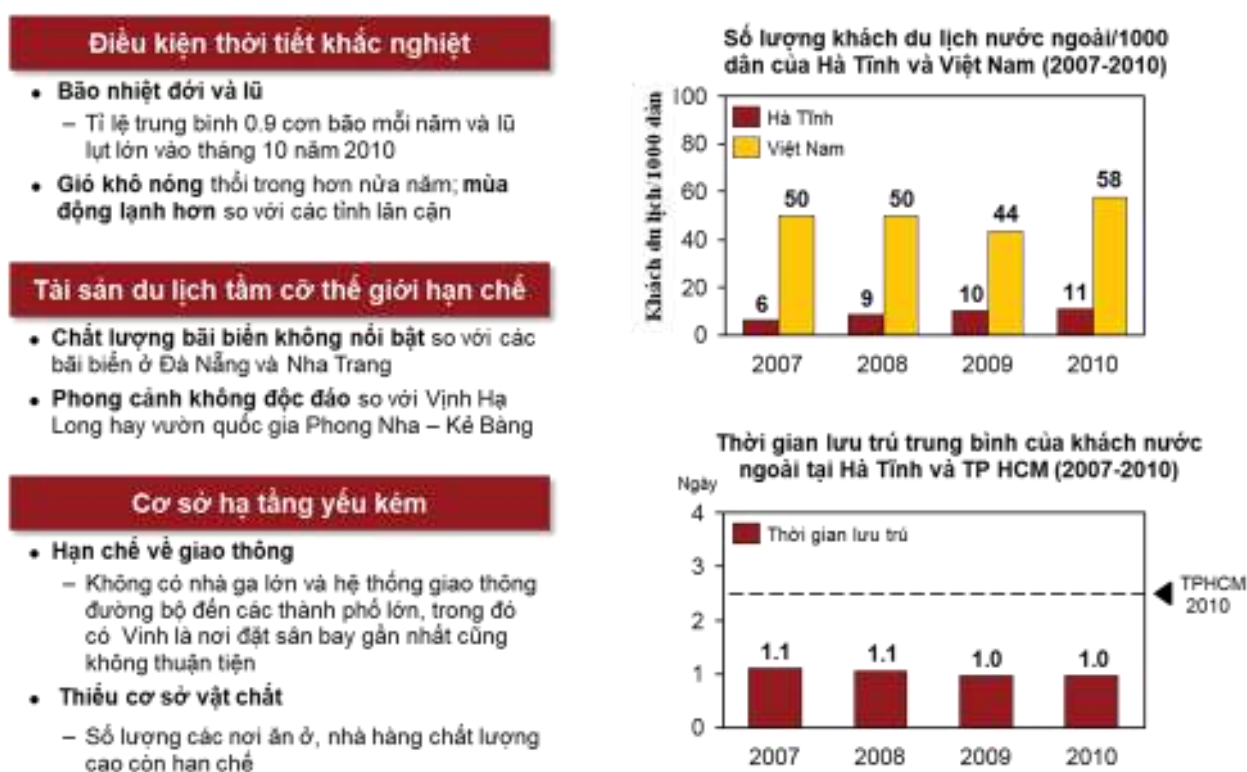
- **Điều kiện thời tiết khắc nghiệt:** điều kiện thời tiết của tỉnh trong gần như cả năm rất khó khăn, không phù hợp cho các bãi biển du lịch. Gió khô, nóng thổi trong hơn nửa năm, còn mùa mưa lại có nhiều bão lũ, đồng thời mùa đông lạnh hơn so với các tỉnh lân cận. Những điều này khiến Hà Tĩnh khó thu hút khách du lịch.
- **Số lượng các tài sản du lịch tâm cở thế giới còn hạn chế:** So với các điểm du lịch khác ở Việt Nam hay trong khu vực, các tài sản tự nhiên của Hà Tĩnh không có tầm cở thế giới. Mặc dù bãi biển ở đây đẹp nhưng không có chất lượng cao như bãi biển ở Đà Nẵng và Nha Trang, hay các điểm du lịch nổi tiếng với du lịch

biển khác ở miền Trung. Tương tự như vậy, những thắng cảnh như hồ Kẻ Gỗ rất đẹp nhưng không độc đáo nếu so với các thắng cảnh khác như Vịnh Hạ Long hay vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng.

- **Cơ sở hạ tầng yếu kém:** Hiện tại, Hà Tĩnh đang bị mất lợi thế do đường giao thông hạn chế và cơ sở hạ tầng địa phương còn yếu kém. Hà Tĩnh không có một nhà ga lớn nào và liên kết đường bộ không thuận tiện, khiến cho việc di chuyển từ các thị trường du lịch trọng điểm như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh hay Đà Nẵng tới các điểm du lịch trong tỉnh rất khó khăn.

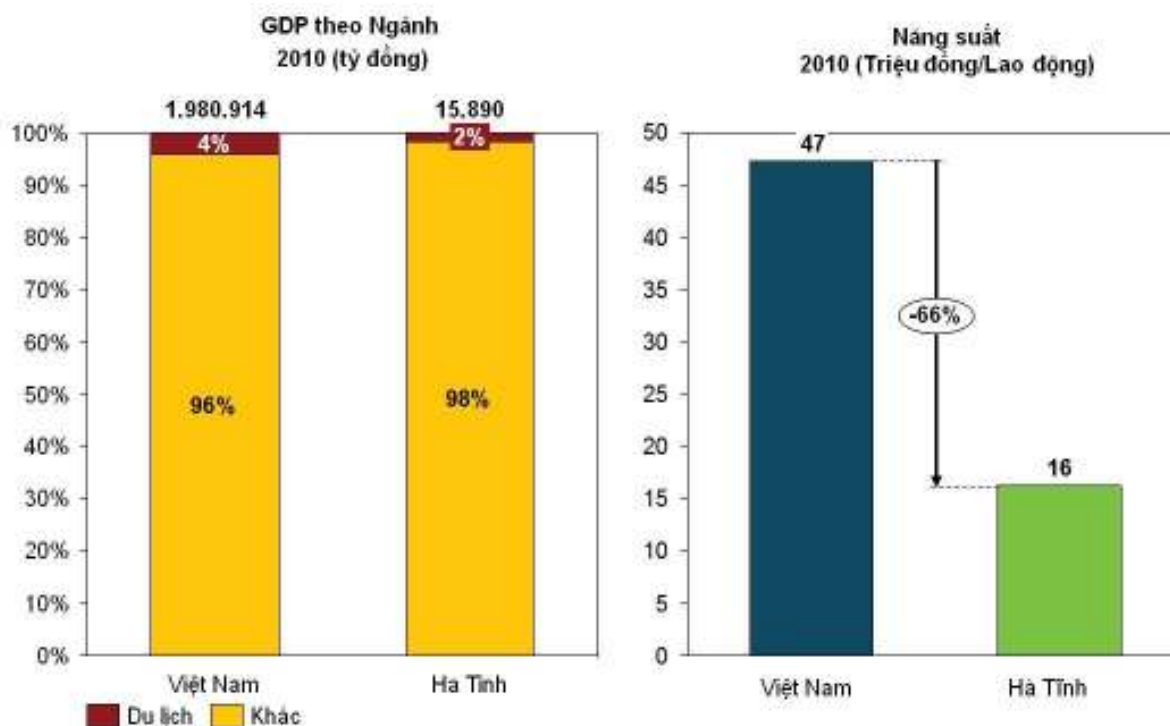
Do đó, du lịch ở tỉnh chủ yếu dựa vào khách du lịch trong tỉnh hoặc trong vùng, số lượng khách trong nước và quốc tế rất ít. Hoạt động của cụm du lịch còn chưa tương xứng với tiềm năng, tính cả về số lượng khách du lịch trong nước và quốc tế đến tỉnh, lượng tiền chi tiêu và thời gian lưu trú (hình 189).

**Hình 189: Thách thức với Cụm ngành Du lịch Hà Tĩnh**



Nguồn: Niên giám Thống kê Hà Tĩnh 2010, Tổng cục Thống kê <http://www.quangnamtourism.com.vn/english/news166.asp>

Do đó, cụm du lịch Hà Tĩnh hiện nay chưa đóng góp được nhiều cho kinh tế của tỉnh, du lịch chỉ chiếm 2% GDP và có năng suất lao động thấp so với trung bình cả nước (Hình 190).

**Hình 190: Đóng góp hiện tại của Du lịch Hà Tĩnh cho kinh tế**

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Sở LĐTĐBXH, Niên giám Thống kê Hà Tĩnh, Phân tích của Monitor

Khả năng văn hóa và thể thao của tỉnh cũng tụt hậu so với mức trung bình của quốc gia ở hầu hết mọi mặt. Thư viện ở Hà Tĩnh có ít sách hơn ( 0,25 cuốn/người so với mức trung bình trong cả nước là 0,32 cuốn/người), có ít trung tâm văn hóa hơn (0,8 rạp chiếu phim/triệu dân so với mức trung bình trong cả nước là 3,1 rạp chiếu phim/triệu dân; 0,8 bảo tàng/triệu dân so với mức trung bình trong cả nước là 1,4 bảo tàng/triệu dân) và có ít cơ sở vật chất phục vụ thể thao hơn (0,8 sân thể thao/triệu dân so với mức trung bình trong cả nước là 2,0 sân/triệu dân). Hà Tĩnh có một thư viện cấp tỉnh và 10 thư viện huyện (ở 10 huyện chính). Hà Tĩnh có một trung tâm văn hóa của tỉnh, nhưng chỉ 1/3 số huyện có trung tâm văn hóa riêng. Hà Tĩnh chỉ có một rạp chiếu phim lớn là rạp 26/3 nằm ở thành phố Hà Tĩnh. Thành phố cũng chỉ có một bảo tàng lịch sử địa phương nằm ở thành phố Hà Tĩnh, với lượng khách tham quan năm 2009 là 47.000 người. Hà Tĩnh có 805 câu lạc bộ thể thao và khoảng 29,5% số dân tham gia vào các hoạt động rèn luyện thể thao thường xuyên.

Trong thời gian tới, mặc dù du lịch không được xem là cụm ngành trọng điểm của kinh tế Hà Tĩnh, nhưng tăng cường công nghiệp hóa, đi đôi với phát triển thương mại và hậu cần sẽ tạo ra một số cơ hội cho cụm ngành du lịch của Hà Tĩnh, đặc biệt là du lịch công vụ. Sự phát triển của công nghiệp và thương mại sẽ thu hút một lượng lớn các nhà đầu tư và nhân công từ các tỉnh khác và các nước khác đến Hà Tĩnh để làm việc, tham gia các cuộc họp, thanh tra hay hội thảo. Sinh viên và đội ngũ giáo viên của các trung tâm giáo dục – công nghiệp sẽ đi tới tỉnh để sống và làm việc. Điều này mang lại cơ hội cho Hà Tĩnh phục vụ những khách tham quan này thông qua du lịch công vụ, chủ yếu là nhờ vào điều kiện chỗ ở chất lượng tốt, các ngành kinh doanh và dịch vụ liên quan. Cùng lúc đó, nhu cầu tiện nghi giải trí của những khách du lịch công vụ sẽ làm tăng nhu cầu du lịch giải trí, bao gồm cả du lịch văn hóa (để tìm hiểu về các di tích địa phương và truyền thống văn hóa), du lịch sinh thái (ví dụ như thăm quan các khu bảo tồn thiên nhiên) và du lịch thể thao (ví dụ như giải trí, trung tâm thể dục thể thao).

Hà Tĩnh có cơ hội cung cấp điều kiện chỗ ở có chất lượng và các dịch vụ khác khiến khách du lịch lưu trú lâu hơn và chi tiêu nhiều hơn. Điều này sẽ thúc đẩy những nỗ lực mở rộng cụm ngành này, thông qua các cơ sở vật chất kinh doanh, ví dụ như điều kiện ăn ở chất lượng tốt, các nhà hàng, hội trường và trung tâm hội nghị, và thúc đẩy những nỗ lực để bảo tồn văn hóa, phát triển thể thao và giúp đội ngũ nhân viên có thể giao tiếp được với khách du lịch nước ngoài.

### **2.12.2 Định hướng phát triển:**

#### *2.12.2.1 Định hướng chung và tầm nhìn*

Cụm ngành du lịch, văn hóa và thể thao ở Hà Tĩnh sẽ hỗ trợ cho sự phát triển của tỉnh bằng cách nâng cao chất lượng tham quan và sống ở tỉnh. Đến năm 2050, tỉnh sẽ được biết đến về các mặt sau

- Một tỉnh với bản sắc văn hóa độc đáo và nổi bật, có nhiều lễ hội địa phương nổi tiếng và các sự kiện văn hóa.
- Các hoạt động, cơ sở vật chất và hệ thống thể thao của tỉnh được hình thành từ lâu, có sự tham gia của nhân dân và sự tài trợ của các doanh nghiệp lớn được đầu tư ở tỉnh, cũng như là một nơi để đào tạo các vận động viên cấp quốc gia có trình độ cao, và là nơi có khả năng tổ chức các sự kiện thể thao cấp quốc gia và khu vực.
- Là tỉnh với cơ sở vật chất thu hút và thương hiệu cho du lịch công vụ, cùng với các điểm du lịch tự nhiên và văn hóa sẽ đáp ứng hiệu quả và tạo ra thu được giá trị gia tăng từ các cư dân công vụ và các khách du lịch đến với tỉnh.

Tỉnh sẽ bắt đầu xây dựng các cơ sở hạ tầng trọng điểm và cơ chế phù hợp với tầm nhìn đã nói ở trên trong giai đoạn từ này đến năm 2020. (Hình 191)



**Hình 191: Mục tiêu dự kiến đến 2020, tầm nhìn đến 2050 cho Cụm ngành Văn hóa, thể thao và Du lịch**

|          | 2020  | 2050   |
|----------|---|--|
| Văn hóa  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bảo vệ các di tích lịch sử và văn hóa</li> <li>• Bảo tồn và phát triển các di sản văn hóa như các bài hát và điệu múa truyền thống</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tỉnh Hà Tĩnh với bản sắc văn hóa độc đáo và nổi bật, có nhiều lễ hội địa phương nổi tiếng và các sự kiện văn hóa</li> </ul>   |
| Thể thao | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các cơ sở vật chất phục vụ giải trí và thể thao có tiếng – các khu liên hợp thể thao 4 chức năng</li> <li>• Số lượng lớn dân cư tích cực tham gia vào các hoạt động thể thao</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các hoạt động, cơ sở vật chất và hệ thống thể thao có tiếng của tỉnh</li> <li>• Sự tham gia của nhân dân và sự tài trợ của các doanh nghiệp lớn được đầu tư ở tỉnh</li> <li>• Địa điểm có khả năng tổ chức các sự kiện thể thao cấp quốc gia và khu vực.</li> </ul>   |
| Du lịch  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Khả năng cung cấp nơi ăn ở chất lượng cao để đáp ứng sự phát triển của khách du lịch công vụ và phù hợp với quá trình công nghiệp hóa</li> <li>• Cơ sở vật chất phục vụ du lịch giải trí chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu giải trí của khách du lịch công vụ</li> <li>• Tăng mức chi tiêu đầu du khách và thời gian lưu trú, ngành bằng với các thành phố kinh doanh như thành phố Hồ Chí Minh</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thương hiệu mạnh về du lịch công vụ và một địa điểm tổ chức hội nghị ở Việt Nam</li> <li>• Địa điểm với phong cách sống mới, có các tour du lịch trọn gói đa dạng để thu hút và phục vụ nhu cầu của các nhóm du khách khác nhau</li> <li>• Một cụm du lịch phát triển đầy đủ với chiến lược đã được định rõ để thực hiện những nỗ lực phối hợp giữa văn hóa, thể thao và du lịch</li> </ul> |

Nguồn: Phân tích của Monitor

### 2.12.2.2 Chiến lược cụ thể và kế hoạch phát triển cho cụm trong giai đoạn 2011-2020

Trong vòng 10 năm tới, cụm ngành Du lịch, Văn hóa và Thể thao của Hà Tĩnh sẽ tập trung vào việc xây dựng vị trí là một cụm thể thao chất lượng cao, song song với việc đẩy nhanh công nghiệp hóa và phát triển thương mại trong tỉnh.

Để hoàn thành kế hoạch trên, Hà Tĩnh sẽ tập trung vào những mục tiêu trọng tâm sau đây để phát triển cụm ngành Du lịch, Văn hóa và Thể thao đến năm 2020:

- Nâng cao hiệu quả của du lịch nói chung trong toàn tỉnh, đặt biệt là (a) tăng số ngày lưu trú trung bình của khách du lịch công vụ lên 3 ngày (bằng với con số của thành phố Hồ Chí Minh), (b) tăng mức chi tiêu trung bình của khách du lịch từ 700.000 Việt Nam đồng lên 1,2 triệu Việt Nam đồng bằng cách:
  - Xây dựng thương hiệu là một điểm du lịch công vụ cho các khách du lịch công vụ trong nước và khách du lịch quốc tế đến thăm Hà Tĩnh.

- Thúc đẩy nhu cầu du lịch giải trí (bao gồm du lịch văn hóa, du lịch sinh thái và du lịch thể thao) như là một nhu cầu kèm theo của du lịch công vụ.
- Đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất và sự tham gia các hoạt động thể thao và văn hóa
  - Nâng cao khả năng tiếp cận thư viện để đạt được tỉ lệ chung trong cả nước là 8 thư viện/100000 dân
  - Nâng cao tỉ lệ dân số tham gia và các hoạt động luyện tập thể thao thường xuyên từ 29,5% hiện nay lên 35% vào năm 2015 và 40% vào năm 2020.

Để đạt được những mục tiêu trên, tỉnh Hà Tĩnh sẽ tập trung vào những sáng kiến sau đây:

- *Xây dựng thương hiệu du lịch công vụ:* Trọng tâm chính của những nỗ lực trong lĩnh vực này là phát triển các cơ sở hạ tầng nhà hàng, khách sạn chất lượng cao ở đô thị để phục vụ cho các khách du lịch công vụ đến thăm tỉnh, và xác định các nhà đầu tư cho lĩnh vực này. Hiện nay, tỉnh Hà Tĩnh có khoảng 770.000 khách du lịch hàng năm. Đến năm 2020, con số này được ước tính là sẽ tăng lên khoảng 1,5 triệu khách du lịch mỗi năm, chủ yếu là nhờ vào sự phát triển các ngành công nghiệp và thương mại trong tỉnh. Điều này đòi hỏi phải tăng thêm cơ sở hạ tầng nhà hàng, khách sạn và các dịch vụ khác ở các trung tâm đô thị lớn của tỉnh – Thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh và thị xã Kỳ Anh. Đặc biệt, điều này yêu cầu phải có:
  - Các khách sạn công vụ (công suất phòng tổng cộng là 9000 -10000 phòng, trong đó 4% là khách sạn 5 sao, 64% là khách sạn 2 sao đến 4 sao và 32% là khách sạn một sao và nhà khách)
  - Các trung tâm hội nghị (có một trung tâm sẽ được xây dựng trong khoảng thời gian 2011-2020 với sức chứa ít nhất 500 khách)
  - Các nhà hàng phục vụ các món ăn khác nhau
  - Các trung tâm thương mại và các dịch vụ liên quan
  - Các dịch vụ thư giãn và giải trí ở đô thị, đặc biệt là các khu liên hợp giải trí đa lĩnh vực ở thành phố Hà Tĩnh và các rạp chiếu phim ở thị xã Hồng Lĩnh và Kỳ Anh, một công viên giải trí với các trung tâm spa và thẩm mỹ có chất lượng cao.
  - Khi đã chứng tỏ được tiềm năng thì sẽ có một dòng bạc chi phục vụ riêng khách du lịch công vụ quốc tế.
  - Các dịch vụ cơ bản khác ví dụ như các trung tâm thể dục thể thao, các dịch vụ đổi tiền, giao thông vận tải, dịch vụ nghe nhìn và ánh sáng, dịch vụ biên dịch và phiên dịch, vv.

Tất cả những điều trên sẽ mang đến sự đầu tư và các cơ hội cho doanh nghiệp trong tỉnh. Tỉnh Hà Tĩnh cũng sẽ xây dựng một chương trình quảng bá kết hợp hướng đến khách du lịch công vụ trong tỉnh. Chương trình này sẽ tập trung vào các điểm du lịch liên quan tới công vụ cũng như các dịch vụ du lịch giải trí khác.

- *Thúc đẩy nhu cầu du lịch giải trí:* Trọng tâm chính trong lĩnh vực này gồm hai mặt (a): phát triển các dịch vụ thu hút quanh khu vực có các điểm du lịch tự nhiên, văn hóa và các điểm tham quan khác mà tỉnh hiện có và (b) xác định cơ sở hạ tầng thiết yếu cần để nâng cấp những điểm du lịch hiện có. Trước hết, Hà Tĩnh sẽ có cơ hội biến một số điểm du lịch hiện có thành các điểm du lịch hấp dẫn có chất lượng cao phục vụ cho khách du lịch công vụ đến tỉnh. Ví dụ:

- Cơ sở vật chất cho du lịch sinh thái có thể được nâng cấp quanh khu vực hồ Kê Gổ và suối nước nóng Sơn Kim để biến những nơi này thành những địa điểm du lịch cuối tuần cho các gia đình.
- Tương tự như vậy, có thể tối đa hóa giá trị của bãi tắm Thiên Cầm trong những tháng hè bằng cách tổ chức các hoạt động hướng tới giới trẻ trong thời gian này, để biến nơi đây thành địa điểm tổ chức các hoạt động hè hàng năm.
- Có thể tạo ra một số con đường khám phá và leo núi an toàn ở những vùng núi, điều này sẽ đặc biệt hấp dẫn những người yêu thích thiên nhiên và leo núi, từ đó sẽ tạo thêm giá trị gia tăng cho tỉnh.
- Các điểm du lịch văn hóa và lịch sử của tỉnh Hà Tĩnh có thể được quảng bá hơn nữa bằng cách tạo ra và truyền bá những “Câu chuyện văn hóa và lịch sử” hấp dẫn xung quanh những điểm du lịch này, điều này sẽ làm tăng thêm tính hấp dẫn của những điểm du lịch này và tạo thêm giá trị gia tăng từ khách du lịch công vụ. Phát triển và cung cấp các tour du lịch và thông tin bằng nhiều ngôn ngữ (cả các tour du lịch ảo và “hướng dẫn viên ảo”) sẽ giúp Hà Tĩnh nâng cao sức hấp dẫn cho các di tích văn hóa lịch sử.

### Hình 192: Nghiên cứu điển hình – Cảng Subic, Philippines

Bối cảnh khu kinh tế

- Một trong những **bộ máy kinh tế chính** của Phi-lip-pin với hơn 700 dự án đầu tư
  - Bao gồm **cơ sở đóng tàu lớn thứ tư thế giới** với hơn 7000 nhân công
  - Hơn **610 công ty** thuộc các ngành công nghiệp các nhau đặt ở khu kinh tế



Nhiều cơ sở vật chất phục vụ giải trí

- Khu Freeport cũng phát triển nhiều cơ sở vật chất phục vụ du lịch sinh thái và văn hóa để đáp ứng nhu cầu của khách du lịch công vụ, đồng thời thu hút các du khách tham quan

Thăm hiểm đại dương



Săn thú trong công viên



Công viên Pamulaklakín



Đường leo núi Apaliín



Văn hóa người Aeta bán địa



Nguồn: Tổng cục Thống kê, Niên giám Thống kê Hà Tĩnh

Cảng Subic ở Philippines là một ví dụ điển hình về việc một địa điểm trước đây từng được biết đến là một vùng kinh tế đã phát triển thành công du lịch để tạo ra giá trị gia tăng từ khách du lịch công vụ và khách tham quan đến vùng. Khu vực này là một trong những đầu tàu kinh tế chính của Philippines với hơn 700 dự án đầu tư, bao gồm cả cơ sở đóng tàu lớn thứ tư trên thế giới với hơn 7000 nhân công. Vùng này có hơn 610 công ty thuộc rất

nhiều ngành công nghiệp. Cũng giống như Hà Tĩnh, vùng không có những điểm du lịch tham quan nổi bật. Tuy nhiên, qua thời gian, vùng đã phát triển một loạt các dịch vụ thu hút để tạo ra giá trị gia tăng từ khách du lịch công vụ và cư dân trong vùng. Những dịch vụ này bao gồm (a) một công viên khám phá đại dương dưới đáy biển, (b) một công viên săn thú hoang, (c) du lịch sinh thái trong công viên thiên nhiên Pamulaklakin ở trong vùng, (d) đường đi bộ trên núi Apallin và (e) các sự kiện văn hóa và trung tâm văn hóa bản địa (Hình 192).

- *Đạt được chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất và tham gia vào các hoạt động văn hóa và thể thao:* Hà Tĩnh sẽ xây dựng một thư viện mới và một khu liên hợp thể thao ở thành phố Hà Tĩnh và 7 khu liên hợp thể thao ở các huyện khác.

Hai lĩnh vực trọng tâm cần phải có trong quá trình phát triển cụm ngành văn hóa, du lịch và thể thao

- **Đầu tư vào cơ sở hạ tầng thiết yếu để đáp ứng nhu cầu của khách du lịch công vụ:** Hà Tĩnh sẽ đầu tư để mở rộng các điều kiện ăn, ở hiện có và xây dựng thêm nhiều khách sạn với tiêu chuẩn quốc tế. Tỉnh cũng sẽ nâng cao năng lực của các cơ sở vật chất công vụ, ví dụ như các phòng hội thảo và phòng triển lãm để tổ chức các sự kiện lớn. Ngoài ra, Hà Tĩnh cũng sẽ cung cấp những lựa chọn về phương tiện giao thông đáng tin cậy, ví dụ như các tuyến xe buýt tiện nghi đến các khu thương mại lớn. Tỉnh cũng sẽ nâng cao cơ sở hạ tầng viễn thông để giảm thiểu những sự gián đoạn gây lãng phí cho doanh nghiệp. Sự phát triển bước đầu sẽ tập trung vào những khu vực mà khách du lịch công vụ sẽ thường xuyên đến nhất, ví dụ như khu kinh tế Vũng Áng.

Đồng thời, tỉnh Hà Tĩnh cũng sẽ nâng cao việc phát triển các điểm du lịch giải trí. Cụ thể, tỉnh sẽ xây dựng các công viên sinh thái ở Hồ Kẻ Gỗ và suối nước nóng Sơn Kim. Hà Tĩnh cũng sẽ tạo ra những tiện nghi du lịch tốt hơn ví dụ như nhà khách và bảng chỉ dẫn thông tin, xây dựng các khu nghỉ dưỡng ven biển với tiêu chuẩn cao hơn tại bãi tắm Thiên Cầm và Xuân Thành, cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông đến các điểm du lịch và thể thao quan trọng, đặt biệt là những điểm ở các vùng xa. Hà Tĩnh cũng sẽ tăng cường năng lực của các khu liên hợp thể thao hiện có để có thể tổ chức các sự kiện lớn và tăng thêm các cơ sở vật chất phục vụ giải trí về thể thao, ví dụ như rạp chiếu phim, sân cầu lông hay bể bơi.

- **Xây dựng năng lực:** Một yêu cầu trọng tâm đối với sự phát triển cụm ngành này là nâng cao năng lực và khả năng của tỉnh để phục vụ cụm ngành này một cách hiệu quả. Về mặt này, Hà Tĩnh sẽ tập trung vào 3 lĩnh vực trọng tâm sau đây.
  - *Nâng cao năng lực của nguồn nhân lực:* Hà Tĩnh sẽ đầu tư vào nội dung đào tạo nghề. Một lĩnh vực liên quan cần tập trung nữa là năng lực sử dụng ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Hàn Quốc, tiếng Thái, tiếng Trung để phục vụ cho sự giao lưu với các khách du lịch công vụ quốc tế. Một phần trong chương trình đào tạo nghề du lịch là tỉnh sẽ tập trung vào những kỹ năng khách sạn, nấu ăn, hướng dẫn du lịch và nâng cao kiến thức về tài sản du lịch của địa phương.
  - *Thực hiện các hệ thống kiểm định và tiêu chuẩn:* Đảm bảo nơi ăn ở, chất lượng dịch vụ, vv sẽ được thực hiện và giám sát theo các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế.
  - *Thúc đẩy sự hợp tác chặt chẽ giữa các bên liên quan của cụm ngành:* Tỉnh sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy việc trao đổi thông tin và áp dụng những biện pháp tốt nhất trong cụm ngành (ví dụ như thực hiện các biện pháp tốt nhất để đảm bảo tính bền vững của các công viên sinh thái, lắp đặt các

bảng chỉ dẫn thông tin ở những di tích lịch sử). Sở cũng sẽ hợp tác chặt chẽ với các bên liên quan của cụm để khuyến khích họ tham gia vào các hoạt động quảng bá chung và tiếp thị phù hợp cho tỉnh.

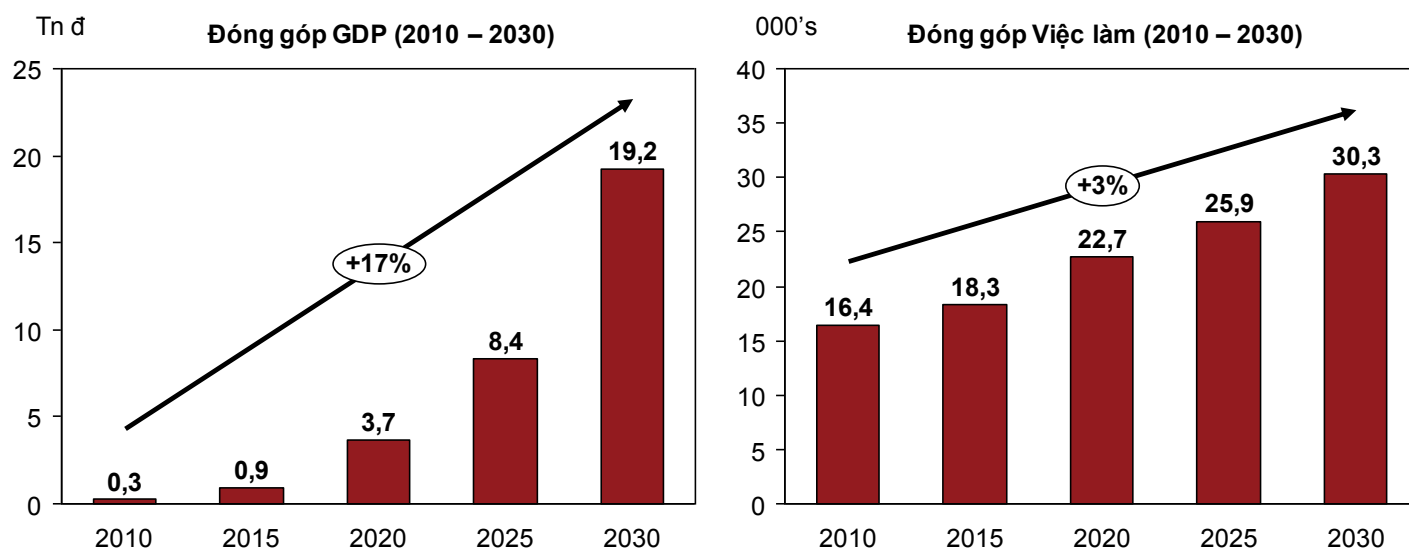
### 2.12.3 Lộ trình thực hiện và yêu cầu đầu tư

Hà Tĩnh sẽ thực hiện kế hoạch này thông qua một lộ trình hệ thống và cấu trúc, dựa trên các dự án đầu tư được xác định trong chiến lược. Việc phát triển cụm này sẽ đòi hỏi yêu cầu đầu tư 9,0 nghìn tỷ đồng. Trong số này 1% sẽ là từ ngân sách tỉnh, cho Trường Cao đẳng Văn hóa, Thể thao, Du lịch Nguyễn Du. Số còn lại sẽ là đầu tư của khu vực doanh nghiệp. Hình 193 dưới đây sẽ phác họa những dự án trọng điểm kêu gọi đầu tư và yêu cầu đầu tư ước tính.

**Hình 193: Đầu tư cho Cụm Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

| Hạng mục Đầu tư  | Vốn Đầu tư (Tr đ) | Nguồn                      | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
|--|-------------------|----------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Công ty du lịch Polaris Kty                                    | 1.020.000         | Ngoài ngân sách            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Đầu tư và thể thao và giải trí                                 | 1.310.000         | Ngoài ngân sách            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Đầu tư vào Trường Cao đẳng Văn hóa, Thể thao Du lịch Nguyễn Du | 93.000            | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Trung tâm hội nghị cao cấp và khách sạn 5 sao                  | 2.050.000         | Ngoài ngân sách            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Khu nghỉ dưỡng Suối nước nóng Sơn Kim                          | 1.236.000         | Ngoài ngân sách            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Khu nghỉ dưỡng Du lịch sinh thái hồ Ké Gồ                      | 1.648.000         | Ngoài ngân sách            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Khu du lịch bãi biển Thiên Cẩm                                 | 1.000.000         | Ngoài ngân sách            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Khu du lịch bãi biển Xuân Thành                                | 1.000.000         |                            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>TỔNG</b>  | <b>9.013.240</b>  |                            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |

Nói tóm lại, ở một mức độ tổng quát, chúng ta sẽ thấy sự phát triển của cụm du lịch, văn hóa và thể thao thành một cụm quan trọng của tỉnh. Cụm ngành này đóng góp 3,7 nghìn tỷ đồng GDP và tạo 23.000 việc làm vào năm 2020.

**Hình 194: Đóng góp của cụm Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho nền kinh tế**

Nguồn: Phân tích của Monitor



## 2.14 Hóa dầu

Trong kế hoạch phát triển dài hạn của tỉnh, một cụm hóa dầu có thể mở ra những cơ hội mới và tạo ra sự phối hợp chặt chẽ với các cụm đã có trong tỉnh. Các nhà đầu tư đã cam kết xây dựng một nhà máy hóa dầu về trung hạn. Tuy nhiên, tính khả thi của việc phát triển cụm này phụ thuộc vào tình hình cung – cầu của đất nước và khu vực và việc tạo được lợi thế cạnh tranh mạnh và bền vững cho cụm này ở Hà Tĩnh. Ví dụ như các phân tích đưa ra khuyến nghị rằng có thể đáp ứng được nhu cầu trong nước mà không cần xây dựng một nhà máy lọc dầu mới ở Vũng Áng. Hơn nữa, khả năng lọc dầu của các nước châu Á cũng đang tăng, đến năm 2015, các nước Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Sing-ga-po và Nhật Bản sẽ có nguồn cung thừa là 340 triệu tấn, qua đó cho thấy việc phải đảm bảo có nhu cầu ổn định và cơ cấu giá có tính cạnh tranh.

Trong bối cảnh này, vào năm 2009, Tập đoàn công nghiệp nặng Formosa đã được Chính phủ cấp phép cho dự án xây dựng một nhà máy lọc dầu và hóa dầu trị giá 12,47 tỉ đô la Mỹ. Dự án này có công suất dự kiến là 300.000 thùng và 16 triệu tấn/năm. Dự án sẽ hướng đến thị trường xuất khẩu, giảm áp lực do nguồn cung thừa trong nước và làm tăng sự nhạy cảm về giá.

Mặc dù Vũng Áng đã được chọn là nơi đặt nhà máy lọc dầu trong kế hoạch về vị trí các nhà máy hóa dầu quốc gia, (Hình 196), nhưng kế hoạch về địa điểm xây dựng nhà máy sẽ được dựa trên nghiên cứu tính khả thi cuối cùng của tập đoàn Formosa, nhà đầu tư đã được lựa chọn.

**Hình 196: Địa điểm xác định cho các Nhà máy lọc hóa dầu**



Nguồn: Bộ Công thương

Cùng lúc đó Hà Tĩnh sẽ tập trung vào công tác hậu cần cho ngành hóa dầu ở giai đoạn phát triển đầu của cụm này. Kho xăng dầu Vũng Áng khánh thành vào tháng 2 năm 2011. Kho này sẽ chứa được 60.000 m<sup>3</sup> dầu và khí trong giai đoạn đầu tiên, và 110.000 m<sup>3</sup> vào năm 2015, làm cho kho trở thành kho xăng dầu lớn nhất miền Bắc.



Theo kế hoạch, kho xăng dầu Vũng Áng sẽ cung cấp xăng và khí cho các tỉnh miền Trung cũng như khu vực phía Bắc và nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Một bến tàu có thể tiếp nhận được tàu có tải trọng 15.000 DWT đang được xây dựng ở cảng Vũng Áng để đón các tàu chở dầu.

Ban đầu, việc buôn bán và dự trữ các chất hóa dầu sẽ tận dụng tốt các cơ sở vật chất ở cảng biển và định hướng hậu cần ở Vũng Áng. Một khi các nhà đầu tư đảm bảo được nguồn cung nhiên liệu và thị trường ổn định, cũng như có một nghiên cứu về tính khả thi được chuyên gia chấp thuận, tỉnh Hà Tĩnh sẽ cấp phép cho việc xây dựng nhà máy lọc hóa dầu.

Một phần trong nghiên cứu về tính khả thi là việc các nhà đầu tư sẽ phải ưu tiên những loại sản phẩm hóa dầu được sản xuất. Ví dụ như Ấn Độ cung cấp rất nhiều loại sản phẩm, từ các hóa chất cơ bản cho đến các sản phẩm trung gian đã qua xử lý. Các hóa chất cơ bản bao gồm etilen, propylene, butadiene, styrene, benzene và toluene. Sau đó những hóa chất này sẽ được chế tạo thành các vật liệu tổng hợp (ví dụ như vật liệu acrylic, sợi nilon), các hợp chất po-ly-me (ví dụ như nhựa polyvinyl hay nhựa tổng hợp PVC), cao su tổng hợp và các loại vật liệu khác. Những sản phẩm này sau đó thường được xử lý để thành những sản phẩm cuối cùng, bao gồm sơn, nhựa thông, dầu mỡ công nghiệp, chất pha loãng, mực, chất giặt khô, chất tẩy, thuốc trừ sâu.

Nếu như nghiên cứu khả thi đưa ra kết quả tích cực và Formosa muốn đẩy mạnh tốc độ xây dựng nhà máy lọc dầu để bắt đầu vận hành trước năm 2020 thì điều này sẽ làm tăng thêm GDP vốn đã cao của tỉnh Hà Tĩnh và công ăn việc làm trong thời gian qua<sup>18</sup>.

<sup>18</sup> Nói 1 cách thực tế, các nhà máy hóa dầu sẽ không được xây dựng trong giai đoạn 2011-2020

## 2.15 Phát triển Dịch vụ Tài chính, Ngân hàng và Bảo hiểm

Để đáp ứng được các hoạt động đầu tư gia tăng cần thiết để thực hiện các hoạt động kinh tế, cả quy mô nhỏ lẫn quy mô lớn, Hà Tĩnh cần phải nhanh chóng mở rộng dịch vụ tài chính trong tỉnh. Hiện nay các doanh nghiệp trong tỉnh vẫn đang gặp khó khăn với việc tiếp cận tín dụng và hỗ trợ tài chính và chỉ có các doanh nghiệp lớn với nguồn tài sản lớn và các hộ gia đình và doanh nghiệp quy mô nhỏ có mối quan hệ từ trước với ngân hàng mới có thể tiếp cận được với tín dụng ngân hàng. Ngược lại, các công ty tư nhân hoặc các doanh nghiệp mới thành lập gặp phải rất nhiều khó khăn để vay được vốn. Họ phải đưa ra tài sản thế chấp có giá trị lớn, thông thường là trên 100% giá trị khoản vay. Hà Tĩnh cần phải tăng cường năng lực cho ngành ngân hàng để ngành này có thể cung cấp các dịch vụ tài chính và lựa chọn bảo hiểm cho nhiều đối tượng có nhu cầu hơn trong vùng.

### 2.15.1 Định hướng phát triển

- Tạo điều kiện dễ hơn để các doanh nghiệp mới thành lập và đang hình thành có thể tiếp cận được với tín dụng:* Tỉnh cần mở rộng tiếp cận tín dụng và các dịch vụ tài chính khác trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu đô thị và cho nông nghiệp và các cụm ngành trọng điểm khác. Tỉnh cũng cần phải cung cấp dịch vụ tốt hơn về cho thuê bất động sản. Trong đó, Hà Tĩnh nên cố gắng để đáp ứng các mục tiêu đặt ra của ngân hàng của tỉnh. Phù hợp với quy hoạch tổng thể cho các ngân hàng cấp tỉnh, giai đoạn 2011–2015, Hà Tĩnh sẽ đạt tốc độ tăng trưởng của vốn lưu động trên 25%/năm, tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay 20–25% /năm, và tỷ lệ nợ xấu dưới 3% dư nợ tín dụng năm. Từ năm 2016 đến năm 2020, Hà Tĩnh cần duy trì tốc độ tăng trưởng vốn lưu động trên 25% / năm, tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay 25–30% /năm, và tỷ lệ nợ xấu dưới 3% tổng dư nợ tín dụng một năm.

Ngoài việc khuyến khích doanh nghiệp tìm vốn qua vay ngân hàng, Hà Tĩnh cần thiết lập một quỹ đầu tư mạo hiểm và khởi nghiệp để hỗ trợ doanh nhân tiềm năng trong tỉnh tại các cụm ngành được xác định để phát triển. Với đầu tư ban đầu từ tỉnh và đầu tư thêm, lớn hơn, từ các nhà đầu tư lớn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh có thể tăng cường nguồn vốn sẵn có của các doanh nghiệp địa phương đang phát triển, vừa để hỗ trợ thành lập doanh nghiệp mới vừa để thúc đẩy phát triển cụm ngành. Sáng kiến này ở quy mô nhỏ hơn so với Quỹ IB mà Ngân hàng Phát triển Châu Á đã khuyến nghị và đề xuất cung cấp 20 triệu USD để tài trợ ban đầu cho Việt Nam.

- Mở rộng và tăng cường cơ hội tiếp cận tín dụng và cho vay đối với các hộ gia đình để thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh ở địa phương:* Trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sẽ tiếp tục là các lĩnh vực quan trọng của hoạt động kinh tế của tỉnh. Tăng cường các lựa chọn tín dụng trong các cộng đồng nông nghiệp và nông thôn sẽ giúp mở rộng các cơ hội tăng thu nhập bởi vì các hộ gia đình này sẽ có thể tiếp cận được với công nghệ, các nguồn lực và đầu vào nông nghiệp chất lượng cao để bắt đầu kinh doanh hộ gia đình quy mô nhỏ. Điều này cũng sẽ hỗ trợ việc xây dựng các vùng nông thôn mới, phù hợp với Chương trình nông thôn mới của tỉnh. Do vậy, Hà Tĩnh cần cải thiện dịch vụ tín dụng và ngân hàng phục vụ phát triển các khu vực nông nghiệp và nông thôn, bắt đầu từ giai đoạn 2011–2015 và trong tương lai.

Một động lực quan trọng ở đây là mô hình phát triển mới trong nông nghiệp. Bản thân các hợp tác xã được đề xuất trong phần này cũng có thể là nguồn tài trợ thông qua các sáng kiến tiết kiệm hoặc tín dụng nhóm,

đồng thời các đối tác doanh nghiệp của hợp tác xã sẽ là một nguồn tài chính quan trọng hoặc giúp nông dân tiếp cận trực tiếp nguyên vật liệu đầu vào.

Tỉnh cũng cần khuyến khích các tổ chức tài chính khác cung cấp các khoản vay không tài sản thế chấp. Có hai mô hình cụ thể để thực hiện điều này, cả hai đều có thể áp dụng được tại Hà Tĩnh. Đầu tiên là mô hình cho vay nhóm: mỗi cá nhân nông dân sẽ chịu trách nhiệm thực hiện trả nợ cho hàng xóm của mình. Mô hình này đã được thực hiện tiên phong ở Bangladesh với Ngân hàng Grameen. Các hợp tác xã mới ở Hà Tĩnh sẽ được tổ chức để thực hiện mô hình này. Mô hình thứ hai liên quan là cán bộ cho vay tiến hành tìm hiểu kỹ càng về đặc điểm và đề xuất mô hình kinh doanh của người xin vay. Điều này giúp ngân hàng đánh giá tốt hơn, nhờ đó giảm thiểu rủi ro của việc cho vay mà không cần tài sản thế chấp. Hợp đồng ký kết giữa hợp tác xã và công ty đối tác sẽ giúp nông dân vay được vay dựa trên thu nhập trong tương lai.

- *Mở rộng hoạt động ngân hàng và tài chính vi mô để cung cấp tín dụng vi mô:* Hơn nữa, Hà Tĩnh cần cung cấp các lựa chọn bảo hiểm cho người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp bởi vì sinh kế của họ có thể dễ dàng bị ảnh hưởng bởi ốm đau, bệnh tật và các điều kiện khí hậu ngoài dự đoán. Kết hợp điều này với việc tăng cường dịch vụ khuyến nông nhằm đào tạo nông dân về công nghệ và các công cụ tài chính, sẽ làm cho mỗi cá nhân có ý thức làm việc độc lập hơn, và do đó, sẽ thúc đẩy kinh tế địa phương và nâng cao đời sống ở nông thôn. Đến năm 2015, Hà Tĩnh sẽ phải xây dựng xong các chương trình bền vững để đào tạo lao động nông nghiệp về quản lý tài chính, gồm tiết kiệm, đầu tư và định hướng kinh doanh, và khuyến khích các hoạt động ngân hàng và tài chính vi mô để cung cấp các dịch vụ đó
- *Đào tạo nhân viên trong ngành tài chính về các kỹ năng quản lý, kế toán và kỹ thuật để hỗ trợ doanh nghiệp tốt hơn:* Dự kiến, sẽ có nhiều loại hình doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp được thành lập ở tỉnh. Vì vậy, việc quan trọng là ngành tài chính của Hà Tĩnh phải được chuẩn bị để đáp ứng với nhu cầu tài chính sẽ tăng lên trong tỉnh. Đến năm 2015, Hà Tĩnh cần phải đặt mục tiêu đưa nhiều hơn các khóa đào tạo về kế toán và quản lý vào trong các cơ sở dạy nghề. Tỉnh cũng cần khuyến khích nhân viên của các ngân hàng trên địa bàn tỉnh đi học các khóa này. Đến năm 2020, Hà Tĩnh có thể cấp bằng kỹ thuật về quản lý tài chính và kỹ năng quản lý tổng hợp. Điều này sẽ giúp thúc đẩy thành lập doanh nghiệp mới trong tỉnh.

## 2.16 Phát triển Xuất, Nhập khẩu

Chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh sẽ làm tăng đáng kể thương mại quốc tế và xuất khẩu. Xuất khẩu sẽ tăng từ 62 triệu USD năm 2010 lên gần 383 triệu USD năm 2015 và 1.999 triệu USD năm 2020, tăng 42%/năm trong giai đoạn này. Sản phẩm xuất khẩu quan trọng nhất là thép thô, đóng góp 1.163 triệu USD vào năm 2020, đây là 1 phần sản lượng của nhà máy thép Formosa xuất sang các nhà máy thép ở nước ngoài. Hàng may mặc (đặc biệt là hàng may mặc hoàn thiện) cũng có vai trò quan trọng theo định hướng xuất khẩu của ngành sản xuất may mặc quốc gia, đóng góp 213 triệu USD, thị trường hiện tại là Bắc Mỹ, châu Âu, Nhật; thị trường tiềm năng là Nga, Hàn Quốc, các nước Đông Nam Á khác. (Tất cả sản phẩm của dệt may sẽ được sử dụng ở Hà Tĩnh hoặc tỉnh thành khác trong nước để làm nguyên liệu cho sản xuất hàng may mặc).

Xuất khẩu gỗ dăm từ rừng của tỉnh sẽ kết thúc vào năm 2015 khi tỉnh tập trung chuyển sang các sản phẩm gỗ giá trị cao hơn, trong đó có đồ nội thất. Ngành sản xuất gỗ và sản phẩm gỗ sẽ xuất khẩu 44 triệu USD vào năm 2015 và sẽ tăng gấp 3 lần lên gần 145 triệu USD vào năm 2020 khi các nhà máy sản xuất sản phẩm từ gỗ có giá trị gia tăng cao bắt đầu sử dụng gỗ của tỉnh và gỗ nhập từ nơi khác. Các thị trường lớn sẽ bao gồm Nhật Bản, Hàn Quốc, và các nước ASEAN khác; với tiềm năng sau đó là thị trường Mỹ và châu Âu (đặc biệt khi gỗ từ các nguồn có chứng nhận FSC được dùng nhiều hơn)

Sản phẩm cấu kiện kim loại sẽ xuất khẩu 79 triệu USD vào năm 2020, so với giá trị năm 2015 mới chỉ là 4 triệu USD, nhờ tăng trưởng mạnh mẽ trong hoạt động sử dụng thép sản xuất từ các nhà máy tại Hà Tĩnh. Ở giai đoạn đầu, Hà Tĩnh xuất khẩu các sản phẩm cấu kiện đơn giản sang các nước ASEAN. Khi đã sản xuất được ở trình độ cao hơn, tỉnh sẽ mở rộng thị trường sang Hàn Quốc, Nhật Bản, châu Âu và Mỹ.

Xuất khẩu thực phẩm chế biến (trong đó có hải sản) sẽ đạt 343 triệu USD vào năm 2020, chủ yếu nhờ xuất khẩu tôm chiếm 224 triệu USD (sang Nhật Bản, Hàn Quốc và châu Âu với sản phẩm cao cấp, và Lào, Cam-pu-chia và các nước khác của ASEAN đối với sản phẩm thấp cấp hơn), và các sản phẩm lạc (chiếm 106 triệu USD – sang Nhật Bản, châu Âu, Mỹ, Canada và Hồng Kông). Hải sản đánh bắt, đặc biệt là mực, tiếp tục được xuất khẩu sang các thị trường tương tự như tôm, giá trị đạt gần 3 triệu USD vào năm 2020. Thị trường xuất khẩu của chè sẽ vẫn là những khu vực như Trung Đông và Nga, giá trị đạt trên 5 triệu USD vào năm 2020.

Nhưng hươu tiếp tục là sản phẩm giá trị cao, xuất khẩu nhiều sang Hàn Quốc, đạt giá trị 12 triệu USD vào năm 2015 và 29 triệu USD vào năm 2020. Mỏ titan của tỉnh cũng sẽ tiếp tục sản xuất ê-mê-nít phục vụ xuất khẩu, số lượng ổn định như mức như hiện nay, đạt giá trị 12 triệu USD/năm.

Tỷ trọng xuất khẩu các sản phẩm vào năm 2015 và 2020 thể hiện ở Hình 194 và 195 dưới đây.

**Hình 197 – Tỷ trọng Xuất khẩu 2015**

|                                       | Sản lượng<br>(Tr USD) | % Sản lượng<br>Xuất khẩu | Sản lượng Xuất<br>khẩu (t*)     | Giá<br>(USD / t*)    | Giá trị Xuất khẩu<br>(Tr USD) |
|---------------------------------------|-----------------------|--------------------------|---------------------------------|----------------------|-------------------------------|
| <b>Thép Formosa</b>                   | 1.159                 | 15%                      | 191.000                         | 910                  | <b>174</b>                    |
| <b>May mặc</b>                        | 61                    | 84%                      | 2.200.000 (sản<br>phẩm may mặc) | 28<br>(mỗi sản phẩm) | <b>51</b>                     |
| <b>Gỗ và Sản phẩm<br/>Gỗ</b>          | 95                    | 46%                      | --                              | --                   | <b>44</b>                     |
| <b>Sản phẩm Cấu<br/>kiện Kim loại</b> | 27                    | 16%                      | 8.720                           | 488                  | <b>4</b>                      |
| <b>Chế biến Thực<br/>phẩm</b>         | --                    | --                       | --                              | --                   | <b>77</b>                     |
| <i>Từ Tôm</i>                         | 55                    | 100%                     | 4801                            | 11422                | 55                            |
| <i>Từ Lạc</i>                         | 40                    | 50%                      | 3000                            | 6599                 | 20                            |
| <i>Từ Hải sản Đánh<br/>bắt</i>        | 10                    | 10%                      | 252                             | 3784                 | 1,0                           |
| <i>Từ Chè</i>                         | 1                     | 100%                     | 565                             | 2112                 | 1.2                           |
| <b>Nhung hươu</b>                     | 14                    | 90%                      | 17                              | 718072               | 12                            |
| <b>Ê-mê-nhít</b>                      | --                    | --                       | 60000                           | 200                  | 12                            |
| <b>Khác</b>                           | 110                   | 8%                       | --                              | --                   | <b>9</b>                      |
| <b>TỔNG</b>                           |                       |                          |                                 |                      | <b>383</b>                    |

**Hình 198 – Tỷ trọng Xuất khẩu 2020**

|                               | Sản lượng<br>(Tr USD) | % Sản lượng Xuất<br>khẩu | Sản lượng Xuất<br>khẩu (t*)     | Giá<br>(USD /<br>t*)               | Giá trị Xuất khẩu<br>(Tr USD) |
|-------------------------------|-----------------------|--------------------------|---------------------------------|------------------------------------|-------------------------------|
| Thép Formosa                  | 7.756                 | 15%                      | 956.000                         | 1217                               | <b>1163</b>                   |
| May mặc                       | 253                   | 84%                      | 6.830.000 (sản<br>phẩm may mặc) | 37<br>(mỗi sản<br>phẩm<br>may mặc) | <b>213</b>                    |
| Gỗ và Sản phẩm Gỗ             | 315                   | 46%                      | --                              | --                                 | <b>145</b>                    |
| Sản phẩm Cấu kiện<br>Kim loại | 492                   | 16%                      | 120.000                         | 653                                | <b>79</b>                     |
| Chế biến Thực phẩm            | --                    | --                       | --                              | --                                 | <b>343</b>                    |
| <i>Từ Tôm</i>                 | 212                   | 25%                      | 6000                            | 8831                               | 53                            |
| <i>Từ Lạc</i>                 | 48                    | 25%                      | 4500                            | 2694                               | 12                            |
| <i>Từ Hải sản Đánh bắt</i>    | 94                    | 31%                      | 1894                            | 15285                              | 29                            |
| <i>Từ Chè</i>                 | 5                     | 100%                     | 1750                            | 3103                               | 5,4                           |
| <b>Nhung hươu</b>             | 33                    | 90%                      | 31                              | 960943                             | 29                            |
| <b>Ê-mê-nhít</b>              |                       |                          | 60000                           | 200                                | 12                            |
| Khác                          | 186                   | 8%                       | --                              | --                                 | <b>15</b>                     |
| <b>TỔNG</b>                   |                       |                          |                                 |                                    | <b>1.999</b>                  |

\* trừ khi xác định sử dụng đơn vị khác

Đồng thời, nhập khẩu cũng sẽ tăng trưởng để phục vụ công nghiệp và đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của dân số của tỉnh khi thu nhập của họ tăng lên; nhập khẩu sẽ tăng lên để hỗ trợ đầu tư ngày càng nhiều hơn vào địa bàn tỉnh. Các nhà đầu tư mua máy móc và các mặt hàng khác để lắp đặt trong các nhà máy tại Hà Tĩnh. Nhập khẩu sẽ tăng từ 1,4 triệu USD năm 2010 lên 1.803 triệu USD vào năm 2020, tăng 27%/năm trong giai đoạn này.

Nhập khẩu chủ yếu được thúc đẩy nhờ đầu tư trong giai đoạn này. Tổng nhập khẩu cho đầu tư đạt 9.425 triệu USD, gấp gần 3 lần nhập khẩu cho sản xuất (3.509 triệu USD). Tuy nhiên, do tốc độ tăng trưởng đầu tư chậm lại để đạt mức bền vững hơn và kinh nghiệm cũng như chất lượng sản phẩm của Hà Tĩnh cao hơn, các hoạt động vận hành cũng sẽ gia tăng nhu cầu nhập khẩu

Nhập khẩu do nhu cầu hoạt động công nghiệp gồm sợi cho cụm dệt may; sản phẩm hóa chất cho cụm sắt-thép, cụm dệt may và cụm nông nghiệp. Riêng cụm dệt may sẽ tăng nhập khẩu từ chưa đầy 4 triệu USD năm 2010, lên 31 triệu USD năm 2015 và 210 triệu USD năm 2020.

Nhập khẩu hàng hóa phi công nghiệp sẽ bao gồm thuốc và thực phẩm.

### 3 Định hướng bảo vệ môi trường

#### 3.1 Tác động môi trường của những hoạt động phát triển kinh tế - xã hội chính

Trong những thập kỷ tới, Hà Tĩnh sẽ phải đối mặt với các thách thức từ 3 lĩnh vực: phát triển các cụm ngành trọng điểm đã xác định, tăng dân số và đô thị hóa, và thiên tai trong ngắn hạn, biến đổi khí hậu về dài hạn

##### 3.1.1 Phát triển các cụm ngành trọng điểm đã xác định

Rõ ràng là **tăng trưởng kinh tế nhờ phát triển các cụm ngành trọng điểm đã xác định sẽ dẫn tới áp lực về môi trường**, đặc biệt do phát thải khí nhà kính, ô nhiễm (không khí, nước, đất), suy thoái môi trường sống tự nhiên, mất đa dạng sinh học và áp lực với các nguồn tài nguyên hiện có (nước, điện, khoáng sản). Cụ thể có các tác động tiềm tàng sau với từng cụm ngành trọng điểm:

##### Cụm Nông nghiệp và các ngành liên quan:

- Tất cả các hiện tượng như suy thoái đất phát sinh do việc lạm dụng máy móc, thâm canh quá mức.
- Ô nhiễm do các loại thuốc trừ sâu và thuốc diệt cỏ có thể làm ô nhiễm đất, tạo ra các chất tồn dư trong các sản phẩm hoa màu và làm ô nhiễm nguồn nước .
- Biến đổi môi trường sống do hệ quả của tình trạng phá rừng và hoạt động nuôi trồng thủy sản có quy mô lớn, từ đó có thể dẫn đến tình trạng mất đa dạng sinh học.
- Rác thải hữu cơ và dư thừa dưỡng chất trong đất và nước do hoạt động sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản theo mô hình thâm canh.
- Sản sinh chất thải rắn và nước thải từ hoạt động chế biến thực phẩm, gây ô nhiễm đất, nước.
- Thay thế thảm thực vật và tác động vào các khu rừng sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến các hệ sinh thái tự nhiên cũng như đối với quá trình tồn tại của các loại động thực vật bản địa.
- Sản sinh lượng lớn chất thải rắn trong chế biến gỗ và cao su, như vỏ cây, sợi, các chất thải rắn không nguy hại khác.
- Sản sinh lượng lớn nước thải từ việc phủ chất hóa học lên gỗ.
- Nhựa gỗ chứa acid thải ra ảnh hưởng tới hệ sinh thái dưới nước.

##### Cụm ngành Sắt thép:

- Ô nhiễm nước do lượng nước thải trên bề mặt, nước thải phát sinh trong quá trình chế biến và nguồn nước bơm từ các mỏ ra ngoài môi trường.
- Ô nhiễm không khí do bụi phát sinh từ hoạt động nổ mìn, các cơ sở tuyển khoáng, bãi rác và các tuyến đường chuyên chở, cũng như lượng khí phát thải từ các thiết bị khai thác mỏ.
- Ô nhiễm tiếng ồn từ động cơ của các phương tiện vận tải, quy trình bốc xếp hàng và hoạt động khai khoáng.
- Rác thải bao gồm khối lượng đá thải lớn phát sinh trong quá trình khai thác, rác thải từ các nhà xưởng chế biến cũng như dầu thải và các hóa chất độc hại.

- Biến đổi sinh cảnh của các loại thủy sinh và các loài hoang dã trên cạn do những thay đổi về mực nước ngầm, hoạt động bốc xếp hàng trên biển, hoạt động giải phóng mặt bằng.
- Ô nhiễm bụi trong quá trình xử lý, vận chuyển và lưu trữ quặng và nguyên liệu thô, nấu chảy, đúc, cũng như phát thải hóa chất như lưu huỳnh dioxide và nitơ oxide có thể làm ô nhiễm môi trường và góp phần gây nóng lên toàn cầu.
- Sản sinh bùn và xỉ từ các quy trình luyện kim cao nhiệt và xử lý nước thải, đồng thời sản sinh nước thải.

#### **Các cụm Sản xuất sản phẩm từ Thép, Dệt may và sản xuất khác:**

- Các hóa chất gây ô nhiễm trong không khí, như a-xít sunfuric thải ra từ các nhà máy chế tạo hoặc các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi ra từ các loại sơn và mạ.
- Làm tăng lượng chất thải kim loại bao gồm sắt, nhôm và đồng phế thải cũng như các chất thải rắn khác như nhựa và giấy giáp.
- Làm tăng lưu lượng dòng chảy từ các xưởng sơn do sử dụng khối lượng lớn các chất dung môi (như sơn và mạ) trong quy trình chế tạo.
- Gia tăng mức độ ô nhiễm không khí do bụi phát sinh từ hoạt động chế biến sợi tự nhiên, các phế phẩm chứa hóa chất gây ô nhiễm (như các-bon đisunfua và a-xít nitric) trong quá trình sản xuất polime tổng hợp, mùi hôi phát sinh trong quá trình nhuộm.
- Tác động lớn đến quá trình sử dụng nước do các hoạt động của ngành dệt may, từ đó có thể nhanh chóng làm suy thoái tài nguyên nước của tỉnh nếu không có biện pháp quản lý phù hợp.
- Lượng nước thải lớn là nguy cơ môi trường nghiêm trọng nhất từ quy trình dệt may và thường chứa các kim loại kiềm, dầu khoáng và chất rắn lơ lửng trong quá trình sản xuất.
- Lượng rác thải rắn lớn bao gồm vải và sợi, thuốc nhuộm, bột màu, bột in và bùn tạo ra sau khi xử lý rác thải.

#### **Cụm ngành Thương mại, vận tải và hậu cần:**

- Mất đất nông nghiệp và lâm nghiệp có giá trị do xây dựng các tuyến đường bộ và đường sắt mới.
- Ô nhiễm không khí nghiêm trọng hơn do bụi phát sinh từ các dự án xây dựng giao thông cũng như khí CO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, khí thải ô-xít ni-tơ phát sinh do lưu lượng giao thông gia tăng trên toàn tỉnh.
- Rủi ro tràn các loại hóa chất độc hại từ hoạt động vận tải biển mà dự kiến sẽ gia tăng với việc khánh thành cụm cảng lớn tại Hà Tĩnh.

#### **Sản xuất Điện**

- Lượng khí thải tập trung do quá trình đốt cháy nhiên liệu và sinh khối, bao gồm các nguồn phát thải ô-xít lưu huỳnh, ô-xít ni-tơ, ô-xít các-bon và các khí gây hiệu ứng nhà kính khác.
- Phát thải và rò rỉ các loại chất thải độc hại như kim loại nặng (asen và thủy ngân), các hợp chất halôgen và các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi.
- Sản sinh chất thải rắn từ quá trình đốt cháy bao gồm xỉ, bùn và tro.
- Nước thải chưa được xử lý từ các nồi hơi và thiết bị khác; nếu được thải vào môi trường mà không được xử lý, nước thải có thể làm ô nhiễm các nguồn nước.
- Nguy cơ lũ lụt gia tăng do các nhà máy thủy điện không được vận hành đúng cách, từ đó có thể làm biến đổi môi trường sống của các loại thủy sinh vật.



### 3.1.2 Gia tăng dân số và đô thị hóa

Tăng dân số và đô thị hóa sẽ dẫn đến nhu cầu ngày càng tăng về đất (Ví dụ: nhà ở, thương mại và cơ sở hạ tầng giao thông vận tải), tăng tiêu thụ các tài nguyên (nhiên liệu, điện, nước...) và nhu cầu cho các hạ tầng như hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường. Tất cả những điều này có thể gây áp lực lớn với nguồn lực sẵn có và gây ô nhiễm.

### 3.1.3 Thiên tai về ngắn hạn và biến đổi khí hậu về dài hạn

Hà Tĩnh cũng cần giải quyết những thách thức hiện tại do thiên tai về ngắn hạn và biến đổi khí hậu về dài hạn khiến mực nước biển dâng cao, điều kiện khí hậu khắc nghiệt và thiệt hại đối với nông nghiệp, lâm nghiệp, hệ sinh thái thủy sinh và sinh kế.

### 3.1.4 Hoạt động trong tương lai

Tỉnh cần có hành động đối với cả ba lĩnh vực nói trên để giảm thiểu tác động môi trường. Hơn nữa, tỉnh dễ bị tổn thương về môi trường ở các vùng nông thôn thường gắn liền với nghèo đói. Do đó, tỉnh phải có cách tiếp cận tổng hợp, chủ động và lên kế hoạch giải quyết những thách thức môi trường có liên quan.

## 3.2 Định hướng chung và mục tiêu

Tầm nhìn của Hà Tĩnh là hướng tới phát triển bền vững. Cụ thể đối với bền vững môi trường, tầm nhìn của Hà Tĩnh tập trung vào bốn chủ điểm chính.

- Phát triển chủ động, bền vững về môi trường với các cụm ngành trọng điểm đã xác định để tăng trưởng và phát triển tỉnh.
- Phân tích rõ ràng các vấn đề về môi trường trong quy hoạch tổng thể về không gian, phát triển đô thị và nông thôn để đảm bảo về trung và dài hạn, tỉnh phát triển bền vững về môi trường và có khả năng chống chịu.
- Bảo tồn tốt môi trường sống tự nhiên và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, phục hồi chức năng các khu vực bị ô nhiễm và bảo vệ đa dạng sinh học.
- Nâng cao nhận thức và sự tham gia các vấn đề môi trường của người dân trong tỉnh.

Trong bối cảnh này, thời gian mười năm tới đến năm 2020 sẽ rất quan trọng. Phần lớn các khoản đầu tư và các hoạt động nền tảng trong thời gian này sẽ xác lập tương lai của Hà Tĩnh (cả về mặt môi trường). Do đó, Hà Tĩnh cần tập trung lồng ghép tất cả các chủ điểm liên quan đến tầm nhìn nói trên vào kế hoạch phát triển tổng thể của tỉnh đến năm 2020 nhằm đảm bảo tính bền vững trong tương lai.

## 3.3 Kế hoạch và chiến lược tổng hợp về bảo vệ môi trường và giảm nhẹ biến đổi khí hậu

Để giải quyết những rủi ro liên quan tới phát triển cơ sở hạ tầng và hoạt động kinh tế mới ở tỉnh, Hà Tĩnh cần thực hiện một số biện pháp bảo vệ môi trường tổng hợp.

- **Đảm bảo sử dụng công nghệ hiện đại nhất để giảm thiểu tiêu thụ nhiên liệu, sử dụng tài nguyên và giảm ô nhiễm:**

Sử dụng công nghệ chế biến phù hợp trong các cụm ngành trọng điểm để đảm bảo giảm thiểu tác động tiêu cực về môi trường. Một số ví dụ về các sáng kiến:

- Sử dụng các công nghệ xanh hiện đại nhất, như thiết bị tái chế rác thải và thiết bị sản xuất các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, và tìm hiểu các lựa chọn để lưu giữ carbon bằng cách hợp tác với các viện nghiên cứu để giảm lượng phát thải các-bon của tỉnh và các ảnh hưởng bất lợi khác đối với môi trường.
- Hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch bằng cách sử dụng các máy móc chạy bằng điện (ví dụ, lò điện hồ quang trong sản xuất thép) và các nhiên liệu sinh học thay thế nhằm giảm mức độ phát thải khí nhà kính.
- Xây dựng các nhà máy nhiệt điện xa khu dân cư, tái chế nước làm mát và nước thải để giảm khả năng lượng nước thải chưa qua xử lý xâm nhập vào nguồn nước sạch.
- Xây dựng và vận hành các nhà máy thủy điện sao cho các cơ sở hạ tầng quan trọng, như đập, không ảnh hưởng đến các quần xã thực vật thủy sinh đang bị đe dọa và góp phần tăng cường thực hiện các biện pháp phòng ngừa lũ lụt.
- Hạn chế các tập quán kinh tế ảnh hưởng xấu đến môi trường, như sử dụng thuốc nổ trong đánh bắt cá, và phổ biến cho người dân về các cách làm khác, thân thiện với môi trường.
- Xử lý lượng khí thu được từ hệ thống thông gió tại các trung tâm thu hồi để loại bỏ các chất gây ô nhiễm và các chất hóa học.

- **Đảm bảo có cơ chế quản lý chất thải chất lượng cao:**

Đến năm 2020, Hà Tĩnh phải thu gom và xử lý 100% rác thải y tế và công nghiệp, tất cả các khu công nghiệp đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi khởi công xây dựng. Năm 2015, tỉnh cần thu gom và xử lý tối thiểu là 95% lượng chất thải của thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh và ít nhất là 85% lượng chất thải của các khu vực đô thị khác trong tỉnh (đô thị loại 4). Đến năm 2020, thu gom và xử lý 100% rác thải sinh hoạt đô thị, y tế và công nghiệp. Thực hiện các hệ thống nước thải đô thị ở vùng đô thị đạt chuẩn quốc gia. Tăng tỷ lệ hộ nông thôn được dùng nhà vệ sinh hợp vệ sinh lên 75% vào năm 2015 và lên 100% vào năm 2020.

Nếu không được quản lý phù hợp, việc sản sinh chất thải rắn và lỏng có thể gây nguy hại nghiêm trọng đến môi trường, đặc biệt là khi hoạt động sản xuất trong tỉnh phát triển hơn. Hà Tĩnh cần có chiến lược quản lý chất thải được điều chỉnh để giải quyết rác thải từ các ngành, như nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, và khu dân cư. Tỉnh cần tập trung vào các ưu tiên sau:

- Xây dựng quy hoạch tổng thể quản lý rác thải tổng hợp cho toàn tỉnh.
- Tăng công suất của các bãi chôn rác thải phục vụ cho việc quản lý bền vững và có tổ chức đối với vật liệu phế thải thể rắn, không độc hại. Điều phối các đơn vị trên địa bàn trong việc thu thập và xử lý toàn bộ chất thải nhằm giảm thiểu các chất gây ô nhiễm trong môi trường. Xây dựng các hệ thống lưu trữ và vận chuyển tại chỗ đối với các vật liệu phế thải độc hại.

- Nâng cấp các bể chứa và hệ thống thoát nước để xử lý nước thải và chất thải lỏng.
- Chỉ sử dụng thuốc trừ sâu được WHO/FAO công nhận và đào tạo đội ngũ nhân sự về cách thức sử dụng thuốc trừ sâu. Làm sạch và vứt bỏ bao bì thuốc trừ sâu thông qua kỹ thuật tráng ba lần, nghiền và hủy.
- Khuyến khích ứng dụng công nghệ trong ngành công nghiệp để tận dụng chất thải trong sản xuất năng lượng.
- Tham gia thực hiện tái chế chất thải công nghiệp và chất thải sinh hoạt với quy mô lớn, bao gồm tái sử dụng phụ phẩm và phế liệu trong ngành luyện kim.

#### • **Áp dụng các cơ chế quản lý chất thải mới nhất**

Tỉnh cần đảm bảo toàn bộ các hộ gia đình thành thị và 95% hộ nông thôn được tiếp cận nước sạch cho sinh hoạt vào năm 2015 và 100% hộ nông thôn vào năm 2020.

Rủi ro của việc suy giảm và ô nhiễm nguồn nước của Hà Tĩnh bắt nguồn từ các hoạt động kinh tế của tỉnh có thể ảnh hưởng tới cơ hội tăng trưởng của tỉnh trong tương lai. Để đảm bảo nguồn nước phong phú hiện tại, Hà Tĩnh cần thực hiện các sáng kiến sau:

- Tái sử dụng, tái chế, và xử lý nước (tái chế các phế phẩm từ quá trình khai khoáng) để bảo vệ nguồn nước ngầm, nước bề mặt, diện tích ven biển, và diện tích mặt biển.
- Thường xuyên theo dõi và đánh giá các chất gây ô nhiễm trong nguồn cung cấp nước để đảm bảo nồng độ của chúng không vượt quá giới hạn cho phép.
- Xây dựng các hệ thống quản lý nước mưa để ngăn chặn tình trạng xói mòn ở các kênh, mương thoát nước mưa bão và các dòng chảy.
- Sử dụng các chất xử lý có thể tan trong nước và các chất phân hủy sinh học trong hoạt động sản xuất (chẳng hạn, dầu bôi trơn có thể tan trong nước trong ngành dệt, hoặc sơn có thể tan trong nước trong ngành sản xuất ô tô) và tái chế nước ô nhiễm bằng cách xử lý thông qua phương pháp siêu lọc và trao đổi ion, điện thẩm tách hoặc thẩm thấu ngược
- Áp dụng công nghệ chuyên biệt để tiết kiệm nước (chẳng hạn, máy rửa dệt may).
- Áp dụng các phương pháp tưới tiêu tiết kiệm nước.
- Tiếp tục nghiên cứu các biện pháp để tăng nguồn nước, như thu gom nước mưa.

#### • **Bảo vệ và tái tạo môi trường ven biển và diện tích rừng**

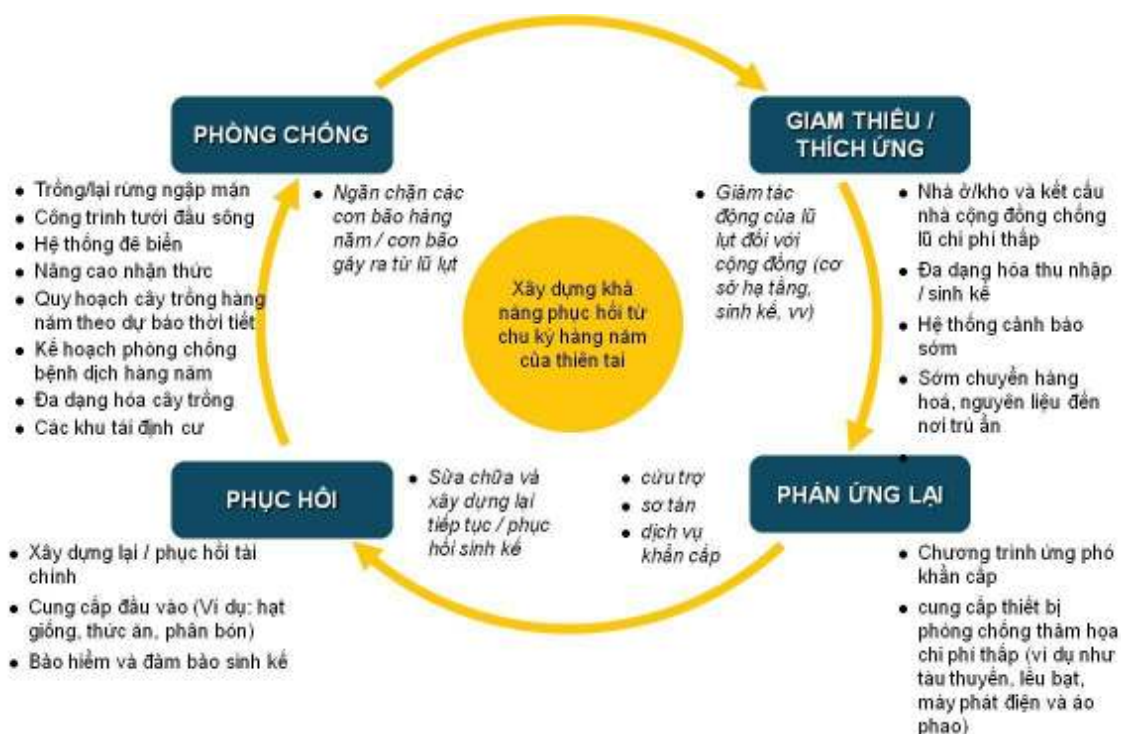
Vì Hà Tĩnh bắt đầu triển khai phát triển ngành công nghiệp, nên tỉnh có nguy cơ phải chịu rủi ro bị mất các ưu đãi về tài nguyên thiên nhiên mà tỉnh có được, đặc biệt là các vùng đất ven biển và các khu vực có rừng. Chính vì thế, Hà Tĩnh cần quản lý được quá trình công nghiệp hóa để có thể bảo tồn các tài sản tự nhiên của tỉnh và tham gia vào hoạt động phục hồi tự nhiên. Tỉnh cần tiếp tục bảo vệ các khu rừng trên địa bàn kết hợp với thực hiện quản lý rừng bền vững đối với rừng sản xuất nhằm ngăn chặn tình trạng khai thác quá mức. Các biện pháp cụ thể dưới đây sẽ giúp tỉnh có thể đạt được các mục tiêu này:

- Xây dựng vùng đệm xung quanh các khu bảo tồn để quản lý hiệu quả hơn các hoạt động phát triển rừng
- Đảm bảo tất cả các sinh cảnh, khu bảo tồn trọng yếu hoặc các loài đang bị đe dọa không bị tác động bởi quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng; đồng thời thường xuyên đánh giá đa dạng sinh học. Nếu bất cứ diện tích rừng nào bị mất do quá trình xây dựng, đảm bảo phải trồng mới ở một địa điểm thay thế phù hợp
- Đấu tranh chống nạn phá rừng bằng các hoạt động tái sinh rừng bền vững, lựa chọn 1 cách có chiến lược các khu rừng cho năng suất cao để trồng mới nhằm duy trì độ che phủ của tỉnh; nâng cao chất lượng của các khu rừng hiện có; và tham gia trồng mới để khôi phục cân bằng sinh thái và ngăn chặn biến đổi khí hậu
- Lập kế hoạch đối với các hoạt động lâm nghiệp nhằm đảm bảo các hoạt động này không được thực hiện vào các mùa sinh sản của các loài động vật đang bị đe dọa.
- Sử dụng các phương pháp khai thác và vận chuyển tác động thấp
- Tiếp tục phục hồi các cảnh quan môi trường bị ảnh hưởng bởi hoạt động khai khoáng
- Bảo vệ khu vực duyên hải và các bờ biển của tỉnh vì lợi ích của nhân dân địa phương, chẳng hạn thông qua hoạt động bảo vệ tài nguyên biển và hoạt động dọn vệ sinh bãi biển thường xuyên và tập quán đánh bắt bền vững
- **Áp dụng cách tiếp cận song song để quản lý thiên tai và biến đổi khí hậu:**

Hà Tĩnh cần áp dụng cách tiếp cận song song để quản lý thiên tai và biến đổi khí hậu. Về ngắn hạn, tỉnh cần xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội phù hợp để thích ứng với thiên tai và biến đổi khí hậu. Cùng với đó, về dài hạn, tỉnh cần phát triển các cơ sở hạ tầng tăng cường khả năng chống chịu, giúp giảm thiểu tác động tiêu cực từ các sự kiện môi trường bất lợi.

Về quản lý thiên tai, ví dụ như bão lũ là các hiện tượng ngắn hạn đến trung hạn, Hà Tĩnh cần có cách tiếp cận tổng hợp, gồm cả phòng ngừa, giảm nhẹ/thích ứng, ứng phó và phục hồi (hình 196). Như trong hình dưới, đây là 1 số cơ chế tỉnh cần có và thực hiện ở mỗi giai đoạn của chu kỳ, từ tái trồng rừng ngập mặn, xây đê điều, tái định cư – các biện pháp dựa trên phòng ngừa; đến xây dựng lại và tái cấp vốn, bảo hiểm sinh kế và trợ cấp nguyên vật liệu sản xuất ở giai đoạn phục hồi sau thảm họa. Tỉnh cần (a) áp dụng cách tiếp cận tổng hợp này và (b) xây dựng kế hoạch chi tiết 3-5 năm với tất cả các giai đoạn nói trên.

**Hình 199: Cách tiếp cận tổng hợp về khả năng chống chịu từ chu kỳ thiên tai hàng năm**



Nguồn: Phân tích của Monitor

Tỉnh cũng cần thực hiện **cơ chế thích ứng và giảm nhẹ đối với biến đổi khí hậu dài hạn**, liên quan đến nông nghiệp và các ngành khác, bao gồm:

o Cơ chế Thích ứng:

- Khoanh vùng đất để giảm thiểu các khu định cư ở vùng ven biển dễ bị tổn thương khi mực nước biển dâng, trong này có cả việc đưa ra cơ chế tái định cư thích hợp.
- Nâng cấp đê sông và biển, dần mở rộng và xây dựng đê biển ở các vùng ven biển.
- Xây dựng các đập và hồ chứa để trữ nước, kiểm soát lũ và điều tiết cung cấp, sử dụng nước trong thời kỳ hạn hán.
- Nâng cấp và mở rộng hệ thống thủy lợi và thoát nước.
- Nâng cao nhận thức và giáo dục, gồm cả việc thúc đẩy tiết kiệm năng lượng và nước.
- Lồng ghép các nhu cầu phát sinh từ tác động của biến đổi khí hậu vào chương trình đa dạng hóa cây trồng và phương thức canh tác, trong đó có tìm giống chịu hạn và kháng bệnh, tìm loại cây trồng có chịu được lũ lụt, vv.
- Đảm bảo tiếp cận tín dụng, bảo hiểm và dịch vụ tài chính mục tiêu cho người nghèo để nâng cao khả năng của họ trong đầu tư vào công nghệ sản xuất nông nghiệp phù hợp và năng lực đối phó với tác động từ thiên tai.

○ **Cơ chế giảm nhẹ:**

- Quy hoạch và trồng rừng phòng hộ, rừng ngập mặn ở các huyện ven biển dễ bị tổn thương.
- Tập trung bảo vệ rừng và trồng rừng trên đất bị thoái hóa, gồm một chương trình cụ thể để tham gia và sử dụng những lợi ích của REDD và các khoản tín dụng carbon.
- Tăng cường nói chung việc trồng cây trên khắp các khu vực đô thị và những nơi công cộng - Thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh và các khu vực khác.
- Khuyến khích và tạo động lực sử dụng các công nghệ ít carbon trong các cụm ngành trọng điểm đã xác định cho sự tăng trưởng của Hà Tĩnh.

● **Nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia của người dân toàn tỉnh vào các vấn đề môi trường:**

Theo dự kiến, dân số và lực lượng lao động của Hà Tĩnh sẽ tăng do cơ hội làm ăn kinh tế ở tỉnh ngày càng rộng mở. Chính vì vậy, tỉnh cần đảm bảo người dân và lực lượng lao động trong tỉnh được đào tạo và phổ biến các cách thức có lợi cho môi trường nhằm hỗ trợ hình thành một nền kinh tế xanh. Hà Tĩnh cần phải cân nhắc các chiến lược sau:

- Nâng cao nhận thức của nhân dân về cách làm và hành vi có lợi cho môi trường thông qua các chiến dịch vận động và sự tham gia của các NGO, đặc biệt liên quan đến vệ sinh, quản lý và xử lý chất thải.
  - Phối hợp với các tổ chức cơ sở và cơ quan thông tin đại chúng để thực hiện các chiến dịch quy mô lớn nhằm giáo dục ý thức cho người dân về tầm quan trọng của việc giảm thiểu chất thải và cải thiện điều kiện vệ sinh ở các khu vực nông thôn và những nguy hiểm của ô nhiễm môi trường. Ví dụ, khuyến khích người dân áp dụng các phương pháp và kỹ thuật giảm chất thải và tái chế các chất thải sau vụ thu hoạch thông qua việc cày xới đất và ủ phân.
  - Giáo dục cho người dân về mức độ quan trọng và độ an toàn của nước sạch: tổ chức các chiến dịch nước sạch nông thôn để cho người dân thấy giá trị của nguồn cung cấp nước sạch, qua đó sẽ khuyến khích thêm nhiều người sẵn sàng chi trả để được cấp nước tốt hơn trong khi vẫn duy trì được giá nước hợp lý.
- Khuyến khích các doanh nghiệp tiết kiệm nước và điện đồng thời thực hiện tái chế rác thải.
  - Xây dựng kế hoạch quản lý cung cấp nước bền vững cho mỗi cụm ngành, trong đó phác họa những nét chính cách thức hiệu quả nhất để tái sử dụng, tái chế và xử lý nước đã qua sử dụng. VD: các nhà máy dệt may là nơi có nhu cầu nước lớn có thể lắp đặt các máy giặt chuyên dụng giúp giảm thiểu lượng nước tiêu thụ và dung các thiết bị không chế dòng chảy để tránh lãng phí nước.
  - Triển khai các hoạt động thúc đẩy tiết kiệm nước, trong đó có sử dụng thiết bị không chế dòng chảy và vòi nước tự ngắt. Những thiết bị kể trên nên được đưa vào sản xuất ở cụm ngành sản phẩm từ thép của tỉnh.

- Phối hợp chặt chẽ với các công ty để hỗ trợ họ tái sử dụng nước – cả thu gom và lưu trữ nước mưa, cũng như xử lý nước thải của họ để tái sử dụng trong chính quy trình sản xuất của họ nếu có thể.
- Đẩy mạnh sử dụng đồng hồ nước để giúp tỉnh giám sát hiệu quả tình hình sử dụng nước của các doanh nghiệp khác nhau, nhằm kiểm soát việc sử dụng nước với khối lượng lớn và dự báo nhu cầu tương lai chính xác hơn.
- Hỗ trợ các dự án đầu tư tư nhân vào công nghệ tái chế, ví dụ như giúp xây dựng các nhà máy tái chế nằm gần nhà máy xử lý nước bằng cách giao đất cho mục đích sử dụng này và có ưu đãi thuế.
- Khuyến khích các doanh nghiệp lập kế hoạch tái chế và tái sử dụng càng nhiều chất thải càng tốt bằng việc áp dụng các chính sách ưu đãi về thuế. Ví dụ, các công ty thép và khai khoáng cần tái chế phụ phẩm như xỉ để sử dụng cho công đoạn luyện kim sau này. Các doanh nghiệp may mặc cần tái sử dụng chất thải rắn và chất thải lỏng và sử dụng các loại dầu nhớt có thể hòa tan trong nước và có thể tự phân hủy.

- **Đảm bảo nguồn vốn thay thế:**

Hà Tĩnh cần chủ động tìm thêm nguồn vốn cho các sáng kiến môi trường. Nguồn vốn có thể gồm việc bán chứng chỉ carbon qua các cơ chế như CDM và REDD, giúp tài trợ cho các sáng kiến này, đồng thời bảo đảm sự bền vững của các sáng kiến.

Để làm được điều này, tỉnh cần (a) xác định các sáng kiến và những dự án cụ thể đủ điều kiện tham gia các sáng kiến này, (b) hợp tác với các chuyên gia để xây dựng đề án, xin tài trợ cho các sáng kiến này qua những cơ chế hiện có, (c) đảm bảo theo dõi và giám sát phù hợp các dự án và sáng kiến này nhằm đảm bảo thực hiện đúng thời gian và (d) dần xây dựng năng lực nội bộ trong chính quyền tỉnh để có thể quản lý danh mục hoạt động và chuẩn bị các sáng kiến này.

- **Củng cố khung pháp lý:**

Cơ sở hạ tầng điều tiết môi trường có vai trò quan trọng trong việc giám sát và quản lý tác động của các hoạt động kinh tế quy mô lớn như khai khoáng, sản xuất thép, và chế tạo. Hà Tĩnh cần nâng cao năng lực điều tiết của tỉnh, bao gồm các khung theo dõi và đánh giá, cũng như việc thực hiện các đánh giá tác động môi trường. Tỉnh cần tập trung vào các hoạt động ưu tiên sau đây:

- Theo dõi quá trình phát triển của các khu công nghiệp và cơ sở hạ tầng thông qua các đánh giá tác động môi trường để đảm bảo quá trình phát triển này phải tuân thủ với các chính sách và chủ trương mới của nhà nước.
- Tăng cường sự điều phối giữa các phòng, ban liên quan để chuẩn bị kế hoạch quản lý môi trường và tăng cường hoạt động kiểm tra đối với các diễn biến mới thông qua các cơ chế thông tin thường xuyên và thực thi các tiêu chuẩn môi trường.
- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ để phổ biến thông tin về môi trường và giáo dục nhân dân về các tập quán bền vững.

- Nâng cao khả năng dự báo để dự báo các biến đổi khí hậu và thiên tai; xây dựng các chiến lược ứng phó khẩn cấp phù hợp để hành động kịp thời.

## 4 Định hướng phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật

### 4.1 Giao thông Vận tải

Như đã nói trong phần về cụm ngành thương mại, vận tải và hậu cần, việc nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông sẽ là yếu tố quan trọng cho sự phát triển và tăng trưởng của tỉnh. Công tác này gồm đầu tư vào đường bộ (đường cao tốc Bắc-Nam, đường Đông-Tây và các tuyến tỉnh lộ), đường sắt (nâng cấp đường sắt Bắc - Nam, đường sắt chuyên dụng), cảng và đường thủy (cảng Vũng Áng - Sơn Dương, các cảng cá khác).

Hình 200 dưới đây tóm tắt các dự án giao thông quan trọng sẽ được thực hiện vào năm 2020, đầu tư dự kiến cần thiết và thời hạn để thực hiện.

**Hình 200: Yêu cầu đầu tư cho hạ tầng giao thông**

| Hạng mục Đầu tư             | Vốn đầu tư (Tr đ)  | Nguồn                      | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
|-----------------------------|--------------------|----------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Đường bộ                    |                    |                            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nâng cấp QL1                | 5.220.000          | Ngân sách trung ương       |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nâng cấp QL 8               | 4.000.000          | Ngân sách Trung ương       |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nâng cấp Tỉnh lộ            | 19.000.000         | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Xây dựng Đường Ven biển     | 6.970.000          | Ngân sách Trung ương       |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Xây dựng Quốc lộ Đông - Tây | 980.000            | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Xây dựng đường Cao tốc      | 15.000.000         | Ngân sách Trung ương       |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Đường sắt và Cảng           |                    |                            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nâng cấp Đường sắt hiện tại | 690.000            | Ngân sách Trung ương       |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Mở rộng cảng cá             | 95.000             | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Xây dựng cảng Sơn Dương     | 60.000.000         | Ngoài ngân sách            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>Tổng</b>                 | <b>134.275.000</b> |                            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |

Để thực hiện lộ trình phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải này, tỉnh cần đầu tư ước khoảng 134 nghìn tỷ đồng. 55% trong số này dự kiến dùng ngân sách trung ương, phần còn lại đến từ doanh nghiệp.



## 4.2 Thủy lợi

Như đã nói trong phần cụm ngành nông nghiệp, cơ sở hạ tầng thủy lợi sẽ đóng vai trò rất quan trọng để đảm bảo cải thiện năng suất và giá trị từ sản xuất nông nghiệp, cũng như giúp đáp ứng một số yêu cầu cung cấp nước cho công nghiệp và sinh hoạt. Hà Tĩnh đặt mục tiêu tăng diện tích đất canh tác được tưới tiêu ít nhất 45% vào năm 2015 và ít nhất 55% vào năm 2020. Công tác này gồm (a) cung cấp nước ngày đầy đủ hơn nhờ nâng cấp các công trình thủy lợi hiện có và xây dựng hồ chứa mới, (b) nâng cao năng lực của trạm bơm để đảm bảo tưới cho tỷ lệ diện tích nông nghiệp lớn hơn, (c) đầu tư kiên cố hóa kênh mương và (d) xây dựng và nâng cấp hệ thống đập và đê điều để bảo vệ môi trường tốt hơn. Hình 201 là tổng quan về các dự án thủy lợi lớn được quy hoạch và đề xuất đến năm 2020, yêu cầu đầu tư và thời hạn thực hiện.

**Hình 201: Yêu cầu đầu tư cho hạ tầng thủy lợi**

| Hạng mục Đầu tư                           | Vốn Đầu tư (Tr đ) | Nguồn                      | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
|---|-------------------|----------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Hệ thống thủy lợi Ngân Trươi – Cẩm Trang  | 9.140.000         | Ngân sách Trung ương       |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nâng cấp hệ thống thủy lợi theo quy hoạch | 286.500           | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Kiên cố hóa kênh mương                    | 4.490.000         | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Đầu tư vào đê sông La và sông Lam         | 1.090.000         | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Xây dựng/nâng cấp đê khác                 | 5.260.000         | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nâng cấp trạm bơm và kênh mương           | 535.000           | Ngân sách Địa phương       |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Hồ Rào Trỏ                                | 3.000.000         | Ngoài ngân sách            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>Tổng</b>                               | <b>18.896.500</b> |                            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |

Tổng chi phí đầu tư theo kế hoạch và được đề xuất cho thủy lợi trên địa bàn tỉnh từ năm 2011 và 2020 sẽ là 18,9 nghìn tỷ đồng. Một phần chi phí này khoảng 9,5 nghìn tỷ đồng do Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh đầu tư, trong đó 5,3 nghìn tỷ đầu tư từ nguồn TPCP cho dự án hệ thống thủy lợi Ngân Trươi – Cẩm Trang; Khu vực nhân sẽ đóng góp dự kiến 1,9 nghìn tỷ đồng xây dựng hồ Rào Trỏ và hệ thống kênh mương dẫn nước đến Vũng Áng; số còn lại huy động từ các nguồn tài trợ và nhân dân đóng góp. Các dự án đầu tư này gồm xây dựng tuyến đê mới dọc theo sông La và sông Lam, trồng rừng dọc theo bờ sông và bờ biển để giảm thiểu xói mòn

## 4.3 Cấp nước

Hà Tĩnh cần phấn đấu cung cấp đủ nước sạch cho cả người dân thành thị và người dân nông thôn và phải đảm bảo người dân được tiếp cận nước sạch ở nhà cũng như ở trường học và bệnh viện. Một số các ngành công

nghiệp ưu tiên của Hà Tĩnh như dệt may sẽ cần một lượng nước lớn cho hoạt động sản xuất của ngành. Với số dân đang tăng lên và đạt 1,6 triệu người vào năm 2020 và tốc độ tăng các hoạt động công nghiệp theo dự báo, đặc biệt là trong các ngành khai thác mỏ, luyện kim và chế tạo thì mức độ tiêu thụ nước trong tỉnh sẽ tăng lên. Theo dự báo thì tính đến thời điểm năm 2020 nhu cầu nước sinh hoạt sẽ tăng lên 58 triệu m<sup>3</sup> một năm trong khi đó nhu cầu nước cho công nghiệp là 760 triệu m<sup>3</sup> một năm, trong đó nhu cầu nước cho khu kinh tế Vũng Áng chiếm một lượng lớn.

#### 4.3.1 Cấp nước sinh hoạt

Mặc dù Hà Tĩnh đã có những bước tiến đáng kể trong cấp nước cho khu vực đô thị, những vẫn còn phải đối mặt với nhiều thách thức. Trong khi 70% dân số đô thị cả nước được cung cấp 100 lít nước sạch/người/ngày, thì 15% số dân đô thị vẫn chỉ được cấp chưa đến 50 lít nước sạch/người/ngày. Ở những khu vực nông thôn, có 70% dân số được tiếp cận nước sạch nhưng chỉ có 44% dân số được tiếp cận nước sạch thực sự theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế. Tỉnh đặt mục tiêu là đảm bảo tất cả số hộ dân thành thị và 90% số hộ nông thôn được dùng nước sạch sinh hoạt vào năm 2015, trong đó 60% đạt tiêu chuẩn quốc gia là ít nhất 60l/ngày, và 100% số hộ nông thôn được sử dụng nước sạch đến năm 2020. Tỉnh phải tăng công suất các hệ thống cấp nước của mình lên tối thiểu là 100% để đáp ứng nhu cầu ở đô thị và một bộ phận dân số nông thôn đến năm 2020 và cung cấp cho họ 100 lít nước đủ tiêu chuẩn sạch cho mỗi người/ngày. Để thực hiện được mục tiêu này, Hà Tĩnh cần tập trung vào mấy ưu tiên sau đây:

- Cải thiện cấp nước và chất lượng nước ở khu vực thành thị:* Hà Tĩnh phải nâng cấp 12 nhà máy nước hiện tại của mình để tăng công suất sử dụng và đảm bảo toàn bộ các đô thị loại III, IV và V đều có nhà máy nước. Nguồn nước chủ yếu lấy ở sông, hồ quanh khu vực thành thị, các nhà máy xử lý nước đô thị chịu trách nhiệm duy trì và xử lý cấp nước đô thị, công tác xử lý có thể là lọc bằng clo hoặc i-ốt, lọc lắng và xử lý UV. Vì thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh và huyện Kỳ Anh sẽ tăng dân số thành thị trong những năm tiếp theo, tỉnh cần tập trung nâng cấp các nhà máy xử lý nước tại những đô thị này. Cụ thể, thành phố Hà Tĩnh cần thực hiện kế hoạch nâng cấp nhà máy xử lý nước từ công suất 24.000m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 50.000m<sup>3</sup>/ngày đêm vào năm 2020 có thể tiếp tục lấy nguồn nước từ hồ chứa nước Bộc Nguyên. Tại huyện Kỳ Anh, tỉnh phải ưu tiên nâng cấp nhà máy xử lý nước Kỳ Anh và tăng công suất thiết kế từ 1800m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 12.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến năm 2020 và vì thế cũng có thể cấp nước được cho khu kinh tế Vũng Áng. Hà Tĩnh cũng nên tiếp tục phát triển các dự án xử lý nước mới để mở rộng khả năng cấp nước đô thị trên toàn tỉnh. Huyện Đức Thọ đang thực hiện một dự án mở rộng để tăng công suất nhà máy lên 5000m<sup>3</sup>/ngày đêm đảm bảo có thể đáp ứng 100% nhu cầu nước trong thị trấn. Cẩm Xuyên sẽ nâng cấp nhà máy xử lý nước của mình lên 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm nhờ quỹ đầu tư của Tổ chức Phát triển Hungary. Lộc Hà nên thực hiện theo các kế hoạch xây dựng nhà máy xử lý nước 6500m<sup>3</sup>/ngày đêm phục vụ nhu cầu nước của thị trấn mới thành lập. Các thị xã thị trấn hiện đang có phạm vi cấp nước thấp nhất là Vũ Quang, Hương Sơn và Can Lộc cũng phải ưu tiên nâng cấp các nhà máy nước của mình để đảm bảo đến năm 2020 công suất các nhà máy này tối thiểu phải là 5000m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Tăng cường tiếp cận nước sạch cho các cộng đồng khu vực nông thôn:* Hà Tĩnh phải giải quyết các nhu cầu của những khu vực bức xúc, nhất là ở Đức Thọ, Can Lộc, Lộc Hà và Nghi Xuân. Mạch nước ngầm ở những huyện đồng bằng ven biển hoặc gần bờ biển như Lộc Hà có hàm lượng muối và các khoáng chất kim loại cao. Tương tự như vậy, những khu vực miền núi như huyện Hương Sơn bị thiếu nước do mạch nước ngầm

nằm sâu gây khó khăn cho việc khoan giếng. Để đối phó với các vấn đề này, Hà Tĩnh phải xây dựng thêm trạm cấp nước nhỏ để cấp nước sạch cho khu vực nông thôn nhất là ở đồng bằng và ven biển. Tỉnh cũng phải tìm cách dẫn nước từ hồ chứa nước Ngàn Trươi về cho tối thiểu là các huyện xung quanh Hương Sơn.

Việc xây dựng thêm các công trình cấp nước ở khu vực miền núi là hết sức khó khăn và tốn kém do độ dốc cao. Hà Tĩnh vì thế phải tập trung cấp nước sạch thông qua các hình thức đơn giản như giếng khoan và dùng thiết bị lọc nước đơn giản và phải có dụng cụ chứa nước suối. Tỉnh phải đẩy mạnh công tác điều tra thăm dò ở các huyện phía tây để tìm kiếm nguồn nước ở khu vực miền núi - nơi có thể tiến hành khoan giếng và đào giếng mới. Cuối cùng là tỉnh phải tìm kiếm các công nghệ phù hợp như các thiết bị lọc hút trọng lực và các bể chứa nước an toàn để có thể giúp các hộ lấy và giữ được nước. Tỉnh cần khuyến khích cộng đồng áp dụng các phương pháp lấy nước mưa đựng vào các bể chứa nước an toàn dùng để tắm giặt. Việc lấy nước mưa cũng giúp tích nước ngầm khi nước chảy ra từ các bể chứa nước mưa quá đầy ngấm vào đất sẽ làm nước ngầm được dồi dào hơn. Theo chương trình xây dựng nông thôn mới, tỉnh Hà Tĩnh sẽ có khả năng cung cấp 100 lít nước sạch cho mỗi người/ngày vào năm 2020. Các khoản vốn từ ngân sách trung ương và địa phương, cùng với vốn đầu tư của các tổ chức tài trợ đóng vai trò hết sức quan trọng để thực hiện sáng kiến này.

- *Cải thiện cấp nước cho các cơ sở giáo dục và y tế*, vào năm 2010, chỉ có 63,24% số trường học được tiếp cận nước sạch và vệ sinh. Tỉnh phải đảm bảo 100% số trường học và cơ sở y tế trong cả tỉnh được tiếp cận nước sạch vào năm 2015.
- *Nâng cấp và tăng cường năng lực giám sát đường ống và dòng nước*: Ngoài việc tăng khả năng cấp nước, tỉnh còn phải tăng chất lượng hệ thống đường ống dẫn nước cấp nước cho khu vực thành thị để giảm thiểu thất thoát nước trong quá trình phân phối nước cũng như đảm bảo hệ thống đường ống nước được mở rộng phù hợp với tốc độ tăng dân số đô thị. Toàn bộ các nhà máy phải đảm bảo lưu lượng nước chảy liên tục trong đường ống dẫn nước để ngăn ngừa các hóa chất độc hại ngấm vào nguồn nước về lâu dài sẽ có nguy cơ ảnh hưởng đến cấp nước công cộng. Để đảm bảo hiệu quả sử dụng và bảo tồn nước tốt hơn, tỉnh phải có biện pháp giảm thiểu rò rỉ thất thoát nước trong hệ thống cấp nước. Tỉnh cũng cần xem xét công tác giám sát và nâng cấp các đường ống nước. Điều này giúp tỉnh đối phó ngay được với bất kỳ hiện tượng rò rỉ nước nào.
- *Cải thiện hiệu quả sử dụng nước thông qua chương trình giáo dục cộng đồng và áp dụng công nghệ*: Tỉnh cần đẩy mạnh công tác bảo vệ nước trong cả tỉnh thông qua tuyên truyền cho người dân và các doanh nghiệp về mức độ quan trọng của việc tiêu thụ nước. Ngoài ra, Hà Tĩnh cũng có thể đưa ra sáng kiến phát triển công nghệ tiết kiệm nước bao gồm việc sử dụng các máy điều chỉnh dòng chảy liên tục và các loại vòi nước tự đóng đầy là những loại công cụ có thể tiết kiệm nước trong tỉnh. Tỉnh cũng phải nghiên cứu khả năng chế tạo các loại thiết bị nói trên ở các cụm công nghiệp sản xuất trên địa bàn.

Tổng chi phí của các khoản đầu tư theo kế hoạch và đề xuất nói trên về cấp nước cho dân cư đô thị và nông thôn từ năm 2011 và năm 2020 sẽ là 1,3 nghìn tỷ đồng. Hầu hết các khoản đầu tư này lấy nguồn từ ngân sách tỉnh, tuy nhiên tỉnh cũng cần tìm nguồn tài trợ từ chính phủ trung ương và các tổ chức tài trợ như đã từng làm với các công trình trọng điểm ví dụ như ở thành phố Hà Tĩnh. Đóng góp của người dân địa phương cũng là cần thiết để trang trải chi phí hoạt động của nhà máy nước.

### 4.3.2 Cấp nước công nghiệp

Tỉnh sẽ phải đối mặt với nhu cầu tiêu thụ nước lớn hơn cho công nghiệp khi tỉnh hướng tới phát triển kinh tế mạnh hơn nữa trong những năm tiếp theo. Ngành công nghiệp Hà Tĩnh tiêu thụ khoảng 108 triệu m<sup>3</sup> nước trong năm 2010. Theo ước tính nhu cầu nước của tỉnh sẽ tăng gấp 7 lần vào năm 2020, đạt 760 triệu m<sup>3</sup> trong đó phần lớn (350-400 triệu m<sup>3</sup>) là cho các hoạt động sản xuất công nghiệp ở Kỳ Anh, đặc biệt là nhà máy thép và nhà máy điện. Để giải quyết vấn đề nhu cầu nước tăng nhanh, tỉnh phải có kế hoạch tăng công suất cấp nước của các nhà máy và mặt khác phải tăng cường công tác tiết kiệm và tái sử dụng nước.

- Ưu tiên các dự án cấp nước ở những khu vực kinh tế trọng điểm:* Tăng cường các hệ thống cấp nước là hoạt động cần thiết ở các khu công nghiệp trọng điểm. Trong thời gian trung hạn, Hà Tĩnh phải có đủ nguồn nước để cấp cho khu kinh tế Vũng Áng, mỏ Thạch Khê và khu kinh tế Cầu Treo. Mặc dù nhà máy nước Vũng Áng ở Kỳ Anh có công suất thiết kế là 9000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, nhưng hiện tại chỉ sử dụng được 56% công suất. Nhà máy phải đồng thời vừa tăng công suất thiết kế vừa phải tăng mức độ sử dụng để đáp ứng những dự án công nghiệp sẽ thực hiện sao cho sử dụng được 100% công suất kỳ vọng vào năm 2015 là 45.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm và 100.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm vào năm 2020. Theo chiến lược về thủy lợi tưới tiêu, Hà Tĩnh phải đảm bảo được việc xây dựng hồ chứa nước Rào Trỏ như đã quy hoạch tại Kỳ Anh. Hồ này sẽ cung cấp được một lượng lớn nhu cầu nước của khu kinh tế (tổng lượng lên tới 345 triệu m<sup>3</sup>/năm). Tương tự như vậy, những nhà máy ở Phố Châu và Tây Sơn đều cần được nâng cấp công suất lên 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm để đáp ứng nhu cầu của các ngành chế biến đặt tại Hương Sơn. Sắp tới, với những hoạt động khai thác ở mỏ sắt Thạch Khê, tỉnh phải xây nhà máy xử lý nước theo kế hoạch tại huyện Thạch Hà với công suất 6000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Đến năm 2020, tỉnh phải có đủ nước để đáp ứng nhu cầu của các khu công nghiệp trong tỉnh bao gồm Hồng Lĩnh, Hương Khê, Yên Trung và Nghi Xuân, dựa vào các khoản đầu tư xử lý nước đô thị đã được thực hiện trên đây và lấy trực tiếp từ hệ thống sông ngòi của tỉnh.
- Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia vào tiết kiệm và tái sử dụng nước:* Hà Tĩnh phải khuyến khích các công ty đầu tư vào các công nghệ tiết kiệm nước để tiết kiệm chi phí và giúp tiết kiệm nguồn nước trong khu vực. Tỉnh có thể xây dựng một kế hoạch quản lý cấp nước bền vững cho từng cụm công nghiệp trong đó sử dụng cách thức hữu hiệu nhất để tái sử dụng, tái chế và xử lý nước. Ví dụ, các nhà máy dệt may, là các nhà máy sử dụng khối lượng nước lớn, có thể lắp đặt các máy giặt chuyên dụng để giảm thiểu việc sử dụng nước và sử dụng các thiết bị điều chỉnh dòng chảy để tránh xả nước khi không cần thiết. Hơn nữa, việc lắp đặt các công nghệ tiết kiệm nước như các vòi nước chảy ít nước và lắp đặt nhà vệ sinh tiết kiệm nước là những bước đơn giản mà tất cả các doanh nghiệp có thể thực hiện giúp tiết kiệm chi phí vận hành và tiết kiệm được nguồn nước cho môi trường xung quanh. Cuối cùng là việc sử dụng đồng hồ đo nước sẽ cho phép tỉnh giám sát hiệu quả được mức độ sử dụng nước từ các doanh nghiệp để có thể kiểm soát tình trạng sử dụng nước quá mức cũng như dự báo nhu cầu nước trong tương lai một cách chính xác hơn.

Trong khi đó, tỉnh cần hợp tác với các công ty để hỗ trợ họ tái sử dụng nước – cả qua thu gom và cất trữ nước mưa, cũng như xử lý nước thải của họ để tái sử dụng trong chính quy trình sản xuất của họ, nếu như có thể.

Tổng kinh phí của kế hoạch nâng cấp các nhà máy nước phục vụ công nghiệp ở Vũng Áng, Thạch Hãn và Hương Sơn là khoảng 800 tỷ đồng, vốn do khu vực doanh nghiệp cấp.

## 4.4 Xử lý chất thải rắn và nước thải sinh hoạt

Việc gia tăng các chất thải rắn và lỏng là một thách thức đối với tất cả các nền kinh tế đang phát triển như Hà Tĩnh. Mức độ hoạt động công nghiệp ngày càng cao hơn cùng với đó là tốc độ đô thị hóa và sự gia tăng dân số nhanh dẫn tới lượng chất thải rắn và lỏng càng lớn hơn mà nếu không được xử lý sẽ gây ra những tác động tiêu cực đối với môi trường. Theo kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của Hà Tĩnh, dự kiến lượng chất thải sinh hoạt sẽ tăng lên trên 310.000 tấn và chất thải công nghiệp tăng ít nhất là 10 lần so với mức hiện tại. Việc xây dựng cảng Vũng Áng, sản xuất thép và khai thác quặng sắt là những nguồn chính tạo chất thải rắn trong khi đó các ngành công nghiệp như dệt may là ngành sẽ tạo ra khối lượng nước thải lớn.

Vì thế tỉnh Hà Tĩnh phải giám sát chặt chẽ tình hình chất thải trong tỉnh, xây dựng các khu vực chứa và xử lý và phải có quy trình xử lý để tránh tồn đọng quá nhiều rác thải nhằm bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng. Đối với chất thải công nghiệp thì tỉnh cần yêu cầu tất cả các nhà máy phải có cơ sở xử lý và đảm bảo những khu công nghiệp chính phải có nhà máy xử lý chung. Các loại rác thải y tế hiện tại ở trong tỉnh chưa được xử lý hợp lý và vì vậy tỉnh cần yêu cầu mỗi bệnh viện tối thiểu phải có cơ sở xử lý rác thải cơ bản.

### 4.4.1 Chất thải và nước thải sinh hoạt

Đến năm 2020, lượng chất thải sinh hoạt rắn ước tính sẽ tăng 20-30% lên 310.000 tấn do dự báo số dân sẽ tăng lên 1,6 triệu người. Việc xây dựng cơ sở thu gom, chứa và xử lý phù hợp cũng như các sáng kiến giảm lượng chất thải sẽ đóng vai trò then chốt để bảo vệ môi trường và sức khỏe người dân Hà Tĩnh.

Hiện nay, lượng chất thải sinh hoạt của Hà Tĩnh xấp xỉ khoảng 260.000 tấn chất thải rắn mỗi năm. Trong khi thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh thu gom hầu hết chất thải của mình thì các dịch vụ quản lý chất thải đô thị nói chung chỉ mới đạt được 35-45% khu dân cư. 12 bãi đổ thải hiện tại của tỉnh thường xuyên bị quá tải và hiện tại tỉnh chưa có kế hoạch tổng thể xây dựng các bãi thải hợp vệ sinh. Ngoài ra, các loại chất thải chưa phân loại tiếp tục gây khó khăn cho khâu phân loại và xử lý. Thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh hiện đã có hệ thống thoát nước phù hợp và các thị xã nhỏ hơn là đô thị loại V chỉ có hệ thống thoát nước cơ bản, chỉ giải quyết được một lượng nhỏ chất thải lỏng. Tuy nhiên tỉnh vẫn chưa có nhà máy xử lý nước cho khu vực đô thị và với tình trạng hiện nay, hệ thống thoát nước của Hà Tĩnh sẽ không thể đáp ứng được sự mở rộng kinh tế và dân cư trong những năm tới. Hiện tại, tình hình vệ sinh ở khu vực nông thôn chưa đáp ứng được yêu cầu, mới chỉ 54,09% số hộ có nhà vệ sinh hợp vệ sinh, thấp hơn mức trung bình cả nước 9%.

Và như vậy đến năm 2015, tỉnh sẽ phải thu gom và xử lý tối thiểu là 95% lượng chất thải của thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh và ít nhất là 85% lượng chất thải của các khu vực đô thị khác trong tỉnh. Đến năm 2020, Hà Tĩnh phải thu gom và xử lý đến 100% chất thải sinh hoạt đô thị. Tình trạng ở các khu vực nông thôn cũng phải được thay đổi và Hà Tĩnh phải tăng tỷ lệ hộ nông thôn có nhà vệ sinh hợp vệ sinh lên 75% vào năm 2015 và 100% vào năm 2020. Để thực hiện các mục tiêu trên, Hà Tĩnh cần có kế hoạch tổng thể toàn diện cho toàn tỉnh về thu gom, tái chế, xử lý chất thải dựa trên kế hoạch của cấp xã và huyện. Tỉnh cần tập trung cho các ưu tiên sau:

- *Tăng cường năng lực xử lý chất thải lỏng và nước thải:* Hà Tĩnh cần đặt mục tiêu cải thiện, nâng cấp các mạng lưới và hệ thống thoát nước tại hai trung tâm đô thị cũng như ưu tiên các công trình thoát nước tại các khu vực đô thị phát triển nhanh như Kỳ Anh. Thị xã Hồng Lĩnh cần hoàn thành dự án nâng cấp do Na Uy tài trợ cho hệ thống thoát nước và nước thải, trong đó có 1 hệ thống xử lý nước. Đến năm 2020, Hà Tĩnh phải

phần đầu hoàn thành các hệ thống thoát nước hiện đại ít nhất là ở 2 đô thị chính của tỉnh nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị cho người dân. Các hệ thống này gồm cả ống hút trọng lực và đường ống bơm cho nước mưa và nước thải, sử dụng công nghệ trong nước hiệu quả. Ngoài ra, thành phố Hà Tĩnh cần xây dựng nhà máy xử lý nước như đã quy hoạch. Những khu vực nông thôn có mật độ dân số thấp hơn có thể xử lý chất thải sinh hoạt bằng các bể tự hoại và hoặc hệ thống hố tiêu.

- *Nâng cấp các bãi thải hiện có và xây mới các bãi thải mới hợp vệ sinh:* Không giống như những bãi thải tạm thời chỉ để đổ thải lộ thiên và không được che chắn bên trên, các bãi thải hợp vệ sinh có các cơ chế xử lý chất thải đúng cách. Loại bãi thải này có hệ thống các hố ga đứng để hút khí ga và các phương pháp ngăn ngừa nhiễm bẩn nguồn nước mặt và nước ngầm. Trong 12 bãi thải hiện có của Hà Tĩnh, chỉ có 5 bãi là hợp vệ sinh còn các bãi còn lại chỉ là bãi đổ tạm. Tỉnh cần cải thiện công suất bãi thải của mình bằng cách trước hết là nâng cấp tất cả các bãi thải tạm hiện nay cho hợp vệ sinh. Tỉnh cũng cần mở rộng công suất bãi thải tại những khu vực dân cư chính có tương lai phát triển mạnh trong những năm tới trong đó có thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh và huyện Kỳ Anh. Tuy nhiên, Hà Tĩnh cần NC&PT phương pháp đốt rác để xử lý chất thải rắn có thể tạo ra năng lượng, đồng thời giảm gánh nặng cho các bãi chôn lấp.
- *Thực hiện kế hoạch thành lập các khu xử lý chất thải:* Hà Tĩnh phải xây dựng các nhà máy xử lý chất thải tại những khu vực có nhu cầu xử lý chất thải lớn nhất nhất là các huyện Cẩm Xuyên, Nghi Xuân, Kỳ Anh, và Hương Sơn vì đây là những địa phương đã được UBND tỉnh phê duyệt. Đến năm 2015, 4 nhà máy có thể xử lý được lần lượt là 120, 170, 200 và 100 tấn chất thải mỗi ngày. Đến năm 2020, các khu vực này có thể xử lý được lần lượt là 328, 310, 400 và 360 tấn chất thải mỗi ngày. Các nhà máy này sẽ thu gom chất thải từ khu vực đô thị và công nghiệp – nhà máy Thạch Hà sẽ phục vụ cả thành phố Hà Tĩnh và huyện Cẩm Xuyên; nhà máy Kỳ Anh sẽ phục vụ khu kinh tế Vũng Áng; và nhà máy Hương Sơn sẽ phục vụ khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo. Chất thải từ các huyện khác sẽ được chuyển đến các nhà máy xử lý này thông qua mạng lưới các trạm trung chuyển chất thải. Đến năm 2020, tỉnh phải xây dựng nhà máy xử lý thứ 5 tại huyện Vũ Quang và Hương Khê để cơ bản phục vụ cho khu dân cư và công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến gỗ và nông sản. Tỉnh cần làm việc với các nhà máy xử lý chất thải lớn hiện có tại Việt Nam để tìm hiểu xem loại công nghệ trong nước nào là phù hợp với các nhà máy xử lý của mình.
- *Xây dựng các trạm trung chuyển chất thải rắn:* Hà Tĩnh nên tiếp tục các kế hoạch hiện tại của mình trong việc xây dựng các trạm trung chuyển chất thải rắn tập trung tại Thạch Hà, Lộc Hà, Đức Thọ, Hương Sơn, Can Lộc và Hồng Lĩnh để thu gom và chứa chất thải chờ chuyển về bãi thải chính và các nhà máy xử lý chất thải của tỉnh. Trạm chất thải Hương Sơn có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phục vụ các nhu cầu của khu vực xung quanh Cầu Treo. Thông qua xây dựng các trạm chất thải này, tỉnh sẽ sử dụng công nghệ xử lý vệ sinh chất thải rắn và theo đúng Thông tư số 01/2001/TTLT-Bộ KHCN-TN MT-BXD - có các hướng dẫn thực hiện việc xây dựng trạm trung chuyển và bãi đổ thải rắn đã được Bộ khoa học và công nghệ và Bộ GTVT chấp thuận. Tỉnh cần xây dựng các điểm thu gom chất thải nhỏ tại các xã được kết nối với các trạm ở huyện và cần có các chương trình khuyến khích người dân tự thu gom chất thải ở các khu vực nông thôn bằng cách tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân về tác hại của chất thải đối với sức khỏe con người và môi trường. Trong khả năng có thể, các điểm thu gom cần phân tách các loại chất thải khác nhau để xử lý hiệu quả hơn từng loại chất thải, tạo điều kiện cho các nhà máy tái chế và/hoặc nhà máy điện sử dụng nguyên liệu là rác thải hoạt động trên địa bàn tỉnh.

- *Nâng cấp và mở rộng phạm vi thu gom rác:* trong khi thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh thu gom hầu hết chất thải của mình thì các dịch vụ quản lý chất thải đô thị nói chung chỉ thu gom được 35-45% khu vực dân cư. Hà Tĩnh cần tăng cường số lượng xe chở nén rác và xe đẩy gom rác, đồng thời tăng tần suất thu gom để đảm bảo việc thu gom được thực hiện thường xuyên hơn, mở rộng khu vực thu gom ra cả tỉnh. Đến năm 2015, tỉnh phải thu gom và xử lý được tối thiểu là 75% chất thải của thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh và ít nhất là 100% toàn bộ khu vực thành thị khác (đô thị loại V) trong tỉnh. Đến năm 2020, tỉnh phải thu gom và xử lý được 100% lượng chất thải sinh hoạt khu đô thị.
- *Tăng lượng nhà vệ sinh hợp vệ sinh ở khu vực nông thôn:* để cải thiện thói quen vệ sinh tại các khu vực nông thôn, tỉnh Hà Tĩnh cần đẩy mạnh việc xây dựng các hố vệ sinh hợp chuẩn sao cho tỷ lệ hộ nông thôn có nhà vệ sinh hợp vệ sinh tính đến 2015 đạt 85% và 2020 đạt 95%. Để đạt được mục tiêu trên, hơn 115.000 hộ dân ở nông thôn phải có nhà vệ sinh hợp vệ sinh mới. Các sáng kiến tăng số lượng nhà vệ sinh hợp vệ sinh sẽ giúp làm giảm đáng kể các loại bệnh do nhiễm khuẩn từ phân gây ra.

Hình 202 dưới đây là các sáng kiến chủ đạo trong lĩnh vực này, mức đầu tư và thời gian thực hiện.

**Hình 202: Yêu cầu đầu tư để thoát nước và xử lý rác sinh hoạt**

| Đầu tư                              | Tên | Vốn Đầu tư (Tr đ) | Nguồn Vốn                  | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
|-------------------------------------|-----|-------------------|----------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Nâng cấp hệ thống thoát nước đô thị |     | 700.000           | Ngân sách TW và địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Các bãi chôn lấp hợp vệ sinh        |     | 270.000           | Ngân sách Địa phương       |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Tăng cường gom rác                  |     | 20.000            | Ngân sách Địa phương       |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nhà máy xử lý chất thải             |     | 1.370.000         | Ngân sách Địa phương       |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Các bãi chôn lấp chất thải          |     | 370.000           | Ngân sách Địa phương       |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nhà máy xử lý nước thải dệt may     |     | 10.000            | Ngân sách Địa phương       |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>Tổng</b>                         |     | <b>3.740.000</b>  |                            |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |

Việc nâng cấp các bãi thải hiện có, xây dựng các nhà máy xử lý chất thải và các trạm trung chuyển đã được tỉnh lập kế hoạch. Ngoài ra, chính phủ Na Uy đã bảo đảm nguồn vốn ODA cho việc nâng cấp hệ thống thoát nước của Hồng Lĩnh. Tỉnh cũng đang lập kế hoạch thu hút vốn từ nguồn vốn công và các nhà đầu tư. Hà Tĩnh cũng đã có các kế hoạch cải thiện vệ sinh nông thôn và khuyến khích các hộ gia đình có khả năng cùng tham gia chia sẻ chi phí. Tỉnh cần cập nhật các kế hoạch này để đảm bảo đến năm 2020, 100% hộ gia đình nông thôn có nhà vệ sinh hợp vệ sinh.

Tổng kinh phí đầu tư dự kiến cho hạ tầng xử lý chất thải sinh hoạt trong tỉnh trong giai đoạn 2011 – 2020 là vào khoảng 3,7 nghìn tỷ đồng. Chỉ tính riêng kinh phí xây dựng 5 nhà máy xử lý chất thải dự kiến hết khoảng 1,4 nghìn tỷ đồng. Ngoài ra kinh phí vận hành nhà máy xử lý chất thải và các dịch vụ thu gom rác sẽ vào khoảng

255 tỷ đồng trong giai đoạn 10 năm tới. Tỉnh cần huy động sự đóng góp của các doanh nghiệp và các hộ gia đình để chi trả một phần chi phí vận hành các dịch vụ chất thải trong tỉnh; rác được xử lý (hay lượng điện sản xuất được từ đốt rác) cũng bù đắp 1 phần chi phí. Chi phí cho nâng cấp hệ thống thoát nước và nước thải tại Thị xã Hồng Lĩnh, thành phố Hà Tĩnh và huyện Kỳ Anh có thể lên đến 300 tỷ đồng. Chi phí xây dựng nhà vệ sinh hợp vệ sinh cho 100% hộ gia đình nông thôn sẽ vào khoảng 1 nghìn tỷ đồng. Hà Tĩnh nên phối hợp với nhà tài trợ và các tổ chức phi Chính phủ để cung cấp vệ sinh an toàn, đồng thời tìm kiếm sự đóng góp từ chính người sử dụng.

#### 4.4.2 Nước thải và chất thải công nghiệp

Với tốc độ phát triển công nghiệp trong những năm tới của tỉnh, ước tính vào năm 2020 nền công nghiệp ở Hà Tĩnh sẽ tạo ra lượng chất thải gấp 10 lần so với năm 2010. Ví dụ việc khai thác mỏ ở Thạch Khê sẽ tạo ra lượng chất thải cao gấp 5 lần so với sản lượng thực tế. Đánh giá tác động môi trường của tỉnh Hà Tĩnh cho thấy tính đến năm 2020, các hoạt động tại cảng Vũng Áng sẽ làm phát sinh 2,970 tỷ tấn chất thải rắn. Tương tự như vậy, các ngành công nghiệp tại tỉnh cũng làm phát sinh nhiều nước thải hơn, nhất là tại các cụm công nghiệp chế biến gỗ và hàng dệt may. Theo Công ty Tài chính Quốc tế (IFC), cứ mỗi tấn vải may mặc sẽ tạo ra đến 140 m<sup>3</sup> nước thải. Để đảm bảo tính bền vững của nền kinh tế và bảo vệ môi trường tỉnh, Hà Tĩnh phải có những bước quan trọng đảm bảo khả năng xử lý vấn đề chất thải công nghiệp rắn và lỏng một cách thân thiện với môi trường.

Hiện tại, tỉnh chưa có nhà máy xử lý nước ở cấp công nghiệp. Tuy nhiên điều này phần lớn là vì ngành công nghiệp tại Hà Tĩnh vẫn chưa phát triển và nhiều nhà máy đang mới chỉ ở giai đoạn xây dựng. Nhiều dự án xây dựng lớn như nhà máy nhiệt điện Vũng Áng nhìn chung có hợp đồng với các đơn vị dịch vụ bên ngoài để xử lý chất thải.

Trong khi chất thải từ ngành nông nghiệp và thủy sản có thể được xử lý bằng cách chôn và ủ lấy phân, chất thải công nghiệp yêu cầu phải có mạng lưới bãi thải hợp vệ sinh và các nhà máy xử lý chất thải ở cấp công nghiệp. Tỉnh cần nghiêm túc thực hiện các quy định trong đó yêu cầu toàn bộ các nhà máy công nghiệp mới phải xây dựng nhà máy xử lý chất thải phù hợp. Thêm vào đó tỉnh còn cần khuyến khích việc tái chế và tái sử dụng chất thải, nhất là chất thải lỏng, khi có thể. Các sáng kiến cụ thể gồm:

- *Thực hiện kế hoạch xây dựng các bãi đổ thải hợp vệ sinh và các nhà máy xử lý chất thải:* Các ngành công nghiệp tại Hà Tĩnh là các đơn vị chịu trách nhiệm pháp lý về quản lý và xử lý chất thải của mình. Đến năm 2015, tỉnh phải thu gom và xử lý được 60% chất thải công nghiệp và tất cả các khu công nghiệp phải đáp ứng yêu cầu môi trường về xử lý chất thải mới được đi vào hoạt động. Khu kinh tế Vũng Áng phải đảm bảo các bãi đổ thải của mình có đủ công suất xử lý chất thải do các ngành công nghiệp chính phát sinh ra. Mỏ sắt Thạch Khê cần tiếp tục các kế hoạch xây dựng bãi đổ thải và chứa tạm thời cho các chất thải cao su và phế liệu sắt thép với công suất chứa được là 188.232 tấn chất thải. Mỗi nhà máy này cần đảm bảo xử lý tốt chất thải và nước thải trước khi xả ra các hệ thống công cộng hoặc ra môi trường. Vai trò của tỉnh là giám sát và điều chỉnh việc xử lý chất thải ở từng ngành công nghiệp để đảm bảo không có chất thải độc hại thải ra môi trường.
- *Cải thiện hệ thống thoát nước thải:* Nhằm đối phó với khả năng gia tăng lượng nước thải theo dự báo nhất là từ ngành công nghiệp may mặc và khai thác mỏ, tỉnh Hà Tĩnh cần khuyến khích các doanh nghiệp nâng



cấp và lắp đặt hệ thống thoát nước và nhà máy xử lý nước thải ở nhiều khu vực chính có khả năng bị ô nhiễm. Khu kinh tế Vũng Áng cần có hệ thống thoát và xử lý nước thải phát sinh từ sản xuất thép, công nghiệp nặng và may mặc – những ngành có lượng nước thải lớn. Những khu công nghiệp và kinh tế khác như Cầu Treo, Hà Vàng và Gia Lách cũng phải đảm bảo xây dựng được các hệ thống thoát nước lớn đáp ứng nhu cầu công nghiệp trong khu vực. Chính phủ sẽ hỗ trợ bằng hạ tầng cơ sở cho các doanh nghiệp trong khu kinh tế và công nghiệp dùng chung.

- *Đầu tư xử lý các chất thải độc hại, như nước thải công nghiệp từ xưởng dệt may, chất thải hóa chất từ khai thác mỏ và các hoạt động luyện kim:* đến năm 2020, tỉnh phải xây dựng một nhà máy xử lý nước thải công nghiệp và xem xét xây dựng nhà máy xử lý các chất thải độc hại khác, đều tại khu kinh tế Vũng Áng. Với những lò đốt công nghiệp và công trình xử lý nước, nhà máy xử lý này và bãi đổ thải đi theo chủ yếu phục vụ cho khu kinh tế Vũng Áng. Hà Tĩnh cần có hệ thống máy móc xe chứa và vận chuyển tại chỗ các chất thải độc hại trên toàn tỉnh để vận chuyển các chất thải độc hại đến nhà máy xử lý tổng hợp ở Kỳ Anh. Trước khi xây dựng nhà máy này, lượng chất thải độc hại cần được vận chuyển đến nhà máy xử lý phù hợp trong vùng.

Hình 203 dưới đây là các sáng kiến quan trọng trong lĩnh vực này, mức đầu tư và thời gian thực hiện.

**Hình 203: Yêu cầu đầu tư để quản lý rác công nghiệp**

| Hạng mục Đầu tư                     | Vốn đầu tư (Tr đ) | Nguồn                | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
|-------------------------------------|-------------------|----------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Bãi rác vệ sinh                     | 270.000           | Ngân sách Địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nâng cấp hệ thống thoát nước đô thị | 300.000           | Ngân sách Địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nhà máy xử lý rác                   | 1.370.000         | Ngân sách Địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Trạm xử lý rác                      | 370.000           | Ngân sách Địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nhà máy xử lý nước thải dệt may     | 10.000            | Ngân sách Địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>Tổng</b>                         | <b>2.320.000</b>  |                      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |

Ước tính tổng chi phí và đầu tư cần thiết cho việc này vào khoảng 2,3 nghìn tỷ đồng (có sử dụng chung với các khoản đầu tư xử lý chất thải sinh hoạt), lấy từ đầu tư của các doanh nghiệp để đáp ứng yêu cầu pháp lý về xử lý chất thải của chính các doanh nghiệp này.

#### 4.4.3 Chất thải Y tế

Hiện tại Hà Tĩnh có 18 bệnh viện cấp huyện và thị xã và 20 bệnh viện tư nhân. Những bệnh viện này có lượng chất thải lên tới hàng trăm tấn mỗi năm và còn tiếp tục gia tăng khi các cơ sở chăm sóc y tế được mở rộng. Đến cuối năm 2010, 10 trong số 18 bệnh viện này có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường. Các bệnh

viện Kỳ Anh, Hồng Lĩnh và Can Lộc đã được hưởng vốn ODA đầu tư nâng cấp và cải thiện hệ thống xử lý rác thải y tế. Đến năm 2012, thêm 4 bệnh viện nữa cũng sẽ được đầu tư tương tự với tổng giá trị 20 tỷ đồng. Đến năm 2020 tất cả các bệnh viện sẽ đầu tư vào hệ thống xử lý rác thải. Lượng đầu tư cần thiết là 60 tỷ đồng.

Trước khi hoàn thành việc nâng cấp, chất thải y tế độc hại của các cơ sở khác có thể chuyển tới các cơ sở xử lý tại những bệnh viện chính để đảm bảo xử lý được 100% chất thải y tế trong tỉnh đến năm 2015. Tất cả bệnh viện xây mới đều phải có hệ thống xử lý chất thải phù hợp mới được đưa vào hoạt động.

#### 4.5 Hạ tầng liên quan đến sản xuất và truyền tải điện năng

Khi Hà Tĩnh tiếp tục công nghiệp hóa, dự báo đến năm 2020 các hoạt động kinh tế và dân cư trong tỉnh sẽ cần 9.300 triệu kWh điện mỗi năm, gấp 24 lần so với mức tiêu thụ của năm 2010. Các hoạt động khai thác và luyện kim sẽ là các hoạt động tiêu thụ phần lớn nhu cầu điện trong những năm tiếp theo, bắt đầu từ năm 2014 khi các nhà máy thép ở Hà Tĩnh bắt đầu đi vào hoạt động. Đến năm 2020, riêng ngành công nghiệp sản xuất thép sẽ cần 6.350 triệu kWh điện mỗi năm và các hoạt động khai thác mỏ phải cần 2.100 triệu kWh mỗi năm.

Mặc dù hiện tại kết nối điện lưới và tỷ lệ hộ gia đình được dùng điện ở Hà Tĩnh khá tốt, trước đây tỉnh vẫn phải lấy điện từ lưới điện quốc gia và chưa có đóng góp trở lại. Các doanh nghiệp cả trong nước ngoài nước đều có ý kiến lo ngại về tình trạng thiếu điện trong tỉnh. Trong năm 2010, Hà Tĩnh tiêu thụ 386 triệu kWh mỗi năm phục vụ cho các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và sinh hoạt nhưng chỉ sản xuất được 29 triệu kWh.

Nếu Hà Tĩnh hoàn thành được nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 đúng thời hạn thì đến năm 2013 tỉnh sẽ tự cung cấp được điện năng cho mình. Có 99,5% số hộ gia đình trong tỉnh đã được kết nối với lưới điện quốc gia nhưng tỉnh phải phân đấu đến năm 2015, 100% số hộ dân được kết nối và đến năm 2020, tất cả người được dùng nguồn điện không bị gián đoạn. Để xây dựng được một hạ tầng điện đủ mạnh cho tương lai, Hà Tĩnh cần tập trung phát triển điện năng xung quanh 3 chiến lược:

- *Cung cấp đủ điện với chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu:* Tỉnh cần ưu tiên các sáng kiến thực hiện xây dựng các nhà máy nhiệt điện ở huyện Kỳ Anh để đáp ứng được nhu cầu điện trong tỉnh. Phát triển 4 nhà máy nhiệt điện sắp tới với công suất tổng cộng lên đến 6300 MW, vượt nhu cầu điện của tỉnh và đưa Hà Tĩnh trở thành nhà cung cấp nhiệt điện lớn nhất tại Việt Nam. Tỉnh trước mắt cần tập trung hoàn thành tiến độ xây dựng nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 vào năm 2013 và Vũng Áng 2 vào năm 2019 theo kế hoạch. Mỗi nhà máy nhiệt điện chạy than này có hai tuabin với tổng công suất đặt ra là 1.200MW. Khi hoàn thành thì hai nhà máy này sẽ sản xuất được 2,400MW, tương đương với 12,9% công suất điện của Việt Nam trong năm 2009.

Formosa Hà Tĩnh sẽ xây dựng thêm nhà máy điện 900MW có 6 máy tuabin với công suất mỗi tuabin là 150MW đến năm 2013, đáp ứng đủ điện cho sản xuất thép. Đến năm 2020, nhà máy nhiệt điện Formosa sẽ đạt công suất 1500MW. Ngoài 3 nhà máy điện này ra, Tỉnh cần tìm kiếm thêm đầu tư để xây dựng nhà máy nhiệt điện chạy than Vũng Áng 3 với công suất thiết kế dự tính là 2.400MW sẽ hoạt động từ khoảng 2026 - 2028. Cũng giống như trường hợp của nhà máy Formosa và hai nhà máy nhiệt điện đầu tiên thuộc khu liên hợp nhiệt điện Vũng Áng, tỉnh cần tìm kiếm nguồn vốn từ các nhà đầu tư lớn trong nước và nước ngoài.

Tỉnh Hà Tĩnh cũng sẽ thực hiện các kế hoạch tỉnh và quốc gia đã được phê duyệt về mở rộng thủy điện trong tỉnh. Năm 2011, Hà Tĩnh có thể cung cấp được 82,7 triệu kWh mỗi năm với nhà máy thủy điện của mình. Để đáp ứng đủ nhu cầu điện năng của tỉnh, Hà Tĩnh cần tập trung nâng cấp các nhà máy thủy điện nhỏ hiện nay và xây mới thêm các nhà máy khác nữa. Tuy nhiên tỉnh cần xem xét lại chiến lược quản lý thiên tai của mình để xây dựng các nhà máy điện và tiến hành đánh giá tác động môi trường nghiêm túc để xác định tính khả thi của việc xây dựng thêm các nhà máy thủy điện mới đã được Bộ Công thương phê duyệt. Các nhà máy thủy điện mới sau đó sẽ chỉ được xây dựng khi có đủ vốn đầu tư từ tư nhân vì các nhu cầu điện của tỉnh đã được giải quyết thông qua các nhà máy nhiệt điện rồi.

Tổng công suất của các nhà máy nhiệt điện và thủy điện của tỉnh cộng lại sẽ là hơn 4,000MW vào năm 2020, ước tính cung cấp khoảng 27,900 triệu kWh mỗi năm cho tỉnh và lưới điện quốc gia. Trên thực tế, dự kiến Hà Tĩnh có khả năng tự cung cấp điện và cung cấp thêm 3.500 kWh mỗi năm cho lưới điện quốc gia bắt đầu từ 2012. Vì vậy, trong những năm tới đây, Hà Tĩnh có thể đáp ứng được nhu cầu điện của mình và cung cấp phần còn lại vào nguồn điện quốc gia.

Trước mắt, khi xây dựng những khu liên hợp nhà máy điện lớn trong tỉnh, Hà Tĩnh phải giám sát mức độ tiêu thụ điện của mình và khuyến khích tiết kiệm điện. Các nhà đầu tư khu vực tư nhân có thể sử dụng các máy phát dự phòng sử dụng cho những nhà máy chính của mình tại các khu kinh tế như Vũng Áng và Cầu Treo để đảm bảo nguồn điện ổn định mặc dù công suất điện của tỉnh đang phát triển. Tỉnh cần xem xét việc đầu tư vào các máy phát dự phòng làm nguồn điện dự phòng cho khu công nghiệp CNTT của mình tại thành phố Hà Tĩnh để khuyến khích các công ty đóng tại khu vực này. Nguồn điện ổn định có vai trò đặc biệt quan trọng đối với các công ty BPO/ trung tâm thoại mới.

- *Nâng cấp lưới điện trong tỉnh:* Mặc dù đại bộ phận các hộ dân đã được kết nối với lưới điện nhưng vẫn còn 0,5% số hộ, mà hầu hết là hộ nghèo ở những vùng khó khăn vẫn chưa có điện. Đến năm 2015, Hà Tĩnh phải đảm bảo 100% hộ dân được sử dụng điện đồng thời phải đảm bảo toàn bộ các doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp, các nhà hàng khách sạn cũ và mới đều được sử dụng điện. Hà Tĩnh phải xây dựng thêm đường điện kết nối các nguồn điện của các nhà máy thủy điện và nhiệt điện mới, lưới điện quốc gia và mạng lưới nguồn điện của Hà Tĩnh. Các khu vực nông thôn của tỉnh được kết nối với lưới điện sử dụng gần 6000km đường dây điện tuy nhiên hơn 40% đường dây điện phải được nâng cấp ngay. Tỉnh Hà Tĩnh cần cải thiện đường lưới điện khu vực nông thôn hiện nay và hòa điện tốt hơn cho các cộng đồng dân cư ở nông thôn. Tỉnh có thể tìm kiếm nguồn vốn từ các nhà tài trợ quốc tế để thực hiện việc này. Những đoạn lưới điện đang vận hành ở mức dưới 22kV phải được nâng cấp dần lên 22kV để giảm thất thoát điện khi truyền tải.

Tỉnh cần có những hoạt động cải thiện mạng lưới truyền tải và bảo trì hệ thống. Tỉnh phải xây dựng trạm biến áp ở những khu vực chính cần thiết, ưu tiên các khu công nghiệp đang phát triển. Đặc biệt, việc xây dựng trạm biến áp 220kV để cấp điện cho mỏ Thạch Khê và các nhà máy thép ở Vũng Áng có vai trò rất quan trọng. Mặc dù năng lực của hạ tầng lưới điện quốc gia đoạn đi qua tỉnh Hà Tĩnh trước đây có thể đáp ứng tốt nhu cầu điện hiện tại, nhưng đến năm 2020 tỉnh phải nâng cấp cho trạm điện 500kV và hai đường lưới điện quốc gia 500kV để hỗ trợ sự phát triển trong tương lai như đã quy hoạch. Để thực hiện được các công tác nâng cấp cải tạo này, tỉnh cần tìm các nguồn vốn từ quốc gia để đầu tư. Hà Tĩnh cần tập trung nâng cấp các trạm 110 kV của mình, ưu tiên nâng cấp cải tạo các khu vực có tập trung hoạt động công nghiệp trong tương lai như Hương Sơn và Nghi Xuân. Phải sau năm 2020 thì tỉnh mới cần tính đến phương án thay

thể đường điện hiện tại ở khu vực thành phố Hà Tĩnh bằng hệ thống cáp điện ngầm 22kV và xây dựng các tuyến mới ở khu vực đô thị bằng các hệ thống cáp điện ngầm hiện đại đảm bảo độ an toàn cho cảnh quan đô thị.

- *Đảm bảo môi trường bền vững:* Tỉnh cũng cần tiếp tục phát triển các nguồn năng lượng thay thế phi cacbon nhất là thủy điện, miễn là tất cả các nhà máy điện mới thực hiện đánh giá tác động môi trường và có nguồn vốn do doanh nghiệp tư nhân đầu tư. Các nhà máy thủy điện được xây dựng tốt không chỉ tạo ra điện năng mà hệ thống đập của chúng còn hỗ trợ cấp nước sinh hoạt, nước công nghiệp và giúp quản lý lũ lụt bằng cách chứa một lượng lớn nước mưa trong mùa mưa lũ và điều chỉnh được dòng chảy xả xuống khu vực hạ lưu.

Cả năng lượng thủy triều và sóng biển đều rất có tiềm năng ở Hà Tĩnh do tỉnh có đường bờ biển dài. Tuy nhiên, công nghệ về 2 loại năng lượng trên còn đang trong giai đoạn mới phát triển và chưa ổn định. Do đó, tỉnh sẽ tập trung vào phát triển nhiệt điện và thủy điện đồng thời theo dõi sự tiến bộ của công nghệ 2 loại năng lượng thay thế nói trên trong 10 năm tới và tiến hành khai thác khi công nghệ phát triển.

Hình 204 dưới đây là trình tự các sáng kiến trong ngành sản xuất và truyền tải điện của Hà Tĩnh, cùng lượng đầu tư yêu cầu ước tính và thời gian thực hiện

**Hình 204: Yêu cầu đầu tư để sản xuất và truyền tải điện**

| Hạng mục Đầu tư               | Vốn Đầu tư (Tr đ) | Nguồn                | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
|-------------------------------|-------------------|----------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Nhiệt điện Vũng Áng 1         | 17.430.000        | Ngoài ngân sách      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Các Dự án Thủy điện           | 440.000           | Ngoài ngân sách      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nâng cấp Lưới điện Nông thôn  | 590.000           | Ngân sách Địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nhà máy Nhiệt điện - Formosa  | 36.540.000        | Ngoài ngân sách      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Trạm biến áp mới ở VA và TK   | 250.000           | Ngân sách Địa phương |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2 | 31.500.000        | Ngoài ngân sách      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>Tổng</b>                   | <b>79.750.000</b> |                      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |

Việc xây dựng các nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 và công tác giải phóng mặt bằng nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2 đã được triển khai và do khu vực tư nhân đầu tư. Trong thời gian tới, tỉnh cần nâng cấp các nhà máy thủy điện. Tỉnh Hà Tĩnh phải tiếp tục các kế hoạch hiện tại của mình để nâng cấp một cách có hệ thống các mạng lưới và trạm điện cấp huyện.

Tổng kinh phí đầu tư dự kiến cho hạ tầng điện năng trong tỉnh giai đoạn 2011 – 2020 là khoảng 80 nghìn tỷ đồng. Gần như toàn bộ kinh phí đó, cụ thể là 78 nghìn tỷ đồng chiếm 80 % vốn đã được đầu tư, sẽ được khu vực tư nhân đầu tư cho lĩnh vực nhiệt điện, đồng thời khu vực tư nhân cũng đầu tư cho thủy điện trong tỉnh với tổng số vốn khoảng 440 tỷ đồng. Chính quyền tỉnh phải đảm bảo số vốn là 840 tỷ đồng để đầu tư vào nâng cấp

lưới điện và điện hóa nông thôn, đồng thời để nâng cấp mạng lưới điện cấp huyện hiện nay và xây dựng 2 trạm mới ở các khu vực kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

#### 4.6 Thông tin và truyền thông

Như đã nói chi tiết trong nội dung về cụm ngành Truyền thông và BPO/ITO, việc nâng cấp hạ tầng viễn thông đóng vai trò hết sức quan trọng với sự phát triển và tăng trưởng của tỉnh.

Hình 205 dưới đây là tổng quan các dự án quan trọng sẽ được thực hiện đến năm 2020, yêu cầu đầu tư dự tính và thời gian thực hiện.

**Hình 205: Yêu cầu đầu tư cho Viễn thông**

| Hạng mục Đầu tư                              | Vốn Đầu tư (Tr đ) | Nguồn           | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
|--|-------------------|-----------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Kết nối tốc độ cao tới các KCN khác          | 50.000            | Ngoài ngân sách |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Liên kết cáp quang mới và CSH T cho khu CNTT | 300.000           | Ngoài ngân sách |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Hạ tầng CNTT cho giáo dục                    | 39.000            | Ngoài ngân sách |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Hạ tầng di động                              | 2.250.000         | Ngoài ngân sách |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Nâng cấp hạ tầng bưu chính                   | 100.000           | Ngoài ngân sách |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| Đầu tư viễn thông khác                       | 560.000           | Ngoài ngân sách |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>Tổng</b>                                  | <b>3.299.000</b>  |                 |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |

Để thực hiện lộ trình, tỉnh cần đầu tư khoảng 3,3 nghìn tỷ đồng. Trong số này 5% dự kiến lấy từ ngân sách Trung ương, còn lại từ các khoản đầu tư của doanh nghiệp.

## 5 Định Hướng phát triển theo lãnh thổ

### 5.1 Định hướng sử dụng đất

Quy hoạch sử dụng đất ở Hà Tĩnh cần cho thấy quá trình chuyển đổi kinh tế xã hội của Hà Tĩnh theo hướng công nghiệp, hiện đại hóa, và tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

- Bảo vệ toàn bộ đất rừng hiện có trong tỉnh, đặc biệt là rừng phòng hộ. Bảo vệ đất khỏi suy thoái môi trường và sử dụng tài nguyên đất một cách bền vững.
- Quy hoạch sử dụng đất phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và giao đất dựa trên tình hình và điều kiện tự nhiên cụ thể của từng vùng trong tỉnh.
- Ưu tiên bố trí đủ đất cho phát triển công nghiệp, xây dựng và cơ sở hạ tầng. Trong đó, giao đất đủ để xây dựng các khu kinh tế và công nghiệp, phát triển công nghiệp và dịch vụ, phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội, và phát triển dân cư, đặc biệt là ở các khu vực đô thị.
- Chuyển đổi một phần đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp như đất cho phát triển công nghiệp, cơ sở hạ tầng và các dịch vụ công cộng để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa trong tỉnh.
- Tăng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp thông qua thâm canh, tăng sản lượng đồng thời tăng hiệu quả sử dụng đất cho các mục đích khác như công nghiệp, công cộng và dân cư. Tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân để chuyển đổi đất nông nghiệp thành vùng chuyên canh và tích tụ đất để mở rộng quy mô sản xuất.
- Đẩy mạnh công tác khai hoang để tăng diện tích đất sẵn có cho mục đích phi nông nghiệp, đặc biệt là cơ sở hạ tầng và hoạt động công nghiệp và diện tích đất bổ sung cho nông nghiệp ở những khu vực đã được chuyển đổi sang phát triển công nghiệp. Khi lập kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp, cần hạn chế tối đa việc chuyển đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp nếu đang còn diện tích đất phù hợp chưa sử dụng.
- Bố trí đủ đất quốc phòng, đặc biệt là ở khu vực biên giới dân cư thưa thớt.

Căn cứ vào định hướng phát triển sử dụng đất nêu trên và như thể hiện trong Hình 206, đến năm 2020, diện tích sử dụng đất cho nông nghiệp (không tính đất cho nuôi trồng thủy sản và làm muối) sẽ giảm nhẹ. Như nêu trong các phần sau đây, việc sử dụng đất nông nghiệp cũng sẽ dần thay đổi khi Hà Tĩnh chuyển từ canh tác tự cung tự cấp sang trồng các loại cây có giá trị cao hơn và tiềm năng chế biến, xuất khẩu. Đồng thời, đất phi nông nghiệp sẽ tăng lên do yêu cầu phát triển kinh tế và xã hội. Cụ thể, đất thương mại và công nghiệp sẽ tăng gấp đôi, từ 5.266 ha năm 2010 lên 13.165 ha năm 2020.

**Hình 206: Cơ cấu sử dụng đất cho Hà Tĩnh ước tính năm 2020**

| TT       | CHỈ TIÊU                         | Hiện trạng 2010   |               | Kỳ đầu đến 2015   |               | Kỳ cuối đến 2020  |               |
|----------|----------------------------------|-------------------|---------------|-------------------|---------------|-------------------|---------------|
|          |                                  | Diện tích (ha)    | Cơ cấu (%)    | Diện tích (ha)    | Cơ cấu (%)    | Diện tích (ha)    | Cơ cấu (%)    |
|          | <b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>   | <b>599.717,66</b> | <b>100,00</b> | <b>599.717,66</b> | <b>100,00</b> | <b>599.717,66</b> | <b>100,00</b> |
| <b>1</b> | <b>ĐẤT NÔNG NGHIỆP</b>           | <b>476.157,55</b> | <b>79,40</b>  | <b>477.189,25</b> | <b>79,57</b>  | <b>475.788,17</b> | <b>79,34</b>  |
| 1.1      | Đất trồng lúa                    | 64.691,09         | 13,59         | 59.815,38         | 12,53         | 55.731,00         | 11,71         |
| 1.2      | Đất trồng cây lâu năm            | 33.838,72         | 7,11          | 32.953,85         | 6,91          | 32.330,00         | 6,80          |
| 1.3      | Đất rừng sản xuất                | 161.244,38        | 33,86         | 169.171,95        | 35,45         | 173.251,00        | 36,41         |
| 1.4      | Đất rừng phòng hộ                | 115.040,48        | 24,16         | 114.967,26        | 24,09         | 114.862,00        | 24,14         |
| 1.5      | Đất rừng đặc dụng                | 74.597,81         | 15,67         | 74.600,00         | 15,63         | 74.600,00         | 15,68         |
| 1.6      | Đất làm muối                     | 423,70            | 0,09          | 380,00            | 0,08          | 380,00            | 0,08          |
| 1.7      | Đất nuôi trồng thủy sản          | 4.096,18          | 0,86          | 4.865,50          | 1,02          | 5.486,00          | 1,15          |
| 1.8      | Các loại đất nông nghiệp còn lại | 22.225,19         | 4,67          | 20.435,31         | 4,28          | 19.148,17         | 4,02          |
| <b>2</b> | <b>ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP</b>       | <b>84.961,15</b>  | <b>14,17</b>  | <b>99.908,75</b>  | <b>16,66</b>  | <b>112.470,51</b> | <b>18,75</b>  |
| 2.1      | Đất trụ sở cơ quan, CT sự nghiệp | 293,09            | 0,34          | 636,25            | 0,64          | 636,07            | 0,57          |
| 2.2      | Đất quốc phòng                   | 1.892,50          | 2,23          | 4.495,15          | 4,50          | 5.000,00          | 4,45          |
| 2.3      | Đất an ninh                      | 111,87            | 0,13          | 170,10            | 0,17          | 179,98            | 0,16          |
| 2.4      | Đất khu công nghiệp              | 2.111,66          | 2,49          | 3.863,96          | 3,87          | 5.563,96          | 4,95          |
| 2.5      | Đất cho hoạt động khoáng sản     | 1.236,20          | 1,46          | 1.679,55          | 1,68          | 1.852,15          | 1,65          |
| 2.6      | Đất di tích, thắng cảnh          | 152,15            | 0,18          | 279,39            | 0,28          | 391,39            | 0,35          |
| 2.7      | Đất bãi thải, xử lý chất thải    | 42,68             | 0,05          | 261,64            | 0,26          | 788,19            | 0,70          |
| 2.8      | Đất tôn giáo, tín ngưỡng         | 337,01            | 0,40          | 345,21            | 0,35          | 345,10            | 0,31          |
| 2.9      | Đất nghĩa trang, nghĩa địa       | 4.783,45          | 5,63          | 4.850,93          | 4,86          | 5.025,85          | 4,47          |
| 2.10     | Đất phát triển hạ tầng           |                   |               |                   |               |                   |               |

|          |                                    |                  |              |                  |              |                  |              |
|----------|------------------------------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|
|          |                                    | 34.873,85        | 41,05        | 40.495,53        | 40,53        | 46.587,70        | 41,42        |
| 2.11     | Đất ở tại đô thị                   | 1.154,04         | 1,36         | 1.598,43         | 1,60         | 1.775,00         | 1,58         |
| 2.12     | Các loại đất PNN còn lại           | 37.972,65        | 44,69        | 41.232,61        | 41,27        | 44.325,12        | 39,41        |
| <b>3</b> | <b>ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG</b>            | <b>38.598,96</b> | <b>6,44</b>  | <b>22.619,66</b> | <b>3,77</b>  | <b>11.458,99</b> | <b>1,91</b>  |
| <b>4</b> | <b>ĐẤT ĐÔ THỊ</b>                  | <b>18.968,18</b> | <b>3,16</b>  | <b>46.784,09</b> | <b>7,80</b>  | <b>74.600,00</b> | <b>12,44</b> |
| <b>5</b> | <b>ĐẤT KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN</b> | <b>74.597,81</b> | <b>12,44</b> | <b>74.600,00</b> | <b>12,44</b> | <b>5.390,00</b>  | <b>0,90</b>  |
| <b>6</b> | <b>ĐẤT KHU DU LỊCH</b>             | <b>2.682,04</b>  | <b>0,45</b>  | <b>1.341,02</b>  | <b>0,22</b>  |                  | -            |

Ghi chú: \* Diện tích đất phi nông nghiệp / đặc dụng bao gồm đất đặc dụng (mục đích công cộng, trụ sở cơ quan nhà nước, công trình/ cơ sở hạ tầng, quốc phòng, an ninh quốc gia) và đất phi nông nghiệp khác (đất phục vụ tôn giáo, nghĩa trang, sông và mặt nước đặc dụng), diện tích đất núi đá trọc chưa sử dụng

Nguồn: Mô hình Kinh tế và Sử dụng Đất của Monitor

Đến năm 2020, Hà Tĩnh nên tập trung vào định hướng phát triển không gian và diện tích quanh các khu kinh tế trọng điểm trong tỉnh, đảm bảo phát triển bền vững các khu vực biển và ven biển và vùng miền núi. Theo một phân tích về địa lý tự nhiên, nguồn lực, đặc điểm dân số của Hà Tĩnh, tỉnh sẽ được hưởng lợi từ việc tập trung các hoạt động kinh tế trọng điểm vào ba khu phát triển kinh tế sau đây:

Khu 1: Khu Sản xuất và Công nghiệp nặng ở Khu kinh tế Vũng Áng và Thạch Khê.

Khu 2: Hành lang Tri thức Đô thị giữa thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh.

Khu 3: Hành lang Chế biến Gỗ/ Nông sản và Hậu cần dọc Quốc lộ 8 và đường Hồ Chí Minh.

Khu vực 1, Khu Sản xuất và Công nghiệp nặng, bao gồm 2 vùng được ưu tiên phát triển. Phần lõi của Khu vực này nằm xung quanh Khu kinh tế Vũng Áng, phía Đông Nam Hà Tĩnh, thuộc huyện Kỳ Anh, gần ranh giới với tỉnh Quảng Bình. Khu kinh tế Vũng Áng sẽ phát triển thành trung tâm sản xuất, chế biến kim loại và các hoạt động dệt may, đồng thời cũng là trung tâm thương mại và dịch vụ hậu cần liên kết với cảng Vũng Áng và Sơn Dương. Vùng trọng điểm thứ hai của Khu vực 1 là mỏ sắt Thạch Khê ở huyện Thạch Hà, nơi cung cấp nguồn quặng cho cụm ngành luyện thép đặt tại Vũng Áng.

Khu vực 2, Hành lang Tri thức đô thị, trải dọc Quốc lộ 1A đoạn từ thành phố Hà Tĩnh đến thị xã Hồng Lĩnh và nối với thành phố Vinh về phía Bắc. Khu vực này gồm cả khuôn viên Đại học Hà Tĩnh ở huyện Cẩm Xuyên. Các thị xã/thành phố của Hà Tĩnh sẽ là trung tâm dịch vụ giáo dục và đào tạo nghề, trung tâm đào tạo lao động của Hà Tĩnh. Cụm ngành BPO/ ITO sẽ đặt cơ sở ở thành phố Hà Tĩnh, gần với các cơ sở đào tạo liên quan đến BPO và CNTT, dựa vào cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin được xây dựng tại đây.

Khu vực 3, Hành lang Chế biến Gỗ/Nông sản và Hậu cần, có các hoạt động công nghiệp dọc theo quốc lộ 8 từ Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo đến cảng Xuân Hải và Khu công nghiệp Gia Lách tại huyện Nghi Xuân, chạy dọc đường Hồ Chí Minh ở phía tây của tỉnh. Hoạt động chế biến được đặt dọc hành lang sao cho gần nguồn nguyên liệu đầu vào chính ở Hà Tĩnh, đồng thời kết nối với nguồn nguyên liệu đầu vào và thị trường ở các tỉnh lân cận và ở Lào. Hành lang này bao gồm các cụm chế biến và sản xuất sản phẩm gỗ gần Tây Sơn; cụm chế biến sản



phẩm sữa, gia súc và cam gòn Phó Châu; cụm chế biến trái cây tại Hương Khê; cụm chế biến lạc và thủy sản ở huyện Nghi Xuân. Ngoài chế biến, đây còn là một khu vực quan trọng về dịch vụ hậu cần của tỉnh, với các trung tâm tại Đà Mông và Hà Tân để phục vụ cửa khẩu biên giới Cầu Treo. Huyện Đức Thọ sẽ là trung tâm dịch vụ hậu cần đường bộ-đường sắt; Hà Vang là điểm dịch vụ hậu cần gần nơi giao cắt của đường 1A và đường 8; và Hương Khê phục vụ phía Tây Nam của tỉnh được thúc đẩy nhờ việc nâng cấp tuyến đường Đông-Tây. Hành lang kinh tế này sẽ rất quan trọng cho sự phát triển của cụm ngành nông nghiệp, và cụm ngành liên quan, và hỗ trợ sinh kế cho người nông dân ở Hà Tĩnh.

## 5.2 Phát triển đô thị và các điểm dân cư nông thôn

### 5.2.1 Phát triển đô thị

Quá trình phát triển kinh tế và công nghiệp hóa sẽ xảy ra đồng thời với quá trình đô thị hóa tại địa phương. Hà Tĩnh cần chuẩn bị tốt cho quá trình phát triển của thành phố và các thị trấn do tốc độ tăng nhanh của dân số và sự di dân từ nông thôn về các khu đô thị. Do sự chuyển dịch của nền kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp và sự thay đổi xu hướng tuyển dụng, dân cư sẽ có xu hướng chuyển dần về sinh sống tại các khu đô thị như thành phố Hà Tĩnh hoặc thị xã Hồng Lĩnh. Hơn nữa, các đô thị nhỏ tại một số huyện như thị trấn Kỳ Anh, Vũng Áng, Phó Châu và Tây Sơn của huyện Hương Sơn, hoặc thị trấn Đức Thọ, dân cư từ các vùng nông thôn có thể sẽ đổ về do sự tập trung các hoạt động công nghiệp mới tại những thị trấn này hoặc tại các vùng lân cận. Hà Tĩnh cần có kế hoạch cụ thể về việc phát triển hệ thống các khu đô thị trong tỉnh cũng như cách liên kết các đô thị này. Mỗi huyện sẽ cần có kế hoạch chi tiết về phát triển các trung tâm đô thị của mình.

#### 5.2.1.1 Định hướng chung

Trong một thập kỷ qua, tốc độ tăng trưởng dân số thành thị của tỉnh Hà Tĩnh vượt tốc độ chung của cả nước. Từ năm 2000 đến 2010, Hà Tĩnh đạt tốc độ tăng trưởng dân số vùng thành thị là 4,3%, so với 3,4% của cả nước trong giai đoạn 2000 - 2010. Trong năm 2010, tổng dân số Hà Tĩnh là 1,2 triệu người, trong đó 15% số dân sống tại các vùng thành thị và 85% sống tại vùng nông thôn. Dựa trên con số ước tính tăng trưởng kinh tế, Hà Tĩnh nên duy trì tốc độ đô thị hóa 12% dân số giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020, một con số khá cao so với thập kỷ trước. Theo đó, dân số vùng thành thị sẽ đạt 393.000 người vào năm 2015, chiếm 29% tổng dân số. Đến năm 2020, dân số tại các vùng thành thị của tỉnh sẽ vào 573.000, chiếm 36% tổng dân số. Đến năm 2020, dân số thành thị tỉnh Hà Tĩnh sẽ tăng 3 lần so với năm 2010.

Sự tăng trưởng dân số thành thị sẽ tập trung tại một số lĩnh vực chính dựa vào sự phân bổ các hoạt động công nghiệp và dịch vụ. Hành lang đô thị bao gồm thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh sẽ tiếp tục đóng vai trò là vùng đô thị chính của tỉnh, trong đó thành phố Hà Tĩnh sẽ là đô thị tăng trưởng mạnh nhất của tỉnh. Nhờ động lực là sự phát triển của khu kinh tế Vũng Áng, huyện Kỳ Anh dự kiến sẽ được công nghiệp hóa và tạo tăng trưởng việc làm. Chính vì lý do này, các thị trấn Kỳ Anh, Vũng Áng được kỳ vọng sẽ trở thành đô thị tăng trưởng mạnh, tạo ra một trục nối liền ba đô thị lớn dọc quốc lộ 1A. Ba đô thị này sẽ liên kết chặt chẽ với hệ thống đô thị tại khu vực duyên hải Bắc Trung Bộ và góp phần tăng trưởng lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ dọc vùng duyên hải.

Thành phố Hà Tĩnh sẽ là trung tâm chính về hành chính - dịch vụ của tỉnh. Với việc tập trung vào phát triển công nghiệp và dịch vụ, thị xã Hồng Lĩnh và Kỳ Anh, Vũng Áng sẽ trở thành các trung tâm đô thị tăng trưởng

mạnh thứ 2. Trung tâm phát triển đô thị ở Huyện Kỳ Anh sẽ tiếp tục là thị trấn Kỳ Anh, tuy vậy khu kinh tế Vũng Áng vẫn sẽ xây dựng một khu đô thị mới làm chỗ ở cho công nhân làm việc trong khu kinh tế.

Các thị trấn khác cũng sẽ góp phần quan trọng trong việc phát triển hệ thống đô thị: Tây Sơn và Phố Châu của huyện Hương Sơn, Hương Khê, Đức Thọ và Nghi Xuân. Các thị trấn này hình thành một trục đô thị dọc quốc lộ 8 và đường Hồ Chí Minh, tạo nên sự phát triển đô thị cân bằng và đặc biệt góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội tại phía bắc và phía tây của tỉnh.

#### 5.2.1.2 Phát triển mạng lưới đô thị

Dự kiến tỉnh Hà Tĩnh sẽ có mạng lưới đô thị phát triển hơn vào năm 2015. Thành phố Hà Tĩnh vẫn sẽ là trung tâm tỉnh và là đô thị loại 3. Hà Tĩnh có 1 đô thị loại 4 là thị xã Hồng Lĩnh. Đến năm 2020, thành phố Hà Tĩnh thành đô thị loại II và thị xã Hồng Lĩnh thành loại III; thị trấn Kỳ Anh và Vũng Áng cũng sẽ phát triển nhanh chóng trở thành đô thị loại III.

Trong giai đoạn từ 2011 đến 2020, tỉnh Hà Tĩnh cũng có kế hoạch phát triển thêm một trung tâm liên xã cấp 4, đưa tổng số đơn vị hành chính thành thị tại các huyện lên 14. Vũng Áng – thị trấn cấp 4 mới sẽ là trung tâm dân cư tập trung các dịch vụ thương mại của khu kinh tế Vũng Áng.

Trong một thập kỷ tới, 13 trung tâm đô thị vệ tinh còn lại sẽ tiếp tục tăng trưởng về dân số, nhưng vẫn là những trung tâm liên huyện cấp 5. Các trung tâm này bao gồm thị trấn Lộc Hà, Nghèn, Kỳ Anh, Hương Khê, Phố Châu, Tây Sơn, Thiên Cầm, Cẩm Xuyên, Đức Thọ, Cày, Vũ Quang, Xuân An, và Nghi Xuân.

Đến năm 2020, đô thị Hoàn Sơn (hình thành trên cơ sở thị trấn Kỳ Anh và Vũng Áng) sẽ là trung tâm đô thị đông dân nhờ gia tăng nhanh chóng hoạt động công nghiệp ở KKT Vũng Áng. Do sự tập trung các hoạt động công nghiệp, dịch vụ và giao thương, những đô thị sau đây cũng sẽ có tốc độ tăng trưởng đáng kể: Thị trấn Lộc Hà (nhờ công nhân mỏ sắt Thạch Khê sinh sống và sử dụng dịch vụ tại đây), thị trấn Tây Sơn (ngành chế biến gỗ, thương mại và hậu cần – là 1 phần của khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo), thị trấn Phố Châu (phục vụ các nhà máy chế biến thịt và các nhà máy khác ở khu công nghiệp Hà Tân), thị trấn Đức Thọ (thương mại và hậu cần), thị trấn Xuân An (chế biến nông thủy sản, dịch vụ hậu cần), và thị trấn Hương Khê (trái cây, thương mại và dịch vụ hậu cần).

Theo tiêu chí đánh giá trong Thông Tư số 34/2009/TT-BXD chi tiết hóa cách phân loại vùng đô thị (Nghị Định số 42/2009/NĐ-CP về phân loại đô thị), thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh có thể sẽ được nâng thêm 1 cấp, đồng thời thị trấn Kỳ Anh được nâng 2 cấp do có vai trò quan trọng về trung tâm đô thị, có tỷ lệ lao động phi nông nghiệp cao, và có cơ sở hạ tầng cũng như mật độ dân số đáng kể. Thị trấn Vũng Áng sẽ dần đạt đến quy mô, trình độ cơ sở hạ tầng và mật độ dân của đô thị loại III.

#### 5.2.1.3 Định Hướng Phát Triển của Các Khu Đô Thị Trọng Điểm

Công nghiệp hóa và phát triển dịch vụ sẽ thu hút dân cư tập trung tại 3 trung tâm đô thị chính. Vì thế tỉnh Hà Tĩnh cần ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng đô thị và dịch vụ:

- *Thành phố Hà Tĩnh:* Tỉnh nên ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng đô thị của thành phố Hà Tĩnh để bắt kịp với tốc độ tăng nhanh của dân số. Thành phố Hà Tĩnh sẽ đóng vai trò là trung tâm của tỉnh và phát triển thành đô thị loại 2 vào năm 2020. Trong giai đoạn từ 2010 đến 2015, thành phố dự kiến có thể đạt tốc độ tăng dân

số thành thị 8,8%/năm, dân số thành thị tăng từ 66.750 lên 102.000 người. Thành phố nên duy trì tốc độ tăng dân số thành thị ở mức 4,7% mỗi năm trong giai đoạn từ 2015 đến 2020, với tổng số dân 128.000 người vào năm 2020. Theo đó, thành phố Hà Tĩnh cần tăng lượng nhà ở bằng cách có mật độ nhà ở cao hơn với các khu nhà cao tầng, trước khi nghĩ đến phương án phân thêm quỹ đất cho vùng đô thị.

Là thủ phủ tỉnh Hà Tĩnh, thành phố Hà Tĩnh sẽ là trung tâm của các sở ban ngành cấp tỉnh; cụm BPO – ITO; trụ sở chính của nhiều doanh nghiệp tầm cỡ; hoạt động thương mại (ví dụ mua sắm và siêu thị); dịch vụ du lịch (ví dụ: khách sạn, nhà hàng và lễ hành); và nhiều dịch vụ khác hỗ trợ sự phát triển của các ngành còn lại trong tỉnh - bao gồm ngân hàng, tổ chức tài chính, cơ quan pháp lý, trung tâm y tế, cơ sở giáo dục, cũng như những công trình văn hóa, thể thao. Bệnh viện tỉnh cần được mở rộng về công suất cũng như dịch vụ nhằm phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu ngày càng tăng của người dân. Nhờ sự tập trung của các cơ sở giáo dục và đào tạo cấp tỉnh như trường Đại Học Hà Tĩnh, trường Cao đẳng Nghề Kỹ thuật Việt Đức, thành phố Hà Tĩnh sẽ trở thành trung tâm của Hành lang tri thức đô thị. Trường học và những cơ sở dạy nghề sẽ được nâng cấp cơ sở vật chất và dịch vụ nhằm bắt kịp tốc độ tăng dân số và đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh.

Thành phố Hà Tĩnh sẽ trở thành trung tâm của dịch vụ BPO – ITO và dịch vụ hỗ trợ và bảo dưỡng CNTT. Nhằm hỗ trợ sự phát triển của cụm, khu công nghiệp CNTT sẽ được thành lập trước năm 2015, cùng với các cơ sở dạy nghề như trung tâm dạy nghề BPO - nơi đào tạo cán bộ thích hợp cho cụm này. Với sự phát triển các hoạt động khai khoáng tại mỏ sắt Thạch Khê, thành phố Hà Tĩnh cũng sẽ phục vụ một phần nhu cầu của dân cư đô thị trong cụm ngành khai mỏ, bao gồm việc cung cấp nhà ở cho một bộ phận công nhân và các dịch vụ du lịch và đón tiếp cho nhân lực chuyên môn tới thăm khu vực này và đây cũng sẽ là địa điểm xây dựng một Trung tâm Xuất sắc Khai mỏ và Luyện kim thuộc trường Đại học Hà Tĩnh.

Việc xây dựng và nâng cấp hạ tầng giao thông, điện, nước, chất thải và viễn thông sẽ rất quan trọng cho sự phát triển của thành phố. Thành phố sẽ cần thêm nguồn đầu tư, đặc biệt cho việc nâng cấp hạ tầng giao thông như củng cố lại hệ thống đường trong thành phố, nâng cấp quốc lộ 1A - cầu nổi quan trọng giữa thành phố với các vùng khác của tỉnh, hoàn thành đường 1A tránh thành phố; và nâng cấp hệ thống cấp thoát nước cũng như các dịch vụ khác của thành phố.

- *Thị xã Hồng Lĩnh:* Là trung tâm đô thị lớn thứ hai của tỉnh, thị xã Hồng Lĩnh sẽ tiếp tục có tốc độ tăng trưởng cao trong những năm tới. Trong giai đoạn từ 2010 đến 2015, tốc độ tăng dân số thành thị hằng năm của thị xã dự báo đạt khoảng 10,2%, dân số thành thị tăng từ 32.400 lên 52.700 người. Trong giai đoạn 2015 đến 2020 khi việc nâng cấp đường 1A hoàn thành và nâng cấp quốc lộ 8 tiếp tục triển khai, tốc độ tăng dân số thành thị của thị xã Hồng Lĩnh khoảng 6,8% năm, đạt 73.200 người, bằng gần 85% tổng số dân của cả thị xã. Trong thập kỷ tới, thị xã cần có chính sách đảm bảo đủ nhà ở cho những người dân mới. Giao thông, điện, nước, xử lý chất thải và dịch vụ viễn thông cũng cần được nâng cấp để hỗ trợ sự phát triển của thị xã, đưa thị xã trở thành đô thị loại III.

Thị xã Hồng Lĩnh có ba nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của toàn tỉnh. Một là, Hồng Lĩnh là trung tâm trí thức quan trọng của cả tỉnh và là một phần của hành lang Tri thức đô thị chạy dài tới Thành phố Hà Tĩnh. Thị xã cần tăng cường chất lượng dạy nghề trong lĩnh vực dịch vụ giao thông, chế biến, chế tạo nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho các cụm công nghiệp mới nổi của Hà Tĩnh. Hai là, thị xã đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển thương mại và hậu cần của tỉnh do nằm trên điểm giao nhau giữa quốc lộ 1A và quốc lộ 8. Các nhà cung cấp dịch vụ hậu cần trong thị xã hoặc gần KCN Hạ Vàng

sẽ có thuận lợi trong vận chuyển hàng hóa từ Bắc Trung Bộ Việt Nam đến Lào và vùng Đông Bắc Thái Lan thông qua cửa khẩu Cầu Treo và ngược lại. Cuối cùng, thị xã có thể tận dụng vị thế của mình để phát triển các dịch vụ giao thông hiện tại như dịch vụ bảo dưỡng ô tô phục vụ giao thông trên quốc lộ 1A, quốc lộ 8 cũng như tuyến đường cao tốc đã được quy hoạch. Hồng Lĩnh cũng sẽ là 1 trong những trung tâm sản xuất hàng dệt may và may mặc trong tỉnh.

- **Thị trấn Kỳ Anh và Vũng Áng:** Mặc dù huyện Kỳ Anh là một trong số khu vực có dân số thấp nhất trong tỉnh, sự phát triển nổi bật của công nghiệp trong khu kinh tế Vũng Áng sẽ kích thích sự tăng trưởng của huyện. Dự báo, tốc độ đô thị hóa của huyện Kỳ Anh sẽ đạt 47% trong giai đoạn từ 2010 đến 2015, với dân số thành thị tăng từ 10.000 lên 44.600 người tại Kỳ Anh và 26.000 người tại Vũng Áng. Từ năm 2015 đến 2020, tốc độ tăng dân số thành thị hàng năm của huyện sẽ vào khoảng 18%, đạt 101.000 người tại Kỳ Anh và 59.000 người tại Vũng Áng. Đến năm 2020, Kỳ Anh và Vũng Áng sẽ đảm bảo sự gắn kết và hình thành đô thị trung tâm Hoàn Sơn, Hoàn Sơn trở thành đô thị loại III và sẽ trở thành trung tâm đô thị chính của khu vực phía Nam của tỉnh. Trong thập kỷ tới, thị trấn Kỳ Anh và Vũng Áng cần có chính sách đảm bảo đủ nhà ở cho những người dân mới cũng như đi lại, điện, nước, xử lý chất thải. Hạ tầng viễn thông cũng cần được nâng cấp để hỗ trợ thị trấn phát triển thành đô thị loại III.

Hoàn Sơn sẽ đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển của Khu Kinh tế Vũng Áng cũng như hệ thống cảng biển Vũng Áng-Sơn Dương; cung cấp các dịch vụ tài chính ngân hàng, dịch vụ thương mại, các hoạt động văn hóa, cơ sở giáo dục, cơ sở y tế, du lịch nhà hàng khách sạn và nhà ở nhằm đáp ứng nhu cầu dân số ngày càng tăng, lượng lớn dân số làm việc gần khu kinh tế Vũng Áng, và đáp ứng nhu cầu từ sự phát triển của các cụm ngành kim loại và chế tạo trong khu kinh tế Vũng Áng

- **Thị trấn Tây Sơn:** Nằm ở trung tâm huyện Hương Sơn, thị trấn Tây Sơn sẽ tăng dân số thành thị trong thời gian tới. Hương Sơn, huyện đông dân thứ năm của tỉnh, có dân số thành thị là 13.045 người vào năm 2010, chiếm 11% tổng số dân cả huyện. Đến năm 2015, dự báo dân số thành thị của Tây Sơn đạt khoảng 8.600 người, chiếm 6,3% tổng dân số của cả huyện. Đến năm 2020, dự báo dân số thành thị của thị trấn sẽ đạt 11.300 người, chiếm 7,2% tổng dân số. Với sự phát triển của ngành chế biến gỗ và nông sản, thương mại và hậu cần, thị trấn sẽ phát huy phần lớn tốc độ phát triển đô thị của huyện.
- **Thị trấn Phố Châu:** Theo dự đoán, thị trấn Phố Châu sẽ trở thành khu vực đô thị tăng trưởng mạnh của tỉnh. Cũng nằm trong huyện Hương Sơn và ở ngay gần KKT cửa khẩu Cầu Treo, diện tích thị trấn này gấp gần 2,5 lần của thị trấn Tây Sơn, do đó sẽ đô thị hóa nhanh khi KKT cửa khẩu phát triển. Khu Công nghiệp Hạ Vàng nằm giữa Phố Châu và Tây Sơn sẽ thu hút các nhà cung cấp dịch vụ hậu cần và chế biến nông sản, đồng thời Phố Châu sẽ phục vụ các doanh nghiệp đóng tại KCN. Đến năm 2015, thị trấn có dân số 19.400 người, chiếm 19% dân số toàn huyện. Đến năm 2020, dân số thị trấn sẽ là 25.300 người, chiếm 23% dân số huyện.
- **Thị trấn Đức Thọ:** Năm 2010, huyện Đức Thọ có dân số 104.544 người, trong số đó, 6.901 người sinh sống ở thành thị. Mặc dù dân số thành thị của huyện đã giảm mạnh từ năm 2006 đến 2010 do di cư, dự báo tốc độ tăng dân số thành thị của huyện sẽ đạt mức bình quân khoảng 22% mỗi năm trong giai đoạn từ 2010 đến 2015. Đến năm 2015, dân số thành thị của huyện sẽ đạt 18.800 người, so với 6.900 năm 2010. Trong giai đoạn từ 2015 đến 2020, tốc độ tăng dân số thành thị hằng năm sẽ duy trì ở mức 5,9% và đạt 25.000 vào

2020, chiếm 23% tổng số dân của huyện. Thị trấn Đức Thọ có tiềm năng phát triển trở thành thị trấn đầu mối với nhiều dịch vụ thương mại và hậu cần.

- **Thị trấn Nghi Xuân:** Huyện Nghi Xuân có dân số thành thị lớn thứ ba của Hà Tĩnh. Năm 2010, 13% trong tổng số 95.811 là dân số đô thị. Tốc độ tăng dân số thành thị của huyện sẽ tiếp tục ổn định và đạt 16.600 đến năm 2015, 18.300 người năm 2020, chiếm 19% tổng dân số của huyện. Thị trấn Xuân An sẽ tăng trưởng mạnh nhờ nằm gần thành phố Vinh – Nghệ An, và nhờ hoạt động công nghiệp trong huyện. Với việc tinh tập trung tăng mật độ dân cư song lại hạn chế mở rộng diện tích các vùng đô thị, 2 thị trấn này sẽ cùng phát triển nhưng không sát nhập vào nhau. Nghi Xuân dự kiến sẽ phát triển ngành chế biến thủy sản như tôm, cá và chế biến lạc ở KCN Gia Lách nằm gần đó. Ngoài ra, thị trấn sẽ tận dụng hơn nữa tiềm năng của cảng Xuân Hải trong vận chuyển hàng nội địa có khối lượng thấp và vận tải từ Lào nhằm hỗ trợ hoạt động của Hành lang chế biến nông sản và gỗ và Hậu cần. Dân số Nghi Xuân sẽ đạt 2.900 người vào năm 2015 và 3.200 vào năm 2020. Trong khi đó, Nghi An sẽ phát triển dịch vụ hậu cần và kinh doanh dịch vụ, nhằm phục vụ Vinh và các khu công nghiệp Gia Lách và Hạ Vàng nằm gần đó. Dân số Nghi An sẽ đạt 13.700 người vào năm 2015 và 15.000 vào năm 2020.
- **Thị trấn Hương Khê:** Cũng như nhiều huyện khác, dân số của huyện Hương Khê sẽ tăng trong thời gian tới. Năm 2010, dân số thành thị của huyện là 9.500, tuy nhiên, con số này sẽ tăng lên 20.200 vào năm 2015 và 23.200 vào năm 2020. Thị trấn Hương Khê, sẽ phát triển ngành chế biến trái cây, đặc biệt là cam và giống bưởi nổi tiếng ở Phúc Trạch. Thị trấn còn phát triển thương mại và dịch vụ hậu cần trên tuyến đường sắt Thống Nhất nhờ vị trí nằm gần điểm giao cắt giữa đường Hồ Chí Minh và tuyến đường Đông-Tây được nâng cấp mới của tỉnh.
- **Huyện Lộc Hà:** Đến năm 2010, huyện Lộc Hà vẫn chưa có dân cư thành thị. Cùng sự phát triển của tỉnh, Lộc Hà sẽ có 14.100 dân cư thành thị vào năm 2015 và 15.000 dân cư thành thị vào năm 2020. Huyện có 2 động lực tăng trưởng: làm trung tâm dịch vụ hậu cần cho mỏ sắt Thạch Khê, với việc xây dựng tuyến đường ven biển; hỗ trợ cho nông dân và ngư dân cũng như làm trung tâm công nghệ đánh bắt xa bờ của tỉnh, ví dụ như các hệ thống giám sát tàu đánh cá (VMS).

### 5.2.2 Phát triển nông thôn

Năm 2020 64% người dân tỉnh vẫn sống ở khu vực nông thôn, giảm so với 85% hiện nay. Mục tiêu quan trọng của kế hoạch phát triển kinh tế xã hội là qua đó tăng thu nhập, cải thiện sinh kế và chất lượng cuộc sống cho người dân nông thôn của tỉnh Hà Tĩnh. Tỉnh có thể thực hiện được mục tiêu này bằng việc áp dụng chiến lược phát triển nông thôn tổng hợp chủ yếu tập trung vào 4 lĩnh vực sau đây:

- Tăng thu nhập cho cụm nông nghiệp và các ngành liên quan, trong khi đó phải làm cho mức thu nhập này ổn định và hạn chế biến động do tác động của thiên tai lũ lụt và hạn hán;
- Tạo ra nhiều công ăn việc làm khác nhau từ đó có thể cải thiện thu nhập cho lực lượng lao động nông nghiệp;
- Cải thiện các dịch vụ xã hội, nhất là dịch vụ giáo dục và y tế cho khu vực nông thôn;
- Phát triển hạ tầng vật chất ở khu vực nông thôn thông qua cải thiện chất lượng nhà ở, giao thông, các dịch vụ nước và vệ sinh, điện, viễn thông và hạ tầng để giảm thiểu và phòng chống tác hại của bão lũ;

Phát triển nông thôn ở Hà Tĩnh phải thực hiện theo các tiêu chuẩn đề ra trong chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Nghị định số 800/QĐ-TTg ngày 4/6/2010.

#### 5.2.2.1 Tăng thu nhập và ổn định thu nhập trong ngành nông nghiệp và các ngành có liên quan

- Chuyển đổi và hiện đại hóa cụm nông nghiệp và các ngành liên quan bằng cách tập trung vào 3 kết quả đầu ra chính - thương mại hóa thành công và bền vững, tăng chất lượng sống và thu nhập ở nông thôn, và an ninh - ổn định xã hội lâu dài, với 3 chủ điểm quan trọng:
  - Tạo Giá trị – nâng cao giá trị từ các tài sản hiện tại của nông nghiệp và các ngành liên quan
  - Mô hình Phát triển Mới – thực hiện mô hình phát triển nông nghiệp nông thôn tổng hợp mới ở địa phương nhằm đảm bảo điều phối tốt hơn, cũng như hiệu quả và năng suất của cụm ngành này
  - Khả năng chống chịu Thiên tai và Biến đổi Khí hậu dài hạn – có cách tiếp cận tổng hợp và lập kế hoạch giải quyết các ảnh hưởng từ thiên tai và biến đổi khí hậu dài hạn
- Đẩy mạnh phát triển làng nghề, đặc biệt là gần các trung tâm dịch vụ hậu cần và dọc theo các tuyến đường chính, tập trung vào các ngành nghề như nội thất truyền thống, đan tre thủ công và chế biến gỗ. Các làng nghề truyền thống phải thực hiện theo khẩu hiệu của Chương trình xây dựng nông thôn mới, “mỗi làng một sản phẩm”.

#### 5.2.2.2 Tạo ra nhiều nguồn việc làm thay thế và bổ sung

- Đảm bảo lao động nông nghiệp thiếu việc làm được tiếp cận đào tạo nghề để tận dụng được các việc làm mới trong khu vực công nghiệp khi Hà Tĩnh phát triển. Giúp những người này có việc làm vào lúc nông nhàn để có thêm thu nhập hoặc chuyển đổi hẳn ngành nghề - gần 48.000 người dự kiến chuyển từ nông nghiệp sang công nghiệp hoặc dịch vụ trong thời gian 2011-2020.

#### 5.2.2.3 Cải thiện các dịch vụ xã hội

- Phát triển mạnh giáo dục tiểu học và trung học cơ sở cho các xã phường.
  - Đến năm 2020, nếu có thể, mỗi xã sẽ xây dựng hệ thống các trường học từ mẫu giáo đến cấp hai với 100% các trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.
  - Hệ thống đường giao thông đến trường được đảm bảo cho học sinh đi học ở khu vực vùng sâu vùng xa miền núi.
  - Nâng cấp hệ thống giao thông đến các cơ sở giáo dục bậc cao hơn ở các thị xã và thành phố Hà Tĩnh.
- Thông qua mô hình nông nghiệp mới, tổ chức đào tạo có hệ thống giúp nông dân hiểu và áp dụng tốt các kỹ thuật canh tác mới và đào tạo cho họ về các xu hướng thị trường nông sản mới nhất để tăng năng suất.
- Mở rộng phạm vi và tổ chức linh hoạt các khóa đào tạo cho dân cư nông thôn.
  - Mở rộng các chương trình hiện có như dự án giảm nghèo Sở LĐTBXH-ILO, là dự án kết hợp với các trường dạy nghề trong tỉnh để tổ chức các khóa đào tạo cho nông dân lúc nông nhàn.

- Xây dựng hệ thống giao thông thuận tiện và nơi ăn nghỉ cho sinh viên các cơ sở đào tạo của tỉnh, giúp người dân ở các khu vực vùng xa có thể tham gia các khóa dạy nghề.
- Tiếp tục các chương trình y tế dự phòng ở khu vực nông thôn
- Tiếp tục đầu tư vào trung tâm y tế cấp xã phường và các bệnh viện tuyến huyện
  - 90% trung tâm y tế cấp xã phường sẽ có bác sỹ vào năm 2020.
- Hợp tác với các tổ chức cơ sở để tiến hành các chương trình tuyên truyền nhận thức mới về nước sạch và vệ sinh
- Xây dựng nhà xí hợp vệ sinh, đạt tỷ lệ 100% hộ gia đình có nhà xí hợp vệ sinh vào năm 2020.
- Bảo vệ văn hóa các làng truyền thống, đảm bảo tất cả đến năm 2020, các huyện nông thôn đầu tư nâng cấp nhà sinh hoạt cộng đồng; 75% số xã cần có trung tâm văn hóa đạt chuẩn quốc gia theo chương trình nông thôn mới.
- Giảm 3-4% tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2020<sup>19</sup>.

#### 5.2.2.4 Cải thiện hạ tầng vật chất

- Nâng cấp hạ tầng nông thôn, nhất là hệ thống đường giao thông liên xã và đường cấp xã để cải thiện khả năng tiếp cận của người dân nông thôn với thị trường và khả năng vận chuyển nguyên vật liệu cho các cơ sở buôn bán và chế biến ở khu vực đô thị.
  - Đặt mục tiêu nâng cấp 44% đường giao thông nông thôn hiện chưa được bê tông hóa thông qua bê tông hóa và thường xuyên bảo dưỡng, tăng khả năng chống chịu thiên tai.
- Nâng cấp các cảng cá hiện có và xây dựng hai cảng cá mới tại huyện Cẩm Xuyên và Kỳ Anh với công suất đủ cho các thuyền cá tránh trú.
- Đầu tư nâng cấp hơn 40% mạng lưới điện nông thôn để giúp toàn bộ các hộ dân được sử dụng nguồn điện mới có của tỉnh khi nhà máy nhiệt điện Vũng Áng đi vào hoạt động.
- Cải thiện điều kiện thủy lợi tưới tiêu bao gồm việc xây dựng các hồ chứa nước mới quy mô lớn như hồ Ngàn Trươi ở Vũ Quang, nâng cấp hệ thống đường ống, máy bơm nước và cải tạo gần 4000km kênh mương.
- Cải thiện điều kiện tiếp cận nước uống sạch, hợp vệ sinh cho khu vực nông thôn bằng việc nâng cấp các nhà máy nước hiện có và xây mới các nhà máy nước nông thôn, nhất là tại khu vực đồng bằng và ven biển - nơi nước ngầm có hàm lượng khoáng, kim loại muối cao, và bằng việc tăng cường dự trữ nước an toàn và công nghệ sử dụng, đặc biệt ở khu vực miền núi.
  - Đến năm 2020, toàn bộ người dân nông thôn của Hà Tĩnh cần được tiếp cận nước sạch, so với mức 70% ở thời điểm hiện nay. Chuẩn cung cấp nước là 100 l/ngày.

<sup>19</sup>Số: 3648/KH-UBND, tỉnh Hà Tĩnh (2011)

- Xây dựng cơ sở hạ tầng chống chịu thiên tai như hệ thống đập chống lũ ở khu vực tuyến trên và nhánh sông của các con sông Ngàn Phố, Ngàn Trươi và Ngàn Sâu; các tuyến đê dọc theo các con sông và hệ thống đê biển như tuyến đê La Giang ở Đức Thọ và hệ thống đê sông Lam ở Nghi Xuân; và trồng rừng ngập mặn khu vực ven biển để bảo vệ dân chống các tác động của thiên tai.
- Đảm bảo các nhà mới xây trong tỉnh có khả năng chịu lũ.
- Xây dựng nơi tránh lũ cho cộng đồng tại trung tâm hợp tác xã mới để cho người dân và vật nuôi có thể ở tạm trong thời kỳ điều kiện thời tiết xấu và cất trữ tài sản có giá trị, lương thực và nước uống an toàn trong trường hợp khẩn cấp.

### 5.2.3 Hoạt động chính của các huyện

Tất cả các huyện sẽ thực hiện Chương trình phát triển nông thôn mới như đã nói trong chiến lược cụm ngành Nông nghiệp. Tuy nhiên, có 1 số hoạt động bổ sung quan trọng cần triển khai ở từng huyện cụ thể.

| Huyện            | Hoạt động  |
|------------------|--|
| <b>Cẩm Xuyên</b> | <p><b>Tập trung đánh bắt cá vùng nước sâu và phát triển các khu vực du lịch chính, kết hợp với việc nâng cao năng suất nông nghiệp bằng cách chuyển cơ cấu hoa màu từ gạo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Là huyện sản xuất hoa màu lớn nhất trong tỉnh, cả về diện tích đất và sản lượng (đặc biệt là lúa gạo), Cẩm Xuyên được xác định là huyện đầu tiên để canh tác các giống hoa màu có chất lượng cao hơn sau khi hiệu quả của các giống này được các hộ nông dân ở đây xác nhận qua thử nghiệm. Huyện cũng bắt đầu phát triển 4.500ha diện tích sản xuất lúa gạo hàng hóa vào năm 2020.</li> <li>• Nâng cao năng suất đánh cá vùng biển sâu, tập trung vào khu vực xung quanh cảng mới xây ở Cẩm Nhượng, đồng thời tập trung vào trồng lạc và nuôi lợn</li> <li>• Phát triển hạ tầng cơ sở tiền chế biển và các cơ sở đã có tại cảng để tăng giá trị đánh bắt</li> <li>• Tập trung phát triển khu dịch vụ du lịch Thiên Cẩm và hồ Kê Gỗ để thu hút khách du lịch là doanh nhân.</li> <li>• Xây dựng một hệ thống cung cấp nước mới cho huyện với công suất là 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm.</li> <li>• Xây dựng nhà máy xử lý rác thải để đảm bảo bảo vệ môi trường.</li> </ul> |
| <b>Can Lộc</b>   | <p><b>Tiếp tục tập trung sản xuất công nghiệp với sự phát triển của khu công nghiệp Hạ Vàng và tăng cường định hướng ngành nông nghiệp và các ngành có liên quan tập trung vào các hoạt động chế biến</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đi đầu trong sản xuất lúa hàng hóa tại Can Lộc, diện tích đạt 5000 ha vào năm 2020.</li> <li>• Xây dựng khu công nghiệp Hạ Vàng, bao gồm các nhà máy chế biến khoai lang, thịt lợn, cùng với các dịch vụ hậu cần và đường bộ.</li> <li>• Mở rộng các hoạt động chăn nuôi gia súc (đặc biệt là lợn và bò) để cung cấp cho các nhà máy trong huyện; sử dụng các dịch vụ hậu cần mới để vận chuyển gia súc và hoa màu (khoai lang và các loại rau khác) từ các huyện khác để đi vào chế biến.</li> <li>• Phát triển sản xuất dệt may và may mặc ở KCN Hạ Vàng.</li> <li>• Thu hút đầu tư để xây dựng nhà máy tái chế rác thải (tại khu công nghiệp Hạ Vàng hoặc ở một địa điểm khác trong huyện) để tận dụng việc đi lại thuận tiện từ các trung tâm dân cư chính.</li> </ul>  |



- Xây dựng giao lộ giữa chùa Hương Tích và ngã ba Đồng Lộc thành một điểm chính cho khách du lịch thương mại, phù hợp với tầm quan trọng về lịch sử và văn hóa của tỉnh.

## **Đức Thọ**

### **Trung tâm hậu cần đa năng hỗ trợ khu kinh tế Cầu Treo để tiếp tục chú trọng đến năng lực sản xuất nông nghiệp đặc thù cũng như ngành thủy sản nước ngọt**

- Trồng 4000ha lúa hàng hóa vào năm 2020.
- Xây dựng trung tâm hậu cần kết nối từ tuyến đường sắt với đường bộ đến địa điểm cung cấp dịch vụ hậu cần tại khu kinh tế Cầu Treo.
- Tiếp tục tăng cường các hoạt động chăn nuôi thủy sản nước ngọt cùng với một trung tâm thí nghiệm nuôi cá nước ngọt đặt tại huyện.
- Mở rộng hoạt động chăn nuôi lợn và trồng lạc.
- Mở rộng các làng nghề chuyên về sản xuất đồ gỗ truyền thống; Cải thiện tuyến đê La Giang và xây dựng hạ tầng giao thông xã chịu được lũ lụt để giảm tác động của các hiện trường thời tiết xấu.
- Mở rộng cơ sở cung cấp nước hiện có cho thị xã Đức Thọ với năng suất cung cấp nước cho các khu vực nông thôn lân cận.

## **Hương Khê**

### **Trung tâm trồng và chế biến bưởi và hoa quả với sự hỗ trợ của các nhà cung cấp dịch vụ hậu cần và những người thường xuyên đi đến thành phố Hà Tĩnh để tìm kiếm các địa điểm sinh sống mang tính nông thôn nhiều hơn.**

- Phát triển trung tâm hậu cần tại điểm giao cắt giữa tuyến đường Đông-Tây mới nâng cấp, tuyến đường Hồ Chí Minh và tuyến đường Thống nhất.
- Xây dựng trung tâm chế biến hoa quả tại thị trấn Hương Khê, tập trung vào cam và bưởi.
- Tăng diện tích trồng cây ăn quả, tập trung phát triển bưởi Phúc Trạch.
- Phát triển trồng cam và cao su, cùng với gỗ rừng và cây thảo dược.
- Mở rộng các làng nghề chế biến gỗ và đồ thủ công mỹ nghệ dọc theo đoạn đường Hồ Chí Minh gần với thị trấn Hương Khê để tận dụng được các dịch vụ hậu cần được nâng cấp.

**Hương Sơn**

**Trung tâm thương mại và hậu cần của Hà Tĩnh xung quanh khu kinh tế Cầu Treo với ngành chế biến nông sản sẽ giúp chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp và các khu chế biến thịt, cam và sữa tập trung**

- Phát triển khu công nghiệp Hà Tân thành một trung tâm lớn về dịch vụ hậu cần và chế biến nông sản.
  - Trung tâm hậu cần chính phục vụ khu kinh tế Cầu Treo tại Hạ Vàng với các cơ sở phục vụ các công-te-nơ bốc dỡ hàng và các dịch vụ hàng hóa khác.
  - Thu hút đầu tư vào các hoạt động chế biến thịt bò, nhưng hươu và thịt hươu.
- Tập trung nuôi gia súc quanh khu Phố Châu để cung cấp đầu vào cho các nhà máy ở Hạ Vàng.
- Khuyến khích các hộ nông dân trồng cây thảo dược và cao su.
- Phát triển các sản phẩm gỗ và chế biến tại khu công nghiệp Đại Kim, đặc biệt chú trọng đến các sản phẩm dân sinh và sản phẩm du lịch.
- Phát triển các khu du lịch kinh doanh tại địa phương quanh suối nước nóng Sơn Kim
- Xây dựng các tuyến đường cứu hộ trên núi để bảo vệ người dân khỏi các điều kiện thời tiết xấu.
- Xây dựng các nhà máy xử lý chất thải để đảm bảo bảo vệ môi trường.

**Kỳ Anh**

**Trung tâm hỗ trợ các ngành công nghiệp và dịch vụ cho cụm ngành tại khu kinh tế Vũng Áng với các cộng đồng ngư dân chuyển sang đánh bắt cá tại các vùng biển sâu và tập trung vào cây hoa màu có giá trị cao hơn tại các vùng nông nghiệp**

- Tập trung hỗ trợ thành công của khu kinh tế Vũng Áng thông qua việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho người dân và khách du lịch.
- Phát triển các ngành công nghiệp chế tạo và kim loại tại khu kinh tế Vũng Áng, cung cấp các cơ hội việc làm cho người lao động có trình độ thấp và vừa cho người dân ở nông thôn của Hà Tĩnh.
- Trồng sắn, cao su, khoai lang, đồng thời tập trung vào hoạt động nuôi trồng thủy sản và đánh bắt cá tại vùng biển sau dọc theo bờ biển để tận dụng cảng đánh bắt cá mới ở Kỳ Hà.
- Xây dựng nhà máy xử lý chất thải để bảo vệ môi trường
- Thành lập mạng lưới báo cáo ô nhiễm tại cộng đồng và cơ quan bảo vệ môi trường huyện để giám sát các tác động của ngành công nghiệp đối với môi trường của huyện.

**Lộc Hà**

**Trung tâm đánh bắt cá nước sâu của tỉnh**

- Thúc đẩy hoạt động đánh bắt cá vùng nước biển sâu xung quanh khu cảng mới ở Thạch Kim.
- Ưu tiên phát triển Lộc Hà nhằm nâng cấp đội tàu đánh cá bảo đảm việc đánh bắt cá vùng nước sâu.
- Đẩy mạnh nuôi trồng thủy hải sản.
- Trung tâm công nghệ đánh bắt cá biển ví dụ như các trung tâm hệ thống giám sát tàu đánh cá (VMS) cho tỉnh.
- Xây dựng các cơ sở hạ tầng tiền chế biến và các cơ sở đã có tại cảng để tăng giá trị đánh bắt.
- Xây dựng hệ thống đê biển và trong trường hợp có thể, trồng rừng ngập mặn để chống bão.
- Đẩy mạnh trồng lúa, lạc.

**Nghi Xuân**

**Phát triển thành một trung tâm chế biến nông sản và thủy sản, tập trung vào lạc, tăng cường cải thiện điều kiện đi lại đến huyện thông qua quốc lộ 8 và tuyến đường ven biển để xây dựng các dịch vụ hậu cần hướng đến các thương nhân có quy mô**

**kinh doanh nhỏ**

- Xây dựng trung tâm chế biến thủy, hải sản tại khu công nghiệp Gia Lách, gần cảng Xuân Hải.
- Tập trung trồng lạc, tăng cường mạng lưới phân phối và tiền chế biến lạc hiện có và xây dựng một ngành công nghiệp chế biến lạc thông qua các nhà máy tại khu công nghiệp Gia Lách.
- Tập trung vào trồng khoai lang.
- Xây dựng các dịch vụ hậu cần để hỗ trợ các doanh nghiệp quy mô nhỏ ở Hà Tĩnh và Lào-những người không muốn sử dụng cảng Vũng Áng- Sơn Dương.
- Phát triển công nghiệp dệt may và may mặc tại KCN Gia Lách.
- Xây dựng nhà máy xử lý rác thải để bảo vệ môi trường.
- Bảo vệ người dân nông thôn khỏi lũ lụt bằng cách cải thiện tuyến đê sông Lam.

**Thạch Hà**

**Định hướng phát triển nghề nghiệp một cách gián tiếp và trực tiếp từ mở khai thác quặng ở vùng phía Đông Thạch Hà và tiếp tục tập trung vào hoạt động khai thác cá; Tập trung phát triển hoa màu cho các trung tâm chế biến nông sản ở khu vực phía Tây Thạch Hà**

- Bắt đầu vận hành mỏ sắt Thạch Khê với 7.700 lao động vào năm 2020.
- Phát triển sản xuất lúa hàng hóa, diện tích đạt 4.500 ha vào năm 2020, đồng thời phát triển cây công nghiệp hàng năm như lạc.
- Tập trung vào trồng cao su, rau và nuôi lợn.
- Nâng cấp hồ chứa nước Bộc Nguyên phục vụ cho các vùng nông thôn, đô thị và công nghiệp.

**Vũ Quang**

**Phát triển thành trung tâm nông nghiệp của Hà Tĩnh, thử nghiệm các mô hình phát triển nông nghiệp hiện có ở Vũ Quang**

- Thành lập trung tâm hợp tác xã đầu tiên ở huyện Vũ Quang.
- Thí điểm các khóa đào tạo nông dân tại trung tâm hợp tác xã ở Vũ Quang.
- Tập trung trồng cây ăn quả (cam) để hỗ trợ các ngành công nghiệp chế biến cho các huyện lân cận.
- Mở rộng diện tích cao su và cây thảo dược, đồng thời bảo vệ diện tích rừng hiện có.
- Tăng số lượng hươu sao nuôi để đáp ứng công suất chế biến của tỉnh.
- Hoàn thành hồ chứa nước Ngàn Trươi để cung cấp nước cho các nhà máy thủy điện, thủy lợi và nước sinh hoạt.
- Xây dựng các đập để chống lũ quét.

## 6 Định hướng phát triển không gian và lãnh thổ theo khu vực

Đến năm 2020, Hà Tĩnh cần có định hướng phát triển không gian - lãnh thổ và quy hoạch sử dụng đất cho 3 khu vực chính được đề cập trong phần Định hướng sử dụng đất. Tỉnh cần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội khu vực biển và ven biển, khu vực miền núi và các khu vực kinh tế trung tâm.

### 6.1.1 Định hướng phát triển kinh tế xã hội khu vực biển và ven biển

Khu vực biển và ven biển của Hà Tĩnh bao gồm các xã trong huyện Nghi Xuân, Lộc Hà, Thạch Hà, Cẩm Xuyên và Kỳ Anh. Ngoài nuôi trồng thủy sản và đánh bắt, hiện tại mỗi huyện đều có các hoạt động kinh tế đóng góp vào kinh tế ven biển. Huyện Nghi Xuân sẽ có cảng thương mại Xuân Hải, cảng cá Xuân Hội – dự kiến hoàn

thành vào năm 2012. Ngoài ra huyện còn có các hoạt động xây dựng tại khu công nghiệp Gia Lach và trồng, chế biến và phân phối lạc. Huyện Lộc Hà đã có các cơ sở lưu trữ đông lạnh quy mô hộ gia đình để chế biến thủy sản và cảng cá Thạch Kim. Huyện Thạch Hà có mỏ Thạch Khê, huyện tập trung vào hoạt động khai thác mỏ và nuôi trồng thủy sản. Nông nghiệp, chăn nuôi và nghề cá là những hoạt động đóng góp phần lớn vào nền kinh tế của huyện Cẩm Xuyên- theo quy hoạch sẽ xây dựng cảng cá Cẩm Nhượng. Huyện Kỳ Anh cũng có ngành nuôi trồng thủy sản và nghề cá, ngoài ra huyện còn có khu kinh tế Vũng Áng và khu liên hợp cảng Vũng Áng – Sơn Dương.

Việc khai thác tiềm năng kinh tế biển và ven biển của Hà Tĩnh sẽ có vai trò quan trọng đối với sự phát triển chung của tỉnh. 137 km bờ biển cộng với lãnh hải thuộc lãnh thổ Việt Nam gần Hà Tĩnh tạo ra nhiều nguồn lực quan trọng cho phát triển. Tỉnh Hà Tĩnh cần tập trung phát triển các lĩnh vực sau đây trên cơ sở kế hoạch và chiến lược chi tiết được đề cập ở các phần khác trong báo cáo này.

#### *Phát triển nghề cá, thủy sản, nông nghiệp và chế biến nông sản:*

- Đẩy mạnh đánh bắt xa bờ và nuôi trồng thủy sản và nghề cá để phục vụ thị trường trong nước đồng thời dựa vào lợi thế cạnh tranh để tăng xuất khẩu thủy sản.
  - Về nuôi trồng thủy sản nước lợ và nước mặn, mở rộng diện tích, tăng giá trị và đa dạng hóa bền vững thông qua mở rộng 1 cách canh tác diện tích đánh bắt, tăng giá trị sản phẩm hiện tại và đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm.
  - Về đánh bắt cá, dịch chuyển từ hoạt động phối hợp đánh bắt gần bờ tới đánh bắt xa bờ và loại bỏ việc dùng thuốc nổ đánh bắt cá và tăng trưởng giá trị thông qua hoạt động chế biến.
- Tập trung vào trồng lạc vì lạc là cây trồng rất thích hợp với các điều kiện đất đai tại khu vực ven biển của Hà Tĩnh và phát triển ngành công nghiệp chế biến lạc tại huyện Nghi Xuân để chế biến được hơn 24.000 tấn lạc mỗi năm đến năm 2020, chiếm 40% tổng sản lượng lạc toàn tỉnh.

#### *Phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ:*

- Phát triển Khu Công nghiệp nặng và chế tạo:
  - Phát triển mỏ quặng sắt Thạch Khê ở huyện Thạch Hà và bắt đầu sản xuất thép ở KKT Vũng Áng, huyện Kỳ Anh.
  - Tiếp tục phát triển khu kinh tế Vũng Áng thành trung tâm sản xuất thép, sản xuất điện, công nghiệp chế tạo, theo kế hoạch trong chiến lược.
- Phát triển du lịch địa phương và du lịch công vụ tại bãi biển Thiên Cẩm phù hợp với chiến lược đề ra của ngành du lịch.

#### *Phát triển kinh tế biển:*

- Tiếp tục sử dụng cảng Xuân Hải cho ngành vận chuyển quy mô nhỏ các mặt hàng nông - lâm sản.
- Tập trung vào phát triển kinh tế thương mại biển bằng việc tăng cường xây dựng hạ tầng cảng biển tại khu KKT Vũng Áng, đảm bảo tiếp cận cho các doanh nghiệp muốn sử dụng cảng.

- Tăng cường năng lực thương mại và dịch vụ hậu cần trong tỉnh bằng việc tăng cường sự tham gia của bên thứ ba cung cấp dịch vụ hậu cần.

*Phát triển hạ tầng khu vực ven biển:*

- Mở rộng công suất phục vụ của các cảng cá hiện có như cảng cá Xuân Phổ và Thạch Kim, nhằm giúp ngư dân ra biển dễ dàng hơn, cải thiện cơ sở phân loại và lưu trữ tại các cảng.
- Hoàn thành các nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 và 2 tại huyện Kỳ Anh và khởi công xây dựng nhà máy nhiệt điện Vũng Áng thứ 3 để đảm bảo an ninh năng lượng cho toàn tỉnh và giúp Hà Tĩnh đến năm 2012 có thể trở thành địa phương tiếp theo bán điện cho quốc gia.
- Tập trung nâng cấp hạ tầng giao thông vận tải tại khu vực ven biển, đặc biệt là tập trung hoàn thiện đường giao thông ven biển.
- Nâng cấp các hệ thống nước cơ sở hạ tầng xử lý chất thải.
- Trồng rừng ngập mặn, nâng cấp/ xây dựng các tuyến đê, đập chống lũ lụt khu vực ven biển.

#### **6.1.2 Định hướng phát triển kinh tế-xã hội khu vực miền núi, trung du**

Vùng kinh tế miền núi, trung du thuộc địa bàn các huyện: Hương Sơn, Hương Khê, Vũ Quang, Đức Thọ và các xã còn lại của các huyện: Nghi Xuân, Can Lộc, Thạch Hà, Lộc Hà, Cẩm Xuyên và Kỳ Anh.

Để phát triển kinh tế - xã hội khu vực này, trước tiên tập trung các giải pháp giảm nghèo và phát triển kinh tế xã hội cho các khu vực này gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới.

Ở mỗi khu vực sẽ tập trung thêm cho các ưu tiên sau đây tại mỗi vùng:

*Khu vực miền núi (Vũ Quang, Hương Khê, và một số nơi của huyện Hương Sơn và Kỳ Anh)*

- Chuyển đổi từ cây hiện tại sang cây trồng giá trị cao hơn, thích hợp hơn với điều kiện đất đai miền núi, theo hướng dẫn trong mô hình phát triển nông thôn mới.
- Phát triển chăn nuôi, nhất là nuôi hươu sao để chế biến/xuất khẩu.
- Đặt mục tiêu được cấp chứng chỉ FSC cho diện tích rừng trong tỉnh.
- Phát triển các ngành nghề quy mô nhỏ và các làng nghề dọc theo quốc lộ 8 và đường HCM, như các ngành sản xuất làm nội thất truyền thống quy mô nhỏ, nghề thủ công mây tre đan và chế biến gỗ.
- Thiết lập các ngành chế biến nông sản và gỗ, chăn nuôi đại gia súc và sản xuất bơ sữa ở Hương Sơn, chế biến trái cây ở thị trấn Hương Khê và cải thiện điều kiện tiếp cận các cơ sở này cho nông dân thông qua việc cải thiện hệ thống đường giao thông nông thôn.
- Phát triển khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo thuộc huyện Hương Sơn thành 1 bộ phận của Khu Chế biến Nông sản và Gỗ/Hậu cần.
- Đảm bảo cung cấp nước sạch cho các khu vực vùng sâu vùng xa, đầu tư khoan giếng và lắp đặt các thiết bị lọc nước cơ bản để lấy nước sạch từ giếng và sông suối.
- Cải tạo hạ tầng giao thông vận tải, thủy lợi, cấp nước và điện. Hoàn thành việc xây dựng hồ chứa nước Ngàn Trươi và xây dựng, nâng cấp các hồ đập nhằm cung cấp nước sản xuất, sinh hoạt và phòng chống lũ trên địa bàn.

*Khu vực trung du, đồng bằng (Đức Thọ, Hương Sơn, Can Lộc, Nghi Xuân, Thạch Hà, Lộc Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh)*

- Chuyển đổi sang các loại cây trồng chống được sâu bệnh, hạn hán và có năng suất cao hơn, tập trung vào những loại cây trồng phù hợp với điều kiện đất đai và khí hậu địa phương, mang lại cơ hội thu được giá trị cao trên thị trường, theo hướng dẫn trong mô hình phát triển nông thôn mới.
- Tăng cường các hoạt động chăn nuôi, trong đó có chăn nuôi gia súc và chế biến các sản phẩm bơ sữa dọc theo đường 8 ở khu vực gần với Phố Châu thuộc huyện Hương Sơn.
- Tăng cường năng lực các tổ chức đào tạo nghề ở khu vực đồng bằng để giúp đẩy nhanh quá trình chuyển đổi người lao động từ ngành nông nghiệp sang ngành công nghiệp, đặc biệt chú trọng vào cơ hội việc làm ở Hành lang tri thức đô thị.
- Đối với khu vực miền núi, phát triển các làng nghề hợp tác xã tập trung vào phát triển nghề thủ công và sản xuất nhỏ.
- Cải thiện hạ tầng giao thông vận tải, thủy lợi, cấp nước và điện, như trong chiến lược đã nói ở trên.

### **6.1.3 Định hướng phát triển kinh tế xã hội của các khu kinh tế trung tâm**

Những khu kinh tế trung tâm của Hà Tĩnh được tập trung tại Vành đai Tri thức đô thị kéo dài dọc theo đường 1A nối liền thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh. Bằng việc kết nối hai trung tâm đô thị của tỉnh, Vành đai Tri thức Đô thị này sẽ phát triển thành trung tâm hành chính và dịch vụ của toàn tỉnh và là nơi có các cơ sở giáo dục đào tạo quan trọng, các viện NC&PT cùng hạ tầng kỹ thuật cần thiết để thiết lập cụm BPO-ITO tại thành phố Hà Tĩnh.

Hà Tĩnh phải ưu tiên phát triển Vành đai tri thức đô thị này để tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế của tỉnh. Đặc biệt, tỉnh phải tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Nâng cao chất lượng sống ở các trung tâm đô thị thông qua khuyến khích đầu tư vào giải trí, bán lẻ và dịch vụ.
- Phát triển cụm BPO-ITO: đầu tiên là tập trung phát triển hạ tầng kỹ thuật như mạng lưới cáp quang băng rộng - một bộ phận của khu công nghiệp CNTT ở thành phố Hà Tĩnh, và tập trung thực hiện các chính sách khuyến khích thu hút đầu tư.
- Cải thiện đào tạo nghề với nhiều lĩnh vực hơn tại thành phố Hà Tĩnh, nhất là kỹ thuật và khai thác mỏ, y dược, CNTT, ngôn ngữ, quản lý; còn tại thị xã Hồng Lĩnh tập trung đào tạo về dịch vụ vận tải, chế biến và sản xuất.
  - Tận dụng thế mạnh về vị trí của thị xã Hồng Lĩnh nằm ngay tại điểm giao cắt của những tuyến đường quan trọng để phát triển hơn nữa các dịch vụ giao thông vận tải hiện có ví dụ như các dịch vụ bảo dưỡng ô tô phục vụ giao thông trên quốc lộ 1A, đường 8 và tuyến đường cao tốc đã quy hoạch.
- Đảm bảo phát triển hạ tầng giao thông vận tải cần thiết để hỗ trợ cho việc đi lại được thuận lợi giữa Vành đai tri thức đô thị và các khu vực khác trong tỉnh.
- Ưu tiên nâng cấp quốc lộ 1A và hoàn thành xây dựng đường 8 và tuyến đường Đông-Tây mới để đảm bảo kết nối đến các địa điểm quan trọng.

- Liên kết vành đai tri thức của Hà Tĩnh với các cơ sở giáo dục và nghiên cứu (đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu) của các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, cũng như ở thành phố Vinh, Nghệ An. Những mối liên kết như thế này giúp mang lại lợi ích cho cả 2 phía.

Xây dựng và nâng cấp hạ tầng cơ sở cho thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh để cải thiện điều kiện giao thông vận tải đô thị, điện, cấp thoát nước, quản lý chất thải và hạ tầng thông tin liên lạc, như đã nói ở các phần trên.

## 7 Định hướng củng cố quốc phòng – an ninh

Tiếp tục xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, biên phòng toàn dân và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; hình thành thể trận phòng thủ liên hoàn vững chắc trên từng địa bàn, nhất là các địa bàn trọng điểm. Tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh; xây dựng một số công trình quốc phòng trọng điểm vừa phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội vừa phục vụ tốt nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia. Có chính sách ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng - an ninh cho vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo.

Nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang, có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng, gắn bó với nhân dân; xây dựng lực lượng bộ đội thường trực theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên đủ số lượng, có cơ chế quản lý dự bị động viên, sẵn sàng huy động khi có nhu cầu. Chú trọng nâng cao chất lượng huấn luyện, diễn tập, đào tạo, bồi dưỡng cho lực lượng vũ trang đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ trong mọi tình huống. Thực hiện tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, thực hiện nghiêm Luật Dân quân tự vệ và Pháp lệnh Dự bị động viên; phấn đấu 100% cán bộ, viên chức, sinh viên, học sinh trung học được bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh. Đảm bảo 100% chỉ tiêu tuyển quân với chất lượng tốt; quan tâm chăm lo thực hiện chính sách hậu phương quân đội.

Giữ vững ổn định chính trị trong mọi tình huống, bảo đảm tuyệt đối an toàn các hoạt động, các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hoá và mục tiêu quan trọng trên địa bàn. Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị xây dựng thể trận an ninh vững chắc, kết hợp với thể trận quốc phòng toàn dân góp phần đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Chủ động triển khai các phương án phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với mọi âm mưu “diễn biến hoà bình” và nguy cơ “tự diễn biến” trong cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân; vô hiệu hoá hoạt động xâm nhập, phá hoại của các thế lực thù địch. Đẩy mạnh bảo vệ an ninh kinh tế, đảm bảo tốt an ninh xã hội, nhất là an ninh nông thôn. Cảnh giác, phát hiện và xử lý kịp thời những hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, mâu thuẫn trong nội bộ để tuyên truyền, xuyên tạc, kích động chống phá ta. Tiếp tục thực hiện đúng tiến độ kế hoạch tôn tạo, tăng dày cột mốc quốc giới Việt Nam - Lào.

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh, trật tự; đẩy mạnh công tác phòng chống tội phạm, nhất là các tội phạm có tổ chức, tội phạm mới, tội phạm xuyên quốc gia...; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 22 của Ban Bí thư (khoá IX) và Nghị quyết số 32 của Chính phủ, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, các ngành, các cấp để kiểm chế, đẩy lùi tai nạn giao thông; đẩy mạnh công tác phòng chống các tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn nghiện hút ma túy, đánh bạc...

## 8 Các Chương trình và dự án kêu gọi đầu tư

Các chương trình dự án đầu tư ưu tiên giai đoạn 2011 – 2020 được lựa chọn với các tiêu chí sau:

- **Quy mô đầu tư lớn:** Các dự án cần đầu tư từ 1 nghìn tỷ trở lên trong giai đoạn 2011 – 2020 được ưu tiên do có tác động lớn đến nền kinh tế.
- **Tầm quan trọng với các cụm ngành trọng điểm:** Các dự án lớn liên quan đến 3 cụm ngành trọng điểm (sắt – thép; nông nghiệp; thương mại, vận tải và hậu cần) được ưu tiên do có ý nghĩa chiến lược với sự phát triển của Hà Tĩnh.
- **Cơ sở hạ tầng hỗ trợ:** Các dự án cơ sở hạ tầng cần để hỗ trợ tăng trưởng các cụm ngành được lựa chọn ưu tiên.

### 8.1 Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2011-2015

Để phù hợp với chiến lược chung và các ưu tiên phát triển, Hà Tĩnh đã xác định 15 dự án ưu tiên để kêu gọi đầu tư. Đây là những dự án lớn nhất cần phải đầu tư trong giai đoạn 2011-2015 với nhu cầu vốn là 192 nghìn tỷ đồng, chiếm 84% tổng nhu cầu vốn đầu tư toàn xã hội trong giai đoạn này. Trong đó, 92% số vốn dự kiến huy động từ các doanh nghiệp (tỉnh đã nhận được một số cam kết từ: Tập đoàn dầu khí đầu tư Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I, Formosa đầu tư khu liên hợp luyện cán thép và cảng Sơn Dương, Công ty cổ phần gang thép Hà Tĩnh đầu tư nhà máy thép, Công ty cổ phần sắt Thạch Khê và các nhà đầu tư khác), 8% đầu tư từ ngân sách, bao gồm các nguồn tài trợ của các tổ chức phi chính phủ (NGO)/nhà tài trợ để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Dự án quan trọng nhất trong giai đoạn này, cả về quy mô và tầm nhìn cho tỉnh là dự án xây Nhà máy sản xuất thép đầu tiên trong tỉnh cùng với việc phát triển ban đầu cảng Sơn Dương. Đầu tư của Formosa sẽ tăng lên 73,2 nghìn tỷ đồng trong giai đoạn này.
- Tiếp theo là các dự án để xây dựng được một cụm ngành chế tạo sắt thép:
  - Dự án khai thác mỏ sắt Thạch Khê với tổng số nhu cầu vốn đầu tư 4,9 nghìn tỷ trong giai đoạn này. Đến nay, các cổ đông của Công ty cổ phần sắt Thạch Khê đã đầu tư được 221 tỉ đồng.
  - Xây dựng (các) nhà máy thép ở Vũng Áng để tiêu thụ số quặng sắt khai thác được, cùng với nhà máy thép dùng quặng của Vũ Quang. Trong giai đoạn này, Hà Tĩnh cần hoàn thiện các nghiên cứu ban đầu và đảm bảo được quỹ đất, đồng thời tiến hành khởi công xây dựng. Các nhà máy thép yêu cầu tổng vốn đầu tư là 40 nghìn tỷ trong giai đoạn này.
- Trong giai đoạn này, các nhà máy sản xuất sản phẩm cấu kiện từ thép như đồ dùng gia đình, khóa, kẹp công nghiệp sẽ phát triển ở KKT Vũng Áng. Diện tích cho các nhà máy này rộng 4 ha, công suất 150.000 tấn/năm, tận dụng lượng thép sẵn có trong tỉnh. Yêu cầu đầu tư cho các dự án này là 3 nghìn tỷ đồng.
- Tỉnh cũng cần hết sức chú trọng phát triển cụm ngành nông nghiệp trong giai đoạn này, với nền tảng là mở rộng các nông trại nuôi tôm. Yêu cầu đầu tư là 1,9 nghìn tỷ đồng.



- Phát triển cơ sở hạ tầng đường bộ cũng sẽ là một ưu tiên trong giai đoạn này. Đầu tư liên quan đến đường bộ gồm có:
  - Nâng cấp quốc lộ 1A với tổng chi phí là 4,35 nghìn tỷ đồng cho giai đoạn này. Đầu tư sẽ dựa trên mô hình BOT.
  - Nâng cấp và xây dựng quốc lộ số 8 với tổng chi phí cần có là 2,83 nghìn tỷ đồng, chủ yếu từ nguồn ngân sách của Chính phủ và có thể có sự hỗ trợ của khu vực tư nhân. Cho đến nay đã có 177 tỷ được đầu tư.
  - Chi phí xây dựng trong giai đoạn này là 980 nghìn tỷ đồng. Tỉnh phải tìm 1 nhà đầu tư tư nhân để thực hiện dự án này theo hình thức BOT hoặc 1 hình thức tổ chức tương tự.
- Việc đầu tư vào cơ sở của khu phức hợp cảng Sơn Dương-Vũng Áng, bao gồm các cơ sở phục vụ công-tenơ, khu vực lưu trữ và một trung tâm điều khiển cần phải có 34 nghìn tỷ trong giai đoạn này. Yêu cầu đầu tư mở rộng cảng Vũng Áng là 4 nghìn tỷ đồng và đầu tư xây dựng cảng Sơn Dương là 30 nghìn tỷ đồng. Việc đầu tư sẽ được thực hiện trên cơ sở hướng dẫn và quản lý của các nhà vận hành cảng chuyên nghiệp- các đơn vị sẽ điều hành cảng sau khi cảng được hoàn thành.
- Trong giai đoạn này, tỉnh sẽ chuyển thành một tỉnh xuất khẩu điện và đảm bảo sản xuất đủ điện phục vụ các mục đích công nghiệp phù hợp. Tỉnh sẽ cần đầu tư vào hai nhà máy điện nhiệt điện trong giai đoạn này ở khu kinh tế Vũng Áng:
  - Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1: dự kiến sẽ đi vào hoạt động cuối năm 2012. Đầu tư cần có trong giai đoạn này là 30 nghìn tỷ đồng và toàn bộ số tiền này đã được cam kết.
  - Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2: dự kiến sẽ đi vào hoạt động vào cuối thập kỷ này với đầu tư ban đầu trong giai đoạn này là 6,9 nghìn tỷ và số tiền này cũng đã được cam kết.
- Tỉnh sẽ đầu tư vào các hồ chứa nước phục vụ mục đích thủy lợi nước uống và nước công nghiệp, với hai dự án chính sau:
  - Xây dựng hồ chứa nước Ngàn Trươi ở Vũ Quang (cùng với nhà máy thủy điện) với số vốn 5 nghìn tỷ đồng (đầu tư từ nguồn Trái phiếu Chính phủ).
  - Xây dựng hồ chứa nước Rào Trỏ tại huyện Kỳ Anh để phục vụ khu kinh tế Vũng Áng với tổng số cần trong giai đoạn này là khoảng 2,7 tỷ đồng (trong đó chủ yếu nguồn vốn của doanh nghiệp, vốn ngân sách hỗ trợ).
- Đầu tư vào hạ tầng thủy lợi với 2 dự án để phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu và phục vụ sản xuất nông nghiệp:
  - Nâng cấp hệ thống đê điều của tỉnh để giúp giảm thiểu tác động của lũ lụt và biến đổi khí hậu trong thời gian dài với chi phí đầu tư là 3,55 nghìn tỷ
  - Kiên cố hóa hệ thống kênh mương của tỉnh để giúp việc tiếp cận nước tưới tiêu được dễ dàng, giảm sự thất thoát nước và cải thiện dòng chảy mặt của nước mưa, từ đó giảm được nguy cơ lũ lụt. Chi phí đầu tư sẽ là 1,34 nghìn tỷ.

## 8.2 Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020

Để phù hợp với chiến lược chung và các ưu tiên phát triển, Hà Tĩnh xác định 10 dự án ưu tiên để kêu gọi đầu tư trong giai đoạn 2016-2020, cùng với 12 dự án ưu tiên trong giai đoạn 2011-2015 sẽ cần phải có thêm ngân sách đầu tư cho giai đoạn này. Tổng nhu cầu đầu tư các dự án là 278 nghìn tỷ, chiếm 89% tổng đầu tư toàn xã hội trong giai đoạn này, trong số đó 81% huy động từ các doanh nghiệp ( từ Formosa, các nhà đầu tư khác và các dự án quốc gia đã được phê duyệt với tổng trị giá 73 nghìn tỷ đồng), 19% từ ngân sách được đầu tư từ ngân sách nhà nước và huy động vốn tài trợ từ các tổ chức phi chính phủ/nhà tài trợ.

- Các dự án được xác định là ưu tiên trong giai đoạn 2011-2015 sẽ tiếp tục được ưu tiên trong giai đoạn này và cần phải có ngân sách đầu tư bổ sung như sau:
  - Nhà máy thép đầu tiên: 55,2 nghìn tỷ
  - Mở quặng sắt Thạch Khê: 4,9 nghìn tỷ
  - (Các) Nhà máy thép khác: 62,8 nghìn tỉ để hoàn thành việc xây dựng và bắt đầu sản xuất trong giai đoạn này, bao gồm xây dựng một tuyến đường ống từ Thạch Khê đến Vũng Áng
  - Sản phẩm cấu kiện từ thép: 11,8 nghìn tỷ đồng
  - Mở rộng nông trại tôm: 1,0 nghìn tỷ đồng
  - Nâng cấp QL 1A: 4,5 nghìn tỷ đồng
  - Nâng cấp và xây dựng Quốc lộ 8: 1,2 nghìn tỷ đồng
  - Xây dựng cảng Sơn Dương- Vũng Áng: 48 nghìn tỷ đồng
  - Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2: 24,6 nghìn tỉ đồng để có thể vận hành được vào năm 2019
  - Xây dựng hồ Ngàn Trươi: 1,2 nghìn tỷ đồng đồng
  - Cải thiện hệ thống đê điều của tỉnh: 1,7 nghìn tỷ đồng
  - Kiên cố hóa kênh mương: 3,2 nghìn tỷ đồng
- Các nhà máy sản xuất sản phẩm từ thép cũng sẽ tiếp tục được xây dựng thêm trong giai đoạn này tại KKT Vũng Áng và có thể tại huyện Kỳ Anh nằm gần KKT. Nhờ sản lượng thép gia tăng, các nhà máy sản xuất thiết bị cửa, lon - hộp thép, container TEU, dụng cụ điện, phụ tùng xe máy, máy móc xây dựng hạng nhẹ, máy móc nhà máy và các bộ phận lớn của tàu với tổng công suất 900.000 tấn sẽ mở cửa trong giai đoạn này. Yêu cầu đầu tư là 11,8 nghìn tỷ đồng và 24 ha đất.
- Đầu tư sản xuất than cốc tại vùng kinh tế Vũng Áng trong giai đoạn này để hỗ trợ các nhà máy thép sẽ cần phải có 856 nghìn tỉ để có được 260.000 tấn sản phẩm và tổng diện tích đất cần có là gần 6 ha.
- Để hỗ trợ cụm ngành xây dựng, cần phải xây dựng một nhà máy kính với diện tích 9ha tại huyện Kỳ Anh với chi phí đầu tư cần có trong giai đoạn này là 2,1 nghìn tỷ.

- Việc cải tiến điều kiện của các trường dạy nghề và cao đẳng để hỗ trợ việc giáo dục phục vụ cho các cụm ngành mới sẽ cần phải có 1,0 nghìn tỉ, phần lớn từ ngân sách tỉnh và có khả năng có được sự hỗ trợ của các NGO và các nhà tài trợ, đặc biệt là cho các trường học ở các vùng nông thôn.
- Trong giai đoạn này, tỉnh cũng sẽ phát triển nhà máy dệt trong cụm ngành sản xuất, với yêu cầu đầu tư là 1,9 nghìn tỷ đồng.
- Tỉnh cũng cần xây dựng một trung tâm hội nghị và khách sạn chất lượng cao trên diện tích đất 5 ha ở huyện Kỳ Anh để hỗ trợ các khách du lịch, kinh doanh và đối tác của các doanh nghiệp tại khu kinh tế Vũng Áng với ngân sách cần có là 2,1 nghìn tỉ.
- Việc xây dựng và mở rộng bệnh viện và trạm y tế để hỗ trợ số lượng người dân ngày càng đông đảo trong tỉnh và các nhu cầu được chăm sóc ngày càng thay đổi của họ sẽ cần phải có 880 nghìn tỉ đầu tư trong tỉnh, chủ yếu từ ngân sách của tỉnh và có khả năng có được hỗ trợ của các tổ chức NGO và nhà tài trợ.
- Việc xây dựng đường xá sẽ tiếp tục được thực hiện, các dự án dưới đây sẽ được coi là ưu tiên trong giai đoạn này:
  - Quốc lộ 12 phải được nâng cấp bởi vì Vũng Áng sẽ phát triển để đảm bảo việc lưu thông hàng hóa từ Lào và đặc biệt từ Thái Lan trung chuyển qua cửa khẩu Quảng Bình đến cảng được thuận tiện. Đầu tư cho hoạt động này trong giai đoạn này cần có 2,5 nghìn tỉ.
  - Việc xây dựng đường ven biển, đặc biệt là tuyến đường nối Vũng Áng và Thạch Khê cũng sẽ trở thành một ưu tiên trong giai đoạn này với tổng đầu tư là 3,5 nghìn tỉ.
  - Tỉnh sẽ cần xây dựng một đường cao tốc quốc gia để nối với Hà Tĩnh trong giai đoạn này, Hà Tĩnh sẽ cần mở rộng các kế hoạch để cho phép kết nối tuyến đường cao tốc này với khu vực phía Nam của tỉnh. Chi phí đầu tư cần có là 35 nghìn tỉ.

### 8.3 Tổng hợp đầy đủ Danh mục đầu tư dự kiến trong giai đoạn 2011-2020

| Hạng mục đầu tư   | Vốn đầu tư<br>(Tr đ) | Nguồn   |
|---|----------------------|---|
| <b>Cụm ngành Sắt – Thép</b>                                 |                      |   |
| Nhà máy thép Formosa (Giai đoạn 1)                          | 128.430.000          | Ngoài ngân sách                                     |
| Mỏ Thạch Khê (Giai đoạn 1)                                  | 9.883.000            | Ngoài ngân sách                                     |
| Nhà máy thép khác   | 103.000.000          | Ngoài ngân sách                                     |
| Sản xuất vật liệu chịu lửa (Công suất 10.000 tấn)           | 370.000              | Ngoài ngân sách                                     |
| Cơ khí và dịch vụ bảo trì<br>(6 Cơ sở)                      | 1.300.000            | Ngoài ngân sách                                     |
| Nhà cung cấp dịch vụ thép<br>(Công suất 290.000 tấn)        | 160.000              | Ngoài ngân sách                                     |
| Nhà máy sản xuất than cốc (Công suất 390.000 tấn)           | 1.280.000            | Ngoài ngân sách                                     |
| Nhà máy tái chế kim loại phế thải<br>(Công suất 30,000 tấn) | 31.000               | Ngoài ngân sách                                     |
| <b>TỔNG</b>   | <b>244.454.000</b>   |   |
| <b>Cụm ngành Nông nghiệp</b>                                |                      |   |
| Kho trữ gạo   | 96.000               | Ngân sách và ngoài ngân sách                        |
| Nhà máy xay xát gạo quy mô nhỏ                              | 246.000              | Ngoài ngân sách                                     |
| Trồng cây cao su  | 1.059.000            | Ngoài nhà nước                                      |
| Kho trữ nông sản kiểm soát được điều kiện                   | 27.000               | Ngoài nhà nước                                      |
| Nhà máy chế biến Lạc  | 560.000              | Ngoài nhà nước                                      |
| Nhà máy chế biến khoai lang                                 | 48.000               | Ngoài nhà nước                                      |
| Nhà máy chế biến hoa quả                                    | 73.000               | Ngoài ngân sách                                     |
| Nhà máy chế biến rau  | 120.000              | Ngoài ngân sách                                     |
| Nhà máy cây thảo dược                                       | 6.000                | Ngoài ngân sách                                     |
| Lò mổ (3 dây chuyền lợn. 1 dây chuyền bò)                   | 11.000               | Ngoài ngân sách                                     |
| Nhà máy sản xuất sản phẩm thịt                              | 560.000              | Ngoài ngân sách                                     |
| Mở rộng các khu nuôi và vùng nuôi tôm                       | 2.954.000            | Ngoài ngân sách                                     |
| Nâng cấp đội thuyền đánh bắt                                | 130.000              | Ngân sách và ngoài ngân sách (dân cư, doanh nghiệp) |
| Mở rộng cơ sở hạ tầng cảng cá                               | 95.000               | Ngân sách TW và địa phương                          |
| Xây dựng 4 bến tránh trú bão cho tàu cá                     | 4.000                | Ngân sách TW và địa phương                          |

| Hạng mục đầu tư                                   | Vốn đầu tư<br>(Tr đ)                           | Nguồn  |
|---|--|--|
| Cơ sở chế biến cá                                 | 82.000   | Ngoài ngân sách                                  |
| Nhà máy chế biến tôm                              | 240.000  | Ngoài ngân sách                                  |
| Chứng nhận FSC                                    | 7.000  | Ngoài ngân sách                                  |
| Dự án REDD  | 10.000   | Ngoài ngân sách                                  |
| Đầu tư đê sông La và sông Lam                     | 1.090.000                                      | Ngân sách TW và địa phương                       |
| Kiên cố hóa kênh mương                            | 4.490.000                                      | Ngân sách TW và địa phương                       |
| Mở rộng diện tích rừng ngập mặn                   | 7.000  | Ngân sách TW và địa phương                       |
| Nâng cấp bơm và đường ống                         | 535.000  | Ngân sách TW và địa phương                       |
| Nâng cấp/xây mới đê điều khác                     | 5.260.000                                      | Ngân sách TW và địa phương                       |
| Hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi – Cẩm Trang          | 9.140.000 (GĐI đến 2015:<br>5.985.000 tỷ đồng) | Ngân sách TW và địa phương                       |
| Hồ chứa Rào Trỏ và hệ thống cấp nước KKT Vũng Áng | 3000.000                                       | Ngoài ngân sách,<br>ngân sách nhà nước<br>hỗ trợ |
| Nâng cấp hệ thống thủy lợi đã quy hoạch           | 286.500  | Ngân sách TW và địa phương                       |
| Hệ thống cảnh báo bão sớm                         | 16.000   | Ngân sách TW và địa phương                       |
| Giám sát tính Bền vững                            | 140.000  | Ngân sách TW và địa phương                       |
| <b>TỔNG</b>                                       | <b>22.405.000</b>                              |  |
| <b>Cụm ngành Thương mại, Vận tải và Hậu cần</b>   |  |  |
| Đường từ Quốc lộ 1 đến Thạch Khê                  | 720.000  | Ngân sách TW và địa phương                       |
| Nâng cấp Quốc lộ 1                                | 5.220.000                                      | Ngân sách TW và địa phương                       |
| Tỉnh lộ, huyện lộ khác, đường nông thôn, bến xe   | 19.000.000                                     | Ngân sách TW và địa phương                       |
| Nâng cấp Quốc lộ 8                                | 4.000.000                                      | Ngân sách TW và địa phương                       |
| Tỉnh lộ 28, 70, 21, 22                            | 3.500.000                                      | Ngân sách TW và địa phương                       |
| Xây dựng đường ven biển Xuân Hội – Vũng Áng       | 6.970.000                                      | Ngân sách TW và địa phương                       |
| Tỉnh lộ 17  | 980.000  | Ngân sách TW và địa phương                       |
| Xây đường cao tốc                                 | 35.000.000                                     | Ngân sách TW và địa phương                       |
| Nâng cấp quốc lộ 12                               | 2.500.000                                      | Ngân sách TW và địa phương                       |
| Nâng cấp đường sắt hiện có                        | 690.000  | Ngân sách TW và địa phương                       |
| Mở rộng cảng cá                                   | 95.000   | Ngân sách TW và địa phương                       |

| Hạng mục đầu tư  | Vốn đầu tư<br>(Tr đ) | Nguồn                      |
|--|----------------------|----------------------------|
| Xây dựng cảng Sơn Dương                                    | 60.000.000           | Ngoài ngân sách            |
| Thương mại và Hậu cần                                      | 1.000.000            | Ngoài ngân sách            |
| <b>TỔNG</b>  | <b>139.675.000</b>   |                            |
| <b>Cụm ngành sản phẩm từ thép</b>                          |                      |                            |
| Nhà máy sản xuất dụng cụ gia đình                          | 2.960.000            | Ngoài ngân sách            |
| Nhà máy Sản xuất Phụ kiện cửa                              | 1.480.000            | Ngoài ngân sách            |
| Nhà máy Sản xuất Hộp thép                                  | 1.480.000            | Ngoài ngân sách            |
| Nhà máy Sản xuất Container TEU                             | 1.480.000            | Ngoài ngân sách            |
| Nhà máy Sản xuất Dụng cụ Điện                              | 1.480.000            | Ngoài ngân sách            |
| Nhà máy Sản xuất Cầu kiện Xe máy                           | 1.480.000            | Ngoài ngân sách            |
| Nhà máy sản xuất máy móc xây dựng hạng nhẹ                 | 1.480.000            | Ngoài ngân sách            |
| Nhà máy sản xuất máy móc xây dựng hạng nặng (xúc, gạt, vv) | 1.480.000            | Ngoài ngân sách            |
| Nhà máy sản xuất bộ phận (block) thân tàu                  | 1.480.000            | Ngoài ngân sách            |
| <b>TỔNG</b>  | <b>14.800.000</b>    |                            |
| <b>Cụm ngành dệt may và may mặc</b>                        |                      |                            |
| Nhà máy sản xuất may mặc                                   | 830.000              | Ngoài ngân sách            |
| Nhà máy sản xuất phụ kiện may mặc                          | 190.000              | Ngoài ngân sách            |
| Cơ sở quay sợi/ sản xuất sợi tổng hợp                      | 240.000              | Ngoài ngân sách            |
| Nhà máy dệt vải  | 1.900.000            | Ngoài ngân sách            |
| <b>TỔNG</b>  | <b>3.160.000</b>     |                            |
| <b>Cụm ngành xây dựng</b>                                  |                      |                            |
| Nhà máy Gạch không nung                                    | 610.000              | Ngoài ngân sách            |
| Nhà máy gỗ xây dựng  | 1.070.000            | Ngoài ngân sách            |
| Phát triển Dự án Nhà ở                                     | 9.000.000            | Ngoài ngân sách            |
| Nhà máy chế biến đá  | 50.000               | Ngoài ngân sách            |
| Nhà máy sản xuất kính                                      | 2.050.000            | Ngoài ngân sách            |
| <b>TỔNG</b>  | <b>12.780.000</b>    |                            |
| <b>Cụm ngành giáo dục và đào tạo</b>                       |                      |                            |
| Đầu tư vào các trường khác                                 | 900.000              | Ngân sách TW và địa phương |

| Hạng mục đầu tư   | Vốn đầu tư<br>(Tr đ) | Nguồn                      |
|---|----------------------|----------------------------|
| Đào tạo hướng nghiệp/giáo dục chất lượng cao                    | 1.370.000            | Ngân sách TW và địa phương |
| Trung tâm hướng nghiệp BPO                                      | 25.000               | Phi chính phủ              |
| Trung tâm ngôn ngữ  | 10.000               | Phi chính phủ              |
| Khoa khai khoáng và luyện kim                                   | 58.000               | Phi chính phủ              |
| Đại học Hà Tĩnh   | 250.000              | Ngân sách TW và địa phương |
| Nâng cấp cơ sở hiện tại   | 3.123.000            | Ngân sách TW và địa phương |
| <b>TỔNG</b>   | <b>5.730.500</b>     |                            |
| <b>Cụm ngành Y tế</b>   |                      |                            |
| Nâng cấp trường Cao đẳng Y Hà Tĩnh                              | 64.500               | Ngân sách TW và địa phương |
| Xây dựng/nâng cấp bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện           | 1.400.000            | Ngân sách TW và địa phương |
| Xây dựng nâng cấp các trạm y tế xã                              | 800.000              | Ngân sách TW và địa phương |
| Cơ sở chăm sóc sức khỏe trong KKT Vũng Áng                      | 200.000              | Ngoài ngân sách            |
| Cơ sở chăm sóc sức khỏe cho mỏ Thạch Khê                        | 150.000              | Ngoài ngân sách            |
| <b>TỔNG</b>   | <b>2.614.500</b>     |                            |
| <b>Cụm ngành Du lịch, Văn hóa và Thể thao</b>                   |                      |                            |
| Công ty Du lịch Polaris Kty                                     | 1.020.000            | Ngoài ngân sách            |
| Đầu tư và Thể thao và Giải trí                                  | 1.310.000            | Ngoài ngân sách            |
| Nâng cấp Trường Cao đẳng Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nguyễn Du | 93.000               | Ngân sách TW và địa phương |
| Trung tâm hội nghị cao cấp và khách sạn 5 sao                   | 2.050.000            | Ngoài ngân sách            |
| Khu nghỉ dưỡng Suối nước nóng Sơn Kim                           | 1.236.000            | Ngoài ngân sách            |
| Cơ sở hạ tầng ở Sơn Kim   | 2.060                | Ngoài ngân sách            |
| Khu nghỉ dưỡng hồ Kê Gỗ   | 1.648.000            | Ngoài ngân sách            |
| Cơ sở hạ tầng Khu nghỉ dưỡng Hồ Kê Gỗ                           | 3.090                | Ngoài ngân sách            |
| Khu nghỉ dưỡng Du lịch sinh thái hồ Kê Gỗ                       | 1.648.000            | Ngoài ngân sách            |
| Cơ sở hạ tầng cho khu nghỉ dưỡng du lịch sinh thái              | 3.090                | Ngoài ngân sách            |
| <b>TỔNG</b>   | <b>9.013.240</b>     |                            |
| <b>Cụm ngành Truyền thông và BPO</b>                            |                      |                            |
| Trung tâm dạy nghề BPO  | 25.000               | Phi chính phủ              |
| Nhập dữ liệu/ Trung tâm số hóa                                  | 249.000              | Phi chính phủ              |
| Văn phòng sau đơn giản/Trung tâm BPO                            | 125.000              | Phi chính phủ              |
| Tổng đài điện thoại   | 211.000              | Phi chính phủ              |
| Trung tâm BPO-ITO phức hợp/ Phân tích thị trường                | 199.000              | Phi chính phủ              |
| Cơ sở hạ tầng tin học cho giáo dục                              | 39.000               | Ngân sách, ngoài ngân sách |
| Cơ sở hạ tầng di động   | 2.250.000            | Phi chính phủ              |

| Hạng mục đầu tư  | Vốn đầu tư<br>(Tr đ) | Nguồn                                       |
|--|----------------------|---|
| Trung tâm học tập CNTT tại khu CN CNTT                 | 45.000               | Ngân sách TW và địa phương, ngoài ngân sách |
| Đường cáp quang mới và cơ sở hạ tầng cho Khu CNTT      | 300.000              | Phi chính phủ                               |
| Kết nối tới các khu kinh tế khác                       | 50.000               | Ngoài ngân sách                             |
| Trung tâm vườn ươm công nghệ                           | 124.600              | Phi chính phủ                               |
| Nâng cấp cơ sở hạ tầng bưu điện                        | 100.000              | Ngoài ngân sách                             |
| Các đầu tư khác cho lĩnh vực viễn thông                | 560.000              | Ngoài ngân sách                             |
| Tập huấn CNTT của lĩnh vực tư nhân                     | 34.000               | Phi chính phủ                               |
| Trung tâm đào tạo ngôn ngữ                             | 10.000               | Phi chính phủ                               |
| <b>TỔNG</b>  | <b>4.321.600</b>     |   |
| <b>Đầu tư Xử lý rác thải và nước thải</b>              |                      |   |
| Nâng cấp hệ thống thoát nước đô thị                    | 300.000              | Ngân sách TW và địa phương                  |
| Các bãi chôn lấp hợp vệ sinh                           | 270.000              | Ngân sách TW và địa phương                  |
| Tăng cường gom rác                                     | 20.000               | Ngân sách TW và địa phương                  |
| Cải thiện hệ thống thoát nước tại các trung tâm đô thị | 400.000              | Ngân sách TW và địa phương                  |
| Nhà máy xử lý chất thải                                | 1.370.000            | Ngân sách TW và địa phương                  |
| Trạm xử lý chất thải                                   | 370.000              | Ngân sách TW và địa phương                  |
| Nhà xí hợp vệ sinh                                     | 1.000.000            | Ngân sách TW và địa phương                  |
| Nhà máy xử lý nước thải dệt may                        | 10.000               | Ngân sách TW và địa phương                  |
| <b>TỔNG</b>  | <b>3.740.000</b>     |   |
| <b>Đầu tư sản xuất và truyền tải điện</b>              |                      |   |
| Nhiệt điện Vũng Áng 1                                  | 17.430.000           | Ngoài ngân sách                             |
| Các Dự án Thủy điện                                    | 440.000              | Ngoài ngân sách                             |
| Nâng cấp Lưới điện Nông thôn                           | 590.000              | Ngân sách TW và địa phương                  |
| Nhà máy Nhiệt điện - Formosa                           | 36.540.000           | Ngoài ngân sách                             |
| Trạm biến áp mới ở VA và TK                            | 250.000              | Ngân sách TW và địa phương                  |
| Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2                          | 31.500.000           | Ngoài ngân sách                             |
| <b>TỔNG</b>  | <b>79.750.000</b>    |   |



# PHẦN THỨ TƯ

**Nhóm giải pháp chính và lập kế  
hoạch thực hiện**

## Nhóm Giải pháp Chính

Tóm lại, sự thành công của chiến lược và kế hoạch phụ thuộc vào việc chúng được thực hiện như thế nào. Để thực hiện hiệu quả chiến lược và kế hoạch, tỉnh cần tập trung vào 8 nhóm giải pháp chính sau đây:

- Giải pháp huy động vốn.
- Giải pháp huy động các cụm ngành then chốt, cơ sở hạ tầng thiết yếu tương quan, cơ chế chính sách và phát triển nguồn nhân lực.
- Giải pháp thiết lập một môi trường kinh doanh tổng thể tiêu chuẩn thế giới.
- Giải pháp cho khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường.
- Giải pháp mở rộng hợp tác để phát triển hội nhập và cộng tác trong khu vực, ở cấp quốc gia và quốc tế.
- Giải pháp xóa đói giảm nghèo cho những người nghèo nhất trong số người nghèo.
- Giải pháp quản lý và giám sát chương trình hiệu quả để đảm bảo thực hiện được minh bạch, kịp thời và phù hợp với ngân sách.
- Giải pháp nâng cao kỹ năng và năng lực quản lý nhà nước thông qua các chương trình đào tạo liên tục.

## 1 Nhóm giải pháp về Huy động Vốn đầu tư

Để đạt được mục tiêu phát triển kinh tế xã hội theo kế hoạch đến trước năm 2020, Hà Tĩnh sẽ cần huy động nguồn vốn trong 10 năm tới từ Chính phủ (bao gồm ODA) và doanh nghiệp. Tổng đầu tư cần có gấp gần 10-12 lần tổng đầu tư cho giai đoạn 2001-2010 và tương đương với 539 nghìn tỷ đồng. Trong số đó, Chính phủ sẽ đóng góp 106 nghìn tỷ đồng, gồm 48 nghìn tỷ của Trung ương. Các khoản đầu tư này sẽ được triển khai để phát triển và nâng cấp cả hệ thống cơ sở hạ tầng và tài nguyên kinh tế (các khuyến nghị cụ thể về các ưu tiên phát triển được trình bày trong các phần trước). Tiếp theo là các khuyến nghị chính để huy động hiệu quả nguồn vốn từ chính phủ và doanh nghiệp:

### 1.1.1 Huy động vốn từ nguồn Chính phủ:

Mục tiêu huy động 38 nghìn tỉ đồng trong giai đoạn 2011-2015 và 69 nghìn tỉ đồng cho giai đoạn 2016-2020.

#### 1.1.1.1 Đầu tư bằng ngân sách trung ương:

Ngân sách trung ương sẽ đóng vai trò quan trọng đặc biệt đối với việc xây dựng cơ sở hạ tầng. Hà Tĩnh cần phối hợp với các Bộ ngành ở Trung ương để thực hiện các dự án trọng điểm sử dụng ngân sách của Trung ương trong các lĩnh vực như làm đường cao tốc quốc gia (nâng cấp Quốc lộ 1A, hoàn thành quốc lộ 8, xây dựng đường cao tốc Bắc-Nam Đông và kết nối tuyến đường ven biển Hà Tĩnh với đường cao tốc ven biển quốc gia), đường sắt (nâng cấp mạng lưới đường sắt hiện có, phê duyệt việc xây dựng tuyến đường sắt cao tốc Bắc-Nam), hoàn tất việc xây dựng hồ chứa nước Ngàn Trươi ở huyện Vũ Quang bao gồm cả các trạm thủy điện đã quy hoạch, phát triển các khu công nghiệp công nghệ thông tin và đổi mới các vùng “nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh. Để đáp ứng yêu cầu về kinh phí của Trung ương, Hà Tĩnh nên tập trung vào ba lĩnh vực then chốt sau. Đầu tiên, tỉnh phải đảm bảo các nhu cầu của mình được phản ánh rõ ràng lên Trung ương. Thứ hai, cần phải chú

trọng đến việc quản lý hiệu quả của các dự án do Trung ương tài trợ. Cuối cùng, cần phải báo cáo kết quả thực hiện các dự án này lên Trung ương để chứng minh tính hiệu quả và do đó thuyết phục được Trung ương đầu tư vào các ưu tiên của Hà Tĩnh.

#### 1.1.1.2 Đầu tư từ Ngân sách Địa phương:

Hà Tĩnh chủ yếu là một tỉnh nông nghiệp với GDP nông nghiệp chiếm 34% tổng GDP và 64% việc làm của tỉnh trong năm 2010. Do đó, đóng góp của tỉnh vào nguồn thu ngân sách mới chỉ ở mức 15-20% trong vòng 5 năm qua và vốn của Trung ương chiếm tới 50-70% ngân sách hàng năm. Do đó, tỉnh khó có thể dùng vốn ngân sách để đầu tư. Tuy nhiên, do doanh thu thuế của tỉnh và GDP sẽ tăng trưởng trong 10 năm tới, Hà Tĩnh sẽ có thể đóng góp nhiều hơn đối với kinh phí đầu tư của Nhà nước. Động lực của quá trình tăng trưởng này là nhờ việc công nghiệp hóa, đô thị hóa, đồng thời thu nhập và mức chi tiêu cao giúp tỉnh có doanh thu từ thuế và phí sử dụng cao hơn. Ngoài ra, như đã nói trong phần sử dụng đất, tốc độ đô thị hóa ngày càng tăng và nhu cầu kéo theo về diện tích thương mại và dân dụng sẽ làm nhu cầu đất tăng mạnh. Hà Tĩnh sẽ tận dụng cơ hội này để tăng thu ngân sách thông qua cho thuê đất (Ví dụ như thời hạn 70 năm), và dùng ngân sách tăng thêm đó để nâng cấp cơ sở hạ tầng. Ở Singapore, thu ngân sách hàng năm từ bán đất ước tính chiếm khoảng 15%<sup>20</sup> tổng thu từ tất cả các nguồn.

Việc quản lý một cách hiệu quả nguồn kinh phí nhà nước đối với các dự án cơ sở hạ tầng trọng điểm sẽ là rất quan trọng. Đặc biệt, Hà Tĩnh nên tập trung cải thiện hệ thống đường giao thông nông thôn tỉnh, xây dựng tuyến tỉnh lộ Đông-Tây, nâng cấp mạng lưới điện, nâng cấp bệnh viện tỉnh và bệnh viện huyện trọng điểm (như Bệnh viện đa khoa thành phố Hà Tĩnh), thủy lợi, cấp nước, quản lý chất thải (xây dựng 5 nhà máy xử lý chất thải, vệ sinh bãi đổ chất thải) và tăng cường mạng lưới viễn thông.

#### 1.1.1.3 Các Mô hình Đầu tư và Tài trợ Khác

Hà Tĩnh cũng nên tìm hiểu các mô hình cấp vốn và đầu tư khác để bổ sung cho ngân sách tỉnh và trung ương, có thể qua vay nợ dài hạn (vd: trái phiếu cơ sở hạ tầng, lấy nguồn trả bằng thuế hoặc phí sử dụng), và / hoặc cơ chế hợp tác công tư (PPP). Đây sẽ là cách làm rất phù hợp với các dự án khả thi về tài chính như đường cao tốc, cơ sở hạ tầng cảng, điện, công nghiệp và đô thị. Với những dự án không hoàn toàn khả thi về tài chính, tỉnh vẫn có thể khuyến khích mô hình PPP qua kết hợp hỗ trợ vốn và doanh thu, ví dụ như cơ chế hỗ trợ vốn 1 lần, vay nợ có thứ tự ưu tiên thanh toán thứ yếu hỗ trợ hoạt động và quản lý, trợ cấp lãi suất.

Các mô hình này mang lại không chỉ nguồn tài chính cần thiết mà còn những lợi ích khác như tăng hiệu suất, chất lượng và chia sẻ rủi ro tốt hơn. Các mô hình khác có thể xem xét gồm:

- Xây dựng-Chuyển giao (BT) hoặc Thiết kế-Xây dựng (DB): Trong các mô hình này, chính quyền đứng ra ký hợp đồng với 1 đối tác tư nhân để thiết kế và xây dựng 1 công trình đáp ứng các yêu cầu. Khi công trình hoàn thành, chính quyền sẽ chịu trách nhiệm vận hành và bảo dưỡng công trình đó.
- Xây dựng-Cho thuê-Chuyển giao (BLT): Mô hình này tương tự như Xây dựng-Chuyển giao, chỉ khác là sau khi hoàn thành, công trình được giao cho chính quyền thuê lại. Khi tiền thuê đã được thanh toán đủ,

<sup>20</sup> Số liệu 2010 và 2011 từ trang web Tổng cục Thống kê Singapore và Cơ quan Phát triển Đô thị Singapore, Phân tích của Monitor

công trình được chuyển giao cho phía chính quyền mà không yêu cầu thêm chi phí nào. Chính quyền có trách nhiệm vận hành trong thời gian thuê công trình.

- Xây dựng-Chuyển giao-Vận hành (BTO) hoặc Thiết kế-Xây dựng-Vận hành (DBO): Trong mô hình này, khu vực tư nhân thiết kế và xây dựng công trình. Khi đã hoàn thành, quyền sở hữu công trình được chuyển cho chính quyền, đồng thời khu vực tư nhân vận hành công trình đó trong 1 khoảng thời gian nhất định.
- Xây dựng-Vận hành-Chuyển giao (BOT) hoặc Thiết kế-Xây dựng-Vận hành-Bảo dưỡng (DBOM): Trong quá trình hình này, chính quyền đứng ra ký hợp đồng với 1 đơn vị tư nhân để thiết kế và xây dựng 1 công trình. Sau đó, đơn vị tư nhân vận hành và bảo dưỡng công trình trong 1 khoảng thời gian nhất định. Khi kết thúc thời gian này, chính quyền sẽ chịu trách nhiệm vận hành công trình.
- Xây dựng-Sở hữu-Vận hành-Chuyển giao (BOOT): Trong mô hình này, chính quyền nhượng quyền cho 1 đối tác tư nhân thay mặt mình cấp tài chính, thiết kế, xây dựng và vận hành 1 công trình trong 1 thời gian nhất định. Khi kết thúc thời gian này, quyền sở hữu công trình sẽ lại thuộc về chính quyền.
- Xây dựng-Sở hữu-Vận hành (BOO): Trong mô hình này, chính quyền nhượng quyền cho 1 đơn vị tư nhân cấp tài chính, xây dựng, vận hành và bảo trì 1 dự án. Đơn vị này có quyền sở hữu dự án trong thời gian hoạt động của dự án.
- Thiết kế-Xây dựng-Cấp vốn-Vận hành/Bảo trì (DBFO, DBFM hoặc DBFO/M): Trong mô hình này, khu vực tư nhân thiết kế, xây dựng, cấp vốn, vận hành và/hoặc bảo trì 1 công trình mới theo hợp đồng cho thuê dài hạn. Kết thúc thời gian thuê, công trình được chuyển giao cho chính quyền.

Hình thức hợp tác công tư PPP cũng có thể áp dụng được cho các công trình và dịch vụ hiện có, thông qua các mô hình như:

- Cho thuê: Chính quyền cho 1 đơn vị tư nhân hưởng quyền thuê ưu đãi với 1 công trình. Đơn vị tư nhân vận hành và bảo dưỡng công trình theo điều khoản cho thuê.
- Ưu đãi: Chính quyền cho đơn vị tư nhân quyền đặc biệt được cung cấp, vận hành và bảo trì 1 công trình trong thời gian dài theo các quy định hoạt động do chính quyền đặt ra. Chính quyền giữ quyền sở hữu công trình.
- Bán đứt: Chính quyền chuyển giao toàn bộ hoặc 1 phần công trình cho đơn vị tư nhân. Thông thường, khi chuyển giao, chính quyền sẽ có 1 số điều kiện nhằm đảm bảo đơn vị tư nhân cải thiện công trình và tiếp tục cung ứng dịch vụ.

Mô hình cụ thể để áp dụng cần được xác định cụ thể cho từng dự án, tùy theo yêu cầu đầu tư, nghiên cứu khả thi, lượng đầu tư nhà nước và yêu cầu về mức độ kiểm soát, vv. Hình 207 dưới đây cho thấy mức độ khác nhau về quản lý của các mô hình.



|                           |   |  |   |
|---------------------------|---|--|---|
|                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>Canada</li> </ul>  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Lo ngại về chính trị về việc tư nhân hóa</li> </ul>  |
| 2) Giáo dục               | <ul style="list-style-type: none"> <li>Australia</li> <li>Hà Lan</li> <li>Anh</li> <li>Ireland</li> </ul>                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>DB</li> <li>DBO</li> <li>DBOM</li> <li>BOOT</li> <li>DBFO/M</li> <li>Trung gian thực hiện<sup>21</sup></li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Chi phí cao do nguồn thu thay thế còn chưa chắc chắn</li> <li>Chi phí đầu thầu tăng cao với dự án nhỏ</li> <li>Chưa chắc chắn về thay đổi dân số hoặc chính sách trong tương lai</li> </ul>          |
| 3) Cải tạo Đô thị / Nhà ở | <ul style="list-style-type: none"> <li>Hà Lan</li> <li>Anh</li> <li>Ireland</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>DBFM</li> <li>Liên doanh</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Chi phí cải tạo và độ linh hoạt</li> <li>Chưa chắc chắn về nhu cầu và nguồn thu trong tương lai</li> <li>Cùng cung cấp</li> </ul>  |
| 4) Bệnh viện              | <ul style="list-style-type: none"> <li>Australia</li> <li>Canada</li> <li>Bồ Đào Nha</li> <li>Nam Phi</li> <li>Anh</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>BOO</li> <li>BOOT</li> <li>Integrator</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Chưa chắc chắn về nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân trong tương lai</li> <li>Chi phí giao dịch cao đối với dự án nhỏ</li> <li>Lo ngại về chính trị liên quan tới vấn đề tư nhân hóa</li> </ul> |

#### 1.1.1.4 Đầu tư thông qua Đối tác Phát triển:

Đầu tư thông qua nguồn vốn ODA sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển cơ sở hạ tầng tại các khu vực có hoàn cảnh khó khăn, xây dựng năng lực và đào tạo nghề. Hà Tĩnh cần tiếp tục hợp tác tích cực với các nhà tài trợ hiện có để xác định các cơ hội đầu tư phù hợp với mục tiêu và ưu tiên của mình. Đặc biệt, Hà Tĩnh cần tiếp tục tìm kiếm nguồn tài trợ từ các đối tác ODA và các tổ chức phi chính phủ để phát triển thủy lợi và cơ sở hạ tầng nước, quản lý chất thải, giảm nghèo, vệ sinh, phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải, giáo dục nghề nghiệp, điện khí hóa nông thôn và y tế. Trong số này, phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi, giáo dục nghề nghiệp và xóa đói giảm nghèo cần được coi là ưu tiên của tỉnh.

- Gây vốn thông qua doanh nghiệp (vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và đầu tư trong nước):* Đặt mục tiêu thu hút được 189 nghìn tỉ đồng đầu tư của doanh nghiệp trong giai đoạn 2011-2015 và 243 nghìn tỉ đồng trong giai đoạn 2016-2020. Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào các ngành tăng trưởng chính của nền kinh tế của Hà Tĩnh là một yếu tố quan trọng. Theo dự đoán FDI và đầu tư doanh nghiệp trong nước sẽ đóng một vai trò

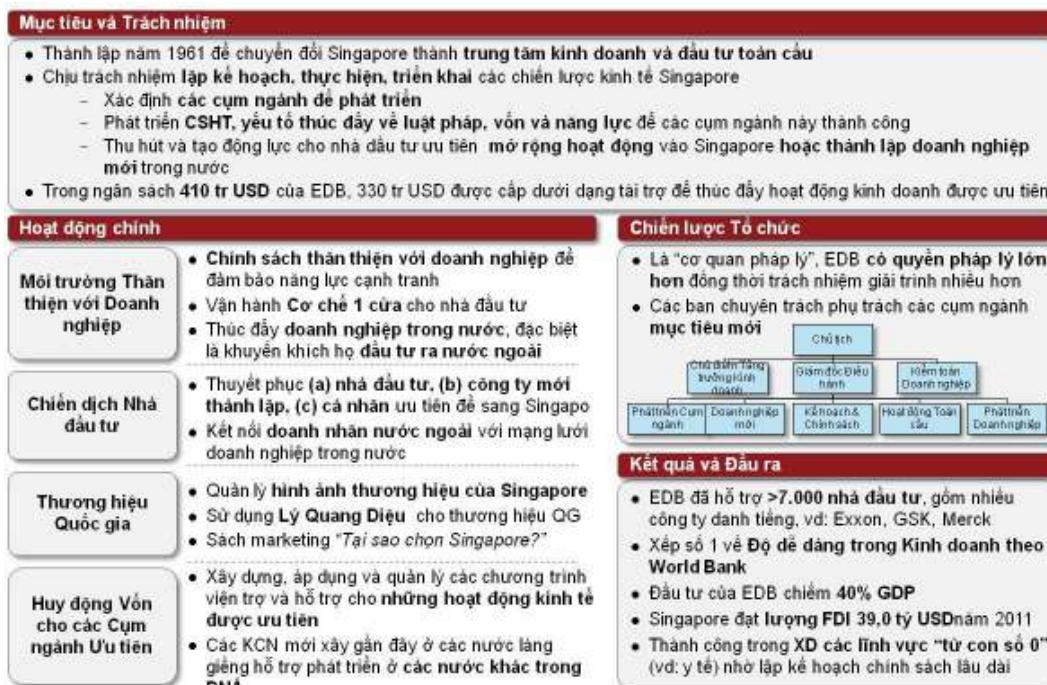
<sup>21</sup>Đơn vị nhà nước chọn 1 đối tác tư nhân làm trung gian thực hiện, giao cho đối tác này trách nhiệm quản lý phát triển dự án. Đơn vị trung gian thực hiện thu xếp các vấn đề cần thiết để thực hiện dự án, được thanh toán dựa trên kết quả chung của dự án và có thể bị phạt nếu dự án chậm tiến độ, đội chi phí, chất lượng kém, vv. Đơn vị trung gian thực hiện ít có vai trò trong trực tiếp thực hiện dự án, thậm chí có trường hợp hoàn toàn không được tham gia thực hiện trực tiếp. Trong các trường hợp khác, đơn vị này được giao thực hiện giai đoạn đầu tiên của dự án hoặc 1 số công việc cụ thể, nhưng sau đó sẽ không được thực hiện các giai đoạn tiếp theo, nhằm tránh gây xung đột lợi ích giữa việc tạo giá trị cao nhất cho nhà nước và thu được lợi nhuận cao nhất cho đơn vị tư nhân qua chuỗi giá trị.

quan trọng đối với sự phát triển của tất cả các cụm ngành. Để đảm bảo rằng Hà Tĩnh đáp ứng được các mục tiêu đầu tư để phát triển các cụm ngành này, cần tập trung vào các lĩnh vực sau:

- Tạo ra một môi trường đầu tư mạnh mẽ dựa trên các hành động được khuyến nghị cụ thể trong phần “Nhóm các giải pháp để thực thi một môi trường kinh doanh đẳng cấp quốc tế”. Điều này sẽ làm tăng khả năng cạnh tranh của tỉnh và do đó làm cho tỉnh trở thành một địa điểm đầu tư hấp dẫn hơn trong mắt các nhà đầu tư nước ngoài và trong nước.
- Thực hiện chiến dịch xúc tiến đầu tư để xác định và hướng đến các nhà đầu tư tiềm năng trong và ngoài nước để thu hút một làn sóng đầu tư mới từ các nước và các tỉnh khác ở Việt Nam
- Theo thời gian, xây dựng thương hiệu Hà Tĩnh như một điểm đến năng động, thân thiện đối với các hiệp hội doanh nghiệp/phòng thương mại then chốt trong và ngoài nước.
- Huy động vốn của các doanh nghiệp vừa và nhỏ và hộ gia đình để đầu tư trong các lĩnh vực như chế biến nông sản, công nghiệp phụ trợ cho các cụm ngành được đề xuất, phát triển cơ sở hạ tầng cộng đồng (như nhà hàng và rạp chiếu phim) và các doanh nghiệp quy mô nhỏ khác.
- Thực hiện các chương trình hiện có để giúp các doanh nghiệp trong tỉnh có cơ chế vay tín dụng thuận lợi, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ để cho phép họ xây dựng và mở rộng hoạt động kinh doanh của mình

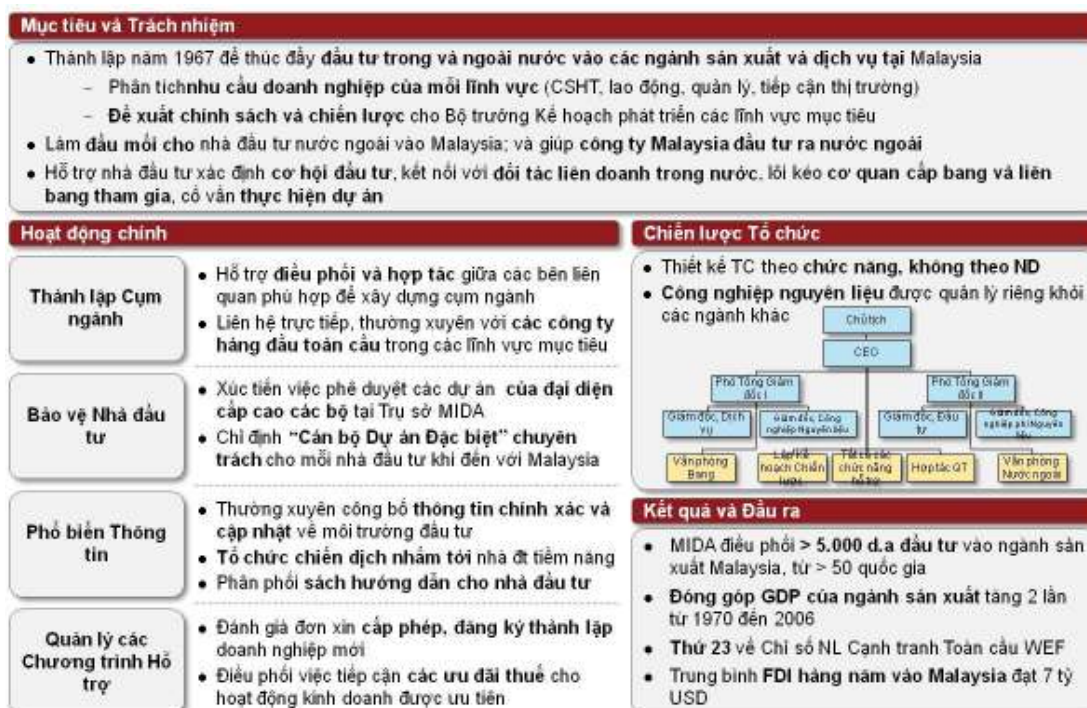
Để thu hút đầu tư, đặc biệt là trong môi trường cạnh tranh với các địa phương khác (thậm chí là quốc gia khác), Hà Tĩnh cần tập trung vào các yếu tố nói trên. Theo đó, tỉnh sẽ học tập các cách làm tốt nhất từ các nước khác như Singapore (Ban Phát triển Kinh tế) và Cơ quan Phát triển Đầu tư Malaysia (MIDA), như trình bày trong Hình 209 và 210 dưới đây.

**Hình 209 – Ban Phát triển Kinh tế Singapore**



Nguồn: Ban Phát triển Kinh tế Singapore

**Hình 210 – Cơ quan Phát triển Đầu tư Malaysia**

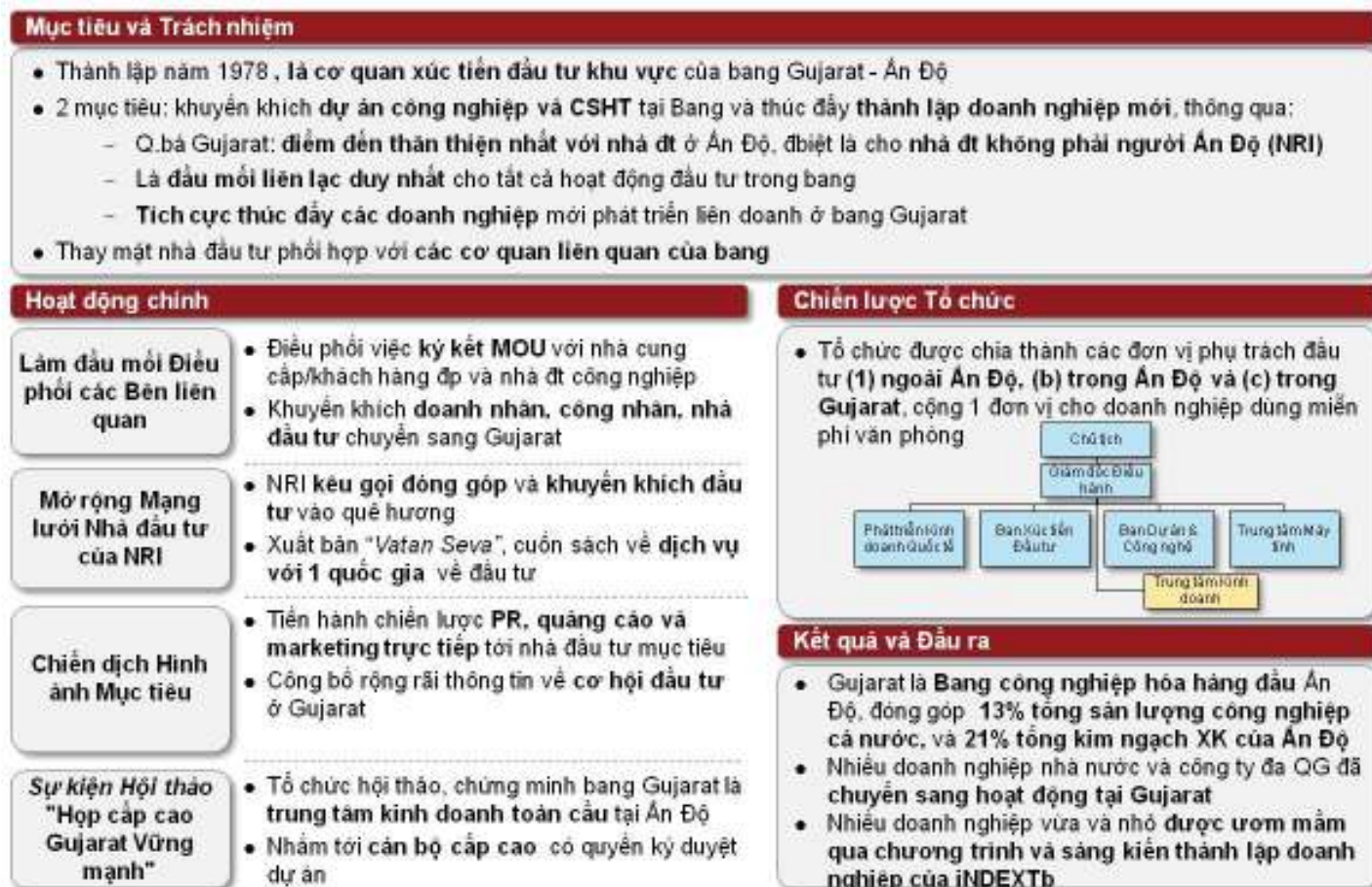


Nguồn: Cơ quan Phát triển Đầu tư Malaysia



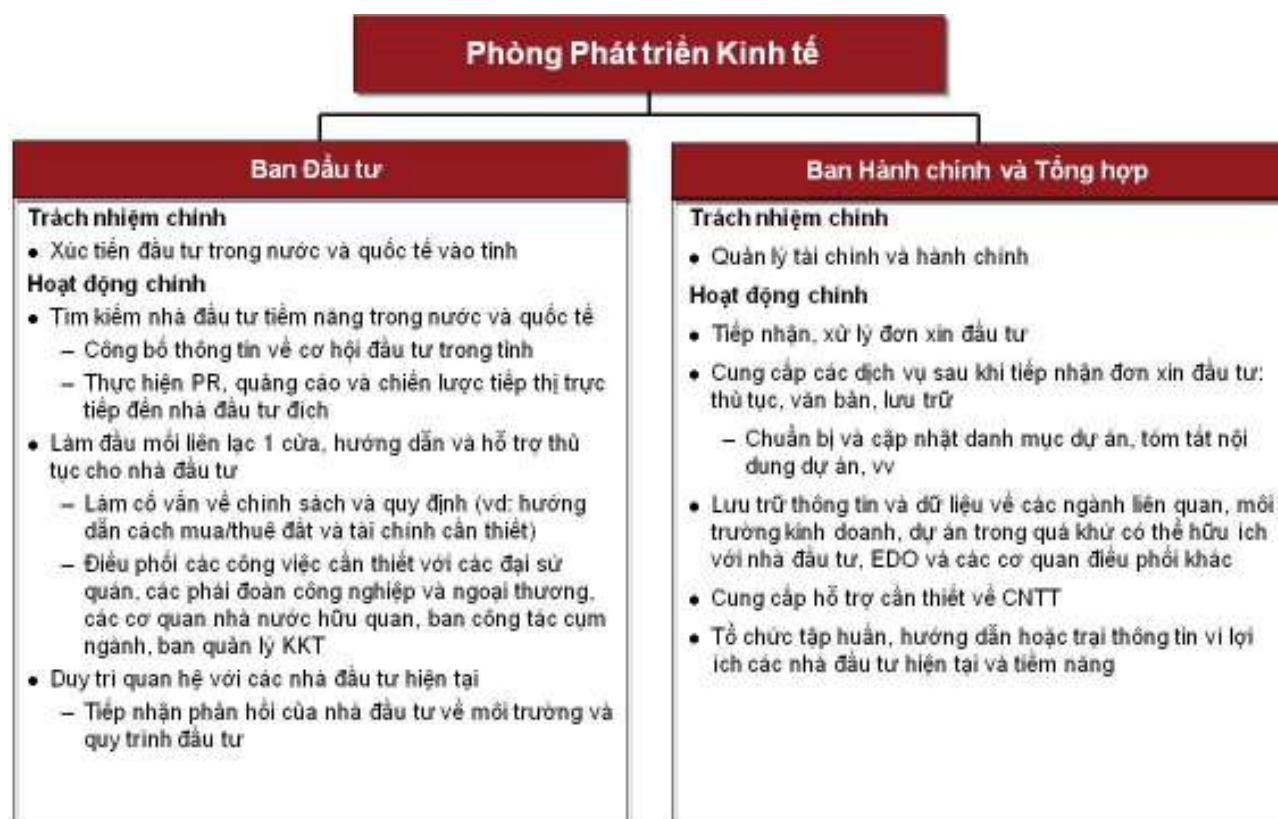
Ngoài các ví dụ cấp độ quốc gia nói trên, Hà Tĩnh cũng có thể áp dụng 1 số cách làm cấp độ địa phương như ví dụ của tỉnh Gujarat - Ấn Độ dưới đây (Hình 211).

**Hình 211 – Cơ quan Xúc tiến Đầu tư Gujarat, iNDEXTb**



Nguồn: Cơ quan Xúc tiến Đầu tư Gujarat

Theo đó, tỉnh có thể xem xét thành lập Phòng Phát triển Kinh tế (EDO). Đây là cơ quan có 3 chức năng: (a) chịu trách nhiệm chính về xúc tiến đầu tư, kết hợp với các sở khác, các cụm ngành liên quan và ban quản lý các KKT và KCN, (b) làm đầu mối giao dịch trực tiếp và duy nhất với nhà đầu tư đã đầu tư và/hoặc sẽ đầu tư vào tỉnh, (c) thay mặt nhà đầu tư điều phối công việc với các sở ngành về thủ tục, giấy tờ. Hình 212 dưới đây là cơ cấu và chức năng của Phòng Phát triển Kinh tế.

**Hình 212 – Cơ cấu và Chức năng của Phòng Phát triển Kinh tế**

Nguồn: Phân tích của Monitor

## 1.2 Nhóm giải pháp huy động các cụm ngành trọng điểm, cơ sở hạ tầng liên quan, cơ chế chính sách và phát triển nhân lực

Một yếu tố quan trọng đối với sự thành công của chiến lược và kế hoạch là huy động các cụm ngành chính và thực hiện các sáng kiến liên quan đến các cụm ngành này một cách kịp thời và có chất lượng cao. Do vậy, cần phải đặc biệt lưu ý và đảm bảo khởi động và phát triển thành công các cụm ngành trọng điểm đã được xác định. Để đảm bảo được điều này, đối với mỗi cụm ngành then chốt, tỉnh sẽ thành lập một Tổ công tác giữa các sở ban ngành trong cụm ngành (CWG) do sở ngành có liên quan đến việc phát triển cụm ngành chịu trách nhiệm trực tiếp. Tổ công tác cũng sẽ có đại diện đến từ khu kinh tế Vũng Áng và Cầu Treo đối với các cụm ngành có liên quan. Nhiệm vụ của các tổ công tác cụm ngành sẽ là (a) rà soát thị trường và lập bản đồ phát triển trong cụm ngành ở cấp quốc gia và quốc tế (b) xác định cơ hội để phát triển các cụm tại Hà Tĩnh, (c) xác định các nhà đầu tư tiềm năng và phối hợp với đội ngũ xúc tiến đầu tư trong việc xác định các nhà đầu tư này, (d) tạo điều kiện cho các nhà đầu tư mới tham gia và đảm bảo nhu cầu của các nhà đầu tư hiện tại được đáp ứng và (e) thúc đẩy đối thoại với các bên liên quan cụm chính (doanh nghiệp, học viện và chính phủ trung ương). Tổ công tác cũng sẽ có trách nhiệm thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng liên quan đến các cụm ngành chính và thực hiện các cơ chế chính sách có liên quan cho cụm ngành này. Các Tổ công tác cũng sẽ phối hợp với Sở GD & ĐT và Sở LĐTĐ & XH, đảm bảo rằng các yêu cầu nguồn nhân lực cho các cụm ngành (nhân lực, đào tạo phù hợp vv) được đáp ứng.

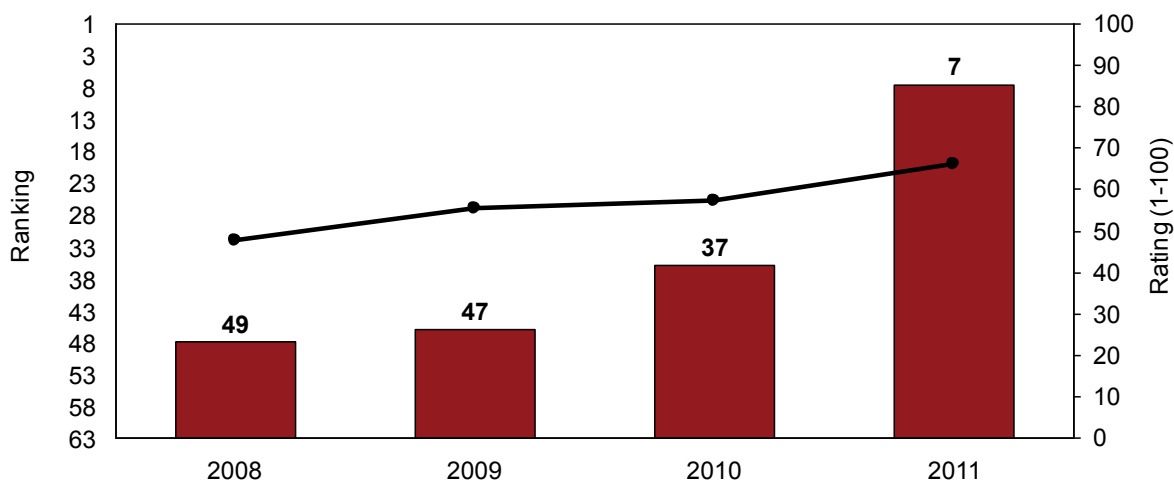
Song song đó, tỉnh cũng sẽ thành lập một Hội đồng tư vấn chốtùng cụm ngành chính, gồm từ 6-8 thành viên là các nhà đầu tư quan trọng, đại diện hiệp hội ngành công nghiệp, đại diện Trung ương và các học giả và chuyên gia nổi trong cụm ngành đó. Vai trò của Hội đồng tư vấn sẽ là tư vấn định kỳ cho tổ công tác cụm ngành về các sáng kiến có liên quan có thể được thực hiện để tiếp tục phát triển từng cụm ngành trong tỉnh.

### 1.3 Giải pháp thực hiện một môi trường kinh doanh đẳng cấp quốc tế

Hà Tĩnh cần phải xây dựng được một môi trường đầu tư mang đẳng cấp quốc tế cho các nhà đầu tư- môi trường đó phải bao gồm các nhân tố tốt nhất ở Việt Nam và trên thế giới. Đây là một điều kiện tiên quyết để đáp ứng các mục tiêu phát triển và tăng trưởng của tỉnh. Các biện pháp mục tiêu nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện dễ dàng để kinh doanh tại tỉnh và giảm chi phí thành lập cơ sở kinh doanh mới cho doanh nghiệp sẽ là các yếu tố then chốt để thúc đẩy sự hấp dẫn của tỉnh đối với các nhà đầu tư.

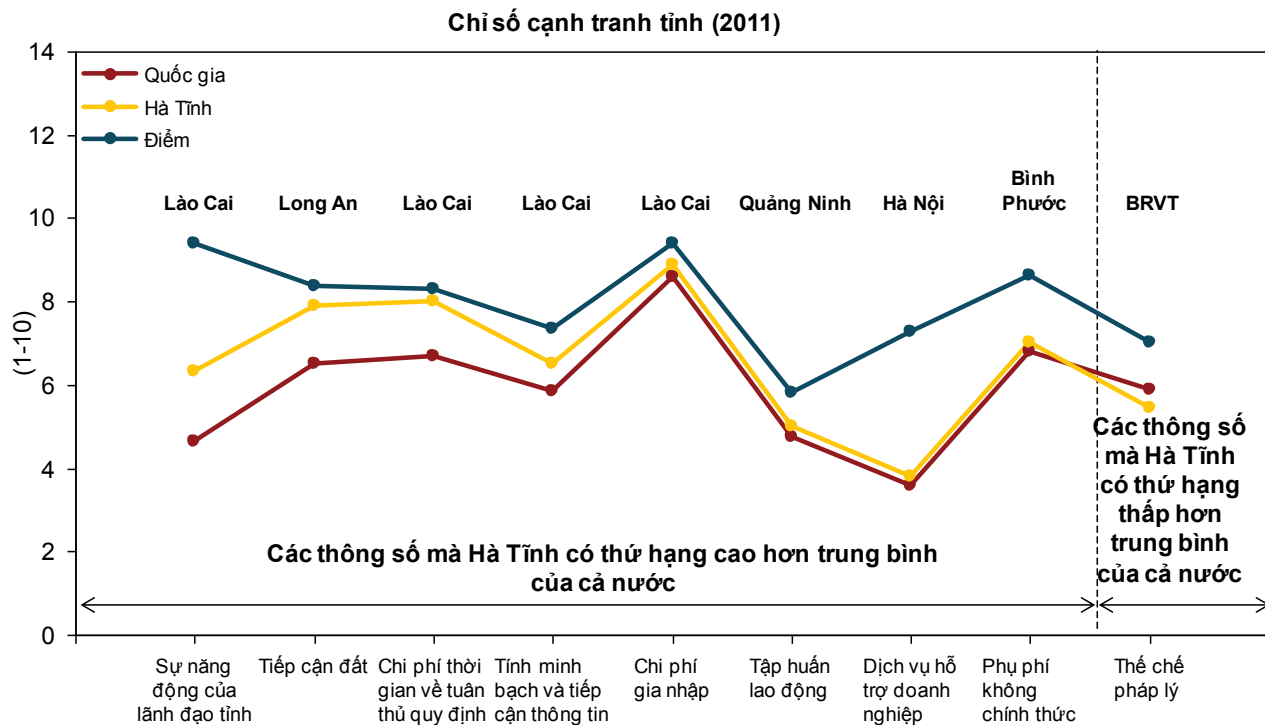
Biện pháp so sánh hàng đầu về môi trường kinh doanh ở Việt Nam là Chỉ số Cạnh tranh tỉnh (PCI) do Phòng Thương mại và Công thương Việt Nam ban hành với sự phối hợp với USAID. Hà Tĩnh đã tăng cả về vị trí và điểm trong những năm qua (Hình 213). Hà Tĩnh cũng đã tổ chức cuộc họp giữa VCCI và cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh để cải thiện môi trường kinh doanh. Tuy nhiên, đến nay tỉnh vẫn không có được một chương trình phối hợp tổng thể ở cấp trung ương để nâng cao vị trí của mình mặc dù các kết quả cải cách của tỉnh đã giúp cải thiện môi trường kinh doanh cho người dân và doanh nghiệp. Do vậy, Hà Tĩnh vẫn còn ở xung quanh hoặc dưới mức trung bình đối với phần lớn các biện pháp hoặc chỉ số phụ trong PCI. (Hình 214).

**Hình 213: Vị trí và điểm số PCI của Hà Tĩnh, 2011**



Ghi chú: Điểm số được cho từ 1-100, Lào Cai có điểm cao nhất năm 2011: 73,53

Nguồn: VCCI; Phân tích của Monitor

**Hình 214: Thứ hạng và điểm số PCI của Hà Tĩnh, 2011**

Nguồn: VCCI; Phân tích của Monitor

Mặc dù đã có nhiều tiến bộ trong những năm qua, Hà Tĩnh vẫn cần cải thiện môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh. Do đó tỉnh cần triển khai và công bố rộng rãi 1 chương trình cải thiện 3 vấn đề quan trọng sau:

- **Tăng đầu tư trong nước:** Do Hà Tĩnh sẽ được công nhận là một địa điểm thuận tiện để kinh doanh, các công ty có chi nhánh đầu tư tại tỉnh sẽ tin vào khả năng hoạt động hiệu quả và sinh lợi nhuận ở tỉnh và do vậy Hà Tĩnh có thể tăng được lượng đầu tư từ các nhà đầu tư trong nước;
- **Tăng hình ảnh trong con mắt các nhà đầu tư nước ngoài:** Các công ty nước ngoài thường đánh giá vị trí xếp hạng PCI trước khi đầu tư và họ tự đánh giá xem việc đầu tư đó có lợi và thuận tiện như thế nào; do vậy việc đảm bảo được chi phí thấp, chất lượng lao động tốt và chi phí kinh doanh nói chung phù hợp sẽ giúp các nhà đầu tư nước ngoài chọn Hà Tĩnh.
- **Tăng tỉ lệ thành lập doanh nghiệp:** Việc giảm bớt rào cản thành lập kinh doanh sẽ khuyến khích các doanh nghiệp và do đó tăng sự cạnh tranh và sáng tạo trong tỉnh. Các công ty nhỏ hơn thường là yếu tố chính để tạo ra công ăn việc làm, do đó góp phần tích cực đối với tỉ lệ việc làm và tăng sự phồn vinh cho tỉnh.

Chỉ số PCI đã được xây dựng để đo lường các khía cạnh cạnh tranh có liên quan đến hoạt động kinh doanh ở Việt Nam. Đặc biệt, có 4 loại biện pháp khác nhau với các chỉ số phụ để tính ra điểm tổng cho tỉnh mà theo đó cần phải có các hành động khác nhau để tạo động cơ cải thiện chỉ số (Hình 215).

**Hình 215: Giải pháp nâng cao Chỉ số cạnh tranh của tỉnh (PCI)**

| Loại         | Nguồn             | Trọng tâm  | Thời điểm điều tra PCI           | Cơ chế cải thiện  | Thời gian để có tác động PCI |
|--------------|-------------------|--|----------------------------------|---|------------------------------|
| Lịch sử      | Điều tra PCI      | Doanh nghiệp sử dụng dịch vụ ở tỉnh <sup>1</sup> | Thời điểm thành lập doanh nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tiến hành cải tổ</li> <li>Tăng số lượng doanh nghiệp<sup>3</sup></li> </ul>      | Biến động <sup>3</sup>       |
| Hiện thời    | Điều tra PCI      | Doanh nghiệp sử dụng dịch vụ ở tỉnh <sup>1</sup> | Các năm trước đây                | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tiến hành cải tổ</li> <li>Đảm bảo doanh nghiệp trải nghiệm sự tiến bộ</li> </ul> | 1-2 năm                      |
| Tỉnh         | Điều tra PCI      | Nhận thức chung về tỉnh <sup>2</sup>             | Năm hiện tại                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tiến hành cải tổ</li> <li>Thông tin cải thiện đến doanh nghiệp</li> </ul>        | Dưới 1 năm                   |
| Số liệu cùng | Thống kê nhà nước | Hiện trạng của tỉnh                              | 1-3 năm trước                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tiến hành cải tổ</li> <li>Theo dõi thống kê quốc gia</li> </ul>                  | Hơn 2 năm                    |

Những biện pháp này được phân bố trong các chỉ số phụ khác nhau (Hình 216), do vậy việc cải thiện các chỉ số phụ cần phải tính đến các cơ chế khác nhau cho từng loại biện pháp.

**Hình 216: Phân tích Dữ liệu xây dựng điểm số của các chỉ số phụ, PCI 2011**

| Chỉ số phụ           | Công ty Trước đây | Công ty hiện nay | Tỉnh      | Số liệu  | Tiến bộ trọng tâm   |
|----------------------|-------------------|------------------|-----------|----------|---|
| Chi phí gia nhập     | 6                 | 1                | 0         | 0        | Tăng số lượng công ty   |
| Tiếp cận đất đai     | 0                 | 3                | 2         | 1        | Cải thiện dịch vụ cho doanh nghiệp, và nhận thức chung của tỉnh |
| Tinh minh bạch       | 0                 | 3                | 3         | 1        |   |
| Chi phí thời gian    | 0                 | 3                | 5         | 0        |   |
| Phí không chính thức | 0                 | 0                | 6         | 0        | Cải thiện nhận thức chung của tỉnh                              |
| Chủ động             | 0                 | 0                | 3         | 0        | Cải thiện cung cấp dịch vụ kinh doanh, và chất lượng dịch vụ    |
| Dịch vụ kinh doanh   | 0                 | 15               | 0         | 2        |   |
| Đào tạo lao động     | 0                 | 6                | 2         | 2        |   |
| Quy định pháp lý     | 0                 | 5                | 0         | 2        |   |
| Cơ sở hạ tầng        | 0                 | 4                | 4         | 6        |   |
| <b>Tổng số</b>       | <b>6</b>          | <b>36</b>        | <b>21</b> | <b>8</b> |   |

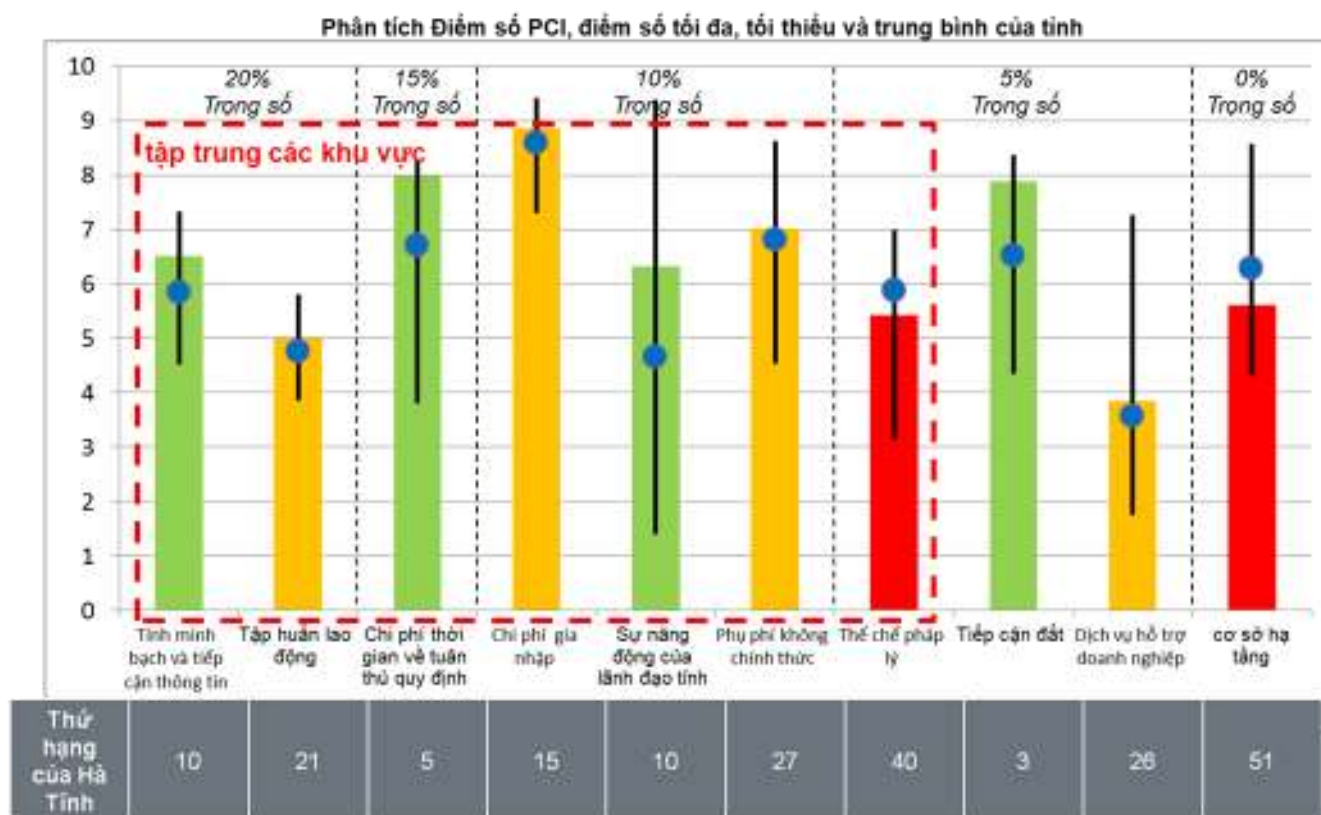
Ghi chú: Cơ sở hạ tầng không đóng góp vào xếp hạng PCI tổng thể, song vẫn là 1 chỉ số quan trọng cho thấy năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Nguồn: VCCI; Phân tích của Monitor

Do đó một yếu tố quan trọng là cần phải quảng bá được các cải cách và cải tiến quy trình kinh doanh một cách phù hợp đối với cộng đồng doanh nghiệp. Bằng cách đó, có thể thu thập thêm được ý kiến phản hồi và xác định được các vấn đề mới, đảm bảo tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh của tỉnh.

Các chỉ số phụ trong PCI không được đánh giá tương nhau mà được tính bình quân gia quyền, do vậy những vấn đề có tác động lớn nhất đối với hoạt động kinh tế của tỉnh sẽ có tác động lớn hơn đối với chỉ số và thứ tự xếp hạng của tỉnh. Do vậy, Hà Tĩnh cần tập trung vào các chỉ số phụ được coi là quan trọng hơn cũng như là các chỉ số đang bị xấu đi tương đối. Hình 217 thể hiện điểm gia quyền của các chỉ số phụ cũng như hoạt động tương đối của Hà Tĩnh- cột đồ thể hiện các hoạt động dưới mức trung bình, màu xanh trên trung bình và màu vàng là gần trung bình.

**Hình 217: Phân tích điểm số cạnh tranh của tỉnh Hà Tĩnh, điểm số cạnh tranh tỉnh ở mức tối đa, tối thiểu và trung bình, 2011**



Ghi chú: Các cột biểu diễn điểm số của Hà Tĩnh, các đường biểu diễn mức độ dao động và giá trị trung bình. Màu sắc cột thể hiện kết quả: đỏ - dưới trung bình, da cam – trung bình (8% quanh giá trị trung bình), xanh – trên trung bình,

Nguồn: VCCI; Phân tích của Monitor

Một số chỉ số phụ có liên quan đến nhận thức của doanh nghiệp về tỉnh nói chung: đo lường phản ứng của các doanh nghiệp khi được hỏi về hiện trạng của tỉnh đối với các doanh nghiệp nói chung. Các chỉ số này bao gồm tính minh bạch, chi phí thời gian, tính năng động, các phụ phí không chính thức và tiếp cận đất. Để cải thiện các chỉ số phụ này, tỉnh cần phải thực hiện và quảng cáo các hoạt động cải tổ nói chung đến với các doanh nghiệp. Bằng cách nâng cao nhận thức của họ theo hướng này, doanh nghiệp sẽ đánh giá số điểm của tỉnh cao hơn đối với các câu hỏi về kinh doanh nói chung trên địa bàn tỉnh.

Một số chỉ số phụ dựa vào kinh nghiệm riêng của doanh nghiệp kinh doanh tại tỉnh (bao gồm một số chỉ số đo lường khác nhau): tính minh bạch, đào tạo lao động, chi phí thời gian, thể chế pháp lý, tiếp cận đất và các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp. Các nhận xét này thường dựa trên các mối quan hệ trước đây và không phản ánh kết quả đổi mới mà tỉnh đã có. Để cải thiện điểm số của các chỉ số phụ này, tỉnh phải hiểu rõ quan điểm của doanh nghiệp và cải thiện chúng theo thời gian cùng với các hoạt động tương tác theo mục đích. Điều đó có nghĩa là cần phải có thời gian để thể hiện được các kết quả cải tiến này trong điểm số PCI. Một điều cũng rất quan trọng là cần phải xác định cải thiện môi trường kinh doanh nói chung và các hoạt động kinh doanh trong tỉnh.

Một chỉ số phụ khác là chi phí khởi tạo nhằm đo lường các quy trình mà doanh nghiệp phải thực hiện để thành lập doanh nghiệp. Do đó, sự cải tiến trong lĩnh vực này chỉ được công nhận khi có đủ số lượng các doanh nghiệp mới thành lập cảm nhận được sự cải tiến này và đăng ký điều tra PCI. Mặc dù rõ ràng là tỉnh có một số cải thiện trong môi trường kinh doanh, tuy nhiên tỉnh cần tìm kiếm một chương trình lớn hơn để khuyến khích thành lập doanh nghiệp, ngoài chiến dịch cạnh tranh. Tuy nhiên, chiến dịch cạnh tranh này cần bao gồm một chiến dịch truyền thông để khuyến khích các doanh nghiệp cũng như hiểu được các rào cản đối với sự tham gia của họ.

Trước thách thức của việc cải thiện môi trường kinh doanh, các loại công cụ đo lường khác nhau trong PCI, nhu cầu đảm bảo các kết quả cải cách này được công nhận và các ý kiến phản hồi được thu thập, thì cần phải có một chiến dịch mang tính cạnh tranh bao gồm kết quả thực hiện cải cách và một chiến dịch truyền thông để thảo luận với các doanh nghiệp về các tiến bộ trong môi trường kinh doanh cũng như kinh nghiệm kinh doanh của họ ở Hà Tĩnh.

- **Thực hiện cải cách**

Để có thể cải cách, Hà Tĩnh cần phải xây dựng một chương trình hành động để xác định động cơ, các sáng kiến cụ thể nhằm quảng bá được các tiến bộ và tạo động lực cho sự thay đổi có ý nghĩa.

Điều này sẽ giúp thể hiện được bản chất tâm nhìn xa trông rộng của lãnh đạo tỉnh và sự quyết tâm của tỉnh để cải thiện tính cạnh tranh, tạo ra được các đề tài trao đổi thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư.

- **Phổ biến các kết quả trên toàn tỉnh - thảo luận về kinh nghiệm cụ thể của doanh nghiệp**

Bên cạnh chương trình cải cách, Hà Tĩnh cần thực hiện một chương trình cụ thể để gắn kết sự tham gia của các bên liên quan và tạo cho họ một cơ hội để tham gia xây dựng chính sách và đảm bảo các vấn đề quan trọng của họ được lắng nghe và có hành động phù hợp.

Điều này sẽ giúp thay đổi nhận thức của doanh nghiệp về tỉnh và niềm tin về cam kết của lãnh đạo tỉnh, sự tăng trưởng và phồn vinh của tỉnh, nhờ đó tạo ra được sự tự hào và sự tin tưởng vào tỉnh cũng như tương lai của tỉnh.

Hình 218 trình bày lộ trình đề xuất về các sáng kiến và cải thiện chính sách chính dựa trên kết quả phân tích hiện trạng của Hà Tĩnh trong PCI. Đây là bảng tổng hợp các chính sách ưu đãi (màu xanh nước biển) và kế hoạch truyền thông (màu xanh) và sẽ là động lực tạo ra các cải thiện về môi trường kinh doanh của Hà Tĩnh bằng cách xác định được các vấn đề quan trọng nhất của tỉnh hiện nay trong khi đem lại được tác động tích cực đối với điểm số và thứ hạng PCI của tỉnh.

Hình 218: Lộ trình cải thiện môi trường kinh doanh của tỉnh

| Chỉ số phụ       | Quý 2, 2012   | Quý 3, 2012  | Quý 4, 2012   | Nửa đầu năm 2013                             | Nửa sau năm 2013       |
|------------------|---|--|---|--|------------------------|
| Tổng thể         |   |  |   | Phân tích PCI 2012 và xác định trọng tâm mới |                        |
|                  | Khởi động chương trình truyền thông với chiến dịch truyền thông đại chúng, phóng vấn, và thảo luận nhóm |  | Tiếp tục chiến dịch với trọng tâm dựa trên những thành công về PCI năm 2011 |  | Tiếp tục chiến dịch... |
| Minh bạch        | Tổ chức họp tư vấn chính sách cho các hiệp hội doanh nghiệp   | Hoàn thiện thuế tục thuế để giảm việc nhũng nhiễu  |   |  |                        |
|                  | Cải thiện Website của Hà Tĩnh   |  |   |  |                        |
|                  | Chia sẻ kết quả của các cuộc họp tư vấn chính sách  |  |   |  |                        |
| Đào tạo lao động |   | Khởi động chương trình đào tạo hỗ trợ doanh nghiệp thuê lao động có tay nghề, và giúp các chương trình đào tạo |   |  |                        |

| Chỉ số phụ        | Quý 2, 2012   | Quý 3, 2012  | Quý 4, 2012  | Nửa đầu năm 2013  | Nửa sau năm 2013 |
|-------------------|---|--|--|---|------------------|
| Chi phí thời gian | Thông tin những thành công của PAR, gồm cải thiện quy trình, giảm chi phí, và thủ tục giấy tờ             | Tóm tắt số lượng, loại hình thanh tra, kiểm tra, tổng hợp thanh kiểm tra<br>Hợp lý hóa việc thanh tra thuế   | Thông tin về giảm thời gian kiểm tra, tần suất kiểm tra, xin ý kiến phản hồi |   |                  |
| Phí gia nhập      | Thành lập các VP chi nhánh 1 cửa để đơn giản hóa việc đ/ky, giải quyết các vấn đề liên quan tới giấy phép | Bắt đầu chiến dịch khuyến khích tinh thần kinh doanh trong tỉnh<br>Tuyên truyền về những cải thiện trong đăng ký và cấp giấy phép chứng nhận QSD đất ở Hà Tĩnh |  |   |                  |
| Chủ động          |   |  |  | Bắt đầu chương trình nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ toà án và thực thi pháp luật của tỉnh và QG |                  |
| Thể chế pháp lý   | Giảm phí toà án và phí giải quyết tranh chấp  | Xây dựng hệ thống khiếu nại cho các doanh nghiệp phân đôi hành vi tham nhũng của cán bộ  |  | Cải thiện tốc độ, hiệu suất toà án xử các vụ tranh chấp   |                  |
|                   | Khuyến khích sử dụng toà án QG tranh chấp   |  |  |   |                  |



| Chỉ số phụ                | Quý 2, 2012  | Quý 3, 2012   | Quý 4, 2012                                   | Nửa đầu năm 2013   | Nửa sau năm 2013 |
|---------------------------|--|---|---|--|------------------|
| Phi không chính thức      | Điều tra giấu tên, thực hiện hoạt động "Người mua hàng bí mật" để xác định những nơi có tham nhũng, những nhiều xảy ra để cải tiến các thủ tục |   |   | Tập trung nỗ lực chống tham nhũng dưới một tổ chức thống nhất  |                  |
|                           | Công khai kết quả đấu thầu và hợp đồng chính quyền   |   |   |  |                  |
|                           | Thiết lập chiến dịch thường xuyên chống lại tham nhũng, thăm dò doanh nghiệp cách loại bỏ chi phí không chính thống, và lễ thời xấu.           |   |   |  |                  |
| Tiếp cận đất              | Cung cấp giấy xác nhận sử dụng đất cho tất cả doanh nghiệp.  | Thành lập cơ quan hoặc ban công tác để a) điều tra những rào cản cụ thể đối với doanh nghiệp trong tiếp cận đất đai, b) kiểm toán việc thu hồi đất và đánh giá đền bù giá đất |   |  |                  |
| Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh | Tuyên truyền về dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp hiện có trong tỉnh và tính hữu ích của dịch vụ này   | Thực hiện chương trình giúp tăng số lượng công ty tổ chức tư nhân cung cấp dịch vụ công ở Hà Tĩnh   |   | Cải thiện chất lượng dịch vụ kinh doanh thông qua tăng sự tham gia của tư nhân trong các lĩnh vực ảnh hưởng và đo chỉ số PCI |                  |
|                           |  |   | Đăng ký và tổ chức thêm các hội chợ triển lãm |  |                  |

Nguồn: VCCI; Phân tích của Monitor

Có thể thấy như trên, tỉnh cần thực hiện một số các sáng kiến chính ngay lập tức (Hình 209) để tạo động lực cải cách và thực hiện các biện pháp có tác động đối với điểm số PCI của tỉnh. Hà Tĩnh thậm chí có thể sử dụng các cải thiện ở mức khiêm tốn về vị trí của mình trong các báo cáo PCI trong thời gian tới để tạo động lực thay đổi tiếp theo. Có ba "ích lợi nhanh" mà có thể có tác động tức thì đối với tỉnh:

- Thành lập một diễn đàn tư vấn và tổ chức các cuộc họp công khai cho phép doanh nghiệp lắng nghe về các cải cách lớn nhất của tỉnh và thảo luận về các thách thức mà họ gặp phải. Điều này có thể có tác động trực tiếp đối với thứ hạng PCI của tỉnh, tuy nhiên quan trọng hơn là cho phép Hà Tĩnh ưu tiên các nỗ lực trong tương lai của mình đối với các yếu tố mà doanh nghiệp gặp khó khăn;
- Nâng cấp trang web của tỉnh. Đây là một cách dễ dàng giúp tỉnh tăng được tính minh bạch một cách bền vững và có thể tạo ra được các cải thiện đối với các yếu tố cần phải có để có được điểm số PCI cao, Hà Tĩnh cần phải làm hơn nữa bằng cách sử dụng cổng thông tin cho Hà Tĩnh như đã quy hoạch để phổ biến tài liệu và tương tác rộng khắp với cộng đồng doanh nghiệp ở mức tối đa có thể;
- Tuyên truyền rộng rãi về sự thành công mà Hà Tĩnh đã có được trong Cải cách Hành chính công (CCHCC), bao gồm việc đơn giản các thủ tục xin dấu và chữ ký, giảm khối lượng công việc hành chính và chi phí liên quan. Mặc dù khoảng một nửa đối tượng được phỏng vấn đã nhận thấy một số cải thiện trong ít nhất một trong biện pháp Hà Tĩnh thực hiện, 1/5 cho biết không có thay đổi. Hà Tĩnh là tỉnh đi đầu trong việc thực hiện CCHCC và do vậy việc truyền thông về sự thành công và tỉnh có sẽ giúp tăng thứ hạng của tỉnh, nhận thức của doanh nghiệp một cách mạnh mẽ.

Trong năm 2012, có 4 tiêu chí số tỉnh cần phải cải thiện. Đây là những tiêu chí số Hà Tĩnh đạt trên mức trung bình 1 chút song vẫn nằm ngoài nhóm 20 tỉnh thành dẫn đầu (đào tạo lao động, chi phí không chính thức, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp) cùng với thể chế luật pháp – tiêu chí số mà Hà Tĩnh đạt dưới mức trung bình. Các doanh nghiệp tiếp tục ghi nhận sự thiếu hiệu quả của tỉnh về chất lượng dịch vụ đào tạo lao động, số lượng đơn vị cung cấp dịch vụ công còn nhỏ, và sự tồn tại của chi phí không chính thức. Ngoài ra, doanh nghiệp tại Hà Tĩnh còn chưa được sử dụng tối đa các thể chế luật pháp để giải quyết tranh chấp kinh doanh và chống lại quan liêu tham nhũng. Nếu thực hiện thành công lộ trình này, đưa Hà Tĩnh lọt vào top 15 về đào tạo lao động và top 20 về mỗi tiêu chí số khác, xếp hạng tổng thể PCI của Hà Tĩnh sẽ đứng thứ 4 cả nước. Đây là một thành tựu to lớn của Hà Tĩnh và cùng với sự phát triển kinh tế của tỉnh và cải thiện ở các lĩnh vực khác (ví dụ đào tạo nghề nghiệp nói chung) sẽ giúp Hà Tĩnh tiến tới top 3 vào năm 2020.

## 1.4 Giải pháp về khoa học, công nghệ và môi trường

Các sáng kiến về công nghệ, khoa học và môi trường sẽ hỗ trợ cho việc phát triển kinh tế xã hội mạnh mẽ hơn của tỉnh. Khoa học và công nghệ sẽ giúp Hà Tĩnh phát triển được năng lực sáng tạo và nâng cao năng suất của các hoạt động kinh tế. Tương tự, các sáng kiến thúc đẩy tính bền vững môi trường cũng sẽ giúp bảo vệ tốt hơn môi trường và bảo tồn được tài nguyên của tỉnh.

### 1.4.1 Khoa học, công nghệ

Khoa học, công nghệ sẽ là một công cụ then chốt giúp tăng trưởng kinh tế của Hồ trợ. Đẩy mạnh NC&PT, ứng dụng công nghệ sẽ là một điều kiện giúp Hà Tĩnh định hướng cho các cụm ngành và tăng mức thu nhập. Yếu tố chính của việc áp dụng khoa học, công nghệ trong nền kinh tế của Hà Tĩnh bao gồm (a) áp dụng các công nghệ có chất lượng cao, có hiệu quả và thân thiện với môi trường trong các cụm ngành chính; (b) thực hiện các tiêu chuẩn chất lượng và các tiêu chuẩn khác; (c) nâng cao năng lực, lồng ghép khoa học, công nghệ vào tất cả các cấp, thúc đẩy nỗ lực NC&PT và xây dựng các cơ sở hạ tầng khoa học, công nghệ.

Cụ thể, các sáng kiến khoa học, công nghệ sau cần phải được thực hiện:

- **Áp dụng các công nghệ có chất lượng cao, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường cho các cụm ngành chính:**
  - Đối với các lĩnh vực mà tỉnh có lợi thế so sánh và cạnh tranh, ví dụ như sắt và thép, tỉnh sẽ đi đầu về khoa học, công nghệ. Với tính chất quặng sắt của tỉnh, Hà Tĩnh cần phải đảm bảo các nhà đầu tư vào mỏ Thạch Khê và các nhà máy thép sẽ sử dụng các giải pháp công nghệ để giải quyết bốn vấn đề quan trọng sau- (a) loại bỏ tạp chất kẽm ra khỏi quặng để chế biến, (b) khai thác quặng từ độ sâu hơn 350-400 m trong lòng đất gần biển, (c) có khả năng ngăn ngừa và quản lý nguy cơ lũ lụt mỏ và (d) có khả năng quản lý tác động môi trường tiêu cực đối với sinh cảnh do hoạt động khai thác mỏ cũng như ô nhiễm và rác thải. Như đã trình bày ở trên, Hà Tĩnh sẽ thành lập một Khoa Khai khoáng và Luyện kim và Trung tâm Xuất sắc, tập trung nghiên cứu và đem lại các sáng tạo trong lĩnh vực này, theo đó sẽ thu hút được lực lượng tri thức ở Việt Nam tham gia.
  - Cần phải đặc biệt lưu ý đến hiện đại hóa ngành nông nghiệp bằng việc áp dụng các biện pháp khoa học, công nghệ. Ví dụ, trong lĩnh vực canh tác, các biện pháp này gồm có giống lai, phân thân thiện với môi

trường, công nghệ nông nghiệp giúp tăng năng suất và chất lượng hoa màu. Tỉnh cũng sẽ tăng cường áp dụng công nghệ tại các vùng nông thôn và miền núi trong các hoạt động chăn nuôi gia súc, lâm nghiệp, thủy sản, đánh bắt cá và chế biến lương thực thực phẩm.

- Về lĩnh vực thương mại, vận tải và hậu cần, Hà Tĩnh cần đảm bảo các công nghệ máy móc, tự động hóa và thông tin hiện đại nhất được sử dụng phục vụ cho hoạt động của cảng Vũng Áng- Sơn Dương cũng như khu kinh tế Cầu Treo.
- Đối với cụm ngành chế tạo như may mặc, sản phẩm thép, tỉnh cần phải dần dần đầu tư áp dụng các đổi mới công nghệ cao giúp tạo ra các sản phẩm giá trị gia tăng mang tính cạnh tranh do tăng về giá trị thương mại cũng như chất lượng sản phẩm. Tỉnh cũng cần tăng cường áp dụng công nghệ cho các ngành công nghiệp hỗ trợ như doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ (làng nghề thủ công) ở tỉnh.
- Tỉnh cũng cần khuyến khích áp dụng các thiết kế mới nhất, thiết bị và nguyên liệu hiện đại nhất cho cụm ngành xây dựng.
- Khoa học, công nghệ sẽ được áp dụng trên phạm vi các ngành dịch vụ, ví dụ như ngân hàng, tài chính, giáo dục, y tế, dịch vụ truyền thông để đảm bảo chất lượng cao và hội nhập quốc tế
- Về ngành khoa học tự nhiên, tỉnh phải áp dụng các đổi mới trong nước và trên quốc tế trong một số lĩnh vực phù hợp, ví dụ kế hoạch bảo vệ môi trường và thành lập một nền kinh tế tiết kiệm năng lượng. Sở cũng sẽ thu hút sự tham gia của các nhà đầu tư hiện tại trong tỉnh để thúc đẩy việc sử dụng các công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường nhất để đầu tư trong tỉnh.
- Khoa học và công nghệ sẽ giúp tăng hiệu suất đầu tư và gia tăng giá trị thông qua việc nâng cao kiến thức và chất lượng của sản phẩm đầu ra chứ không phải chỉ là các nguyên liệu đầu vào thô sơ.
- Một trong những chìa khóa để đạt được các mục tiêu trên sẽ là tập trung nâng cao năng lực để tiếp thu, chuyển giao và làm chủ công nghệ, đặc biệt công nghệ thông qua các dự án FDI. Đối với các công nghệ nêu trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ đóng một vai trò quan trọng để đảm bảo chất lượng cao trong khi có ít tác động đến môi trường

Để làm được điều đó, Hà Tĩnh sẽ cần phải thành lập một Phòng đánh giá, chuyển giao và thương mại hóa công nghệ trong Sở Khoa học và Công nghệ. Mục tiêu chính của phòng này sẽ là (a) tăng cường đối tác (với doanh nghiệp, trường đại học và viện, và các cơ quan Chính phủ quốc tế khác) và việc chuyển giao công nghệ trong và ngoài nước, (b) phối hợp với các sở khác để đánh giá các công nghệ tiềm năng khác nhau có liên quan đến các ngành then chốt và đặc biệt cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ và các doanh nghiệp trong nước (Ví dụ, nông nghiệp, chế biến lương thực và chế tạo), (c) xây dựng một cơ sở dữ liệu về các công nghệ đã được đánh giá và kết quả/khả năng ứng dụng cho Hà Tĩnh và (d) phối hợp với trường đại học Hà Tĩnh và các bên liên quan khác (ví dụ doanh nghiệp) để giúp thương mại hóa các công nghệ có tiềm năng do địa phương xây dựng được.

Viện Tiến bộ Công nghệ Hàn Quốc là một ví dụ tốt để tỉnh tham khảo về mô hình văn phòng chuyển giao công nghệ tương tự (Hình 219). KIAT đã ký một Biên bản ghi nhớ và đã thành lập một trung tâm chuyển giao công nghệ với Cơ quan quốc gia về Khoa học và Công nghệ thông tin.

### **Hình 219: Ví dụ về Viện Tiến bộ Công nghệ Hàn quốc**



Nguồn: Viện Tiến bộ Công nghệ Hàn Quốc, Phân tích của Monitor

• **Thực thi các tiêu chuẩn chất lượng liên quan và các tiêu chuẩn khác :**

- Sở Khoa học, công nghệ cũng có một vai trò quan trọng trong việc xây dựng, ban hành và thực thi các tiêu chuẩn trong nhiều lĩnh vực để đảm bảo việc sản xuất hiệu quả, có chất lượng và mang tính cạnh tranh trong nền kinh tế của Hà Tĩnh, bao gồm (a) xây dựng tiêu chuẩn, (b) cấp chứng chỉ cho sản phẩm và quy trình, (c) hài hòa tiêu chuẩn với các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, (d) thúc đẩy và truyền thông các tiêu chuẩn và (e) thực thi các tiêu chuẩn. Sẽ bao gồm các tiêu chuẩn liên quan đến:

- Chất lượng, hiệu quả và tính an toàn của sản phẩm, dịch vụ và quy trình,
- Quy định thông tin về khách hàng (Ví dụ, đóng gói, đóng nhãn, quảng cáo) và bảo vệ khách hàng
- Bảo vệ môi trường và hiệu suất tài nguyên/năng lượng
- Lương thực và bảo vệ an toàn y tế
- Các yêu cầu cụ thể khác về thương mại và xuất khẩu quốc tế và
- Đăng ký và bảo hộ bản quyền

• **Xây dựng năng lực: lồng ghép khoa học, công nghệ vào giáo dục tại các cấp, thúc đẩy NC&PT, thành lập cơ sở hạ tầng khoa học công nghệ**

- Giáo dục và đào tạo khoa học công nghệ cũng sẽ là một trọng tâm then chốt. Sở Khoa học và Công nghệ sẽ phối hợp với trường đại học và các bên liên quan khác (doanh nghiệp, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở

LĐTBXH) để thành lập các chương trình khoa học công nghệ, giáo dục hướng nghiệp để phát triển kỹ năng cho người lao động trong ngành cơ khí và các ngành khác nhằm giải quyết các điểm còn mâu thuẫn giữa giáo dục và trình độ kỹ năng và yêu cầu về năng lực. Trường đại học Hà Tĩnh cũng sẽ được xây dựng trực thuộc trung tâm nghiên cứu và đào tạo khoa học công nghệ. Lực lượng lao động và thanh niên Hà Tĩnh sẽ được giáo dục kỹ năng sử dụng máy tính và internet. Việc sử dụng máy tính và internet tại lớp học sẽ giúp tăng cường tiến bộ công nghệ và do vậy thúc đẩy nền kinh tế đi lên phía trước.

- Tỉnh sẽ đầu tư vào hạ tầng khoa học công nghệ, bao gồm phòng thí nghiệm và các thiết bị liên quan. Hà Tĩnh sẽ nổi lên là một trung tâm quốc gia về ngành luyện kim, do vậy cần phải xây dựng các trung tâm và viện nghiên cứu tập trung vào lĩnh vực cơ khí và các khoa học ứng dụng. Cụ thể, Hà Tĩnh sẽ cần phải có các cán bộ nghiên cứu có kỹ năng, khoa nghiên cứu chuyên môn, phòng học để giảng dạy, phòng thí nghiệm để nghiên cứu và đánh giá, thiết bị và máy móc luyện kim hiện đại. Hà Tĩnh sẽ xây dựng các cơ sở để kiểm chứng các phương pháp chế biến thép hiện đại bởi vì việc có được các sản phẩm riêng biệt sẽ là một yếu tố quan trọng nhất đối với sự phát triển trong tương lai của Hà Tĩnh. Ngoài ra, do Hà Tĩnh đang nỗ lực xây dựng được các kinh nghiệm về công nghệ thông tin nên tỉnh cần phải thành lập các hạ tầng cơ sở để tạo động lực để đưa ra các tiến bộ trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông.

Do đó, tỉnh sẽ dành 1,5-2% GDP để đầu tư vào lĩnh vực này hàng năm nhằm đạt được các mục tiêu nêu trên. Đến năm 2015, đóng góp từ khoa học và công nghệ vào nền kinh tế sẽ gấp đôi mức hiện thời, và đến năm 2020 mức đóng góp sẽ được nhân đôi thêm một lần nữa.

#### 1.4.2 Môi trường

Như đã nêu trên, việc bảo vệ môi trường sẽ là một ưu tiên hàng đầu của tỉnh. Trong bối cảnh hiện nay, lĩnh vực then chốt chính sẽ là thực hiện một cách có hệ thống các kế hoạch đã được phác thảo trước đây về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Về vấn đề này, tỉnh sẽ:

- Thực hiện đánh giá tác động môi trường để bổ sung cho kế hoạch phát triển kinh tế xã hội đến năm 2020
- Bắt đầu thực hiện Chiến lược giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2020
- Xây dựng kế hoạch chi tiết cho các lĩnh vực đã được phác thảo trước đây trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, bao gồm quản lý chất thải bền vững, quản lý nước và bảo vệ, tái sinh diện tích rừng và ven biển
- Đảm bảo kế hoạch sử dụng đất và phát triển đất chi tiết cho các khu vực nông thôn và đô thị chính bao gồm việc phân bố dân cư phù hợp, đặc biệt trong các khu vực ven biển và phân vùng đất cho các hoạt động kinh tế để giảm thiểu tác động môi trường và bảo vệ trước thiên tai.
- Tập trung thực thi luật, đặc biệt tại các khu dân cư, vùng kinh tế, công nghiệp, bệnh viện và giao thông vận tải
- Đảm bảo các tác động của việc xây dựng khu kinh tế Vũng Áng và Cầu Treo được ban quản lý kinh tế và các nhà đầu tư quản lý tích cực
- Thực thi chương trình phổ biến thông tin và giáo dục theo kế hoạch để xây dựng các chương trình nâng cao nhận thức cho cộng đồng và doanh nghiệp về các tác động của việc biến đổi khí hậu

## 1.5 Giải pháp tăng cường hợp tác để hội nhập kinh tế cấp vùng, quốc gia và quốc tế

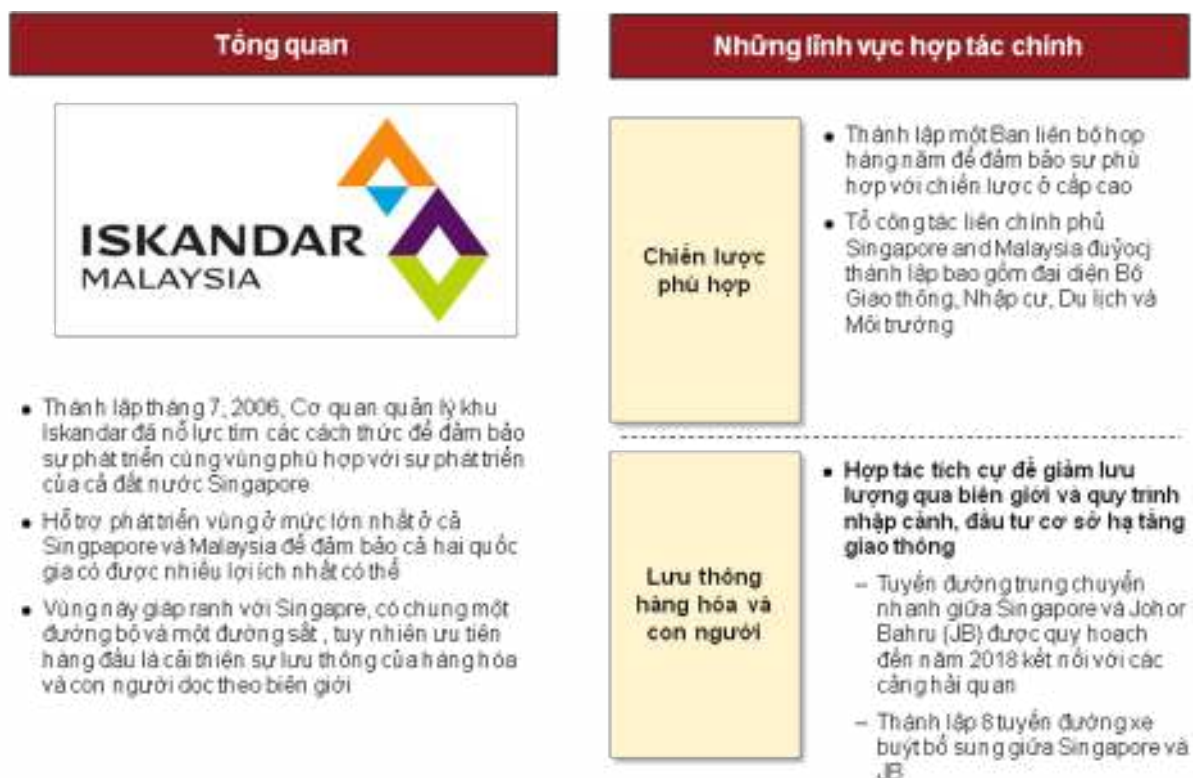
Tháng 1/2011, Đại hội đảng lần thứ 11 đã thảo luận về tác động của hội nhập quốc tế đối với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và quốc phòng.

Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Hà Tĩnh sẽ đòi hỏi tỉnh phải đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự hợp tác và các mối quan hệ kinh tế và hội nhập tại ba cấp: (a) vùng ven biển Bắc Trung Bộ, (b) cấp quốc gia với các sở, ban ngành chính ở Trung ương và quy hoạch phát triển quốc gia liên quan đến cụm ngành chính và (c) tại cấp quốc tế- đặc biệt trong mối quan hệ với Lào, Đông Thái Lan (đây là hai nước có cơ sở mối quan hệ kinh tế và thương mại mật thiết với Hà Tĩnh) cũng như mối liên hệ với các nhà đầu tư nước ngoài chính, các cơ quan tài trợ quốc tế. Hà Tĩnh cần phải có được các nỗ lực mang tính hệ thống và cấu trúc ở ba cấp độ:

- Tăng cường hợp tác với vùng Bắc Trung Bộ: Hiện giờ có một số địa điểm có lợi cho Hà Tĩnh và một số tỉnh khác trong vùng Bắc Trung Bộ để điều phối các nỗ lực này trên cơ sở thống nhất và liên tục. Do vậy, cần thành lập một Ban điều phối chung liên ngành đối với vùng bắc Trung Bộ với thành phần là lãnh đạo và đại diện của Sở KHDT và các sở quan trọng của các tỉnh Bắc Trung Bộ. Mục đích của ban này là (a) điều phối và chia sẻ kiến thức và thông tin về phát triển các cụm ngành bổ sung (nông nghiệp, chế biến nông sản, đánh bắt cá và thủy sản, sắt thép, may mặc, vận tải và hậu cần, ví dụ như việc sử dụng sân bay Vinh và cảng Vũng Áng- Sơn Dương, xây dựng, giáo dục và đào tạo), (b) phối hợp theo dõi và giám sát, bao gồm liên lạc với cơ quan Trung ương để thực hiện các cơ sở hạ tầng quan trọng (đường quốc lộ, đường sắt), (c) chia sẻ kiến thức và bài học kinh nghiệm về cải thiện môi trường kinh doanh và thu hút đầu tư, (d) thực hiện hiệu quả các chiến dịch để thu hút đầu tư vào vùng và (e) điều phối các nỗ lực quản lý tác động thiên tai và lũ lụt, cũng như các hoạt động hưởng ứng đối với việc bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu. Hơn thế nữa, Hà Tĩnh sẽ cần đảm bảo xây dựng và thực hiện các chính sách, quyết định một cách đơn giản cho vùng ven biển Bắc Trung Bộ phù hợp với quan tâm của các cơ quan chính quyền ở miền Trung. Hoạt động này bao gồm thực hiện các kế hoạch tiểu vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung bộ trong năm 2020 cũng như các kế hoạch liên quan khác cho vùng ven biển Nam Trung Bộ.
- Tăng cường hợp tác tại cấp quốc gia: Hà Tĩnh sẽ liên lạc với các cơ quan, sở, ngành Trung ương tại tất cả các lĩnh vực, tập trung vào (a) xây dựng các cơ sở hạ tầng cho các cụm ngành chính và các ngành liên quan- tổ công tác cụm ngành đề xuất liên lạc với các Bộ trung ương và các bên liên quan khác ở cấp Trung ương để đảm bảo các kế hoạch của Hà Tĩnh phù hợp với kế hoạch cấp quốc gia, (b) tiến hành cải cách hành chính cũng như các sáng kiến của Chính phủ (Chính phủ điện tử), (c) phát triển quan hệ và thương mại với Lào và Đông Thái Lan và (d) các chương trình của Chính phủ sử dụng ngân sách của các nhà tài trợ và cơ quan viện trợ (ví dụ: giảm thiểu thiên tai, thí điểm REDD nhằm giảm phá rừng).
- Tăng cường hợp tác tại cấp quốc tế: Hà Tĩnh sẽ xây dựng các quy trình chính thống để điều phối và thúc đẩy việc xây dựng thương mại và hỗ trợ sự lưu thông hàng hóa và hành khách từ Lào và Đông Thái Lan. Thành lập một ban phối hợp đầu tư và thương mại chung gồm các đại biểu đến từ Trung ương, Hà Tĩnh (đặc biệt là vùng kinh tế Vũng Áng và Cầu Treo) và một số tỉnh có liên quan tiếp giáp với Lào, Lào và Đông Thái Lan sẽ làm việc trên cơ sở thường xuyên để đơn giản hóa quy trình, điều phối việc phát triển các cơ sở hạ tầng then chốt và thúc đẩy đầu tư, thương mại xuyên biên giới. Sở ngoại giao sẽ đóng vai trò quan trọng trong vấn đề này và phối hợp với các sở, ngành liên quan.

Hiện giờ trên thế giới có một số cơ chế tương tự như vậy. Ví dụ, Hà Tĩnh và Việt Nam có thể học tập và áp dụng theo điều kiện của mình các mô hình hợp tác giữa Singapore, Malaysia và Vùng phát triển Iskandar (giáp ranh với Singapore). Hình 220 trình bày tổng quan về ví dụ này, đặc biệt là cơ chế hợp tác đã được thành lập cũng như các lĩnh vực then chốt cần tập trung.

**Hình 220: Ví dụ về hợp tác Malaysia và Singapore - Iskandar**



Nguồn: Bộ Công thương Singapore, Cơ quan Phát triển Iskandar, Phân tích của Monitor

## 1.6 Giải pháp giảm nghèo

Như đã thảo luận ở trên, đói nghèo tiếp tục là một vấn đề quan trọng của tỉnh. Hà Tĩnh có tỉ lệ đói nghèo tương đối và tuyệt đối đều cao và kết quả đo lường GDP trên đầu người thấp. Trong năm 2008, 23,1% dân số Hà Tĩnh sống ở mức nghèo, so với 13,5% của cả nước. Trước năm 2010, tỉ lệ đói nghèo đã giảm xuống 12,7%

. Các vùng nông thôn và xa xôi hẻo lánh có tỉ lệ nghèo lớn nhất Hà Tĩnh. Các tỉnh cao nguyên phía Tây của Vũ Quang, Hương Khê và Hương Sông có tỉ lệ đói nghèo lớn nhất, lần lượt là 45,8%, 45% và 32,1% trong năm 2010. Đây là những khu vực có địa hình khó khăn và đất đai kém màu mỡ, do vậy đã làm giảm năng suất nông nghiệp. Hơn thế nữa, đây là những khu vực có cơ sở hạ tầng kém (đường xá đi lại khó khăn, hạ tầng thủy lợi kém (và do vậy không thể hòa nhập được với nền kinh tế toàn tỉnh).

Để giải quyết các vấn đề này, tỉnh đã thực hiện các chương trình giảm nghèo và giải quyết các vấn đề xã hội. Khoảng 50.000 thương binh được hỗ trợ hàng tháng và rất nhiều người già, đối tượng dễ bị tổn thương, người tàn tật được hưởng chương trình phúc lợi xã hội. Hà Tĩnh cũng đã thực hiện các chương trình giảm nghèo của

Chính phủ, phi chính phủ và ODA và đã có thể cung cấp các dịch vụ tín dụng và bảo hiểm y tế cho người nghèo và xây dựng các chính sách ưu đãi, dịch vụ khuyến nông cho nông dân.

Các yếu tố chính của chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội đã được phác thảo sẽ giúp giải quyết các lý do sâu xa dẫn đến đói nghèo và tạo các cơ hội cho người nghèo được hưởng lợi từ sự tăng trưởng kinh tế. Phương pháp này gồm có các nội dung sau: (a) nâng cao và hiện đại hóa quy trình chế biến nông sản và đảm bảo các hộ nông dân quy mô nhỏ (rất nhiều hộ là hộ nghèo) và cộng đồng nông thôn có thể thành lập thành các hợp tác xã để được hưởng lợi từ việc tăng năng suất và giá trị sản xuất, (b) tập trung vào giáo dục và đào tạo hướng nghiệp để trang bị cho lực lượng lao động hiện vẫn còn thiếu kỹ năng của tỉnh (nhiều người trong số họ là người nghèo) để có được công ăn việc làm trong các cụm ngành then chốt để đảm bảo sự tăng trưởng của tỉnh, (c) cải thiện tính kết nối với nông thôn bằng cách tập trung và việc làm đường bao gồm tuyến đường Đông-Tây, giúp người nghèo ở phía Tây của tỉnh có được cơ hội đi lại và làm việc tại các khu vực cho nhu cầu lao động cao và (d) xây dựng một kế hoạch toàn diện để phục hồi, giảm thiểu thiệt hại từ thiên tai và lũ lụt. Yếu tố then chốt cho tỉnh sẽ là thực hiện các kế hoạch này cũng như giám sát cẩn trọng và sát sao quá trình thực hiện để đảm bảo người nghèo nhất trong số những người nghèo được hưởng lợi từ các chương trình này. Về vấn đề này, tỉnh nên thành lập một chương trình giám sát để đảm bảo người nghèo được hưởng lợi thực sự, trong đó bao gồm một phần tách riêng về các quản lý chương trình và các nỗ lực giám sát thực hiện sẽ được giải thích trong phần tới của báo cáo.

## **1.7 Giải pháp quản lý và giám sát Chương trình hiệu quả đảm bảo quá trình thực hiện minh bạch, kịp thời và phù hợp với ngân sách**

Về cơ bản thì sự thành công của một kế hoạch hay chiến lược phụ thuộc rất lớn vào quá trình thực hiện hiệu quả và kịp thời. Đây cũng là yếu tố có tính chất quyết định để tạo uy tín cho tỉnh khi có các hành động đón đầu trong việc tận dụng hiệu quả nguồn ngân sách và giúp các nhà đầu tư được tiếp cận với một môi trường mà các yêu cầu và sáng kiến quan trọng được thực hiện nhanh chóng. Và với việc đề xuất cho tỉnh hàng loạt sáng kiến và yêu cầu phát triển vừa sâu rộng vừa phức tạp trong 10 năm tới đây thì việc kiểm tra, kiểm soát và điều chỉnh quá trình thực hiện các chương trình và dự án khác nhau một cách hiệu quả sẽ đóng một vai trò cực kỳ quan trọng.

Vì vậy, cần thành lập một Cơ quan Giám sát Dự án và Thực hiện Chương trình, một cơ quan độc lập trong Chính phủ (có thể liên kết với Cục Thống kê) để kiểm tra, báo cáo và đề xuất các biện pháp sửa đổi về tiến trình và quá trình thực hiện các sáng kiến và dự án chính về phát triển kinh tế, xã hội. Mục đích thành lập cơ quan này là nhằm giúp tỉnh chuyên nghiệp hóa và cải tổ hệ thống, chính sách trong xây dựng, lập, thực hiện và giám sát dự án, xác định và khắc phục sự cố vượt quá thời gian và chi phí cho phép, và nâng cấp các quy định quản lý dự án tại các phòng ban và cơ quan thực hiện. Có một số ví dụ về các tổ chức thể chế tương tự ở các nước khác mà tỉnh Hà Tĩnh có thể học hỏi. Ví dụ như Cơ quan Giám sát Dự án và Cơ sở Hạ tầng của Bộ Thống kê và Thực hiện Chương trình ở Ấn Độ là ví dụ rất tốt mà Hà Tĩnh có thể học hỏi. Hình 221 dưới đây sẽ đưa ra hình ảnh tổng quát về cơ quan này và các chức năng của nó.



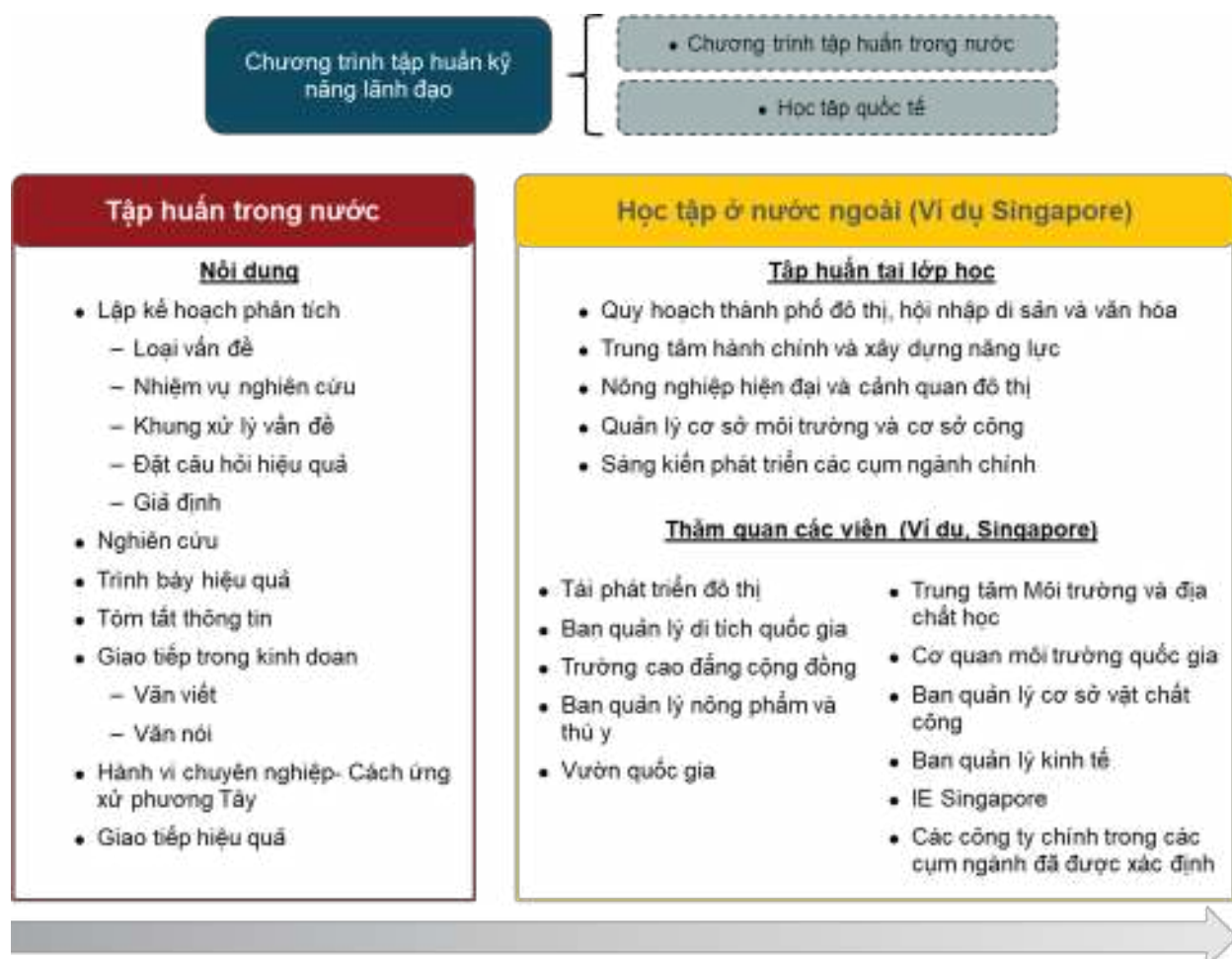
**Hình 221: Ban giám sát dự án và cơ sở hạ tầng Ấn Độ**

Nguồn: Bộ Thống kê và Thực hiện Chương trình Ấn Độ, Phân tích của Monitor

Nếu được thực hiện thành công tại Hà Tĩnh thì một cơ quan như thế này nên được thành lập ở cấp quốc gia để kiểm tra, giám sát và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện tất cả các dự án chính có tầm quan trọng quốc gia.

Cuối cùng, một nhân tố có ý nghĩa then chốt đối với thành công của một kế hoạch hay một chiến lược là chất lượng và trình độ kỹ năng của những người làm việc trong các bộ phận hành chính quan trọng của chính quyền tỉnh. Vì vậy, tỉnh sẽ phải chú trọng đặc biệt đến công tác đào tạo liên tục và nâng cao kỹ năng cho những cán bộ chủ chốt trong các cơ quan nhà nước quan trọng. Tỉnh sẽ xây dựng một chương trình đào tạo phối hợp giúp nâng cao kỹ năng và năng lực của cán bộ bao gồm sự kết hợp của cả (a) đào tạo trên lớp về các khái niệm hiện đại và thực tế về quản lý và phát triển kinh tế - xã hội và (b) học tập thông qua các chuyến tham quan thực tế đến các tỉnh khác, ở cấp quốc gia hoặc cấp quốc tế đến các cơ quan chính phủ, doanh nghiệp, tổ chức ngành, các khu kinh tế khác đã triển khai thành công. Hình 222 dưới đây đưa ra một ví dụ về những chủ điểm sẽ được đưa vào một chương trình đào tạo điển hình.

Hình 222: Tổng quan Chương trình tập huấn cơ bản



Nguồn: Phân tích của Monitor

## 2 Khuyến nghị và Chương trình hành động để thực thi kế hoạch

### 2.1 Chương trình hành động

Nhìn chung, khi kế hoạch được phê duyệt, Hà Tĩnh cần triển khai kế hoạch thông qua việc chú trọng đến 8 lĩnh vực chủ chốt được xác định là các giải pháp chính cho việc thực hiện:

- Giải pháp huy động vốn
- Giải pháp huy động các cụm ngành then chốt, cơ sở hạ tầng thiết yếu tương quan, cơ chế chính sách và phát triển nguồn nhân lực
- Giải pháp thực hiện một môi trường kinh doanh đẳng cấp quốc tế
- Giải pháp cho khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường
- Giải pháp mở rộng hợp tác để phát triển hội nhập và cộng tác trong khu vực, ở cấp quốc gia và quốc tế
- Giải pháp xóa đói giảm nghèo cho những người nghèo nhất trong số người nghèo
- Giải pháp quản lý và giám sát chương trình hiệu quả để đảm bảo thực hiện được minh bạch, kịp thời và phù hợp với ngân sách
- Giải pháp nâng cao kỹ năng và năng lực quản lý nhà nước thông qua các chương trình đào tạo liên tục

Mỗi lĩnh vực then chốt được đề cập trên đây sẽ được thực hiện thông qua một chương trình triển khai có hệ thống, có tổ chức và các lộ trình liên quan, trong đó xác định rõ ràng trách nhiệm và khung thời gian. Hình 223 dưới đây cung cấp tổng thể về những lộ trình này. Khi chương trình phát triển kinh tế-xã hội tổng thể này được phê chuẩn thì mỗi sở ban ngành có liên quan phải xây dựng các kế hoạch thực hiện cụ thể dựa trên những lộ trình này.

**Hình 223: Tổng quan về chương trình hành động và lộ trình thực hiện**

| hiện  | Bước thực | Trách nhiệm  | 2012 |    |    |    | 2013 |    | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
|---|-----------|--|------|----|----|----|------|----|------|------|------|------|------|------|------|
|   |           |  | Q1   | Q2 | Q3 | Q4 | H1   | H2 |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>Giải pháp huy động vốn đầu tư</b>  |           |  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
| <i>Huy động vốn đầu tư của Chính phủ:</i>   |           |  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
| Chuẩn bị tài liệu giới thiệu dự án, bao gồm cơ sở xây dựng dự án (kinh tế và xã hội), yêu cầu đầu tư, các mốc chính và cơ cấu đề xuất của dự án   |           | Sở Kế hoạch (Sở KHĐT) phối hợp với các Sở có liên quan   | ■    | ■  |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
| Gửi tài liệu dự án đến các bộ ngành có liên quan ở Trung ương để phê duyệt (ví dụ thông qua diễn đàn đối thoại giữa Hà Tĩnh và Chính phủ- tham khảo nội dung bên dưới trong phần Hội nhập Khu vực, trong nước và quốc tế) |           | Sở KHĐT phối hợp với các Sở có liên quan   |      |    | ■  | ■  |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
| Tiến hành nghiên cứu tính khả thi đối với dự án mới   |           | Sở KHĐT phối hợp với các Sở có liên quan   |      |    | ■  | ■  |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
| Thành lập cơ chế giám sát và báo cáo đối với các dự án hiện tại và dự án mới  |           | Phòng Giám sát và Thực hiện Chương trình (tham khảo phần dưới) và các bên liên quan khác đến dự án |      |    | ■  | ■  |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
| Tiếp tục thực hiện các dự án theo các mốc thời gian đã đề ra  |           | Đơn vị thực hiện/nhà thầu  |      |    |    |    | ■    | ■  | ■    | ■    | ■    | ■    | ■    | ■    |      |
| <i>Huy động vốn từ các Doanh nghiệp (FDI+ trong nước)</i>   |           |  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
| Chuẩn bị tài liệu giới thiệu dự án, bao gồm cơ sở xây dựng dự án (kinh tế và xã hội), yêu cầu đầu tư, các mốc chính và cơ cấu đề xuất của dự án   |           | Sở KHĐT phối hợp với các Sở có liên quan   | ■    | ■  |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
| Xác định danh sách các nhà đầu tư tiềm năng để tiếp cận   |           | Sở KHĐT phối hợp với các Sở có liên quan   | ■    | ■  |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
| Xây dựng một chiến lược thúc đẩy đầu tư toàn diện   |           | Sở KHĐT phối hợp với các Sở có liên quan   |      |    | ■  | ■  |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
| Phát động chiến dịch thúc đẩy đầu tư.   |           | Sở KHĐT phối hợp với các Sở có liên quan   |      |    |    |    | ■    | ■  |      |      |      |      |      |      |      |
| Đảm bảo các thay đổi trong môi trường kinh doanh được thực hiện theo từng lộ trình  |           | Sở KHĐT phối hợp với các Sở có liên quan   | ■    | ■  | ■  | ■  | ■    | ■  |      |      |      |      |      |      |      |
| Xây dựng và phát động chương trình nâng cao năng lực cho doanh nghiệp và các doanh nghiệp vừa và nhỏ  |           | Sở GD&ĐT, Sở LĐ Sở Công thương   |      |    |    |    | ■    | ■  |      |      |      |      |      |      |      |
| Xây dựng và phát động chương trình tài chính và đối tác cho doanh nghiệp và các doanh nghiệp vừa và nhỏ   |           | Sở KHĐT, Sở Công thương, Sở LĐ   |      |    |    |    | ■    | ■  |      |      |      |      |      |      |      |
| Xây dựng và phát động chiến dịch quảng bá thương hiệu của Hà Tĩnh   |           | Sở KHĐT với sự hỗ trợ của Sở Truyền thông, Sở Ngoại giao, Sở du lịch                               |      |    |    |    |      |    | ■    | ■    |      |      |      |      |      |
| Giám sát và đánh giá các hoạt động đang được thực hiện  |           | Phòng Giám sát và Thực hiện Chương trình (tham khảo phần dưới) và các bên liên quan khác đến dự án |      |    |    |    | ■    | ■  | ■    | ■    | ■    | ■    | ■    | ■    |      |
| <b>Giải pháp huy động đầu tư của các cụm ngành</b>  |           |  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
| Thành lập Tổ công tác cụm ngành (TCC) cho các cụm ngành chính   |           | Các Sở có liên quan cho từng cụm ngành   | ■    | ■  |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
| Thành lập hội đồng tư vấn cụm ngành cho các cụm ngành chính   |           | Các Sở có liên quan cho từng cụm ngành   |      | ■  | ■  |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |

| hiện  | Bước thực  | Trách nhiệm  | 2012 |    |    |    | 2013 |    | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
|---|--|--|------|----|----|----|------|----|------|------|------|------|------|------|------|
|   |  |  | Q1   | Q2 | Q3 | Q4 | H1   | H2 |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Xây dựng quy hoạch chi tiết cho cụm ngành (dựa trên chiến lược, kế hoạch và lộ trình đầu tư của cụm ngành đã được trình bày trong Phần III của báo cáo này)  | TCC với sự hỗ trợ của các Phòng có liên quan   |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Thực hiện quy hoạch cụm ngành với sự giám sát của TCC và Phòng giám sát và thực hiện chương trình (trình bày bên dưới)   | Các phòng có liên quan và các bên liên quan khác của cụm ngành, nhà đầu tư; thông qua Phòng giám sát và thực hiện chương trình |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>Giải pháp thực hiện một môi trường kinh doanh đẳng cấp quốc tế</b> |  |  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Thành lập một tổ công tác do Sở KHĐT chủ trì để thúc đẩy quá trình cải cách môi trường kinh doanh  | Sở KHĐT  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Thực hiện các sáng kiến đã được phác thảo để cải thiện môi trường đầu tư nói chung và điểm số PCI nói riêng  | Sở KHĐT với sự hỗ trợ của các Sở có liên quan  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Phối hợp với TCC để hoàn thành các cơ chế và chính sách ưu đãi cho các cụm ngành chính   | Sở KHĐT và TCC với sự hỗ trợ của các Sở có liên quan   |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Thực hiện cơ chế chính sách cấp cụm ngành (cấp tỉnh) theo từng kế hoạch  | Sở KHĐT với sự hỗ trợ của các Sở có liên quan  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Đối với cơ chế chính sách cần được phê duyệt ở cấp trung ương thì đề xuất các khuyến nghị lên Trung ương thông qua diễn đàn Hà Tĩnh- Trung ương (tham khảo phần nội dung về Hội nhập khu vực, trong nước và quốc tế)   | Sở KHĐT với sự hỗ trợ của các Sở có liên quan  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Tổ chức các diễn đàn thường niên giữa doanh nghiệp và chính phủ để tạo cơ hội đối thoại mở về môi trường kinh doanh  | Sở KHĐT với sự hỗ trợ của các Sở có liên quan  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Giám sát, đánh giá thực hiện và cải thiện môi trường kinh doanh  | Phòng giám sát và thực hiện chương trình, với sự hỗ trợ của Sở KHĐT và các Sở có liên quan                                     |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>Giải pháp về Khoa học, Công nghệ và Môi trường</b>                 |  |  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
| Khoa học và Công nghệ:  |  |  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Thành lập và khởi động Phòng Đánh giá, Chuyển giao và Thương mại hóa(PDCT)   | Sở Khoa học Công nghệ  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Phối hợp với TCC để xây dựng các lộ trình/kế hoạch về Khoa học và Công nghệ cho từng cụm ngành, trong đó bao gồm <ul style="list-style-type: none"> <li>Yêu cầu công nghệ</li> <li>Sáng kiến về thể chế (Trung tâm khai khoáng và luyện kim), Trung tâm thí điểm cây trồng, Khoa BPO/ ITO trong trường đại học)</li> <li>Xây dựng năng lực (Đào tạo hướng nghiệp, khóa học cấp chứng chỉ)</li> </ul> | Sở Khoa học Công nghệ, TCC với sự hỗ trợ của các Sở khác   |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Xây dựng kế hoạch phát triển năng lực về khoa học, công nghệ trên cơ sở phối hợp với Sở GD&ĐT, Sở Lao Động và kết quả đầu vào của các TCC <ul style="list-style-type: none"> <li>Khóa đào tạo hướng nghiệp</li> <li>Đào tạo cấp chứng chỉ</li> <li>Cơ sở hạ tầng giảng dạy, NC&amp;PT</li> </ul>   | Sở KHCN, Sở GD&ĐT, Sở LĐ với sự hỗ trợ của TCC và các Sở khác  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Phát động các sáng kiến thể chế liên quan đến khoa học, công nghệ cho các cụm ngành chính theo kế hoạch  | Sở KHCN và các bên liên quan chính của cụm ngành   |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |

| hiện  | Bước thực   | Trách nhiệm   | 2012 |    |    |    | 2013 |    | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
|---|---|---|------|----|----|----|------|----|------|------|------|------|------|------|------|
|   |   |   | Q1   | Q2 | Q3 | Q4 | H1   | H2 |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Phát động các sáng kiến xây dựng năng lực, bao gồm mua sắm các tài sản phục vụ cho cơ sở hạ tầng giảng dạy, NC&PT   | Sở KHCN và Sở LĐ cùng với sự hỗ trợ của TCC và các Sở khác              |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Tiếp tục thực hiện, giám sát kế hoạch phê duyệt và chuyển giao công nghệ thông qua PDCT   | PDCT với sự hỗ trợ của Sở KHCN và các Sở khác                           |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Xây dựng các Tiêu chuẩn cho một lộ trình  | Sở KHCN cùng với sự hỗ trợ của các Sở khác                              |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Thực hiện các tiêu chuẩn trong nước và khu vực về các chính sách và hướng dẫn   | Sở KHCN cùng với sự hỗ trợ của các Sở khác                              |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Đổi mới các tiêu chuẩn cấp quốc gia, đề xuất các khuyến nghị lên cơ quan hữu quan ở Trung ương  | Sở KHCN cùng với sự hỗ trợ của các Sở khác                              |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Tiếp tục giám sát việc thực hiện các tiêu chuẩn   | Sở KHCN cùng với sự hỗ trợ của các Sở khác                              |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Sửa đổi và thực hiện cơ chế đăng ký và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (IP)   | Sở KHCN   |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Tiếp tục thực hiện hoạt động bảo vệ IP và kiểm tra: các hành vi vi phạm   | Sở KHCN   |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>Môi trường</b>   |   |   |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Đánh giá tác động môi trường để bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội   | Sở TNMT, Sở KHĐT  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường chi tiết cho các lĩnh vực chính đã được liệt kê trong phần Môi trường của báo cáo này <ul style="list-style-type: none"> <li>Công nghệ và biện pháp phù hợp, thân thiện với môi trường cho các cụm ngành chính</li> <li>Quản lý chất thải</li> <li>Quản lý nước</li> <li>Bảo vệ, phục hồi môi trường vùng duyên hải, rừng</li> <li>Quản lý thiên tai</li> <li>Kế hoạch giảm thiểu biến đổi khí hậu lâu dài</li> <li>Dự án cơ chế phát triển sạch (CDM) và giảm khí thải nhà kính do phá rừng và suy thoái rừng (REDD)</li> <li>Hướng dẫn về các quy định</li> </ul> | Sở TNMT, Sở KHĐT, cùng với sự hỗ trợ của các Sở khác và TCC             |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Lồng ghép kết quả đánh giá tác động môi trường vào trong hoạt động lập quy hoạch cụ thể và khoanh vùng đất đai  | Sở TNMT, Sở Xây dựng cùng với sự hỗ trợ của các Sở khác                 |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Thực hiện các kế hoạch bảo vệ môi trường, bao gồm kế hoạch quản lý thiên tai và giảm thiểu biến đổi khí hậu   | Sở TNMT cùng với sự hỗ trợ của các Sở khác                              |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Thiết kế và phát động chương trình giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường  | Sở TNMT cùng với sự hỗ trợ của Sở Truyền thông                          |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Thành lập trung tâm xây dựng và phục hồi bền vững   | Sở GD&ĐT, Sở Xây dựng, Sở TNMT  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Tiếp tục giám sát kết quả thực hiện và có các biện pháp điều chỉnh kịp thời   | Sở TNMT cùng với sự hỗ trợ của Phòng giám sát và thực hiện chương trình |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>Giải pháp Tăng cường Hội nhập với kinh tế khu vực, quốc gia và quốc tế</b> |   |   |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>Vùng duyên hải Bắc Trung Bộ</b>  |   |   |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Thành lập Ban điều phối chung đối với vùng duyên hải Bắc Trung Bộ   | Lãnh đạo tỉnh (UBND) Sở KHĐT  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |

| hiện                            | Bước thực  | Trách nhiệm  | 2012 |    |    |    | 2013 |    | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
|---------------------------------|--|--|------|----|----|----|------|----|------|------|------|------|------|------|------|
|                                 |  |  | Q1   | Q2 | Q3 | Q4 | H1   | H2 |      |      |      |      |      |      |      |
|                                 | Buổi họp đầu tiên của Ban điều hành để thống nhất về chương trình hoạt động và xây dựng kế hoạch thực hiện trong thời gian 1-2 năm và phân công trách nhiệm  | Ban điều hành chung, Sở KHĐT cùng với sự hỗ trợ của các Sở khác                              |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|                                 | Thực hiện kế hoạch theo nội dung đã thống nhất   | Các Sở có liên quan  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|                                 | Tiếp tục giám sát, đánh giá và cập nhật kế hoạch   | Ban điều hành chung cùng với sự hỗ trợ của Phòng giám sát và thực hiện chương trình          |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
| Quốc gia:                       |  |  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|                                 | Thành lập Diễn đàn đối thoại giữa Hà Tĩnh- Chính phủ để đối thoại và đánh giá (định kỳ nửa năm) đối với 4 lĩnh vực chính sau <ul style="list-style-type: none"> <li>Phát triển cụm ngành (với sự tham gia của TCC, Sở có liên quan và các bộ trung ương)</li> <li>Cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh và Chính phủ điện tử (Sở KH và Bộ KH)</li> <li>Liên hệ với các nhà tài trợ/cơ quan hỗ trợ/đối tác phát triển (Sở KH và các Sở khác thuộc Bộ KH/nhà tài trợ)</li> <li>Tiêu chuẩn, khoa học, công nghệ và môi trường (Sở Khoa học, Công nghệ, Sở NN&amp;PTNT, Sở TNMT/ các sở khác có liên quan của các Bộ ngành ở Trung ương)</li> </ul> | Lãnh đạo tỉnh (UBND) với sự hỗ trợ của các Sở khác   |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|                                 | Khởi động các cuộc họp của diễn đàn  | Lãnh đạo tỉnh (UBND) với sự hỗ trợ của các Sở khác   |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|                                 | Giám sát kết quả thực hiện và định hướng các cuộc họp trong thời gian tới của diễn đàn   | Sở KHĐT cùng với sự hỗ trợ của các Sở khác và Phòng giám sát và thực hiện chương trình       |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
| Quốc tế                         |  |  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|                                 | Thành lập Cơ quan Phối hợp Thương mại và Đầu tư và các tổ công tác có liên quan, bao gồm đại diện đến từ các tỉnh giáp ranh với Lào và Đông Thái Lan, bao gồm các lĩnh vực then chốt như cơ sở hạ tầng, thương mại, đầu tư, môi trường và nhập cư...   | Lãnh đạo Tỉnh (UBND) cùng với Sở Ngoại giao và Trung ương                                    |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|                                 | Tổ chức các cuộc họp đánh giá (nửa năm)  | Lãnh đạo Tỉnh (UBND) cùng với Sở Ngoại giao và Trung ương                                    |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|                                 | Tiếp tục điều phối và đánh giá tiến độ đạt được đối với các số liệu thống kê liên biên giới then chốt  | Sở Ngoại giao cùng với sự hỗ trợ của các Sở khác và Phòng giám sát và thực hiện chương trình |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>Các giải pháp giảm nghèo</b> |  |  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|                                 | Xây dựng Chương trình giám sát nhằm (a) theo dõi việc thực hiện các sáng kiến liên quan đến giảm nghèo và (b) đánh giá hiệu quả và đề xuất các hành động khắc phục nếu cần   | Sở NN&PTNT cùng với sự hỗ trợ của các Sở khác  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|                                 | Lồng ghép chương trình này thành một hoạt động của Phòng Giám sát và Thực hiện chương trình  | Sở NN&PTNT cùng với sự hỗ trợ của các Sở khác  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |

| hiện  | Bước thực  | Trách nhiệm   | 2012 |    |    |    | 2013 |    | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
|---|--|---|------|----|----|----|------|----|------|------|------|------|------|------|------|
|   |  |   | Q1   | Q2 | Q3 | Q4 | H1   | H2 |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Phát động chương trình thành một hoạt động của Phòng giám sát và thực hiện chương trình như trình bày bên dưới                       | Sở NN&PTNT cùng với sự hỗ trợ của các Sở khác   |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Theo dõi và báo cáo hàng năm và 5-năm phù hợp với hoạt động của Phòng giám sát và thực hiện chương trình                             | Sở NN&PTNT, Phòng giám sát và thực hiện chương trình                                    |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>Giải pháp về Quản lý và Giám sát chương trình hiệu quả</b>                   |  |   |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Thành lập Phòng giám sát và thực hiện chương trình   | Chi cục Thống kê với sự hỗ trợ của các Sở khác  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Phát động các hoạt động của Phòng và sự liên hệ với các cơ quan quan trọng khác của tỉnh   | Chi cục Thống kê  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Xuất bản Báo cáo đầu tiên về hiện trạng thực hiện của tỉnh   | Phòng giám sát và thực hiện chương trình  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Giám sát và xuất bản các Báo cáo hiện trạng thường niên  | Phòng giám sát, thực hiện chương trình với sự hỗ trợ của các Sở/cơ quan khác (Vd: TCC)  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Xuất bản các Báo cáo 5-năm về đánh giá và hiện trạng thực hiện chương trình  | Phòng giám sát và thực hiện chương trình với sự hỗ trợ của các Sở/cơ quan khác (Vd:TCC) |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
| <b>Giải pháp nâng cao kỹ năng và năng lực cho khối cơ quan quản lý nhà nước</b> |  |   |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Xác định đối tượng đào tạo (Cấp Sở và cấp đơn vị thực hiện)  | Lãnh đạo tỉnh (UBND) với đầu vào từ các Sở  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Đánh giá nhu cầu đào tạo của các đối tượng đã được lựa chọn  | Sở GD&ĐT và Sở KHĐT và có khả năng có sự hỗ trợ của bên chuyên gia thứ ba               |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Xây dựng chương trình đào tạo và học tập tổng hợp  | Hỗ trợ từ bên thứ ba với sự giám sát của Sở GD&ĐT và/hoặc Sở KHĐT                       |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Khởi động chương trình đào tạo tổng hợp ban đầu  | Sở GD&ĐT/ Sở KHĐT với sự hỗ trợ của các Sở khác và bên thứ ba                           |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Tiếp tục đánh giá và thực hiện các chương trình đào tạo thường niên tiếp theo  | Sở GD&ĐT/ Sở KHĐT, với đầu vào đến từ các Vụ  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Xác định các yêu cầu về hệ thống Quản lý kiến thức cho tỉnh để bổ sung chương trình đào tạo trên lớp và các chuyên tham quan học tập | Sở GD&ĐT, Sở KHĐT, Sở Truyền thông với sự hỗ trợ của bên thứ ba                         |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Xây dựng và khởi động chương trình quản lý kiến thức   | Bên xây thứ ba xây dựng phần mềm với sự giám sát của Sở GD&ĐT hay Sở KHĐT               |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |
|   | Cập nhật và nâng cấp hệ thống quản lý kiến thức trên cơ sở thường xuyên  | Sở GD&ĐT/ Sở KHĐT, với đầu vào đến từ các Vụ  |      |    |    |    |      |    |      |      |      |      |      |      |      |



## 2.2 Tổ chức thực hiện quy hoạch

Để có những nhận thức đúng đắn về quy hoạch, cũng như phương án quy hoạch đi vào cuộc sống, biện pháp đầu tiên và đóng vai trò vô cùng quan trọng là công tác điều hành, tổ chức thực hiện quy hoạch. Do vậy, ngay sau khi đề án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND tỉnh giao cho các Ban ngành có liên quan trong tỉnh khẩn trương triển khai thực hiện quy hoạch với các nội dung cụ thể sau:

### 2.2.1 Xây dựng cơ chế để thực hiện quy hoạch

- Xây dựng cơ chế chính sách để huy động mọi nguồn lực: giành đầu tư đặc biệt về ngân sách, các nguồn tài chính, các phương tiện vật chất kỹ thuật... tạo điều kiện cho KT-XH của tỉnh phát triển toàn diện, vững chắc.
- Phân công, phân cấp cho các Ban ngành và các huyện thị trong tỉnh được thực hiện một số chức năng quyền hạn ưu tiên về thu hút vốn, về quản lý dân cư, xây dựng cơ bản, nhà đất, các công trình phúc lợi, các công trình văn hoá, nghệ thuật... trên địa bàn.
- Tổ chức hội nghị rộng rãi với các nhà đầu tư để giới thiệu những cụm ngành, ngành, lĩnh vực, khu vực, những công trình, dự án ưu tiên và các chính sách ưu tiên... nhằm thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài.
- Xây dựng quy chế quan hệ giữa tỉnh với các cơ quan, tổ chức Trung ương, với các tỉnh lân cận và giữa các huyện thị trong tỉnh để tăng cường phối hợp, mở rộng các hình thức liên kết, tạo sức mạnh tổng hợp trong việc triển khai thực hiện quy hoạch.
- Hàng năm, UBND tỉnh chủ trì mời các Bộ, ngành có liên quan ở Trung ương kiểm điểm đánh giá việc thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để có kế hoạch điều chỉnh kịp thời.

### 2.2.2 Phổ biến và vận động nhân dân hỗ trợ thực hiện quy hoạch

Quy hoạch chỉ có thể thực hiện thành công khi có sự hưởng ứng của nhân dân, của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Việc phổ biến, giải thích để nhân dân hiểu quy hoạch và hưởng ứng tham gia thực hiện quy hoạch là hết sức quan trọng. Đây cũng là thực hiện quy chế dân chủ của Đảng. Để làm được việc này cần:

- Công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020. Tuyên truyền, thu hút sự chú ý của nhân dân và mở rộng sự hiểu biết về công tác quy hoạch trong cán bộ viên chức, trong dân cư, trong giới kinh doanh và các nhà đầu tư để thực hiện quy hoạch.
- Công khai cho dân biết các lĩnh vực quy hoạch quan trọng như: quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch mặt bằng các khu công nghiệp, khu du lịch, quy hoạch hệ thống đô thị và các khu dân cư tập trung...
- Phổ biến rộng rãi trong nhân dân các ngành, lĩnh vực, lãnh thổ được khuyến khích ưu tiên.
- Cụ thể hóa các nội dung quy hoạch vào các chương trình nghị sự, chương trình làm việc của các cấp ủy, chính quyền cơ sở.

### **2.2.3 Thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch**

Trong quá trình thực hiện sẽ có nhiều vấn đề mới nảy sinh, mà bản thân quy hoạch không thể lường hết được. Hơn thế nữa bản quy hoạch tổng thể không thể bao quát hết được mọi chi tiết của vấn đề. Do vậy cần phải thường xuyên cập nhật, bổ sung và chi tiết hóa quy hoạch. Những việc cần làm là:

- Phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng cơ quan triển khai thực hiện các phần cụ thể của quy hoạch thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của cấp, ngành tương ứng.
- Thường xuyên bổ sung quy hoạch cho phù hợp với diễn biến tình hình quốc tế, tình hình phát triển kinh tế xã hội của đất nước và của tỉnh
- Tiến hành điều tra, đánh giá, cập nhật các tài liệu cơ bản, cụ thể các nguồn tài nguyên làm cơ sở chắc chắn cho NC&PT chi tiết.
- Thực hiện quy hoạch chi tiết có liên quan.

### **2.2.4 Cụ thể hóa quy hoạch thành các kế hoạch 5 năm, hàng năm**

Trong tổ chức thực hiện quy hoạch, vấn đề phân chia giai đoạn để thực hiện là rất quan trọng. Mục đích phân chia giai đoạn là để xác định những bước đi phù hợp cho từng kế hoạch 5 năm. Do vậy việc xây dựng kế hoạch 5 năm cần bám sát các mục tiêu và định hướng phát triển trong quy hoạch. Nội dung của kế hoạch 5 năm phải thể hiện được tư tưởng chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND và cụ thể hóa được các mục tiêu quy hoạch, lấy các mục tiêu quy hoạch làm cơ sở. Đồng thời các kế hoạch hàng năm cũng phải phù hợp với kế hoạch 5 năm.

### **2.2.5 Tăng cường công tác kiểm tra giám sát thực hiện quy hoạch**

Sau khi phê duyệt, quy hoạch phải trở thành văn kiện có tính chất pháp lý làm cơ sở cho các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo triển khai thực hiện, tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch. Các cấp ủy Đảng thông qua hệ thống của mình cần phải có đủ thông tin để kịp thời phát hiện vấn đề và có ý kiến chỉ đạo. Hội đồng nhân dân các cấp đại diện cho nhân dân, tạo điều kiện cho nhân dân tham gia giám sát thực hiện quy hoạch.

### **2.2.6 Phân công thực hiện quy hoạch**

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh phải được tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, có sự phân công trách nhiệm rõ ràng và phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong tỉnh trong quá trình thực hiện. Do vậy sau khi quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND tỉnh cần phân công cụ thể cho các cấp, các ngành trong tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện.

# PHẦN THỨ NĂM

---

**Danh mục viết tắt**

## DANH MỤC VIẾT TẮT

| TT | Viết Tắt | Đầy Đủ  |
|----|----------|---|
| 1  | ADB      | Ngân hàng Phát triển châu Á                   |
| 2  | ASEAN    | Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á              |
| 3  | BPO      | Thuê ngoài Quy trình Nghiệp vụ                |
| 4  | CAGR     | Tăng trưởng Trung bình Cộng gộp Hàng năm      |
| 5  | CDM      | Cơ chế Phát triển sạch                        |
| 6  | CNTT     | Công nghệ thông tin                           |
| 7  | CSHT     | Cơ sở Hạ tầng                                 |
| 8  | FAO      | Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc              |
| 9  | GD-ĐT    | Giáo dục - Đào tạo                            |
| 10 | GDP      | Tổng sản phẩm Quốc nội                        |
| 11 | GDTX     | Giáo dục Thường xuyên                         |
| 12 | GTVT     | Giao thông Vận tải                            |
| 13 | HN - DN  | Hướng nghiệp - dạy nghề                       |
| 14 | IP       | Sở hữu Trí tuệ                                |
| 15 | ITO      | Thuê ngoài công nghệ thông tin                |
| 16 | KCN      | Khu công nghiệp                               |
| 17 | KHCN     | Khoa học và Công nghệ                         |
| 18 | KHĐT     | Kế hoạch và Đầu tư                            |
| 19 | KKT      | Khu kinh tế                                   |
| 20 | KPO      | Thuê ngoài Quy trình Kiến trúc                |
| 21 | LĐTBOXH  | Lao động, Thương binh và Xã hội               |
| 22 | MN       | Mầm non                                       |
| 23 | NC&PT    | Nghiên cứu và Phát triển                      |
| 24 | NGO      | Tổ chức Phi chính phủ                         |
| 25 | NNPTNT   | Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn           |
| 26 | ODA      | Hỗ trợ Phát triển Chính thức                  |
| 27 | PCI      | Chỉ số Năng lực Cạnh tranh Cấp tỉnh           |
| 28 | PDCT     | Phòng Đánh giá, Chuyển giao và Thương mại hóa |
| 29 | QL       | Quốc lộ                                       |
| 31 | TCC      | Tổ Công tác Cụm ngành                         |
| 32 | TH       | Tiểu học                                      |
| 33 | THCS     | Trung học Cơ sở                               |
| 34 | THPT     | Trung học Phổ thông                           |
| 35 | TNMT     | Tài nguyên Môi trường                         |
| 36 | UBND     | Ủy ban Nhân dân                               |
| 37 | UNDP     | Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc         |
| 38 | VCCI     | Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam      |

# PHẦN THỨ SÁU

---

Tài liệu Tham khảo

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Các Ấn phẩm và Báo cáo nghiên cứu

- Ban Điều hành về điều tra dân số và nhà ở toàn quốc “Điều tra dân số và nhà ở của Việt Nam 2009”, 2010.
- Filardo, Mary và Jeff Vincent. "Nghiên cứu về tác động của các cơ sở đối với sinh viên và giảng viên." 2010.
- Trường Kinh doanh Harvard. "Các nền tảng kinh tế vi mô đối với sự thịnh vượng: Kết quả thu được từ Chỉ số cạnh tranh kinh doanh". 2008.
- Viện Chiến lược và chính sách về tài nguyên thiên nhiên và môi trường, Việt Nam và UNDP. “Nghiên cứu tổng quan về nghèo đói và môi trường ở Hà Tĩnh”. 2006.
- Viện Chiến lược và chính sách về tài nguyên thiên nhiên và môi trường, Việt Nam. "Báo cáo đánh giá của Hà Tĩnh về biến đổi khí hậu." 2009.
- Viện nghiên cứu về thép và sắt quốc tế “Thép và Bạn: Số phận của Thép”. 2009.
- Viện Phát triển Nhật Bản” Nghiên cứu kế hoạch phát triển của cửa khẩu giữa Lào và Việt Nam." 2010.
- Bộ Nông Lâm và Thủy sản Nhật Bản"Kế hoạch phát triển Lương thực, Nông nghiệp và hộ trang trại" 2009.
- Oxfam. "Báo cáo tóm tắt – Đánh giá nhanh của Hà Tĩnh." 2010.
- Bộ phận Dân số, Cục Kinh tế và Xã hội, Ban thư ký LHQ. "Triển vọng Dân số Thế giới: Thực trạng năm 2008." 2008.
- Bộ phận Dân số, Cục Kinh tế và Xã hội, Ban thư ký LHQ. "Triển vọng Dân số Thế giới: Thực trạng năm 2008." 2008.
- Porter, Michael. "Khung Kim cương."
- RISI. "Nghiên cứu: Đánh giá ngành kinh doanh bột gỗ quốc tế năm 2011." 2011.
- Robert J., Barro. “Các yếu tố quyết định tăng trưởng kinh tế” 1995.
- Viện nghiên cứu thép và sắt Đông Nam Á. "Kỷ yếu ngành thép năm 2010." 2010.
- Báo cáo cạnh tranh toàn cầu. "Thúc đẩy nền tảng kinh tế vi mô cho sự thịnh vượng: Chỉ số cạnh tranh hiện tại." 2001.
- USAID và Sáng kiến cạnh tranh của Việt Nam. "Chỉ số Cạnh tranh của tỉnh 2009." 2009.
- USAID và Sáng kiến cạnh tranh của Việt Nam. "Chỉ số Cạnh tranh của tỉnh 2010". 2010.
- Cục Đối nội Hoa Kỳ – Điều tra địa chất của Hoa Kỳ "Niên giám khoáng sản Việt Nam 2008" 2010.
- Sáng kiến Cạnh tranh của Việt Nam "Hình thành và thực hiện các nguồn lực lao động: chính sách phát triển cho các doanh nghiệp cấp tỉnh." 2009.

Hiệp hội Thép Thế giới. "Niên giám ngành thép 2009." 2009.

## **Báo cáo của Chính phủ Việt Nam**

Sở LĐT BXH Hà Tĩnh. "Dân số, Việc làm và tình hình thất nghiệp ở Hà Tĩnh" năm 2010

Tổng cục Thống kê. "Niên giám Việt Nam 2009." 2009.

Tổng cục Thống kê. "Điều tra mức sống người dân Việt Nam." 2009.

Văn phòng thống kê Hà Tĩnh. "Niên giám thống kê Hà Tĩnh." năm 2001

Văn phòng thống kê Hà Tĩnh. "Niên giám thống kê Hà Tĩnh." năm 2005

Văn phòng thống kê Hà Tĩnh. "Niên giám thống kê Hà Tĩnh." năm 2009

Văn phòng thống kê Hà Tĩnh. "Niên giám thống kê Hà Tĩnh." năm 2010

Bộ TNMT và UNDP. "Xây dựng tính thích ứng: Các chiến lược thích ứng để đảm bảo sinh kế vùng ven biển trước các tác động của biến đổi khí hậu ở miền Trung Việt Nam." 2010.

Bộ KHĐT. "Kế hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội 2006-2010." 2006.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. "Xây dựng và thực hiện chính sách phát triển lao động và tài nguyên cho doanh nghiệp tỉnh." 2009.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. "Ngành khai khoáng Việt Nam: Cơ hội cho sự tăng trưởng". 2011.

## **Các phương tiện truyền thông và website**

Mạng lưới thông tin châu Á. "Sự nổi sóng của nhu cầu về gỗ sau động đất ở Nhật Bản." 2011. <<http://www.asianewsnet.net/home/news.php?id=17925>> (Accessed May 2011)

Tờ Báo Mới. "Miền Trung Việt Nam: lũ lụt để lại ô nhiễm nặng nề" năm 2010. Địa chỉ trang web <<http://en.baomoi.com/Info/Central-Viet-Nam-flood-leaves-serious-pollution/6/77449.epi>> (Tháng 3 năm 2011)

Tờ Báo Mới. "Nhật Bản mang lại cơ hội tốt cho xuất khẩu dệt may của Việt Nam." năm 2011. Địa chỉ trang web: <[http://en.baomoi.com/Info/Japan-offers-good-opportunity-for-Viet Nams-textile-export/5/139969.epi](http://en.baomoi.com/Info/Japan-offers-good-opportunity-for-Viet-Nams-textile-export/5/139969.epi)> (Tháng 6 năm 2011)

Intellasia News. "Da Nang starts one-stop business licensing." 2007.

Intellasia News. "Kim ngạch xuất khẩu dệt may và may mặc của Việt Nam đạt \$3 tỉ trong Quý 1." 2011. <<http://www.intellasia.net/news/articles/economy/111321924.shtml>> (Accessed June 2011)

Trung tâm xúc tiến đầu tư và thương mại, thành phố Hồ Chí Minh. "ngành chế biến gỗ của Việt Nam trong tình hình bất ổn." 2011. <[http://www.itpc.gov.vn/importers/news/2011-01-04.148333/05/2011-05-31.990444/MISNews\\_view/?set\\_language=en](http://www.itpc.gov.vn/importers/news/2011-01-04.148333/05/2011-05-31.990444/MISNews_view/?set_language=en)> (Accessed June 2011)

Jakarta Globe. "Ngành dệt may châu Á tràn đầy triển vọng." 2009. <<http://www.thejakartaglobe.com/business/asia-textile-industry-showing-promise/333451>> (Accessed May 2011)

Reuters. "Cavico ký hợp đồng dọn lớp bề mặt tại mỏ quặng sắt Thạch Khê." 2009. <<http://www.reuters.com/article/2009/10/29/idUS189337+29-Oct-2009+BW20091029>> (Accessed March 2011)

Trading Economics. "GDP trên đầu người của Việt Nam theo giá cả hiện giờ" 2011. <<http://www.tradingeconomics.com/Viet Nam/gdp-per-capita-at-current-prices-imf-data.html>> (Accessed April 2011)

Viet Nam Business News. "Sản phẩm gỗ đạt 3.3 tỉ USD kim ngạch xuất khẩu." 2011. <<http://VietNambusiness.asia/timber-products-earn-3-3b-in-exports/>> (Accessed June 2011)

Viet Nam Business News. "Các nhà máy chế biến gỗ hình thành các hiệp hội." 2011. <<http://VietNambusiness.asia/wood-processing-plants-urged-to-join-associations/>> (Accessed June 2011)

Viet Nam Business News. "Sản phẩm gỗ của Việt Nam được xuất đi toàn cầu." 2011. <<http://VietNambusiness.asia/Viet Nameese-wood-products-go-global/>> (Accessed June 2011)

Viet Nam Net Bridge. "Số lượng người truy cập internet khiến các nhà cung cấp dịch vụ đau đầu." 2010. <<http://www.apecdoc.org/trackbacks/14/8970>> (Accessed March 2011).